

ALVIN VÀ HEIDI
TOFFLER

CHIẾN TRANH và CHỐNG CHIẾN TRANH

SỰ SỐNG CÒN CỦA LOÀI NGƯỜI
Ở BUỔI BÌNH MINH CỦA THẾ KỶ XXI

(Sách tham khảo)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC XÃ HỘI

**Alvin and Heidi
TOFFLER**

WAR and ANTI-WAR

**Survival at the dawn
of the 21st century**

**Little, Brown and Company
Boston • New York • Toronto • London
1993**

ALVIN và HEIDI TOFFLER

CHIẾN TRANH VÀ CHỐNG CHIẾN TRANH

**Sự sống còn của loài người
ở buổi bình minh của thế kỷ XXI**

(SÁCH THAM KHẢO)

Tham gia dịch : NGUYỄN VĂN TRUNG
NGUYỄN THỊ KHÁNH
ĐOÀN NGỌC THANH

Hiệu đính : NGUYỄN VĂN DÂN

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 1995**

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tiếp theo các cuốn sách đã gây nhiều sự chú ý của dư luận : *Cú sốc tương lai, Làn sóng Thứ ba, Thắng trăm quyền lực*, gần đây Alvin và Heidi Toffler lại cho ra mắt bạn đọc cuốn **Chiến tranh và chống chiến tranh. Sự sống còn của loài người ở buổi bình minh của thế kỷ XXI** . Cho đến nay, đây là một bộ gồm bốn cuốn sách trong mạch tư duy, lập luận cơ bản trong cách đặt vấn đề, nội dung " khám phá" và đưa ra những dự báo cho tương lai nhân loại của hai nhà tương lai học nổi tiếng của giai cấp tư sản Mỹ.

Với cách viết và lý giải vấn đề khá độc đáo, trên cơ sở một số sự kiện đã và đang diễn ra trên thế giới, các tác giả cuốn sách đã dự báo về một vấn đề hết sức quan trọng của xã hội loài người : Vấn đề chiến tranh và hoà bình trong thế kỷ XXI.

Trên cơ sở lý luận về " Ba làn sóng văn minh", Alvin và Heidi Toffler khẳng định rằng loài người đang bước vào giai đoạn " Làn sóng Thứ ba", trong đó tin học sẽ đóng vai trò chủ đạo, tác động vào mọi tiến trình vận động của sự vật nói chung và chiến tranh nói riêng. Các tác giả đã dự báo về những vấn đề cơ bản của chiến tranh trong tương lai như : Hệ thống chiến lược ; phương pháp tiến hành ; vấn đề con người ; những loại vũ khí mới, v. v., với sự hấp dẫn đặc biệt.

Tuy nhiên, cũng như ba cuốn trước, trong quan điểm và cách lý giải của các tác giả còn nhiều vấn đề cần phải tranh luận bởi tính khách quan khoa học của các lập luận đó, nhất là xét trên

quan điểm và phương pháp luận mác xít. Song với mục đích muốn cung cấp thêm cho bạn đọc một số thông tin nghiên cứu, tham khảo, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia phối hợp với Viện Thông tin khoa học xã hội dịch và xuất bản cuốn sách trên của Alvin và Heidi Toffler. Cuốn sách do Nhà xuất bản Brown Little và Công ty ấn hành cuối năm 1993.

Xin giới thiệu cuốn sách với tinh cách một tư liệu tham khảo cùng bạn đọc và rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các bạn.

Tháng 7 năm 1995

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LỜI NÓI ĐẦU

Cuốn sách này viết về chiến tranh và chống chiến tranh trong tương lai. Nó dành cho em bé ở Bôxnia, một nửa bộ mặt của em bị chất nổ xé nát, và dành cho mẹ của em đang ngược đời mắt ngây dại nhìn trân trân vào những gì còn sót lại. Nó cũng dành cho tất cả những người vô tội ngày mai sẽ bị giết và chết vì những lý do họ không hiểu. Nó là một cuốn sách viết về hoà bình, có nghĩa là một cuốn sách về chiến tranh trong những điều kiện mới đáng ngạc nhiên mà chúng ta đang tạo ra trong khi cùng chạy đua vào một tương lai xa lạ.

Một thế kỷ mới đang trải ra trước mắt chúng ta, một thế kỷ trong đó hàng loạt người có thể thoát khỏi nạn đói, trong đó sự tàn phá của ô nhiễm trong kỷ nguyên công nghiệp có thể bị thủ tiêu và một nền công nghệ sạch hơn được tạo ra để phục vụ loài người, trong đó một sự đa dạng phong phú hơn của văn hoá và của các dân tộc có thể tham gia vào việc định hướng cho tương lai và trong đó nạn dịch chiến tranh có thể bị chặn lại.

Nhưng thay vào đó chúng ta dường như đang chìm ngập vào một thời đại đen tối mới của sự căm thù chủng tộc, của nỗi đau toàn hành tinh, và chiến tranh nối tiếp chiến tranh. Việc chúng ta giải quyết như thế nào sự đe dọa bùng nổ vũ lực ở qui mô lớn sẽ quyết định việc trẻ em của chúng ta sẽ sống hoặc chết ra sao.

Tuy nhiên, cũng giống như nhiều quân đội, nhiều loại vũ khí trí tuệ nhằm tạo ra hoà bình lại lỗi thời một cách vô vọng. Sự

khác nhau là những quân đội này trên khắp thế giới đang chạy đua để đáp ứng những thực tế của thế kỷ XXI. Ngược lại việc tạo lập hoà bình lại tiến triển chậm chạp và đang muốn áp dụng những phương pháp chỉ thích hợp với quá khứ xa xưa.

Luận đề của cuốn sách này là rõ ràng, nhưng vẫn còn ít được hiểu rõ: cách chúng ta tiến hành chiến tranh phản ánh cách chúng ta làm ra của cải, và cách chúng ta chống chiến tranh phải phản ánh cách chúng ta gây chiến tranh.

Đối với những ai trong chúng ta còn may mắn được sống trong hoà bình thì không có đề tài nào dễ bị bỏ quên hơn. Nói cho cùng thì mỗi chúng ta đều có những cuộc chiến tranh riêng để tồn tại: kiếm sống, chăm sóc gia đình, chiến đấu với bệnh tật. Dường như những thực tế cấp bách ấy làm cho chúng ta bận tâm. Tuy nhiên, việc chúng ta phải tiến hành những cuộc chiến thời bình của bản thân như thế nào, việc chúng ta sống hằng ngày ra sao, đều chịu ảnh hưởng sâu sắc của những cuộc chiến tranh thực tế hay tưởng tượng của hiện tại, quá khứ và tương lai.

Những cuộc chiến tranh ngày nay đang làm tăng hoặc hạ giá đầu ở trạm bơm, thực phẩm ở siêu thị, cổ phiếu ở thị trường chứng khoán. Chúng tàn phá sinh thái, len lỏi vào phòng ở của chúng ta qua màn ảnh vô tuyến.

Những cuộc chiến tranh quá khứ đã vượt qua thời gian và tác động đến cuộc sống của chúng ta ngày nay. Máu tuôn thành thác ở các thế kỷ trước gây ra những hậu quả ngày nay đã bị lãng quên, những thi thể bị đốt cháy, bị bêu lên cọc, bị xé nát hay tan vào côi hư vô, trẻ em bị đói, bụng ỏng và chân tay gầy như que củi, tất cả đã định hướng cho thế giới chúng ta đang sống ngày nay. Chỉ nêu một thí dụ đơn thuần ít người để ý, đó là việc những cuộc chiến tranh diễn ra hàng ngàn năm trước đây đã dẫn đến sự phát minh ra hệ thống cấp bậc cai trị dây chuyền - một hình thức quyền lực quen thuộc đối với hàng triệu công chức ngày nay. Ngay cả những cuộc chiến tranh tương lai- dù là đã nằm trong kế hoạch

hay chỉ mới được tưởng tượng - cũng có thể khéo léo chiếm được tiền thuế của chúng ta ngày nay.

Không có gì đáng ngạc nhiên là những cuộc chiến tranh tưởng tượng đang bám chặt lấy trí não chúng ta. Những hiệp sĩ, những chiến binh samurai, những người lính Thổ, những kỵ binh nhẹ, các tướng lĩnh chính qui đều lần lượt đi qua những trang sử và qua những ngõ ngách của bộ óc chúng ta. Văn học, hội họa, điêu khắc và phim ảnh đang mô tả sự kinh hoàng, chủ nghĩa anh hùng hay sự nan giải về đạo đức của chiến tranh, dù là chiến tranh thực tế hay không tưởng.

Nhưng trong khi chiến tranh thực tế, tiềm ẩn và lây lan, đang định hướng cho sự tồn tại của chúng ta, còn có một thực tế trái ngược hoàn toàn bị lãng quên. Bởi vì mỗi cuộc sống của chúng ta cũng có thể được định hình bởi những cuộc chiến tranh *không* có đánh nhau, chúng được ngăn chặn vì "chống chiến tranh" đã thắng.

Tuy nhiên, chiến tranh và chống chiến tranh hoặc không phải là đối lập nhau, hoặc là đối lập nhau. Chống chiến tranh không thể chỉ tiến hành bằng những bài diễn văn, cầu nguyện, biểu dương lực lượng, tuần hành và những hàng rào biểu tình kêu gọi hoà bình. Quan trọng hơn, chống chiến tranh còn bao gồm những hành động của chính khách và thậm chí của ngay cả bản thân người lính để tạo ra những điều kiện ngăn chặn hoặc giới hạn sự mở rộng của chiến tranh. Trong một thế giới phức tạp, đã có lúc bản thân chiến tranh trở thành công cụ để ngăn chặn một cuộc chiến tranh lớn hơn, khủng khiếp hơn. Chiến tranh với tư cách là chống chiến tranh.

Ở đỉnh cao nhất, chống chiến tranh bao gồm cả việc áp dụng một cách có chiến lược sức mạnh quân sự, kinh tế và thông tin để giảm bớt bạo lực thường đi liền với sự thay đổi trên sân khấu thế giới.

Ngày nay, khi thế giới chuyển động thoát ra khỏi thời đại công nghiệp đi vào một thế kỷ mới, nhiều cái chúng ta biết về cả chiến tranh lẫn chống chiến tranh đều lỗi thời một cách nguy hại. Nền kinh tế mới mang tính cách mạng dựa vào tri thức nhiều hơn là dựa vào nguyên liệu và lao động cơ bắp truyền thống. Sự thay đổi đáng chú ý này trong nền kinh tế thế giới đang kéo theo một cuộc cách mạng tương tự về bản chất của chiến tranh.

Cho nên, mục đích của chúng tôi không phải là răn dạy về cái điều đáng căm ghét của chiến tranh. Một số độc giả có thể cho sự vắng mặt của thái độ răn dạy chính là sự vắng mặt của thái độ đồng cảm với nạn nhân của chiến tranh. Có nghĩa là họ cho rằng những tiếng kêu đau thương và giận dữ là đủ để ngăn chặn bạo lực. Chắc chắn là đã có đủ tiếng kêu đau thương và đủ sự căm giận trên thế giới. Nếu chúng đủ để tạo ra hoà bình, thì vấn đề của chúng ta đã được giải quyết. Điều đang còn thiếu không phải là biểu lộ xúc động hơn nữa, mà cần có một sự hiểu biết mới về những mối quan hệ giữa chiến tranh và một xã hội đang thay đổi nhanh chóng.

Chúng tôi tin rằng sự sáng suốt mới đó có thể đem lại một căn cứ tốt hơn cho hành động của cộng đồng thế giới. Không phải một đội quân có sức đề hạp, một sự can thiệp sau khi xảy ra sự việc mà là một hành động phòng ngừa có ý thức về tương lai dựa trên hiểu biết về một hình thái mà chiến tranh tương lai có thể có. Ở đây không phải chúng tôi đưa ra một liều thuốc bách bệnh. Thay vào đó, chúng tôi đưa ra một cách tư duy mới về chiến tranh. Chúng tôi tin rằng điều đó có thể là một đóng góp khiêm tốn cho hoà bình, vì một cuộc cách mạng trong chiến tranh cũng đòi hỏi một cuộc cách mạng trong sự nghiệp hoà bình.

Chống chiến tranh phải phù hợp với chiến tranh mà nó định ngăn chặn.

Phần Một

XUNG ĐỘT

1

CUỘC GẶP GỠ BẤT NGỜ

Đầu mới bắt đầu bằng một cú điện thoại bất ngờ, một cuộc gặp gỡ ban đêm tại một khách sạn gần Washington, và một viên tướng quân đội Hoa Kỳ mặc thường phục. Chúng tôi chưa từng gặp ông trước đây và không rõ tại sao ông muốn tiếp xúc với chúng tôi. Chúng tôi đã không hề có ý định viết ra những trang này.

Hồi 7 giờ 30 tối ngày 12-4-1982, một người đàn ông thấp, mảnh dẻ, nước da nâu sẫm bước ra khỏi thang máy khách sạn Quality Inn gần Lầu Năm Góc rồi tôi gặp chúng tôi. Ông ta tự giới thiệu là Don Morelli. Sinh trưởng trong một gia đình Italia di cư sang Pennsylvania, ông đã tốt nghiệp Trường sĩ quan West Point và đã tham gia chỉ huy các đội quân chiến đấu ở đồng bằng sông Cửu Long Việt Nam. Nhưng, chẳng bao lâu chúng tôi sớm phát hiện, cuộc chiến quan trọng nhất trong cuộc đời ông ta còn đang ở phía trước.

Người ta thường kết tội rằng giới quân sự suốt đời chỉ chuẩn bị cho chiến tranh. Nhờ Don Morelli, đêm hôm đó chúng tôi biết rằng lời kết tội đó cũng có thể dành cho các nhà trí thức, các chính khách và những người phản đối chiến tranh, những người tuyên bố đấu tranh cho hoà bình. Thực tế là nhiều cái ngày nay được nói hay viết công khai về cả chiến tranh lẫn hoà bình đều đã lỗi thời. Chúng được quan niệm bằng các phạm trù của chiến tranh lạnh, và điều tồi tệ hơn, chúng đã đông cứng trong đầu óc của kỷ nguyên ống khói.

Don Morelli bắt đầu cuộc nói chuyện bằng tin về một nhóm tướng Mỹ đang bận rộn đọc cuốn sách xuất bản năm 1980 của chúng tôi, nhan đề *Làn sóng Thứ ba*. Cuốn sách lập luận rằng cuộc cách mạng nông nghiệp 10.000 năm trước đây tung ra làn sóng thứ nhất về sự biến đổi trong lịch sử loài người ; rằng cuộc cách mạng công nghiệp 300 năm trước làm bùng ra làn sóng thay đổi thứ hai, và rằng ngày nay chúng ta đang cảm nhận tác động của làn sóng thay đổi thứ ba.

Mỗi một làn sóng thay đổi mang lại cùng với nó một nền văn minh mới. Cuốn sách đề xuất rằng, ngày nay chúng ta đang trong quá trình phát minh ra nền văn minh Làn sóng Thứ ba có tính cách mạng cùng với nền kinh tế, hình thái gia đình, phương tiện thông tin đại chúng và chính trị riêng của nó.

Tuy nhiên, tác phẩm trên hầu như không nói gì đến chiến tranh. Vậy thì chúng tôi muốn biết, tại sao các tướng lĩnh của chúng ta lại nhận được chỉ thị nghiên cứu tác phẩm ấy?

TỪ SỨC MẠNH CÓ BẮP ĐẾN SỨC MẠNH TRÍ ÓC

Morelli giải thích lý do của sự việc nói trên là những lực lượng đang biến đổi nền kinh tế và xã hội chúng ta cũng là những lực lượng đang sắp làm biến đổi cả chiến tranh. Hầu như không được thể giới bên ngoài biết đến, nhóm được lập ra để hoạch định hoạt động quân sự mang tính cách mạng của tương lai.

Ông cho chúng tôi biết là nhóm này do thủ trưởng của ông phụ trách - một vị tướng quê ở Kansas, tên là Donn A. Starry, nhóm phải quan niệm lại chiến tranh bằng các thuật ngữ của "Làn sóng Thứ ba", phải huấn luyện binh sĩ sử dụng đầu óc và chiến đấu theo một cách mới, và phải xác định những vũ khí cần thiết. Công việc của Morelli là "học thuyết". Quả thực nhiệm vụ

của ông là đề ra học thuyết quân sự cho thế giới Làn sóng Thứ ba.

Chúng tôi nói chuyện nhiều giờ, đề cập đến nhiều chuyện, từ trò chơi video đến sự phân quyền đoàn thể, từ ranh giới của công nghệ đến triết lý thời gian. Ông nói, tất cả những thứ đó đều liên quan đến việc quan niệm lại chiến tranh.

Sau bữa ăn tối, Morelli đưa chúng tôi lên phòng của ông ở trên gác, nơi đây đặt hai đèn chiếu ảnh. Đây vẫn là bản chỉ dẫn tường tận mà ông đã từng nêu trước đây với George Bush khi ông này còn là Phó Tổng thống Hoa Kỳ. Hàng giờ trôi nhanh trong khi chúng tôi xem chiếu ảnh và đặt các câu hỏi cho Morelli.

Đáng phải nhớ lại là điều này đã xảy ra gần 10 năm trước khi thuật ngữ "quả bom thông minh" trở thành bộ phận từ vựng của thế giới. Giới quân sự Mỹ vẫn còn nản lòng vì thất bại của họ ở Việt Nam. Nhưng đầu óc của Morelli nghĩ về tương lai chứ không về quá khứ và những điều chúng tôi được xem trong căn phòng của ông chính là cuộc duyệt trước đáng kinh ngạc về điều mà toàn thế giới nhìn thờ theo dõi trên đài CNN một thập kỷ sau trong suốt thời kỳ chiến tranh Vùng Vịnh.

Trên thực tế, những gì chúng tôi được xem đã vạch ra những điều chỉ dẫn mà đến tận bây giờ công luận thế giới vẫn chưa hiểu, một sự biến đổi quyền lực quân sự mà chỉ có thể hiểu được khi chúng tôi trình bày trong những chương tiếp theo sự song hành đáng chú ý giữa nền kinh tế đang xuất hiện của tương lai và bản chất thay đổi nhanh chóng của bản thân chiến tranh, cái này lại thúc đẩy nhịp độ thay đổi của cái kia.

Nói một cách đơn giản: trong khi chúng ta đang chuyển từ kinh tế sức mạnh cơ bắp sang kinh tế sức mạnh trí óc, thì nhất thiết chúng ta cũng sáng tạo ra cái chỉ có thể gọi là "chiến tranh bằng sức mạnh trí óc".

Don Morelli đã đưa ra những ý kiến đáng chú ý. Vấn đề lớn nhất của giới quân sự Mỹ là gì? Nó cho phép công nghệ chi phối chiến lược chứ không để chiến lược quyết định công nghệ. Sau Việt Nam, sự biến đổi quan trọng nhất trong chiến tranh là gì? Vũ khí có điều khiển chính xác. Vấn đề lớn nhất cho các nền dân chủ trong tương quan với quân sự là gì? Quân đội dân chủ không thể thắng chiến tranh mà không có sự ủng hộ của dân chúng, một sự đồng tình ở hậu phương quân đội. Nhưng khủng hoảng ngày nay có thể phát sinh nhanh hơn sự hình thành thái độ nhất trí. Có thể tránh được chiến tranh hạt nhân không? Có. Nhưng không phải bằng cách chinh thống. Tại sao ông lại quan tâm đến những đoạn mà chúng tôi viết về triết lý thời gian? Vì quân đội phải chuyển từ định hướng không gian sang định hướng thời gian. Giờ đây Morelli đã thực hiện xong nhiệm vụ trí tuệ xuất sắc của mình.

Các nhà tâm thần học gọi một vài từ cuối cùng do một bệnh nhân nói ra sau một đợt điều trị là "sự rò rỉ". Và họ nói rằng, sự rò rỉ thường quan trọng hơn tất cả phần thời gian còn lại. Trong khi chúng tôi đứng ở lối đi đang cố gắng tìm nghĩa của điều mà chúng tôi vừa nghe được, thì Morelli ném ra quả bom của riêng mình.

Bây giờ ông mới thổ lộ: "Tôi đã 49 tuổi và tôi sắp chết vì ung thư" - Ông ngừng lời.

Sau đó bằng lời kết thúc thể hiện sự tự đánh giá thận trọng và lâu dài, ông tuyên bố: "Tôi sẽ coi đó là sự hoàn thành sứ mệnh của đời tôi nếu học thuyết tôi vừa phác thảo với các bạn đêm nay sẽ được Mỹ và đồng minh thực hiện".

Dù tốt hay xấu - hoặc vì cả hai, thì sứ mệnh cuộc đời Morelli cũng đã được hoàn thành vượt mức yêu cầu.

DẰNG SAU NHỮNG TRUYỀN TRANH BIẾM HOẠ

Cuộc gặp gỡ đầu tiên nói trên dẫn đến các cuộc gặp sau này tại Washington và tại Pháo đài Monroe thuộc bang Virginia. Hình mẫu Don Morelli mà chúng tôi biết không phù hợp với khuôn mẫu đúc sẵn của người lính. Đặc biệt các nhà trí thức có xu hướng vẽ biếm họa những người trong quân đội như một kẻ cục súc hay hoàn toàn ngớ ngẩn. Hãy tưởng tượng những truyền tranh biếm họa chính trị mô tả những tướng lĩnh ngục uồn đeo dây huân huy chương, khuôn mặt dần dần. Hãy hình dung bài hát châm biếm của Gilbert và Sullivan *Tôi chính là hình mẫu của thiếu tướng hiện đại*, hoặc như ngài đô đốc Hải quân trong bài hát *H.M.S Pinafore* tuyên bố rằng "Tôi nghĩ rất ít nhưng họ vẫn thường cho tôi bằng cách giao cho tôi cai trị Hải quân của Nữ hoàng!"

Dù cho những hình ảnh hài hước ấy đã có hoặc vẫn còn đang có cơ sở thực tế ở một số nước, thì chúng cũng không áp dụng được đối với Don Morelli hay với những sĩ quan khác mà ông giới thiệu sau đó. Trên thực tế, Morelli là một trí thức mặc quân phục. Một nhân vật "có địa vị cao", ông ưa thích suy nghĩ. Ông cũng toả ra sự nhiệt tình dường như không phải để tìm yếu điểm của người khác, mà là tìm sự hòa nhã. Ông sẵn có óc châm biếm nhưng không bao giờ vượt ra ngoài phạm vi những câu chuyện đùa của người Italia. Ông học vẽ tranh sơn dầu ở một sĩ quan khác, đôi lại ông dạy người ấy đánh cờ. Ông yêu thích âm nhạc cổ điển và cả Stan Getz, nhưng lại là một ca sĩ tồi. Ông đọc nhiều thứ, từ khoa học viễn tưởng đến lịch sử và tiểu sử. Một viên tướng Mỹ khác mà sau này chúng tôi gặp đã gọi Morelli là "người Italia thời Phục hưng" của chúng ta.

Suy đến cùng, Don Morelli là một người nghiêm túc trong một công việc nghiêm túc nhất, và ông biết điều đó. Nhưng ông

lại thấy vui vì được như vậy. Ông là một người đang chết, nhưng ông vẫn còn sống.

Lần cuối chúng tôi gặp ông thật đau lòng. Ông đã mời chúng tôi đến Pháo đài Monroe để gặp người thay ông. Lý do đã quá rõ ràng. Hôm đó là một ngày tháng 2-1984, sau bữa ăn trưa do Patti, vợ ông chuẩn bị, và cùng ăn với nhiều sĩ quan trong đội làm việc. Morelli tiễn chúng tôi ra xe. Chúng tôi đứng riêng bên nhau một lát. Ông nói: "Các bác sĩ cho biết tôi chỉ còn sống từ hai đến sáu tháng nữa và quân đội đang cho tôi nghỉ hưu. Tôi đánh giá cao sự quen biết của chúng ta và tiếc không còn cơ hội để phát triển nó hơn nữa". Chúng tôi nói với ông rằng bản thân chúng tôi rất quý trọng giây phút được làm việc với ông. Thế rồi, ông mở cửa xe và vẫy tay chào từ biệt lần cuối trong khi viên trung sĩ lái xe đưa chúng tôi về.

Những cuộc gặp gỡ ấy, trước tiên với Don Morelli, sau đó với Donn Starry và những người khác, cuối cùng khiến chúng tôi hiểu rõ về vai trò của chiến tranh trong công việc của con người, đó là cái gây ấn tượng nhất, bị thấm nhất, có tầm quan trọng sâu xa nhất của quá trình xã hội.

Nếu chiến tranh đã từng quá quan trọng nên không thể phó mặc nó cho các vị tướng, thì giờ đây nó cũng quá quan trọng nên không thể phó mặc nó cho những kẻ ngu dốt - dù họ có mặc quân phục hay không. Điều đó cũng áp dụng, thậm chí còn quyết liệt hơn, cho cả chống chiến tranh.

2

KẾT THÚC TRẠNG THÁI SAY SÚA

Nếu được hỏi đã có những cuộc chiến tranh nào xảy ra từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, thì những người thạo tin ắt phải hơi bối rối kể ra cuộc Chiến tranh Triều Tiên (1950-1953), Chiến tranh Việt Nam (1957-1975), Chiến tranh Ả-rập - Ixraen (1967, 1973, 1982), Chiến tranh Vùng Vịnh (1990 - 1991) và có lẽ còn nhiều nữa.

Tuy nhiên, ít người biết rằng, tùy theo cách tính của chúng ta, đã có chừng 150 đến 160 cuộc chiến tranh và xung đột nội chiến diễn ra khắp trái đất kể từ khi có "hoà bình" năm 1945. Người ta còn ước tính có 7,2 triệu binh sĩ bị chết trong quá trình này. Đó là chỉ riêng số tử vong- không kể số bị thương, bị tra tấn hoặc què cụt. Con số đó cũng không bao gồm một số lớn dân thường bị chết. Hoặc những người bị chết sau trận chiến.

Mĩa mai thay, trong suốt cả cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất, số lượng binh sĩ bị giết chỉ lớn hơn không đáng kể : khoảng 8,4 triệu. Điều đó thật đáng ngạc nhiên, có nghĩa là tính theo số người chết trận, kể cả cho phép dung sai lớn, thì thế giới kể từ năm 1945 đã chiến đấu gần tương đương với Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Khi tính cả số dân thường chết, tổng số lên tới con số rất lớn : 33 đến 40 triệu - ở đây vẫn không tính số người bị thương, bị cướp bóc, bị mất chỗ ở, bị bệnh tật hay đói nghèo.

Người ta đã bắn súng, đâm chém, ném bom, thả hơi độc, và giết hại nhau bằng nhiều cách khác ở Burundi và Bôlivia, Síp và Xrilanca, Madagaxca và Maroc. Ngày nay có khoảng 200 nước là thành viên của Liên hợp quốc. Và chiến tranh đã được tiến hành tại hơn 60 nước thành viên. Viện nghiên cứu hoà bình quốc tế Stockholm tính rằng chỉ riêng trong năm 1990 đã có 31 cuộc xung đột vũ trang.

Trên thực tế, trong 2340 tuần lễ kể từ năm 1945 đến năm 1990, trái đất chỉ có 3 tuần lễ thực sự không có chiến tranh. Nếu gọi những năm từ năm 1945 đến nay là kỷ nguyên "sau chiến tranh" thì tức là trộn lẫn bị kịch với sự mỉa mai.

Nếu nhìn lại tất cả sự tàn bạo khủng khiếp này, chúng ta sẽ phát hiện ra một hình mẫu rõ rệt.

KHOẢN TIỀN BẢO HIỂM 1000 TỶ ĐÔ LA

Ngày nay rõ ràng là sự bế tắc Xô-Mỹ về hạt nhân trong vài thập kỷ qua thực tế đã phục vụ cho việc ổn định thế giới sau những năm 50. Với sự phân chia các nước thành hai phe rõ rệt, mỗi nước ít nhiều đều biết chỗ thích hợp của mình trong hệ thống toàn cầu. Từ những năm 60 trở đi, hậu quả của chiến tranh trực tiếp giữa các siêu cường hạt nhân là "sự huỷ diệt lẫn nhau một cách chắc chắn". Kết quả là trong khi các cuộc chiến tranh nóng tàn phá ở Việt Nam, Iran/Irắc, Campuchia, Ănggôla, Êtiôpia hoặc ở những nơi xa xôi hơn thuộc thế giới thứ ba, thì chúng đã không được diễn ra trên lãnh thổ của những cường quốc chủ yếu và chẳng bao giờ là trọng tâm của sự tồn tại kinh tế của những cường quốc này.

Trong những năm gần đây, gần 1000 tỷ đôla đã được tiêu vào mục đích quân sự hằng năm, chủ yếu của các siêu cường và đồng minh của họ. Có thể coi khoản tiền khổng lồ này là "tiền bảo hiểm" do các siêu cường trả để giữ cho chiến tranh nóng khỏi tràn vào biên giới của họ.

Hai siêu cường Mỹ và Liên Xô cũ rõ ràng đã tiếp sức cho một số cuộc chiến tranh do các khách hàng, các nước đại diện, các nước chư hầu, hay đồng minh của họ tiến hành, cung cấp cho các nước đó vũ khí, sự giúp đỡ và hệ tư tưởng. Nhưng có lẽ hai siêu cường này cũng thường hành động với tư cách là siêu sen đầm - tức là họ dập tắt những cuộc xung đột giữa các nước lệ thuộc, dàn xếp hoặc làm dịu các tranh chấp địa phương và nói chung là giữ cho các nước cùng phe không rơi bỏ hàng ngũ trước những nguy cơ của sự leo thang hạt nhân không giới hạn.

Năm 1983, trong cuốn sách lấy tên là *Tiền duyệt và tiền dề*, chúng tôi đã chỉ ra rằng một ngày nào đó con em chúng ta nhìn lại cuộc tranh giành lớn trên thế giới giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội với vẻ thích thú và bẽ trên - y như cái cách ngày nay chúng ta nhìn lại trận đánh nhau giữa người Guelphs và người Ghibellines trong các thế kỷ XIII và XIV. Ngày nay thuật ngữ "Chiến tranh lạnh" nghe đã có vẻ lạ tai. Từ năm 1991, Liên Xô chỉ còn là một kỷ ức tiêu tan và cùng với nó, cấu trúc quân sự hai phe do hai siêu cường đặt ra trên thế giới đã bị sụp đổ. Những gì xảy ra tiếp theo thật là khác thường.

CHẾ ĐỘ NÔ LÊ VÀ SỰ THÁCH ĐẤU

Việc đáp lại đầu tiên cho sự tan vỡ khuôn khổ chiến tranh lạnh là một ca có hại về trạng thái say sưa tập thể.

Trong gần nửa thế kỷ, đồng hồ ngày tận thế làm thế giới phải nín thở. Cho nên, chúng ta dễ dàng hiểu được niềm vui vô tư chào đón sự kết thúc chiến tranh lạnh được tượng trưng bằng bức

tường Berlin sụp đổ. Các chính khách thông thường vẫn tỏ ra điềm tĩnh nay cũng ngợi ca một kỷ nguyên hoà bình được xem như là bao trùm lên chúng ta. Các chuyên gia viết về "hoà bình đang bùng nổ". Một khoản "lãi hoà bình" đang chờ đón. Đặc biệt các nền dân chủ sẽ không bao giờ đánh lẫn nhau. Một số nhà tư tưởng thậm chí còn mạnh dạn đưa ra ý kiến cho rằng chiến tranh sẽ sớm gia nhập vào thời kỳ nô lệ và thách đấu trong bảo tàng của những điều phi lý lỗi thời.

Đó không phải là lần xuất hiện đầu tiên của chủ nghĩa lạc quan tếu. H.G. Wells năm 1914 đã viết : "Không có gì rõ ràng hơn đối với con người đầu thế kỷ XX là việc chiến tranh sẽ nhanh chóng trở thành điều không thể có được". Than ôi, nó chẳng rõ ràng gì đối với hàng triệu sinh mạng chẳng bao lâu đã bị chết trong các đường hào của Chiến tranh thế giới thứ nhất - "một cuộc chiến tranh kết thúc mọi cuộc chiến tranh".

Rồi khi chiến tranh ấy qua đi, những điều dự đoán kiểu Pollyannaish¹ một lần nữa lại dấy về lạc quan, và đến năm 1922 các cường quốc lớn bấy giờ long trọng thoả thuận đánh chìm nhiều tàu chiến của mình để giảm bớt cuộc chạy đua vũ trang.

Năm 1928, Henry Ford tuyên bố rằng: "Con người đang trở nên quá thông minh nên không thể để xảy ra một cuộc chiến tranh lớn khác nữa". Năm 1932, sự hăng hái ủng hộ công cuộc giải trừ quân bị đã dẫn Tổng thống Hoa Kỳ Herbert Hoover đi đến chỗ nói về sự cần thiết phải giảm "gánh nặng vũ khí quá lớn ngày nay đang đè nặng lên vai người lao động trên thế giới". Ông nói mục tiêu của ông là "tất cả xe tăng, chiến tranh hoá học và tất cả các loại pháo tự hành cùng tất cả máy bay ném bom đều cần phải được huỷ bỏ".

1 Pollyannaish : một nhân vật lạc quan tếu trong cuốn tiểu thuyết của F. Poole - N.D.

Bảy năm sau sự việc trên. Chiến tranh thế giới thứ hai, một cuộc chiến tranh huỷ diệt lớn nhất trong lịch sử loài người đã nổ ra. Khi cuộc chiến này kết thúc năm 1945 với nỗi kinh hoàng về hạt nhân của Hiroshima và Nagasaki, thì Liên hợp quốc được thành lập và một lần nữa thế giới lại nhanh chóng rơi vào một ảo tưởng rằng hoà bình bền vững đã ở trong tầm tay - cho tới khi cuộc chiến tranh lạnh và cuộc chạy đua hạt nhân bắt đầu.

CẠNH TRANH DẪN ĐẾN KÉO CÒ SÚNG

Tiếp sau sự tan vỡ của Liên Xô, những điều dự đoán về một nền hoà bình lâu dài một lần nữa lại vang lên và một lý thuyết mới (thực tế là một lý thuyết cũ có vỏ bọc mới) bỗng nhiên trở thành thời thượng. Một dân đông ca ngày càng lớn của các nhà trí thức phương Tây và nhất là các nhà trí thức Mỹ, bắt đầu lý luận rằng hình thù của tương lai chủ yếu sẽ do chiến tranh kinh tế, chứ không phải chiến tranh quân sự, quyết định.

Đầu năm 1986, trong cuốn *Sự ra đời của quốc gia thương mại*, Richard Rosecrance của Trung tâm quan hệ quốc tế thuộc trường Đại học California, Los Angeles, khẳng định rằng, các quốc gia đang trở nên tương thuộc về kinh tế đến mức làm giảm đi xu hướng đánh nhau. Ngày nay, thương mại chứ không phải quân sự là con đường dẫn đến quyền lực thế giới. Năm 1987, Paul Kennedy cũng đặt sức mạnh quân sự và kinh tế đối lập nhau giống như vậy trong cuốn *Sự ra đời và sụp đổ của những cường quốc lớn*. Kennedy nhấn mạnh mối nguy hiểm của "sự căng thẳng quân sự".

Ngày nay, nhà chiến lược Edward Luttwak bắt đầu lập luận rằng quân sự có thể bị giảm tầm quan trọng trong kỷ nguyên mới của "địa kinh tế học". C. Fred Bergsten, giám đốc Viện kinh tế quốc tế ở Washington, phát biểu cùng một chủ đề, khẳng định "tinh ưu việt" của kinh tế hơn hẳn các giải pháp an ninh trong hệ

thống toàn cầu mới. Nhà kinh tế học Lester Thurow bổ sung tiếng nói vào dàn hợp ca này. Ông viết: "Thay thế đối đầu quân sự bằng ganh đua kinh tế là một bước tiến". Kể từ nay trở đi, cuộc cạnh tranh thực sự giữa các nước sẽ tiến triển quanh vấn đề là ai có thể làm ra những sản phẩm tốt nhất, nâng cao mức sống và phát triển "lực lượng lao động được giáo dục tốt nhất và có kỹ năng tốt nhất".

Lý thuyết địa - kinh tế lạc quan đã được sử dụng như một vũ khí giúp cho B. Clinton trúng cử Tổng thống Hoa Kỳ. Những người ủng hộ ông đã lập luận rằng nếu lý thuyết này đúng, ngân sách quân sự có thể được cắt giảm và các chương trình xã hội quá hạn sẽ được tài trợ mà không làm tăng con số thâm hụt to lớn của Chính phủ Mỹ. Hơn nữa, chính quyền Clinton có thể tập trung trở lại những vấn đề đối nội (Clinton kết tội người tiền nhiệm của ông là dành quá nhiều sự chú ý vào đối ngoại). Và chẳng, nếu chiến trường thực sự của ngày mai là kinh tế toàn cầu, thì Mỹ cần có một "Hội đồng an ninh kinh tế" để tiến hành chiến tranh kinh tế.

Đứng trước những bản tin lớn nhuộm máu ngày nay, dàn đồng ca đã phải im tiếng. Địa kinh tế học bắt đầu xem ra ngày càng ít thuyết phục khi vũ lực đã lan rộng khắp quanh ta. Hóa ra các nhà lãnh đạo chính trị quốc gia không phải là các nhà kế toán. Giống như trong quá khứ, những người gây ra chiến tranh ngày nay không chỉ tính toán những cái được mất về kinh tế trước khi lao vào cuộc chiến. Thay vào đó, họ tính toán cơ hội nắm giữ, mở rộng hoặc duy trì quyền lực chính trị.

Thậm chí ngay cả khi những tính toán kinh tế thận trọng được đưa vào bối cảnh, thì chắc là chúng rất hay sai sót, nhầm lẫn và pha trộn với các yếu tố khác. Chiến tranh nảy sinh từ những điều phi lý, từ sự tính toán sai lầm, sự bài ngoại, chủ nghĩa cuồng tín, chủ nghĩa cực đoan tôn giáo, và y như một vận rủi khi mỗi một

chỉ số kinh tế hợp lý đều nói lên rằng hoà bình sẽ là một chính sách đáng ưa chuộng hơn tất cả.

Điều tồi tệ hơn là chiến tranh kinh tế không phải là thứ thay thế cho xung đột quân sự. Nó thường chỉ là khúc dạo đầu, có thể là một sự khiêu khích dẫn đến một cuộc chiến tranh thực sự, y như trường hợp ganh đua kinh tế Mỹ - Nhật dẫn đến cuộc tiến công của Nhật vào Trân Châu Cảng năm 1941. Ít nhất trong trường hợp đó, sự cạnh tranh đã kéo cò súng.

Dù nó có tác dụng động viên thì lý luận địa - kinh tế cũng không thỏa đáng vì hai lý do rất cơ bản. Nó quá đơn giản và lỗi thời. Đơn giản vì nó ra sức giải thích quyền lực thế giới chỉ bằng hai yếu tố kinh tế và quân sự. Lỗi thời vì nó bỏ qua vai trò ngày càng tăng của tri thức - bao gồm khoa học, kỹ thuật, văn hoá, tôn giáo và các giá trị - ngày nay là nguồn lực cốt lõi của tất cả các nền kinh tế tiên tiến và của cả hiệu quả quân sự. Vậy là lý thuyết nói trên đã không biết đến yếu tố cốt tử nhất của quyền lực thế giới thế kỷ XXI. Chúng ta đang bước vào kỷ nguyên địa - thông tin chứ không phải kỷ nguyên địa - kinh tế.

Vì tất cả những lý do đó, không có gì đáng ngạc nhiên khi chúng ta ngày càng ít nghe nói đến cái lý thuyết địa- kinh tế học đã bị bắn thủng nhiều chỗ ấy.

Sau làn sóng cuối cùng của trạng thái say sưa tập thể, thì sự thất vọng lúc tỉnh ngộ xuất hiện. Thế giới được coi như sắp bùng nổ ra thành một cơn sốt phát ban "chiến tranh cục bộ". Nhưng cho đến bây giờ sự nhận thức sai lầm nguy hiểm vẫn tồn tại : một quan niệm lưu truyền rộng rãi cho rằng chiến tranh của tương lai, giống như các cuộc chiến của nửa thế kỷ trước, sẽ tiếp tục bị giới hạn ở những nước nhỏ thuộc những vùng ít nhiều xa xôi.

Một tuyên bố điển hình của một nhân vật không phải ai khác ngoài thủ trưởng quốc phòng Mỹ : "Chúng ta đã thành công trong việc lập ra ở Bắc Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản "một khu vực hoà

bình", ở đó có thể nói thẳng rằng chiến tranh là điều không thể "tưởng tượng được". Thế nhưng, lịch sử lại đầy "những cuộc chiến tranh không thể tưởng tượng được" như vậy. Hãy hỏi các công dân ở Sarajevo thì rõ.*

Có lẽ bởi vì nó tỏ ra quá kinh khủng, nên công luận vẫn còn mạnh dạn xem nhẹ khả năng xảy ra chiến tranh lớn ngay trong phạm vi lãnh thổ của bản thân các cường quốc lớn, hay khả năng của xung đột cục bộ trong việc lôi kéo các cường quốc lớn mặc dù họ không muốn. Tuy nhiên, sự thật đáng sợ là kỷ nguyên của sự tàn sát ngoài lề, khi mà tất cả các cuộc chiến tranh đều do các nước nhỏ ở các vùng xa xôi tiến hành, có thể đang kết thúc. Nếu như vậy, cần phải đánh giá lại những giả định chiến lược cơ bản nhất của chúng ta.

3

SỰ DÙNG ĐỘ GIỮA CÁC NỀN VĂN MINH

Mọi người bắt đầu hiểu rõ một cách muộn màng rằng: nền văn minh công nghiệp đang kết thúc. Việc làm sáng tỏ điều này - đã thành hiển nhiên khi chúng tôi viết về "tổng khủng hoảng của chế độ công nghiệp" trong cuốn *Cú sốc tương lai* (năm 1970) - đã kéo theo nguy cơ xảy ra nhiều chiến tranh hơn chứ không ít hơn - đó là những cuộc chiến tranh kiểu mới.

Ngày nay, nhiều người dùng thuật ngữ "hậu hiện đại" (postmodern) để mô tả cái gì xuất hiện sau thời kỳ hiện đại. Nhưng khi nói điều này với Don Morelli và Donn Starry vào đầu những năm 80, chúng tôi đã thay vào đó bằng cách đề cập đến sự khác nhau giữa quân đội Làn sóng Thứ nhất, hay quân đội nông nghiệp; quân đội Làn sóng Thứ hai hay quân đội công nghiệp; và bây giờ là quân đội Làn sóng Thứ ba.

Vì những sự thay đổi to lớn trong xã hội không thể diễn ra mà không có xung đột, nên chúng tôi tin rằng việc so sánh lịch sử như những "làn sóng" thay đổi mang tính năng động hơn và có khả năng phát giác nhiều hơn là nói về quá độ sang thời kỳ "hậu hiện đại." Làn sóng là năng động. Khi sóng xô vào nhau, những dòng chảy cắt ngang nhau cực mạnh sẽ được giải phóng. Khi những làn sóng lịch sử va chạm, toàn bộ các nền văn minh dụng

độ nhau. Và điều đó làm sáng tỏ rất nhiều những cái dường như vô nghĩa hoặc ngẫu nhiên trong thế giới ngày nay.

Trên thực tế, một khi chúng ta nắm chắc lý thuyết làn sóng về sự xung đột thì điều trở nên rõ ràng là sự chuyển giao quyền lực lớn nhất hiện nay trên hành tinh không phải đang bắt đầu giữa Đông và Tây hay Bắc và Nam, cũng không phải giữa các tôn giáo hay các nhóm sắc tộc khác nhau. Sự biến đổi sâu sắc nhất về kinh tế và chiến lược là sự phân chia thế giới thành ba nền văn minh cách biệt khác nhau và có khả năng đụng độ nhau.

Làn sóng Thứ nhất, như chúng ta đã biết, chắc chắn gắn liền với ruộng đất. Dù mang bất cứ hình thức địa phương nào, một ngôn ngữ dân tộc nào, một hệ thống tôn giáo hay tín ngưỡng nào, nó đều là sản phẩm của cách mạng nông nghiệp. Ngay cả ngày nay, vẫn còn vô số người phải sống và chết trong những xã hội nông nghiệp tiền hiện đại trong khi vẫn phải đào bới trên những vùng đất cằn cỗi y như tổ tiên họ đã làm hàng mấy thế kỷ trước đây.

Nguồn gốc của nền văn minh Làn sóng Thứ hai còn đang được tranh cãi. Một số nhà sử học tìm căn nguyên của nó từ thời Phục hưng hay thậm chí còn sớm hơn. Nhưng cuộc sống vẫn không thay đổi cơ bản đối với số đông người từ cách đây chừng 300 năm trở về trước. Đó là khi khoa học thời Newton lần đầu tiên ra đời. Đó là khi máy hơi nước lần đầu tiên được dùng vào kinh tế và những nhà máy đầu tiên bắt đầu xuất hiện ở Anh, Pháp và Italia. Nông dân bắt đầu chuyển ra thành thị. Những ý tưởng táo bạo mới bắt đầu lan truyền - đó là ý tưởng tiến bộ; là học thuyết mới lạ về các quyền cá nhân; là quan niệm của Rousseau về khế ước xã hội; là chủ nghĩa thế tục; là sự phân tách giữa nhà thờ và nhà nước; và ý tưởng mới cho rằng các nhà lãnh đạo phải do dân bầu ra chứ không phải do quyền hành thần thánh áp đặt.

Những sự thay đổi này bị chi phối bởi cách thức sáng tạo ra của cải - đó là việc sản xuất bằng nhà máy. Và chẳng bao lâu nhiều yếu tố khác nhau cùng xuất hiện để tạo thành *hệ thống*: sản xuất hàng loạt, tiêu thụ hàng loạt, giáo dục đại chúng, thông tin đại chúng, tất cả liên kết với nhau và do các tổ chức chuyên môn phục vụ - trường học, công ty, đảng phái chính trị. Ngay cả cấu trúc gia đình cũng thay đổi từ hộ gia đình lớn kiểu nông nghiệp trong đó nhiều thế hệ cùng chung sống sang một gia đình nhỏ hạt nhân rút gọn tiêu biểu cho xã hội công nghiệp.

Đối với những người thực tế trải qua những biến đổi này, cuộc sống dường như hỗn độn. Nhưng thực ra tất cả những biến đổi đều có liên quan mật thiết với nhau. Chúng chỉ là những bước tiến tới sự phát triển đầy đủ của cái mà ngày nay chúng ta gọi là thời hiện đại - xã hội công nghiệp hàng loạt, nền văn minh của Làn sóng Thứ hai.

Nền văn minh mới này đi vào lịch sử với tiếng gầm rú của Tây Âu, mỗi bước đều bị kháng cự quyết liệt.

CUỘC XUNG ĐỘT CHỦ CHỐT

Trong những nước đang công nghiệp hoá, các cuộc chiến ác liệt đẫm máu thường nổ ra giữa các tập đoàn công thương thuộc Làn sóng Thứ hai với các địa chủ thuộc Làn sóng Thứ nhất hay liên minh với nhà thờ (bản thân nhà thờ cũng là đại địa chủ). Đa số nông dân buộc phải rời bỏ ruộng đất để cung cấp công nhân cho "các cối xay ác quỷ" và các nhà máy mới đang gia tăng khắp lãnh thổ.

Đinh công và nổi loạn, nội chiến, tranh chấp biên giới, những cuộc nổi dậy của chủ nghĩa dân tộc bùng lên khi cuộc chiến tranh giữa quyền lợi của Làn sóng Thứ nhất với quyền lợi của Làn sóng Thứ hai trở thành cuộc xung đột chủ chốt - đó là sự căng thẳng

trọng tâm mà từ đó dề ra các xung đột khác. Hình mẫu này lặp lại ở hầu hết các nước đang công nghiệp hoá. Ở Hoa Kỳ, nó đòi hỏi phải có một cuộc nội chiến để cho các quyền lợi công thương nghiệp của miền Bắc chiến thắng được giới thương lưu nông nghiệp ở miền Nam. Chỉ vài năm sau, cuộc cách mạng Minh Trị nổ ra ở Nhật Bản và một lần nữa những người hiện đại hoá Làn sóng Thứ hai chiến thắng những người theo chủ nghĩa truyền thống Làn sóng Thứ nhất.

Sự lan rộng của nền văn minh Làn sóng Thứ hai cùng với cách thức mới lạ trong việc tạo ra của cải của nó cũng đã làm mất ổn định các mối quan hệ giữa các nước, tạo ra những khoảng trống quyền lực và những biến đổi quyền lực. Các cuộc chiến tranh thống nhất dân tộc đã lướt qua nước Đức và Italia. Công nghiệp hoá dẫn đến sự hành trưởng thị trường trong nước và hệ tư tưởng chủ nghĩa dân tộc đi kèm. Tốc độ phát triển không đều, sự cạnh tranh tìm thị trường, ứng dụng kỹ thuật công nghiệp vào sản xuất vũ khí - tất cả đã làm đảo lộn sự cân bằng quyền lực đã có từ trước góp phần làm nên các cuộc chiến tranh làm tan nát châu Âu và láng giềng của nó hồi giữa và cuối thế kỷ XIX.

Trên thực tế, trung tâm sức hút của hệ thống quyền lực thế giới bắt đầu chuyển từ đế chế Ottoman và nước Nga Sa hoàng phong kiến sang các nước châu Âu đang công nghiệp hoá. Nền văn minh hiện đại, sản phẩm của Làn sóng thay đổi to lớn Thứ hai, bắt rễ nhanh chóng trên bờ bắc của lưu vực Đại Tây Dương rộng lớn.

Là các cường quốc Đại Tây Dương công nghiệp hoá, chúng cần thị trường, nguyên liệu rẻ của các vùng xa xôi. Do vậy, các cường quốc Làn sóng Thứ hai tiến hành chiến tranh để chinh phục thuộc địa và thống trị các quốc gia và bộ tộc Làn sóng Thứ nhất còn tồn tại trên khắp châu Á và châu Phi.

Như vậy, ngay khi giới thượng lưu công nghiệp cuối cùng đã giành được quyền lực trong nước, thì họ cũng chiến thắng trong cuộc chiến lớn hơn để giành quyền lực thế giới.

THẾ GIỚI CHIA ĐÔI

Đây cũng vẫn là cuộc xung đột chủ chốt - quyền lực công nghiệp Làn sóng Thứ hai chống lại quyền lực nông nghiệp Làn sóng Thứ nhất - nhưng lần này trên phạm vi toàn cầu chủ không chỉ trong nội địa và chính cuộc đấu tranh này quyết định căn bản hình thù thế giới trong thời gian gần đây. Nó định ra khuôn khổ trong đó diễn ra hầu hết các cuộc chiến tranh.

Các cuộc chiến tranh bộ lạc và lãnh thổ giữa các nhóm nông nghiệp nguyên thủy khác nhau vẫn tiếp diễn như trong suốt nhiều thiên niên kỷ đã qua. Nhưng chúng chỉ ở mức độ hạn chế và thường chỉ làm suy yếu nhau, khiến chúng dễ trở thành mồi ngon cho lực lượng thực dân của nền văn minh công nghiệp. Điều đó diễn ra chẳng hạn ở miền nam châu Phi khi Cecil Rhodes và toán nhân viên vũ trang của ông đã chiếm giữ những vùng lãnh thổ rộng lớn của các nhóm bộ lạc và nông nghiệp đang mài dũa lẫn nhau bằng vũ khí thô sơ. Ở nơi khác cũng vậy, nhiều cuộc chiến tranh dường như không liên quan đến nhau trên khắp thế giới thực ra đều là biểu hiện của xung đột toàn cầu chủ yếu không phải giữa các quốc gia đang cạnh tranh nhau mà là giữa các nền văn minh đang cạnh tranh nhau.

Tuy nhiên, ngay những cuộc chiến tranh lớn nhất và chết nhiều người nhất trong thời đại công nghiệp lại diễn ra trong nội bộ các nước công nghiệp - đó là chiến tranh nổ ra giữa các quốc gia Làn sóng Thứ hai như Đức và Anh đánh lẫn nhau, khi mỗi nước chiến đấu để thống trị toàn cầu đồng thời giữ cư dân Làn sóng Thứ nhất của thế giới ở vị trí phụ thuộc.

Kết quả cuối cùng là một sự phân chia rõ rệt. Kỷ nguyên công nghiệp chia đôi thế giới thành một bên là nền văn minh Làn sóng

Thứ hai thống trị với một bên là số đông thuộc địa Làn sóng Thứ nhất ở địa vị lệ thuộc. Hầu hết chúng ta đều lớn lên trong thế giới bị phân chia giữa những nền văn minh Làn sóng Thứ nhất và Thứ hai này. Và chúng ta hoàn toàn rõ ai là người nắm quyền lực.

THẾ GIỚI CHIA BA

Ngày nay đối ngũ các nền văn minh thế giới đã khác đi. Chúng ta đang tiến nhanh tới một cơ cấu quyền lực hoàn toàn khác, nó sẽ không tạo ra thế giới chia đôi mà là chia thành ba nền văn minh tương phản nhau, cạnh tranh nhau một cách rõ rệt - nền văn minh thứ nhất vẫn còn được tượng trưng bởi cái cuốc; nền thứ hai bởi dây chuyền lắp ráp; nền thứ ba bởi máy vi tính.

Thuật ngữ "nền văn minh" nghe có vẻ khoa trương, nhất là đối với tai người Mỹ, nhưng không có thuật ngữ nào có khả năng bao quát toàn diện để thu tóm được các vấn đề khác nhau như công nghệ, đời sống gia đình, tôn giáo, văn hoá, chính trị, kinh doanh, tôn ty, sự lãnh đạo, giá trị, đạo lý tình dục, và tri thức luận. Những biến đổi nhanh chóng và cơ bản đang xảy ra trong tất cả các vấn đề nói trên của xã hội.

Khi một nền văn minh mới xuất hiện, nó đụng đến cả cái cơ bản lẫn cái tầm thường. Vì vậy mà ngày nay chúng ta chứng kiến vô số sự việc mà trước đây chúng tỏ ra không thể tin được, không thể dùng được hay xã hội không chấp nhận - mọi thứ từ việc ghép tim và trò chơi ném đĩa đến đặc quyền kinh doanh sửa chữa, từ căn hộ nhà cao tầng và các cổ vấn đến kính áp tròng, từ bước đi trên vũ trụ đến hộp trò chơi quay đĩa trẻ em, từ những người Do Thái vì Giêsu đến tin ngưỡng thời mới, từ phẫu thuật bằng lade đến đài CNN (mạng tin bằng cáp), từ trào lưu chính thống sinh thái học đến lý thuyết về sự hỗn độn.

Làm thay đổi cùng một lúc tất cả các yếu tố xã hội, công nghệ và văn hoá nói trên bạn sẽ tạo ra được một thứ sẽ sáng tạo ra

không chỉ là sự quá độ mà là một sự chuyển biến, không chỉ là một xã hội mà ít nhất là bước đầu của một nền văn minh hoàn toàn mới.

Nhưng đưa một nền văn minh mới vào hành tinh rồi sau đó ngồi trông chờ hoà bình và sự yên tĩnh thì sẽ là đỉnh cao của tính chất ngây thơ về chiến lược. Mỗi một nền văn minh có những yêu cầu kinh tế riêng của nó (và do đó nó có cả những yêu cầu chính trị và quân sự riêng).

Trong thế giới chia ba này, khu vực Làn sóng Thứ nhất cung cấp tài nguyên nông nghiệp và khoáng sản, khu vực Làn sóng Thứ hai cung cấp nhân công rẻ và thực hiện nền sản xuất hàng loạt, còn khu vực Làn sóng Thứ ba đang bành trướng nhanh chóng tiến lên địa vị thống trị dựa vào những cách thức mới trong việc tạo ra và khai thác tri thức.

Các quốc gia Làn sóng Thứ ba bán thông tin và phát minh, bán kỹ thuật quản lý, bán văn hoá và văn hoá bình dân, bán công nghệ tiên tiến, phần mềm, giáo dục, đào tạo, y tế, dịch vụ tài chính và các dịch vụ khác cho thế giới. Một trong những dịch vụ đó có thể sẽ là sự bảo vệ bằng quân sự dựa trên sự chỉ huy của lực lượng Làn sóng Thứ ba siêu đẳng. (Tức là thực tế những cái mà các nước công nghệ cao cung cấp cho Côoét và Arập Xêút trong cuộc chiến tranh Vùng Vịnh).

TÁCH KHỎI NƯỚC NGHEÒ

Trong các nền kinh tế dựa vào tri óc của Làn sóng Thứ ba, sản xuất hàng loạt (có thể gần như được coi là dấu ấn của xã hội công nghiệp) đã trở nên lỗi thời. Sản xuất phi hàng loạt - tức là khối lượng sản xuất nhỏ của những sản phẩm được đặt hàng - là thế mạnh của công nghiệp. Dịch vụ được gia tăng. Tài sản vô hình như thông tin trở thành nguồn tài nguyên chủ chốt. Những

công nhân không được giáo dục hoặc không thành thạo đều trở thành kẻ thất nghiệp. Con vật khổng lồ kiểu công nghiệp cũ xưa đang sụp đổ vì trọng lượng của nó, các tập đoàn kiểu GM (General Motors) và Bethlehem Steel đã từng chế ngự thời đại sản xuất hàng loạt đang đứng trước sự diệt vong. Hiệp hội lao động trong khu vực chế tạo hàng loạt đang bị thu nhỏ. Phương tiện thông tin đại chúng cũng bị phi hàng loạt hóa song song với sản xuất, và những mạng lưới truyền hình khổng lồ co lại trong khi nhiều kênh mới gia tăng. Hệ thống gia đình cũng trở thành phi hàng loạt hóa: gia đình hạt nhân, một thời là tiêu chuẩn hiện đại, đang trở thành một hình thức thiểu số, trong khi những loại gia đình chỉ có một bố hay một mẹ, những đôi tái giá, những gia đình không con và những người độc thân đang tăng nhanh.

Văn hoá đang chuyển từ một nền văn hóa có những tiêu chuẩn được xác định rõ ràng và có tôn ty sang một nền văn hoá trong đó những ý tưởng, hình ảnh, ký hiệu tượng trưng cuốn xoáy trong một tình trạng hỗn độn và cá nhân con người nhặt ra những yếu tố cá nhân để tạo thành mảng ghép của riêng mình. Những giá trị hiện thời đang bị thách thức hoặc không được để ý đến.

Như vậy là toàn bộ cấu trúc xã hội đang thay đổi. Tính đồng nhất của xã hội Làn sóng Thứ hai được thay thế bằng tính hỗn tạp của nền văn minh Làn sóng Thứ ba.

Đến lượt mình, ngay bản thân tính phức tạp của chế độ mới lại đòi hỏi ngày càng nhiều trao đổi thông tin giữa các đơn vị - đó là các công ty, các tổ chức chính phủ, bệnh viện, hiệp hội, các tổ chức khác và các cá nhân. Tình hình đó tạo ra một cơn đói máy vi tính, viễn thông số, mạng lưới và các phương tiện thông tin đại chúng mới.

Đồng thời nhịp độ thay đổi công nghệ, nhịp độ giao dịch và nhịp độ cuộc sống hàng ngày cũng tăng nhanh. Thực tế, nền kinh

tế Làn sóng Thứ ba diễn ra ở nhịp độ nhanh đến mức các nhà cung ứng nguyên liệu tiền hiện đại khó mà theo kịp. Và lại, do thông tin không ngừng thay thế nguyên liệu, lao động và các tài nguyên khác, nên các nước thuộc Làn sóng Thứ ba trở nên ít phụ thuộc hơn vào các nước thuộc Làn sóng Thứ nhất hoặc Thứ hai, trừ thị trường. Mức độ kinh doanh giữa họ với nhau ngày càng tăng. Rốt cuộc, công nghệ dựa vào tri thức được đầu tư cao sẽ đảm nhiệm nhiều phần việc mà ngày nay các nước có nhân công rẻ mạt đang làm, và thực sự nó sẽ làm được nhanh hơn, tốt hơn và rẻ hơn.

Nói cách khác, những thay đổi này có nguy cơ cắt bớt nhiều mối liên kết kinh tế giữa những nước giàu với những nước nghèo.

Tuy nhiên, tách biệt hoàn toàn là điều không thể làm được, vì không thể ngăn chặn được ô nhiễm, bệnh tật và di tản thâm nhập vào biên giới của các nước Làn sóng Thứ ba. Các nước giàu cũng không thể tồn tại nếu nước nghèo tiến hành chiến tranh sinh thái đối với họ bằng cách thao túng cho môi trường gây tác hại cho mọi người. Vì những lý do đó, sự căng thẳng giữa nền văn minh Làn sóng Thứ ba và hai nền văn minh cũ sẽ tiếp tục tăng lên, và nền văn minh mới sẽ chiến đấu để thiết lập quyền bá chủ toàn cầu, y như những nhà hiện đại hoá Làn sóng Thứ hai đã làm đối với xã hội tiền hiện đại Làn sóng Thứ nhất trong những thế kỷ qua.

HIỆN TƯỢNG CHẠO VỊT

Một khi khái niệm sự đụng độ giữa các nền văn minh đã được nắm chắc, thì nó sẽ giúp chúng ta thấy được ý nghĩa của nhiều sự kiện dường như kỳ quặc, chẳng hạn như chủ nghĩa dân tộc đang bùng nổ ngày nay.

Chủ nghĩa dân tộc là hệ tư tưởng của quốc gia - dân tộc, sản phẩm của cuộc cách mạng công nghiệp. Vì vậy, khi các xã hội Làn sóng Thứ nhất, hay xã hội nông nghiệp, tìm cách bắt đầu hoặc hoàn thiện công cuộc công nghiệp hoá của họ, thì họ đòi hỏi phải trang bị cho mình tư cách dân tộc. Các nước cộng hoà Xô viết trước đây như Ucraina, Extônia hay Grudia kiên quyết nhấn mạnh quyền tự quyết và đòi hỏi những dấu hiệu hiện đại của ngày hôm qua - như quốc kỳ, quân đội, tiền tệ, là những cái xác định quốc gia - dân tộc trong kỷ nguyên Làn sóng Thứ hai, hay kỷ nguyên công nghiệp.

Điều khó khăn cho nhiều nước trong thế giới công nghệ cao là hiểu ra những động cơ của những người theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Chủ nghĩa yêu nước thổi phồng của họ làm cho nhiều người ngạc nhiên. Nó gợi người ta nhớ lại xứ sở Tự do (Freedonia) trong phim *Cháo vịt* của anh em nhà Marx, châm biếm quan niệm về tinh siêu đẳng dân tộc bằng cách vẽ ra hai quốc gia hư cấu gây chiến tranh với nhau.

Ngược lại, những người theo chủ nghĩa dân tộc cũng không thể hiểu được tại sao một số nước lại cho phép những nước khác xâm phạm nền độc lập được coi là thiêng liêng của mình. Nhưng công cuộc "toàn cầu hoá" kinh doanh và tài chính do các nền kinh tế tiên tiến thuộc Làn sóng Thứ ba đòi hỏi lại đang chọc thủng "chủ quyền" dân tộc mà những người theo chủ nghĩa dân tộc mới rất yêu quý.

CÁC NHÀ THỜ CỦA CHỦ NGHĨA TOÀN CẦU

Khi các nền kinh tế bị biến đổi bởi Làn sóng Thứ ba, chúng buộc phải dâng nộp từng phần chủ quyền của mình và chấp nhận sự thâm nhập kinh tế và văn hoá ngày càng tăng của các nước khác. Hoa Kỳ đòi Nhật Bản phải cơ cấu lại hệ thống bán lẻ (do

vậy đe dọa xoá bỏ toàn bộ giai cấp huân hân nhỏ cùng với văn hoá và cơ cấu gia đình mà họ đại diện). Ngược lại, Nhật Bản đòi Hoa Kỳ phải dành thêm nhiều tiền tiết kiệm, phải nghĩ đến thời hạn lâu dài và cơ cấu lại hệ thống giáo dục. Những yêu cầu như vậy trước đây có thể được coi là những sự xâm phạm chủ quyền.

Vì vậy, trong khi các nhà thơ và trí thức của các vùng lạc hậu kinh tế viết bản thánh ca dân tộc, thì các nhà thơ và trí thức của các nước Làn sóng Thứ ba lại ca ngợi những "cái hấp dẫn của thế giới không có biên thuỳ". Sự đụng độ phát sinh, phản ánh những nhu cầu khác nhau rõ nét của hai nền văn minh căn bản khác nhau, có thể gây ra những cuộc đổ máu tồi tệ nhất trong những năm sắp tới.

Nếu như ngay bây giờ sự phân chia lại thế giới ngày nay từ hai thành ba phần dường như chưa rõ ràng, thì đó là vì sự quá độ từ những nền kinh tế thế lực thuộc Làn sóng Thứ hai sang những nền kinh tế tri lực thuộc Làn sóng Thứ ba vẫn chưa được hoàn thiện ở bất cứ nơi nào.

Ngay cả ở Mỹ, Nhật Bản và châu Âu, cuộc tranh chấp nội bộ để giành quyền kiểm soát giữa giới thượng lưu của Làn sóng Thứ ba và Thứ hai vẫn còn chưa kết thúc. Những tổ chức và khu vực sản xuất quan trọng Làn sóng Thứ hai vẫn tồn tại, và thế lực hậu thuẫn chính trị thuộc Làn sóng Thứ hai vẫn còn nắm quyền lực. Một thước đo hoàn hảo để đánh giá vấn đề này được thể hiện ở Mỹ trong những ngày cuối của chính quyền Bush khi Quốc hội thông qua một dự luật về "cơ sở hạ tầng" cung cấp 150 tỷ đôla để tu chỉnh cơ sở hạ tầng của Làn sóng Thứ hai gồm đường sá, xa lộ, cầu cống - nhưng chỉ có 1 tỷ đôla giúp xây dựng mạng lưới siêu vi tính điện tử trong cả nước - một bộ phận của kết cấu cơ sở Làn sóng Thứ ba. Mặc dù ủng hộ mạng lưới vi tính, chính quyền Clinton khó mà thay đổi được tỷ trọng trên đây.

"Sự pha trộn" những yếu tố Làn sóng Thứ hai và Thứ ba trong mỗi nước công nghệ cao đã mang lại một "cơ cấu" đặc trưng riêng của mỗi nước. Tuy nhiên các quỹ đạo của chúng đã rõ. Cuộc chạy đua cạnh tranh toàn cầu sẽ kết thúc bằng thắng lợi của những nước hoàn thành sự chuyển biến Làn sóng Thứ ba với ít trục trặc và ít bất ổn nhất.

Đồng thời, sự thay đổi lịch sử từ thế giới chia đôi sang thế giới chia ba cũng sẽ kéo theo những cuộc cạnh tranh quyền lực sâu sắc nhất trên hành tinh, vì mỗi nước sẽ cố sức giành một vị trí cho mình trong cấu trúc quyền lực ba tầng đang nảy sinh. Tình trạng chia ba sẽ đặt ra bối cảnh cho hầu hết các cuộc chiến tranh từ nay trở đi. Và những cuộc chiến ấy sẽ khác những cuộc chiến mà hầu hết chúng ta có thể tưởng tượng được.

Phần Hai

QUỸ ĐẠO

4

TIỀN ĐỀ CÓ TÍNH CÁCH MẠNG

Mặc dù với tất cả tính chất bảo thủ của các thể chế quân sự, luôn luôn vẫn có những nhà đổi mới kêu gọi sự thay đổi có tính cách mạng. Don Morelli và những sĩ quan có nhiệm vụ nghĩ lại phương thức chiến đấu tương lai của quân đội chính là một bộ phận của truyền thống quân sự lâu dài. Quả thực, trên các giá sách thư viện đã đầy ắp những cuốn sách viết về "cách mạng trong chiến tranh" của các nhà sử học.

Tuy nhiên, rất phổ biến là thuật ngữ này đã được dùng quá rộng. Chẳng hạn, chiến tranh được coi là đã được cách mạng hóa khi Alexander Đệ Nhất đánh bại quân Ba Tư bằng cách kết hợp "bộ binh phương Tây với kỵ binh phương Đông". Lần lượt, thuật ngữ "cách mạng" thường được áp dụng cho những thay đổi công nghệ - chẳng hạn như việc sử dụng thuốc súng hay máy bay hoặc tàu ngầm.

Phải thừa nhận rằng những thứ đó đã tạo ra những thay đổi sâu sắc trong cuộc chiến. Chắc chắn rằng chúng đã ảnh hưởng to lớn đến lịch sử kế tiếp. Ngay cả như vậy, chúng cũng chỉ có thể được gọi là cách mạng cục bộ. Về cơ bản chúng bổ sung những yếu tố mới hoặc tạo ra những sự kết hợp mới đối với các yếu tố cũ trong một "trò chơi" hiện hành. Một cuộc cách mạng thực sự là cuộc cách mạng vượt ra ngoài cái đó để thay đổi chính bản

thân trò chơi, bao gồm cả các quy tắc của nó, các thiết bị của nó, quy mô và tổ chức "đội ngũ", việc huấn luyện đội ngũ, học thuyết, chiến thuật và tất cả mọi thứ khác. Nó thực hiện điều này không phải ở trong một mà nhiều "đội ngũ" cùng một lúc. Thậm chí quan trọng hơn, nó còn thay đổi cả mối quan hệ của trò chơi với bản thân xã hội.

Bằng thước đo đòi hỏi ấy, những cuộc cách mạng quân sự đích thực chỉ xảy ra có hai lần trước đây trong lịch sử và có những lý do chắc chắn để tin rằng, cuộc cách mạng thứ ba - cuộc cách mạng hiện đang bắt đầu - sẽ là cuộc cách mạng sâu sắc nhất. Vì chỉ trong những thập kỷ gần đây, một số trong những thông số chủ yếu của chiến tranh đã đạt tới giới hạn cuối cùng của chúng. Những thông số này là tầm hoạt động, khả năng sát thương và tốc độ.

Những quân đội nào mà có thể tiến xa hơn, đánh mạnh hơn, và đi tới mục tiêu nhanh hơn thường chiến thắng, trong khi quân đội có tầm hoạt động hạn chế, trang bị vũ khí kém hơn, tiếp cận chậm hơn thường thất bại. Vì lý do đó mà một số lượng lớn những nỗ lực sáng tạo của con người đã dốc vào việc mở rộng tầm hoạt động, nâng cao hỏa lực và gia tăng tốc độ của vũ khí và của quân đội.

MỘT SỰ TỤ HỘI CHẾT NGƯỜI

Ta hãy lấy tầm hoạt động để xem xét. Suốt chiều dài lịch sử, những người gây chiến tranh đã cố gắng kéo dài tầm với của mình. Viết về chiến tranh hồi thế kỷ IV trước công nguyên, nhà sử học Diodorus Siculus ghi lại rằng viên tướng Hy Lạp Ephicrates, trong khi thay mặt người Ba Tư chống lại quân Ai Cập, đã "chế tạo giáo mác của ông ta dài gấp rưỡi, kiếm dài gấp đôi độ dài thông thường", do đó mở rộng tầm với của vũ khí.

Những vũ khí thuở xưa như máy lãng đá hay bắn đá có thể bắn tăng đá nặng 10 pao đi xa 350 mã Anh¹. Cung nỏ được dùng ở Trung Quốc 500 năm trước công nguyên và phổ biến ở châu Âu năm 1100 tạo cho người lính một vũ khí "tù xa" có được tầm với rất lớn. (Nó kinh khủng đến mức năm 1139 Giáo hoàng Innocent Đệ Nhị đã cấm thú vũ khí này). Mũi tên đã đạt tới tầm 380 mã vào thế kỷ XIV và XV. Nhưng sau tất cả các thí nghiệm cung tên qua nhiều thế kỷ, tầm xa nhất của mũi tên đến cuối thế kỷ XIX do người Thổ đạt được là 660 mã. Và trong chiến đấu thực tế ít khi đạt tới tầm tối đa của vũ khí.

Năm 1942, Alexander de Seversky trong cuốn sách hư tưởng nhan đề *Chiến thắng bằng sức mạnh không quân* đã thúc bách Hoa Kỳ triển khai loại máy bay có thể bay 6.000 dặm, hồi đó dường như không thể có được. Ngày nay - ngay cả khi không tính đến tiềm năng của vũ khí vũ trụ - về lý thuyết khó có điểm nào trên địa cầu lại không thể là mục tiêu của tên lửa đạn đạo xuyên lục địa của tàu sân bay, tàu ngầm, máy bay ném bom tầm xa được tiếp nhiên liệu trên không, hoặc của sự kết hợp các vũ khí này với các hệ thống khí tài khác. Với tất cả các mục đích thực tiễn, việc kéo dài tầm xa đã đạt đến giới hạn trên trái đất.

Với tốc độ, vấn đề cũng giống như của tầm xa. Tháng 6-1991 Bộ quốc phòng Mỹ công bố tia lade hoá học alpha, có thể tạo ra sức mạnh một triệu oát, là một bộ phận phát triển của hệ thống chống tên lửa. Nếu được điều chỉnh trúng đích, tia lade có thể phóng trúng tên lửa đối phương với tốc độ ánh sáng, được coi là tốc độ nhanh nhất có thể đạt tới.

Còn về khả năng sát thương thì có thể nói khả năng giết người của vũ khí thông thường đã tăng 5 cấp kể từ đầu cuộc cách mạng công nghiệp đến nay. Điều đó nghĩa là các vũ khí phi

1. 1 pao nặng 0,453 kg, 1 mã bằng 0,914 m - N.D.

hạt nhân ngày nay trung bình tăng 100.000 lần mức độ giết người so với thời kỳ mà máy hơi nước và các nhà máy bắt đầu làm thay đổi thế giới chúng ta. Còn về vũ khí hạt nhân, chúng ta chỉ cần suy ngẫm về hậu quả của 100 hay 1000 vụ Chernobyl để đánh giá sự đe dọa kinh hoàng của chúng. Chỉ đến nửa cuối thế kỷ này, cảnh tượng ngày tận thế của hành tinh mới trở thành chủ đề thảo luận nghiêm chỉnh.

Tóm lại, ba đường hướng rõ rệt của sự phát triển quân sự đã hội tụ lại để bùng nổ ở thời đại chúng ta. Tầm xa, tốc độ và khả năng giết người, tất cả đều đạt tới giới hạn cuối cùng ở cùng một thời điểm lịch sử, đó là nửa thế kỷ hiện thời. Nếu không còn gì khác, thì chỉ riêng thực tế này cũng đủ để biện hộ cho thuật ngữ "cách mạng trong chiến tranh".

SAU TRÒ CHƠI CUỐI CÙNG

Nhưng thực tế đó chưa phải là tất cả. Vì đến năm 1957, chỉ mười hai năm sau khi vũ khí hạt nhân đầu tiên được hoàn thành, con tàu vũ trụ đầu tiên của thế giới là Sputnik đã được phóng lên bầu trời, mở ra một khu vực hoàn toàn mới cho hoạt động quân sự. Vũ trụ đã cải biến các hoạt động quân sự trên mặt đất về các mặt giám sát, thông tin, giao thông, khí tượng và hàng trăm thứ khác. Không có phát minh quan trọng nào trước đây, kể từ lần đầu sử dụng biển hoặc không trung cho các hoạt động quân sự, lại có thể so sánh được với các hậu quả tầm xa của sự kiện này.

Chỉ vài năm sau, trong khi thông báo nỗ lực của Hoa Kỳ nhằm đưa con người lên mặt trăng, Tổng thống John F. Kennedy tuyên bố rằng, trong khi "không ai có thể dự đoán chắc chắn ý nghĩa cuối cùng của sự chế ngự không gian", thì rất có thể vũ trụ sẽ "nắm giữ chìa khoá để mở cửa vào tương lai của chúng ta trên trái đất".

Tất cả những biến đổi về chất và thật sự phi thường này trong bản chất của chiến tranh và quân sự, đều xuất hiện trong một khoảng thời gian ngắn ba bốn chục năm, đúng vào lúc mà nền văn minh thống trị trên trái đất - tức là xã hội Làn sóng Thứ hai hay xã hội công nghiệp - bắt đầu suy tàn. Những biến đổi ấy xuất hiện trong trò chơi cuối cùng của kỷ nguyên công nghiệp vào khoảng thời gian khi một loại hình kinh tế và xã hội mới bắt đầu hình thành. Ngay cả khi một vài quốc gia vẫn còn đang tiến hành công nghiệp hoá, thì Làn sóng Thứ ba hay nền văn minh hậu công nghiệp đã bắt đầu nảy sinh ở Hoa Kỳ, châu Âu và khu vực châu Á Thái Bình Dương.

Điều đó góp phần giải thích vì sao cuộc cách mạng quân sự sắp tới sẽ sâu sắc hơn nhiều so với mức mà các nhà bình luận trước đây đã tưởng tượng. Một cuộc cách mạng quân sự theo nghĩa đầy đủ nhất, chỉ xuất hiện khi một nền văn minh mới nảy sinh thách đố cái cũ, khi toàn bộ bản thân xã hội chuyển biến, hoặc các dịch vụ vũ trang thay đổi đồng thời ở mọi cấp từ công nghệ và văn hoá đến tổ chức, chiến lược, chiến thuật, huấn luyện, học thuyết và hậu cần. Khi tình hình đó xảy ra, mối quan hệ giữa quân sự với kinh tế và xã hội cũng biến đổi và thể cân bằng sức mạnh quân sự trên trái đất cũng bị đổ vỡ.

Một cuộc cách mạng với ý nghĩa sâu sắc như vậy rất ít khi xảy ra trong lịch sử.

5

CHIẾN TRANH LÀN SÓNG THỨ NHẤT

Trong suốt chiều dài lịch sử, cái cách con người tiến hành chiến tranh đã phản ánh cái cách họ lao động.

Dù ta có lòng tin lãng mạn cho rằng cuộc sống trong các cộng đồng bộ lạc đầu tiên là hài hoà và thanh bình, thì chắc chắn vẫn đã có những cuộc chiến bạo lực xảy ra giữa những nhóm người thời tiền nông nghiệp, thời du mục và chăn nuôi. Trong cuốn sách *Sự tiến hoá của chiến tranh* của mình, Maurice R. Davie đã viết về "sự thù địch liên tiếp giữa các nhóm người trong đó có nhiều bộ lạc nguyên thủy".

Những nhóm nhỏ này đánh nhau để báo thù việc giết người, để bắt cóc phụ nữ, hoặc để chiếm những vật sản giàu chất dinh dưỡng. Song bạo lực không đồng nghĩa với chiến tranh, mà mãi về sau cuộc xung đột xảy ra mới thực sự có tính chất chiến tranh - đó là cuộc đụng độ đổ máu giữa các quốc gia có tổ chức.

Khi cuộc cách mạng nông nghiệp tung ra làn sóng thay đổi to lớn đầu tiên trong lịch sử nhân loại, nó dần dần dẫn tới sự hình thành những xã hội tiền hiện đại đầu tiên. Nó dẫn đến sự định cư và nhiều sự đổi mới xã hội và chính trị khác. Trong số những sự đổi mới đó, chắc chắn một trong những hiện tượng quan trọng nhất chính là chiến tranh.

Nông nghiệp trở thành cái nôi của chiến tranh vì hai lý do. Nó tạo cho cộng đồng khả năng sản xuất ra và dự trữ một sự dư thừa kinh tế đáng để bị đánh chiếm. Và nó thúc đẩy nhanh chóng sự phát triển của nhà nước. Những cái đó kết hợp lại tạo điều kiện đầu tiên cho cái mà ngày nay chúng ta gọi là chiến tranh.

Dương nhiên, không phải tất cả các cuộc chiến tranh hiện đại đều nhằm mục đích kinh tế. Các tài liệu viết về nguyên nhân chiến tranh đã qui cho nó đủ mọi nguyên nhân, từ chủ nghĩa cuồng tin tôn giáo đến tính hiếu chiến bẩm sinh ở các giống loài. Nhưng theo lời của ông Kenneth Boulding quá cố, một nhà kinh tế học và một nhà hoạt động vì hoà bình nổi tiếng, thì chiến tranh "hoàn toàn khác với nghề ăn cướp đơn thuần, với hành động cướp bóc và bạo lực thông thường... Nó đòi hỏi ... một sự dư thừa thực phẩm do công nghiệp đem lại, được thu gom vào một chỗ, đặt dưới quyền sử dụng của một thể lực duy nhất".

LỄ HỘI, ÂM NHẠC VÀ SỰ PHÙ PHIẾM

Sự liên kết nói trên giữa chiến tranh và đất đai đã được các nhà chiến lược và các chiến binh trong quá khứ hiểu rất rõ. Tướng quốc Thương Ưởng¹ từ thời Trung Hoa cổ đại đã chuẩn bị một cuốn cẩm nang cho các chính khách, rất giống Machiavelli làm 1.800 năm sau. Trong cuốn sách đó, Thương Ưởng tuyên bố : "Đất nước lệ thuộc vào nông nghiệp và chiến tranh để gìn giữ hoà bình cho mình".

Thương Ưởng phục vụ nhà Tần từ năm 359 đến năm 338 trước công nguyên. Nhiều lần trong cuốn sách chính trị - quân sự của mình, ông khuyên người cầm quyền thực hiện chính sách ngu dân, tránh các lễ hội, âm nhạc và bất cứ sự phù phiếm nào khiến

1. Thương Ưởng, tướng quốc nhà Tần thời Xuân Thu, Trung Quốc, người khởi xướng môn phái pháp gia - trị quốc bằng pháp luật-N.H.Đ.

dầu óc người dân không nghĩ đến công việc đồng áng và chiến tranh. "Nếu ai cai trị đất nước mà có thể phát triển tối đa hiệu suất đất đai và khích lệ thân dân chiến đấu đến cùng, thì người đó sẽ thu được cả danh lẫn lợi".

Khi dân cư còn thưa thớt, Thương Ưởng thuyết phục nhà vua khuyến khích nhập cư binh lính của các lãnh chúa phong kiến láng giềng. "Hãy hứa miễn 10 năm quân dịch cho họ và sai họ lao động trên đất đai, như vậy sẽ giải phóng được cư dân hiện có để họ tiến hành chiến tranh".

Chỉ dẫn của Thương Ưởng nhằm duy trì quân kỷ tỏ rõ tinh thần tư duy của ông:

"Trong chiến trận, năm người tổ chức thành một tổ, nếu một người bị giết, bốn người kia đều bị xử trảm". Mặt khác nếu các tướng lĩnh thắng trận đều được hưởng thóc gạo, nô lệ hoặc được "hưởng thuế của một thành 300 hộ".

Thương Ưởng cũng sống gần như cùng thời với Tôn Tử, người có cuốn *Binh pháp* đã trở thành binh thư kinh điển. Trong lời dẫn cho lần xuất bản cuốn sách đó mới đây, Samuel B. Griffith viết : "Trong thời Xuân Thu, quân đội có quy mô nhỏ, tổ chức không có hiệu quả, thường là không có chỉ huy tốt, được trang bị nghèo nàn, huấn luyện tồi và hậu cần thất thường. Nhiều chiến dịch kết thúc thảm hại chỉ vì quân đội không kiếm được gì để ăn... Số lượng quân nhu phân phát thông thường chỉ giải quyết trong một ngày. Đương nhiên, khi các thành lớn bị bao vây, thì quân đội đôi khi bị giữ ở chiến trường một thời gian dài. Nhưng những chiến dịch như vậy chỉ là ngoại lệ".

MỘT NGHỀ THEO THỜI VỤ

Nhiều thế kỷ sau, thực phẩm và nông nghiệp trên khắp thế giới không khác mấy so với thời cổ Hy Lạp. Sản lượng của các xã hội nông nghiệp quá thấp, mức dư thừa quá nhỏ đến nỗi phải cần

tới 90% nhân lực chỉ để cho lao động nông nghiệp. Sự ra đi của người con trai để làm quân vụ có nghĩa là một tai hại về kinh tế cho gia đình. Vì vậy, theo nhà sử học Philip M. Taylor, khi người Hy Lạp tiến hành chiến tranh, đó là "một nghề làm theo thời vụ, với những người lính tình nguyện chủ yếu lấy từ trang trại không còn việc làm trong những tháng mùa đông".

Trở lại trang trại nhanh chóng là điều cốt yếu. "Nhu cầu gặt hái ba loại nông phẩm của Hy Lạp - ôliu, nho và ngũ cốc - chỉ chiếm một hai tháng rồi để cho các nông hộ nhỏ có thì giờ đi chiến đấu" - học giả kinh điển Victor Hanson đã viết như vậy trong cuốn *Cách tiến hành chiến tranh ở phương Tây*.

Đôi khi binh sĩ Hy Lạp được lệnh mang theo thực phẩm ba ngày khi họ trở lại làm nhiệm vụ quân sự. Sau đó họ phụ thuộc vào nông thôn. Theo nhà sử học John Keegan, trong các cuộc chiến tranh giữa các thành quốc, "Sự phá hoại kinh khủng nhất mà một thành có thể gây cho thành kia, sau khi đã sát hại các binh sĩ công dân của thành đó trên chiến trường, là tàn phá nông nghiệp". Nhiều thế kỷ sau, cả khi lịch sử đã vượt xa thời đại thành quốc cổ Hy Lạp, câu chuyện vẫn giống như cũ. Ở khắp nơi trong xã hội Làn sóng Thứ nhất, chiến tranh vẫn chỉ nhằm vào nông nghiệp.

Giống như bất kỳ sự khái quát hoá lịch sử nào, cũng có những ngoại lệ đáng kể về ý kiến cho rằng quân đội Làn sóng Thứ nhất được tổ chức, trang bị và chỉ huy nghèo nàn. Không ai coi đội quân viễn chinh La Mã trong thời kỳ hoàng kim lại là một lực lượng đặc biệt tổ chức tồi. Song lời bình luận của Griffith về tính chất đói rách của quân đội kỳ nguyên Tồn Tử cũng có thể áp dụng cho nhiều giai đoạn lịch sử loài người và cho các nơi khác trên thế giới.

Điều đó đặc biệt đúng trong những xã hội nông nghiệp phi tập trung, nơi chủ nghĩa phong kiến thống trị. Tại đây quốc

vương phải đặc biệt dựa vào giới quý tộc để bổ sung quân đội cho các chiến dịch quan trọng. Nhưng lời kêu gọi của nhà vua thường hết sức hạn chế. Trong công trình nghiên cứu bậc thầy *Nền chuyên chế phương Đông* của mình, nhà sử học Karl A. Wittfogel viết: "Chủ quyền của một quốc gia phong kiến không bao gồm sự độc quyền về hoạt động quân sự. Về nguyên tắc, nhà vua có thể huy động chư hầu trong một thời gian hạn chế, lần đầu có thể ba tháng và sau đó bốn mươi ngày, các chúa đất nhỏ thường chỉ phục dịch chừng 20 hay 10 ngày, có khi còn ít hơn".

Hơn nữa, các chư hầu thường không giao hết binh lực cho vương chủ mà chỉ giao một bộ phận. Thông thường ngay cả bộ phận này cũng không phải chịu bất cứ một qui định bắt buộc nào khiến họ phải tiếp tục chiến đấu cho nhà vua nếu chiến tranh bắt họ phải ra nước ngoài. Tóm lại nhà vua chỉ toàn quyền điều khiển quân đội của chính mình. Phần binh lực còn lại thường là chấp vạ các đơn vị tạm thời với kỹ năng, thiết bị, và sự ủng hộ không chắc chắn.

Richard Shelly Hartigan khi viết về lịch sử của thường dân trong chiến tranh đã nêu rằng một lãnh chúa phong kiến châu Âu khi bị tiến công "có thể yêu cầu chư hầu thực hiện nghĩa vụ cho tới khi đẩy lùi kẻ xâm lược ; nhưng khi một lãnh chúa tiến hành chiến tranh xâm lược thì ông ta chỉ có thể giữ người ở chiến trường mỗi năm bốn chục ngày...". Giống như Hy Lạp và Trung Quốc thời cổ, đất đai đang cần họ.

KHI KHÔNG CÓ NGÂN PHIẾU

Hơn nữa, trong hầu hết quân đội Làn sóng Thứ nhất, lương trả cho người lính rất thất thường, phần nhiều bằng hiện vật, ít khi bằng tiền (hệ thống tiền tệ còn sơ đẳng). Giống như Trung Hoa cổ đại, thông thường các tướng lĩnh được cấp đất thay cho lương, đó là một thứ tài nguyên chính của nền kinh tế nông

ngiệp. Dương nhiên, các tướng lĩnh được trả hậu hĩ hơn binh sĩ. Nhà sử học Tacitus khi mô tả quân đội La Mã, đã dẫn lời than vãn của binh lính là sau thời gian "bị đánh, bị thương, mùa đông rét mướt, mùa hè dịch bệnh, chiến tranh tàn khốc, hay thái bình cực khổ", một người lính viễn chinh cấp dưới sau hạn nghĩa vụ, chỉ được cấp một miếng đất vùng lầy hay đồi núi xa xôi. Ở Tây Ban Nha thời Trung đại, và đầu thế kỷ XIX ở Nam Mỹ, đất đai vẫn còn dùng để trả lương cho binh sĩ thay cho tiền.

Vì vậy, các đơn vị quân đội Làn sóng Thứ nhất rất khác nhau về qui mô, năng lực, đạo đức, chất lượng chỉ huy và huấn luyện. Nhiều đơn vị là do các tướng lĩnh nổi loạn hoặc đánh thuê chỉ huy. Y hệt nhu trong kinh tế, liên lạc khi ấy còn thô sơ, phần lớn lệnh được truyền bằng miệng ít khi bằng giấy. Giống như bản thân kinh tế, quân đội cũng lệ thuộc vào đất đai.

Không khác gì công cụ lao động trên đất đai, vũ khí không được tiêu chuẩn hoá. Lao động canh tác thù công được phản ánh trong chiến đấu giáp lá cà. Mặc dù có sử dụng hạn chế những vũ khí từ xa, như nã bắn đá, cung nỏ, máy lăng đá và pháo sơ đẳng nhưng trong hàng ngàn năm cách thức cơ bản tiến hành chiến tranh vẫn là đối mặt chém giết nhau, binh lính được trang bị vũ khí - cây thương, kiếm, búa, giáo, máy phá thành - tùy thuộc theo sức cơ bắp con người và được thiết kế cho chiến đấu cự ly gần.

Trên tám trăm Bayeux nổi tiếng, William - Kẻ chinh phục - được mô tả đang nắm trong tay quả chùy, và mãi đến những năm 1650-1700 ngay cả các tướng lĩnh cao cấp vẫn còn phải tham gia chém giết bằng tay. Nhà sử học Martin Van Greveland nhận xét rằng Frederick Đệ Nhất "có lẽ là vị tổng chỉ huy đầu tiên được thường xuyên mô tả mặc bộ quần áo vải lanh chứ không mặc áo giáp".

Các điều kiện kinh tế và chính trị có thể đổi khác trong các mà Wittfogel gọi là "những xã hội thủy lực", nơi nhu cầu về những

công trình tuổi tiêu lớn đã dẫn đến việc phải huy động nhân công hàng loạt dẫn đến chế độ quan liêu ban đầu, đến các tổ chức quân sự thường trực và chính thức hoá hơn. Ngay cả khi đó, chiến trận phần lớn vẫn là công việc cá nhân mặt đối mặt.

Tóm lại, chiến tranh Làn sóng Thứ nhất mang dấu ấn không thể lẫn lộn của nền kinh tế nông nghiệp Làn sóng Thứ nhất, nền kinh tế đã làm nảy sinh ra kiểu chiến tranh đó, không phải đơn thuần về mặt kỹ thuật mà cả về tổ chức, thông tin, hậu cần, hành chính, chế độ thưởng công, các lãnh đạo, và các ý nghĩa văn hoá.

Bắt đầu từ chính sự phát minh ra nông nghiệp, mỗi cuộc cách mạng trong hệ thống sáng tạo của cải lại gọi ra cuộc cách mạng tương ứng trong hệ thống tiến hành chiến tranh.

6

CHIẾN TRANH LÀN SÓNG THỨ HAI

Cuộc cách mạng công nghiệp đã tung ra Làn sóng thay đổi lịch sử Thứ hai. "Làn sóng" này làm chuyển biến cách sống của hàng triệu người. Một lần nữa chiến tranh lại phản chiếu những sự thay đổi trong việc sáng tạo ra của cải trong lao động.

Chính sản xuất hàng loạt là nguyên tắc cốt lõi của nền kinh tế công nghiệp, nên cũng chính sự phá huỷ hàng loạt trở thành nguyên tắc cốt lõi của chiến tranh thời đại công nghiệp. Nó là dấu ấn xác nhận của chiến tranh Làn sóng Thứ hai.

Ở phương Tây, bắt đầu từ cuối những năm 1600, khi máy hơi nước được đưa vào để bơm thoát nước cho các mỏ ở Anh, khi Newton làm thay đổi khoa học, Descartes viết lại triết học, xi nghiệp bắt đầu lấn chiếm đất đai, sản xuất công nghiệp hàng loạt bắt đầu thay thế nông nghiệp vốn lấy nông dân làm cơ sở, thì chiến tranh cũng dần dần được công nghiệp hoá.

Sản xuất hàng loạt diễn ra song song với *levée en masse*¹ - đó là sự cưỡng bách tham gia hàng loạt vào quân đội được trả lương và trung thành với quốc gia - dân tộc hiện đại chứ không phải với

1. Tiếng Pháp trong nguyên bản : tổng quân hàng loạt - N.H.D.

chúa đất địa phương, với thủ lĩnh thị tộc, hoặc với chỉ huy quân đội. Chế độ quân dịch không phải là mới, nhưng ý niệm về cả một quốc gia cầm súng - *aux armes citoyens* !¹ - là sản phẩm của cách mạng Pháp, đánh dấu rõ ràng cuộc khủng hoảng của chế độ thuần nông già cỗi và sự ra đời về chính trị của giai cấp tư sản hiện đại.

Nhà sử học R.R. Palmer ở Yale viết : sau năm 1792, làn sóng đổi mới "đã làm một cuộc cách mạng đối với chiến tranh bằng cách thay thế cuộc chiến tranh "hạn chế" của chế độ già cỗi bằng cuộc chiến tranh "không hạn chế" của thời đại sau... Chiến tranh trước Cách mạng Pháp chủ yếu là sự đụng độ giữa các ông vua. Sau đó nó ngày càng trở thành sự đụng độ giữa các dân tộc ". Đồng thời nó cũng ngày càng trở thành sự đụng độ giữa các quân đội cường bức tông quân.

LƯỜI LÈ VÀ MÁY TÁCH HẠT BÔNG

Ở Hoa Kỳ, không phải mãi đến các năm 1862-1863, tức là thời kỳ nội chiến (miền Bắc công nghiệp hoá đánh bại miền Nam nông nghiệp), thì chế độ quân dịch mới được áp đặt ở cả hai miền. Cũng vậy, ở Nhật Bản cách xa nửa vòng trái đất, chế độ quân dịch được ban hành chậm hơn một chút vào năm 1868, khi cuộc cách mạng Minh Trị mở đầu con đường tiến đến công nghiệp hoá cho đất nước này. Tại đây các võ sĩ đạo samurai thời phong kiến được thay thế bằng binh lính quân dịch. Sau mỗi cuộc chiến tranh, khi sự căng thẳng đã giảm bớt, ngân sách giảm đi thì quân đội lại trở về chế độ tình nguyện, nhưng khi có khủng hoảng thì việc cường bức tông quân hàng loạt lại trở thành phổ biến.

Những thay đổi gây ấn tượng sâu sắc nhất trong chiến tranh là do những vũ khí mới được tiêu chuẩn hóa đem lại và giờ đây

1. Tiếng Pháp trong nguyên bản : các công dân hãy cầm súng - N.H.D.

chúng được sản xuất theo phương pháp sản xuất hàng loạt. Năm 1798, ở nước Hoa Kỳ mới, Eli Whitney người phát minh ra máy tách hạt bông, đề nghị chính phủ ký hợp đồng do ông "đảm nhiệm việc chế tạo mười hoặc mười lăm ngàn bộ vũ khí cá nhân". Mỗi bộ gồm có một súng trường, một lưỡi lê, một thông nòng và một cái vận vít. Whitney còn chào bán hộp đạn, súng lục, và các thứ khác nhờ dùng "máy rèn, cán, gò, khoan nòng, mài, đánh bóng, v.v.."

Vào thời ấy, đó là một đề nghị đáng ngạc nhiên. Các nhà sử học Jeanette Mirsky và Allan Nevins viết : "Mười, mười lăm ngàn bộ súng là một quan niệm khác thường không thể có được như máy bay trước thời kỳ "Kitty Hawk"."

Chiến tranh thúc đẩy nhanh chóng quá trình công nghiệp hoá bằng cách, chẳng hạn, phổ biến nguyên tắc các phụ tùng có thể thay thế cho nhau. Sự đổi mới công nghiệp cơ bản này đã nhanh chóng được vận dụng để làm ra mọi thứ, từ súng ngắn cho đến cái ròng rọc dùng trên các chiến thuyền buồm. Ở Nhật Bản thời tiền công nghiệp cũng vậy, một phần công cuộc cơ khí hoá sơ đẳng đầu tiên đã được sử dụng để chế tạo vũ khí.

Một nguyên tắc cơ bản khác trong công nghiệp - tiêu chuẩn hoá - cũng nhanh chóng được áp dụng không chỉ cho bản thân vũ khí mà còn cho cả công tác đào tạo, tổ chức và lý luận quân sự nữa.

Như vậy, sự biến đổi chiến tranh về mặt công nghiệp đã vượt xa ra ngoài lĩnh vực kỹ thuật. Những đội quân đói rách phục vụ nhất thời do các giới quý tộc phong kiến lãnh đạo được thay thế bằng quân đội thường trực do các sĩ quan chuyên nghiệp được huấn luyện tại các học viện quân sự chỉ huy. Người Pháp thành lập hệ thống tham mưu đào tạo các sĩ quan chính quy phục vụ cho bộ tư lệnh cao cấp. Năm 1875 Nhật Bản thành lập học viện quân sự sau khi học tập Pháp. Năm 1881 Hoa Kỳ thành lập

Trường Huấn luyện bộ binh và kỵ binh tại Pháo đài Leavenworth, Kansas.

HÀNG RÀO BÀN GHI NHỚ

Sự phân công lao động trong công nghiệp được tái hiện bằng sự ra đời của các chuyên ngành mới trong quân sự. Cũng như trong kinh doanh, hệ thống quan liêu quân sự cũng phát triển. Quân đội phát triển các bộ tổng tham mưu. Các lệnh viết thay thế lệnh miệng trong nhiều lĩnh vực. Bàn ghi nhớ đã được phổ cập trong kinh doanh cũng như trên chiến trường.

Khắp mọi nơi, công cuộc hợp lý hoá theo kiểu công nghiệp đã trở thành chương trình nghị sự. Do vậy, trong cuốn *Những người lính của Mặt trời*, một cuốn sử gây nhiều ấn tượng về quân đội Nhật Hoàng, Meirion và Susie Harries đã viết: "Những năm 1880 là những năm quân đội phát triển và cũng có một lực lượng chuyên nghiệp, có khả năng thu thập tình báo, đề ra chính sách, vạch kế hoạch và chỉ huy các chiến dịch, tuyển mộ, đào tạo, trang bị, vận chuyển và quản lý một lực lượng vũ trang hiện đại".

"Thời đại máy móc" làm nảy sinh ra súng máy, nảy sinh ra chiến tranh cơ giới hoá và những loại súng hoàn toàn mới, và như chúng ta sẽ thấy, chúng lại dẫn tới những loại chiến thuật mới. Công nghiệp hoá dẫn tới chỗ cải thiện đường xá, hải cảng, cung ứng năng lượng và thông tin. Nó tạo cho quốc gia - dân tộc các phương tiện thu thuế hữu hiệu hơn. Tất cả những sự phát triển này đã mở ra quy mô to lớn cho các chiến dịch quân sự tiềm tàng.

Trong khi Làn sóng Thứ hai dấy lên khắp xã hội, thì các thiết chế của Làn sóng Thứ nhất bị xói mòn và tan rã. Một hệ thống xã hội nảy sinh, nó có khả năng liên kết sản xuất hàng loạt, giáo dục hàng loạt, thông tin hàng loạt, tiêu dùng hàng loạt, giải trí hàng loạt và với sự gia tăng không ngừng các vũ khí huỷ diệt hàng loạt.

CÁI CHẾT TRÊN DÂY CHUYỀN LẤP RÁP

Tin vào thắng lợi nhờ có cơ sở công nghiệp, trong Chiến tranh thế giới thứ hai Hoa Kỳ không chỉ cử 15 triệu người tham gia chiến tranh mà còn sản xuất hàng loạt gần 6 triệu khẩu súng trường và súng máy, trên 300.000 máy bay, 100.000 xe tăng và xe bọc thép, 71.000 tàu chiến và 41 tỷ (tỷ chứ không phải triệu) viên đạn.

Chiến tranh thế giới thứ hai cho thấy một tiềm năng dành cho việc công nghiệp hoá cái chết. Bọn phát xít sát hại tới 6 triệu người Do Thái theo đúng kiểu công nghiệp thực sự - trên thực tế chúng đã tạo ra những dây chuyền giết người. Bản thân chiến tranh làm thiệt mạng 15 triệu binh sĩ của tất cả các nước và gần gấp đôi con số đó là thường dân.

Nhu vậy, ngay cả trước khi bom nguyên tử huỷ diệt Hiroshima và Nagasaki, chiến tranh đã đạt tới mức huỷ diệt hàng loạt không thể so sánh được. Chỉ riêng ngày 9-3-1945, 334 máy bay B.29 của Mỹ trong một trận oanh kích Tokyo đã phá huỷ 267.171 ngôi nhà, giết hại 84.000 dân thường (làm bị thương 40.000 người khác) đồng thời san phẳng 16 dặm vuông của thành phố.

Những cuộc oanh kích ở ạt khác cũng đã phá huỷ Coventry ở Anh và Dresden ở Đức, không kể những trung tâm dân cư nhỏ hơn ở khắp châu Âu.

Khác với Tôn Tử cho rằng vị tướng thành đạt nhất là người đạt được mục đích mà không cần phải đánh nhau, hoặc chỉ tổn thất ít nhất. Karl von Clausewitz (1780 - 1831), người cha của chiến lược hiện đại, lại dạy một bài học khác. Trong các tác phẩm sau này ông đã nêu những điểm tinh vi thậm chí mâu thuẫn. Câu châm ngôn của ông cho rằng "chiến tranh là một hành vi bạo lực được thúc đẩy tới giới hạn tối đa" đã được lưu truyền qua khắp các cuộc chiến tranh thời đại công nghiệp.

BÊN KIA CÁI TUYỆT ĐỐI

Clausewitz đã viết về "chiến tranh tuyệt đối". Tuy nhiên điều đó không đáp ứng cho một số nhà lý luận kế tiếp ông. Cho nên tướng Đức Erich Ludendorff sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đã mở rộng khái niệm đó thành "chiến tranh tổng lực" trong đó ông đi ngược lại Clausewitz. Clausewitz cho rằng chiến tranh là sự mở rộng của chính trị, quân sự là công cụ của đường lối chính trị. Ludendorff lập luận rằng để có chiến tranh tổng lực, bản thân trật tự chính trị phải phụ thuộc vào quân sự. Các nhà lý luận phát xít về sau mở rộng khái niệm của Ludendorff về chiến tranh tổng lực bằng việc phủ nhận thực tế của bản thân hoà bình, nhấn mạnh rằng hoà bình chỉ là thời kỳ chuẩn bị cho chiến tranh - "chiến tranh xen giữa các chiến tranh".

Theo nghĩa rộng hơn, chiến tranh tổng lực cần phải được thực hiện về chính trị, kinh tế, văn hoá, tuyên truyền và toàn bộ guồng máy xã hội phải chuyển sang "bộ máy chiến tranh" duy nhất. Đó là sự hợp lý hoá theo kiểu công nghiệp được phát triển đến tột độ.

Hậu quả về quân sự trong các lý thuyết nói trên là việc tối đa hóa sự huỷ diệt. Như B. H. Liddell Hart đã viết trong cuốn *Lịch sử tư duy chiến lược* của mình: "Trong hơn một thế kỷ qua, qui tắc cơ bản của học thuyết quân sự là: "sự huỷ diệt lực lượng chủ yếu của kẻ thù trên chiến trường" đã trở thành mục tiêu thực sự duy nhất trong chiến tranh. Điều đó được chấp nhận khắp nơi, được khắc hoạ trong tất cả các cuốn sách giáo khoa quân sự giảng dạy ở các trường tham mưu. Nguyên tắc tuyệt đối như vậy ắt hẳn làm ngạc nhiên các nhà chỉ huy và giáo viên vi đại về lý luận chiến tranh trong các thời đại trước thế kỷ XIX".

Song các thời đại ấy phần lớn vẫn chỉ là mang tính chất tiền công nghiệp. Khái niệm về chiến tranh tổng lực và huỷ diệt hàng loạt được thừa nhận rộng rãi sau cách mạng công nghiệp, vì

chúng phù hợp với đặc tính của xã hội sản xuất hàng loạt - nền văn minh Làn sóng Thứ hai.

Trên thực tế, chiến tranh tổng lực làm mờ nhạt hay xóa bỏ hoàn toàn sự cách biệt giữa các mục tiêu quân sự và dân sự. Do mọi thứ đều được xem là tham gia vào nỗ lực chiến tranh tổng lực, nên mỗi thứ - từ kho chứa vũ khí đến nhà ở của công nhân, từ kho đạn tạm thời đến xưởng in - đều là mục tiêu hợp pháp.

Curtis LeMay, vị tướng chỉ huy cuộc oanh kích Tokyo, sau này trở thành người lãnh đạo của Bộ tư lệnh không quân chiến lược Hoa Kỳ, là một môn đệ trung thành của lý thuyết huỷ diệt hàng loạt. Ông nhấn mạnh rằng nếu chiến tranh xảy ra, không còn có thì giờ xếp đặt ưu tiên các mục tiêu, không có kỹ thuật để ngấm mục tiêu chính xác.

Fred Kaplan viết trong cuốn *Những thầy phù thủy của trận ác chiến* rằng: "Đối với LeMay, phá huỷ mọi thứ là cách để đạt được chiến thắng... toàn bộ vấn đề của ném bom chiến lược là ném hàng loạt". LeMay là người quản lý các máy bay ném bom hạt nhân của Mỹ.

Những năm 60, các lực lượng Xô viết và NATO đối mặt với nhau ở Đức, vũ khí hạt nhân chiến trường "nhỏ" được bổ sung vào kho vũ khí của các siêu cường. Các kịch bản chiến tranh đã vẽ ra hình ảnh về việc sử dụng các thứ vũ khí này cùng việc triển khai "các đội hình xe tăng to lớn" tiến lên phía trước qua "tầm thâm hạt nhân và hoá học" trong cuộc chiến tranh huỷ diệt cuối cùng.

Thực vậy, trong suốt thời kỳ chiến tranh tiếp theo Chiến tranh thế giới thứ hai, sức phá huỷ hàng loạt tốt cùng là vũ khí hạt nhân đã chế ngự mối quan hệ giữa hai siêu cường to lớn.

BÓNG MA CHẾT NGƯỜI

Khi nền văn minh công nghiệp đạt đến đỉnh cao trong thời kỳ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, thì huỷ diệt hàng loạt giữ vai trò trung tâm trong học thuyết quân sự giống như sản xuất hàng loạt trong kinh tế học. Nó là bóng ma chết người của sản xuất hàng loạt.

Tuy nhiên, đến cuối những năm 70 đầu những năm 80 khi công nghệ, tư tưởng, hình thái và lực lượng xã hội thuộc Làn sóng Thứ ba bắt đầu thách thức cái xã hội hàng loạt của Làn sóng Thứ hai, thì một làn gió mới bắt đầu thổi. Như chúng ta thấy, một nhóm nhỏ các nhà tư tưởng trong giới quân sự và Quốc hội Mỹ ngày càng nhận rõ là có sự sai lầm căn bản trong học thuyết quân sự của Mỹ. Cuộc chạy đua mở rộng tầm cỡ, tốc độ và tính chết người của vũ khí đã đạt tới giới hạn cuối cùng của nó xét về tất cả các mục đích thực tiễn. Cuộc tranh giành chống thế lực Xô viết đã dẫn đến thế cân bằng hạt nhân và những lời đe dọa điên rồ về "sự huỷ diệt chắc chắn cho cả hai bên". Liệu có cách nào đánh bại được sự xâm lấn (giả định) của Liên Xô mà không dùng đến vũ khí hạt nhân không?

Sự phát triển của chiến tranh hiện đại - chiến tranh của thời đại công nghiệp - đã đạt đến mâu thuẫn tột đỉnh. Cần có một cuộc cách mạng thực sự trong tư duy quân sự, một cuộc cách mạng phản ánh lực lượng kinh tế và kỹ thuật mới sinh ra từ Làn sóng biến đổi Thứ ba.

TRẦN CHIẾN KHÔNG - LỤC

Donn Starry là một người cao lớn, vạm vỡ, tóc và mắt màu xám, thường đeo kính gọng kim loại và ăn nói với giọng quyền uy điềm tĩnh. Ông ưa thích công việc của thợ mộc, sơn sửa nhà nghỉ hè tại vùng núi hẻo lánh ở Colorado. Ông tỉ mỉ lập danh mục cho cái thư viện 4000 quyển sách của mình. Mỗi năm một lần ông cùng với vợ là Letty sang Canada dự Liên hoan Stratford Shakespeare. Trông ông giống một hiệu trưởng trường đại học - thực tế một thời ông đã từng giữ chức vụ ấy - mặc dù không ở trường đại học chính quy.

Starry đã chỉ huy công việc tập dượt trí tuệ giúp cho Lục quân Mỹ thoát khỏi hố đen thoái chí từ sau Chiến tranh Việt Nam để vực họ lên tới đỉnh cao thành tích trong chiến tranh Vùng Vịnh. Ông đã giúp đỡ thành công việc cấu trúc lại một trong những thể chế lớn nhất, quan liêu và ngoan cố nhất trên thế giới - một nhiệm vụ mà rất ít các nhà quản lý công nghiệp, thường phải đối phó với những tổ chức ít công kênh và ít phức tạp hơn nhiều, lại có thể thực hiện được.

Thực tế, thế giới ít người biết rằng hình bóng của Starry đã ám ảnh Saddam Hussein, trong suốt cả cuộc Chiến tranh Vùng Vịnh Pécxích. Bởi vì như chúng ta đã thấy ở phần đầu cuốn sách này, chính Donn Starry và Don Morelli là những người đã nghĩ

đến cuộc chiến tranh Làn sóng Thứ ba cách đây mười năm trước khi cuộc chiến tranh đó bắt đầu.

Starry còn là đứa trẻ vào thời kỳ suy thoái lớn những năm 30. Phụ thân ông làm việc ở một hiệu bán bàn ghế một thời gian và ở một tờ báo địa phương trong một vùng nông thôn ở Kansas bị tác động mạnh của suy thoái. Nhưng ông còn là sĩ quan trong đội vệ binh quốc gia Kansas, và Donn trở thành người đem lại may mắn cho các chiến binh về nghỉ cuối tuần tại tỉnh lỵ quê nhà.

Năm 1943, ngọn lửa Chiến tranh thế giới thứ hai lan rộng khắp hành tinh và Donn nhập ngũ vào quân đội Hoa Kỳ và rất muốn được chiến đấu. Nhưng viên trung sĩ nhất nhạy cảm gần như ngay lập tức đã nhận thấy cái chất sĩ quan trong con người anh. Anh ta dẫn Starry đến trước một chồng sách được chọn lọc và bảo anh đóng cửa ba tuần đọc hết số sách này. Viên trung sĩ bảo: "Starry, anh chuẩn bị đi thi tuyển vào trường sĩ quan West Point".

Khi Starry phản đối đòi ra trận, viên trung sĩ bảo: "Hãy nghe tôi nói đây. Cuộc chiến tranh này sẽ không kéo dài mãi mãi. Tôi đã ở trong quân đội từ Chiến tranh thế giới thứ nhất. Quân đội luôn cần những sĩ quan giỏi. Bây giờ anh chưa được như vậy - mới chỉ là một anh lính quèn. Nhưng tôi muốn anh đi học sĩ quan".

Năm 1948 Starry tốt nghiệp học viện quân sự với cấp bậc trung úy. Chiến tranh đã kết thúc, anh là một sĩ quan trẻ trong một quân đội đang giảm quân số. Starry thăng tiến trên những bậc thang chức vụ theo thường lệ, từ trung đội trưởng rồi đại đội trưởng đến sĩ quan tham mưu tiểu đoàn. Là một chuyên gia về xe bọc thép, anh phục vụ tại Triều Tiên trong những năm 50 với tư cách là sĩ quan tình báo thuộc ban tham mưu Quân đoàn 8. Khi sự dính liú của Mỹ vào Chiến tranh Việt Nam được mở rộng trong những năm 60, Starry là thành viên của nhóm nghiên cứu chức năng hoạt động của các đơn vị cơ giới và bọc thép.

Sau này, với cấp bậc đại tá, ông chỉ huy trung đoàn Kỵ binh Thiết giáp 11 nổi tiếng trong thời kỳ Mỹ xâm nhập Campuchia năm 1970. Tại đây, trong trận đụng độ gần đường băng ở Snuol, ông bị thương vì một quả lựu đạn của quân đội Bắc Việt Nam.

Sự thất bại của Mỹ tại Việt Nam, và đặc biệt là công luận chế giễu của một đất nước bị chia rẽ một cách nhức nhối đã làm cay đắng nhiều cựu chiến binh và sĩ quan. Giới quân sự bị chỉ trích vì tội sử dụng ma túy, tham nhũng, thói tàn bạo. Những người chiến đấu dũng cảm lại thấy mình bị lên án là những kẻ "giết hại trẻ em". Một lực lượng quân sự tiên tiến nhất thế giới về kỹ thuật thực tế đã từng chiến thắng nhiều trận với quân đội Bắc Việt Nam, làm sao lại bị đánh bại nhục nhã bởi những chiến sĩ có trang bị và trang phục nghèo nàn của một nước cộng sản thuộc thế giới thứ ba?

SỰ CHẤN THUƠNG RỪNG RẬM

Giống như các Công ty General Motors hay IBM, quân đội Hoa Kỳ đã được tổ chức gần như hoàn hảo cho thế giới Làn sóng Thứ hai. Cũng giống như những công ty nói trên, nó được thiết kế cho những chiến dịch tập trung, hàng loạt và theo tuyến từ trên xuống dưới. (Thực vậy, cuộc Chiến tranh Việt Nam được Nhà Trắng trực tiếp theo dõi và xử lý, đôi khi tổng thống lựa chọn các mục tiêu ném bom). Bộ máy quân sự ấy mang nặng tinh quan liêu bị xâu xé bởi những cuộc chiến tranh giành giật và những cuộc cạnh tranh giữa các ngành. Nó chỉ phát huy tác dụng khi quân đội Bắc Việt Nam tung ra những cuộc hành quân Làn sóng Thứ hai quy mô lớn. Nhưng bộ máy ấy được tổ chức quá tồi để tiến hành chiến tranh du kích quy mô nhỏ - chủ yếu là chiến tranh Làn sóng Thứ nhất trong rừng rậm.

Tuy vậy, cái mà Starry gọi là "kinh nghiệm tồi tệ của quân đội trong Chiến tranh Việt Nam" lại có một ảnh hưởng tích cực. Nó

dẫn tới một sự tự phân tích đau thương và chân thực hơn nhiều so với sự phân tích ở các công ty lớn. Theo Starry, chấn thương Việt Nam "hằn sâu trong trí nhớ mọi người đến mức họ dễ chấp nhận làm một cái gì mới và khác đi".

Cuộc khủng hoảng còn tồi tệ hơn khi người ta xem xét thế cân bằng quân sự ở châu Âu. Trong khi Mỹ bị sa lầy vào Việt Nam, thì Liên Xô tận dụng thời gian mười năm đó để hiện đại hoá xe tăng và tên lửa, cải thiện học thuyết của họ, tăng cường quân lực của họ tại châu Âu. Nếu lực lượng Hoa Kỳ không thể nào đánh bại quân đội Bắc Việt, liệu họ có cơ may thắng Hồng quân Liên Xô không?

Chiến tranh lạnh vẫn còn là thực tế ngự trị đời sống quốc tế. Trong khi Hoa Kỳ chịu đựng thất bại cay đắng, Liên Xô vẫn không hề tỏ dấu hiệu gì về sự tan rã trong tương lai. Khi ấy Leonid Brezhnev và Đảng cộng sản vẫn nắm quyền ở Mátxcơva. Quân đội Xô viết vẫn còn là một con gôri-la nặng tới 700 bảng ăn chơi thoải mái.

NHỐT THẦN VÀO CHAI

Do quân đội chính quy của Liên Xô và khối Đông Âu khi ấy còn lớn, do số lượng xe tăng của họ vượt xa số xe tăng của phương Tây, cho nên các nhà vạch kế hoạch khối Bắc Đại Tây Dương nhận ra rằng lực lượng nhỏ bé của họ không thể nào đánh trả cuộc tiến công của Hồng quân vào Tây Âu nếu không dựa vào vũ khí hạt nhân. Thực vậy, tất cả kế hoạch bảo vệ nước Đức đều dự kiến việc sử dụng vũ khí hạt nhân ngay trong vòng từ 3 đến 10 ngày sau khi phía Liên Xô tiến công. Nhưng nếu dùng bom hạt nhân, nó sẽ phá huỷ nhiều vùng ở Tây Đức mà NATO muốn giữ.

Hơn nữa, mối đe dọa thường trực về sự leo thang từ bom hạt nhân chiến thuật tầm ngắn sang tình trạng đối chọi hạt nhân toàn

lực trên phạm vi toàn cầu làm cho Lầu Năm Góc, bộ chỉ huy NATO tại Brussels và cả Kremli phải thức trắng đêm.

Đó là tình trạng tiến thoái lưỡng nan đặt ra cho Donn Starry năm 1976, khi ông được cử làm chỉ huy quân đoàn 5 của Mỹ ở Đức, đóng ở nơi dễ bị tấn công nhất châu Âu. Nơi đây, tại Fulda Gap, gần thành phố Kassel, là nơi có thể bị quân đội Xô viết đánh chiếm đầu tiên, một khi chiến tranh bùng nổ. Nếu chiến tranh hạt nhân xảy ra, thì nó cũng rất có thể bắt đầu từ đây. Tóm lại, Starry bỗng nhiên thấy mình là người đứng mũi chịu sào cho phương Tây đối chọi với sức mạnh Xô viết khổng lồ.

Đối với Starry, cốt lõi vấn đề đã rõ : không ai được phóng thích vị thần hạt nhân không kiểm soát nổi ra khỏi cái chai đang nhốt nó. Cho nên, phương Tây phải tìm cách tự bảo vệ chống lại lực lượng Xô viết ưu việt về số lượng mà không phải dùng tới vũ khí hạt nhân của mình. Ở thời điểm ông đến nhậm chức ở Đức, Starry tin chắc rằng thắng lợi không cần hạt nhân là khả năng có thể. Nhưng không phải là dựa vào học thuyết truyền thống.

CHIẾC VÉ ĐI TEL AVIV

Điều thuyết phục Starry là một cuộc đụng độ ngắn, man rợ xảy ra trước đó ba năm. Cách biên giới Tây Đức 2000 dặm về phía đông, trên đường giáp ranh giữa Ixraen và Xyri tại vùng đồi gập ghềnh gọi là cao nguyên Golan, đã diễn ra một trong những trận giao chiến lớn bằng xe tăng trong lịch sử. Các sĩ quan xe tăng ở khắp nơi trên trái đất đều có thể nghiên cứu trận đánh này trong suốt các thập kỷ tiếp theo.

Cuộc chiến bắt đầu vào ngày Yom Kippur, tức ngày 6 - 10 - 1973, khi bất thành lính quân đội Ai Cập và Xyri tiến công Ixraen. Trước đây, khi Ixraen đánh thắng nhanh người Ai Cập trong cuộc chiến 6 ngày năm 1967, đập tan không lực địch thù trên mặt đất trước khi chúng cất cánh, thì năm 1973 lực lượng Ai Cập được

trang bị tốt hơn, huấn luyện kỹ hơn, và tin rằng chắc chắn họ sẽ đánh bại Ixraen. Mà tại sao lại không?

Lực lượng của Xyri đánh phía bắc. Năm sư đoàn gồm trên 45.000 quân được yểm trợ bằng 1.400 xe tăng, 1.000 súng cối và pháo binh, hò hét tiến qua biên giới Ixraen. Lực lượng này có cả xe tăng T.62, loại tiên tiến nhất do Liên Xô chế tạo hồi đó.

Chống chọi lại chỉ có hai lữ đoàn Ixraen yếu ớt, lữ đoàn 7 ở phía bắc và lữ đoàn 188 ở phía nam - tất cả chỉ có 6.000 quân với 170 xe tăng và 60 cỗ pháo. Mặc dù có sự chênh lệch rõ rệt đó, nhưng chính người Ixraen chiến thắng, chứ không phải người Xyri.

Hai tháng rưỡi sau, đầu tháng giêng năm 1974, người Anh mời Starry và một топ sĩ quan thiết giáp đến thăm một vài nơi huấn luyện. Vợ của Starry là Letty cũng đi theo. Họ đang thích thú du ngoạn ở Anh thì bất chợt có cú điện thoại của tướng Creighton Abrams, tổng tham mưu trưởng : "Sáng mai sẽ có một sĩ quan mang theo giấy tờ cần thiết tới gặp anh. Cho vợ và các sĩ quan tùy tùng trở về. Anh chọn lấy một người đi theo và sang Ixraen".

Vì có nhiều năm trong đời nghiên cứu chiến tranh xe tăng, Starry được chỉ định khám phá điều gì đã xảy ra trên cao nguyên Golan.

Starry nhanh chóng ngạc nhiên trước quang cảnh hàng loạt xe tăng Xyri bị phá huỷ, các xe chở binh sĩ bị cháy rụi. Ông xem xét từng tác đất trên chiến địa Golan. Ông gặp gỡ nhiều lần tất cả các sĩ quan chỉ huy chủ chốt của Ixraen như Moshe "Mussa" Peled, Avigdor Kahalani, Benny Peled và các sĩ quan cấp tiểu đoàn, sống lại những giây phút của trận đánh.

ĐIỀU BẤT NGỜ Ở KUNEITRA

Cuộc chiến bắt đầu từ 1 giờ 58 phút chiều ngày 6 - 10. Trong vòng 24 giờ, quân của Lữ đoàn 188 bị hai sư đoàn Xyri với 600 xe tăng tiến công và đánh tan ở phía nam. 90 phần trăm sĩ quan của lữ đoàn bị chết hoặc bị thương, và quân Xyri ồ ạt tiến sang cách sông Jordan và biển Galilee chừng 10 phút. Đội quân phòng thủ đường như bị đè bẹp, và quân Xyri gần như tàn phá đại bản doanh sư đoàn quân Ixraen.

Trong khi đó, 500 xe tăng Xyri ở nửa phía bắc cao nguyên Golan tiến đánh với một sức mạnh tương tự vào Lữ đoàn 7 Ixraen chỉ có 100 xe tăng. Tại đây cuộc chiến kéo dài 4 ngày, Lữ đoàn 7 cố gắng phá huỷ hàng trăm xe tăng và xe bọc thép Xyri trước khi lực lượng xe tăng của mình mất đi chỉ còn 7 chiếc. Lúc này, đạn dược đã cạn và đang chuẩn bị rút lui, Lữ đoàn 7 được bổ sung thêm 13 xe tăng bị hỏng vội sửa chữa để trở lại chiến đấu cùng một số người bị thương lấy từ bệnh viện ra để điều khiển xe. Lữ đoàn 7, trong trận chiến thuộc loại anh hùng nhất trong lịch sử Ixraen, đã tung ra một cuộc phản công bất ngờ tuyệt vọng, tới mức quân Xyri tàn sức phải rút lui trước sự ngạc nhiên của quân Ixraen.

Trận chiến đấu dũng cảm dường như không còn hy vọng của Lữ đoàn 7 ở khu vực phía bắc ngày nay được ghi nhớ trong cuốn sách nhan đề *Đỉnh cao của lòng dũng cảm* do Avigdor Kahalani, chỉ huy tiểu đoàn thuộc Lữ đoàn 7 viết, mang lời tựa của Donn Starry.

Song trận chiến chủ yếu thực sự diễn ra ở khu vực phía nam. Chính trận này làm thay đổi cách nghĩ của Starry về chiến tranh.

Cuộc chống cự đẫm máu của Lữ đoàn 7 ở phía bắc đã dành đủ thì giờ cho tiếp viện đến kịp ở phía nam. Sư đoàn thứ hai dưới sự chỉ huy của tướng Moshe "Mussa" Peled tiến song song cách 10 dặm ở phía nam lực lượng của tướng Laner. Các lực lượng này lúc đó được không quân Ixraen yểm trợ dày đặc, tiến sát lại nhau

tạo thành gọng kìm xiết chặt lực lượng Xyri đang tập trung nằm cách Kuneitra khoảng vài dặm về phía nam.

Starry hỏi cặn kẽ các tướng chỉ huy Ixraen về mỗi chi tiết của trận đánh. Ông được biết rằng có một lúc đã nổ ra cuộc tranh cãi giữa họ về việc phải sử dụng quân tiếp viện của tướng "Mussa" Peled như thế nào. Họ cho rằng tướng "Mussa" Peled cần phải tăng cường cho những điểm yếu nhất và tiếp tục phòng thủ. Nhưng Peled phản đối. Ông cho rằng điều đó chỉ dẫn đến sự tiêu hao sinh lực - và cuối cùng sẽ dẫn đến thất bại. Thay vào đó, Peled- được sự ủng hộ của tướng Chaim Bar-lev, cựu tổng tham mưu trưởng, khi đó là cố vấn quân sự tối cao của Thủ tướng Golda Meir - quyết định sử dụng viện binh để tấn công. Giữa lúc đang bị thua trận, lệnh tiến công chiến thuật được ban ra, và thay vào hướng chính diện của lực lượng Xyri, nó tiến đánh từ một hướng bất ngờ.

Mặc dù Peled mất nhiều quân nhưng cuộc tiến công của ông vào cánh trái lực lượng Xyri đã làm cho họ bất ngờ mất thăng bằng. Cùng với quân của tướng Laner, gọng kìm càng xiết chặt hơn nữa. Kết quả không chỉ là điều bất ngờ mà là sự tháo chạy tán loạn của quân Xyri. Nghĩa là nhiều lực lượng yểm trợ của Xyri không phát huy tác dụng.

Chaim Herzog viết trong cuốn *Chiến tranh Ả-rập- Ixraen* như sau : "Trưa thứ tư mùng 10-10, gần bốn ngày sau khi 1400 xe tăng Xyri ào ạt vượt qua ranh giới (giới tuyến ngừng bắn giữa Xyri và Ixraen sau chiến tranh 6 ngày năm 1967) nhằm tiến công ồ ạt vào Ixraen, không còn lại một chiếc tăng nào của Xyry có đủ điều kiện chiến đấu ở phía tây ranh giới".

Quân Ixraen nhanh chóng tập hợp lại và tiến sang đất Xyri sát tới thủ đô Damascus. Phía sau họ, Herzog viết : "Niềm kiêu hãnh của quân đội Xyri tan thành mây khói và cháy tàn lụi dọc theo trục tiến công trước đó của họ... Những vũ khí và trang bị

hiện đại nhất mà Liên Xô cung cấp cho bất cứ quân đội nước ngoài nào nằm rải rác trên vùng đồi nhấp nhô của cao nguyên Golan, bằng chứng của một trong những chiến thắng vĩ đại bằng xe tăng trong lịch sử, chống lại một sự chênh lệch lực lượng đến mức khó tin".

Vào thời điểm cuộc ngừng bắn của Liên hợp quốc được Xyri chấp thuận và kết thúc cuộc chiến, họ đã mất 1.300 xe tăng (trong số đó 867 chiếc rơi vào tay Ixraen). Khoảng 3.500 lính Xyri bị chết và 370 người khác bị bắt. Tất cả số xe tăng của Ixraen đều bị trúng đạn lúc này hay lúc khác, nhưng nhiều chiếc được sửa chữa tức thời và đưa trở lại chiến đấu tiếp. Chỉ có 100 chiếc bị phá hủy hoàn toàn. Phía Ixraen mất 772 người, 65 người khác bị Xyri bắt làm tù binh.

Bài học đầu tiên đối với Starry là "tương quan lực lượng ban đầu" không quyết định kết quả cuối cùng. "Ai ít quân hơn hoặc ai đông quân hơn, điều đó không quan trọng". Nói cách khác, việc Xyri có một đội quân đông đảo đã không giúp gì cho họ cả.

Một bài học không thể làm lẫn lộn nữa là ai nắm được thể chủ động "dù người đó có ít quân hơn hoặc nhiều quân hơn, dù người đó tấn công hay phòng thủ" thì người đó sẽ là người chiến thắng. Như quân Ixraen cho thấy, ngay cả một đội quân ít người và ở thế phòng thủ chiến lược nhưng vẫn có thể nắm quyền chủ động.

Các quan niệm trên không phải là mới. Nhưng chúng trực tiếp tác động vào lối suy nghĩ thông thường hồi đó. Quan niệm cũ - gắn liền với trò chơi chiến tranh và diễn tập - cho rằng một khi quân đội Xô viết tiến công Đức, thì quân đội NATO sẽ rút lui, chiến đấu cầm cự và sau đó chuyển sang tấn công và đẩy lùi quân địch. Nếu thất bại, họ sẽ dựa vào vũ khí hạt nhân. Starry kết luận rằng điều đó là sai lầm. "Tôi nhận ra rằng chúng ta cần phải tri hoãn và phá rối sâu vào khu trận địa quân địch. Việc tiến quân có trật tự của đội hình bậc thang của địch cần phải được

chặn lại. Chúng ta sẽ không tiêu diệt được chúng, tuy làm được như vậy là tốt. Nhưng điều chúng ta thực sự phải làm là ngăn không cho chúng tiến vào trận địa để áp đảo quân ta phòng thủ".

PHÒNG THỦ TÍCH CỰC

Starry lập luận : nếu quân Xyri với số lượng đông đảo và được Liên Xô trang bị, sử dụng học thuyết Xô viết, có thể bị ngăn chặn bởi quân Ixraen bị áp đảo nhiều về số lượng đang phải thực hiện một vòng vây mỏng, thì tại sao quân đội đông đảo của Liên Xô và Đông Âu lại không thể bị chặn bởi lực lượng đông mình nhỏ hơn mà không dùng tới vũ khí hạt nhân? Trên thực tế, bài học này cũng có thể áp dụng cho các nơi khác trên thế giới, nơi mà có nhiều nước vẫn còn đang xây dựng quân đội chính quy đông đảo dựa trên học thuyết cũ cho rằng chỉ cần đông quân sẽ thắng.

Thất bại thảm hại ở Việt Nam khiến cho người ta phải vội vã thay đổi quan niệm. Năm 1973, quân lực Mỹ thành lập TRADOC - Bộ tư lệnh về huấn luyện và học thuyết- dưới sự lãnh đạo của tướng William E. De Puy. Là một tổ chức ít được biết đến, TRADOC thực hiện một hệ thống giáo dục có quy mô lớn nhất trong thế giới không cộng sản. Nó đóng vai trò tương đương các trường đại học dành cho sĩ quan, cùng với hàng trăm trung tâm huấn luyện khác. Nó dành sự quan tâm lớn cho các vấn đề như học lý thuyết và các công nghệ huấn luyện tiên tiến. Nhưng nó cũng cung cấp những cơ sở lý thuyết cho quan niệm của quân đội về chiến tranh. Và trong phạm vi TRADOC, trong vòng một hoặc hai năm đầu thành lập, một sự kích động trí tuệ sau Việt Nam bắt đầu được ấp ủ.

Năm 1976, khi Starry nhậm chức ở Đức, TRADOC đưa ra một học thuyết quân sự mới lấy tên là Phòng thủ tích cực. Rút kinh nghiệm từ trường hợp của Ixraen và được Starry đúc kết, học thuyết này biện hộ cho "việc đi sâu" vào trận địa - không chỉ

đánh mạnh vào đội hình đi đầu của bất cứ lực lượng xâm chiếm Xô viết nào, mà là dùng vũ khí kỹ thuật cao có tầm xa hơn để tiêu diệt đội hình hậu quân phía sau.

Theo Starry, học thuyết này là một bước đi đúng hướng. Nhưng đội hình thứ hai của Hồng quân tiến công không chỉ là vấn đề duy nhất. Còn đội hình thứ ba, thứ tư và các đội hình sau đó nữa thì sao? Quân đội Xô viết còn đông gấp bội so với Xyri. Phòng thủ tích cực chưa phải là một quan niệm đáp ứng trong quá trình đổi mới tư duy chiến tranh.

LÀM THAY ĐỔI LẦU NĂM GÓC

Năm 1977, yêu cầu về việc phải quan niệm lại chiến tranh một cách sâu sắc hơn vẫn còn đeo đuổi Starry khi chính ông được bổ nhiệm phụ trách TRADOC.

Starry luôn thận trọng trong việc tin tưởng vào học thuyết Phòng thủ tích cực và tướng De Puy, người có những quan điểm mà giờ đây Starry nói rằng hầu như ông đã hoàn toàn tán thành. Nhưng khi ấy có sự khác biệt lớn giữa họ về vấn đề phòng thủ chống lại tiến công. Starry kết luận rằng, điều cần thiết không phải chỉ là sự thay đổi về lượng, mà phải suy nghĩ lại toàn bộ học thuyết quân sự của Hoa Kỳ về căn bản.

Hơn nữa, trong khi cuộc tranh cãi về những vấn đề nói trên đang diễn ra trong nội bộ giới quân sự, thì bản thân xã hội Mỹ, trong đó bao hàm cả giới quân sự, cũng trải qua những biến đổi sâu sắc. Những quan niệm mới, những khả năng mới đang được phổ biến khắp nơi. Vì vậy, khi kinh tế Mỹ bắt đầu dứt khoát chuyển từ nền sản xuất hàng loạt kiểu cũ sang sản xuất phi hàng loạt, khi hệ thống sáng tạo ra của cải thuộc Làn sóng Thứ ba bắt đầu hình thành, thì quân đội Mỹ cũng bắt đầu một sự phát triển song song. Mặc dù thế giới bên ngoài còn chưa biết đến, nhưng

những bước đi ban đầu đã được xúc tiến để xây dựng một học thuyết về chiến tranh Làn sóng Thứ ba.

Ý đồ "suy nghĩ lại" của Starry buộc ông phải đương đầu với một vài khái niệm cơ bản về chiến tranh Làn sóng Thứ hai, thúc đẩy ông đóng vai trò cách mạng về học thuyết, làm nảy sinh một quá trình còn đang hé mở và định ra những phương hướng mới.

Tuy vậy, thay đổi một học thuyết quân sự là một việc làm chẳng khác gì cố chặn đứng một chiếc xe bọc thép bằng cách ném cò để chặn nó. Quân sự, giống như bất cứ nền tảng quan liêu hiện đại khổng lồ nào, đều cưỡng lại sự đổi mới - nhất là nếu sự biến đổi bao hàm việc hạ thấp một số đơn vị nào đó và yêu cầu phải học những kỹ năng mới và phải bỏ qua những sự cạnh tranh về địch vụ.

Xác định một học thuyết mới và giành được sự ủng hộ trong lực lượng vũ trang lẫn cả trong giới chính khách, rồi sau đó áp dụng nó với quân đội đã được huấn luyện và với các công nghệ thích hợp, đó là một nhiệm vụ to lớn mà không chỉ một người, dù là tướng, lại có thể hy vọng hoàn thành được. Nó đòi hỏi phải có một chiến dịch - trong đó tư tưởng sẽ là phương tiện.

Chiến dịch bắt đầu từ những nhà trí thức quân sự, do Starry khuyến khích bằng cách viết bài cho các tạp chí quân sự. Các nhà phê bình quân sự - tập hợp các bài báo và các ý kiến đề xuất riêng rẽ thành một quá trình tri thức lâu dài và phức tạp.

Điểm mấu chốt trong nỗ lực này là xem xét lại điều ám ảnh cũ về số đông thuận tụy. Nghi ngờ điều này không chỉ có nghĩa là phủ nhận một quan niệm, mà là phủ nhận toàn bộ mọi việc làm, mọi sự nghiệp, chiến thuật, kỹ thuật và những mối quan hệ công nghiệp dựa trên cơ sở đó. Nó có nghĩa là đánh giá lại và có thể thay đổi toàn bộ cơ cấu lực lượng của quân đội - tức là quy mô, thành phần, số lượng các đơn vị trong đó. Và có nghĩa phải thực hiện điều đó vào thời điểm mà học thuyết chính thức của

Liên Xô vẫn thực sự được gọi là "Chiến đấu trên bộ liên tục và với động lượng đông quân". Thật vậy, đặt lại vấn đề về quan niệm đông quân không chỉ có nghĩa là phải đương đầu với học thuyết quân sự, mà nó đi ngược lại bản chất của xã hội công nghiệp hàng loạt.

Sự hình thành một khái niệm mới về chiến tranh chỉ mới được kết tinh từ cuối những năm 70 và đầu những năm 80. Vào thời kỳ này, Starry phải đọc rất rộng, không chỉ về các vấn đề quân sự mà cả về những lực lượng xã hội và kinh tế mới đang dẫn chúng ta vượt ra khỏi giới hạn của thời hiện đại, từ nền văn minh Làn sóng Thứ hai sang văn minh Làn sóng Thứ ba. Chính trong quá trình nghiên cứu này ông đã đọc cuốn sách *Làn sóng Thứ ba* của chúng tôi và khuyên các tướng lĩnh của ông cùng đọc.

Trong cuộc gặp đầu tiên với chúng tôi năm 1982, ông nói: "Quân đội rất khó đổi mới. Xét cho cùng thì nó là một thể chế thuộc Làn sóng Thứ hai. Nó như là một nhà máy. Quan niệm cũ cho rằng các nhà máy công nghiệp của chúng ta cứ sản xuất, sản xuất và sản xuất vũ khí. Còn quân đội cung cấp binh lính thông qua một nhà máy huấn luyện quân nhân. Sau đó tập hợp người với vũ khí lại và chúng ta sẽ thắng trong chiến tranh. Toàn bộ phương pháp này là thuộc Làn sóng Thứ hai. Nó cần phải được chuyển sang thế giới của Làn sóng Thứ ba.

Để thực hiện sứ mệnh này, Starry cần sự giúp đỡ của cấp trên. Ông nhận được sự ủng hộ của tướng E.C. Meyer, khi đó là tổng tham mưu trưởng, từ người tiền nhiệm ở TRADOC, Bill De Puy, từ tướng Abrams và từ những người khác. Những người này trấn an Starry rằng không nên coi sự bất đồng ý kiến là thái độ không trung thực. Hãy còn bị tác động bởi chấn thương Việt Nam, họ cũng hiểu rằng tư duy mới là điều cốt yếu.

Starry cũng rất cần có những sĩ quan cực kỳ thông thạo - những trí thức quân sự - ở văn phòng của mình. Ông đưa họ đến

dại bản doanh TRADOC ở Pháo đài Monroe, Virginia. Thêm vào đó, tướng William R. Richardson và một nhóm đại tá - Richmond Henriques, Huba Wass de Czege, và L.D. Holder - cũng làm việc cho Starry tại Pháo đài Leavenworth ở Kansas giúp xác định các vấn đề và nghiên cứu các hậu quả của bất cứ một sự thay đổi nào về học thuyết.

Starry cũng tiến hành các bước nhằm nâng cấp sự phát triển học thuyết, điều này trong quá khứ thường bị hạ xuống hàng thứ yếu. Ông thực hiện điều đó bằng cách lập ra một chức vụ mới là phó tổng tham mưu trưởng phụ trách học thuyết. Một hôm Don Morelli bước vào văn phòng của ông. Và thế là thiếu tướng Morelli nhanh chóng được cử phụ trách văn phòng mới có nhiệm vụ soạn thảo học thuyết.

Starry và Morelli cùng với một nhóm nhỏ các sĩ quan khác - James Merryman, Jack Woodmansee, Carl Vuono cùng với tiến sĩ dân sự Joe Braddock (người có một công ty tư vấn lấy tên là BDM - tức Braddock, Dunn và Mac Donald- làm việc cho Cục quốc phòng hạt nhân) thành lập một tổ nghiên cứu di động cho TRADOC.

Trong quá trình đề xuất các quan niệm về vũ khí, tổ chức, hậu cần, chiến tranh điện tử, sự đe dọa của vũ khí hạt nhân và về tầm quan trọng của việc diễn tập để chống chiến tranh định vị (positional warfare), Starry và Morelli liên tục đi khắp nơi để thử thách các khái niệm của mình qua những buổi trao đổi với các đối tượng quân sự ở khắp Hoa Kỳ, Anh và Đức. Những câu hỏi và sự phê phán đã làm cho đầu óc họ thêm sắc sảo.

Trong khi đó ở nhà có những vấn đề liên ban. Không quân không có tổ chức tương ứng chính xác với TRADOC. Tổ chức tương đương gần nhất hồi đó là TAC, tức Bộ tư lệnh không quân chiến thuật, đặt tại căn cứ không quân Langley, cách Pháo đài

Monroe khoảng 15 phút (đó là một trong những lý do chọn đặt TRADOC ở đây).

Sự nhấn mạnh của Starry vào khái niệm "đánh thọc sâu" hay "trận địa mờ rộng" có nghĩa là trận chiến không chỉ diễn ra ở "tiền tuyến" mà còn ở sâu trong hậu phương kẻ thù - sâu đến những đội hình yểm trợ. Cần thiết phải "chặn đứng" việc di chuyển quân, hậu cần và thông tin để các đội hình phía sau không thể hỗ trợ những đội hình đi đầu đang chiến đấu.

Những cuộc oanh kích bằng không quân sâu vào lòng địch là cần thiết để phá hủy các trung tâm chỉ huy các đường tiếp tế, các mắt xích liên lạc và các điểm phòng không. Điều này lại đòi hỏi sự hợp đồng chặt chẽ giữa lực lượng trên không và mặt đất. Nhưng có những bộ phận trong không lực nhìn nhận những quan điểm như vậy với sự ngờ vực. Đối với họ (đối với cả một số sĩ quan không quân ngày nay) điều đó dường như là quân đội đang cạnh tranh với không quân, đang muốn tham gia vào việc ngăn chặn, vốn là trách nhiệm của không lực.

Chinh Bill Creech, tướng chỉ huy của TAC, là người đã thuyết phục cấp trên rằng sự phát triển học thuyết về một cách đánh mới không phải là vấn đề cạnh tranh. Chẳng bao lâu một топ sĩ quan không quân đã được cử đến làm việc hằng ngày bên cạnh các nhân viên TRADOC, để tìm ra những mối quan hệ thích hợp giữa các hoạt động trên không và trên mặt đất.

Ngay cả khi đang phát triển học thuyết, Starry cũng đã phải giải đáp những vấn đề về việc thực hiện nó. Loại binh sĩ và sĩ quan nào cần có trong tương lai? Và họ cần những kỹ thuật gì?.

TRADOC không chỉ chịu trách nhiệm soạn thảo học thuyết mới và đào tạo một quân đội kiểu mới, mà thực tế nó còn quyết định loại vũ khí và kỹ thuật nào cần thiết cho quân đội tương lai. Vậy là trên thực tế TRADOC đã giúp xác định cho yêu cầu về loại xe tăng M-1 Abrams, máy bay lên thẳng Apache, chiến xa

Bradley và tên lửa Patriot - những vũ khí hồi đó chưa được chế tạo. J-STARS, hệ thống ra đa đặt trên không được ca ngợi rộng rãi, đã cung cấp thông tin chi tiết về mục tiêu cho các trạm mặt đất trong chiến dịch Bão táp Sa mạc, cũng đã được thai nghén tại TRADOC từ những năm 1978 - 79. Hệ thống phóng tên lửa nhiều tầng MRLS, hệ thống tên lửa ATACMS, đều là những vũ khí do TRADOC quyết định từ nhiều năm trước, có thể sẽ là những thứ cần thiết cho việc thực hiện học thuyết chiến đấu mới của nó.

Từ hoạt động nhận nhiệm vụ này, cuối cùng đến ngày 25-3-1981 đã dẫn đến công bố chính thức đầu tiên về học thuyết mới hướng về tương lai. Đó là một cuốn sách mỏng được sao chụp, bìa màu xanh lá cây nhan đề *Trận chiến không - lục và Quân đoàn 86, Ấn phẩm TRADOC số 525-5*. Đây là bài thuyết trình sơ bộ mà Morelli (người đặt ra thuật ngữ Trận chiến không - lục) đã sử dụng trong chương trình làm việc bận rộn của ông, giờ đây nó vượt ra ngoài giới quân sự để tới tay các nghị sĩ quốc hội, các quan chức Nhà Trắng, phó tổng thống và thậm chí - như đã nói ở trên - tới cả chúng tôi, hai người trí thức không thuộc giới quân sự.

Khái niệm Trận chiến không - lục giờ đây đã trở thành công khai - nó là đề tài cho sự phân tích, chỉ trích, phê phán ở bên ngoài không chỉ trong giới chính khách và những người ủng hộ truyền thống trong giới quân sự Mỹ, mà còn từ nhiều nước trong khối Bắc Đại Tây Dương ở châu Âu, họ không coi đó là cách tránh chiến tranh hạt nhân mà chỉ là bằng chứng về tinh thần "hiếu chiến" của Mỹ.

Cuối cùng học thuyết Starry - Morelli được đưa vào cuốn *Cẩm nang dã chiến (FM) 100 - 5 (Hành quân)* của quân đội ngày 20 - 8 - 1982, khoảng 4 tháng sau lần tiếp xúc đầu tiên của chúng tôi với Morelli. Ông mong muốn cuốn sách trở thành cơ sở cho những thay đổi tương tự về học thuyết trong quân đội Tây Âu thuộc NATO. Nó nhấn mạnh sự liên kết chặt chẽ giữa lực lượng

trên không và mặt đất, đánh phá sâu để ngăn cản các đội hình thứ nhất, thứ hai và các đội hình tiếp theo không cho chúng tiến tới chiến trường, và điều có ý nghĩa nhất là nó nhấn mạnh việc sử dụng những công nghệ mới để tấn công những mục tiêu mà trước đây được coi là dành cho vũ khí hạt nhân. Như vậy, nó giảm bớt cơ hội đối đầu hạt nhân.

Nhấn mạnh bài học mà Starry đã đem về từ cao nguyên Golan, cuốn cẩm nang mới khuyến khích các sĩ quan và binh lính giành thế chủ động - tức là tiến hành tấn công chiến thuật ngay cả khi phải phòng thủ chiến lược. Cho dù quân địch mạnh đã chọc thủng trận tuyến, như Xyri đã làm thoạt đầu, cuộc phản công bất ngờ cần phải nhằm vào những chỗ yếu nhất, chứ không đối mặt với đợt phá khẩu. Cuối cùng, học thuyết mới nhấn mạnh nhiều đến nhu cầu nâng cao năng lực của con người - không chỉ khả năng chỉ huy - mà còn huấn luyện để nâng cao cả năng lực chiến đấu của mỗi người lính.

Từ khi xuất hiện lần đầu, học thuyết về Trận chiến không - lực đã được hiện đại hóa, được cải thiện và đặt tên mới. Trong khi ban đầu nó nhằm dập tắt đội hình phía sau của quân địch, thì phiên bản sau với tên gọi *Những cuộc hành quân không - lực* lại khuyến khích hành động sớm để ngăn chặn những đội hình phía sau hình thành ở điểm đầu tiên. Công trình nghiên cứu về *Những cuộc hành quân không - lực* bắt đầu từ năm 1987, trở thành học thuyết chính thức ngày 1 - 8 - 1991 - một năm sau khi Saddam Hussein làm thế giới ngạc nhiên bằng việc xâm chiếm Côoét.

Học thuyết ấy nhấn mạnh khả năng phóng sức mạnh ra khoảng cách xa với tốc độ cao, nhấn mạnh nhu cầu hành quân phối hợp giữa các lực lượng khác nhau, hành quân phối hợp với các lực lượng đồng minh. Nó yêu cầu "một phạm vi lớn hơn cho thế chủ động" và "tin cậy nhiều hơn vào chất lượng binh sĩ".

Đặt thời gian vào trung tâm chú ý, học thuyết này yêu cầu những cuộc tiến công đồng bộ và đồng thời, và "phải kiểm soát việc thi hành theo giờ thực tế". Người chỉ huy phải "kiểm soát nhịp độ bay". Cuối cùng, thông tin - tức là khâu tình báo và liên lạc đã được cải thiện - tuyệt đối phải trở thành khâu trọng tâm.

Những biến đổi trên thế giới ngày nay tăng nhanh đến mức những bản sửa lại học thuyết - thông thường diễn ra trong khoảng 40 - 50 năm - giờ đây cần phải được tiến hành hằng năm hoặc hai năm một lần

Vì vậy ngày 14 - 6 - 1993, bản sửa mới nhất của *Cẩm nang dã chiến (FM) 100-5* ra đời. Bản tóm tắt điều hành của học thuyết mới nhất khẳng định : "Những kinh nghiệm mới đây cho phép chúng ta hình dung ra những phương pháp mới để tiến hành chiến tranh. Chúng là kết cục của chiến tranh thời đại công nghiệp và mở đầu của chiến tranh thời đại thông tin."

Bản sửa đổi mới nhất ấy nhấn mạnh nhiều đến tính linh hoạt - tức là đến khả năng của quân đội trong việc chuyển từ một loại xung đột này sang một loại khác một cách nhanh chóng. Nó chuyển trọng tâm từ châu Âu sang toàn cầu, từ quan niệm triển khai tiền đạo - tức là đóng quân gần những khu vực xung đột tiềm tàng - sang quan niệm đóng quân tại Mỹ nhưng có thể nhanh chóng đến bất cứ nơi nào trên thế giới. Nó chuyển từ trạng thái bị ám ảnh về mối đe dọa chiến tranh toàn cầu với quân đội Xô viết sang sự nhấn mạnh về những điều bất ngờ xảy ra ở từng khu vực. Hơn nữa, học thuyết mới chú ý đến điều gọi là "chiến dịch chú không phải chiến tranh", theo nghĩa là bao gồm cả cứu trợ thiên tai, lo việc dân sự, gìn giữ hoà bình, và những hoạt động chống ma túy.

Học thuyết giải thích kỹ rằng quân đội Mỹ chịu trách nhiệm trước dân tộc Mỹ, là dân tộc "mong chờ chiến thắng nhanh và căm ghét những thiệt hại không cần thiết", và họ "giành quyền

xem xét lại sự ủng hộ của mình một khi những điều kiện đó không được đáp ứng".

Bản sửa đổi mới nhất rất sâu sắc và kịp thời (với tư cách là một sản phẩm tri tuệ, nó xứng đáng được chú ý trong mục *Điểm sách của Thời báo New York*). Nó phản ánh một số biến đổi to lớn của tình hình thế giới từ khi Trận chiến không - lực được viết ra, do vậy nó vượt ra ngoài phạm vi của Trận chiến này. Tuy nhiên, giống như các bản sửa đổi lần trước, yếu tố cơ bản của nó vẫn là học thuyết Starry - Morelli, đó là nỗ lực có ý thức đầu tiên của giới quân sự Mỹ nhằm thích nghi với Làn sóng thay đổi Thứ ba.

Để hiểu những điều tiếp theo, chúng ta cần xem xét ảnh hưởng của công trình đó đối với một cuộc chiến tranh, cuộc chiến tranh đã phản ánh một cách kỳ lạ sự ra đời của một hình thái kinh tế mới - đó là hệ thống cách mạng thuộc Làn sóng Thứ ba trong việc sáng tạo ra của cải.

CÁCH THỨC TẠO RA CỦA CÁI CỦA CHÚNG TA...

Năm 1956, người hùng béo tròn Nikita Khrushchev của Liên Xô tuyên bố điều khoác lác nổi tiếng : "Chúng ta sẽ chôn các người". Điều ông muốn nói là chủ nghĩa cộng sản sẽ vượt chủ nghĩa tư bản về kinh tế trong những năm tới. Đi đôi với điều khoác lác ấy là mối đe dọa về quân sự, và điều tuyên bố ấy vang ra khắp trái đất.

Thế nhưng ở thời điểm đó ít người thậm chí ngờ vực về việc bằng cách nào cuộc cách mạng tạo ra của cải trong chế độ phương Tây sẽ làm biến đổi thế cân bằng quân sự trên thế giới - và làm biến đổi cả bản chất của chính bản thân chiến tranh.

Điều Khrushchev (và nhiều người Mỹ) không biết đến là năm 1956 cũng là năm đầu tiên số nhân viên bàn giấy¹ và nhân viên dịch vụ đông hơn số công nhân áo xanh ở các nhà máy của Hoa Kỳ - một dấu hiệu ban đầu cho thấy nền kinh tế ống khói của Làn sóng Thứ hai đang mờ dần và nền kinh tế mới, nền kinh tế của Làn sóng Thứ ba, đang nảy sinh.

Trước đó đã lâu có một số nhà tương lai học và nhà kinh tế học đi tiên phong đã bắt đầu theo dõi sự phát triển của mật độ

1. Nguyên văn : áo trắng - N.H.D

tri thức trong nền kinh tế Mỹ và đang ra sức dự đoán ảnh hưởng lâu dài của nó. Ngay từ năm 1961, IBM yêu cầu một số cố vấn chuẩn bị một báo cáo về ý nghĩa xã hội lâu dài và về mặt tổ chức của quá trình tự động hoá công việc của nhân viên áo trắng (nhiều kết luận của báo cáo hiện nay vẫn còn giá trị). Năm 1962, nhà kinh tế học Fritz Machlup xuất bản công trình nghiên cứu khai phá *Sản xuất và phân phối tri thức ở Mỹ*.

Năm 1968, công ty AT-T, khi ấy là công ty tư nhân lớn nhất thế giới, đặt một công trình nghiên cứu để giúp xác định lại nhiệm vụ của công ty. Năm 1972, một thập kỷ trước khi Chính phủ Hoa Kỳ giải thể công ty, nó nhận được bản báo cáo ấy - đó là một tài liệu khó tin, nó thuyết phục công ty phải cải tổ lại hoàn toàn và phải tự giải tán.

Bản báo cáo phác thảo những cách mà một bộ máy quan liêu công nghiệp thuộc Làn sóng Thứ hai có thể chuyển sang một tổ chức linh hoạt và dễ vận hành. Nhưng AT-T đã cất kín bản báo cáo trong ba năm trước khi để nó đến tay những người quản lý cao cấp. Phần lớn các công ty lớn của Mỹ vẫn chưa nghĩ được gì ngoài việc gia tăng quy mô tổ chức. Quan niệm cho rằng cần phải mở xé một cách căn bản để các công ty tồn tại được trong nền kinh tế dựa vào tri thức đang hình thành dường như bị xem là phóng đại. Thế nhưng, chẳng bao lâu Làn sóng Thứ ba đã ném các công ty lớn nhất thế giới vào cuộc cơ cấu lại đau đớn nhất trong lịch sử.

Như vậy là đúng vào lúc Starry và những người ủng hộ ông bắt đầu phải chặt vật định hình lại tư duy quân sự Mỹ, thì nhiều công ty khổng lồ Mỹ cũng bắt đầu cơ cấu lại, bắt đầu tìm kiếm những nhiệm vụ mới và những cơ cấu tổ chức mới. Một đợt nào đó động của cái học thuyết quản lý mới ra đời khi chính phương pháp tạo ra của cái đã thay đổi.

Để hiểu những sự biến phi thường trong cuộc chiến tranh đã xảy ra trước đây và để đoán trước những sự biến thậm chí còn gây cản hơn đang hiện ra phía trước, chúng ta cần phải xem xét mười đặc điểm chủ chốt của kinh tế thuộc Làn sóng Thứ ba.

1. NHỮNG YẾU TỐ SẢN XUẤT

Trong khi đất đai, lao động, nguyên liệu và vốn là "những yếu tố chính của sản xuất" trong nền kinh tế Làn sóng Thứ hai của quá khứ, thì tri thức - ở đây với nghĩa rộng bao gồm dữ liệu, thông tin, hình ảnh, ký hiệu, văn hoá, tư tưởng và các giá trị - là nguồn lực chính của kinh tế Làn sóng Thứ ba. Một thời bị chế giấu, ngày nay quan niệm này đã trở thành một chân lý hiển nhiên. Tuy nhiên, ý nghĩa bao hàm của nó vẫn còn ít được hiểu rõ.

Nếu có dữ liệu, thông tin và hoặc tri thức thích hợp, ta có thể giảm bớt mọi đầu vào khác thường được dùng để tạo ra của cải. Đầu vào tri thức đúng có thể giảm nhu cầu về lao động, hàng hoá bất tồn kho, tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu, giảm thời gian, không gian và tiền của cần cho sản xuất.

Một dụng cụ cất điều khiển bằng máy điện toán, hoạt động với sự chính xác cực kỳ tinh tế, sẽ bớt lãng phí vải hoặc thép so với máy cắt ít thông minh mà nó thay thế. Những máy in tự động hoá "thông minh" có thể in và đóng sách tốn ít giấy hơn các máy in dùng bằng sức cơ học trước đây. Sự điều khiển thông minh sẽ tiết kiệm năng lượng bằng cách điều tiết nhiệt trong các công sở. Hệ thống dữ liệu điện tử liên kết các nhà chế tạo với khách hàng làm giảm bớt được số lượng hàng hoá - từ những tụ điện đến hàng may mặc - phải chứa trong kho.

Như vậy, tri thức được sử dụng thích đáng đã trở thành vật thay thế cuối cùng cho các đầu vào khác. Các nhà kinh tế học và kế toán truyền thống vẫn còn lúng túng với điều này, bởi vì khó có thể định lượng được nó, nhưng ngày nay tri thức là một yếu tố

linh hoạt nhất, quan trọng nhất của tất cả các yếu tố sản xuất, dù ta có thể đo được nó hay không.

Điều khiến cho kinh tế Làn sóng Thứ ba thực sự mang tính cách mạng là trong khi thực tế đất đai, lao động, nguyên liệu và có lẽ cả tiền vốn nữa đều có thể xem là nguồn lực có hạn, thì tri thức hầu như là vô hạn. Khác với một lò cao hay một dây chuyền lắp ráp, tri thức có thể được hai công ty cùng sử dụng đồng thời. Và họ có thể dùng nó để sản sinh ra nhiều tri thức khác.

2. NHỮNG GIÁ TRỊ VÔ HÌNH

Trong khi giá trị của một công ty thuộc Làn sóng Thứ hai có thể đo bằng tài sản hữu hình như nhà xưởng, máy móc, chứng khoán, kho tàng, thì giá trị của những công ty Làn sóng Thứ ba thành đạt lại nằm ngày càng nhiều ở khả năng thu thập, sản sinh, phân phối, và ứng dụng tri thức theo chiến lược và chiến thuật.

Giá trị thực tế của các công ty như Compaq hay Kodak, Hitachi hay Siemens phụ thuộc nhiều vào những quan niệm, sự hiểu biết sâu sắc và thông tin trong đầu các nhân viên và trong ngân hàng dữ liệu cũng như vào những bằng sáng chế thuộc sự kiểm soát của công ty hơn là vào những chiếc xe tải, dây chuyền lắp ráp và các tài sản vật chất khác mà họ có. Như vậy, bản thân vốn giờ đây ngày càng dựa vào những giá trị vô hình.

3. SỰ PHI HÀNG LOẠT HOÁ

Sản xuất hàng loạt, vốn là tính chất đặc trưng cho kinh tế Làn sóng Thứ hai, ngày càng trở nên cổ lỗ, khi các công ty lắp đặt các hệ thống chế tạo có cường độ thông tin cao, thường được rôbot hoá, có khả năng đa dạng hoá vô cùng và rẻ tiền, thậm chí cả việc làm theo đơn đặt hàng. Thực tế dẫn đến kết quả mang tính cách mạng là sự phi hàng loạt hoá (de - massification) việc sản xuất hàng loạt.

Sự chuyển đổi sang "Công nghệ linh hoạt" thông minh đã khuyến khích tính đa dạng và cung cấp sự chọn lựa cho người tiêu dùng tới mức là một siêu thị cỡ Wal - Mart có thể chào bán cho người mua gần 110.000 sản phẩm đủ các kiểu, các cỡ, các mẫu mã và màu sắc để khách hàng tự chọn.

Nhưng Wal - Mart vẫn là một nhà buôn hàng hoá hàng loạt. Dần dần chính cái siêu thị của hàng hoá hàng loạt này bị chia thành các cửa hàng riêng biệt khác nhau, bởi vì nhu cầu khách hàng trở nên đa dạng, và với thông tin đầy đủ hơn, công việc kinh doanh có thể xác định và phục vụ các thị trường vi mô. Các cửa hiệu chuyên ngành, hệ thống mua hàng tại nhà qua tivi, mua hàng bằng máy vi tính, gửi bưu điện trực tiếp, cùng các hệ thống khác, đã cung cấp một loạt kênh ngày càng đa dạng qua đó nhà sản xuất có thể phân phối hàng hoá cho khách hàng tại các địa điểm mua bán ngày càng được chia nhỏ.

Trong khi đó, công việc quảng cáo được hướng vào các cửa hiệu nhỏ thông qua các phương tiện thông tin phi hàng loạt. Sự phá vỡ một cách đầy kịch tính mảng khán giả hàng loạt được nhấn mạnh bằng cuộc khủng hoảng của các mạng lưới tivi một thời to lớn trước đây như ABC, CBS và NBC, vào thời điểm mà Công ty liên hợp viễn thông của Denver công bố mạng cáp quang có khả năng đáp ứng cho người xem 500 kênh truyền hình tương tác. Nhưng hệ thống như vậy có nghĩa là người bán có thể nhắm vào các đối tượng mua với độ chính xác cao hơn. Sự phi hàng loạt hoá đồng thời công tác sản xuất, phân phối và liên lạc đã cách mạng nền kinh tế, chuyển nó từ đồng nhất sang hỗn tạp.

4. LAO ĐỘNG

Bản thân lao động cũng biến đổi. Lao động cơ bắp, kỹ năng thấp, chủ yếu có thể thay đổi cho nhau được, là thuộc về Làn sóng Thứ hai. Giáo dục hàng loạt theo kiểu nhà máy đã làm cho

công nhân quen với công việc theo thông lệ, lặp đi lặp lại. Ngược lại, Làn sóng Thứ ba đi kèm với lao động ngày càng không thể thay đổi cho nhau vì sự đòi hỏi kỹ năng đang tăng mạnh.

Sức mạnh cơ bắp về cơ bản có thể thay thế được. Do đó, một công nhân tay nghề thấp bỏ việc hay bị sa thải có thể nhanh chóng được thay thế với chi phí thấp. Ngược lại, với trình độ kỹ năng chuyên môn hóa đang được nâng cao trong nền kinh tế Làn sóng Thứ ba, việc tìm đúng người có đúng kỹ năng sẽ khó hơn, tốn kém hơn.

Mặc dù ông ta hay bà ta có thể bị cạnh tranh bởi nhiều công nhân cơ bắp thất nghiệp khác, một người gác cổng bị một công ty quốc phòng khổng lồ thải hồi có thể đảm nhận công việc gác cổng cho một trường học hay một công ty bảo hiểm. Ngược lại, một kỹ sư điện tử nhiều năm chế tạo vệ tinh không nhất thiết có được kỹ năng mà công ty bảo vệ môi trường cần. Một chuyên gia về phụ khoa không thể mổ não. Sự chuyên môn hoá ngày càng tăng và những biến đổi nhanh chóng về yêu cầu kỹ năng đã làm giảm bớt khả năng thay thế lẫn nhau của lao động.

Trong khi nền kinh tế tiến triển, lại có sự thay đổi trong tỷ lệ giữa "lao động trực tiếp và lao động gián tiếp". Theo thuật ngữ truyền thống (nhanh chóng bị mất ý nghĩa) công nhân trực tiếp hay "sản xuất" là những người thực tế dùng máy làm ra sản phẩm. Họ tạo ra giá trị thặng dư, còn những người khác được mô tả là "phi sản xuất" hay chỉ tham gia "gián tiếp".

Ngày nay, những sự cách biệt này bị mờ nhạt đi, vì tỷ lệ giữa công nhân sản xuất tại xi nghiệp so với công nhân áo trắng, công nhân kỹ thuật và chuyên môn đã giảm đi ngay ở trong một phân xưởng. Chỉ ít, giá trị do người "gián tiếp" tạo ra cũng ngang bằng với người "trực tiếp" - nếu không phải là nhiều hơn.

5. ĐỔI MỚI

Kinh tế Nhật Bản và châu Âu phục hồi sau Chiến tranh thế giới thứ hai khiến các công ty Mỹ đứng trước sự cạnh tranh gay gắt. Sự đổi mới không ngừng trở nên cần thiết để cạnh tranh - đó là những quan niệm mới về sản phẩm, công nghệ, chế biến, marketing và tài chính. Hàng tháng có khoảng 1.000 sản phẩm mới được đưa vào các siêu thị ở Mỹ. Ngay cả trước khi máy tính 486 thay thế kiểu 386, thì kiểu 586 đã được thiết kế. Vì vậy, những công ty sáng suốt thường khuyến khích người lao động nắm thế chủ động để tạo ra những ý tưởng mới và thậm chí nếu cần thì "vứt bỏ đi những qui định cũ".

6. QUI MÔ

Các đơn vị lao động đang được thu hẹp. Thay vì hàng ngàn công nhân ùn ùn kéo vào cổng một nhà máy - hình ảnh cổ điển của nền kinh tế ống khói - qui mô hoạt động đang được thu nhỏ cùng với việc gia tăng sản phẩm. Số lượng lớn công nhân làm việc bằng cơ bắp được thay thế bằng các nhóm công tác nhỏ khác biệt nhau. Các công ty lớn ngày càng thu nhỏ, các công ty nhỏ ngày càng gia tăng. IBM với 370.000 công nhân viên đang bị các xí nghiệp nhỏ khắp thế giới làm cho lụn bại. Để tồn tại, công ty phải sa thải nhiều thợ rồi tự chia thành 13 đơn vị kinh doanh nhỏ khác nhau.

Trong hệ thống Làn sóng Thứ ba, kinh tế qui mô lớn thường bị kinh tế phân nhỏ vượt xa tầm quan trọng. Một công ty càng phức tạp, thì cánh tay bên trái càng không thể đoán trước cánh tay phải sẽ làm gì kế tiếp. Công việc sẽ lọt qua các khe hở. Những vấn đề nảy sinh có thể lấn át bất cứ lợi ích dự kiến nào của sản xuất qui mô lớn. Ý kiến cũ cho rằng lớn hơn dứt khoát sẽ tốt hơn đang ngày càng trở nên lỗi thời.

7. TỔ CHỨC

Để thích ứng với những biến đổi nhanh chóng, các công ty đang chạy đua để giải thể các cơ cấu quan liêu Làn sóng Thứ hai của họ. Những công ty kỹ nguyên công nghiệp có những biểu đồ tổ chức điển hình : chúng được tổ chức theo hình tháp, đồ sộ và quan liêu. Thị trường, công nghệ và nhu cầu tiêu dùng ngày nay đang thay đổi nhanh chóng và gây sức ép đa dạng đối với các công ty đến mức sự quan liêu đơn điệu của chúng đang bị xoá bỏ. Việc tìm kiếm những hình thức tổ chức hoàn toàn mới đang được xúc tiến. Chẳng hạn "thiết kế lại" là cụm từ chuyên môn đang thịnh hành trong quân lý, có nghĩa là tìm cách cấu trúc lại công ty theo các quá trình chứ không phải theo thị trường hay theo những lĩnh vực chuyên môn chia nhỏ.

Những cơ cấu được tiêu chuẩn hoá một cách tương đối đang bị thay thế bằng những tổ chức ma trận, những đội đặc biệt phụ trách công việc làm dự án, những trung tâm sinh lợi, cũng như bằng sự đa dạng ngày càng tăng của những liên minh chiến lược, liên doanh, và côngxooexiom - nhiều tổ chức này đã vượt ra khỏi biên giới quốc gia. Vì thị trường thay đổi liên tục cho nên vị trí không quan trọng bằng tính linh hoạt và thao tác.

8. SỰ HOÀ NHẬP CÁC HỆ THỐNG

Tính phức tạp ngày càng tăng trong kinh tế đòi hỏi sự hoà nhập và quản lý tinh vi hơn. Một trường hợp không phải là không điển hình, đó là công ty thực phẩm Nabisco, nó phải thực hiện 500 đơn đặt hàng mỗi ngày gồm hàng trăm ngàn sản phẩm khác nhau giao từ 49 xí nghiệp và 13 trung tâm phân phối, đồng thời thực hiện 30.000 vụ giao dịch khác với khách.

Quản lý những công việc phức tạp như vậy đòi hỏi phải có những hình thức quản lý mới và một cấp độ cực kỳ cao về sự hoà nhập hệ thống. Điều đó lại cần có khối lượng thông tin ngày càng cao để lưu chuyển trong tổ chức.

9. CƠ SỞ HẠ TẦNG

Để duy trì mọi thứ - như theo dõi mọi chi tiết và sản phẩm, điều hoà các chuyển giao hàng, giúp cho các kỹ sư và những người làm marketing biết được các kế hoạch của nhau, thông báo cho những người làm công tác nghiên cứu và phát triển rõ những nhu cầu của phía sản xuất, và trên hết cung cấp cho nhà quản lý một bức tranh rõ ràng về những gì đang diễn ra - hàng tỷ đô la đang đổ vào các mạng điện tử nối các máy vi tính, cơ sở dữ liệu, cùng các công nghệ thông tin khác.

Cái cơ cấu thông tin điện tử to lớn này, thường xuyên dựa vào vệ tinh, có nhiệm vụ nối liền các công ty lại với nhau và cũng thường liên kết họ vào mạng vi tính và mạng lưới các nhà cung ứng và khách hàng. Mạng lưới lại được nối với mạng lưới. Nhật Bản đã đề ra chỉ tiêu dành 250 tỷ đô la để triển khai các mạng lưới tốt hơn, nhanh hơn trong vòng 25 năm tới. Phó tổng thống Mỹ Gore, khi còn ở Thượng nghị viện, đã ủng hộ dự luật cung cấp một tỷ đô la trong 5 năm để giúp khởi sự "Mạng lưới nghiên cứu và giáo dục toàn quốc" nhằm cung cấp thông tin cho việc phát triển xây dựng siêu xa lộ nào cho xe hơi. Những mạch điện tử như vậy đã tạo nên cơ sở hạ tầng chủ chốt cho nền kinh tế Làn sóng Thứ ba.

10. TĂNG TỐC

Tất cả những thay đổi nói trên đang thúc đẩy hơn nữa nhịp độ của các hoạt động và các vụ giao dịch. Nền kinh tế tốc độ thay thế nền kinh tế qui mô. Cạnh tranh trở nên gay gắt và sự đòi hỏi về tốc độ cao đến mức câu nói quen thuộc xưa kia "thời gian là tiền bạc" ngày càng được hiện đại hoá thành câu nói "mỗi khoảnh khắc thời gian lại quý giá hơn khoảnh khắc vừa trôi qua trước nó".

Thời gian trở thành một biến số quan trọng như nó được phản ánh trong những chuyển giao hàng "kịp thời" và trở thành một sức ép để giảm bớt những quyết định trong quá trình, gọi là DIP. Việc thiết kế chậm theo từng khâu, từng bước được thay thế bằng "thiết kế đồng bộ". Các công ty đang tiến hành "cạnh tranh bằng thời gian". DuWayne Peterson, một cán bộ điều hành công ty Merrill Lynch, để biểu thị yêu cầu cấp bách mỗi này đã khẳng định: "Tiền bạc đang di chuyển theo tốc độ ánh sáng. Thông tin phải chuyển động nhanh hơn". Như vậy, việc tăng tốc đang ngày càng thúc đẩy công tác kinh doanh Làn sóng Thứ ba tiến sát tới thời gian thực tế.

Gộp tất cả lại, 10 đặc điểm kể trên của nền kinh tế Làn sóng Thứ ba, cùng với các yếu tố khác, đã dẫn đến sự biến đổi to lớn trong cách thức tạo ra của cải. Việc chuyển đổi của Hoa Kỳ, Nhật Bản và châu Âu sang hệ thống mới này, tuy chưa hoàn chỉnh, cũng đại diện cho một sự thay đổi quan trọng nhất trong kinh tế toàn cầu kể từ khi cuộc cách mạng công nghiệp dẫn đến sự mở mang các nhà máy.

Sự biến đổi có tính chất lịch sử ấy bắt đầu tăng tốc từ đầu đến giữa những năm 70, sang những năm 90 đã phát triển khá mạnh. Trong thời kỳ này, bản thân chiến tranh cũng biến đổi theo. Còn chiến tranh Làn sóng Thứ hai, giống như kinh tế Làn sóng Thứ hai, đang nhanh chóng trở nên lỗi thời.

9

CHIẾN TRANH LÀN SÓNG THỨ BA

Chuyện xảy ra trên bầu trời và sa mạc ban đêm ở Trung Đông năm 1991 là những cái mà thế giới trong ba trăm năm qua chưa được chứng kiến - đó là sự ra đời của một hình thái chiến tranh mới và nó phản ánh sát sao một hình thái sáng tạo của cái mới. Một lần nữa chúng ta thấy rằng cách thức chúng ta sáng tạo ra của cái với cách thức tiến hành chiến tranh có liên quan rất chặt chẽ với nhau.

Các xã hội tiên tiến nhất về công nghệ trên thế giới ngày nay có những nền kinh tế chia thành nhiều cấp độ - một phần dựa trên nền sản xuất hàng loạt của Làn sóng Thứ hai đang suy thoái và một phần dựa vào các công nghệ và dịch vụ thuộc Làn sóng Thứ ba đang nảy sinh. Chưa hề có một quốc gia kỹ thuật cao nào, kể cả Nhật Bản, đã hoàn thành bước quá độ sang hệ thống kinh tế mới.

Ngay cả những nền kinh tế tiên tiến nhất - như châu Âu, Nhật Bản, Hoa Kỳ - vẫn còn bị phân chia thành lao động cơ bắp đang suy giảm với lao động trí óc ngày càng gia tăng. Tính chất hai mặt này được phản ánh rõ rệt trong cách tiến hành chiến tranh Vùng Vịnh năm 1990-1991.

Cho dù cuối cùng lịch sử có thể đánh giá cuộc xung đột này về mặt đạo đức, kinh tế, hay địa - chính trị như thế nào, thì cách

thức thực tế trong đó cuộc chiến tranh được tiến hành, đã và đang còn bao hàm những ý nghĩa sâu sắc cho quân đội và cho tất cả các nước trên khắp thế giới.

Có một điều mà ngay cả bây giờ người ta vẫn chưa hiểu rõ, đó là Hoa Kỳ và đồng minh đã đồng thời tiến hành hai cuộc chiến tranh rất khác nhau để chống lại Saddam Hussein của Iraq. Nói chính xác hơn, Mỹ áp dụng hai kiểu chiến tranh, một kiểu Làn sóng Thứ hai, kiểu kia Làn sóng Thứ ba. Cuộc đổ máu Vùng Vịnh bắt đầu từ ngày 2-8-1990, với cuộc tiến công của Saddam Hussein vào nước láng giềng Côoét, không phải như người ta thường nói là từ ngày 17-1-1991, khi đồng minh do Mỹ chỉ huy đánh trả lại Baghdad. Chính Saddam đã gây đổ máu trước.

Trong những tháng tiếp theo, trong khi liên minh Hoa Kỳ và Liên hợp quốc còn đang tranh luận về việc phải trả đũa bằng cách nào, thì Saddam khoe khoang rằng quân đồng minh sẽ bị đánh tới tã ở "sào huyệt của kẻ gây chiến". Bài nói của ông được giới bình luận thông tin đại chúng và các chính khách phương Tây bàn luận, và họ dự kiến rằng sẽ có tổn thất lớn cho quân đồng minh tới mức chừng 30.000 người bị giết. Một số nhà phân tích quân sự thậm chí cũng đồng ý với dự đoán này¹.

BỆNH BÀI KỸ THUẬT

Đồng thời những người phản đối cuộc chiến tranh Vùng Vịnh đã tung ra một chiến dịch qua phương tiện truyền thông phương Tây để chống lại chính nền công nghệ tiên tiến. Báo chí thế giới nhanh chóng hưởng ứng với những lời hùng biện mang tính bài kỹ thuật : máy bay trực thăng Mỹ sẽ bị chìm trong bão cát; máy bay ném bom lên lút sẽ ném sai mục tiêu; các kính nhìn ban đêm sẽ không hoạt động được; các loại vũ khí chống tăng nhân Con

1. Tổn thất thực tế chỉ có 340 người - bằng khoảng một phần trăm của dự đoán.

Rồng và TOW sẽ vô tác dụng trước "những chiếc xe bọc sắt của Irắc do Liên Xô cung cấp"; xe tăng M.1 sẽ không có hiệu lực và sẽ luôn bị hư hỏng. Tờ *Thời báo New York* đã đặt câu hỏi : "Quân sự công nghệ cao của ta có phải là một ảo ảnh không?"

Một nhà báo chuyên mục quân sự nổi tiếng đã gạt bỏ toàn bộ quan niệm cho rằng công nghệ có thể "đảo ngược tình thế" trong chiến tranh. Ông cho rằng điều đó chỉ là "huyền thoại" và người Mỹ sai lầm lớn khi "nhấn mạnh vật chất hơn cả sức người".

Một số "nhà cải cách quân sự" tại Đồi Capitol cũng lập lại điệp khúc tương tự, họ chỉ trích vũ khí tiên tiến là "công việc quá phức tạp". Họ lập luận theo cách đã từng làm nhiều năm rằng cái mà Hoa Kỳ cần là hàng loạt các máy bay, xe tăng, tên lửa đơn giản chứ không phải là một số nhỏ vũ khí tinh vi hơn.

Tất cả điều đó làm tăng thêm nỗi khiếp sợ ngày càng lớn của công chúng về khả năng tổn thất khổng lồ của đồng minh. Sau hết, Saddam có một đội quân một triệu người, được đào tạo theo học thuyết Xô viết, có nguồn cung cấp của Liên Xô. Khác với lực lượng đồng minh, đội quân này đã có thử thách chiến đấu đổ máu gần đây trong cuộc chiến 8 năm với Iran. Hơn nữa họ còn có 6 tháng để đào hầm, xây dựng thành lũy, công sự, chiến hào, gài những bãi mìn chết người. Người ta dự đoán rằng quân Irắc sẽ phóng hoả vào những đường hào có dầu để tạo thành tuyến lửa không thể vượt qua. Để hỗ trợ tuyến tiền duyên, quân Irắc còn triển khai đội hình yểm trợ nhau dày đặc người và xe bọc thép (giống như quân Xyri trên đồi Golan hay quân Liên Xô ở Trung Âu). Nếu quân đồng minh dám tấn công, họ sẽ bị tiêu diệt.

Saddam Hussein chỉ việc chờ đợi những hình ảnh vô tuyến truyền hình về vô số túi đựng thi hài lính Mỹ đưa về nghĩa trang quân sự làm cho đất nước này bị thoái chí về chính trị. Khi ý chí chính trị của Mỹ sụp đổ, Saddam có thể chiếm giữ Côoét hoặc ít nhất những vùng có nhiều dầu mỏ của nước này.

Tuy nhiên, điều đó giả định rằng chiến tranh Vùng Vịnh phải là chiến tranh theo kiểu của kỷ nguyên công nghiệp. Tuy những quan niệm cơ bản của học thuyết "Trận chiến không - lục" (và những điều sửa đổi sau này của nó) đã được lan truyền rộng rãi trong giới quân sự trên thế giới, nhưng Saddam dường như không hay biết gì về học thuyết này, mặc dù ông tự phụ là thông thạo quân sự. Không bao giờ ông hiểu rằng kiểu chiến tranh hoàn toàn mới này đang làm thay đổi hoàn toàn bản chất chiến tranh.

Cuộc chiến tranh hai mặt mở màn bằng những cuộc tiến công sớm nhất của đồng minh.

CHIẾN TRANH HAI MẶT

Ngay từ đầu đã có hai chiến dịch oanh kích của không quân, mặc dù chúng phối hợp với nhau và ít người nghĩ rằng chúng tách rời nhau. Một chiến dịch sử dụng những phương pháp tiêu hao quen thuộc của chiến tranh hiện đại thuộc Làn sóng Thứ hai. Các phi đội gồm những máy bay đã có tuổi thọ ba chục năm ném bom rải thảm không thương xót lên những công sự của Irắc. Giống như các cuộc chiến tranh trước, những quả bom "đần độn" được ném xuống gây thiệt hại trên khu vực rộng lớn, tàn phá và làm nản lòng cả quân đội tiền duyên Irắc lẫn cả những vệ binh cộng hoà yếm trợ. Tướng Schwarzkopf, tổng chỉ huy quân đồng minh khi ấy "đang chuẩn bị chiến trường", như cuộc họp báo của ông cho thấy, trong khi đó nửa triệu quân đồng minh trên bộ đang ở tư thế sẵn sàng di chuyển chống lại phòng tuyến của Irắc.

Sau chiến tranh, tại Paris, các tác giả cuốn sách này đã nói chuyện với tướng về hưu Pierre Gallois. Trước đây ông phục vụ trong Không lực của Pháp và về sau làm Phó chỉ huy của NATO, chịu trách nhiệm về nghiên cứu chiến lược. Gallois đến thăm Irắc ngay sau cuộc chiến. Ông kể lại với chúng tôi : "Tôi cho xe chạy khoảng 2.500 kilômét và thấy các làng xóm đều bị tàn phá. Chúng tôi tìm thấy những mảnh bom còn mang chữ số 1968, còn lại sau

Chiến tranh Việt Nam. Đây là cách ném bom giống như tôi đã thực hiện nửa thế kỷ trước đây trong Chiến tranh thế giới thứ hai".

Hình thái chiến tranh giết hại nhiều nhất này cả hai phía đều hiểu rất rõ. Đó là cách tàn sát công nghiệp hoá, và chúng ta chẳng bao giờ biết bao nhiêu binh sĩ và dân thường Irắc đã bị giết do trận bom này.

Nhưng một loại chiến tranh hoàn toàn khác hẳn cũng đã được tiến hành ngay trong ngày đầu tiên. Cả thế giới sững sờ từ phút đầu trước những hình ảnh không thể quên về tên lửa Tomahawk và bom điều khiển bằng lade tìm chọn và tiến công các mục tiêu ở Baghdad với độ chính xác kinh ngạc : tổng hành dinh Không lực Irắc, trụ sở Cục tình báo Irắc, Bộ Nội vụ (sở chỉ huy cảnh sát), toà nhà quốc hội, cơ quan đầu não của Đảng BAAT.

Do có khả năng thâm nhập những khu vực nguy hiểm cao và ném bom có điều khiển chính xác, các loại máy bay đánh lên ban đêm - còn gọi là F.117A - là loại duy nhất có thể tiến công các mục tiêu ở trung tâm Baghdad. Chúng tập trung vào các trung tâm phòng không được bảo vệ khá tốt và các sở chỉ huy quân sự, các phương tiện điều khiển. Mỗi chỉ thực hiện 2 phần trăm tổng số lần xuất kích, các máy bay đó đã hoàn thành tấn công 46 phần trăm các mục tiêu chiến lược. Mặc dù đã có những dự kiến xấu nhất, nhưng tất cả máy bay đều trở về an toàn.

Trong suốt những ngày còn lại của cuộc xung đột, vô tuyến truyền hình chỉ nhấn mạnh hình thái chiến tranh mới này. Tên lửa gần như có thể phóng đến mọi chỗ và chúng có thể chui vào qua cả các khung cửa sổ đã được ngấm trước của các công sự che giấu xe tăng và quân đội Irắc. Chiến tranh xuất hiện trên màn ảnh vô tuyến giống như nó xuất hiện trên màn điều khiển điện tử của các phi công và các binh sĩ đang tham chiến.

Kết quả là hình ảnh về chiến tranh được cải thiện rất nhiều, đó là một dạng chiến đấu gần như ít đổ máu hơn so với phim ti vi quay về Chiến tranh Việt Nam, những bộ phim như muốn ném những cánh tay, cẳng chân bị chặt đứt, những số người bị đập vỡ và những trẻ em bị bom napan thiêu cháy vào các phòng khách của người Mỹ.

Có một cuộc chiến tranh ở Irắc được tiến hành với những vũ khí của Làn sóng Thứ hai được chế tạo để phá huỷ hàng loạt. Nhưng trên màn hình của thế giới rất ít xuất hiện hình ảnh cuộc chiến này. Trái lại, chiếu trên ti vi là một cuộc chiến tranh khác được tiến hành với những vũ khí của Làn sóng Thứ ba chế tạo để nhằm đạt độ chính xác cao, phá huỷ có lựa chọn và "thiệt hại đi kèm" rất nhỏ.

Như chúng ta đã thấy, nhiều loại trong hệ thống vũ khí chủ chốt của Mỹ đã được chế tạo nhằm đáp ứng những yêu cầu do Starry ở TRADOC xác định từ thập kỷ trước. Nhưng dấu ấn của Starry, người đã nghỉ hưu khi chiến tranh Vùng Vịnh nổ ra, và của Morelli, người đã chết gần một chục năm trước, vẫn còn hiển hiện rõ rệt trong cách sử dụng vũ khí. Chẳng hạn, từ đầu trận chiến, nó phản ánh tư duy của hai ông về "đánh sâu", "đánh gần cận", và tầm quan trọng của thông tin và vũ khí thông minh.

MẶT TRẬN BIỂN MẶT

Trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, hàng triệu binh lính phải đối mặt với nhau trong các công sự được đào sâu trên đất Pháp. Dày bùn và chuột, tràn ngập mùi rác rưởi và bệnh hoại tử, các đường giao thông hào chẳng chịt chạy dài nhiều dặm qua vùng quê nằm phía sau những mớ dây thép gai lộn xộn. Trong nhiều tháng, có lúc tất cả binh lính phải cúi đầu sợ hãi không dám ngẩng lên khỏi mặt đất. Khi lệnh tấn công ban bố, đáng lẽ quân sĩ phải tiến lên phía trước và phải đương đầu với pháo binh và súng cỡ

nhỏ, thì phần lớn trong số họ ngồi tại chỗ bất động vì bệnh tật và nỗi chán nản tràn lan khắp quân ngũ.

Trong đầu óc của họ, chẳng còn ai để ý đến việc "chiến tuyến" đang ở đâu. Tình hình đối với quân đội Irắc trong các công sự ở sa mạc gần 80 năm sau cũng vậy. Trừ có điều tiền tuyến không còn là chỗ mặt trận chính đang diễn ra. Núi chính xác như trong học thuyết Trận chiến không - lực, quân đồng minh đã tiến hành trận chiến một cách sâu sắc trên mọi phương diện - khoảng cách, độ cao và thời gian. Tiền tuyến bây giờ lại là ở hậu tuyến, ở hai bên cạnh và ở cả trên không. Hành động được vạch kế hoạch cho 12, 24, 72 tiếng đồng hồ sắp tới, được sắp xếp đúng giờ như các tiết mục của một vở múa balê.

Các cuộc tiến công bằng đường không và đường bộ từ xa được tiến hành để ngăn chặn sự di chuyển viện quân của địch, y như quân Đồng minh chuẩn bị thực hiện ở Đức một khi có quân đội Xô viết tiến công. Hình thái chiến tranh Làn sóng Thứ ba đang phôi thai do Morelli phác thảo cho chúng ta cách đây gần mười năm trong một khách sạn tại Thành phố Phalê gần Lâu Năm Góc không còn là vấn đề lý thuyết nữa. Khi những hình ảnh chiến tranh Vũng Vịnh xuất hiện trên màn ảnh ti vi khắp thế giới, chúng tôi há hốc mồm ngạc nhiên khi càng ngày chúng tôi càng thấy những điều mà Morelli, và sau này là Starry, tiết lộ cho chúng tôi vào những năm 80 đã biến thành hiện thực vào những năm 90.

Phá huỷ các phương tiện chỉ huy của đối phương. Cắt đứt liên lạc của họ để ngăn cản thông tin lưu chuyển trong hệ thống chỉ huy. Giành thế chủ động. Đánh thọc sâu. Ngăn không cho đối hình yểm trợ của địch tham gia tác chiến. Hợp nhất tác chiến giữa trên không, trên bộ và trên biển. Tiến hành đồng bộ các cuộc hành quân phối hợp. Tránh tấn công trực diện những mũi nhọn của đối phương. Trên hết phải biết địch đang làm gì và phải ngăn không cho địch biết ta làm gì. Tất cả những điều đó rất

giống với lý thuyết về Trận chiến không - lục và các phiên bản sửa đổi cho cập nhật của nó.

Dương nhiên, chiến tranh Vùng Vịnh vượt ra ngoài Trận chiến không - lục về nhiều lĩnh vực. Sức mạnh không quân giữ vai trò dẫn đầu, khác với vai trò yểm trợ truyền thống của nó. Sự đảo ngược này gây ấn tượng sâu sắc đến mức nhiều người đã kết luận rằng cuối cùng thì không lục đã thực hiện được những đòi hỏi của những người đi tiên phong như Giulio Douhet người Italia (1869-1930), Billy Mitchell người Mỹ (1879-1936) và Hugh Trenchard người Anh (1873-1956).

Tuy vậy, Irắc là nơi ứng dụng đầu tiên toàn bộ học thuyết hiện đại về Trận chiến không - lục. Tướng Schwarzkopf, tư lệnh liên quân, nghe nói không ưa thuật ngữ Trận chiến không - lục. Nếu vậy thì có lẽ cũng dễ hiểu. Vì Schwarzkopf là người thừa hành xuất sắc. Tuy nhiên, ta vẫn sẽ không làm giảm vai trò của ông nếu khẳng định rằng Starry và Morelli là những người soạn thảo trong hậu trường mà một chục năm trước đây đã ghi bàn cho thắng lợi của sự liên kết quân sự này.

Học thuyết quân sự còn tiếp tục thay đổi trong quân đội khắp thế giới. Nhưng nếu chúng ta chú ý lắng nghe, dù đó là tiếng Trung Quốc hay tiếng Italia, tiếng Pháp hay tiếng Nga, thì những chủ đề trung tâm đều là Trận chiến hoặc Chiến dịch không - lục.

Khi lần đầu tiên chúng tôi gặp Don Morelli thì ông đã hiểu rằng những biến đổi trong kinh tế và xã hội cũng sẽ tác động đến quân sự. Như chúng ta thấy, tri thức đang trở thành yếu tố chủ chốt trong việc sản xuất ra giá trị kinh tế. Điều mà Starry và Morelli đã làm, không cần phải giải thích thêm, là đặt tri thức vào trọng tâm của chiến tranh. Như vậy, như chúng ta đã thấy ở Vùng Vịnh, chiến tranh Làn sóng Thứ ba đã chia sẻ nhiều điểm đặc trưng của nền kinh tế tiên tiến.

Khi so sánh những đặc điểm mới của chiến tranh với đặc điểm của nền kinh tế mới, chúng ta thấy có những điều giống nhau không thể nhầm lẫn được.

1. NHỮNG YẾU TỐ HUỖ DIỆT

Cũng như không ai có thể hoàn toàn coi nhẹ tầm quan trọng của nguyên liệu hay của lao động chẳng hạn trong sản xuất, vì vậy sẽ vô lý khi không đếm xỉa đến những yếu tố vật chất trong khả năng huỷ diệt. Cũng như chưa bao giờ tri thức lại bị coi là không quan trọng trong chiến tranh.

Thế nhưng, một cuộc cách mạng đang nảy sinh đã đặt tri thức, dưới những hình thức khác nhau, vào cốt lõi của sức mạnh quân sự. Cả trong sản xuất lẫn trong huỷ diệt, tri thức làm giảm bớt những yêu cầu về các khoản đầu vào khác.

Theo Alan D.Campen, Chiến tranh Vùng Vịnh "là một cuộc chiến tranh trong đó một gam silic ở trong máy vi tính có thể gây tác động lớn hơn cả một tấn uraniom". Campen hẳn phải biết rõ điều đó. Ông là một đại tá không quân về hưu, nguyên là giám đốc Vụ chính sách chỉ huy và kiểm soát của Bộ Quốc phòng Mỹ. Hiện nay ông làm việc cho Hiệp hội thông tin và điện tử của lực lượng vũ trang, là tác giả và biên tập cuốn *Chiến tranh thông tin đầu tiên*, một sưu tập rất có giá trị về các tài liệu kỹ thuật trong Chiến tranh Vùng Vịnh mà một số dữ liệu trong đó sẽ được dẫn ra dưới đây.

Ông tuyên bố rằng trong chiến tranh thông tin "tri thức cạnh tranh với vũ khí và chiến thuật về tầm quan trọng, nó đặt niềm tin vào quan niệm cho rằng kẻ thù chỉ chịu quỳ gối chủ yếu khi các phương tiện chỉ huy và kiểm soát của nó bị phá huỷ".

Một chỉ số của yếu tố tri thức tăng lên trong chiến tranh là việc điện toán hoá. Theo Campen "thực tế mọi khía cạnh chiến tranh ngày nay đã được tự động hoá, đòi hỏi khả năng truyền một

khối lượng lớn dữ liệu ở nhiều dạng khác nhau". Vào cuối chiến dịch Bão táp sa mạc, có trên 3000 máy vi tính ở khu vực thực tế có chiến tranh được nối với mạng vi tính ở Hoa Kỳ. Trên ti vi, công chúng nhìn thấy máy bay, súng, xe tăng, nhưng không thấy luồng di chuyển vô hình của thông tin, dữ liệu, và tri thức ngày nay cần cho mỗi một chức năng thông thường nhất trong quân sự. Campen nêu "Phần lớn các chức năng cấp cơ sở đều được tự động hoá ở căn cứ không quân cố định. Chức năng hậu cần và bảo dưỡng đều được điều khiển theo lệ thường bằng vi tính trên các tuyến bay".

Thiếu tá T.J. Gibson, một chuyên gia thông tin quân đội đã viết : "Ở cấp chỉ huy cao hơn, sự bố trí và sức mạnh của đối phương được theo dõi và phân tích trên máy vi tính, các tiến trình hành động được mô tả theo kiểu trò chơi chiến tranh bằng những chương trình sử dụng bộ óc nhân tạo, còn thông tin về hậu cần và về quân lực thì được biên soạn và theo dõi trên các phiếu thông tin của máy vi tính".

Trên bầu trời Vùng Vịnh có hai loại khí tài thông tin cực mạnh bay lượn : AWACS (Hệ thống báo động và điều khiển trên không) và J - STARS (Hệ thống radar phối hợp theo dõi và tấn công mục tiêu). Máy bay Boeing 707 chứa đầu máy vi tính, dụng cụ thông tin, radar, máy thu tín hiệu, tất cả là hệ thống AWACS, quét 360 độ khắp bầu trời để phát hiện máy bay và tên lửa đối phương, chuyển dữ liệu mục tiêu cho máy bay đánh chặn và cho các đơn vị mặt đất.

Đơn vị tương đương với AWACS là J - STARS làm nhiệm vụ quét sóng trên mặt đất, được giao nhiệm vụ giúp cho việc phát hiện và phá huỷ các đội hình kế tiếp nhau của lực lượng trên bộ của đối phương - đúng như nhiệm vụ mà Starry dự định hoàn thành.

Về đề tài vai trò của TRADOC trong sự phát triển của J-STARS và các hệ thống chủ yếu khác dùng trong Vùng Vịnh, thiếu tướng Thomas S. Swalm, thuộc Không lực Hoa Kỳ, xác nhận rằng J-STARS cung cấp cho các sĩ quan chỉ huy mặt đất "hình ảnh chuyển quân của đối phương ở cách xa 155 dặm" trong mọi điều kiện thời tiết.

Hai máy bay J-STARS tiến hành tổng cộng 49 lần xuất kích, xác định trên 1000 mục tiêu, bao gồm các đoàn xe nối đuôi nhau, xe tăng, xe tải, xe bọc thép chở người và pháo binh, và chúng cũng hướng dẫn 750 máy bay chiến đấu. Swalm nhận xét "Máy bay do J-STARS hướng dẫn đạt được tỷ lệ thành công đến 90 phần trăm trong việc tìm mục tiêu trên lần bay thứ nhất".

Đồng thời với việc lực lượng đồng minh phải bận rộn thu thập, phân tích và phân phát thông tin, họ cũng phải bận rộn phá huỷ khả năng thông tin liên lạc của đối phương. Báo cáo chính thức cuối cùng của Lầu Năm Góc trước Quốc hội về việc tiến hành Chiến tranh Vùng Vịnh Pécxích - cái gọi là Báo cáo "COW" - chỉ ra rằng những cuộc tiến công đầu tiên là nhằm vào "các tháp truyền vi sóng, tổng đài điện thoại, các phòng điều khiển, các đầu mối cáp quang, và những chiếc cầu mang các dây cáp thông tin đồng trục". Điều này có tác động hoặc là làm cho đối phương câm lặng, hoặc buộc "các nhà lãnh đạo Irắc phải sử dụng hệ thống hỗ trợ để bị nghe trộm, tạo ra tin tức tình báo có giá trị". Các cuộc tiến công này được đi kèm với các trận đánh trực tiếp vào các trung tâm chỉ huy quân sự và chính trị của Saddam, nhằm tiêu diệt hoặc cách ly giới lãnh đạo với quân đội ở chiến trường.

Nói cách khác, mục đích là phá vỡ đầu não và hệ thần kinh của giới quân sự Irắc. Nếu có bộ phận nào của chiến tranh cần phải "mổ xẻ", thì đó là bộ não, nếu có thể nói như vậy.

Khi tình hình này ngày càng được hiểu rõ, thì khắp nơi trên thế giới này sinh sự công nhận rằng nền kinh tế dùng trí lực, như

ở Hoa Kỳ, Nhật Bản và châu Âu, sẽ dẫn đến một nền quân sự dựa vào trí óc. Thực vậy, như chúng ta sẽ thấy ở phần tiếp theo, ngay cả những nước công nghệ thấp cũng đang đua nhau tăng các bộ phận quân sự sử dụng nhiều trí thức.

Có lẽ tinh thần của lối tư duy mới đó được bày tỏ rõ nhất bởi Fatima Mernissi, một nhà xã hội học và ủng hộ thuyết nam nữ bình quyền, một người Ma rốc thông minh, theo Đạo Hồi, một người chỉ trích gay gắt vai trò của Mỹ trong Vùng Vịnh. Mernissi chỉ ra rằng: "Ưu thế của phương Tây không phải là chỉ nhờ vào phần cứng quân sự của họ, mà đúng hơn là vào một điều là các căn cứ quân sự của họ đều là những phòng thí nghiệm, quân đội của họ là trí thức, bao gồm các nhà nghiên cứu và kỹ sư".

Có lẽ sẽ tới lúc có nhiều binh sĩ mang theo máy vi tính hơn là mang súng. Bộ Quốc phòng Mỹ đã khởi đầu hướng đi này trong năm 1993 khi Không lực Hoa Kỳ ký hợp đồng mua tới 300.000 chiếc máy vi tính cá nhân.

Tóm lại, hiện nay trí thức là nguồn lực trung tâm của sức phá hoại, cũng giống như nó là nguồn lực trung tâm của sức sản xuất

2. NHỮNG GIÁ TRỊ VÔ HÌNH

Nhu Starry và Morelli đã nhấn mạnh, nếu nắm được thế chủ động, có tin tình báo và liên lạc tốt hơn, binh sĩ được huấn luyện tốt hơn, có động cơ mạnh hơn, mọi thứ đều đầy đủ hơn chứ không phải chỉ hoàn toàn là số lượng, khi đó thế cân bằng quân sự có thể được quyết định nhiều bởi những yếu tố vô hình khó định lượng hơn là bởi những yếu tố thông thường dễ đếm được, những yếu tố mà các tướng lĩnh thuộc Làn sóng Thứ hai đã quen thuộc.

Giống như trường hợp của các phương pháp kế toán cũ trong kinh doanh, tài liệu quân sự cũng đầy ắp những công thức định lượng phức tạp nhằm so sánh lực lượng theo số lượng và các phần

cúng. Viện nghiên cứu chiến lược quốc tế là một trong những nguồn dữ liệu quân sự tốt nhất và có thể tin cậy nhất. Cuốn niên giám *Thế cân bằng quân sự* của nó đã được các nhà vạch kế hoạch quân sự và các phương tiện truyền thông đại chúng khắp thế giới chịu khó nghiên ngẫm. Nó cung cấp thông tin chi tiết về việc mỗi một quân đội trên thế giới cần bao nhiêu người, bao nhiêu xe tăng, máy bay lên thẳng, xe cộ, máy bay, tên lửa hoặc tàu ngầm. Bản thân chúng tôi dựa khá nhiều vào cuốn sách này. Song sách ít giới thiệu về những giá trị vô hình ngày càng đóng vai trò quan trọng. Có thể trong tương lai, sách sẽ cho chúng ta hay mỗi quân đội được hưởng bao nhiêu khả năng về vi tính hoặc thông tin.

Trong chiến tranh, cũng giống như trong kinh doanh, cách đo "giá trị" đã bị tụt hậu so với hiện thực mới.

3. SỰ PHI HÀNG LOẠT HOÁ

Khi gặp chúng tôi lần đầu vào năm 1982, Don Morelli nhận xét rằng cuốn sách do chúng tôi viết nhan đề *Lần sóng Thứ ba* đã giới thiệu khái niệm "phi hàng loạt hoá".

Ông nói: "Nhưng có một điều cơ bản mà các bạn đã bỏ sót". Đó là việc toàn bộ quá trình phi hàng loạt hoá trong kinh tế và xã hội cũng đang diễn ra trong quân sự. Ông nêu những câu đáng ghi nhớ: "Chúng ta đang tiến tới sự phi hàng loạt hoá sức PHÁ hoại đi đôi với sự phi hàng loạt hoá sức SẢN xuất".

Nếu phi hàng loạt hoá trong công nghiệp may mặc có nghĩa là sử dụng lade điều khiển bằng vi tính để cắt từng bộ quần áo, thì trên chiến trường nó có nghĩa là sử dụng lade để xác định một mục tiêu riêng biệt.

Kỹ nghệ tân được có thể thiết kế được một kháng thể để xác định một kháng gen gây bệnh, nó thâm nhập vào kháng gen đó qua một điểm tiếp nhận để phá huỷ nó. Kỹ nghệ quốc phòng

cũng có thể thiết kế một tên lửa đạn đạo có khả năng xác định một công sự của Irắc rồi phóng qua cửa công sự để phá huỷ nó. Công cụ thông minh trong kinh tế chế tạo ra vũ khí thông minh cho chiến tranh.

Trong kinh tế dân sự cũng có lúc công nghệ tiên tiến bị thất bại. Dương nhiên, điều đó cũng đúng với các vũ khí tiên tiến ở chiến trường, kể cả tên lửa Patriot, là loại tên lửa rất đáng chú ý nhưng cũng còn gây tranh cãi. Ngay cả tên lửa Tomahawk cũng chưa thật hoàn thiện trong cuộc Chiến tranh Vùng Vịnh và sau này, vào năm 1993, trong cuộc oanh kích vào sở chỉ huy tình báo Irắc theo lệnh Tổng thống Clinton. Thông thường các nhà chế tạo vũ khí hay khuếch đại năng lực sản phẩm của họ. Xu hướng thay đổi toàn bộ đã trở nên quá rõ và không phải tranh cãi. Mục tiêu là sự chính xác ngày càng tinh vi hơn, tính chọn lựa ngày càng cao hơn.

Dựa trên cơ sở vi điện tử như trong kinh tế dân sự, các khí tài thông minh có thể phát hiện ra âm thanh, nhiệt, sóng ra đa và các tín hiệu điện tử khác, sau đó chuyển các dữ liệu thu được vào phần mềm có khả năng phân tích cao, chọn ra "dấu hiệu" của mục tiêu đặc thù và phá huỷ nó. Một mục tiêu, một cú tiêu diệt.

Để thấy những khả năng mới này là đáng ngạc nhiên như thế nào ta cần lướt qua lại vấn đề. Chẳng hạn, năm 1881, hạm đội Anh bắn 3000 quả pháo vào các pháo đài Ai Cập gần Alexandria, chỉ có 10 quả trúng mục tiêu.

Rất gần đây các phi công Mỹ trong Chiến tranh Việt Nam đã xuất kích 800 lần và mất 10 máy bay nhằm đánh gục chiếc cầu ở Thanh Hoá nhưng không thành công. Về sau, bốn máy bay F.4 trang bị một số bom thông minh mới nhất đã hoàn thành công việc chỉ trong một phi vụ duy nhất.

Ở Việt Nam, một tốp lái tăng M-60 của Mỹ trong chiến đấu đã phải tìm chỗ ẩn nấp, dừng xe và ngắm trước khi bắn. Cách

khoảng 2000 iat¹ ban đêm, cơ may trung mục tiêu, theo chuyên gia xe tăng Ralph Hallenbeck, "gần như bằng không". Ngày nay tốp lái M.1 có thể bắn mà không phải dùng xe. Các kính nhìn ban đêm, lade, máy vi tính tự động điều chỉnh theo nhiệt độ, sức gió, và các điều kiện khác, bảo đảm 10 phát bắn trúng 9.

Ngày nay một máy bay F.117, chỉ trong một lần xuất kích, ném một quả bom có thể hoàn thành nhiệm vụ mà các máy bay ném bom B.17 phải oanh kích 4500 lượt và ném 9000 quả bom trong Chiến tranh thế giới thứ hai, hoặc 95 lượt với 190 quả bom trong Chiến tranh Việt Nam.

James F.Digby, một chuyên gia về khí tài chính xác ở Công ty Rand, đã khẳng định : "Những cái làm được như vậy là những vũ khí dựa vào thông tin thay vì dựa vào khối lượng hoà lực, như vậy giảm rất lớn trọng lượng chất nổ cần phải chuyên chở". Những lời đó của James chỉ là lặp lại lời của những giám đốc kinh doanh sử dụng máy vi tính để cắt giảm tiêu hao nguyên liệu, thu gọn sản phẩm, đồng thời giảm bớt lượng tồn kho và chi phí vận chuyển.

Tất nhiên, sự huỷ diệt hàng loạt vẫn sẽ còn tồn tại với chúng ta ở mức mà chúng ta có thể dự đoán trước được. Vũ khí có thể hoạt động sai, nhưng nhằm lẫn chết người vẫn sẽ còn tiếp tục diễn ra chừng nào còn có chiến tranh. Song sự phá huỷ phi hàng loạt, được cất đặt sẵn nhằm làm giảm thiệt hại đi kèm, sẽ ngày càng thống trị các khu vực chiến trận, giống y như những thay đổi trong kinh tế dân sự.

4. LAO ĐỘNG

Ngày nay, ai cũng hiểu rằng nền kinh tế "thông minh" mới cũng đòi hỏi phải có những người lao động thông minh. Vì lao

1. iat, hay còn gọi là mã, thuộc Anh, bằng 0,914 m. H.F

động cơ hấp giảm đi, nên số đông lao động đơn giản ngày càng bị thay thế bằng số lượng nhỏ những công nhân được đào tạo ở trình độ cao và bằng các máy móc thông minh.

Quá trình này cũng diễn ra y như vậy trong ngành quân sự, nơi vũ khí thông minh đòi hỏi những binh sĩ thông minh. Quân đội được đào tạo tồi có thể chiến đấu dũng cảm trong trận chiến giáp lá cà điển hình cho chiến tranh Làn sóng Thứ nhất, họ có thể chiến đấu và chiến thắng trong chiến tranh Làn sóng Thứ hai, nhưng họ trở thành lạc hậu trong quân đội của Làn sóng Thứ ba giống như những công nhân dốt nát trong công nghiệp Làn sóng Thứ ba.

Ý kiến cho rằng chiến tranh Vùng Vịnh là một cuộc chiến "công nghệ cao" trong đó yếu tố con người trong chiến đấu bị loại bỏ, là một ý kiến hoang tưởng. Sự thực là các lực lượng do Đồng minh cử đến Vùng Vịnh là quân đội được đào tạo và có trình độ kỹ thuật tốt nhất từ trước đến nay từng được đưa ra trận. Thực vậy, TRADOC của Starry đã huấn luyện nhiều người trong số họ. Quân đội Mỹ đã phải mất mười năm chuẩn bị mới phù hợp được với loại hình chiến tranh mới lấy cơ sở là học thuyết về Trận chiến không- lực.

Ngay cả những quân đội tiên tiến vẫn còn có những người mang phẩm hạnh nguyên thủy trong quân ngũ, điều này thể hiện trong việc đối xử tàn tệ với phụ nữ trong thời kỳ diễn ra hiệp định Tailhook đáng xấu hổ của Hải quân Mỹ, hoặc những vụ bột phát đồng tính luyến ái vẫn còn xuất hiện. Song bản chất chiến tranh thay đổi đòi hỏi những giá trị ngày càng tăng đối với giáo dục và kiến thức chuyên môn hơn là sự kiêu hãnh và sức mạnh cơ bắp quân sự theo kiểu cũ.

Quân sự mới cần những binh lính biết sử dụng bộ não của mình, có thể đối phó được với sự đa dạng về con người và văn hoá, chấp nhận được sự mơ hồ, nắm thế chủ động, đặt ra những

câu hỏi, thậm chí đến mức chất vấn cả cấp lãnh đạo. Để mô tả đặc tính đã thay đổi trong quân sự Mỹ, Steven D.Stark đã viết trong tờ *Thời báo Los Angeles* : "Khẩu hiệu "chất vấn cấp lãnh đạo" của những năm 60 bắt nguồn từ nơi ít ngờ nhất". Sự ham muốn đặt câu hỏi và suy nghĩ có thể xảy ra nhiều trong lực lượng vũ trang Mỹ hơn là trong nhiều ngành kinh doanh.

Chắc chắn là giáo dục tiên tiến ngày nay diễn ra phổ cập trong quân sự hơn là ở những cấp kinh doanh cao nhất. Một báo cáo gần đây của "Trung tâm Bắc Carolina phục vụ sự lãnh đạo sáng tạo" cho biết trong khi chỉ có 19 phần trăm giám đốc công ty hàng đầu ở Mỹ có trình độ sau đại học, thì có tới 88 phần trăm thiếu tướng có trình độ học vấn cao cấp.

Trong số phi công, trình độ đào tạo hiện nay cao hơn rất nhiều so với thời kỳ trước. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, các phi công trẻ được tung ra trận sau vài giờ tập trong buồng lái. Ngày nay mỗi một phi công lái máy bay F.15 tốn hàng triệu đôla tiền đào tạo, và kéo dài hàng mấy năm tập luyện chứ không phải tính bằng ngày hay bằng tháng.

Theo lời của một sĩ quan Không lực Hoa Kỳ thì "Vũ khí cũng chỉ thông minh bằng người sử dụng chúng". Phi công ngày nay không bao giờ là người thừa hành duy nhất trong buồng lái. Anh ta chỉ là một bộ phận trong hệ thống tương tác to lớn và phức tạp, được hỗ trợ bởi những người điều khiển radar trên các máy bay AWACS trong việc cung cấp tin cảnh báo sớm về sự xuất hiện của máy bay địch, bởi các chuyên gia về chiến tranh và chống chiến tranh điện tử trên mặt đất và trên không, bởi các sĩ quan vạch kế hoạch và các sĩ quan tình báo, và bởi các nhà phân tích dữ liệu cùng các nhân viên viễn thông. Phi công ngồi trong buồng lái phải xử lý một khối lượng dữ liệu khổng lồ và phải biết thích nghi chính xác với cái hệ thống to lớn này vì nó thay đổi từng lúc một.

Theo hai đại tá không quân Rosanne Bailey và Thomas Kearney, thì "yếu tố cốt tử dẫn đến thành công trong khai thác kỹ thuật vẫn là con người, thể hiện rõ trong hoạt động của các phi công sử dụng tên lửa không đối không AIM- 7 trong chiến dịch Bão táp sa mạc. Kết quả thực hiện so với thời Chiến tranh Việt Nam đã tăng hơn 5 lần... đó là kết quả trực tiếp của công việc cải thiện huấn luyện, đặc biệt là huấn luyện chuyên sâu như các bài tập Cờ Đỏ và Súng Cao Cấp, là sử dụng các bài mô phỏng rất giống thực tế khai thác từ công nghệ điện toán, và quan trọng nhất là chọn đúng người đúng việc".

Trình độ giáo dục được nâng cao còn thể hiện ở cả các cấp dưới. Trên 98 phần trăm quân tình nguyện thời Chiến tranh Vùng Vịnh đều tốt nghiệp trường cao trung, một tỷ lệ cao nhất trong lịch sử. Nhiều người còn được đào tạo cao hơn. Sự khác nhau giữa những "anh lính dân dõn" bắt buộc nhập ngũ đi Việt Nam với những binh sĩ tình nguyện tham gia chiến dịch Bão táp sa mạc được tượng trưng bằng hình ảnh trên tivi khi phóng viên chia micrô về phía người trung sĩ Mỹ gốc Phi đứng trước xe tăng. Phóng viên hỏi: "Đường như sắp có chiến trận diễn ra, anh có sợ không?". Người trung sĩ trẻ tự tin nhìn phóng viên về trầm ngâm rồi trả lời: "Sợ à? Không. Có lẽ chỉ một chút lo lắng."

Một sự phân định thận trọng và ngôn từ chính xác đã chứng minh một cách hùng hồn chất lượng quân sĩ. Theo lời của Đại tá Hải quân W.C. Gregson, ủy viên quân sự của Hội đồng quan hệ đối ngoại, thì một binh sĩ vũ trang "không chỉ là một con lừa chở vũ khí hay một cái túi đựng đạn. Anh ta hiểu cả chiến thuật của người lính cơ giới lẫn người lính bộ binh. Anh ta thành thạo về khả năng thao tác máy bay lên thẳng và máy bay có cánh, bởi vì anh ta thường phải đóng vai trò điều khiển. Điều khiển máy bay nghĩa là anh ta hiểu cả vũ khí chống máy bay. Anh ta phải thành thạo hình học và hoa tiêu để điều khiển súng cối, pháo binh. Bọc thép và chống bọc thép, đặt mìn và vũ khí cùng chiến thuật phá

mìn, sử dụng vật phá huỷ, máy vi tính, xe cơ giới, thiết bị xác định mục tiêu bằng lade, kính ngắm nhiệt, hệ thông tin vệ tinh, tổ chức cung ứng và hậu cần, tất cả đều là bộ đồ nghề cần thiết của anh ta". Chiến đấu kiểu Làn sóng Thứ ba bao gồm nhiều thứ, chứ không phải chỉ là kéo cò súng.

Sức lao động và sức chiến tranh đều cùng theo nhau biến đổi. Những binh sĩ dân dộn đối với chiến tranh Làn sóng Thứ ba cũng giống như những người lao động chân tay đơn giản đối với nền kinh tế Làn sóng Thứ ba - họ là những người phải chịu nguy hiểm.

Chúng ta đã nhận ra rằng khi kinh tế đi lên, thì xuất hiện sự thay đổi về tỷ lệ giữa "lao động trực tiếp" và "lao động gián tiếp". Trong quân sự, chúng ta cũng chứng kiến một sự tiến triển tương tự.

Thuật ngữ quân sự có khác chút ít. Người lính không nói "trực tiếp" hay "gián tiếp", mà nói "cái răng" hoặc "cái đuôi". Và cái đuôi Làn sóng Thứ ba ngày nay dài hơn rất nhiều so với trước. Tướng Pierre Gallois nhận xét : "Hoa Kỳ đã cử 500.000 quân đến Vùng Vịnh và trong đó có từ 200.000 đến 300.000 quân hỗ trợ các mặt hậu cần. Nhưng thực tế chỉ có 2000 binh sĩ là những người trực tiếp đánh thắng trận. Cái đuôi đã tăng lên tới quy mô rất lớn". Cái đuôi đó còn bao gồm cả các nhà lập trình điện toán - cả nam lẫn nữ - ở tại Hoa Kỳ, trong đó một số làm việc trên máy vi tính cá nhân tại nhà riêng.

Một lần nữa, điều gì xảy ra trong kinh tế đều được phản ánh trong quân sự.

5. ĐỔI MỚI

Một đặc điểm nữa của Chiến tranh Vùng Vịnh là óc sáng tạo cao do binh sĩ và thường dân thể hiện. Đại tá Alan Campen nói : "Mạng lưới vận hành bằng máy vi tính cung cấp toàn bộ tin tức tình báo cho quân đội Mỹ để chuẩn bị cho việc đổ bộ qua

biên giới Ả-rập Xê-út ngày 24-2-1991 không phải đã có ngay trong cái ngày Iraq xâm chiếm Côoét sáu tháng trước đó".

Ông giải thích, mạng lưới đó đã được ứng tác chế tạo bởi một nhóm nhà phát minh biết tìm cách uốn nắn các quy tắc, gạt bỏ quan liêu và khai thác phần cứng và phần mềm ứng tác để làm cho công việc tiến triển nhanh chóng.

Thêm nữa, các hệ thống chủ chốt đã được "các nhà kỹ thuật tập hợp ngay tại chỗ, những người này khi phát hiện thấy các thiết bị liên lạc và điện toán bị đến chậm, ...đã sáng chế ra mạng lưới bằng việc sử dụng không chính thức và không được phép những tổ hợp *sản phẩm thông tin* quân sự và dân sự".

Những câu chuyện tương tự như vậy từ Vùng Vịnh có rất nhiều. Sáng kiến đã được hoan nghênh với mức độ khác thường - giống như nó cũng đang được gia tăng ở các công ty dân sự thông minh và có sức cạnh tranh.

6. QUY MÔ

Quy mô cũng thay đổi một cách tương tự. Cắt giảm ngân sách ở nhiều nước (tuy chưa phải là ở tất cả các nước) đang buộc các vị chỉ huy phải giảm bớt quy mô lực lượng. Nhưng còn có những sức ép khác nữa. Các nhà tư tưởng quân sự phát hiện rằng các đơn vị nhỏ hơn - giống như các công ty "nhỏ bé và kém cỏi" trong cuộc chiến cạnh tranh - thực tế có thể đưa ra nhiều cú bất ngờ. Sự tiến triển đang hướng tới hệ thống khí tài có hoà lực cao hơn nhưng ít nhân lực hơn. Đô đốc Mỹ Paul Miller, tổng tư lệnh lực lượng Đại Tây Dương, đang chỉ đạo một cuộc thí nghiệm để tìm ra "cách thiết lập những đội hình nhỏ nhưng cơ động hơn"... Cho tới gần đây, một sư đoàn với 10.000 - 18.000 quân được coi là một đơn vị chiến đấu nhỏ nhất có thể dựa vào sức mình hoạt động trong một thời gian dài. Trong trường hợp của Mỹ, một sư đoàn thường bao gồm ba đến bốn lữ đoàn, mỗi lữ đoàn có từ hai đến năm tiểu đoàn cùng với các đơn vị phối thuộc khác và một ban

chỉ huy. Nhưng sắp đến cái ngày mà một lữ đoàn Làn sóng Thứ ba đầu tư chiều sâu với 4000 đến 5000 người cũng có thể thực hiện được nhiệm vụ trước đây của cả một sư đoàn to lớn, một đơn vị bộ binh nhỏ được trang bị thích đáng có thể làm công việc của cả một lữ đoàn.

Cũng giống như trong kinh tế dân sự, ở đó ít người với công nghệ trí tuệ có thể làm được nhiều việc hơn là đông người với công cụ dùng sức cơ bắp trong quá khứ.

7. TỔ CHỨC

Những thay đổi về cơ cấu tổ chức trong lực lượng vũ trang cũng phát triển song song với thế giới kinh doanh. Khi tuyên bố về cải tổ tổ chức mới đây, bộ trưởng Không lực Hoa Kỳ Donald Rice giải thích rằng việc cắt giảm vũ khí hạt nhân, và việc gia tăng nhu cầu về đáp ứng cơ động đòi hỏi một cơ cấu mới khuyến khích tính tự quyết của các tư lệnh địa phương. "Tư lệnh một căn cứ không quân sẽ có toàn quyền đối với mọi trang thiết bị của mình - từ các máy bay chiến đấu và khí tài dự báo thời tiết đến các máy bay phá sóng radar". Giống như trong kinh doanh, quân sự đang nói dần sự điều khiển cũng nhấc từ trên xuống dưới.

Perry Smith, nguyên là vị tướng không quân phụ trách về kế hoạch dài hạn, trở thành quen thuộc với khán giả truyền hình của CNN khi ông đưa tin bình luận diễn giải trong thời gian diễn ra chiến tranh với Iraq. Theo Smith, "Ngày nay Lầu Năm Góc có những thiết bị to lớn về chỉ huy, về kiểm soát và thông tin, bảo đảm đồng thời tiếp cận với lực lượng của chúng ta trên toàn thế giới, cho nên nhiều người cho rằng tất cả các cuộc chiến tranh đều là do chính Lầu Năm Góc điều khiển... Nhưng trong Chiến tranh Vùng Vịnh thì hoàn toàn ngược lại". Tư lệnh chiến trường được quyền tự quyết rất lớn. "Sở chỉ huy trung tâm hỗ trợ tư lệnh chiến trường nhưng không quản lý ở tầm vi mô".

Tình hình đó không chỉ trái ngược với cách Mỹ đánh ở Việt Nam. Nó còn ngược hẳn với thực tế Xô viết khi họ sử dụng hệ thống mới C^3I^1 để tăng cường quyền lực từ trên xuống dưới trong một hệ thống được mô tả là "chỉ huy tiền tuyến từ hậu phương".

Việc chuyển giao quyền hành xuống dưới còn trái ngược hơn nữa với cách điều khiển quân đội của Saddam Hussein - theo cách này các tư lệnh chiến trường lo sợ không dám hành động khi không có sự chấp thuận của cấp trên. Trong quân sự Làn sóng Thứ ba, giống hệt như các công ty kinh tế Làn sóng Thứ ba, quyền quyết định được giao xuống cấp càng thấp càng tốt.

8. HỢP NHẤT CÁC HỆ THỐNG

Tình phức tạp ngày càng tăng của quân sự đã làm cho thuật ngữ "hợp nhất" mang một ý nghĩa nặng nề hơn bao giờ hết.

Trong các trận không chiến ở Vùng Vịnh, "các nhà điều hành không phận" như mọi người thường gọi, đã phải tiến hành "phi xung đột hóa" bầu trời - tức là bảo đảm cho máy bay của đồng mình không đâm vào nhau. Để thực hiện điều này, họ phải vạch hành trình cho hàng ngàn chuyến xuất kích đáp ứng theo lệnh bay hàng ngày. Theo Campen, những chuyến bay này phải di chuyển với tốc độ cao qua "122 tuyến bay tiếp nhiên liệu, 660 khu vực hoạt động hạn chế, 312 khu vực oanh kích tên lửa, 78 hành

1. Trong lĩnh vực rối rắm của các từ viết tắt chữ đầu quân sự, cũng giống như mọi lĩnh vực khác, đều có quá trình của nó. Khả năng chỉ huy và kiểm soát quân đội là tiền đề của chiến tranh kể từ khi khởi đầu. Tình hình đó dẫn đến việc viết tắt C^2 thay cho "Command and Control" (Chỉ huy và Kiểm soát). Nhưng vì quân đội ngày càng dựa vào hệ thống liên lạc để thực hiện các lệnh, C^2 trở thành C^3 , tức "Command, Control and Communication" (Chỉ huy, Kiểm soát và Liên lạc).

Khi hệ thống này hoà nhập với tình báo (Intelligence), thì C^3I xuất hiện. Ngày nay do hoạt động C^3I ngày càng phụ thuộc vào máy điện toán (Computer), thì thuật ngữ C^4I ra đời. Như vậy chưa phải là đã hết.

lang tiến công, 92 điểm tuần tiểu không chiến và 36 khu vực huấn luyện, trải rộng khắp 93.600 dặm". Hơn nữa tất cả các tuyến này phải phối hợp chặt chẽ với các đường bay dân dụng thay đổi liên tục của 6 quốc gia độc lập.

Hậu cần của chiến tranh cũng thật đáng sợ. Ngay cả quá trình rút quân Mỹ sau khi xong trận cũng là một nhiệm vụ khổng lồ. Tướng Williams G. Pagonis là người chịu trách nhiệm chuyển vận nửa triệu quân Mỹ trở về nước. Song nhiệm vụ còn gồm cả việc rửa sạch, chuẩn bị và chuyên chở hơn 100.000 xe tải, xe jeep, và các loại xe khác; 10.000 xe tăng và pháo binh; và 1.900 máy bay lên thẳng. Hơn 40.000 công nhân đã được đưa vào vận chuyển.

Gần đây, lần đầu tiên các công ty vận tải cỡ lớn, dựa vào máy vi tính và vào vệ tinh, có thể theo dõi các kiện hàng được vận chuyển trên từng chặng đường. Pagonis không phải ngẫu nhiên mà đặt cả hai bằng thạc sĩ về quản trị kinh doanh. Ông nói: "Đây là cuộc chiến tranh đầu tiên của thời hiện đại trong đó người ta tính toán đến từng cái đinh, từng cái tuốc-nơ-vít".

Những cái giúp cho giới quân sự thực hiện được nhiệm vụ nói trên không chỉ là máy vi tính, là cơ sở dữ liệu, là vệ tinh mà còn là cả sự hợp nhất những cái đó một cách có hệ thống.

9. CƠ SỞ HẠ TẦNG

Giống như kinh doanh Làn sóng Thứ ba, quân sự Làn sóng Thứ ba đòi hỏi một cơ sở hạ tầng điện tử to lớn và có nhiều nhánh. Không có cơ sở ấy, việc hợp nhất hệ thống không thể thực hiện được. Như vậy, Chiến tranh Vùng Vịnh đã chứng kiến cái gọi là "sự huy động thông tin lớn nhất trong lịch sử quân sự".

Bắt đầu từ những cơ sở nhỏ trong khu vực, một hệ thống phức hợp của mạng liên kết được khẩn trương thiết lập. Theo Larry K. Wentz của Công ty Mitre, các mạng này dựa vào 118 trạm di động mặt đất phục vụ liên lạc với vệ tinh, được bổ sung bằng 12

dầu mối vệ tinh thương mại, sử dụng khoảng 81 nút chuyển mạch, tạo cho 329 mạch âm thanh và 30 mạch truyền tin được thực hiện.

Những mối liên kết cực kỳ phức tạp được thiết lập để nối rất nhiều cơ sở dữ liệu khác nhau của Mỹ với mạng cơ sở dữ liệu ở khu vực có chiến tranh. Tóm lại, những hệ thống này điều khiển 700.000 cuộc đàm thoại điện thoại và 152.000 thông điệp mỗi ngày, sử dụng 30.000 tần số phát sóng radio. Chỉ riêng cuộc chiến trên không đã đòi hỏi gần 30 triệu cuộc nói chuyện điện thoại.

Nếu không có "hệ thần kinh" này thì không thể nào thực hiện được sự hợp nhất các nỗ lực một cách hệ thống, và những thiệt hại của đồng minh chắc chắn còn cao hơn nhiều.

10. TĂNG TỐC

Trận đánh nổi tiếng của tướng Schwarzkopf quét sạch lực lượng phòng thủ chủ yếu của Saddam Hussein ở phía tây là một sự áp dụng cổ điển lối đánh vu hồi. Cách đánh "vây bọc" này có thể dự đoán được đối với bất cứ ai chú ý nhìn vào bản đồ, mặc dù có nhiều cố gắng đã được thực hiện để đánh lừa làm cho Saddam Hussein nghĩ là cuộc tiến công sẽ nhằm vào phía chính diện.

Điều không có tính chất cổ điển và làm kinh ngạc các tướng chỉ huy của Iraq là tốc độ của vòng cuối được tiến hành quá nhanh. Rõ ràng là không ai trong số họ tin rằng bộ binh của quân đồng minh lại có thể tiến với tốc độ nhanh đáng ghi vào lịch sử như vậy. Sự gia tăng vận tốc ấy trong chiến tranh (giống như vận tốc gia tăng giao dịch kinh tế) được thúc đẩy bởi các máy vi tính, hệ viễn thông, và quan trọng là bởi các vệ tinh.

Tốc độ chưa từng có được thể hiện rõ trong nhiều lĩnh vực khác của chiến tranh Làn sóng Thứ ba (như hậu cần, xây dựng các phương tiện liên lạc). Nhưng ngược lại có nhiều tiếng phản

này, chỉ trích nổi lên sau trận đánh cho rằng tình báo chiến thuật đến quá chậm ở những nơi cần thiết. Alan Campen nói rằng khi khởi đầu chiến dịch Lá chắn sa mạc, "những yêu cầu về tình báo mới nhất đối với tình hình Côoét và Irắc" có nguy cơ vượt quá khả năng của Cục tình báo quân đội Hoa Kỳ.

Từ vệ tinh và các nguồn khác, một khối lượng thông tin khổng lồ dồn đến, nhưng việc phân tích lại chậm và, vì thiếu khả năng liên lạc đầy đủ, ảnh chụp các vị trí đóng quân trên toàn bộ đất Irắc và các công trình xây dựng chiến lũy không đến được với những đơn vị cần chúng trong vòng 12 đến 14 ngày. Tin tức của Trung tâm phân tích tình báo và nguy cơ đưa ra vẫn còn phải chuyển bằng tay cho các binh đoàn, sư đoàn khác nhau trên chiến trường thông qua máy bay lên thẳng, xe tải, thậm chí bằng cách đi bộ. Các đơn vị này nằm rải rác khắp một vùng rộng lớn ngang với cả miền đông Hoa Kỳ.

Vào thời điểm chiến dịch không quân bắt đầu, việc chậm trễ giảm xuống còn 13 giờ - một cải thiện lớn nhưng vẫn chưa đủ nhanh.

Nhiều hệ thống thu thập và xử lý tin tình báo vẫn còn ở giai đoạn phát triển khi cuộc chiến tranh bắt đầu, một số vẫn còn ở dạng nguyên mẫu khi gửi đến Trung Đông.

Nhưng trong chiến đấu vấn đề không nhất thiết phải là tốc độ tuyệt đối, mà là tốc độ tương đối so với nhịp độ của đối phương. Và ở đây, không có gì nghi ngờ về ưu thế tốc độ của kẻ chiến thắng. (Trở lại thay, sự chậm trễ về tin tình báo sẽ ít gây rắc rối hơn nếu bản thân quân lực Hoa Kỳ không di chuyển nhanh chóng như vậy).

Tờ tạp chí thương mại *Forbes* có lý khi viết rằng : mặc dù còn khiếm khuyết như vậy nhưng "nước Mỹ đã thắng trong chiến tranh quân sự,... giống như cách người Nhật đang thắng chúng ta trong chiến tranh công nghiệp và buôn bán công nghệ cao bằng

việc sử dụng chiến lược cạnh tranh chu kỳ nhanh và lấy thời gian làm cơ sở".

Dương nhiên, kinh doanh và quân đội là hai thứ khác nhau hoàn toàn. Không ai yêu cầu giám đốc điều hành công ty nào lại hy sinh mình hoặc đưa nhân viên của mình vào chỗ bị hại. Nhưng quả thực cái cách chúng ta làm ra của cải cũng chính là cách chúng ta tiến hành chiến tranh.

Trong Chiến tranh Vùng Vịnh có hai phương thức quân sự được sử dụng, đó là phương thức Làn sóng Thứ hai và phương thức Làn sóng Thứ ba. Lực lượng Irắc, đặc biệt là sau khi hầu hết radar và khí tài theo dõi của họ bị phá huỷ, đều là "bộ máy quân sự" thông thường. Máy móc của họ là công nghệ thô sơ của kỷ nguyên Làn sóng Thứ hai, mạnh nhưng đần độn. Ngược lại, lực lượng đồng minh không phải là một cỗ máy, mà là một hệ thống có năng lực lớn hơn nhiều về thông tin phản hồi nội bộ, về liên lạc và về việc tự điều chỉnh. Thực tế, ít nhất đó là một bộ phận của "hệ thống tư duy" Làn sóng Thứ ba.

Chỉ khi nào hiểu đầy đủ nguyên tắc này, chúng ta mới có thể nhìn thấy được tương lai của bạo lực vũ trang- và do đó thấy được kiểu chống chiến tranh mà tương lai đòi hỏi.

10

SỰ ĐUNG ĐỘ GIỮA CÁC HÌNH THÁI CHIẾN TRANH

Bây giờ chúng ta hãy đối chiếu vắn tắt những điều đã xem xét vào bối cảnh của quá khứ và tương lai.

Quan niệm cho rằng mỗi nền văn minh đều tạo ra một kiểu tiến hành chiến tranh cho riêng mình không phải là mới. Nhà lý thuyết quân sự người Phổ Clausewitz nhận xét rằng "mỗi một thời đại có một hình thái chiến tranh riêng... Cho nên mỗi một thời đại cũng có một lý thuyết chiến tranh riêng". Clausewitz còn đi xa hơn nữa. Ông tuyên bố, những ai muốn hiểu chiến tranh cần "xem xét sâu sắc những đặc điểm chủ yếu... trong mỗi một thời đại riêng biệt", chứ không phải đi vào "nghiên cứu những chi tiết tỉ mỉ".

Nhưng ở thời điểm mà Clausewitz viết ra những dòng này, tức là vào thời kỳ đầu của thời đại công nghiệp, như chúng ta thấy, chỉ có hai loại hình văn minh cơ bản. Ngày nay thế giới đang chuyển từ hệ thống quyền lực hai cấp sang ba cấp với kinh tế nông nghiệp ở dưới đáy, kinh tế công nghiệp ở giữa và kinh tế lấy trí thức làm cơ sở, tức là kinh tế Làn sóng Thứ ba, tạm thời chiếm vị trí trên đỉnh của hình tháp quyền lực toàn cầu. Trong cấu trúc toàn cầu mới này, bản thân chiến tranh cũng phân làm ba.

Một kết quả có thể dự đoán trước là sự đa dạng hóa căn bản các kiểu chiến tranh mà có lẽ chúng ta phải đối phó trong tương

lai. Mọi cuộc chiến tranh đều khác nhau, đó là một sự thật quân sự. Nhưng ít người hiểu những cuộc chiến tranh ngày mai sẽ diễn ra khác như thế nào và sự đa dạng gia tăng này sẽ gây phức tạp như thế nào cho những nỗ lực trong tương lai nhằm duy trì hoà bình.

Để tiếp theo, chúng ta cần một từ vựng thích hợp hơn để mô tả hình thái chiến tranh nảy sinh từ cái cách làm giàu riêng biệt. Một thế kỷ rưỡi trước, Các Mác đã nói về "những phương thức sản xuất" khác nhau. Ở đây chúng ta cũng có thể nói về "những phương thức huỷ diệt" khác nhau, mỗi phương thức lại đặc trưng cho một nền văn minh nhất định. Chúng ta có thể gọi một cách đơn giản hơn là "hình thái chiến tranh".

Một khi chúng ta bắt đầu nghĩ về sự tác động lẫn nhau của các hình thái chiến tranh khác nhau, thì chúng ta sẽ có một công cụ mới hữu ích để phân tích cả lịch sử lẫn tương lai của chiến tranh.

SÚNG MÁY CHỐNG LẠI GIÁO MÁC

Trong một số cuộc chiến tranh, cả hai bên đều đánh theo cùng một cách, tức là họ đều dựa và cùng một hình thái chiến tranh. Những cuộc chiến tranh giữa hai hay nhiều vương quốc nông nghiệp đã diễn ra ở nước Trung Hoa Cổ đại và châu Âu thời Trung đại. Một ví dụ khác là vào năm 1870, Pháp và Đức đánh nhau, cả hai cùng là nước công nghiệp hoá nhanh và cùng ở giai đoạn phát triển tương tự.

Trong một loại chiến tranh khác, các hình thái chiến tranh đã diễn ra không tương xứng nhau một cách bi thảm, chẳng hạn như các cuộc chiến tranh thuộc địa ở thế kỷ XIX. Ở Ấn Độ và châu Phi, người châu Âu tiến hành chiến tranh công nghiệp hóa chống lại các xã hội nông nghiệp và bộ lạc. Quân đội châu Âu đã bắt đầu công nghiệp hoá ít nhất ngay từ thời chiến tranh

Napoleon. Cuối những năm 1800, họ đã bắt đầu sử dụng súng máy (chỉ để chống lại những người da màu).

Tuy nhiên, những người chiến thắng đã chinh phục được các vùng thuộc địa rộng lớn không phải chỉ vì họ có súng máy. Dựa vào những xã hội đang chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang công nghiệp, quân đội Liên minh Thứ hai của họ có thể liên lạc nhanh hơn và tốt hơn ở cự ly xa. Họ cũng được huấn luyện tốt hơn, tổ chức có hệ thống hơn, và còn có nhiều ưu thế khác. Họ đưa ra chiến trường một hình thái chiến tranh Liên minh Thứ hai hoàn toàn mới.

Ở châu Á, từ tháng 3-1919, những người dân tộc chủ nghĩa Triều Tiên đã nổi dậy chống chế độ thực dân Nhật Bản. Khi hồi tưởng lại những năm 1920, Kim Nhật Thành, người sau này trở thành nhà lãnh đạo Bắc Triều Tiên, đã nhớ lại điều phân vân "liệu chúng ta... có thể đánh bại đội quân của một nước đế quốc biết sản xuất xe tăng, pháo binh, tàu chiến, máy bay và các vũ khí hiện đại khác cùng với những thiết bị nặng nề trên dây chuyền lắp ráp".

Những đối thủ trong các cuộc xung đột như vậy không chỉ đại diện cho những quốc gia hoặc những nền văn hoá khác nhau. Họ còn đại diện cho những nền văn minh khác nhau, những cách làm ra của cải khác nhau, một bên dựa vào cái cày, bên kia dựa vào dây chuyền lắp ráp. Các nền quân sự tương ứng của họ đã phản ánh sự dụng độ của các nền văn minh.

Một loại chiến tranh phức tạp hơn đưa ra một hình thái chiến tranh đơn lẻ độ sức với một hình thái chiến tranh hai mặt. Như chúng ta thấy, đó là những gì đã xảy ra trong xung đột Vùng Vịnh. Song đó không phải là lần đầu một quân đội sử dụng hai hình thái chiến tranh cùng một lúc.

VÕ SĨ ĐẠO (SAMURAI) VÀ NGƯỜI LÍNH

Khi người châu Âu đã chiếm được phần rất lớn của châu Á thì Nhật Bản mới bắt đầu con đường công nghiệp hoá riêng của mình sau cuộc Cách mạng Minh Trị 1868. Quyết không để trở thành nạn nhân tiếp theo của sự bành trướng châu Âu, những nhà hiện đại hoá của Nhật quyết định không chỉ công nghiệp hoá kinh tế mà còn công nghiệp hóa cả nền quân sự nữa.

Không lâu sau đó, năm 1877, cuộc nổi loạn Satsuma bùng nổ. Trong cuộc chiến này các chiến binh samurai cầm kiếm làm một cuộc chống cự cuối cùng chống lại quân đội của hoàng đế. Theo Meirion và Susie Harries, tác giả cuốn *Những chiến binh của xứ sở mặt trời*, cuộc chiến tranh chứng kiến trường hợp đặc biệt cuối cùng của "cuộc chiến đấu giáp lá cà giữa các chiến binh samurai". Song nó cũng chứng kiến cả việc sử dụng sớm hình thái chiến tranh công nghiệp.

Trong khi lực lượng của hoàng đế bao gồm cả một số samurai của Làn sóng Thứ nhất, thì phần lớn nó lại bao gồm những người nhập ngũ theo luật định được vũ trang bằng súng Gatling, súng cối, và súng trường. Cho nên ở đây, giống như ở Chiến tranh Vùng Vịnh, một bên chỉ dựa vào một hình thái chiến tranh, còn bên kia tiến hành chiến tranh hai hình thái.

Ở một loại chiến tranh khác, bao gồm cả Chiến tranh thế giới thứ nhất, chúng ta thấy có những liên minh lớn trong đó cả quốc gia Làn sóng Thứ nhất lẫn quốc gia Làn sóng Thứ hai đều là các đối tác ở một phe hoặc ở cả hai phe.

Trong phạm vi của mỗi hình thái chiến tranh, đương nhiên bản thân các cuộc chiến tranh phản ánh sự đa dạng rộng lớn những chiến thuật, lực lượng, công nghệ, và các yếu tố khác. Nhưng những biến thể đó ít nhiều đều nằm trong hình thái chiến tranh này hoặc hình thái chiến tranh kia.

Tuy nhiên, nếu quá khứ đã được đánh dấu bằng sự đa dạng đáng kể, thì sự bổ sung thêm hình thái chiến tranh Làn sóng Thứ ba sẽ làm tăng khả năng hỗn tạp của các cuộc chiến tranh mà chúng ta phải ngăn ngừa hoặc tiến hành. Số lượng những thay đổi hoán vị khả dĩ về mặt toán học đang tăng lên theo cách kết hợp với nhau.

Chúng ta cũng đã biết rằng những hình thái chiến tranh cũ không hoàn toàn mất đi khi những hình thái mới ra đời. Như sản xuất hàng loạt theo kiểu Làn sóng Thứ hai không mất đi với sự ra đời của sản phẩm theo đơn đặt hàng của Làn sóng Thứ ba, do đó ngày nay có chừng hai mươi nước còn có quân đội qui mô Làn sóng Thứ hai có ý nghĩa về mặt khu vực. Ít nhất một số nước sẽ vẫn còn để cho bộ binh phải hy sinh trong những cuộc xung đột tương lai. Các giao thông hào, công sự ngầm, đội quân tập hợp hàng loạt, những trận xung kích trực diện - tức là tất cả những phương pháp và vũ khí thuộc chiến tranh Làn sóng Thứ hai - chắc chắn sẽ tiếp tục được khai thác chừng nào những vũ khí công nghệ thấp, ít chính xác, những xe tăng và pháo binh "đần độn" chủ không phải "thông minh", còn tiếp tục xếp đầy kho vũ khí của những nước nghèo và nóng tính.

Để làm cho vấn đề thêm phức tạp, một số nước Làn sóng Thứ nhất và Làn sóng Thứ hai ngày nay đang tìm kiếm các loại vũ khí thuộc Làn sóng Thứ ba, kể từ hệ thống phòng không đến tên lửa tầm xa.

Bởi lẽ năm nào cũng có chừng ba chục cuộc chiến tranh với qui mô khác nhau tàn phá hành tinh này, cho nên những thập kỷ sắp tới cũng dễ chứng kiến chừng năm chục đến một trăm cuộc chiến tranh với các qui mô khác nhau, vì một số cuộc chấm dứt thì số khác lại nổ ra, trừ phi chúng ta phối hợp tập thể làm một việc cực kỳ tốt đẹp là giữ gìn hoà bình và chấm dứt đổ máu. Nhiệm vụ đó sẽ phức tạp hơn vì sự đa dạng của chiến tranh đang leo thang.

Một mặt, có những cuộc nội chiến và những cuộc xung đột quyết liệt ở những nước nghèo hoặc có công nghệ thấp, cùng với những bùng nổ liên tiếp nạn khủng bố, buôn lậu ma túy, phá huỷ môi trường và những tội ác tương tự. Nhưng những cuộc chiến tranh nhỏ, chủ yếu là thuộc Làn sóng Thứ nhất ở ngoại vi của hệ thống quyền lực thế giới, như chúng tôi đã nói, không phải là loại hình duy nhất phải lo sợ. Sự tan rã thêm nữa của nước Nga chẳng hạn, có thể ném các khu vực công nghệ bậc trung hoặc những nhóm sắc tộc vào những cuộc xung đột Làn sóng Thứ hai sử dụng lực lượng hàng loạt, xe tăng, thậm chí cả vũ khí hạt nhân chiến thuật.

Các quốc gia công nghệ cao đang trên đường phát triển nền kinh tế dùng trí lực cũng thấy bản thân họ đang dần vào những cuộc xung đột này hoặc lao vào cuộc chiến tranh khác như là kết quả của những cuộc chính biến nội bộ. Bạo lực sắc tộc và tôn giáo ở ngoài biên giới của họ có thể bùng nổ song song với bạo lực bên trong. Ngay cả khả năng hai quốc gia công nghệ tiên tiến hay thuộc Làn sóng Thứ ba đánh lẫn nhau cũng không bị loại trừ. Không khí đang tràn đầy những cảnh chiến tranh thương mại mà nếu được vận dụng ngu ngốc thì chúng có thể biến thành chiến tranh thực sự giữa các quốc gia thương mại chủ chốt.

Tóm lại, ít nhất có hàng tá hình thái chiến tranh hỗn hợp và kết hợp khác nhau có thể xảy ra, mỗi một hình thái có thể có vô số các biến thể. Và điều đó nghi ngờ giả định cho rằng trong chiến tranh chỉ có hai đối thủ hoặc những liên minh đơn giản.

Tính hỗn tạp ngày càng tăng của chiến tranh sẽ gây khó khăn hơn cho mỗi nước trong việc đánh giá sức mạnh quân sự của các nước láng giềng, của bạn bè hoặc của đối thủ. Các nhà hoạch định chiến tranh và những người ngăn cản chiến tranh đang phải đương đầu với sự phức tạp và bất ổn chưa từng có. Tính chất siêu đa dạng cũng khuyến khích cho việc liên minh chiến tranh (và cho cả liên minh để ngăn chặn chiến tranh).

Và khi chúng ta nghĩ về những liên minh lớn bao gồm các quốc gia có trình độ kinh tế và phát triển quân sự khác nhau, thì những sự thay đổi dần dần và những sự khác nhau sẽ tăng vọt, giống như những tiềm năng phân công lao động trong liên minh.

Sự đa dạng ngày nay đã tăng lên rất cao đến mức không một nước nào có thể tạo ra được một nền quân sự có khả năng vô hạn. Ngay cả Hoa Kỳ cũng thừa nhận là không có khả năng tài trợ hoặc tiến hành mọi kiểu chiến tranh. Dựa vào kinh nghiệm của mình ở Chiến tranh Vùng Vịnh, Washington cho rằng trong tương lai họ sẽ tìm cách, ở bất cứ nơi nào có thể được, tạo ra những liên minh có nhiều thành phần khi có khủng hoảng xảy ra, mỗi đồng minh đóng góp vào sự phân công lao động bằng cách cung cấp những lực lượng quân sự chuyên môn hoá và công nghệ mà các đồng minh khác không có. (Ngẫu nhiên cách tiếp cận này diễn ra y như những nỗ lực của các công ty lớn nhất thế giới trong việc tạo ra "những liên minh chiến lược" và "cộngxoócxiom" nhằm cạnh tranh có hiệu quả).

Việc chuyển từ hệ thống quyền lực toàn cầu phân đôi sang phân ba và sang sự đa dạng quân sự đang gia tăng mạnh mẽ đã buộc quân đội khắp thế giới phải xét lại những học thuyết cơ bản của họ. Như vậy là chúng ta đang ở vào thời kỳ phát động trí óc đối với các nhà tư tưởng quân sự. Giống như nền văn minh do Làn sóng Thứ ba đem lại chưa đạt tới dạng chín muồi, hình thái chiến tranh Làn sóng Thứ ba cũng chưa đạt tới mức phát triển đầy đủ của nó. Hình thái Trận chiến không- lực mới chỉ là bước mở đầu.

Trên thực tế, những gì cho đến nay chúng ta đã chứng kiến mới chỉ là điều sơ đẳng. Bắt nguồn từ công trình của các vị tướng Starry và Morelli đã được sửa lại và sau này được kiểm nghiệm trên chiến trường Irắc, hình thái chiến tranh Làn sóng Thứ ba đang sắp được mở rộng và đào sâu triệt để. Việc cắt giảm rộng rãi trong tài trợ cho quân sự sẽ có tác dụng thúc đẩy quá trình

đổi mới tư duy sâu sắc này chứ không phải là ngăn chặn, bởi vì quân đội sẽ phải tìm cách làm được nhiều hơn với số vốn ít hơn. Chìa khoá cho việc suy xét lại sẽ là khái niệm về các hình thái chiến tranh và cái cách chúng quan hệ qua lại với nhau như thế nào.

Việc xem xét những biến đổi đang xảy ra sẽ cho chúng ta một hình ảnh đáng ngạc nhiên về bản chất của cả chiến tranh lẫn của chống chiến tranh trong thời kỳ đầu thế kỷ XXI. Nếu các binh sĩ và các chính khách, các nhà ngoại giao và các nhà thương thuyết về việc kiểm soát vũ khí, các nhà hoạt động vì hoà bình và các chính trị gia không hiểu được những gì đang chờ đợi phía trước, thì có thể chúng ta vẫn sẽ chỉ tiến hành - hoặc ngăn chặn - những cuộc chiến tranh của quá khứ chứ không phải là những cuộc chiến tranh của tương lai.

Phần Ba

THĂM DÒ

11

CÁC CUỘC CHIẾN TRANH RIÊNG RẺ

Tất cả những gì chúng ta đã thấy cho tới giờ chỉ là màn mở đầu. Chính những biến đổi mạnh mẽ hơn mới là những cái sắp sửa làm chuyển biến chiến tranh và cả chống chiến tranh, làm cho các nhà hoà giải và những người gìn giữ hoà bình phải đương đầu với những vấn đề xa lạ mới, trong đó có những vấn đề gần như khó tin.

Thế giới phải làm thế nào để đối phó với nguy cơ liên tục bùng nổ "các cuộc chiến tranh nhỏ" mà không có cuộc nào giống cuộc nào? Ai sẽ là kẻ thống trị vũ trụ của chúng ta? Liệu chúng ta có thể ngăn ngừa hoặc kiềm chế được những cuộc chiến tranh đẫm máu diễn ra trên các chiến trường chứa đầy những "hiện trường giả", "tin tình báo giả" cùng các loại vũ khí tự động - những vũ khí mà một khi đã được đặt chương trình thì chúng sẽ tự quyết định phải nổ súng khi nào và nhằm vào ai? Thế giới nên cấm hay ủng hộ một loại vũ khí mới được thiết kế cho các cuộc chiến tranh không đổ máu?

Một hình thái chiến tranh mới không sinh ra hoàn toàn từ một học thuyết của bất cứ ai, bất kể học thuyết đó hay đến mức nào. Nó cũng không phát sinh từ những nghiên cứu về các hậu quả của một cuộc chiến tranh duy nhất. Bởi vì nó phản ánh sự xuất hiện của một hệ thống sáng tạo của cái mới, và trên thực tế

là sự xuất hiện của cả một nền văn minh mới, cho nên nó cũng xuất hiện và phát triển khi nền văn minh mới và hệ thống tạo ra của cải mới được hình thành và làm thay đổi thế giới. Ngày nay chúng ta có thể nhìn thoáng thấy quỹ đạo của chính cuộc chiến tranh, bởi vì hình thái chiến tranh Làn sóng Thứ ba đang được mở rộng và đào sâu.

Như chúng ta đã thấy, nền kinh tế Làn sóng Thứ ba đang thách thức hệ thống công nghiệp cũ bằng cách phá vỡ thị trường ra thành những phần nhỏ hơn và khác biệt nhau hơn. Các thị trường riêng rẽ xuất hiện kéo theo sự xuất hiện của các sản phẩm riêng rẽ, của việc tài trợ riêng rẽ và của những đấu thủ riêng rẽ trên thị trường chứng khoán. Các chương trình quảng cáo riêng rẽ phủ kín các kênh thông tin riêng rẽ như hệ thống truyền hình bằng dây cáp chẳng hạn.

Sự phi hàng loạt hoá này của những nền kinh tế tiên tiến diễn ra đồng thời với sự phi hàng loạt hoá các mối nguy cơ trên thế giới, bởi vì mối nguy cơ chiến tranh to lớn duy nhất giữa các siêu cường đang được thay thế bằng vô số các "mối nguy cơ riêng rẽ".

Cựu cố vấn khoa học của Nhà trắng G. A. Keyworth II lại diễn đạt điều đó theo một cách khác, ông lưu ý rằng việc chuyển đổi từ hệ thống điện toán tập trung cao sang hệ thống điện toán "riêng rẽ" bằng một loạt các máy vi tính cá nhân cỡ nhỏ đang diễn ra đồng thời với "không khí đe dọa" mà cộng đồng thế giới đang phải đối phó. Thay vì cái gọi là "Đế quốc của Ác quỷ", thế giới hiện nay đang phải đương đầu với "những mối đe dọa rải rác khắp nơi".

Như vậy là những thay đổi trong công nghệ và trong cơ cấu kinh tế cũng được phản chiếu trong chiến tranh.

GIỌNG CƯỜI TRÊN TẦNG THÔNG TIN (TIN QUYỀN)

Ở đâu đó trên "tầng thông tin", nơi mà các nhà xã hội học khi chết sẽ được đưa lên, có một người Italia tên là Gaetano Mosca đang cười giễu cợt.

Ông tự hỏi vì sao có nhiều người được coi là thông minh như các chính trị gia, các nhà báo, các chuyên gia về chính sách đối ngoại, các học giả uyên thâm hiểu rộng, lại sùng sốt hoặc ngạc nhiên khi thấy bạo lực bùng nổ khắp thế giới sau khi chiến tranh lạnh kết thúc?

Trong cuốn sách của mình *Giai cấp thống trị* (in năm 1939), Mosca viết : "Khi một cuộc chiến tranh kết thúc trên một quy mô lớn, thì có chắc là nó sẽ không tái diễn trên quy mô nhỏ dưới hình thức của những mối bất hoà giữa các dòng họ, giữa các giai cấp hoặc làng, xã không?". Hóa ra ông Mosca không phải là không có cơ sở - ngay cả khi cuộc chiến tranh vừa kết thúc là một cuộc chiến tranh lạnh chứ không phải chiến tranh nóng.

Ngày nay chúng ta đang chứng kiến tính đa dạng đến chóng mặt của các loại chiến tranh ly khai, của bạo lực sắc tộc và tôn giáo, của các cuộc đảo chính, các cuộc tranh chấp biên giới, các cuộc chính biến và các cuộc khủng bố, đẩy những làn sóng người di cư khổ đau do nghèo túng và chiến tranh (có cả lũ buôn lậu ma túy nữa), tràn qua các đường biên giới quốc gia. Trong nền kinh tế toàn cầu đang ngày càng liên kết chặt chẽ, nhiều trong số những cuộc xung đột có vẻ là nhỏ này đang gây nên những ảnh hưởng phụ mạnh mẽ đến các nước xung quanh (thậm chí cả những nước ở xa). Vì vậy cảnh tượng về "nhiều cuộc chiến tranh nhỏ" đang buộc các nhà hoạch định quân sự của nhiều quân đội phải nhìn lại cái mà họ gọi là "các chiến dịch đặc biệt" hoặc "các lực lượng đặc biệt" - đó là những chiến binh đặc biệt của ngày mai.

Trong tất cả các đơn vị quân đội ngày nay, các lực lượng đặc biệt hoặc các đơn vị tác chiến đặc biệt (SO) có lẽ đã tiến gần đến việc tiến hành chiến tranh thuộc Làn sóng Thứ nhất hơn bất cứ một bộ phận nào khác của quân đội. Chương trình đào tạo của họ tập trung vào việc tăng cường thể lực, hiệp đồng gần bó trong đơn vị - tức là tạo ra những ràng buộc chắc chắn về mặt tình cảm giữa các thành viên của từng đơn vị - cùng với tài năng siêu hạng trong việc đánh giáp lá cà. Cuộc chiến tranh mà họ tiến hành còn phụ thuộc vào nhiều nhân tố vô hình - trí thông minh, động cơ, lòng tin, tài tháo vát, sự ràng buộc về tình cảm, yếu tố tinh thần và sáng kiến cá nhân.

Lực lượng đặc biệt - thường là đội quân tình nguyện- nói một cách ngắn gọn là những đơn vị tình nguyện, được xây dựng- như một sĩ quan đã giải thích - để hoạt động "ở những khu vực có xung đột, khu vực cần được bảo vệ, vùng sâu hoặc nơi dễ có hiểm khích về văn hoá". Thuật ngữ "chiến dịch đặc biệt" bao gồm hàng loạt sứ mệnh từ việc cung cấp thức ăn cho dân làng bị thiên tai cho đến việc đào tạo binh lính cho một chính quyền đồng minh để họ chiến đấu chống lại quân phiến loạn. Các binh đoàn tác chiến đặc biệt có thể tiến hành những cuộc đột kích bí mật để thu thập thông tin tình báo, phá huỷ các mục tiêu, giải thoát con tin hoặc thực hiện các vụ ám sát. Họ có thể tham gia vào các hoạt động chống khủng bố và chống buôn lậu ma tuý hoặc tiến hành chiến tranh tâm lý và giám sát việc ngừng chiến .

Họ có thể tập trung thành một tiểu đoàn trong một trận đột kích hoặc thành các đơn vị gồm những nhóm nhỏ. Tân binh phải được đào tạo trong một thời gian dài. Một cựu sĩ quan thuộc lực lượng đặc biệt đã nói hơi phóng đại là : "Bạn phải mất 10 năm trước khi bạn trở thành một người lính thực thụ. Từ khi 18 đến khi 28 tuổi, người lính phải miệt mài học tập". Người ta dự tính rằng mỗi người lính trong một đội quân nhỏ phải thành thạo nhiều kỹ năng, kể cả việc sử dụng thông thạo một hoặc nhiều

ngoại ngữ. Binh lính có thể được đào tạo về mọi lĩnh vực, từ việc điều khiển vũ khí của nước ngoài đến khả năng nhảy cảm văn hoá.

Số tháng 5 và tháng 6 năm 1991 của tạp chí *Infantry* (Bộ binh) có đăng thông báo về việc tuyển lính để "thực hiện các nhiệm vụ tác chiến thường lệ trên khắp thế giới dưới hình thức cá nhân hoặc dưới dạng những đội quân nhỏ". Những người thạo tin nhận ra đó là tin quảng cáo của lực lượng Delta - tức là phân đội tác chiến thuộc lực lượng đặc biệt thứ nhất của quân đội Mỹ - được thành lập để thực hiện nhiệm vụ cứu con tin. Tuy nhiên Delta chỉ là một trong những đơn vị quá quen thuộc thuộc Bộ tư lệnh tác chiến đặc biệt của Mỹ. Hải quân và Không quân Mỹ đều có lực lượng tác chiến đặc biệt riêng của mình.

Ngày 17 - 1 - 1991, ngay trước khi máy bay F.117 thực hiện cuộc tiến công đầu tiên chống Baghdad, có ba máy bay trực thăng Pave Low của phi đội tác chiến đặc biệt thuộc Không lực Mỹ đã dẫn đầu 9 máy bay trực thăng chiến đấu của quân đội vượt qua biên giới Iraq. Từ độ cao 30 phút¹ trên sa mạc họ đã tiêu diệt hai điểm đặt ra đa bào động và nhờ vậy đã vô hiệu hoá quân đội Iraq và bảo đảm đường bay an toàn cho hàng trăm máy bay sẽ bay theo sau. Đó chính là trận đánh mở đầu của chiến dịch Bão táp sa mạc. Các đội quân tác chiến đặc biệt khác đã chiếm giữ những dàn khoan ngoài khơi mà quân Iraq bảo vệ, đã thực hiện hàng loạt chiến dịch trinh sát thọc sâu vào sau phòng tuyến địch, đã tiến hành các hoạt động tìm kiếm, các nhiệm vụ cứu hộ cùng các nhiệm vụ cấp thiết khác.

Đến năm 1992, Bộ tư lệnh tác chiến đặc biệt của Mỹ đã có cả gần 42000 binh sĩ và lính dự bị ở các đơn vị không quân, hải quân và lục quân. Họ được bố trí ở 21 nước, kể cả ở Côoét và

1. Phút : Đơn vị đo chiều dài Anh. Một phút bằng 0,3048 m. N D

Panama, cũng như ở Bad Tölz (Đức) và Đồn Torii trên đảo Okinawa của Nhật.

Tất nhiên, các lực lượng tương tự cũng tồn tại ở nhiều quân đội khác. Đội quân Spetsnaz của Liên Xô cũ đã làm nhiệm vụ tổ chức các chiến sĩ du kích chống phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Trong thời kỳ chiến tranh lạnh họ được giao nhiệm vụ xác định và phá huỷ vũ khí hạt nhân và vũ khí hoá học của phương Tây, thủ tiêu một số nhà lãnh đạo của đồng minh. Tiếp đó tất nhiên phải kể đến Cục không quân đặc biệt nổi tiếng của Anh (SAS). Các Lữ đoàn quân dù thứ nhất, thứ hai và Trung đoàn Kỵ binh bay thứ mười ba của Pháp cũng là các lực lượng tác chiến đặc biệt. Chỉ riêng từ năm 1978 đến năm 1991 Pháp đã tiến hành 17 cuộc viễn chinh ra nước ngoài, chủ yếu gồm những đội quân kiểu này.

Ngay cả những quốc gia nhỏ nhất cũng duy trì những chiến binh đặc biệt như vậy, đôi khi họ được cài trang là cảnh sát, là những đơn vị khác biệt với binh lính. Đan Mạch có Jaegerkorps, Bỉ có Paracommandos, Đài Loan có Đội biệt động lính thủy đánh bộ.

Về mặt lý thuyết, các lực lượng đặc biệt có thể được sử dụng trong bất cứ một kiểu chiến tranh nào kể từ cuộc đối đầu hạt nhân đến cuộc tranh chấp biên giới của các bộ tộc. Nhưng họ đặc biệt thích hợp cho những trường hợp mà giới quân sự gọi là "những cuộc xung đột cường độ thấp" (LIC) - thuật ngữ dùng để chỉ những hành động thù địch "cấu thành chiến tranh hạn chế nhưng chưa đủ để tạo nên chiến tranh thông thường hoặc chiến tranh nói chung".

MỘT NGƯỜI VẬN ĐỘNG CHO LIC

Andy Messing, người đứng đầu Tổ chức Hội đồng quốc phòng, là một cựu thiếu tá 46 tuổi thuộc lực lượng đặc biệt, hiện

đang điều hành một văn phòng nhỏ nhưng náo nhiệt ở ngoại ô Washington. Ông mặc quần soóc kaki và áo sơ mi hở cổ. Ông đã từng trực tiếp nghiên cứu về các cuộc xung đột nhỏ. Trong khi đi thăm 25 khu vực có xung đột trên toàn thế giới, từ Việt Nam, Ănggôla đến Casomia, Philippin và En Xanvado, ông đã thấy mình "bị dính liu vào cuộc chiến đấu" ở 5 trong số 25 nơi đó.

- Thông minh và nhanh trí, Messing có lẽ là một người vận động hậu trường bền bỉ nhất cho các lực lượng tham gia LIC, bằng cách viết hàng loạt bài trên báo chí, nỉu áo các thành viên của Quốc hội, lên lớp và khoe khoang với bất kỳ ai chịu nghe ông.

Bản thông điệp của ông làm mọi người thực sự kinh ngạc, nó là sản phẩm hỗn hợp của chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa dân túy và những bài thuyết lý quân sự cứng rắn cùng với những lời khẩn cầu nhiệt thành về nhân quyền, với hoạt động nhằm chấm dứt nghèo đói khốn cùng ở những nước có những cuộc chiến tranh cường độ thấp hoành hành, và những bài thuyết trình về sự vô ích của việc tiến hành các cuộc xung đột nhỏ mà không dành sự chú ý tới những cải cách chính trị, xã hội và kinh tế.

Messing nhìn thấy một thế giới trong đó những chế độ tàn bạo và bất ổn định được vũ trang bằng vũ khí hoá học và sinh học, những thứ vũ khí có thể đơn giản được cất bỏ đi như làm phẫu thuật. Ông nói, chiến tranh ma túy có thể sẽ được mở rộng. Nhưng xung đột cũng có thể phát sinh từ "vấn đề năng lượng, từ bệnh tật, ô nhiễm và nạn tăng dân số. Tôi đã tới 17 nước ma túy, Pêru cũng là nước ma túy, Lào cũng có ma túy. Nhưng bạn cũng sắp được nhìn thấy chiến tranh do AIDS gây nên ở châu Phi, tại những nơi như Dimbabue hay Môđambich chẳng hạn".

Ngày càng có nhiều trường hợp như Xômalì và Cônggô (Kinsaxa), nơi chính phủ tan rã hoàn toàn và tình trạng vô chính phủ ngự trị. Các nước khác sẽ can thiệp để bảo vệ chính mình, để ngăn chặn nạn buôn lậu ma túy, để ngăn ngừa làn sóng người

tự nạn tràn qua biên giới hoặc chặn đứng sự lan tràn bạo lực phân biệt chủng tộc vượt qua biên giới sang nước họ.

Đó chính là một thế giới được chuẩn bị sẵn cho cuộc chiến tranh quy mô Làn sóng Thứ ba chứ không phải là những cuộc chiến tranh quy mô lớn, chiến tranh tổng lực của Làn sóng Thứ hai. Vì lực lượng chiến binh đặc biệt đang gia tăng, nên học thuyết quân sự đưa ra phải phù hợp để tiếp thêm sức mạnh cho họ. Đồng thời những yêu cầu về công nghệ mới cũng phải được xác định.

Những loại phim như *Rambo*, thiên về sử dụng cơ bắp hơn là trí óc, nay đã lỗi thời. Những người lính đặc biệt trong tương lai sẽ tiến hành cuộc chiến tranh có cường độ thông tin cao, sử dụng những công nghệ Làn sóng Thứ ba mới nhất hiện đang được phôi thai.

Theo báo cáo cuối cùng của Lầu Năm Góc về Chiến tranh Vùng Vịnh, cuộc đột kích thành công đầu tiên của máy bay trực thăng vào hệ thống ra đa báo động của Saddam "thực hiện được là nhờ có các tiến bộ công nghệ của các thiết bị theo dõi ban đêm và ở môi trường ánh sáng thấp, nhờ khả năng hoa tiêu chính xác của các hệ thống đặt trên vũ trụ như các vệ tinh thuộc hệ thống định vị toàn cầu (GPS), và các phi hành đoàn được đào tạo trình độ cao".

Nhưng những tiến bộ này mới chỉ bắt đầu gợi ý về một loại công nghệ tinh vi đã được sử dụng cho lực lượng đặc biệt. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Andy Messing nói, các đội quân nhảy dù có thể bị thương vong tới 30 % ngay khi đổ bộ. Trang thiết bị của họ bị phân tán trong một khu vực rộng và thông thường những người lính đã phải chiến đấu vất vả để tập hợp nhau lại.

Khi những người cấp tiến Iran bắt các con tin Mỹ ở Teheran năm 1979, Mỹ đã tuyệt vọng tìm cách giải thoát họ. Người ta đã

bác bỏ kế hoạch đổ bộ bằng quân dù vì sợ rằng đội quân này sẽ bị phân tán trên một diện tích quá rộng.

Messing nói : "Ngày nay, chúng ta có khả năng cho một quân đội nhảy dù ban đêm từ độ cao 35.000 phút, cách mục tiêu 25 dặm, các binh sĩ nhảy xuống, một mắt mở và mắt kia nhìn vào một thiết bị tia hồng ngoại. Họ có thể xem bản đồ trong khi đang xuống đất. Họ có thể truyền cho nhau mật mã bằng tia hồng ngoại - một người phát tín hiệu 2 tiếng "bíp...bíp" trong một giây và người kia phát 5 tiếng- và có thể nhảy đúng vị trí trong vòng đường kính 10 mét".

Loại dù bảo vệ FXC có thể tạo nên bốn bước trượt cho mỗi bước nhảy xuống, do đó một đội gián điệp hoặc một lực lượng đặc biệt có thể thực sự được thả dù tại vùng lãnh hải quốc tế và lặng lẽ trượt vào một nước nào đó vào ban đêm mà không bị radar phát hiện.

Tom Bumback, một cựu sĩ quan của lực lượng đặc biệt, nay là giám đốc các hoạt động triển lãm của các lực lượng đặc biệt được tổ chức gần căn cứ không quân McDill, Florida, nói về một cuộc thao diễn mới đây, trong đó có một lính dù nhảy dù từ độ cao 12.000 phút. Tại độ cao 1.000 phút, anh ta "cắt đường và chạy"- có nghĩa là lái tới một điểm tiếp đất ở Vịnh Tampa. Khi lao xuống mặt nước, anh ta bơi vào đất liền. Bằng cách sử dụng một bình thở, anh ta không để nổi bong bóng phía sau. Khi tới bờ, anh ta đã xịt cho khán giả những viên đạn giả bắn ra từ một khẩu súng Calico 5,56, và lúc đó, bằng một chiếc radio không thấm nước, anh ta gọi một máy bay trực thăng tới kéo anh ta lên độ cao 3.000 phút (trên tầm bắn của súng hạng nhẹ) trước khi đưa anh ta tới nơi an toàn. Theo Bumback, "toàn bộ thời gian mất khoảng 15 phút".

Khi các máy bay Mỹ thả lương thực xuống cho các dân làng bị bao vây ở khu vực Bancang, nhiều gói hàng bị gió thổi bay xa

khỏi nơi họ dự định ném xuống. Nhưng công nghệ ấy ngày nay cũng đã lỗi thời. Cụ thể là công ty AAI thông báo rằng mới đây đã có sự đột phá trong kỹ thuật thả hàng từ máy bay. Thông báo này nói : "Đây không phải là Buck Rogers. Chúng tôi đã thả an toàn một lượng hàng 2.000 pao từ máy bay chở hàng với tốc độ 150 dặm. Công việc thả hàng này được hoàn thành chính xác tới mức kinh ngạc.

"Hệ thống độc nhất này sử dụng một loạt tên lửa đẩy lùi được bắn ra khi hàng gần rơi xuống đất (để giảm tốc độ rơi), cộng thêm một thiết bị đo độ cao bằng laser và một hệ thống theo dõi mạch bảo tên lửa một cách chính xác khi nào thì phát hỏa... Chẳng bao lâu, chúng tôi sẽ có thể thả được một khối lượng hàng 60.000 pao. Các xe chiến đấu như xe tăng Sheridan, sẽ được tập hợp và sẵn sàng lăn bánh".

TIẾN SĨ VỚI CHIẾC BALÔ

Một số chuyên gia tác chiến đặc biệt đang nghĩ nhiều hơn đến tương lai. Cuộc chiến tranh riêng rẽ của ngày mai đã là chủ đề của một cuộc hội nghị được tổ chức mới đây trong một phòng họp nhỏ nằm khuất sau một con đường quanh co tại khu nhà sau của khách sạn Old Colony ở Alexandria, bang Virginia.

Có khoảng 50 người đến nghe - đó là những thương gia cỡ tuổi trung niên và một vài phụ nữ - họ ngồi tựa trong những chiếc ghế xếp khi trung tá Michael Simpson, thuộc bộ tư lệnh tác chiến đặc biệt của quân đội Mỹ, nói chuyện. Những khán giả này đại diện cho các công ty, nhiều người trong số họ là những nhà chế tạo các sản phẩm thích hợp mà họ bán (hoặc hy vọng bán) cho quân đội.

Là một người to cao, phát âm rõ ràng, trung tá Simpson có hai bằng cử nhân, một bằng về nghiên cứu các mối quan hệ quốc tế và một bằng về nghiên cứu chiến lược. Nhưng ông cũng đã từng

dành 14 năm "công balò" đi nhiều nơi trên thế giới để góp phần thực hiện các "hoạt động tác chiến đặc biệt".

Thính giả của ông ghi vội những điểm cần chú ý khi Simpson bắt đầu mô tả những yêu cầu của bộ chỉ huy của ông trong tương lai - đó là các sản phẩm thích hợp phục vụ cho các cuộc xung đột riêng rẽ của ngày mai.

Trong số những sản phẩm đó có loại xe cơ giới đi được trên băng tuyết, có loại camera điện tử không cần phim, các máy phát điện nhẹ xách tay, sự nguy trang thay đổi màu sắc (có thể thay đổi khi cần thiết), thiết bị 3-D phục vụ cho huấn luyện và diễn tập chiến đấu, và thiết bị phiên dịch tự động (các đơn vị tác chiến đặc biệt của Mỹ trong chiến tranh Vùng Vịnh có cả hai tiểu đoàn binh sĩ nói tiếng Ả-rập - quá ít nên không cần máy dịch).

Simpson nói thêm: "Ngoài những điều này, chúng tôi muốn có một bộ radio nhẹ, khoẻ, nó kết hợp một bộ định vị toàn cầu với một máy fax và một khả năng mã hoá và giải mã tại chỗ". Một thiết bị như vậy sẽ "giảm bớt được trọng lượng 30 pao mà đáng ra các binh sĩ phải mang trên lưng".

Một diễn giả khác cho biết nhu cầu đối với những công nghệ có thể được sử dụng cho việc soạn thảo nhiệm vụ, cho việc đe dọa giả, cho đào tạo và diễn tập, tất cả được đặt trên một máy bay đưa linh tác chiến đi làm nhiệm vụ. Việc lập kế hoạch huấn luyện và diễn tập được làm ngay trên đường đi thực hiện một chiến dịch khẩn cấp.

Những người cung cấp được yêu cầu rằng, thiết bị tác chiến đặc biệt nói chung phải đơn giản để "các lực lượng bản xứ" có thể sử dụng được, nó cũng có thể hoạt động được dưới điều kiện tối tăm hoàn toàn và có thể có cả hai "LPI và LPD" - một xác suất bị nghe trộm thấp và một xác suất bị phát hiện thấp.

Dại tá Craig Childress, một chuyên gia tác chiến đặc biệt ở Lầu Năm Góc, nói thêm: "Chúng tôi cần máy bay lên thẳng có khả năng bay qua biển hàng nghìn hải lý", và "chúng tôi cần sử dụng những hiện trường giả và tin tình báo giả" trong cả diễn tập lẫn chiến đấu thực sự. Chẳng hạn, "ngày nay, chúng ta có khả năng đặt một người bắn súng ở trong phòng và tạo nên một hiện trường giả mà chúng ta tưởng là thật". Nhưng trong vài năm nữa "chúng ta phải có khả năng đặt toàn bộ đội bay vào trong một hiện trường giả. Sự diễn tập phải tạo nên một cuộc chiến đấu thực sự giống như thật. Và với tin tình báo giả đưa thêm vào hiện trường giả đó, chúng ta sẽ có thể "làm thay đổi phản ứng của những chàng trai học kém" - chẳng hạn trước đây, chúng có thể nghĩ là có một cánh cửa mở sang phải trong khi thực tế nó mở sang trái".

HƯỚNG TỚI NGOẠI CẢM QUÂN SỰ

Ngay cả những khả năng làm súng sốt hơn nữa cũng đang được xem xét. Vào tháng 7-1992 Trung tướng Sidney Shachnow thuộc Bộ tư lệnh tác chiến đặc biệt đã trình bày về một "quân đội thời đại công nghệ" được dự kiến cho năm 2020, hướng tới sự phát triển những phương pháp như "xác định DNA bí mật", "Thay máu" và thậm chí "Ngoại cảm tổng hợp".

Một số phương pháp đó có thể chứng tỏ chỉ là những điều viễn tưởng. Tuy nhiên một số sáng kiến khác, cũng tỏ ra kỳ quặc không kém, rõ ràng là đang hiện ra ở phía trước. Ngay từ bây giờ thế giới cần bắt đầu không chỉ nghĩ về những công nghệ như vậy mà còn phải nghĩ về tương lai của chiến tranh riêng rẽ nói chung và về hình thái chiến tranh Làn sóng Thứ ba mà trong đó chiến tranh riêng rẽ là một bộ phận. Những điều liên can sâu xa của chiến tranh riêng rẽ thuộc Làn sóng Thứ ba đã được các chính phủ, những người bảo vệ hoà bình và thậm chí phần lớn các nhà

tư tưởng quân sự đề cập đến một cách công khai. Sự phát triển mạnh mẽ của những công nghệ chiến tranh riêng rẽ tinh vi sẽ đưa đến những hậu quả địa - chính trị và xã hội như thế nào? Điều gì sẽ xảy ra với hàng ngàn binh lính tác chiến đặc biệt khi họ giải ngũ và trở về cuộc sống thường dân.

Có phải những đội quân được đào tạo tinh nhuệ thuộc lực lượng Spetsnaz của quân đội Liên Xô cũ đang rao bán những kỹ năng của mình cho các nước khác hay không? Và số phận của hàng ngàn thanh niên Ả-rập và Iran sẽ ra sao - những người đã kéo vào Ápganixtan để hỗ trợ cho phái Mujahedeen chiến đấu chống quân Xô viết? Nhiều người đã được đào tạo về chiến tranh du kích và về kỹ năng tác chiến đặc biệt. Nhưng chính phủ của chính họ như Ai Cập, Tuynidi và Angiêri sau đó đã gây khó khăn cho họ trong việc họ trở về Tổ quốc vì sợ họ có thể dùng tay nghề của mình để làm việc cho quân cách mạng chống lại chính phủ.

Lực lượng đặc biệt là những người lính tinh nhuệ. Nhưng có phải vì thế mà họ là mối đe dọa cho chính nền dân chủ như một số nhà bình luận đã khẳng định không?

Đối với một số người, chiến dịch đặc biệt, do nó nhấn mạnh đến mặt lừa gạt, nên tự nó là thứ vô đạo đức. Nhưng trong tương lai không xa vẫn còn rất nhiều tình huống mà có lẽ cần phải huy động lực lượng đặc biệt. Không có gì là đạo đức trong các cuộc thanh trừng sắc tộc, trong việc xâm lấn biên giới, khủng bố, bắt giữ con tin, buôn lậu loại vũ khí hủy diệt hàng loạt, ăn cắp thuốc men và lương thực của các tổ chức nhân đạo trên chiến trường, buôn bán ma túy, đánh bom, và những hành vi tương tự khác.

Những người ủng hộ các chiến dịch đặc biệt thì lập luận rằng chiến dịch đặc biệt là một loại vũ khí tinh tế có thể được sử dụng để ngăn ngừa một cuộc xung đột lớn hơn, kiềm chế những cuộc

chiến tranh nhỏ, phá huỷ vũ khí huỷ diệt hàng loạt và để phục vụ cho nhiều mục đích tích cực khác.

Nhưng, ngoài vấn đề về đạo đức, chiến tranh riêng rẽ sẽ trở nên quan trọng hơn vì các chính phủ thấy đó là cách lựa chọn ít tốn kém - so với sử dụng những đội quân chính qui lớn - để đạt được mục tiêu đề ra. Chiến tranh riêng rẽ có thể được sử dụng không chỉ cho các mục đích chiến thuật mà còn cho các mục đích chiến lược - một ngày nào đó nó có thể được tiến hành không chỉ bởi các chính phủ mà còn bởi các tổ chức quốc tế như Liên hợp quốc, thậm chí có thể bởi cả các vai diễn phi quốc gia trên sân khấu thế giới, từ các liên đoàn xuyên quốc gia sử dụng vụng trộm lính đánh thuê đến các phong trào tôn giáo cuồng tín.

Những ai mơ ước một thế giới yên bình hơn cần gạt bỏ cơn ác mộng "mùa đông hạt nhân" sang một bên để ngay từ bây giờ bắt đầu nghĩ về những thực tế chính trị, đạo đức và thực tế quân sự của chiến tranh riêng rẽ trong thế kỷ XXI.

CHIẾN TRANH VŨ TRỤ

Ở thế kỷ XV và XVI, lòng hăng say thám hiểm vượt Đại Tây Dương của các cường quốc châu Âu đã từng trào lên rồi lại lắng xuống, nhưng rồi một khi Tân Thế giới được khám phá thì cơn đường quay lại không còn nữa. Ngày nay cũng vậy, cuộc chạy đua vào vũ trụ của chúng ta có thể cũng có khi quyết liệt, khi dịu xuống, nhưng các quân đội cạnh tranh của quá nhiều nước hiện nay phụ thuộc quá nhiều vào tên lửa và vệ tinh nhân tạo nên không thể cho là họ không biết gì đến bầu trời. Vũ trụ bao la là yếu tố then chốt của hình thái chiến tranh trong tương lai.

Dại tá Alan Campen, cựu giám đốc chính sách chỉ huy và giám sát của Lầu Năm Góc viết : "Cuộc Chiến tranh Vùng Vịnh là trường hợp đầu tiên trong đó các lực lượng chiến đấu được triển khai, hỗ trợ, chỉ huy và giám sát thông qua liên lạc bằng vệ tinh nhân tạo".

Theo Huân tước Peter Anson và ông Dennis Cummings thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Vũ trụ Matra Marconi của Anh, "đó là cuộc thử nghiệm thực sự đầu tiên trong những điều kiện chiến tranh đối với cỗ máy vũ trụ trị giá 200 tỷ đôla của Mỹ và là sự biện hộ đầu tiên trong chiến đấu cho 1 tỷ đôla mà Anh và Pháp đầu tư vào vũ trụ quân sự".

Vệ tinh nhân tạo trinh thám đầu tiên của Mỹ được phóng vào tháng 8 - 1960. Trong thời gian Chiến tranh Vùng Vịnh, "bộ máy" vũ trụ quân sự của Mỹ bao gồm các vệ tinh nhân tạo Keyhole 11

dùng để chụp các bức ảnh cực nét từ vũ trụ, các vệ tinh nhân tạo tối mật Magnum để theo dõi các cuộc nói chuyện điện thoại của nước ngoài; các vệ tinh LACROSSE để thu thập hình ảnh của các radar trên lãnh thổ nước ngoài; tàu vũ trụ Project White Cloud để phát hiện tàu chiến của địch; vệ tinh tối mật Jumpseat để do thám điện đài nước ngoài; cùng vô số các "con chim sắt" khác làm nhiệm vụ liên lạc, thông báo thời tiết và làm nhiệm vụ hoa tiêu. Tổng cộng, liên quân đã sử dụng trực tiếp khoảng 60 vệ tinh nhân tạo của các nước đồng minh. Chưa bao giờ trong lịch sử lại có một quân đội nào đặt nhiều niềm tin vào các sự kiện xảy ra cách xa bề mặt của trái đất đến như vậy.

CHIỀU KHÔNG GIAN THỨ TƯ

Anson và Cummings nói: "Vũ trụ đã bổ sung thêm chiều không gian thứ tư cho chiến tranh. Nó đã ảnh hưởng đến cục diện chung của cuộc xung đột và hạn chế thương vong. Vũ trụ cung cấp những hình ảnh chi tiết về lực lượng của Iraq và những thiệt hại do các cuộc không kích của quân đồng minh gây ra. Nó báo trước việc phóng tên lửa Scud. Vũ trụ còn cung cấp một hệ thống hoa tiêu chính xác đến kinh ngạc liên quan đến việc tác chiến của mỗi chiến dịch và đến hoạt động của tên lửa, xe tăng, máy bay và tàu chiến". Các vệ tinh nhân tạo xác định mục tiêu, giúp cho lực lượng ở mặt đất tránh được những cơn bão cát, đo độ ẩm của đất, báo cho Schwarzkopf, tư lệnh quân đồng minh, biết chính xác những nơi nào trong sa mạc có thể giúp cho việc di chuyển xe tăng.

Không nghi ngờ gì là thậm chí các đơn vị tác chiến đặc biệt qui mô nhỏ cũng có thể sử dụng một cách hữu ích những thông tin do vũ trụ cung cấp. Ken York, biên tập viên của bản tin *Công nghệ chiến thuật*, nói: vệ tinh nhân tạo giúp các lực lượng tác chiến đặc biệt "xác định độ sâu của nước cho quân đổ bộ, xác định những khu vực có thể cho máy bay trực thăng hạ cánh và

cho các hoạt động của quân đội, v.v.". Vì thế, trong toàn bộ cục diện quân sự, từ những cuộc di chuyển hàng loạt trên mặt đất đến những trận "tập kích" bí mật của đội quân nhảy dù nhỏ hoặc của lính trực thăng, vũ trụ đều đóng một vai trò quyết định.

Ngày nay, việc cắt giảm ngân sách cũng không làm giảm tầm quan trọng của vũ trụ. Trung tướng Thomas Mourman đã chỉ ra rằng, "Bộ tư lệnh vũ trụ là một trong hai bộ tư lệnh đang lớn mạnh của Không lực Hoa Kỳ, bộ tư lệnh kia là Bộ tư lệnh tác chiến đặc biệt". Còn tướng Donald J. Kutyna, Tư lệnh vũ trụ của Không lực Hoa Kỳ, thì nói rằng : "Trong tương lai, với việc cắt giảm và hạn chế lực lượng, chúng ta sẽ phải dựa vào vũ trụ nhiều hơn nữa. Các hệ thống vũ trụ sẽ luôn luôn chiếm vị trí hàng đầu trên mặt trận quân sự". Sự đầu tư ngày càng tăng vào vũ trụ đang làm thay đổi toàn bộ cán cân thế lực quân sự toàn cầu.

Một vấn đề gần như chưa được công chúng và báo chí chú ý tới là ngày nay, vết rạn cơ bản giữa "các cường quốc vũ trụ" và "các cường quốc phi vũ trụ" đang trở nên sâu sắc. "Các cường quốc phi vũ trụ" đang đồng thanh đòi vũ trụ phải là của tất cả mọi người, và lợi ích của hoạt động vũ trụ hoà bình, bất kể do nước nào tài trợ, đều phải là "di sản chung" của nhân loại. Một số nước muốn thành lập một Cơ quan vũ trụ của Liên hợp quốc để kiểm soát các hoạt động trong vũ trụ và phân chia lại quyền lợi. Cuộc chiến đấu để kiểm soát vũ trụ vì mục đích dân sự đang được đẩy mạnh đồng thời với việc khai thác vũ trụ để phục vụ mục đích quân sự. Đôi khi, thật khó mà tách rời hai mục đích này. Do cuộc cạnh tranh toàn cầu đang trở nên quyết liệt, nên các cơ quan tình báo trên thế giới đang tập trung nỗ lực hơn nữa vào lĩnh vực tình báo kinh tế và tình báo công nghệ. Các hệ thống vệ tinh quân sự cho phép các nước nghe, chụp và giám sát các đối thủ của mình sẽ trở thành loại vũ khí phục vụ cho chiến tranh kinh tế cũng như cho chiến tranh quân sự.

Nhưng, tầm quan trọng về quân sự của vũ trụ mới chỉ hạn chế ở việc giám sát bằng vệ tinh nhân tạo. Năm 1987 tổng số tên lửa và vệ tinh phóng lên vũ trụ là 850 chiếc. Trong số này Mỹ và Liên Xô cũ chiếm khoảng 700. Tất cả các nước khác chỉ có 100-150. Năm 1989 tổng số tên lửa vệ tinh phóng đi đã lên tới 1700, trong đó hơn 1000 chiếc là do các nước ngoài Mỹ và Liên Xô thực hiện. Nếu làm một phép so sánh thì tên lửa và vệ tinh phóng đi của các nước không phải siêu cường đã tăng gấp 10 lần trong vòng 2 năm.

Số lượng các nước đã triển khai hoặc đang phát triển tên lửa đang tăng nhanh, trải dài từ Iran qua Đài Loan đến Bắc Triều Tiên. Các loại tên lửa rất đa dạng. Yemen, Libi, Xyri triển khai tên lửa Frog.7, mỗi quả có tầm đạn 70 dặm và có khả năng mang một đầu đạn 1000 pao. Ấn Độ trong năm 1989 đã cho thử một tên lửa Agni khổng lồ có thể mang một đầu đạn 2000 pao với tầm đạn 2.500 dặm- khoảng cách xa đủ để bắn trúng không những Pakixtan, nước láng giềng hồi giáo thù địch của Ấn Độ ở phía bắc, mà còn tới tận châu Phi, Trung Đông, Nga và các nước cộng hoà Hồi giáo thuộc Liên Xô cũ cũng như tới Trung Quốc và nhiều nước Đông- Nam Á khác.

Với việc tên lửa của Bắc Triều Tiên tràn ngập Trung Đông - và quan trọng hơn là với công nghệ có khả năng chế tạo nhiều tên lửa hơn - đã nảy sinh vấn đề là số lượng các quốc gia nhược tiểu được trang bị tên lửa sẽ gia tăng chứ không giảm, và tình trạng căng thẳng cũng tăng lên. Loại tên lửa Scud do Bắc Triều Tiên chế tạo - còn gọi là Rodong. 1 - có thể cho phép khách hàng như Iran có một tầm bắn xa hơn, chính xác hơn và có tiếng nổ lớn hơn loại tên lửa cũ kỹ mà Saddam đã từng sử dụng. Trong khi hiện thời họ mới chỉ có loại tên lửa có tầm bắn ngắn từ 500 đến 600 km, nhưng người ta tin rằng với một số cải tiến nào đó, họ sẽ nâng tầm bắn của loại này lên gấp đôi. Nếu vậy thì Iran - nghe

đồn đang tìm mua 150 quả tên lửa loại này - giờ đây lần đầu tiên có thể bắn được tới Ixraen, còn Bắc Triều Tiên có thể bắn sang Nhật.

Tất cả những điều này đang thúc đẩy việc ngăn chặn sự gia tăng tên lửa. Năm 1987 các nước G.7- gồm bảy cường quốc kinh tế lớn nhất - đã đồng ý thành lập một mạng lưới giám sát chung việc xuất khẩu tên lửa nhằm ngăn ngừa các nước khác mua bán loại tên lửa mang đầu đạn hạt nhân nặng hơn 227 pao và với tầm bắn xa hơn 175 dặm. Thỏa thuận này được gọi là Chế độ kiểm soát công nghệ tên lửa. Nhưng theo Kathleen Bailey, cựu nhân viên của Cơ quan kiểm soát vũ khí và giải trừ quân bị Mỹ, thì trong khi thỏa thuận nói trên chỉ có thể có tác dụng rất khiêm tốn, thì thực tế là "việc phát triển tên lửa không nghi ngờ gì nữa đã tồi tệ hơn từ khi bắt đầu có thỏa thuận đó", về việc này chúng ta sẽ xem xét một cách chi tiết hơn ở chương sau.

TỪ IRAN ĐẾN IXRAEN

Vì ngày càng có nhiều nước cảm thấy mình bị đe dọa, nên họ bắt đầu suy nghĩ một cách nghiêm túc đến việc xây dựng hoặc mua hệ thống giám sát vũ trụ của riêng mình để theo dõi các đối thủ tiềm tàng. Thậm chí ngay cả những đồng minh thân thiện với nhau cũng không muốn bị phụ thuộc vào các nước khác vì những tin tức tình báo sống còn mà vệ tinh nhân tạo có thể cung cấp. Bộ trưởng Bộ quốc phòng Pháp đã thúc giục châu Âu phát triển khả năng giám sát bằng vệ tinh nhân tạo độc lập của mình. Còn quyết định của Liên bang các tiểu vương quốc Ảrập về việc mua vệ tinh do thám riêng của Công ty Litton Itek Optical Systems (Hệ thống quang học Litton Itek), một công ty ở bang Massachusetts (Mỹ), đã gây ra những phản đối mạnh mẽ của một số quan chức Mỹ - những người này lo sợ rằng Liên bang các tiểu vương quốc Ảrập có thể chia sẻ thông tin tình báo với các nước Ảrập khác ít thân thiện với Mỹ.

Các quan chức ủng hộ việc mua bán này thì cho rằng rất nhiều nước như Bắc Triều Tiên và Tây Ban Nha đang có ý đồ phát triển các hệ thống của riêng mình, và các vệ tinh tình báo này sẽ mặc nhiên sinh sôi nảy nở dù Mỹ có muốn hay không .

PHÒNG NGỪA TÊN LỬA CHO THẾ GIỚI

Ngày 23-3-1983 Tổng thống Ronald Reagan đưa ra Sáng kiến phòng thủ chiến lược - một chương trình có mục đích là bố trí một hệ thống lá chắn phòng ngừa tên lửa đặt xung quanh nước Mỹ. Đây không phải là lúc xem xét lại cuộc tranh cãi hiềm khích kéo dài hàng thập kỷ tiếp theo đó. Quan niệm chủ chốt cho rằng vũ khí đặt trên vũ trụ có thể bắn rơi tên lửa đạn đạo của Liên Xô trước khi nó kịp bắn ra các đầu đạn hạt nhân, ngay lập tức được những người phản đối gọi là "Chiến tranh giữa các vì sao" và bị nhạo báng là ảo tưởng và gây bất ổn định.

Khi mối đe dọa về một cuộc chiến tranh hạt nhân tổng lực giữa Mỹ và Liên Xô gần như đã tiêu tan, người kế nhiệm Reagan, Tổng thống Bush, ngày 29 - 1 - 1991 đã đề nghị điều chỉnh lại trọng tâm của chương trình này cho rõ ràng. Bây giờ nó có thể chú trọng vào việc phòng thủ chống lại các cuộc tấn công hạt nhân bất ngờ hoặc hạn chế, và nó có thể phụ thuộc chủ yếu vào vũ khí đặt trên mặt đất.

Ngày 13 - 5 - 1993 Les Aspin, Bộ trưởng Quốc phòng của Tổng thống Bill Clinton tuyên bố dứt khoát "chấm dứt kỷ nguyên Chiến tranh giữa các vì sao". Sau đó người ta tuyên bố một chương trình hạn chế gọi là phòng thủ tên lửa đạn đạo. Mục đích của nó là bảo vệ các lực lượng của Mỹ và quân đồng minh chống lại tên lửa Scud trong các cuộc xung đột khu vực tương tự như cuộc Chiến tranh Vùng Vịnh. Các công việc tiếp theo về chương trình vũ khí đặt trên vũ trụ sau đó đã bị xếp xó. Vấn đề mấu chốt

của chương trình cắt giảm vũ khí hiện nay là mối đe dọa chính của các tên lửa tầm ngắn đang nằm trong tay các thế lực thù địch.

Tuy nhiên, nếu tướng Charles Horner, người đứng đầu Bộ tư lệnh Vũ trụ thuộc Không lực Mỹ nói đúng, thì bản thân vấn đề này cũng là một vấn đề tầm ngắn. Theo Horner, "công nghệ chế tạo SS.25 (một loại tên lửa di động cỡ lớn của Liên Xô) có thể rơi vào tay những người trả giá cao trên thế giới trong vòng 8 đến 10 năm nữa kể từ bây giờ". Dự đoán của ông trùng với ước tính của CIA. CIA cảnh cáo rằng trong một thập kỷ tới ít nhất có một nước thuộc Thế giới Thứ ba có thể chế tạo được tên lửa mang đầu đạn hạt nhân có khả năng tấn công nước Mỹ.

Điều cơ bản là bất chấp những chi phí cao, ngân sách hạn chế và sự phản kháng mạnh mẽ, những áp lực ủng hộ hệ thống phòng thủ tên lửa vẫn sẽ tồn tại và còn tăng lên bởi vì các loại tên lửa có khả năng mang đầu đạn hạt nhân, đầu đạn hoá học và sinh học vẫn đang gia tăng. (Sau này chúng ta sẽ xem xét về những cơ hội ngăn chặn sự phát triển thái quá của những loại vũ khí như vậy).

Trên thực tế, nếu nhìn về phía trước, chúng ta có thể tiên đoán không chỉ một mà vô số các hệ thống chống tên lửa. Có thể hình dung ra các hệ thống như thế của Ả-rập, Trung Quốc thậm chí của cả Tây Âu và của Nhật nếu mối bất hoà giữa các nước này với Mỹ có nguy cơ tăng lên. Với Bắc Triều Tiên bên cạnh, Nhật Bản đang ráo riết chạy đua để nâng cấp hệ thống tên lửa Patriot của Mỹ. Bộ Quốc phòng Anh đang nghiên cứu một hệ thống chống tên lửa đạn đạo hạn chế để bảo vệ Liên hiệp Vương quốc Anh chống lại các cuộc tấn công từ khoảng cách 1.875 dặm (các quan chức lấy ví dụ rằng một tên lửa CSS-2 của Trung Quốc đặt ở một nơi xa như Libi cũng có thể bắn tới Bắc Xcốtlen). Pháp đang cân nhắc một dự án xây dựng "hệ thống chống tên lửa đạn đạo chiến thuật" của riêng mình.

Gây ấn tượng mạnh hơn là sự thay đổi trong quan điểm của Liên minh Tây Âu, vì những thành viên của nó trong nhiều năm vẫn hoài nghi về khả năng phòng thủ tên lửa. Trong một hội nghị mùa xuân năm 1993 ở Roma, hết đại biểu này đến đại biểu khác đã bày tỏ mối quan ngại sâu sắc về vấn đề này. Bộ trưởng Quốc phòng Italia đã nói về "một mối nguy hiểm đặc biệt đối với toàn bộ sườn nam của châu Âu" do sự gia tăng ồ ạt của tên lửa và vũ khí huỷ diệt hàng loạt. Ông cảnh cáo rằng Italia "là nước đặc biệt dễ bị tấn công bởi một mối đe dọa quân sự do các thế lực phát xít, chủ nghĩa dân tộc và các xung đột sắc tộc nuôi dưỡng". Với Libi ở phía nam, nơi phong trào bạo lực của Đạo Hồi đe dọa tất cả các chính phủ Bắc Phi, với cuộc chiến tranh vùng Bancăng hoành hành ngay trước cửa ngõ phía đông, và với chính châu Âu đang bị xâu xé bởi các cuộc xung đột chính trị và sắc tộc, ông Bộ trưởng Quốc phòng Italia muốn đưa ra tiếng chuông báo động về khả năng nước Italia bị tấn công.

Ý tưởng độc đáo mà Tổng thống Reagan đưa ra có thể đã hết hiệu lực, nhưng dù có hay không có Washington, thực tế là thế giới vẫn đang phải ráo riết chạy đua để bảo vệ chính mình trước tên lửa Scud và những loại tên lửa lớn hơn, chính xác hơn của tương lai.

NÉM MỘT QUÁ BOM NGUYÊN TỬ XUỐNG RICHMOND

Các hệ thống phòng thủ chống tên lửa cũng sẽ chuyển trọng tâm chú ý vào loại vũ khí chống vệ tinh (ASAT), được thiết kế để bịt tai mắt đối phương. Tháng 4 - 1993, mặc dù Quốc hội càng ngày càng cắt giảm ngân sách của Lầu Năm Góc, tham mưu trưởng không lực Hoa Kỳ vẫn say sưa với bài phát biểu trong đó ông tuyên bố "đơn giản là chúng ta phải tìm ra phương sách xây dựng được những tiềm năng nhằm bảo đảm rằng không một quốc

gia nào có thể phủ nhận ưu thế vũ trụ khó khăn lắm mới giành được của chúng ta". Để thuyết phục cho chiến lược vũ trụ của Mỹ, ông bảo đảm rằng "chúng ta có thể hạn chế khả năng của kẻ thù trong việc sử dụng vũ trụ chống lại chúng ta".

Để đạt được điều này, ông nói, Mỹ phải cần đến một loạt "công cụ", kể cả những vũ khí chống vệ tinh. Lời nói của ông đã gặp phải tai của những người điếc và một tháng sau được bồi thêm bằng lệnh huỷ bỏ bắt buộc đối với một chương trình nhỏ của quân đội về một loại tên lửa chống vệ tinh.

Tuy nhiên, vấn đề mà nước Mỹ đang phải đương đầu không phải là vấn đề có thể huỷ bỏ được. "Trong Chiến tranh Vùng Vịnh chúng ta đã không gặp phải một mưu toan phá hoại và vô hiệu hoá nào đối với các vệ tinh của chúng ta, và kẻ thù của chúng ta cũng không có cách nào tiếp cận được vũ trụ để thực hiện mục đích của mình. Trong một tương lai không xa điều này có thể sẽ thay đổi" Eliot A. Cohen đã viết như thế trên báo *Nền Cộng hoà mới* (New Republic). Bây giờ mọi việc trở nên rõ ràng là trong tương lai việc đầu tiên mà một cường quốc trong khu vực phải làm khi dính vào cuộc xung đột với Mỹ là bịt mắt chúng ta trên bầu trời. Mía mai thay, vì nước Mỹ là nước phụ thuộc nhiều nhất vào các tài sản của mình đặt trên vũ trụ và vào các phương tiện thông tin tiên tiến, cho nên nó cũng là nước yếu nhất đối với bất cứ đối phương nào có khả năng làm tê liệt và phá huỷ những loại tài sản đó.

Ngay từ tháng 10 - 1961, Nguyên soái Rodion Y. Malinovsky, Bộ trưởng Quốc phòng Liên Xô, đã báo cáo với Trung ương Đảng Cộng sản rằng: "Những vấn đề về việc tiêu diệt tên lửa đang bay đã được giải quyết thành công". Đến tháng 7 năm sau, Khrushchev khoe khoang rằng thực tế tên lửa Liên Xô có thể giết chết cả một con ruồi trong vũ trụ. Đầu năm 1968 người Liên Xô đã chính thức cho thử vũ khí chống vệ tinh.

Đến giữa những năm 80 họ đã cho thử hệ thống chống các mục tiêu trên vũ trụ ít nhất là 20 lần. Trong số 14 lần thử, 9 lần đã đánh trúng mục tiêu.

Ngược lại, trong khi cũng có thể triển khai nhanh chóng một loại vũ khí chống vệ tinh, nhưng nước Mỹ cho đến nay vẫn chưa chọn biện pháp này và thực tế đã giảm dần việc nghiên cứu các loại vũ khí chống vệ tinh. Thay vào đó, Mỹ trông cậy vào sự đe dọa trả đũa ồ ạt.

Hiện nay, bất cứ cuộc tấn công trực tiếp nào vào một vệ tinh của Mỹ cũng có thể được coi gần như là một cuộc tấn công bằng vũ khí hạt nhân. Như một nhà nghiên cứu đã nói, "việc đó có thể không được coi là tồi tệ như việc ném một quả bom nguyên tử xuống Washington. Nhưng có tồi-tệ bằng việc ném xuống thành phố Richmond của bang Virginia không? Có thể lắm chứ."

TIÊU DIỆT NHẸ NHÀNG CÁC VỆ TINH

Để tránh một cuộc đụng độ như vậy, Liên Xô và Mỹ đã đi đến một thoả thuận ngầm về việc không bắn các vệ tinh nhân tạo của nhau. Nhưng việc bắn rơi một vệ tinh có thể là một phương pháp cứng rắn để bịt mắt chủ nhân của nó. Nhưng còn có một cách dễ dàng hơn, ít tốn kém hơn và thậm chí còn hữu hiệu hơn để phá huỷ nhẹ nhàng nó - đó là làm hỏng, làm biến dạng, phá huỷ hoặc lập lại chương trình thông tin để vệ tinh đó xử lý và truyền đi. Trên thực tế, có lý do để tin rằng người Liên Xô đã từng một lần thành công trong việc phá một vệ tinh nhân tạo của Mỹ mà về sau nó được công khai báo cáo là "bị hỏng" do những nguyên nhân bí hiểm. Việc này xảy ra trước khi hai siêu cường quyết định rằng việc chơi trò "đánh trộm nhau" trên vũ trụ thật quá nguy hiểm.

Một số bộ phận trong hệ thống vệ tinh của Mỹ còn dễ bị tấn công hơn là các đối tượng bị tình nghi trong xã hội. Theo bản báo cáo cuối cùng của Lầu Năm Góc về cuộc xung đột Vùng Vịnh, thì các tin truyền đi từ vệ tinh của Mỹ "dễ bị nhiễu, bị chặn, bị theo dõi và đánh lạc hướng nếu như kẻ thù có khả năng hoặc có ý định làm như vậy".

Tồi tệ hơn, theo Ronald Elliott, một chuyên viên hoa tiêu và giám soát thuộc tổng hành dinh Binh chủng linh thủy đánh bộ Mỹ, thì do có nhiều bộ phận phụ được sử dụng trong máy vi tính và mạng lưới truyền thông nên việc phát hiện những yếu tố gây hại gài trong đó trở nên cực kỳ khó khăn. Tương tự như vậy, "mạng lưới vệ tinh nhân tạo di động và mạng lưới máy vi tính vô tuyến đang tạo cơ hội cho bọn nghe trộm và bọn tấn công". Và vì ngày càng có nhiều người thiết kế lắp đặt điều hành các hệ thống như vậy, và vì cơ cấu chính trị đang làm tan rã hoặc thay đổi các khối liên minh, nên vấn đề về tình báo chống vệ tinh và vấn đề chảy máu chất xám sẽ ngày càng gia tăng.

Trong thời kỳ chiến tranh lạnh, người ta biết rõ ai là kẻ thù của mình. Còn trong tương lai, thậm chí người ta sẽ không thể đoán được ai là đối phương, giống y như trường hợp của một số cuộc khủng bố ngày hôm nay.

HỒ ĐEN VÀ CỬA SẬP

Thứ nhất, kẻ thù tiềm tàng ngày càng trở nên đông đúc và đa dạng. Thứ hai, các phương pháp dùng để phá hoại và gây rối vệ tinh của kẻ thù cùng các mạng lưới thông tin vi tính liên đới cũng ngày một tinh vi hơn (những cái gọi là "hồ đen", "cửa sập", là những kỹ thuật được bọn ăn trộm thông tin mở đầu để thâm nhập và phá hoại hệ thống máy vi tính, và chúng chỉ là những chiến thuật đơn giản nhất trong số các chiến thuật khả dĩ). Thứ ba, việc phá hoại một hệ thống của đối phương đồng thời đánh

lạc sự nghi ngờ sang một người khác là điều có thể xảy ra. Hãy tưởng tượng một cuộc tấn công của Trung Quốc vào một hệ thống truyền thông qua vệ tinh nhân tạo của Mỹ được nguy trang dưới dạng một hoạt động tình báo của Ixraen hoặc ngược lại. Thứ tư, chỉ cần một số lượng thiết bị vật lý rất khiêm tốn - nhiều trong số đó có sẵn ngay cả ở Trạm phát thanh địa phương của bạn - là có thể điều khiển hoặc gây nhiễu đối với các tín hiệu vệ tinh, các trạm ở mặt đất và các mạng lưới liên đới của chúng.

Cuối cùng, làm thế nào để "trả đũa ò ạt" một băng khủng bố hoặc một trùm buôn lậu ma túy, hoặc thậm chí một quốc gia nhỏ không có một cơ sở hạ tầng quan trọng nào hoặc không có một trung tâm chỉ huy nào để tấn công? Hay làm thế nào để trả đũa một toán "khủng bố thông tin" đang đến Mỹ để ngấm phá hoại những điểm mấu chốt trong hệ thống truyền thông và mạng lưới vệ tinh để bị tấn công của Mỹ? Có thể, họ không hề cần phải đến Mỹ mà lại ngồi trước màn hình của máy vi tính ở một nơi nào đó cách xa nửa vòng trái đất để thâm nhập vào mạng lưới xử lý và truyền các số liệu thu từ vệ tinh, đây là một vấn đề mà ở phần sau chúng tôi sẽ quay trở lại.

Sau khi Liên Xô tan rã, thế giới bỗng bùng tình trước hiểm họa là các nhà khoa học về hạt nhân của Liên Xô, do bị mất việc làm và kinh phí, có thể đem bán các bí quyết nguy hiểm của họ cho Libi, Pakixtan, hoặc những quốc gia khát khao vũ khí hạt nhân khác để đổi lấy việc làm và tiền bạc. Liệu các kỹ sư về vệ tinh nhân tạo và các nhà khoa học về tên lửa có tránh được những lời mời chào tương tự không? Không cần mất nhiều thời gian để hình dung ra việc các chuyên gia về vệ tinh hoặc tên lửa ở bãi thử tên lửa Tyuratam thuộc Cadăcxtan chẳng hạn, do vô mộng, tuyệt vọng và bất bình, đang bán những thông tin bí mật cho Trung Quốc, hoặc cho người tiếp theo là Saddam Hussein.

Ví dụ, thậm chí người ta có thể hình dung ra việc Trung Quốc, với sự giúp đỡ của các chuyên gia Liên Xô cũ, đang học cách thao

tác cả một phân hệ lớn thuộc hệ thống vệ tinh nhân tạo của Liên Xô cũ để phục vụ cho mục đích riêng của mình. Về vấn đề này, liệu chúng ta có thể cho rằng "Bộ máy vũ trụ trị giá 200 tỷ đôla" của Mỹ có thể tránh được ảnh hưởng của loại hoạt động này không? Hơn nữa an toàn của các vệ tinh nhân tạo không chỉ là mối quan tâm của giới quân sự. Nhiều hiệp ước hoà bình quan trọng nhất của thế giới như hiệp ước hạn chế phổ biến vũ khí hạt nhân, vũ khí hoá học hoặc vũ khí sinh học, hiệp ước giám sát các hoạt động chuyển quân, hiệp ước nhằm xây dựng niềm tin giữa các quốc gia thù địch, hiệp ước liên quan đến một số chiến dịch gìn giữ hoà bình, hiệp ước nhằm ngăn chặn chiến tranh sinh thái trong tương lai, tất cả phụ thuộc vào việc kiểm tra sự tuân thủ. Tuy nhiên, một hiệp ước chỉ có giá trị nếu thái độ của các bên ký kết nó có thể được giám sát. Mà hình thức theo dõi, giám sát chủ yếu chính là giám sát qua vệ tinh.

Vì tất cả những lý do đó, mặc dù không ai có thể biết chính xác chiến tranh vũ trụ và phương pháp chống chiến tranh dựa vào vũ trụ sẽ phát triển ra sao trong những thập kỷ tới, nhưng rõ ràng là hai thứ sẽ đóng một vai trò trọng tâm hơn trong thế kỷ XXI.

Trước khi kết thúc thế kỷ này, nếu các lực lượng chống chiến tranh không thể làm cho thế giới đồng ý về các biện pháp phòng ngừa, thì con em chúng ta có thể sẽ phải chứng kiến những cuộc cạnh tranh vũ trụ đạt tới mức cao hơn nhiều và nguy hiểm hơn nhiều.

KHU VỰC TRUNG TÂM CỦA VŨ TRỤ

Ngày nay không một nước nào, kể cả những nước tiên tiến nhất, có một chiến lược quân sự tầm xa toàn diện đối với vũ trụ. Đây là quan điểm của John Collins, tác giả của công trình nghiên cứu cực kỳ quan trọng nhưng lại không được nhiều người biết

đến, trong đó ông phân tích toàn bộ hệ trái đất - mặt trăng bằng các ngôn từ quân sự. Được sự đỡ đầu của Quốc hội Mỹ và mang tên *Các lực lượng quân sự vũ trụ : 50 năm sau*, cuốn sách xứng đáng được đọc một cách kỹ lưỡng.

Collins, một nhà phân tích cấp cao tại Thư viện Quốc hội Mỹ, đã dẫn chứng Halford J.Mackinder (1861-1947), là một nhà địa - chính trị mà vào cuối thế kỷ trước đã phát triển học thuyết cho rằng khu vực Đông - Trung Âu và nước Nga tạo thành khu vực trung tâm của quyền lực trái đất. Còn châu Phi và phần còn lại của khu vực Âu- Á chỉ là "hòn đảo của thế giới".

Mackinder đã đưa ra một quy luật được nhiều người trích dẫn như sau :

- * Người nào cai trị được Đông Âu thì cai trị cả khu vực trung tâm.

- * Người nào cai trị được khu vực trung tâm thì chế ngự cả Hòn đảo của thế giới.

- * Người nào cai trị được Hòn đảo của thế giới thì điều khiển cả thế giới.

Gần một thế kỷ đã trôi qua, và học thuyết của Mackinder không còn được chấp nhận một cách nghiêm túc nữa, bởi vì thế lực không quân và vũ trụ đã làm cho giả thuyết địa- chính trị cuối thế kỷ trở nên lỗi thời. Nhưng Collins đã rút ra được một sự tương đồng gây ấn tượng mạnh mẽ từ học thuyết của Mackinder. Ông giải thích rằng "tầng vũ trụ quanh trái đất bao bọc trái đất tới một độ cao khoảng 50.000 dặm". Và điều đó, theo ông, sẽ là chìa khoá cho sự thống trị quân sự vào giữa thế kỷ XXI.

- * Người nào cai trị được tầng vũ trụ quanh trái đất thì sẽ chế ngự cả hành tinh trái đất.

- * Người nào cai trị được mặt trăng thì sẽ điều khiển cả tầng vũ trụ quanh trái đất.

* Người nào cai trị được L₄ và L₅ thì sẽ điều khiển cả hệ trái đất - mặt trăng.

L₄ và L₅ là những địa điểm bằng phẳng của mặt trăng trong vũ trụ, tại đó sức hút của trái đất và của mặt trăng ngang bằng nhau. Theo lý thuyết, các căn cứ quân sự đặt tại các điểm đó sẽ có thể đứng yên tại chỗ trong thời gian rất dài và không cần tốn nhiều nhiên liệu. Các điểm này có thể được coi như là "cao điểm" cho các chiến binh vũ trụ tương lai.

Ngày bây giờ, chủ đề này đã có một âm vang huyền tưởng khoa học dành cho nó, nhưng điều đó cũng đã xảy ra đối với các dự đoán về chiến tranh xe tăng hoặc về sức mạnh không quân. Bất cứ ai gạt bỏ tư tưởng này, hoặc nghĩ rằng cuộc chạy đua khai thác vũ trụ vì mục đích quân sự đã kết thúc, hoặc việc cắt giảm ngân sách sẽ chôn vùi nó, thì đều là những người thiển cận.

Không phải chỉ có chiến tranh Làn sóng Thứ ba, mà kể cả chống chiến tranh Làn sóng Thứ ba cũng ngày càng phụ thuộc vào các hoạt động ở bên ngoài trái đất. Công việc hoà giải phòng ngừa đòi hỏi chúng ta phải nhìn vượt xa khỏi hiện tại. Vấn đề đang được tranh cãi không chỉ đơn thuần là những đồng đôla, mà là vận mệnh của con người.

CHIẾN TRANH ROBOT

Truyền thuyết Do Thái thời Trung đại kể về một chiếc máy tự động tên là "Golem" đã sống dậy thành người máy một cách bí mật để bảo vệ chủ của nó. Ngày nay, một thế hệ mới của "Golem" sắp sửa ra đời - đó là những chiến binh robot - và bất cứ ai có quan điểm nghiêm túc về chiến tranh Làn sóng Thứ ba và về chống chiến tranh Làn sóng Thứ ba đều không thể bỏ qua chúng.

Tin đồn về robot trên chiến trường đã có từ lâu nhưng còn hời hợt. Ngay từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, ý định xây dựng các robot quân sự thực hành đã gặp phải những khó khăn, lúng túng kế tiếp nhau. Công chúng thiếu thông tin vẫn còn liên tưởng các robot chiến đấu với những bộ phim khoa học viễn tưởng như *Cảnh sát robot* hoặc *Kẻ kết liễu số 2*, còn các sĩ quan theo phái truyền thống thì vẫn hoài nghi.

Tuy vậy, các nhà tư tưởng quân sự trên thế giới đang có một cái nhìn mới mẻ đối với công nghệ này. Những điều kiện mới, họ nói, sẽ dẫn tới sự thúc đẩy mạnh hơn bao giờ hết công cuộc robot hoá. Lewis Franklin, cựu phó chủ tịch Ban Vũ trụ và Quốc phòng của TRW, một chủ thầu quốc phòng, tin tưởng rằng chúng ta có thể chứng kiến một cuộc ngập lụt các thế hệ robot trong đời sống quân sự trong khoảng 10 hoặc 15 năm nữa.

Hãy lấy một ví dụ, cuộc xung đột Vùng Vịnh đã làm cho những phương tiện vận tải điều khiển từ xa (gọi tắt là RPV) trở

nên nổi tiếng. Theo tờ báo *Tin tức Quốc phòng*, chiến tranh đã "khích động sự ủng hộ đối với các máy bay kiểu đó, tới mức tưởng chừng như sẽ bùng nổ nhu cầu quốc tế về máy bay chiến đấu không người lái".

Các nhà sản xuất robot quân sự đang mong đợi một thị trường 4 tỷ đôla trước khi kết thúc thập kỷ này, bất chấp những cắt giảm ngân sách quốc phòng. Họ trông chờ nước Mỹ sẽ bỏ ra khoản chi phí cho robot gấp mười lần hiện nay. Theo đại úy Joseph Beel, một cán bộ giảng dạy của Học viện Hải quân Mỹ, thì cho dù dự đoán lạc quan này có đúng hay không, các nước khác cũng có thể sẽ sử dụng robot để chống lại quân lực Mỹ trong các cuộc đụng độ tương lai.

Nhiều nhân tố dài hạn đã làm tăng thêm sự tin tưởng vào các phòng đoán trên. Nhân tố đầu tiên là nhân tố thuần túy công nghệ. Vì robot đang gia tăng ở cả nhà máy lẫn trong văn phòng, nên công cuộc nghiên cứu robot dân sự cũng đang tiến bộ nhanh chóng. Từ những tấm thẻ điều khiển mạng lưới "điện thoại tự động" đến những "công trình kiến trúc thông minh" và các "con đường cao tốc linh hoạt", một cơ sở công nghệ đang được đặt ra nhằm robot hoá nền kinh tế trong tương lai một cách mau chóng hơn. Và điều này, tiếp đó, sẽ chuyển sang hàng loạt ứng dụng cho tiềm năng quân sự.

MỘT MÓN HỒI CHIẾN TRƯỜNG

Trong nền kinh tế dân sự có nguồn lao động rẻ, thì công cuộc robot hoá tiến triển chậm chạp hoặc thậm chí không tiến triển. Nhưng khi giá cả nhân công tăng lên thì máy móc tự động nói chung và ngành robot nói riêng sẽ trở nên có lợi xét về mặt cạnh tranh. Điều này cũng tương tự như trong quân đội. Nếu chỉ phải trả lương thấp cho quân đội thì sẽ làm giảm sự khích lệ đối với việc thay thế công nghệ. Ngược lại, nếu quân đội gồm toàn những

lính chuyên nghiệp đòi hỏi phải được trả lương cao thì robot sẽ trở thành một món hời trên chiến trường.

Sự lan tràn vũ khí hoá học, sinh học và hạt nhân trên thế giới có lẽ cũng thúc đẩy công cuộc robot hoá, bởi vì lúc ấy sẽ hình thành những chiến trường quá độc hại cho sức khoẻ binh lính. Các binh lính robot có thể được thiết kế dành riêng chỉ để hoạt động trong những môi trường như vậy.

Nhưng yếu tố quan trọng nhất có lợi cho việc robot hoá là sự thay đổi thái độ công chúng đối với mức thương vong có thể chấp nhận được. Theo trung tướng Jerry Harrison, cựu trưởng phòng thí nghiệm nghiên cứu và phát triển của quân đội Mỹ, thì những tổn thất vô cùng ít ỏi của quân đồng minh tại cuộc Chiến tranh Vùng Vịnh đã tạo ra một chuẩn mực làm bao người ngạc nhiên. Chúng tôi, trong tương lai chiến tranh sẽ chuyển thành một ngành robot học.

Một trong những nhiệm vụ mạo hiểm trên chiến trường là việc trinh sát và do thám bằng máy bay trực thăng. Trong các cách để tránh thương vong cho máy bay lên thẳng có một cách là phóng các phi đội máy bay robot ở độ cao thấp, mỗi chiếc có một phần tử nhảy thuộc chuyên môn khác nhau và có nhiệm vụ gửi dữ liệu về cho tư lệnh mặt trận. Theo một báo cáo của quân đội Mỹ sau khi trải qua cuộc chiến Vùng Vịnh, mang tên *Các công nghệ chiến lược cho quân đội thế kỷ XXI*, thì những máy bay không người lái như vậy là một sự thay thế "làm giảm bớt tỷ lệ thương vong và đỡ tốn kém, lại không đe dọa tính mạng của đội bay".

Henri C. Yuen lại có ý kiến khác. (Yuen có lẽ là một người nổi tiếng vì đã phát minh ra thiết bị phụ kiện cho máy thu video để giúp lập trình máy mà không cần phải có bằng kỹ sư điện. Nhưng đó chỉ là nghề phụ của Yuen trong khi ông làm việc tại TRW với tư cách là một chuyên gia về chiến tranh chống tàu

ngầm). Trong một báo cáo nội bộ viết ngay sau khi cuộc Chiến tranh Vùng Vịnh kết thúc, Yuen đã lập luận rằng "một trong những mục tiêu quan trọng nhất của công cuộc phát triển vũ khí mới là giảm bớt hoặc loại bỏ hoàn toàn sự mạo hiểm cho con người. Lấy một ví dụ đơn giản : những vũ khí hoặc thiết bị có hại, ở một mức độ có thể được, cần phải là những thiết bị không dùng người", có nghĩa là phải dùng robot. Yuen đã phác thảo ra các dự án về những xe tăng không người lái có thể hoạt động theo các nhóm dưới sự điều khiển của một trạm chiến đấu từ xa.

BẢO VỆ ĐỘI A

Những tu tưởng tượng tự cũng được tướng Harrison nhắc lại : "Hãy bảo vệ Đội A của anh, bảo vệ đội quân có học của anh - đó là các binh lính, các phi công của anh - cho tới khi anh buộc phải đưa họ vào cuộc chiến. Và anh bảo vệ họ bằng cách sử dụng robot.... Tôi có thể có một xe tăng được điều khiển từ trung tâm và sáu chiếc khác theo sau nó mà không cần có người ngồi trong. Một chiếc điều khiển sáu chiếc kia bằng máy móc tự động".

Franklin, Yuen và Harrison chỉ là một số ít trong số nhiều người hiện nay biện hộ cho quá trình khẩn trương robot hóa. Robot có thể làm được nhiều việc chứ không phải chỉ có thay thế các phi công của máy bay trực thăng trinh sát hoặc những người lính lái tăng. Ngoài việc thu thập tin tức và phát hiện mục tiêu, robot còn có thể được sử dụng để đánh lạc hướng hoặc phá huỷ rada của địch, thu thập các dữ liệu về thiệt hại của phía địch, sửa chữa thiết bị và tuần tiễu bên ngoài doanh trại. Ngoài ra còn có thể có một loạt các công dụng khác nữa. Robot đảm nhiệm hàng loạt việc, từ phục hồi và tháo ráp các đầu đạn chưa nổ cho đến việc cung cấp hậu cần, làm sạch môi trường nhiễm độc, đặt các phần tử nhảy dưới đất hoặc dưới biển, dọn mìn, sửa đường sá bị đánh bom và nhiều việc khác. Ông Harvey Meieran thuộc Công

ty liên hiệp các công nghệ PHD ở Pittsburgh, trong một bài báo gửi tới cuộc hội nghị gần đây của Hiệp hội các hệ thống phương tiện vận chuyển không người lái, gồm 2.500 thành viên, đã nêu ra rằng robot có thể thực hiện được ít nhất là 57 chức năng chiến đấu.

Các kỹ sư ngành robot quân sự tất nhiên là hài lòng về thái độ lưu tâm mới của mọi người đối với công việc của họ. Họ cũng phấn khởi vì những hứa hẹn mà các tiến bộ trong thời gian gần đây của ngành trí tuệ nhân tạo, của khả năng mô phỏng thực tiễn, của khả năng máy vi tính, của các hệ thống màn hình và những công nghệ liên quan khác đem lại. Nhưng họ còn đang bị day dứt bởi những cuộc tranh cãi xem điều gì sẽ xảy ra sau đó. Vấn đề làm cho họ đau đầu không phải là làm thế nào để cho các vũ khí robot trở nên thông minh hơn, mà là làm thế nào để sử dụng chúng một cách thông minh hơn.

Các kỹ sư robot đang có một cuộc tranh luận thầm lặng về một số vấn đề lớn nhất mà loài người đang phải đương đầu. Vấn đề không đơn thuần chỉ liên quan đến chiến tranh hay hoà bình, mà là đến khả năng bị phụ thuộc của con người vào những loại robot giết người siêu thông minh và càng ngày càng có ý thức.

ROBOT TRÊN SA MẠC

Trước kia những robot thực sự biết tự suy nghĩ chỉ thuộc về lĩnh vực khoa học viễn tưởng trong các sách báo hoặc phim ảnh giật gân, như bộ phim *Dự án Forbin*, nhưng ngày nay nó đã được những người thiết kế các công nghệ chiến tranh của tương lai không xa nhìn nhận một cách nghiêm túc. Một cuộc xung đột tư tưởng đã phát triển giữa những người ủng hộ robot và những người ủng hộ loại vũ khí tự động có đủ khả năng tự hành động.

Trong khi các vũ khí robot chỉ đóng một vai trò nhỏ trong cuộc Chiến tranh Vùng Vịnh, thì sự điều khiển của con người vẫn

là chủ yếu. Trên các vùng trời Côoét và Irắc rải đầy các máy bay điều khiển từ xa đi mở đường - những chiếc máy bay nhỏ, không có vũ khí và không người lái - dưới sự điều khiển của những người điều hành viễn thông ngồi sau bàn vị tính cách xa nhiều dặm. Robot thực hiện công việc, còn con người thì ra quyết định.

Các máy bay không người lái do Ixraren thiết kế và một hãng của Mỹ chế tạo đã bay mà hầu như không bị các phương tiện thông tin phát hiện ra chứ chưa nói đến quân Irắc. Một số được phóng từ một chiếc tàu chiến của Mỹ mang tên *Wisconsin*, một số khác của quân đội Mỹ và của các đơn vị lính thủy đánh bộ. Theo Edward E.Davis, phó chủ nhiệm chương trình "Máy bay không người lái", thì các máy bay tiên trạm đã bay 330 chuyến và phải lượn hơn 1000 tiếng đồng hồ trên không khi chiến dịch Bão táp sa mạc bắt đầu. Mỗi chiếc đã phải ở trên không 24 tiếng mỗi ngày trong suốt thời gian diễn ra chiến trận.

Các máy bay điều khiển từ xa đã thực hiện nhiệm vụ do thám, kiểm tra sự hỏng hóc của bom, dò mìn ở Vùng Vịnh, theo dõi các tàu tuần tiểu của Irắc và thực hiện các việc khác. Ba chiếc trong số đó đã bị trúng đạn của loại vũ khí hạng nhẹ. Một chiếc bị bắn rơi.

Máy bay tiên trạm đã theo dõi các hệ phóng tên lửa di động của Irắc khi họ trở về căn cứ, phát hiện ra các vị trí tên lửa Silkworm (Con tằm) và xác định xem chúng có hoạt động hay không, theo dõi các lực lượng trên bộ của Irắc đang tập trung cho cuộc tấn công ngắn gọn xấu số của họ vào al- Kafji ở Arập Xêút. Các thông tin mà camera và các phần tử nhạy trên máy bay không người lái thu được sẽ được gửi về trạm mặt đất và sau đó gửi lên các máy bay Cobra và Av.8B để tấn công đội hình Irắc. Ở những nơi khác, các máy bay tiên trạm sẽ trinh sát lộ trình và xác định kế hoạch bay cho máy bay trực thăng Apache của quân đội.

Các máy bay tiền trạm chưa phải là những robot duy nhất được sử dụng. Phi đoàn tác chiến trên không số 82 của Mỹ đã triển khai một loại máy bay chỉ điểm thủ nghiệm không người lái, máy bay này có thể xếp trong hai chiếc túi và sau đó lắp ráp lại trong vòng năm phút. Nó được dùng để tuần tiểu bên ngoài căn cứ. Ngoài ra còn có các máy bay không người lái khác, trong đó có CL.89 của Canada và MART của Pháp, cũng được sử dụng để xác định mục tiêu, làm vật nghi binh hoặc các chức năng khác. Robot không chỉ hạn chế ở các hoạt động trên không. Có tin cho biết, các tàu quét thủy lôi của Đức đã triển khai các thuyền tuần tiểu không người lái mang tên TROIKAS.

CHƯƠNG TRÌNH RETRACT MAPLE

Những kinh nghiệm như vậy đã thúc đẩy việc soạn thảo những dự án có nhiều tham vọng hơn. Hiện nay Hải quân Mỹ đang bỏ ra hơn nửa tỷ đôla cho chương trình bí mật mang tên Retract Maple, cho phép một người chỉ huy ngồi trên chiếc tàu I và nhận rada cùng các thông tin khẩn cấp khác từ chiếc tàu II, đồng thời điều khiển tên lửa bắn tự động từ các tàu III, IV hoặc có thể đến X hoặc XX. Retract Maple cũng có thể phái đi các đội nghi binh và làm nhiễu hệ thống hướng dẫn tên lửa của đối phương. Chương trình này cho phép người chỉ huy đội đặc nhiệm có thể điều khiển từ xa cả một lực lượng đặc nhiệm, bao gồm một số lớn tàu, từ tàu tuần tiểu, tàu khu trục trở đi.

Khi nhìn rộng ra, người ta có thể hình dung được sự hợp nhất phối thuộc các máy bay trực thăng, tàu thủy, xe tăng và các máy bay được yểm hộ từ mặt đất thành một "tổ chức robot" duy nhất dưới sự điều khiển của những người điều hành thông tin. Sự hình dung này gọi lên cả một chiến trường toàn robot.

Ngày nay có hàng trăm dự án khác nhau về nghiên cứu và phát triển robot đang trên đà lan rộng, từ Italia và Israen cho

đến Nam Phi, Nga, Đức và Nhật. Nhưng có lẽ ngay cả những robot được cho là để phục vụ mục đích dân sự cũng có thể tạo ra các công nghệ "hai mặt".

Công ty Điện tử Hàng không hữu hạn của Nhật đã chế tạo một máy bay trực thăng điều khiển từ xa mà theo lời của ông Toshio Shimazaki thuộc công ty nói trên, có thể dùng "để chụp các bức ảnh và thu thập dữ liệu về nhiệt độ, nồng độ khí thải và các yếu tố khác liên quan đến các vụ cháy tàu chở dầu và các núi lửa ngầm". Công ty Yamaha, nổi tiếng về sản xuất đàn pianô và xe máy, đã sáng chế ra máy bay trực thăng điều khiển từ xa R-50 để gieo hạt. Trường Đại học Kyoto và hai cơ quan chính phủ đang chế tạo một máy bay robot với các chức năng khí tượng, môi trường và truyền thanh. Máy bay này được thiết kế để dùng ở trên cao một cách vô hạn định bằng năng lượng thu từ các sóng ngắn ở dưới đất. Trong khi đó, Công ty hữu hạn Komatsu lại tạo ra một thiết bị robot có nhiều chân để sử dụng vào việc xây dựng ở dưới nước.

Hiến pháp Nhật cấm việc xuất khẩu vũ khí. Nhưng người ta tự hỏi, liệu điều gì có thể ngăn ngừa được việc đưa một số robot dưới nước như vậy vào việc gài mìn hoặc gài các phần tử nhạy ở những địa điểm khó tiếp cận theo cách khác? Thật ra, tất cả các loại robot này giống như những chiếc xe tải hoặc xe jeep - đều có thể được sử dụng vào mục đích quân sự cũng như mục đích dân sự.

Nhiều robot được làm sẵn một cách phù hợp để bảo vệ các nhà máy - không chỉ riêng các căn cứ tên lửa và các khu vực hạt nhân - chống lại bọn khủng bố. Có lẽ sự bao quát đầy đủ nhất về ngành robot học quân sự đã được ghi trong quyển sách mang tên *Cuộc chiến tranh không người* của hai nhà nghiên cứu Steven M. Shaker và Alan R. Wise. Theo Shaker và Wise, những người đã có nhiều dẫn chứng được nêu ở trên, Hệ thống phòng thủ bằng

robot - tên một công ty ở Colorado- đã chế tạo một chiếc xe nặng 2 tấn mang tên "Prowler" để làm nhiệm vụ canh gác.

XE PROWLER

Xe Prowler có thể được điều khiển từ xa ở một khoảng cách 19 dặm. Xe được trang bị các máy vi tính, máy quay video và có thể đi quanh khu quân sự hoặc theo dõi cửa ra vào. Nó sử dụng máy dò bằng lade và các máy móc khác để tự xác định vị trí cho mình, kể cả các phần tử nhảy trên xe để chỉ ra những thay đổi tại địa điểm mà nó đi qua. Người điều khiển từ xa có thể trông thấy hết những gì camera quay được khi nó lướt qua.

Chiếc xe này cũng được lắp các thiết bị nhìn ban đêm, máy truyền tia hồng ngoại, rada, các phần tử nhảy di động bằng nam châm điện và máy dò địa chấn. Nó cũng có thể được trang bị các loại vũ khí khác nhau. Chúng tôi được biết, hãng đấu thầu Bachtel National khổng lồ đã đề nghị được tham gia "vào công việc an ninh tại khu quân sự ở một nước Trung Đông".

Trong khi đó, Ixraen, nằm giữa các nước láng giềng thù địch, với một quân đội ít người hơn đối phương, đã trở thành một nước đứng đầu thế giới về thiết kế và áp dụng công nghệ robot cho cả hoà bình lẫn chiến tranh. Không xa biển Galilee là nhà máy Iscar chuyên sản xuất công cụ cắt gọt để xuất khẩu. Nhà máy này được Stef Wertheimer và con trai ông là Eitan xây dựng bằng công nghệ tiên tiến, nó là một mô hình robot hoá nhà máy ở cấp thế giới. Việc sử dụng robot với mục đích quân sự cũng rất tiến bộ ở Ixraen. Nước này đã sử dụng thành công các máy bay điều khiển từ xa để chống lại người Xyri ở Libăng năm 1982 và còn sử dụng chúng vào hoạt động chống khủng bố. Có lần, một chiếc máy bay điều khiển từ xa đã bám theo một chiếc ô tô chở quân khủng bố đang quay trở về căn cứ của chúng và báo cho lực lượng không quân biết để tấn công và tiêu diệt căn cứ đó.

NẠN KHỦNG BỐ BẰNG ROBOT

Tuy nhiên, Shaker và Wise cũng nêu rõ "quân khủng bố đang trở nên ngày càng tinh vi trong việc chống lại công nghệ robot". Shaker và Wise dẫn chứng một ví dụ về một robot, dưới sự điều khiển của người điều hành từ xa, được sử dụng để mở ngòi nổ của một quả bom. Nhưng các nhà cách mạng đã "vô hiệu hoá được sự điều khiển của người điều hành radio và làm cho robot chống lại anh ta. May mà người điều hành đã kịp thời trốn thoát để khỏi bị tấn công bởi chính robot của mình".

Và hai nhà nghiên cứu nói tiếp : "Các máy móc robot không một chút lương tâm đạo đức và không hề biết sợ những nhiệm vụ thiếu thân, có thể trở thành những kẻ khủng bố lý tưởng. Việc sử dụng những máy móc giết người chắc chắn sẽ gây ra sự lo lắng và hoảng sợ cho các nạn nhân và làm cho cả thiên hạ biết đến, điều mà bọn khủng bố mong muốn".

Cho tới bây giờ chúng ta mới đang nói đến những robot do người điều khiển. Nhưng đó mới chỉ là nửa bước đầu để tiến tới loại robot tự chủ tiến tiến hơn và cũng gây nhiều tranh luận hơn. So với loại robot này thì loại robot điều khiển từ xa và loại robot được điều hành viễn thông mới chỉ thông minh bằng một nửa. Còn có những thiết bị thông minh hơn, như tên lửa tuần tiểu Tomahawk mà một khi đã được phóng ra thì không cần phải nhận chỉ thị nữa vì nó được đặt chương trình trước để tự xử lý một cách độc lập.

Bước cuối cùng là những vũ khí mà một khi "ra đời" hoặc được đưa vào hoạt động thì có thể ngày càng biết tự quyết định. Đó là những cái mà người ta gọi là vũ khí "tự chủ", và cuối cùng, theo Marvin S.Stone - tổng giám đốc phân khu điện tử và công nghệ của TRW - thì "tất cả các vũ khí sẽ trở nên tự chủ cao hơn".

Vấn đề vướng mắc của các vũ khí robot điều khiển từ xa là ở chỗ, chúng phải phụ thuộc vào các thông tin để bị tấn công để

liên lạc giữa con người với máy móc. Nếu các thông tin này bị cắt đứt, bị phá hỏng hoặc thậm chí tồi tệ hơn nữa là bị đối phương thao túng, thì robot sẽ trở thành vô dụng hoặc tự phá hủy. Nếu vũ khí robot có được khả năng hiểu và diễn giải các dữ liệu và biết tự quyết định thì các khâu liên lạc sẽ được khép kín trong nội bộ và trở nên an toàn hơn.

Một đặc điểm khác của robot tự chủ là tốc độ. Loại robot này có thể ra quyết định với tốc độ nhanh hơn con người, đó là một khả năng quan trọng khi cuộc chiến tranh diễn ra khẩn trương. Shaker và Wise chỉ ra rằng các bộ phận khác nhau của hệ thống phòng thủ tên lửa "cần phải trao đổi dữ liệu với tốc độ cao để chống lại một cuộc tấn công chiến lược, tới mức mà con người không thể tham dự như là những người ra quyết định tại chỗ".

Nếu robot được giao phó việc tự động quyết định thì nó phải là loại robot siêu thông minh. Vì vậy, người ta phải nghiên cứu loại robot thực sự biết tự rút kinh nghiệm. Phòng nghiên cứu thí nghiệm Hải quân Mỹ đã phát minh ra một chương trình phần mềm mà, theo tờ *Tin tức quốc phòng*, nó "cho phép các loại xe cộ robot có thể tự phân xét bước đầu và học cách xử lý những tình huống bất ngờ". Trong một chuyến bay thử trong buồng tập, chương trình phần mềm này đã biết cách cho hạ cánh an toàn một chiếc máy bay F/A.18 xuống một chiếc tàu sân bay theo đúng dự định 100%. Chương trình này cũng đã có thể làm tăng khả năng "tránh tên lửa" của máy bay từ 40% lúc bấy giờ lên tới 99%.

Như vậy là những người ủng hộ vũ khí tự chủ cho rằng chúng đưa ra được một sự an toàn cao độ, một tốc độ tối ưu, và trong một số trường hợp, thậm chí cả khả năng đúc rút kinh nghiệm. Hơn nữa, cũng như loại robot được điều hành từ xa, loại robot này có thể được liên kết lại để tạo thành những hệ thống khổng lồ.

Như ban đầu được quan niệm, Sáng kiến phòng thủ chiến lược, với mạng lưới các vệ tinh, các phần tử nhảy và các trạm mặt đất rộng khắp thế giới, có thể được xem như một "đại robot" tự chủ duy nhất, ít nhất cũng có một số bộ phận của nó vận hành một cách tự chủ. Nhưng ngay cả những kế hoạch này cũng mới chỉ bàn qua đến cái vỏ bề ngoài của khả năng thực hiện.

Hoàn toàn độc lập với Sáng kiến phòng thủ chiến lược, DARPA, tức Cơ quan dự án nghiên cứu quốc phòng tiên tiến, đã bắt đầu ủng hộ việc nghiên cứu các phương tiện vận tải tự chủ từ một thập kỷ trước đây. Chương trình SHAKC của nó đã xem xét liệu một nhóm đồng bộ gồm các máy bay robot được liên lạc với nhau sẽ có thể làm được những gì. Người ta thậm chí có thể hình dung ra được là giữa chúng có một kiểu "ý thức" tập thể hoặc có một sự gần như là ngoại cảm.

NHỮNG NGƯỜI PHẢN ĐỐI ROBOT

Mục này góp phần giải thích ít nhất một số phản ứng mà các kỹ sư ngành robot phải đương đầu. Ở đây ta lại tiếp tục so sánh với nền kinh tế dân sự. Cũng như trong thế giới kinh doanh, công cuộc robot hoá quân sự đã xuất hiện như một mối đe dọa đối với các quyền lợi bất di bất dịch. Lại một lần nữa, Shaker và Wise nói: "Trong nhà máy, các công nhân áo xanh phải đương đầu với mối đe dọa thất nghiệp bởi các máy móc tự động... Trong quân sự... thông thường người ta điều hành hệ thống vũ khí bằng tay, nhưng ngày nay vai trò của những người điều hành đang bị đe dọa bởi sự xuất hiện của những máy móc kiểu robot. Sự phản kháng của họ có thể sẽ còn mạnh mẽ hơn những gì đã xảy ra ở các nhà máy dân sự".

Hai nhà nghiên cứu trên cũng nêu rõ, ở Mỹ "hàng ngũ chỉ huy không quân được lấy từ phi công. Còn trong hải quân, cả người lái và người chỉ huy tàu đều nắm quyền điều khiển tổ chức.

Trong quân đội ngày nay, thành phần chỉ huy chủ yếu được dành cho những người liên kết trực tiếp với binh lính chiến đấu. Điều này cũng tương tự như trong các cơ sở quân sự của các quốc gia khác. Những người lập kế hoạch, các sĩ quan tình báo, sĩ quan thông tin và các chuyên gia không phải trực tiếp chiến đấu ít khi đạt được đỉnh cao của quyền lực". Sự chuyển đổi sang chiến tranh Làn sóng Thứ ba và đặc biệt là sự thay đổi theo hướng robot hoá có thể làm thay đổi tất cả, cắt đi những bổng lộc và quyền lực của các sĩ quan hiện đang điều khiển các hệ thống do con người điều hành.

Thế nhưng vụ kiện chống lại công nghệ robot - và đặc biệt là robot tự chủ- không thể đơn thuần bị bác bỏ như là một việc tự xử. Những người phản đối robot lập luận rằng các vũ khí robot không thể thích nghi được với vô số những biến đổi bất ngờ trên chiến trường. Liệu con người có can thiệp được vào trong từng bước đi hay không? Đây là đạo đức của những robot giết người không có khả năng phân biệt giữa một bên là kẻ thù như một mối đe dọa và bên kia là những người đang cố gắng ra đầu thú một cách tuyệt vọng. Liệu những vũ khí robot bị trục trặc có làm rối loạn và gây ra những tai hoạ leo thang liên tiếp không? Liệu những người lập chương trình có đủ trí thông minh để dự đoán trước mọi thay đổi có thể xảy ra trong hoàn cảnh chiến trường hay không?

Đây chính là cảnh mà kịch bản của tiến sĩ Strangelove bắt đầu. Nếu kéo con người ra khỏi vòng chiến, thì chẳng phải là chúng ta có nguy cơ làm một cuộc chiến tranh bỏ trốn sao? Những người ủng hộ robot có thể chỉ ra một sự thật mà ít người biết đến là một số hệ thống vũ khí hạt nhân có khả năng giết người cao nhất của chúng ta từ lâu đã và hiện vẫn đang phụ thuộc một phần vào những bộ phận tự chủ. Tốc độ và hiểm hoạ của cuộc tấn công hạt nhân của người Liên Xô lớn đến mức chỉ có cách dựa vào một mức độ tự chủ nhất định của vũ khí mới có thể

bảo đảm ngăn cản nó lại được. Nhưng bất chấp sự thật này, chẳng có cuộc giải trừ vũ khí hạt nhân nào được thực hiện kể từ khi bắt đầu thời đại nguyên tử nửa thế kỷ trước đây. Cần phải nghiêm khắc mà nói rằng những người đề ra quyết định cũng có lúc bối rối.

Tuy nhiên, không phải ai cũng thấy yên lòng. Người ta cho rằng, sự khác nhau là ở chỗ, khi con người trở nên già nua lắm lắm thì đến một lúc nào đó ta cần phải ngăn chặn hoặc hạn chế những hậu quả do quyết định của họ gây ra. Điều này có thể không đúng trong trường hợp nếu chúng ta ban cho các hệ thống vũ khí robot trí thông minh siêu nhân, cho chúng có khả năng biết lựa chọn nhanh chóng, biết học hỏi và liên lạc với nhau.

Ngay cả những nhà thiết kế robot giỏi nhất cũng có thể và đã từng phạm sai lầm. Và cả đội quân phần mềm giỏi nhất cũng không thể "suy nghĩ được tất cả mọi điều". Mối nguy hiểm là ở chỗ không thể không phạm sai lầm, là sự mất khả năng đối phó với những sai sót, với những điều bất ngờ và ngẫu nhiên - nói một cách chính xác là những hiện tượng gia tăng của cái mà Clausewitz gọi là "sương mù của chiến tranh".

Tất cả những ý kiến bị quan trên đây đã khiến cho các nhà khoa học vì tính phản đối việc robot hóa hoàn toàn nền quân sự. Thế nhưng thực tế ít đen tối hơn. Gần như có vô số khả năng kết hợp - đó là các hệ thống kết hợp việc điều khiển từ xa với các cấp độ tự chủ khác nhau. Và có lẽ những hệ thống này sẽ gia tăng nhiều nhất ở đầu thế kỷ XXI. Robot, giống như vệ tinh nhân tạo và tên lửa hay cuộc chiến tranh riêng rẽ công nghệ cao, sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc làm xuất hiện hình thái chiến tranh của nền văn minh Làn sóng Thứ ba, cho dù chúng ta có sẵn sàng đón nhận chúng hay không.

Bị đẩy tới mức tột cùng, cuộc tranh luận về vũ khí tự chủ đã đưa chúng ta đi quá xa. Giả sử công việc độc lập của ngành robot

học quân sự mà hội tụ với việc nghiên cứu trong lĩnh vực sinh học và tiến hóa vi tính, thì tất cả những chuyện cá cược đương thời đều bị gạt bỏ. Trong Nhóm các hệ thống phức hợp T.13 của Phòng thí nghiệm quốc gia Los Alamos, các nhà nghiên cứu đang nghiên cứu các hệ thống nhân tạo có khả năng bắt chước các cơ thể sống, phát triển tự nhiên và có khả năng xử sự độc lập. Các nhà khoa học trong lĩnh vực này luôn luôn lo lắng về vấn đề đạo lý và sự lôi kéo lĩnh vực này vào mục đích quân sự. Doyne Farmer, một nhà vật lý của Los Alamos, người đã tách ra để tự thành lập hãng riêng của mình, đã tóm tắt trong một bài viết cùng với Alletta D'A. Belin rằng "một khi các máy móc chiến tranh có khả năng tự tái sinh được chế tạo, thì ngay cả khi chúng ta muốn thay đổi ý định, thì chúng ta cũng không thể tháo dỡ được chúng nữa rồi - chúng có thể hoàn toàn thoát khỏi sự kiểm soát của chúng ta".

Trong chương sau, chúng ta sẽ gặp một số "máy móc chiến tranh tự tái sinh". Nhưng trước khi những máy móc này trở thành phổ biến, cần có một câu hỏi: "Làm thế nào, và tới một mức độ nào để trí tưởng tượng và óc thông minh của con người dành cho ngành robot sẽ được áp dụng cho hoà bình cũng như cho chiến tranh? Liệu ngành robot học có thể giúp ích nhiều cho công cuộc chống chiến tranh Làn sóng Thứ ba chẳng kém gì cho cuộc chiến tranh Làn sóng Thứ ba không?"

NHỮNG GIÁC MƠ CỦA DA VINCI

Rất lâu trước khi Leonardo da Vinci bắt đầu đùa giỡn với ý tưởng về máy bay và với những tiên đoán về xe tăng, rốc két, tên lửa, thì những bộ óc sáng tạo đã nghĩ đến những thứ vũ khí cho tương lai.

Ngày nay, bất chấp những cắt giảm chi phí quân sự ở nhiều nước (mặc dù không phải là ở tất cả các nước), óc sáng tạo quân sự vẫn đang miệt mài làm việc. Nếu chúng ta hỏi những nhà quân sự chín chắn xem quân đội của họ cần đến những gì trong những năm tới, thì họ sẽ rút ngay trong ngăn kéo bàn ra một bản danh sách loá mắt về những loại vũ khí mà họ mơ ước. Trong số chúng ít cái sẽ trở thành hiện thực. Nhưng có một số trong những loại vũ khí này sẽ trở thành hiện thực và đóng vai trò trong cuộc chiến tranh Làn sóng Thứ ba. Những gì mà đa số các quốc gia hiện nay cần đến là những thứ vũ khí thông minh hơn, bắt đầu từ những phần tử nhạy. Những người lập kế hoạch quân sự Mỹ vẫn thêm muốn có được những phần tử nhạy đời mới có khả năng phát hiện những vật thể cố định và di động ở cách xa từ 500 đến 1000 dặm. Những phần tử nhạy này sẽ được đặt trên máy bay, trên máy bay không người lái, hoặc trên tàu vũ trụ, nhưng quan trọng hơn là chúng sẽ chịu sự điều khiển phân quyền của những người chỉ huy chiến trường, và họ có thể di chuyển chúng theo ý mình và cũng như lấy các thông tin từ đó ra. Những phần tử nhạy này trong

tương lai sẽ thu thập các dữ liệu khác nhau, tổng hợp chúng và đối chiếu lại với nhiều loại cơ sở dữ liệu. Kết quả là việc báo động sẽ tốt hơn, mục tiêu được sàng lọc hơn và cải thiện mức độ thiệt hại. Các phần tử nhạy đang được ưu tiên hàng đầu.

Dưới mặt đất, lực lượng quân đội mong muốn thay thế những quả mìn thụ động bằng những trái mìn thông minh, linh hoạt mà không cần phải chờ xe tăng đối phương lăn qua. Thay vào đó, trái mìn mớ ước này có thể kiểm soát âm thanh tại khu vực xung quanh nó, đối chiếu âm thanh động cơ và tiếng rung động của mặt đất với danh sách các loại xe, phát hiện mục tiêu, sử dụng tia hồng ngoại để xác định vị trí mục tiêu và sau đó bắn hạ mục tiêu.

Quân đội Mỹ cũng đang nghiên cứu bộ "áo giáp thông minh" cho những chiếc xe tăng của họ. Khi có viên đạn tới gần, mạng lưới các phần tử nhạy bao quanh vỏ xe sẽ đo và xác định xem viên đạn thuộc loại nào, sau đó báo ngay thông tin về cho máy vi tính ở trên xe biết. Máy vi tính sẽ điều khiển cho các quả mìn nhỏ xíu ở bên ngoài vỏ xe nổ ra để làm chệch hướng hoặc phá huỷ viên đạn đang tới gần. Những chiếc xe thiết giáp như vậy có thể tránh được cả các đầu đạn động lực lẫn đầu đạn hoá học.

Các nhà hoạch định khác đang vẽ ra một chiến trường sử dụng hoàn toàn bằng điện, và như vậy sẽ công bố kết thúc thời kỳ thuộc súng đối với pháo binh. Có nghĩa là, điện lực sẽ giúp cho việc đẩy viên đạn đi, còn điện tử sẽ hướng viên đạn tới đích. Tất cả các loại xe đều chạy điện, có thể nạp lại nhờ các máy bay bay ở trên và tiếp năng lượng cho chúng.

BỘ ÁO GIÁP HOLLYWOOD

Mỗi cá nhân binh lính cũng phải được quan niệm lại. Theo Trung tướng Jerry Harrison, cựu trưởng phòng thí nghiệm nghiên cứu và phát triển của quân đội Mỹ, thì không nên coi binh lính

như "một thứ để anh khoác khẩu súng hoặc cái đai lên, mà phải xem họ như là một sinh hệ".

Người ta đã nghiên cứu một bộ áo giáp liên hợp để bảo vệ binh lính. Đây là bộ áo giáp có thể bảo vệ con người chống lại các vũ khí hạt nhân, hoá học và sinh học, và nó trang bị cho binh lính kính nhìn xuyên màn đêm và một bảng điều khiển. Nó cũng có cả một hệ thống ngắm bắn có thể theo dõi chuyển động của mắt người mà tự động hướng khẩu súng vào đúng nơi mà người lính đang nhìn vào.

Tất cả những khả năng này cùng với những khả năng khác tập hợp thành một bộ áo giáp hoàn toàn khác với bộ áo công dụng đặc biệt của Hollywood. Nó là một bộ áo giáp thông minh có vỏ bọc bằng xương, biết thực hiện các nhiệm vụ tập dượt của binh lính, vì thế binh lính có thể vừa đi dã ngoại 10 đến 12 dặm và vừa ngủ lơ mơ vừa làm nhiệm vụ..., nó làm tăng sức mạnh của những người mặc nó. Trung tướng Harrison nói: "Tôi muốn đặt một người đàn ông vào một bộ áo giáp xương nào đó mà có thể giúp anh ta nhảy lên những toà nhà cao bằng một bước nhảy duy nhất". Đây rõ ràng là một lời ám chỉ về một siêu nhân.

Tuy nhiên, những binh lính mặc bộ áo giáp thông minh này không phải là những nhân vật chân tay vạm vỡ còn đầu óc thì nhỏ bé như trong tranh châm biếm, mà là những con người thông minh có khả năng xem xét một số lượng thông tin vô cùng lớn, phân tích chúng và trên cơ sở đó hành động một cách tháo vát.

Điều mơ ước về việc mỗi binh lính là một siêu nhân đã được xem xét một cách nghiêm túc, và vì thế một nhóm nghiên cứu đã được thành lập để nghiên cứu điều mơ tưởng này tại Phòng Thí nghiệm cơ chế con người của quân đội Mỹ tại Aberdeen, Maryland.

Theo Trung tướng William Forster, chủ nhiệm ban quân nhu ở Lầu Năm Góc, thì mục đích cuối cùng của công việc nghiên

cứ bộ áo giáp bảo vệ binh lính là tăng cường hiệu quả của mỗi cá nhân và do đó có thể giảm bớt số lượng binh lính. Càng ít binh lính "da mềm" ở chiến trường thì tỷ lệ thương vong càng giảm bớt.

Dù có phải là chuyện khoa học viễn tưởng hay không, Forster nhận xét, thì "bộ áo giáp bảo vệ bằng xương vẫn đang được tranh luận rộng rãi, và ngay cả khi nó còn quá xa vời thì tất cả những điều này vẫn hoàn toàn nằm trong các quy luật vật lý mà mọi người đều biết. Để làm ra chúng, anh không cần thiết phải thay đổi các quy luật đó. Cái chính là phải thực hiện chúng một cách kinh tế và đáng tin cậy".

SỨC PHÁ HOẠI CỦA "BẦY KIẾN"

Cũng trong khuôn khổ những quy luật quen biết còn có một loạt khả năng phi thường. Ví dụ các máy móc cực nhỏ. Ngày nay những máy móc cực nhỏ mới đang được sáng chế - ví dụ : một động cơ điện dài chưa tới một milimét, nhưng theo Giáo sư Johannes G.Smits thì nó có thể điều khiển được một robot nhỏ bằng một con kiến.

"Hãy tưởng tượng xem bạn có thể làm gì với một con kiến nếu bạn điều khiển được nó", Smits - một kỹ sư điện ở Trường Đại học tổng hợp Boston - người có bằng sáng chế động cơ mới - nói. "Bạn có thể làm cho nó chui vào trụ sở CIA". Năng lượng để điều khiển robot nhỏ có thể được cung cấp từ một microphone nhỏ dùng để chuyển sóng âm thanh thành năng lượng.

Không cần phải tưởng tượng nhiều cũng có thể đánh giá được sức công phá của những con kiến robot có thể gây ra như thế nào cho trung tâm rada của đối phương, cho các động cơ máy bay hoặc cho một trung tâm vi tính.

Tuy nhiên, những chiếc máy cực nhỏ như vậy cũng vẫn còn quá lớn, quá khổng lồ so với những chiếc máy siêu nhỏ trong tương lai. Nếu những chiếc máy cực nhỏ vừa đủ để điều khiển

các tế bào cá thể, thì những chiếc máy siêu nhỏ còn có thể điều khiển được các phân tử tạo nên tế bào. Những robot siêu nhỏ có độ bé vừa đủ để hoạt động như những tàu ngầm trong mạch máu con người, và có lẽ cùng với những dụng cụ khác, được dùng để thực hiện phẫu thuật ở cấp phân tử.

Việc nghiên cứu công nghệ siêu nhỏ đang tiến triển ở Mỹ và ở Nhật, tại đó các nhà nghiên cứu Yotaro Hatamura và Hiroshi Miroshita đã chuẩn bị nghiên cứu về mối liên quan trực tiếp giữa "thế giới siêu nhỏ" với "thế giới con người". Theo khảo sát của 25 nhà khoa học đang nghiên cứu công nghệ siêu nhỏ thì trong vòng 10 đến 25 năm nữa, chúng ta không những có thể tạo ra các thiết bị ở phạm vi phân tử, mà còn làm cho chúng có khả năng tự tái sinh, có nghĩa là chúng ta có thể gây giống chúng.

Đến đây chúng ta đang tiếp cận với những "máy móc chiến tranh tự tái sinh" như đã nêu ở phần trước. Ví dụ, những phần tử nhạy thông minh mà chúng ta đã và đang nói đến từ trước tới giờ chính là sự mở rộng công nghệ đương thời trong thời gian sắp tới. Thế nhưng, như một nhà vật lý học của tập đoàn RAND nói, trải qua một thế hệ nữa kể từ nay, "chúng ta sẽ bắt đầu được chứng kiến những phần tử nhạy có thể chui sâu vào các hệ thống vi tính hoặc nằm lại đó trong 20 năm liền, ghi nhận thời gian trôi qua và sẵn sàng được khởi động từ xa. Chúng có thể chỉ nhỏ như một đầu kim dưới mặt đất".

Tiếp đến, hãy hình dung những phần tử nhạy và những trái mìn siêu thông minh có kích thước chỉ vài phần tỷ mét nhưng có thể, như đã đề cập ở những đoạn trước, tự tái sinh. Bây giờ, hãy vẽ ra một viễn cảnh mà trong đó, lực lượng cảnh sát toàn cầu cày những phần tử nhạy vào một quốc gia nghèo và đặt chương trình cho chúng tự tái sinh tới một số lượng nhất định ở các khu vực dễ có xung đột quân sự. Hầu như không bị phát hiện và không gây hại gì, các trái mìn có thể được vũ trang một cách có chọn lọc bằng xung năng lượng nhỏ từ bên ngoài. Tới mức đó, ông

Saddam Hussein sẽ được lệnh phải đóng cửa nhà máy vũ khí hoá học, nếu không các căn cứ quân sự của ông sẽ có thể bị làm nổ tung, trừ phi đối phương đặt lại chương trình cho các thử vũ khí đó. Nhưng khốn nỗi chúng sẽ từ chối không chịu ngừng sinh sản. Tất nhiên, tất cả những điều này mới chỉ là tưởng tượng. Thế nhưng, những chiếc máy bay của Leonardo cũng đã từng trải qua thời kỳ tưởng tượng như vậy khi ông thiết kế nó.

NHỮNG ĐẠI NẠN BỆNH DỊCH

Tuy nhiên, chúng ta không phải chờ tới lúc có công nghệ siêu nhỏ tự tái sinh mới phải đương đầu với những nỗi khủng khiếp mới. Từ lâu sự phổ biến của những kiến thức khoa học tiên tiến đã có nguy cơ biến các loại vũ khí hoá học và sinh học thành cái gọi là "quả bom nguyên tử của người nghèo".

Trong khi đa số các loại vũ khí hoá học và sinh học vẫn còn có thể vận hành mà không bị nguy hiểm, thì khó có thể ngăn cấm được những Pol Pot hay Saddam Hussein của thời tương lai. Thế giới đã bắt đầu lo lắng một cách có cơ sở về những chương trình vũ khí hoá học và sinh học của các nước như Libi, Ấn Độ, Pakixtan, Trung Quốc và Bắc Triều Tiên, đấy là chưa nói đến Irắc. Nhiều nước trong số đó có thể phải đương đầu với sự bất ổn định về kinh tế, chính trị trong những thập kỷ tới.

Tháng 1- 1993, sau một phần tư thế kỷ đàm phán, 120 quốc gia đã họp tại Paris để ký kết một hiệp định về vũ khí hoá học. Về mặt lý thuyết, hiệp định này cấm việc sản xuất và tàng trữ vũ khí hoá học. Một cơ quan tương xứng là Tổ chức cấm vũ khí hoá học (OPCW) đã được thành lập để kiểm soát việc thực hiện hiệp định. Các thanh tra viên của nó sẽ có quyền lực lớn hơn các thanh tra viên của Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế hiện nay. Nhưng 21 thành viên của Liên minh các nước Ả-rập đã từ chối không tham gia hiệp định cho đến khi Ixraen chịu tham gia. Irắc

không cử một người nào đến dự họp. Và phải qua nửa năm, sau khi được 65 quốc gia phê chuẩn thì hiệp định này mới thật sự có hiệu lực.

Ngay cả Nga, là nước đã tuyên thệ từ bỏ vũ khí hoá học, gần đây cũng đã bắt giam hai nhà khoa học là Vil Mirzayrov và Lev Fyodorov vì họ tiết lộ trên báo chí rằng có một loại vũ khí hoá học mới đang được chế tạo trong một phòng thí nghiệm tại Mátxcova sau khi Tổng thống Nga Yeltsin, tuyên bố ủng hộ thoả thuận với Mỹ về việc phá huỷ các chất độc đó.

Về nhiều phương diện, các tác nhân chiến tranh sinh học bị coi là những thứ tệ hại nhất trong các loại vũ khí huỷ diệt hàng loạt. Đến nay người ta đã biết rằng việc nghiên cứu vũ khí chiến tranh sinh học tấn công vẫn tiếp tục được tiến hành tại Liên Xô trong một thời gian dài sau khi nước này ký một hiệp ước vào năm 1972 đặt các loại vũ khí trên ra ngoài vòng pháp luật ; một thời gian dài sau khi Gorbachev phủ nhận có những hoạt động như vậy ; một thời gian dài sau khi Nhà nước Xô viết tan rã và được thay thế bằng nước Nga, và thậm chí là sau khi Yeltsin công khai ra lệnh chấm dứt nghiên cứu vũ khí vi trùng. Sự nghiên cứu này đã và có thể vẫn còn bao gồm việc tìm kiếm một "đại nạn bệnh dịch" di truyền có khả năng tiêu diệt nhanh chóng một nửa dân số của một thành phố nhỏ.

Trong một đất nước chia rẽ về chính trị và ở bên bờ vực của tình trạng vô chính phủ, ai là người quản lý những mầm bệnh mà chắc chắn là vẫn còn được giữ trong các phòng thí nghiệm của Liên bang Xô viết cũ? Và độ an toàn của chúng là như thế nào?

Vào năm 1976, người Liên Xô, chắc là nhận thức rõ sự khủng khiếp đang sinh trưởng trong các phòng thí nghiệm của chính họ, đã kêu gọi ngăn cấm các loại vũ khí khác lạ trên phạm vi quốc tế. Lúc đó họ đã cảnh cáo về khả năng khủng khiếp của loại vũ khí xác định chủng tộc được thiết kế nhằm gây thương vong tàn

sát chỉ các thành viên của những nhóm sắc tộc đã được chọn lựa - đó là thứ vũ khí diệt chủng tốt cùng dành cho cuộc chiến tranh sắc tộc. Năm 1992, Bo Rybeck - giám đốc Viện nghiên cứu quốc phòng Thụy Điển đã chỉ ra rằng một khi chúng ta có khả năng nhận biết sự biến đổi DNA trong các nhóm sắc tộc và chủng tộc khác nhau, thì chúng ta sẽ có khả năng xác định sự khác nhau giữa người da trắng, người da đen, người phương Tây, người Do Thái, người Thụy Điển, người Phần Lan, và có khả năng chế tạo một tác nhân để tiêu diệt chỉ một nhóm sắc tộc nào đó. Người ta có thể tưởng tượng rằng "những kẻ thanh trừng sắc tộc" của tương lai sẽ có khả năng sử dụng những công nghệ như vậy.

Sự cảnh cáo về vũ khí xác định chủng tộc trở nên cấp bách hơn do có các tiến bộ khoa học gần đây liên quan tới sáng kiến mới nghiên cứu về gen của loài người nhằm mục đích mở ra điều bí ẩn của DNA. Tiếp thêm một bước nữa, nó gợi ý sử dụng kỹ thuật sinh học hay còn gọi là kỹ thuật di truyền để biến đổi bản tính bình sĩ hoặc để tạo ra một loại á nhân chuyên chiến đấu. Tất nhiên, đây chỉ là chuyện huyền tưởng. Nhưng nó cũng không phải là nằm ngoài khả năng của khoa học.

Tiếp đến là vũ khí sinh thái. Khi Saddam Hussein đốt các giếng dầu của Cô oét, thì ông ta chỉ làm những gì mà người La Mã đã làm - theo một số tài liệu - khi họ bỏ muối vào các cánh đồng của xứ Carthago, và những gì mà người Nga đã làm đối với các cánh đồng của chính họ trong Chiến tranh thế giới thứ hai khi họ theo đuổi chính sách "tiêu thổ" để từ chối cung cấp lương thực cho bọn Quốc xã, cũng như những gì Mỹ đã làm khi sử dụng chất làm rụng lá (chất độc màu da cam) ở Việt Nam. Những hành động trên chỉ là những hành động thô sơ so với một số khả năng có thể hoặc đã tưởng tượng được của loại vũ khí sinh thái tinh vi. Ví dụ như : tạo ra động đất hoặc núi lửa ở một khoảng cách nào đó bằng cách phát ra một sóng điện từ nhất định ; làm lệch hướng gió; đưa ra một vật chủ trung gian chứa đựng các loài côn trùng

đã bị thay đổi gen để phá hoại mùa màng; sử dụng tia laze để cắt một lỗ thủng theo kích thước định sẵn ở tầng ôdôn trên vùng đất của kẻ thù ; thậm chí cả việc thay đổi thời tiết.

Ngay từ năm 1977, Lester Brown, thuộc Viện quan sát thế giới, một cơ quan tư vấn chủ chốt về môi trường ở thủ đô Washington, đã chỉ ra rằng "những mưu toan cố ý nhằm làm thay đổi khí hậu đang ngày càng trở nên phổ biến", chúng làm nảy sinh nguy cơ về "cuộc chiến tranh khí tượng, bởi lẽ những nước bị sức ép nặng nề của việc mở rộng cung ứng lương thực đang bắt đầu đấu tranh giành lượng mưa sẵn có". Cho đến nay, việc tạo ra dù chỉ là những thay đổi thời tiết trong phạm vi hẹp vẫn là điều cực kỳ khó khăn. Nhưng điều đó vẫn không làm chấm dứt việc nghiên cứu sự thay đổi thời tiết trong phạm vi rộng lớn. Những cuộc tranh luận về sự nóng lên của trái đất đang gợi ra những hình ảnh kinh hoàng về mực nước biển trên thế giới tăng lên khi khối lượng băng tan ra...

Thoả thuận quốc tế cấm "sử dụng các kỹ thuật thay đổi môi trường về mặt quân sự hoặc nhằm mục đích thù địch khác mà có hậu quả lan rộng, lâu dài hoặc nghiêm trọng". Thế nhưng chẳng thể nào dám chắc rằng Saddam Hussein đã thức khuya để đọc điều khoản này của Hội nghị giải trừ quân bị Gionevơ vào cái đêm trước ngày ông ta đổ dầu vào vịnh Ba Tư, hay khi ông ta làm đen kịt bầu trời Côoét bằng những đám mây khói dầu.

Các công nghệ có tính cách mạng trong tương lai, nếu không được lường trước hoặc được hướng dẫn, sẽ mở ra nguy cơ mới cho việc tàn phá hành tinh này.

Một hình thái chiến tranh mới thuộc Làn sóng Thứ ba đang xuất hiện. Liệu có người nào còn suy nghĩ một cách nghiêm túc rằng những phương pháp chống chiến tranh của ngày hôm qua là vẫn còn thích hợp không?

Năm 1975, trong cuộc hội đàm về tương lai của Liên hợp quốc trước Ủy ban quan hệ đối ngoại của Thượng Nghị viện Mỹ, cố tác giả và là người vận động chống vũ khí nguyên tử - Norman Cusins - đã được hỏi rằng cần phải làm những gì để ngăn chặn sự gia tăng vũ khí nguyên tử? Gần như tuyệt vọng, ông nói thế giới lẽ ra phải nghĩ tới điều đó từ 30 năm trước.

Khi đến lượt chúng tôi phải bày tỏ ý kiến, chúng tôi đã gợi ý với các thượng nghị sĩ rằng họ và toàn thế giới nên bắt đầu lo về những thứ vũ khí của 30 năm nữa kể từ bây giờ. Ngày nay, sự thật vẫn đúng như vậy. Cận thị và thiếu óc tưởng tượng là những căn bệnh có thể làm hại cả các chiến binh lẫn những người phản chiến.

PHẢI CHĂNG CÓ LOẠI CHIẾN TRANH KHÔNG ĐÓ MÁU ?

Mấy chục năm sau khi những cái gọi là vũ khí "thông minh" được sử dụng lần đầu tiên, và một thời gian dài sau khi tướng Morelli bắt đầu giải thích cho chúng tôi về tầm quan trọng của các loại vũ khí này, thì các phương tiện thông tin đại chúng trên thế giới mới khám phá ra chúng. Tuy nhiên, các phương tiện thông tin đại chúng còn chưa phát hiện ra một loại vũ khí hoàn toàn mới mà nó có thể, vào đúng thời điểm, sẽ giữ một tầm quan trọng lớn hơn nhiều, đó là loại vũ khí được thiết kế để duy trì sự sống cho con người.

Chúng ta đang ở vào thời điểm lịch sử - cú cho là nửa cuối của thế kỷ - khi mà sự gia tăng đến mức tối đa khả năng gây chết người đã tiến tới giới hạn tột cùng của nó : đó là thời điểm mà vũ khí nguyên tử có thể, ít nhất là về mặt lý thuyết, đe dọa chính sự tồn tại của hành tinh, khi mà nỗ lực tăng thêm khả năng sát thương cho một loại vũ khí huỷ diệt hàng loạt đã làm tiêu tan chính loại vũ khí này, khi mà cả hai siêu cường nguyên tử đã thực sự kết luận rằng vũ khí chiến lược của họ có thể là quá nguy hiểm tới tính mạng con người. Trên thực tế, đây là thời điểm của sự phủ định biện chứng, khi mà lịch sử bắt đầu tự đảo ngược.

Hiện nay, một cuộc chạy đua vũ trang mới sắp xuất hiện trên hành tinh - đó là nỗ lực tìm kiếm các loại vũ khí mà có thể giảm

đến mức tối thiểu, thay vì tăng đến mức tối đa, khả năng sát thương. Nếu điều đó trở thành hiện thực, thế giới phải chịu ơn một cặp vợ chồng với tư cách là một nhóm công tác khác thường đã thầm lặng làm việc cật lực không nghỉ trong nhiều năm trời để làm cho chiến tranh bớt gây đổ máu.

Tháng 5-1993, Trưởng công tố Hoa Kỳ Janet Reno đã xuất hiện trước Nghị viện Mỹ để tường trình vai trò của FBI trong việc triệt hạ một giáo phái ở Waco, Texas. Đám cháy bao trùm giới địa giáo phái David đã cướp đi 72 mạng sống và gây ra sự buộc tội lẫn nhau giữa các phe phái. Reno đã nói với các thành viên của Nghị viện rằng, trong các cuộc tranh cãi để dẫn đến cuộc tấn công của FBI, bà đã ước ao có một loại vũ khí "thần diệu" không gây chết người để có thể bảo vệ tính mạng, đặc biệt là của trẻ em, đang bị giáo phái này bắt giữ.

Một ngày nào đó, một phần nhờ công lao của Janet Morris và của chồng bà, ông Chris, mà chúng ta sẽ có được loại vũ khí đó.

Là những người có đầu óc và nói năng cứng cỏi, nhưng Janet và Chris Morris không phải là các chuyên gia về hoạch định chính sách. Họ tập trung nghiên cứu vào các vấn đề quân sự. Họ bắt đầu công việc mà không một chút ảo tưởng về đạo đức hoặc về sự đáng tin cậy của các quốc gia dân tộc. Chúng ta sẽ không tìm thấy họ trong số những người biểu tình hoà bình mang các biểu ngữ lên án chiến tranh. Thay vì vậy, cho đến gần đây, người ta có thể thấy họ ở tầng hầm của Lầu Năm Góc hoặc trong các cơ quan của Hội đồng chiến lược toàn cầu của Hoa Kỳ tại Washington. Hội đồng này là một tổ chức tư nhân do Ray Cline đứng đầu. Cline là một người đàn ông râu tóc hoa râm, trước đây từng là phó giám đốc CIA. Trong lần xuất hiện vào năm 1950, Cline đã có những đóng góp vào Bản ghi nhớ 68 nổi tiếng của Hội đồng an ninh quốc gia. Bản ghi nhớ này lần đầu tiên đã giải

thích rõ chính sách ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản Xô viết như là đường lối chính thức của Mỹ.

Khi Janet Morris và chồng bà quyết định cống hiến đời mình cho việc tránh đổ máu trong các cuộc chiến đấu, họ đã tới gặp Cline, một người bạn của gia đình họ. Ông ta đã đưa họ vào Hội đồng này và giúp họ tổ chức một nhóm các cố vấn cứng rắn gồm cả trung tướng Christopher Adams, cựu chỉ huy Bộ tư lệnh không quân chiến lược, tướng Edward Meyer, cựu Tổng tham mưu trưởng quân đội, và nhà khoa học Lowell Wood làm việc ở Phòng thí nghiệm quốc gia Lawrence Livermore. Với sự trợ giúp của tiền bạc và trí tuệ ấy, vợ chồng Morris bắt đầu làm việc. Họ đã trở thành, ít nhất là một thời, những nhà biện hộ nhiệt tình nhất cho loại vũ khí không gây chết người.

Janet Morris là một phụ nữ khoảng 47 tuổi, sôi nổi, nhiệt tình với mái tóc xám buông ngang lưng. Vào một ngày hè nóng bức, khi chúng tôi gặp nhau, bà đi một đôi ủng đen, mặc quần xám, áo khoác len sọc vuông và đeo kính phi công. Sốt ruột vì cuộc mạn đàm ngăn ngừi, bà nghĩ và nói nhanh như điện. Còn Chris, một tin đồ giáo phái Quaker, trước đây đã từng là một nhạc sĩ và đã tìm ra cho mình con đường đến với máy điện toán. Với giọng nói nhẹ nhàng và cái đầu hơi hói, giờ đây ông để tóc theo kiểu đuôi ngựa hợp thời trang. Đôi vợ chồng này hợp thành một cặp tri thức hoàn hảo.

Phản ánh bước chuyển khỏi lý thuyết hủy diệt hàng loạt, các nhà quân sự ngày nay thích nhắc lại câu nói nổi tiếng của Tôn Tử : "Trăm trận trăm thắng không phải là tột đỉnh của kỹ năng. Chinh phục kẻ thù mà không phải chiến đấu mới là tột đỉnh của kỹ năng". Janet và Chris Morris đã nâng tư tưởng sáng suốt này lên một cấp độ mới của lý luận chiến lược.

Nói tóm lại, họ tranh luận rằng phần lớn các công nghệ mới đang có hoặc sắp có đều có thể được sử dụng để đánh bại kẻ thù

- không chỉ riêng một giáo phái tự sát- với sự đổ máu ở mức thấp nhất. Tuy nhiên, những công nghệ không gây chết người này đang còn nằm rải rác, chưa được hợp nhất và vẫn ở ngoài hệ thống quân sự, nơi có truyền thống nhấn mạnh đến việc tiêu diệt sinh mạng kẻ thù. Họ tin rằng điều cần thiết là phải quan niệm lại đầy đủ về chiến tranh và cả chính sách ngoại giao. Nhiệm vụ của họ là phát triển một chiến lược và một học thuyết về chiến tranh không gây chết người.

Họ định nghĩa những công nghệ không gây chết người là những công nghệ "có thể dự đoán, phát hiện, loại trừ hoặc phủ định việc sử dụng các phương tiện sát thương, nhằm giảm đến mức thấp nhất việc giết người".

Vợ chồng Morris bắt đầu bằng việc lập một bản danh sách dài các công nghệ dùng cho quân sự mà tính năng của chúng không gây nguy hiểm đến tính mạng con người. Để được đưa vào danh sách này, một công nghệ phải là "không tổn kém", bảo toàn được tính mạng con người và không gây nguy hại tới môi trường". Mục đích chủ yếu của nó không phải là "cuộc đi sinh mạng con người".

Chi phí cho các công nghệ đó phải ở mức hợp lý, không được quá đắt. Họ quả quyết rằng, danh sách của họ loại trừ "những dự án nghiên cứu yêu cầu có số vốn đầu tư 800.000.000 đôla Mỹ, những dự án đòi hỏi phải tiến hành trong 20 năm và suốt cả đời mình, nhà nghiên cứu chưa chắc đã hoàn thành được chúng".

Trong lúc một số người cho rằng vợ chồng Morris quá lạc quan thì vợ chồng Morris vẫn khẳng định là trong vòng 5 năm nữa loài người sẽ có được một kho lớn chứa các vũ khí không sát thương. Các báo cáo của họ tới Hội đồng chiến lược toàn cầu nêu rõ rằng những công nghệ trong danh sách nói trên là đã có sẵn, đã hoàn thiện hoặc chỉ cần không đến 5 năm để phát triển.

Cuối cùng, họ cũng loại khỏi danh sách đó các loại vũ khí hoá học, sinh học và những loại khác đã bị luật pháp, hiệp ước hoặc công ước quốc tế ngăn cấm.

NHỮNG PHÒNG THÍ NGHIỆM TUYỆT MẬT

Vợ chồng Morris công khai nghi ngờ một vài công việc đã được tiến hành trong các phòng thí nghiệm tuyệt mật của quân đội núp dưới chiêu bài "không đe dọa tính mạng con người" nhưng chúng có thể tạo nên những gì mà Janet Morris gọi là "bản sao bị xuyên tạc của loại vũ khí không giết người ... những chuyện tầm thường mê hoặc giống như loại vũ khí 2 giai đoạn, với một giai đoạn chỉ tạo ra một phòng chật ních người ốm, nhưng giai đoạn thứ hai sẽ giết tất cả những người đã bị tác động của giai đoạn một". Chúng ta đặc biệt "cần phải canh chừng các chất sinh học và hóa học đặc biệt" - bà nói. Vũ khí không giết người phải đúng là không giết người.

Vợ chồng Morris không quan niệm mập mờ về tất cả mọi việc. "Chiến tranh" - họ viết - "không bao giờ là thứ có nhân tính, là thứ trong sạch hoặc dễ chịu. Chiến tranh luôn luôn là khủng khiếp". Tuy nhiên, họ viết tiếp: "Một quyền lực thế giới xứng đáng với danh tiếng của nó về hành động nhân đạo cần phải mở đường cho các nguyên tắc về việc tự vệ không gây chết người... Công nghệ hiện nay cho phép chúng ta chọn lựa việc chặn đứng cuộc xâm lược mà vẫn không gây nguy hại đến tính mạng kẻ thù". Họ nói với những nhà hoạch định chính sách của Mỹ rằng, "chúng ta phải đứng đầu trong số các quốc gia khai triển khả năng này".

Vì những ẩn ý sâu sắc của loại vũ khí không giết người mà người ta không mấy ngạc nhiên khi thấy quan điểm trong quân đội không nhất trí. Cựu tổng tham mưu trưởng Edward Meyer, một thành viên của nhóm Hội đồng chiến lược toàn cầu, nói rằng: "Trong quân đội có một nhóm ủng hộ mạnh mẽ loại vũ khí

không sát thương và một nhóm cực lực phản đối nó". Theo một số người, chiến tranh được xác định là sự giết chóc và vũ khí không giết người là một thứ kém phần mạnh mẽ.

Nhưng nhận thức tội lỗi đó là tàn dư của các kiểu chiến tranh trong quá khứ, nó không đồng bộ với loại công nghệ và đạo đức đang xuất hiện, mà những điều này lại là nòng cốt cho kiểu chiến tranh Làn sóng Thứ ba. Tinh thần mới đó được minh chứng trong lời phát biểu của Perry Smith, nhà bình luận quân sự của đài truyền hình CNN trong cuộc Chiến tranh Vùng Vịnh, người đã từng là phó chỉ huy chương trình tầm xa của lực lượng không quân Mỹ. Smith nói: "Các nhà lập kế hoạch quân sự phải nhìn xa hơn việc sử dụng bom và tên lửa để tấn công chính xác mục tiêu. Công nghệ có thể sớm cho phép phá huỷ những phần chủ chốt của một mục tiêu quân sự mà không cần phải tiêu diệt binh lính hoặc phá huỷ hoàn toàn mục tiêu đó. Nếu một xe tăng địch có thể bị làm cho mất tác dụng bằng cách không cho động cơ khởi động hoặc phá huỷ máy bơm tự động của nó, thì việc tiến hành chiến tranh thông qua các phương tiện không gây chết người là điều có thể làm được".

Ý kiến trên của Smith đã được lặp lại bởi đại tá John Warden - người mà lý thuyết về sức mạnh không lực của ông ta đã tác động lớn tới chiến lược của Mỹ ở Iraq. Warden đã xem cuộc xung đột Vịnh Pécxích như là một bước ngoặt lịch sử. Ông nói, nó đã đánh dấu một chuyển biến cơ bản từ "khái niệm chém giết cũ tới giai đoạn chuyển tiếp, khi mà chúng ta có thể làm công việc đó hiệu quả hơn nhiều nhưng phi tổn về tính mạng con người, về môi trường và cả về ngân sách ở mức thấp hơn nhiều".

Một năm sau khi cuộc chiến tranh Vùng Vịnh kết thúc, Bộ Quốc phòng Mỹ chính thức tán thành ý kiến phát triển công nghệ và học thuyết về chiến tranh không giết người một cách có hệ thống - đôi khi nó còn được gọi là "giết nhẹ nhàng". Khi mới quan

tâm tăng lên, Học viện chiến tranh hải quân của Mỹ đã tiến hành ít nhất là hai cuộc tập trận chính thức liên quan tới các xung đột không gây chết người. Mĩa mai thay, phong trào tự phát gần đây ở Mỹ đòi cắt giảm chi phí quân sự đã tạm thời làm gián đoạn sự khởi đầu đó, nhưng việc cắt giảm ngân sách sẽ khuyến khích tìm kiếm các hình thức chiến đấu rẻ hơn, có chọn lọc hơn và ít nguy hiểm đến tính mạng con người hơn.

BỨC TƯỜNG VÔ HÌNH

Để đánh giá khả năng của vũ khí không giết người, một khi nó được phát triển có hệ thống, chúng ta cần tưởng tượng một vài tình huống mà trong đó loại vũ khí này có thể được triển khai. Ví dụ chúng ta có thể tưởng tượng một cuộc tấn công vào các đại sứ quán phương Tây của một nhóm những người Hồi giáo cực đoan quá khích tại Khartoum, thủ đô của Xudăng. Đám đông cướp phá một loạt các đại sứ quán, nhưng thật kỳ quặc, mặc dù đã thề "cho nước Mỹ chết", nhưng chính bản thân Đại sứ quán Mỹ lại không bị xâm phạm và không một người Mỹ nào bị bắt giữ làm con tin.

Khi hàng ngàn tên phá rối tiến đến khu vực của Mỹ có tường bao, thì những tên đi đầu ngã xuống đất miệng nôn chôn thào. Hàng trăm tên chống đối bị co gập người lại và mất phương hướng. Không một kẻ nào trong đám phá rối tiến được gần tới bức tường đó.

Khi số người bị suy yếu vì ỉa chảy và nôn mửa tăng lên, đám đông tan vỡ và chệch choạc, một số người gào khóc rằng Thánh Allah đang trừng phạt họ.

Một người phát ngôn của Đại sứ quán Mỹ ở Khartoum gọi cuộc tấn công vào các đại sứ quán là "một tội ác man rợ chống lại cộng đồng quốc tế". Ông ta từ chối trả lời câu hỏi : có hay

không việc Bộ Ngoại giao Mỹ gần đây đã lắp đặt một "vũ khí bí mật" mới để bảo vệ các đại sứ quán của nó ở nước ngoài?

Tuy nhiên, người ta đã biết rằng các máy siêu âm tiên tiến được thiết kế để điều khiển đám đông đã được Pháp và các quốc gia khác thử nghiệm. Các thiết bị này phát ra sóng âm thanh có tần số rất thấp, có thể được điều chỉnh để làm con người mất phương hướng, buồn nôn và mất khả năng điều khiển cơ ruột. Những tác động đó chỉ là tạm thời, chúng sẽ chấm dứt khi tắt máy phát. Điều này được biết là không gây hậu quả lâu dài.

Hiện nay, các tài xế người Mỹ có thể lắp một thiết bị nhỏ vào xe của họ để ngăn hươu nai chạy trước bánh xe. Thiết bị ngăn cản bằng siêu âm có cùng nguyên lý hoạt động như thiết bị bảo vệ hươu nai nói trên, và việc mở rộng những công nghệ như vậy còn gây ấn tượng sâu sắc hơn nhiều.

Ví dụ : Đội quân đặc nhiệm nhảy dù hoặc đổ bộ bằng máy bay lên thẳng có thể tấn công trực tiếp vào đám người giữ con tin mà không lo ngại hoặc không làm hại bất cứ ai. Janet Morris nói : "Chúng tôi nghĩ rằng chúng tôi đã xác định được một số biện pháp trả đũa thú vị có thể cho phép binh sĩ mở một trận địa, thâm nhập trận địa đó mà không gây nguy hiểm, kéo một thủ phạm đã bị bắt lực hoặc một con tin ra khỏi đám người trên rồi rút lui".

Vợ chồng Morris nói rằng một điều có thể tưởng tượng được là các thiết bị bảo vệ sẽ được lắp đặt vào cấu trúc vật liệu của một đại sứ quán, biến toàn bộ toà nhà thành một loại máy biến năng có thể điều chỉnh để phát ra các tấm chắn bảo vệ bằng điện khi cần thiết. Trong một thế giới mà các hoạt động thù địch về lãnh thổ, về sắc tộc và về tôn giáo đang diễn ra ác liệt, trong đó những loại vũ khí giết người có thể gây tác dụng ngược lại, tức là làm tăng thêm lòng căm thù và bạo lực thay vì dập tắt chúng, thì loại vũ khí không gây chết người có khả năng tranh thủ được sự

chấp nhận nó nhiều hơn. Không ai có thể dám chắc điều này. Nhưng đương đầu với một vấn đề phức tạp như ở Waco trong tương lai, ít nhất chúng ta cũng tưởng tượng được rằng FBI sẽ có thể lắp đặt một máy phát sóng âm gây mất khả năng hoạt động xung quanh giới địa của hội cuồng tin và ngăn ngừa họ tự hy sinh tính mạng.

Morris dẫn ra cuộc tàn sát Temple Mount ở Jerusalem năm 1990 như một ví dụ của sự chém giết có thể tránh được nếu có máy phát siêu âm để phá đám đông người Palesten đang ném đá, dây xích, chùy sắt vào những người Ixraen ở gần Wailing Wall. Morris nói : "Nếu họ bị nồn mưa, tháo dạ hoặc nhúc đầu thì vẫn tốt hơn có người bị giết". Vì không có những công nghệ như vậy nên 21 người đã chết. Những ví dụ tương tự có thể còn nhiều nữa, từ Quảng trường Thiên An Môn đến Timor.

Nhắc lại ý kiến này, William J.Taylor, thuộc Trung tâm nghiên cứu quốc tế và chiến lược tại thủ đô Washington, đã chỉ ra vụ xung đột ở Bancang và ở Xômalì như là một ví dụ hoàn chỉnh về nhu cầu cấp bách phải phát triển vũ khí không gây chết người. Ông viết : "Hãy thử tưởng tượng điều đó sẽ có ý nghĩa như thế nào nếu cộng đồng thế giới có thể chia cắt và tước vũ khí... các phe phái tham chiến thay vì giết họ. Hãy thử tưởng tượng ý nghĩa của điều đó nếu lực lượng gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc có được sự chọn lựa khác ngoài việc sử dụng đạn cao su và hơi cay". Ở Waco, ông lưu ý, Chính phủ Mỹ đã sử dụng "công nghệ lạc hậu từ năm 1928 và kết quả là một cảnh tượng rừng rợn của sự trừng phạt".

NHỮNG ÔNG TRÙM MA TUÝ LƠ MƠ

Hãy tưởng tượng có một vụ đột kích vào nhà của một tên cầm đầu nhóm buôn lậu hêrôin người Cuốc làm nhiệm vụ chuyển ma tuý từ thung lũng Bekaa ở Libăng qua Thổ Nhĩ Kỳ tới Bungari

để cung cấp cho người châu Âu. Khi được mật báo, một đội đặc nhiệm được đào tạo và trang bị đầy đủ của quân đội Thổ Nhĩ Kỳ có thể sử dụng súng lade để gây mù tạm thời những tên lính gác, sau đó phun chất "gây tê" vào khu trại và phòng ngủ, rồi vây bắt những tên trùm ma túy và đồng đảng của chúng đang lao đảo.

Súng lade không phải là viễn tưởng. Chúng có thể phá huỷ các thiết bị hồng ngoại và quang học của kẻ địch. Đối với con người, chúng có thể gây mù tạm thời. Chúng cũng có thể gây nguy hiểm lâu dài, tùy thuộc vào cường độ sử dụng và vào việc người bị tấn công có sử dụng thiết bị quang học như kính nhìn xuyên đêm có khả năng khuếch đại ánh sáng hay không. Theo Leonard H. Perroots, một giám đốc đã nghỉ hưu của Cơ quan Tình báo quốc phòng Hoa Kỳ, thì "những thiết bị này đã được rao bán rộng rãi cho các lực lượng quân sự trên khắp thế giới. Hàng mười ngàn chiếc đang lưu thông trên thị trường. Một số chiếc đã được quân đội Xô viết sử dụng ở Ápganixtan chống quân du kích Hồi giáo đã tham gia vào cuộc thánh chiến Hồi giáo.

Tương tự, chất gây buồn ngủ không chỉ gặp ở trong các phim về James Bond. Hội đồng chiến lược toàn cầu khi liệt kê các công nghệ không gây chết người đã coi chất "gây tê" là một loại công nghệ. Hội đồng giải thích rằng "khi chúng ta phải làm mất khả năng hoạt động của con người cũng như của thiết bị, chất "làm dịu" hoặc gây ngủ trộn lẫn với DMSO (chất này nhanh chóng truyền các hoá chất qua da vào mạch máu) có thể hạn chế bạo lực và giảm thương vong ở những nơi không được trang bị các loại thiết bị hoàn chỉnh (như thiết bị nguyên tử, sinh học, hoá học). Trong hoạt động chống khủng bố, chống bạo loạn, ngăn chặn bạo lực sắc tộc và các hoạt động phá rối hoặc thậm chí cả trong việc cứu con tin, chất "gây tê" đưa ra một chiến thuật bị đánh giá thấp mà hiệu quả của nó chỉ phụ thuộc vào sự chính xác hiện đại và vào hệ thống phân phối của khu vực.

Cho đến nay, tất cả các công nghệ không giết người đã được mô tả đều nhằm vào con người. Nhưng còn các công nghệ không sát thương khác lại nhằm vào phần cứng và phần mềm của kẻ địch. Không quan trọng việc có bao nhiêu xe tăng, máy bay hoặc hệ thống radar tốt như thế nào nếu chúng không được sử dụng đúng lúc, đúng chỗ. Trên thực tế, kẻ nào càng có nhiều và chi phí nhiều vào phương tiện chiến đấu thì kẻ đó càng yếu hơn nếu các phương tiện đó không được sử dụng đúng phận sự của chúng dù chỉ là tạm thời. Vì vậy, một khái niệm then chốt trong lý thuyết về vũ khí không sát thương là "sự xoá bỏ dịch vụ".

Ví dụ, khái niệm về "chống ma sát". Theo một tài liệu của Hội đồng chiến lược toàn cầu, thì "Chống ma sát là làm cho bề mặt dễ trơn trượt. Sử dụng máy bay hoặc sức người, chúng ta có thể phun Teflon - loại chất bôi trơn trung tính không gây hại tới môi trường - lên đường ray xe lửa, lên chỗ dốc đứng, dốc thoải, đường băng, thậm chí cả bậc thang và thiết bị nhằm ngăn không cho sử dụng chúng trong một thời hạn đáng kể. Hơn nữa, chất này cũng có khả năng cố định các đồ vật để chúng không thể chuyển động. "Chất dán dính tổng hợp, được cung cấp bằng đường không hoặc đường bộ một cách có chọn lọc, có thể dán dính thiết bị tại chỗ và ngăn không cho nó hoạt động".

Các máy móc có thể bị cản trở hoặc ngừng hoạt động. Vì vậy, xe tăng, xe bọc thép và xe tải có thể bị tê liệt bởi các loại đạn đặc biệt sẽ tạm thời "làm biến thiên nhiên liệu hoặc thay đổi độ nhớt của nó để làm xuống cấp chức năng của động cơ". Các vũ khí năng lượng đã được định hướng có thể làm thay đổi cấu tạo phân tử của các mục tiêu của nó, nhằm giữ máy bay ở lại mặt đất.

Tiếp đến là loại "chất lỏng làm giòn kim loại". Có thể tiến hành một loại chiến tranh "graffito" bằng cách sử dụng bút dạ hoặc bình phun để quét hoá chất không màu lên những bộ phận quan trọng của cấu trúc kim loại như trụ cầu, thiết bị sân bay,

thang máy hoặc vũ khí. Chất lỏng này làm cho các thiết bị trở lên giòn, dễ vỡ và vì thế không thể sử dụng được.

Sau này, chúng ta sẽ nhận thấy rằng khái niệm "xoá bỏ dịch vụ" thông qua các phương tiện không gây chết người có một tiềm năng rộng lớn hơn so với sự gợi ý của những công nghệ được nêu trong bản danh sách ngắn trên đây. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, bản danh sách này là đủ để công nhận tầm quan trọng ngày càng tăng của loại vũ khí không gây chết người nói chung. Tất nhiên, vẫn còn nhiều nguyên nhân để người ta tranh luận gay gắt về chi phí và tính khả thi kỹ thuật cho loại vũ khí này. Nhưng không còn có thể phủ nhận một sự thực rằng các công nghệ mới của Làn sóng Thứ ba có thể được thiết kế để giảm tới mức thấp nhất số thương vong ở tất cả các bên tham chiến. Chúng ta có thể không tránh khỏi chiến tranh trong tương lai, nhưng sẽ có khả năng hạn chế đổ máu trong chiến tranh.

Ngay cả Chris và Janet Morris cũng không tin rằng chiến tranh có thể được tiến hành mà hoàn toàn không gây đổ máu. Trong mọi cuộc xung đột vũ trang, nhất định sẽ có người bị thương. Như bà đã diễn tả nó : "Các bạn sẽ có những thương vong bất ngờ, ngẫu nhiên vì các bạn có thể sẽ đánh rơi bất cứ vật gì đủ nặng lên đầu ai đó. Chúng tôi không bảo đảm có một môi trường không đổ máu".

Vũ khí không gây chết người cũng sẽ không thay thế được vũ khí giết người trong tương lai gần. "Chúng tôi không ám chỉ các đơn vị không giết người, các đội đặc công cảm tử, hoặc bất cứ cái gì khác thuộc loại này. Vào lúc này, đó không phải là sự thay thế... cho lực lượng quân đội chính qui khi mà tính mạng những người lính của chúng ta luôn bị đe dọa". Mặc dầu vậy, chính phạm vi hoạt động của những công nghệ mới hiện có - từ vi rút máy tính tới chất "gây tê" - cũng có thể để chúng ta xếp chúng vào một hệ thống có khả năng tăng mạnh hiệu quả của chúng và giảm độ tin cậy vào vũ khí giết người.

Dần dần, khả năng của vũ khí không gây chết người thâm nhập vào tư tưởng có tính học thuyết. Nhưng phải có một cố gắng lâu dài để đánh bại các quan điểm đã trở thành cố hữu. Vào tháng 9-1992, sau một năm tranh luận nội bộ, quân đội Mỹ đã đưa ra một bản dự thảo gọi là "Khái niệm tác chiến phục vụ các biện pháp gây mất khả năng hoạt động". Bản dự thảo này được dự tính sẽ giảm đến mức thấp nhất số thương vong trong dân chúng bị giữ ở vùng có chiến sự, cũng như giảm mức thiệt hại về môi trường và cơ sở hạ tầng. Nó công bố việc nghiên cứu mở rộng theo chương trình "các loại đạn phá huỷ có tác dụng phụ thấp" của quân đội. Nhưng đến tháng 6-1993, khi xét lại học thuyết chính thức, hầu như người ta không có mối quan tâm nào dành cho loại vũ khí không gây chết người. Như vậy hiển nhiên là khái niệm này vẫn đang còn được tranh cãi.

Tuy nhiên, cần phải nhấn mạnh rằng các vũ khí không gây chết người và các học thuyết mới xuất hiện trong quân đội đều là sản phẩm của xã hội Làn sóng Thứ ba mà huyết mạch kinh tế của nó là thông tin, điện, máy tính điện tử, truyền thông đại chúng - đó là sự gia tăng tầm quan trọng và sự hiện diện ở khắp mọi nơi của các phương tiện thông tin đại chúng.

ĐƯỜNG LỐI CHÍNH TRỊ VỀ VŨ KHÍ KHÔNG GÂY CHẾT NGƯỜI

Giống như nhiều hiện tượng khác thuộc Làn sóng Thứ ba, từ vô tuyến truyền hình tương tác tới kỹ thuật di truyền, công nghệ không giết người mang đến sự rủi ro và phức tạp về mặt đạo đức cũng như về giá trị nhân đạo.

Để mở đầu, giờ đây có một điều rõ ràng rằng nhiều vũ khí loại này, nếu không phải do người lương thiện mà do những tên khủng bố hoặc tội phạm hình sự sử dụng thì những vũ khí đó có thể nhân thêm sức mạnh cho chúng. Ở phạm vi hẹp, điều gì sẽ

xảy ra nếu bọn khủng bố hoặc bọn chống đối chính trị vô trách nhiệm có khả năng làm hại đối với những nơi dễ bị tấn công ở một thành phố, sân bay, đập nước với một chiếc bút dạ hoặc bình xịt có chứa "chất lỏng làm giòn kim loại"? Hãy tưởng tượng những kẻ tiến hành chiến tranh graffiti ngày nay với các hoá chất nói trên trong bình xịt của chúng. Thật là tốt đẹp khi nói về những chiếc xe tăng bất động do chất chống ma sát gây ra. Nhưng chuyện gì sẽ xảy ra nếu các tay biệt động thành phố cũng làm như vậy đối với các xe cảnh sát đổ bên ngoài đồn cảnh sát địa phương? Và nếu những kẻ ăn trộm dữ liệu máy vi tính gây nhiễm vi rút cho máy tính, thì họ hoặc những người khác, một ngày nào đó có thể sẽ làm gì với các loại vũ khí vi sóng?

Ngay cả khi được các cơ quan luật pháp sử dụng, các loại vũ khí không gây chết người cũng làm phát sinh nhiều vấn đề đạo đức và chính trị sâu sắc. Janet Reno lẽ ra có thể thu phục được giáo phái Koresh ở Waco mà không cần sử dụng nhiều đến bạo lực, nhờ vậy mà đã có thể bảo vệ ít ra cũng là tính mạng của những trẻ em đã chết ở đó.

Nhưng nhiều vũ khí loại này có thể được các quốc gia sử dụng để đàn áp những người dân chống đối chính phủ một cách hoà bình. Có một số công nghệ rất thích hợp để dùng cho việc giám sát đám đông, hoặc cho việc ngăn cản những cuộc chống đối, đến nỗi các nền dân chủ có thể sẽ phải đề ra những qui tắc cam kết mới cho cảnh sát của họ.

Tiếp đến là vấn đề phân loại vũ khí như thế nào. Vũ khí nào thực sự là không gây chết người? Có một số loại vũ khí đã có bộ phận điều chỉnh hoạt động giết người. Ở cường độ thấp, chúng tạo ra sự phá hoại tạm thời ở mức độ thấp nhất, nếu tăng cường độ, chúng có thể giết người. Vậy chúng có phải là vũ khí không gây chết người không? Để giữ uy tín cho mình, vợ chồng Morris và Hội đồng chiến lược toàn cầu đã không bỏ qua những vấn đề

trên đây cùng những vấn đề khác để đối lấy sự say mê mù quáng dành cho các loại vũ khí không giết người.

Chính vì công nhận có những nguy cơ - và đặc biệt là nguy cơ đối với nền dân chủ - mà vợ chồng Morris muốn lột bỏ cái mặt nạ bí mật hầu như không thể nhìn thấu qua đang che phủ lên loại vũ khí này bởi những người được gọi là "có thành tích bất hảo" trong các phòng thí nghiệm và các cơ quan tuyệt mật. Sự giấu giếm ấy quá kỹ càng đến mức ngay cả vợ chồng Morris cũng phải giữ một khoảng cách an toàn cao và không được tiếp cận với một số công việc đang diễn ra.

Chris và Janet Morris thừa nhận cần có một mức độ bí mật quân sự, nhưng họ tranh luận đầy sức thuyết phục rằng chiến tranh không gây chết người là một phần rất quan trọng trong tương lai, cho nên nó cần phải được tranh luận công khai hơn. Họ đã làm một số quan chức của Bộ Quốc phòng tức giận bằng cách ủng hộ việc mang vấn đề phát triển loại vũ khí này ra xem xét tại Nghị viện. Họ nói có những vấn đề về quyền con người rất nguy ngập đòi hỏi không nên để cho phía quân đội tự mình quyết định.

Tương tự, việc giới thiệu rộng rãi hơn về các phương tiện không gây chết người đã đề ra những vấn đề mới ở cấp độ địa - chính trị. Ví dụ : nếu Mỹ - siêu cường duy nhất trên thế giới hiện nay - dựa nhiều hơn vào các phương pháp không giết người và ít hơn vào lực lượng thông thường thì liệu các quốc gia khác có thể ngộ nhận sự kiềm chế này với sự suy yếu không? Sự tăng vũ khí không giết người có khuyến khích chủ nghĩa phiêu lưu không, hoặc mặt khác, có dẫn tới một quan niệm sai lầm về đơn phương giải trừ quân bị không? Hay là dẫn tới cả hai trường hợp trên?

Liệu nó có thể dẫn tới sự ganh đua mới - một cuộc chạy đua của các quốc gia nhằm mở rộng phạm vi của vũ khí không gây chết người ở khắp mọi nơi? Sau cùng liệu nó có thể dẫn tới việc

giết người ít hơn - và cũng ít dân chủ hơn - nếu các quốc gia có thể làm mù, hoa mắt, mất phương hướng và mặt khác hạ gục những người chỉ trích họ bằng cách không gây sát thương? Và nếu như có cuộc chạy đua đó, thì những quốc gia nào có thể đạt được nhiều hơn cả? Những ai có khả năng nhiều nhất trong việc sản xuất loại vũ khí tinh vi mới? Vũ khí không gây chết người liệu có mở ra một lĩnh vực rộng lớn mới cho công nghệ của người Nhật không? Hiện nay, điều 9 Hiến pháp Nhật Bản vẫn cấm xuất khẩu vũ khí. Nhưng cái gì được coi là vũ khí? Và các thiết bị không giết người có thuộc phạm trù vũ khí không?

KHI CÁC NHÀ NGOẠI GIAO THẤT BẠI...

Trong quá khứ, khi các nhà ngoại giao im lặng, một điều rất thường xảy ra là súng bắt đầu nổ. Trong tương lai, theo Hội đồng chiến lược toàn cầu, nếu cuộc tiếp xúc ngoại giao thất bại, các chính phủ có thể có khả năng dùng các biện pháp không gây chết người trước khi tham gia vào cuộc chiến tranh đẫm máu truyền thống. Janet Morris tin rằng : "Phạm vi giữa thời điểm quan hệ ngoại giao thất bại và thời điểm phát súng đầu tiên được bản là một phạm vi mà trước đó chưa thể xác định được về mặt định lượng. Nó là một phạm vi không có khoảng cách. Vì vậy, các vũ khí không giết người nổi bật lên không phải như một sự thay thế đơn giản cho chiến tranh hoặc một sự mở rộng hoà bình, mà như một cái gì đó khác biệt, một cái hoàn toàn mới trong công việc toàn cầu : một hiện tượng trung gian, một điểm dừng, một trường đấu cho các trận giao tranh mà trong đó nhiều kết quả có thể được quyết định mà không phải đổ máu. Đây là một hình thức cách mạng của hoạt động quân sự, phản ánh một cách trung thành nền văn minh Làn sóng Thứ ba.

Nhưng điều này làm nảy sinh nhiều vấn đề về chống chiến tranh chẳng kém gì so với điều nó làm cho chiến tranh. Liệu người ta có thể đưa ra không chỉ một học thuyết chiến tranh

không giết người mà cả một học thuyết chống chiến tranh không giết người? Câu hỏi này cần khuyến khích những suy nghĩ mới của các chính trị gia, các nhà hậu cần quốc phòng, nhà quân sự, nhà ngoại giao, và các phong trào hoà bình trên khắp trái đất khi chúng ta đang chạy đua vào giai đoạn của những biến động sắc tộc, của các phong trào ly khai, nội chiến và bạo loạn - những cơn đau đẻ vật vờ của thế giới ngày mai.

Hiện nay cái đang trở nên rõ ràng là cuộc cách mạng quân sự được bắt đầu từ Trận chiến không - lực và xuất hiện công khai lần đầu tiên trong Chiến tranh Vùng Vịnh hiện vẫn đang còn trứng nước. Mặc dầu có sự cắt giảm ngân sách và kêu gọi hoà bình trên thế giới, nhưng những năm sắp tới các học thuyết quân sự trên khắp toàn cầu vẫn sẽ thay đổi để đáp ứng với những công nghệ và thử thách mới. Trong thế giới của chiến tranh riêng rẽ, các chiến binh đặc biệt được dự tính là sẽ gia tăng. Trong một thế giới đang trở nên phụ thuộc vào vũ trụ về mặt truyền thông, dự báo thời tiết và về vô số các vấn đề khác, thì sự phụ thuộc quân sự vào vũ trụ cũng sẽ tăng lên. Trong một thế giới mà các nhà máy của nó ngày càng được vi tính hoá và tự động hoá, thì chiến tranh cũng được dự tính là sẽ dựa vào máy vi tính và tự điều khiển, gồm cả việc robot hoá. Khi các thành tựu kỹ thuật mới xuất hiện từ các phòng thí nghiệm, thì quân đội sẽ tìm kiếm lợi thế, vì điều thiện hay ác, trong mọi lĩnh vực từ di truyền học tới công nghệ siêu nhỏ, để hoàn thành và thậm chí vượt quá cả những giấc mơ hoang đường nhất của những kẻ mơ mộng giống như Da Vinci. Đồng thời, trong một thế giới mà sự tàn sát dân chúng đôi khi có hậu quả chính trị ngược lại, thì vũ khí không giết người sẽ phát triển nhanh chóng. Kết hợp loại vũ khí đã được chọn lọc kỹ càng từ những loại vũ khí khác với ưu điểm của vũ khí không giết người, ta sẽ có nhiều hy vọng hơn về khả năng giảm sự chết chóc bừa bãi.

Mỗi một sự phát triển này sẽ được sáp nhập vào hình thái chiến tranh Làn sóng Thứ ba đang còn phôi thai, phản ánh nền kinh tế và nền văn minh Làn sóng Thứ ba cũng đang còn phôi thai của tương lai. Nhưng sẽ là sai lầm nghiêm trọng nếu nghĩ rằng hình thái chiến tranh chủ chốt trong tương lai sẽ chỉ được xác định bởi những phương tiện như vệ tinh, robot hoặc vũ khí không giết người. Yếu tố chung ràng buộc tất cả các yếu tố này với nhau không phải là phần cứng - không phải là xe tăng, máy bay, hoặc tên lửa, không phải vệ tinh, vũ khí siêu nhỏ hoặc súng lade. Sợi dây liên hệ chung đó là thứ vô hình. Nó vẫn chính là cái nguồn lực xác định hệ thống đang xuất hiện trong việc làm ra của cải và xác định xã hội của tương lai, đó là tri thức.

Vì vậy, chúng ta bắt đầu nhận thấy có một sự tiến bộ rõ ràng. Hình thái chiến tranh Làn sóng Thứ ba đã bắt đầu bằng Trận chiến không - lực. Cuộc Chiến tranh Vùng Vịnh chỉ đưa ra một gợi ý mờ nhạt về sự phát triển hơn nữa của hình thái chiến tranh mới này. Trong những thập kỷ tới nó sẽ được mở rộng để sáp nhập các khả năng mới của công nghệ tiên tiến. Nhưng ngay cả những cái đó cũng không và không thể hoàn thiện được sự phát triển của nó.

Bởi lẽ hình thái chiến tranh Làn sóng Thứ ba sẽ không thể tiến triển tới chỗ hoàn thiện cho đến khi nguồn lực trung tâm của nó được hiểu rõ và được triển khai. Vì vậy, bước phát triển cuối cùng của hình thái chiến tranh ấy có thể là sự phác thảo một cách có ý thức những thứ mà thế giới chưa hề nhìn thấy : chiến lược thông tin cạnh tranh.

Với điều này, chiến tranh chuyển sang một cấp độ hoàn toàn mới.

Phần Bốn

THÔNG TIN

NHỮNG CHIẾN BINH THÔNG TIN

Khi hình thái chiến tranh Làn sóng Thứ ba được hình thành thì đã có một thể hệ "chiến binh thông tin" mới bắt đầu xuất hiện - đó là những trí thức ở trong và ngoài quân đội hiến dâng đời mình cho quan niệm rằng thông tin có thể giành chiến thắng trong cuộc chiến hoặc có thể ngăn ngừa được chiến tranh. Nếu xem xét những gì họ đang làm, thì chúng ta sẽ phát hiện thấy có một sự tiến bộ dần dần từ những mối quan tâm ban đầu hạn hẹp về mặt kỹ thuật đến một quan niệm bao quát về cái mà một ngày nào đó nó sẽ được gọi là "chiến lược thông tin".

Paul Strassmann là một nhà khoa học xuất sắc gốc Séc. Trước đây, với tư cách là một nhà hoạch định kế hoạch chiến lược và là trưởng ban thông tin của công ty Xerox, ông đã là tác giả của những công trình nghiên cứu quan trọng về mối quan hệ giữa máy vi tính với năng suất làm việc của công nhân và với tính sinh lợi đoàn thể trong kinh tế dân sự. Mới đây ông làm việc với tư cách là giám đốc Ban Thông tin quốc phòng tại Lầu Năm Góc - một sĩ quan thông tin chủ chốt của nền quân sự Hoa Kỳ.

Strassmann là một ngân hàng dữ liệu lưu động về công nghệ thông tin - về các kiểu máy vi tính, về phần mềm, mạng lưới truyền thông, các qui định về viễn thông, và về nhiều thứ khác nữa. Nhưng còn hơn cả một kỹ sư công nghệ hạn hẹp, ông đã suy

nghĩ rất nhiều về kinh tế học thông tin. Thêm vào đó, ông còn đem đến một tầm bao quát lịch sử hiếm có cho công việc của mình. (Với tư cách là một nghệ tay trái trong những năm tháng làm việc ở Công ty Xerox, Strassmann cùng vợ là Mona đã lập ra một viện bảo tàng xinh xắn dành cho lịch sử thông tin, bao gồm từ việc phát minh ra chữ viết đến máy vi tính). Cả tiểu sử cá nhân của ông cũng định hình cho những quan niệm của ông về chiến tranh. Trong thời gian Chiến tranh thế giới thứ hai ông còn là một cậu thiếu niên và chiến đấu trong một đội biệt động người Séc chống lại bọn Quốc xã.

Strassmann nói : "Lịch sử chiến tranh là một lịch sử về học thuyết... Chúng ta có một học thuyết về đổ bộ, một học thuyết về ném bom, một học thuyết về Trận chiến không-lục ... Cái chúng ta đang thiếu... là học thuyết về thông tin".

Nhưng không phải chờ lâu. Tháng 2 - 1993 Học viện quân đội Mỹ ở West Point đã chỉ định Strassmann làm giáo sư thỉnh giảng về điều hành thông tin. Đồng thời, Trường Đại học tổng hợp quốc phòng tại Pháo đài Mc Nair ở Washington cũng đã giới thiệu giáo trình đầu tiên về Chiến tranh thông tin.

Nhưng không chỉ có Trường Đại học tổng hợp quốc phòng và Học viện West Point. Tại trụ sở của Bộ Quốc phòng Mỹ còn có một đơn vị được gọi là "đơn vị đánh giá thực lực" có nhiệm vụ chính là đánh giá sức mạnh tương đối của lực lượng quân sự đối phương. Dưới sự lãnh đạo của Andy Marshall, đơn vị này đã tỏ ra quan tâm sâu sắc đến chiến tranh thông tin và đến cái có thể gọi là học thuyết thông tin. Ngoài Lầu Năm Góc còn có một tổ chức nghiên cứu tư nhân gọi là TASC - Tập đoàn khoa học phân tích - cũng tiến hành nghiên cứu vấn đề này. Để đáp lại Chiến tranh Vùng Vịnh, nhiều quân đội khác cũng đang nghĩ đến học thuyết thông tin, chỉ là để phòng thủ chống lại một nước Mỹ siêu cường về thông tin.

Cho đến nay nhiều cuộc tranh luận về học thuyết vẫn chỉ tập trung vào những chi tiết của chiến tranh điện tử - tức là phá hủy một giàn radar của đối phương, tiêm nhiễm vi rút vào máy vi tính của đối phương, sử dụng tên lửa để huỷ diệt các trung tâm chỉ huy và tình báo của nó, "đánh lừa" các thiết bị của nó bằng cách phát ra những tín hiệu thông tin giả, và sử dụng các phương tiện khác để đánh lừa đối phương. Nhưng Strassmann, Marshall và các nhà trí thức quân sự khác lại đang tìm cách vượt ra ngoài cái học thuyết thừa hành thực tiễn để đề cập tới một địa hạt rộng lớn hơn của chiến lược cấp cao.

Duane Andrews là ông chủ cũ của Strassmann ở Lầu Năm Góc. Andrews, khi còn là trợ lý Bộ trưởng Quốc phòng phụ trách C³I ("Command, Control, Communications and Intelligence" - "Chỉ huy, Điều khiển, Liên lạc và Tình báo"), đã nhấn mạnh sự khác biệt khi ông gọi thông tin là một "vốn quý chiến lược". Điều này có nghĩa là nó không chỉ là vấn đề về tình báo chiến trường hoặc về những cuộc tấn công chiến thuật vào hệ thống radar hoặc điện thoại của đối phương, mà nó là một đòn bẩy mạnh mẽ có khả năng làm thay đổi những quyết định cấp cao của đối phương. Mới gần đây, Andrews còn nói về một cuộc "chiến tranh thông tin" trong đó "mỗi bên cố gắng định hướng cho các hành động của đối phương bằng cách điều khiển các dòng tin và tình báo".

Chúng ta có thể tìm thấy một sự trình bày chính thức hơn trong một tài liệu có những từ biệt ngữ được công bố ngày 6-5-1993 do cơ quan Bộ Tổng tham mưu Hoa Kỳ đưa ra. "Bản ghi nhớ về chính sách số 30" này đã định nghĩa hệ thống "chỉ huy và điều khiển" (viết tắt là C² - Command and Control) là một hệ thống mà thông qua nó quyền hành và sự chỉ đạo được thực hiện bởi những người chỉ huy hợp pháp.

Nó định nghĩa chiến tranh chỉ huy và điều khiển (chiến tranh C²) là "việc sử dụng hợp nhất biện pháp an ninh cho chiến dịch... việc đánh lừa quân sự, các chiến dịch tâm lý.... chiến tranh điện

tử... và việc phá huỷ vật lý, được tình báo hỗ trợ chung, để ngăn chặn thông tin nhằm gây ảnh hưởng, hạ cấp hoặc phá huỷ khả năng C^2 của đối phương, trong khi đó lại bảo vệ các khả năng C^2 của những đồng minh thân thiện để chống lại những hành động như vậy". Bản báo cáo tuyên bố rằng nếu được tiến hành chính xác thì chiến tranh C^2 "sẽ tạo cho người chỉ huy có khả năng tung ra một cú **đấm nốc ao** trước khi nổ ra những cuộc xung đột theo kiểu truyền thống".

Bản ghi nhớ còn mở rộng các thông số chính thức xung quanh khái niệm chiến tranh thông tin bằng cách nhấn mạnh hơn vào ngành tình báo và mở rộng phạm vi của nó để bao hàm cả các chiến dịch tâm lý nhằm gây tác động đến "tình cảm, động cơ, khả năng suy luận khách quan và cuối cùng là hành vi" của người khác.

Với tư cách là một tuyên bố chính thức về chính sách của Lầu Năm Góc, bản tài liệu nói trên nhất thiết phải sử dụng thứ ngôn ngữ rào đón thận trọng, những định nghĩa hợp pháp và những qui định đặc thù. Tuy nhiên, cuộc tranh luận của trí thức về chiến tranh thông tin trong giới quốc phòng đã vượt ra bên ngoài những giới hạn này.

Vì thế chúng ta có thể tìm thấy một sự "đảm nhiệm" đề tài này rộng rãi hơn về mặt lý thuyết trong công trình của hai nhà học giả tại Tập đoàn RAND ở Santa Monica, bang California, Hoa Kỳ, đó là David Ronfeldt và John Arquilla. Trong bài tổng quan sơ bộ về cái mà họ gọi là "chiến tranh điều khiển học", họ đã đề cập đến những vấn đề chiến lược rộng lớn. Arquilla, là người nói năng rõ ràng và nhẹ nhàng, đã làm việc với tư cách cố vấn cho Bộ Tư lệnh trung ương của tướng Schwarzkopf trong suốt cuộc Chiến tranh Vùng Vịnh. Ronfeldt là một nhà khoa học xã hội để râu, mặc quần áo vải tuyết và thậm chí còn nói năng nhẹ nhàng hơn, ông đã nghiên cứu những tác động chính trị và quân sự của cuộc cách mạng vi tính.

Đối với họ, cuộc chiến tranh điều khiển học bao hàm "nỗ lực muốn biết tất cả về một kẻ thù trong khi lại phải giữ không để cho kẻ thù biết nhiều về mình. Điều đó có nghĩa là làm cho "cán cân thông tin và tin tức" nghiêng về bên mình, đặc biệt nếu ta không có lợi thế về lực lượng". Và giống y như trong nền kinh tế dân sự, nó cũng có nghĩa là "sử dụng thông tin sao cho ít phải chi tiêu vốn liếng và sức lao động hơn".

Những thuật ngữ lạ tai này - học thuyết thông tin, chiến tranh điều khiển học, chiến tranh C^2 , và các thuật ngữ khác mà may mắn thay chúng còn chưa được nhắc tới ở đây - phản ánh trình độ tranh luận vẫn còn sơ khai. Chưa ai hiểu được cái đang tỏ ra là bước cuối cùng trong quá trình tiến bộ này - đó là sự trình bày một khái niệm có hệ thống và cơ bản về "chiến lược thông tin" quân sự.

Tuy nhiên, có một số sự việc đã trở nên rõ ràng. Bất cứ một nền quân sự nào - cũng giống như bất cứ một công ty hay một tập đoàn nào - cũng đều phải thực hiện ít nhất bốn chức năng chủ chốt đối với thông tin. Đó là phải thu thập, xử lý, truyền bá và bảo quản thông tin, trong khi phải ngăn chặn hoặc truyền bá thông tin có chọn lọc cho địch thủ hoặc cho đồng minh của mình. Như vậy, nếu chúng ta phân tích được các chức năng ấy ra thành các thành phần của chúng thì chúng ta có thể bắt đầu xây dựng được một cơ cấu toàn diện cho chiến lược thông tin - một chìa khoá cho nhiều, nếu không nói là cho đa số, thắng lợi quân sự của thời đại ngày mai.

BÍ MẬT CỦA THUNG LŨNG SILIC

Thu thập thông tin - có nghĩa là sản xuất hoặc mua thông tin cần thiết cho quân sự.

Cũng giống như bất cứ ai khác, quân đội cũng thu thập thông tin bằng vô vàn cách thức - bằng các phương tiện truyền thông

đại chúng, bằng nghiên cứu và phát triển, bằng tình báo, bằng văn hoá nói chung và bằng các nguồn khác. Một chiến lược thu thập tin có hệ thống có thể ghi vào danh sách những cách thức đó và xác định xem cái nào cần phải được cải tiến.

Thí dụ, ưu thế rõ ràng về mặt công nghệ của Mỹ trong chiến tranh xuất phát chủ yếu từ một điều là Bộ Quốc phòng Mỹ hàng năm đã chi gần 40 tỷ đôla cho việc tiến hành hoặc ký kết hợp đồng về nghiên cứu và phát triển có liên quan đến quốc phòng.

Trong kỷ nguyên Làn sóng Thứ hai, công nghệ quân sự ở Mỹ đã tiến bộ với một tốc độ tia chớp và đưa hết sáng kiến này đến sáng kiến khác vào nền kinh tế dân sự. Ngày nay, một sự đảo ngược vai trò đã xuất hiện. Trong nền kinh tế Làn sóng Thứ ba với tiến độ nhanh, sự đột phá kỹ thuật phát triển nhanh hơn ở lĩnh vực dân sự và sau đó xoay sang các ngành công nghiệp quốc phòng. Điều này đòi hỏi phải xem xét lại chiến lược những ưu tiên trong nghiên cứu và phát triển, đồng thời xây dựng lại mối quan hệ giữa khoa học - công nghệ dân sự và khoa học - công nghệ quân sự.

Tất nhiên có một cách khác để đạt được thông tin có giá trị là thông qua hoạt động gián điệp và tình báo. Tình báo rõ ràng là vấn đề trọng tâm của mọi quan niệm về chiến tranh dựa vào thông tin. Tuy nhiên, sự biến động trong lĩnh vực tình báo quá sâu sắc đến mức không thể nêu hết ra đây được (Xem chương 17, "Tuơng lai của tình báo").

Cuối cùng, thu thập thông tin cũng có thể bao gồm những việc như thu hút chất xám một cách có tổ chức và có chiến lược. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, đã có một cuộc cạnh tranh ác liệt giành giật trí lực khoa học. Đảng Quốc Xã đã làm thiệt hại ghê gớm hiệu quả chiến đấu của chính mình chỉ vì họ đã đuổi đi hoặc tiêu diệt một số trí thức khoa học giỏi nhất châu Âu, nhiều người trong số đó là những người Do Thái. Quân đồng minh đã

tìm đến những tri thức này và đưa họ về làm dự án Manhattan - một dự án sản xuất quả bom nguyên tử đầu tiên. Những người khác thì đóng vai trò quan trọng trong các lĩnh vực từ nghiên cứu chiến lược và khoa học chính trị đến phân tích tâm lý. Thậm chí, quân đồng minh còn tìm cách bắt cóc các nhà khoa học nguyên tử của Đức để ngăn không cho Hitler giành được quả bom nguyên tử của chính mình.

Ý nghĩa quân sự và thương mại của việc thu hút chất xám mang tính tích cực và tiêu cực như vậy có lẽ đang gia tăng, bởi lẽ thông tin và bí quyết nhà nghề đang được phổ biến trên toàn thế giới.

Theo lời của nhà lý luận về quản lý có uy thế Tom Petters, "một trong những bí mật lớn của Thung lũng Silic là ăn cắp vốn con người của Thế giới Thứ ba. Có lẽ những người bản xứ (ở thung lũng) đang bỏ đi dần. Và điều này còn hại hơn cả sự đền bù mà những người Ấn Độ và Đài Loan mang lại khi họ chuyển đến ở thung lũng".

Như vậy, những nhà chiến lược thông tin quân sự trong tương lai cũng có thể vạch ra những chính sách lâu dài và tinh vi để thu hút trí lực của các đối thủ và chuyển họ thành của riêng mình. Mặt khác, các chiến lược thông tin sẽ ngày càng bao hàm những kế hoạch nhằm làm nhụt chí hoặc ngăn chặn không cho các kỹ sư và các nhà khoa học chủ chốt rời sang phía đối phương tiềm tàng của mình. Những nỗ lực gần đây nhằm giữ không cho các nhà khoa học Nga di tản sang Iran và Bắc Triều Tiên chỉ là hiệp đấu mới nhất trong một trò chơi sẽ được chơi trong các cuộc cá cược lớn về chiến lược.

Các nhà chiến lược thông tin thông minh trong tương lai sẽ chú ý nhiều đến việc "tìm kiếm thông tin", giống như ngày nay người ta đang chú ý đến việc tìm kiếm phần cứng.

NHỮNG CHIẾN BINH PHẦN MỀM

Cũng như các công ty dân sự, các quân đội tiên tiến cũng cần phải dự trữ và xử lý một khối lượng lớn thông tin. Như chúng ta đã biết, điều này đòi hỏi một sự đầu tư vô cùng lớn vào công nghệ thông tin (information technology) gọi tắt là I - T.

Công nghệ thông tin quân sự bao gồm các hệ thống vi tính thuộc tất cả các kích cỡ và kiểu loại. Tính chất, sự truyền tin, công suất, khả năng sử dụng và độ linh hoạt của các hệ thống này, bao gồm cả khâu liên lạc giữa chúng với ra đa, với lực lượng phòng không và với mạng lưới vệ tinh liên lạc, sẽ phân biệt các quân đội tiên tiến với nhau.

Ở Mỹ, nhiều công trình của Duane Andrews và Paul Strassmann, cũng như của những người kế nghiệp họ ở Lầu Năm Góc như Charles A. Hawkins Con, và Cynthia Kendall, đã thử nghiệm cứu việc hợp lý hoá, nâng cấp và cải tiến các hệ thống to lớn này. Kỹ sư Hawkins đã trưởng thành trong lĩnh vực tình báo quân sự. Kendall, phó trợ lý Bộ trưởng Quốc phòng về các hệ thống thông tin, đã được đào tạo về toán học và nghiên cứu chiến dịch. Năm 1970 bà vào làm tại Bộ Quốc phòng.

Cái quan trọng hơn những phần cứng hiện tại mà Hawkins và Kendall quan sát thấy là bảng liệt kê phần mềm không ngừng thay đổi mà phần cứng phải phụ thuộc vào. Trong cuộc Chiến tranh Vùng Vịnh, các máy quay vô tuyến, vì chỉ săn tìm những pha gây cản nên đã tập trung vào những chiếc máy bay chiến đấu F-14 đang gầm rú từ các tàu sân bay, vào các máy bay trực thăng Apache đang sà xuống sa mạc, vào những chiếc xe tăng M1A1 Abrams đang gầm gừ trên cát và những quả tên lửa Tomahawk đang săn lùng mục tiêu. Các bộ phận phần cứng đã trở thành những "ngôi sao" sáng thâu đêm. Nhưng chỉ có một ngôi sao thực sự, đó là phần mềm vô hình làm nhiệm vụ xử lý phân tích và truyền đi dữ liệu, mặc dù khán giả truyền hình chưa từng bao giờ

trông thấy những người sản xuất ra nó và nắm giữ nó - đó là những người lính phần mềm. Phần lớn họ là những thường dân.

Phần mềm đang làm thay đổi cán cân quân sự trên thế giới. Ngày nay các hệ thống vũ khí được đặt lên hoặc được phóng ra bằng một cái mà danh từ đặc biệt gọi là "bệ phóng". Các bệ phóng này có thể là tên lửa, máy bay, tàu thủy hoặc thậm chí có thể là chiếc xe tải. Và cái mà giới quân sự đang tìm hiểu là làm thế nào để những bệ phóng rẻ tiền, công nghệ thấp, do các quốc gia nghèo và nhỏ điều khiển, có thể phóng được hỏa lực thông minh công nghệ cao - nếu vũ khí đó được trang bị một phần mềm thông minh. Các trái bom ngu ngốc có thể được tăng chỉ số thông minh bằng cách thêm các bộ phận thích hợp phụ thuộc vào phần mềm khi chế tạo hoặc khi điều khiển chúng.

Trong thời đại Làn sóng Thứ hai, các tình báo viên quân sự đã chú trọng đặc biệt tới các máy công cụ của đối phương, bởi vì chúng cần thiết để làm ra các công cụ khác phục vụ cho việc sản xuất vũ khí. Ngày nay, máy công cụ đáng chú ý nhất là phần mềm. Nó được sử dụng để chế tạo ra phần mềm khác và phần mềm này lại chế tạo phần mềm khác kế tiếp, và cứ thế tiếp nữa. Bởi vì phần lớn công việc xử lý các dữ kiện thành thông tin và tin tức thực tiễn đều phụ thuộc vào phần mềm. Độ tinh vi, linh hoạt và an toàn của cơ sở phần mềm quân sự chiếm một vị trí rất quan trọng.

Các chính sách hướng dẫn phát triển và sử dụng công nghệ thông tin nói chung và phần mềm nói riêng, là một thành phần quan trọng của chiến lược thông tin.

LIỆU CHÚ SAM CÓ LẮNG NGHE KHÔNG?

Ngay cả khi được thu thập và xử lý một cách thích hợp, thông tin sẽ trở nên vô ích nếu bị rơi vào những bàn tay và bộ óc không đúng đối tượng và vào thời điểm không thích hợp. Vì vậy, trong

quân sự cần có nhiều cách khác nhau để truyền bá thông tin khi cần thiết.

Trung tướng James S. Cassity nói: " Trong vòng 90 ngày, các ban tình báo đã lắp đặt mạng thông tin điện tử tại Vùng Vịnh còn nhiều hơn cả chúng ta lắp đặt ở Châu Âu trong vòng 40 năm". Mạng liên lạc là một biệt từ dành cho mạng lưới truyền thông, và loại mạng lưới được xây dựng là cái gắn bó chặt chẽ với những mối quan tâm cao độ về chiến lược.

Thí dụ người ta đang tiến hành những kế hoạch đầy tham vọng nhằm tạo ra một mạng lưới thông tin liên mạch duy nhất, bao quanh trái đất và vượt xa hơn các lực lượng của Mỹ - đó là một hệ thống modul có thể được quân đội của nhiều quốc gia chia sẻ cùng một lúc. Cũng giống như việc ngày càng có nhiều cơ sở kinh doanh sáp nhập để cùng hoạt động trên phạm vi toàn cầu, họ lập thành các tập đoàn và nối các mạng lưới thông tin và hệ thống vi tính của họ vào với các mạng lưới thông tin và hệ thống vi tính của các đồng minh, trong quân sự cũng vậy, nhưng ở một phạm vi rộng lớn hơn nhiều. Vấn đề là ở chỗ, trong thương mại cũng như trong quân sự, việc phối hợp là cực kỳ khó khăn.

Thậm chí ngay trong nội bộ các quốc gia châu Âu thuộc khối NATO, sau suốt 4 thập kỷ hợp tác, các hệ thống điều khiển chiến trường vẫn chưa thể nào liên lạc thông tin chiến thuật với nhau được, chỉ vì không có sự ăn khớp. Mặc dù NATO đã đặt ra những tiêu chuẩn chung, nhưng cả hệ thống Ptarmigan của Anh cũng như hệ thống điện đài RITA của Pháp đều không thực hiện những tiêu chuẩn đó. Ở chỗ khác, vấn đề Tháp Babel¹ lại còn tồi tệ hơn. Sau cuộc xâm lược Cáoét người ta đã phải mất nhiều tuần lễ để nối lại các hệ thống liên lạc của Ả-rập Xêút, Cata,

1. Tức là tình trạng ngôn ngữ bất đồng - N.H.D.

Oman, Baren và Liên bang các tiểu vương quốc Arập với các hệ thống của Mỹ.

Một mạng lưới mới đã được dự kiến nhằm khắc phục những vấn đề nêu trên và làm cho các hoạt động phối hợp với quân đồng minh trở nên nhịp nhàng. Theo Mary Ruscavage, phó Ban Tư lệnh thông tin điện tử quân đội Mỹ tại Pháo đài Monmouth ở New Jersey thì "chúng ta đang cố gắng phát triển một cấu trúc chung và chú trọng nghiên cứu tất cả các loại thiết bị của mỗi nước".

Tính chất của các mạng lưới liên lạc thường yêu cầu phải có những quan niệm chiến lược không nói ra. Trong trường hợp này, khái niệm mạng lưới chia sẻ toàn cầu, trong đó mỗi nước có thể nối mạch liên lạc của mình vào, phản ánh rõ chiến lược của Mỹ cho rằng trong tương lai nó sẽ cùng chiến đấu với các đồng minh chứ không phải như một "sen đầm quốc tế" đơn độc. Hệ thống nói trên gợi lên hình ảnh một tương lai được ghi dấu bởi những đồng minh tạm thời luôn luôn thay đổi lập trường- phù hợp với tính linh hoạt của các điều kiện thế giới sau chiến tranh lạnh. Nó có thể làm đơn giản hoá các hoạt động của Liên hợp quốc trong tương lai.

Nhưng nó đặt ra vấn đề là, nếu nước Mỹ thiết kế hệ thống này về cơ bản, thì liệu họ có thể đọc được hết mọi tin tức đi ngang qua mạng lưới đó không. (Người ta nói rằng không nhất thiết như vậy, bởi vì mỗi quốc gia có một mã số riêng của họ. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều ý kiến hoài nghi.)

Stuart Slade là một nhà khoa học thông tin ở London và là nhà phân tích quân sự của Tổ chức Dự báo quốc tế, ông đã chỉ ra một hậu quả chính trị sâu sắc của các hệ thống chỉ huy, điều khiển và liên lạc theo kiểu mới. Không phải quân đội nào trên thế giới cũng có khả năng về mặt văn hoá hoặc chính trị (chưa

nói đến mặt công nghệ) để sử dụng các hệ thống đó. Ông giải thích : "Các hệ thống này phụ thuộc vào một điều - đó là khả năng trao đổi thông tin, trao đổi dữ liệu và tạo ra một dòng tin tự do chạy suốt qua mạng lưới đó, để giúp cho con người có thể tập hợp các hình ảnh chiến thuật và tổng hợp được các tin tức của mình. Cái mà chúng ta có được là một hệ thống vũ khí "phù hợp về mặt chính trị".

"Nhưng xã hội mà trong đó dòng trao đổi thông tin và dòng trao đổi tự do tư tưởng và dữ liệu bị tê liệt thì sẽ không thể nào sử dụng được nhiều các hệ thống đó.... Hệ thống của Irắc là một kiểu hình cây, trong đó Saddam Hussein ngự trị ở trên ngọn. Nếu anh phá vỡ bất kỳ điểm nào trong hệ thống đó thì có thể gây thảm họa đặc biệt khi viên tư lệnh sư đoàn bị giám sát nghiêm khắc từ trên đỉnh ngọn cây biết rằng, phần thưởng cho thể chủ động của ông ta là một viên đạn 357 bắn vào sau gáy".

Vì các hệ thống tiên tiến ngày nay cho phép người sử dụng chúng có thể liên lạc được với nhau ở tất cả các thứ bậc, có nghĩa là đại úy này có thể liên lạc với các đại úy ở chỗ khác, đại tá này liên lạc với các đại tá ở chỗ khác, mà không cần thông báo trước cho người đứng đầu ngự ở trên đỉnh kim tự tháp. Nhưng đó chính là điều mà các vị tổng thống và các vị thủ tướng cực quyền có thể không muốn.

Slade cho rằng, đúng là có một số nước, trong đó có cả Trung Quốc, có thể thấy một hệ thống như vậy là nguy hiểm đến chính trị. Ông nói : "Có những nước, thí dụ như các nước châu Phi, ở đó nếu anh cho phép những người chỉ huy tiểu đoàn được nói chuyện với nhau mà không có ai đứng trên đầu họ, thì trong vòng 6 tháng, một người chỉ huy tiểu đoàn sẽ trở thành tổng thống, còn người kia sẽ là bộ trưởng quốc phòng."

Theo ông, điều này giải thích tại sao các mạng lưới thông tin kiểu mới chỉ tỏ ra có lợi cho các nước dân chủ.

THÔI HỌC VÀ HỌC LẠI

Tuy nhiên, cho dù liên lạc thông tin là rất quan trọng, nhưng nó mới chỉ là một phần của hệ thống truyền bá thông tin của các lực lượng vũ trang. Các nền quân sự của Làn sóng Thứ ba đã rất chú trọng tới việc huấn luyện và giáo dục ở tất cả các cấp, và các hệ thống nhằm cung cấp khả năng huấn luyện đúng người đúng việc chính là một bộ phận của quá trình truyền bá thông tin.

Cũng như trong kinh doanh, việc học tập, thôi học rồi học lại đã trở thành một quá trình liên tục trong mỗi lĩnh vực nghề nghiệp của ngành quân sự. Các tổ chức huấn luyện đang phát triển dần dần trong phạm vi các dịch vụ quân sự khác nhau. Ở tất cả các ngành, công nghệ tiên tiến đang được phát triển để thúc đẩy việc học hành. Trong số đó, việc tạo trận giả bằng máy vi tính đóng vai trò càng lớn. Thí dụ như việc sử dụng video về cuộc giao chiến Vùng Vịnh. Tất cả các bước di động của cả hai bên được nạp vào máy vi tính, và sau đó người ta có thể ngồi trước màn hình điều khiển lại trận đánh trong những điều kiện giả khác nhau. Mọi người đều có thể hình dung được đến một ngày nào đó các phương pháp huấn luyện dựa trên cơ sở vi tính và chính bản thân các công nghệ sẽ trở nên giá trị đến mức mà quân đội các nước phải tìm cách đánh cắp của nhau. Các vị tướng lĩnh của thời đại Làn sóng Thứ ba hiểu rằng nếu quân đội được huấn luyện tốt nhất, học được nhanh nhất và biết được nhiều nhất thì họ sẽ có một lưỡi dao sắc bén để bù lại cho những khiếm khuyết khác. Tri thức là sự thay thế cuối cùng cho các nguồn lực khác.

Tương tự, các vị tướng thông minh cũng hiểu quá rõ rằng có thể chiến thắng các cuộc chiến tranh dựa trên màn hình vô tuyến chẳng kém gì trên chiến trường.

Trong số những tin tức mà quân đội tung ra có những thông tin đánh lạc hướng, có những tin giả, có tài liệu tuyên truyền, có sự thật (khi nó phục vụ cho họ) và những hình ảnh truyền thông cực mạnh - có nghĩa là tri thức đi kèm với phản tri thức.

Quả thực, tuyên truyền và phương tiện truyền thông đại chúng sẽ đóng một vai trò bùng nổ về mặt chính trị trong cuộc chiến tranh thế kỷ XXI, đến nỗi chúng tôi phải dành cả một chương để viết về chúng (xem chương 18, "Sự tuyên truyền"). Do đó chính sách truyền thông cùng với các chính sách thông tin liên lạc và giáo dục sẽ bao hàm những thành phần truyền bá thông tin chủ chốt của mọi chiến lược thông tin toàn diện.

BÀN TAY KHẮC NGHIỆT

Nhưng không có một chiến lược thông tin nào được coi là hoàn hảo nếu không có thành phần thứ tư và là cuối cùng là bảo vệ tài sản thông tin tránh sự tấn công của đối phương. Bởi vì thanh gươm thông tin cũng là thanh gươm hai lưỡi. Nó có thể được dùng để tấn công. Nó có thể tiêu diệt địch ngay trước khi địch mở cuộc tiến công đầu tiên. Nhưng nó cũng có thể làm đứt tay chính người cầm nó. Hiện nay, người biết cầm nó tốt nhất là nước Mỹ.

Không có quốc gia nào trên thế giới có thể bị mất tài sản thông tin hơn nước Mỹ. Và không nước nào có nhiều tài sản thông tin hơn để mà mất.

Điểm này đã bị Neil Munro chỉ trích kịch liệt và xác đáng. Ông là một người đàn ông gốc Dublin, 31 tuổi, nói hơi pha giọng Ailen. Ông chuyển đến Mỹ năm 1984 với một bằng thạc sĩ về nghiên cứu chiến tranh. Hiện nay ông là một trong những chuyên gia hiểu biết rõ nhất về nguồn gốc của tư tưởng chiến tranh thông tin, bắt đầu từ quan niệm chiến tranh điện tử đến những điểm ngoắt ngoéo mới đây nhất của Lầu Năm Góc.

Là tác giả của cuốn sách *Những người còn sống và những người đã chết* - một cuốn sách quan trọng nói về trận chiến điện tử. Ông cũng là thư ký ban biên tập của tờ *Tin tức Quốc phòng* - một tờ tuần báo có uy tín. Tờ báo này cho rằng trong số bạn đọc của nó có 1.315 tướng lĩnh và đô đốc Mỹ, chưa nói đến 2.419 quan chức cao cấp khác trong các quân đội và hải quân nước ngoài trên khắp thế giới. Tờ *Tin tức Quốc phòng* cũng có bạn đọc rộng rãi là những người điều hành nền công nghiệp quốc phòng, các chính trị gia, các bộ trưởng nội các. Và thậm chí, như tờ báo khẳng định, có cả một số vị đứng đầu nhà nước. Tóm lại, khi Munro dò được những tin tức mới nhất về tư tưởng học thuyết chiến tranh thông tin, về phần mềm hoặc về tình báo, thì các báo cáo của ông luôn được đặt lên bàn của những người có quyền ra quyết định một cách thích đáng.

Munro gần như bị thừa adrenalin (hóc môn tuyến thượng thận), lời lẽ của ông tỏ ra lộn xộn mỗi khi ông nói về chiến tranh thông tin, ông nhấn mạnh lời bình luận của mình bằng những dẫn chứng lịch sử quân sự uyên bác. Ông là người phản ánh năng lực tri thức được hình thành xung quanh các khối quan niệm dẫn đến mục đích cuối cùng của chiến lược thông tin. Nhưng ông cũng nhắc lại một lời cảnh cáo kiên trì mà ông đã nghe được trong các giới chiến tranh thông tin.

Ưu thế của thông tin có thể giành chiến thắng trong chiến tranh. Nhưng ưu thế này quá mỏng manh. Munro nói : "Trước kia, nếu anh có 5000 xe tăng mà đối phương của anh có 1000 chiếc thì anh đã có một ưu thế 5/1. Trong chiến tranh thông tin, anh có thể có ưu thế 100/1, nhưng tất cả có thể tùy thuộc vào một ngòi nổ". Hoặc tùy thuộc vào một cục diện. Hoặc vào khả năng của anh trong việc bảo vệ lợi thế của mình để tránh bị người ta đánh cắp nó.

Nguyên nhân chính của sự mỏng manh này là ở chỗ, thông tin, với tư cách là một nguồn lực, nó khác biệt với tất cả các nguồn lực khác. Nó không bao giờ cạn kiệt. Nó có thể được sử dụng đồng thời bởi cả hai phía. Nó không có ranh giới. Điều đó có nghĩa là chỉ một sự cung cấp tài liệu nhỏ cũng đã có thể gây ra những hậu quả không lường trước được. Chỉ một mẩu tin tức nhỏ nhưng chính xác cũng có thể đưa lại cả một lợi thế chiến thuật, chiến lược vô cùng lớn. Và sự ngăn chặn một mẩu tin cũng có thể gây thảm họa to lớn.

Trong ánh sáng ban chiều của chiến thắng quân sự ở Vùng Vịnh, sự chú ý của người Mỹ đã tập trung vào những phương pháp mà quân đội Mỹ dùng để "bịt mắt" Saddam Hussein bằng cách huỷ diệt những hệ thống thông tin liên lạc của ông ta. Kể từ đó, mối lo ngại gần như đến mức báo động đã tăng lên trong giới quốc phòng về những cách mà ngược lại một kẻ thù cũng có thể bịt mắt được nước Mỹ.

KHÙNG BỐ THÔNG TIN

Ngày 19 - 1 - 1991, trong cuộc tấn công bằng không quân của quân đồng minh vào Baghdad, Hải quân Mỹ đã sử dụng các tên lửa tuần tiễu Tomahawk bắn ra cái mà tờ *Tin tức Quốc phòng* miêu tả là "một loại đầu đạn mới tối mật, phi hạt nhân, sử dụng bằng xung điện từ" để phá vỡ hoặc phá huỷ các hệ thống điện tử của Iraq. Những vũ khí như vậy không gây một thiệt hại vật chất công khai nào, nhưng có thể "nướng chín" các bộ phận của rada, của mạng lưới điện tử và của máy vi tính.

Ngày 26-2-1993, một quả bom thô thiển đã nổ ở Toà nhà Thương mại Thế giới tại Manhattan, làm chết 6 người, bị thương hơn 1000 người và phá vỡ hoạt động của hàng trăm cơ sở kinh doanh ở gần trung tâm tài chính của New York.

Hãy thử hình dung điều gì có thể xảy ra trong cuộc Chiến tranh Vùng Vịnh, nếu các nhà vật lý hạt nhân của Saddam Hussein đã tạo ra cho ông ta một đầu đạn xung điện từ thô thiển và một kẻ "khủng bố thông tin" bắn nó vào Toà nhà Thương mại Thế giới hoặc vào khu vực Phố Wall. Nếu xảy ra hỗn loạn về tài chính, nếu những mạng lưới chuyển khoản ngân hàng, những thị trường chứng khoán và trái phiếu, các hệ thống thương mại hàng hoá, mạng lưới thẻ tín dụng, các đường dây điện thoại và làn sóng truyền dữ liệu bị phá vỡ hoặc tiêu huỷ thì sẽ gây ra một làn sóng choáng váng tài chính trên khắp thế giới. Thực ra, chẳng cần đến những vũ khí tinh vi cũng đã có thể gây ra những tác dụng đó. Chỉ cần đặt những thiết bị thô sơ vào "những nút thông tin" không được bảo vệ là đã có thể tạo ra một sự tàn phá, nếu các hệ thống đó không có đủ độ vững chắc cần thiết, hoặc thiếu các máy móc an toàn.

Với tư cách là cố vấn thông tin về Công ước quốc tế, ông Winn Schwartau đã nói : " Với hơn 100 triệu máy vi tính liên kết chặt chẽ chúng ta lại với nhau thông qua một loạt các hệ thống liên lạc ở mặt đất và trên vệ tinh... ngày nay các hệ thống vi tính của chính phủ và của ngành thương mại được bảo vệ quá sơ sài đến mức có thể coi là không được bảo vệ gì. Một trận Trân Châu Cảng điện tử đang sắp sửa xảy ra".

Báo cáo của Tổng Văn phòng kế toán Mỹ (GAO) gửi lên Quốc hội cũng bày tỏ những mối lo ngại tương tự. GAO lo rằng Fedwire, một mạng lưới chuyển khoản điện tử mà trong năm 1988 đã quản lý 253 ngàn tỷ đôla chuyển khoản, đang lâm vào tình trạng thiếu an toàn và cần phải có "những dự phòng an ninh nghiêm ngặt". Paul Strassmann, một người ít sôi nổi và hoàn toàn không theo thuyết duy cảm, đã cảnh cáo về sự xuất hiện của "những đội quân khủng bố thông tin".

Hãng tư vấn Booz Allen và Hamilton đã chỉ đạo một công trình nghiên cứu về thông tin liên lạc ở New York và phát hiện

ra rằng các cơ quan tài chính lớn đang hoạt động thiếu mạng lưới an toàn viễn thông. Cả những đồng nghiệp của họ ở Frankfurt, hoặc ở Paris, ở Tokyo hay ở London cũng chẳng khá hơn là bao. Báo cáo còn cho thấy điều ngược lại.

Các hệ thống quân sự, mặc dù an toàn hơn, nhưng cũng không phải là không thể bị hu hỏng. Ngày 4-12-1992, Lầu Năm Góc đã gửi đi một thông điệp mật cho các tổng tư lệnh quân khu, ra lệnh cho họ phải nhanh chóng bảo vệ các mạng lưới điện tử và vi tính. Đây không phải chỉ có radar và các hệ thống vũ khí dễ bị hu hỏng, như chúng ta đã thấy ở trên, mà cả đến những thứ khác như các cơ sở dữ liệu vi tính, trong đó có chứa các kế hoạch động viên hoặc danh sách và vị trí các bộ phận phụ tùng. Hồi đó, Duane Andrews đã nói : "Sự an toàn thông tin của chúng ta rất tồi tệ, bí mật tác chiến cũng tồi tệ và an toàn liên lạc cũng tồi tệ". Đường như để nhấn mạnh cho những lời lẽ gay gắt này, tháng 6 -1993, một "kẻ cắp điện tử" đã bắt được các cú điện thoại của Văn phòng Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ Warren Christopher gọi cho những người đứng đầu thế giới. Các cú điện thoại này báo cho họ biết về cuộc tấn công tên lửa của Mỹ vào trụ sở tình báo Iraq ở Baghdad.

Không cần nhắc lại cũng biết là có quá nhiều chuyện về những kẻ đánh cắp dữ liệu máy vi tính, chúng đã đột nhập bất hợp pháp vào các khu vực vi tính tập đoàn và quốc gia. Nhưng vẫn còn rất nhiều quan niệm sai lầm. Trong khi bị công kích vì tội đột nhập hoặc làm hỏng các hệ thống vi tính, thì trên thực tế phần lớn bọn ăn cắp này đã cố gắng thật cẩn thận để không làm hỏng thông tin hoặc không hành động theo cách bất hợp pháp. Còn những kẻ vẫn tiếp tục làm hỏng thì bị chúng gọi là "bọn điên rồ".

Dù sao thì giờ đây một kẻ cuồng tín Ấn Độ giáo ở Hyderabad hoặc một kẻ cuồng tín Hồi giáo ở Madras, hay một kẻ loạn trí ở

Denver cũng vẫn có thể gây thiệt hại to lớn cho nhiều người, nhiều nước hoặc, dù có phần khó khăn hơn, cho cả những đội quân ở cách xa 10.000 dặm. Một báo cáo mang tên *Sự khủng hoảng của máy vi tính* của Hội đồng nghiên cứu quốc gia viết : "Trong tương lai, những kẻ khủng bố có thể sẽ gây nhiều thiệt hại hơn bằng một bảng điều khiển hơn là bằng một quả bom".

Đã có rất nhiều tài liệu viết về những vi rút máy tính có khả năng phá hoại dữ liệu hoặc có thể ăn cắp cả bí mật lẫn tiền mặt. Chúng có thể cấy vào máy những thông tin giả, thay đổi dữ liệu lưu trữ và tham gia vào hoạt động gián điệp, dò tìm dữ liệu và chuyển cho đối phương. Nếu được tiếp cận với các mạng lưới thích hợp, thì ít nhất là về mặt lý thuyết chúng sẽ có thể trang bị vũ khí, có thể tước vũ khí hoặc đặt lại mục tiêu cho vũ khí.

Trước đây vi rút đã từng được đưa vào mạng lưới máy tính công cộng và lây lan bừa bãi từ máy này sang máy khác. Những người trông coi máy vi tính hiện nay rất lo lắng về những cái được gọi là "vi rút tuần tiểu" - một loại vũ khí nhạy bén nhằm vào các mục tiêu đặc biệt. Mục đích của nó không phải là làm hư hỏng máy một cách bừa bãi, mà là bắt lấy những từ đặc biệt, ăn cắp những thông tin đặc biệt hoặc phá hỏng một đĩa cứng đặc biệt. Nó là phần mềm tương đương của các tên lửa tuần tiểu thông minh.

Một khi đã được cấy vào mạng lưới vi tính, vi rút có thể lẫn khuất hoặc lảng vảng đầu đó một cách vô tội, chờ khi có một người sử dụng nhẹ dạ (cũng giống như loại người mang mầm bệnh thương hàn) tiếp cận với chiếc máy đã định. Khi đó vi rút liền nhảy vào bảng điều khiển và tiếp tục di chuyển. Một khi đã nằm trong máy, nó sẽ phát huy sức mạnh phá hoại.

Trong cuốn sách *Những đứa trẻ trí tuệ*, Hans Moravec đã miêu tả một vũ khí tự vệ mà ông gọi là "con thú ăn mồi vi rút". Nó có thể lan ra khắp mạng lưới như một chất kháng thể trong

hệ thống miễn dịch, phát hiện ra các vi rút và tiêu diệt chúng. Nhưng ông cũng thông báo rằng "một vi rút nạn nhân có thể biến đổi hình dạng khiến cho nó không bị con thú ăn mồi" nhận ra nữa. Nhưng kể cả như vậy, cũng không phải là đã hết mọi khả năng.

Hiện nay đang có một chương trình mà về nguyên tắc không những nó có thể được cấy vào một mạng lưới vi tính để tự tái tạo trong hàng ngàn máy vi tính hoặc tự biến đổi hình dạng theo nhu những chỉ dẫn đã được đặt chương trình trước, mà nó còn có thể được thiết kế để tạo ra một cái giống hệt một cơ thể sinh học có thể đáp ứng sự đột biến ngẫu nhiên - đó là vi rút tiến hoá có thể thay đổi tuỳ theo tình huống và vì thế mà ngay cả những chất diệt vi rút tinh vi nhất cũng khó có thể tìm ra được nó. Vi rút này là một sinh vật nhân tạo mà trong tương lai sẽ trở thành vật tự chủ.

Sự thật là các nền dân chủ tiên tiến của Làn sóng Thứ ba có sự phân quyền nhiều hơn và có nhiều sự dư thừa hơn trước kia. Vì thế mà nó có sức bật xã hội và kinh tế vô cùng mạnh mẽ. Nhưng đổi lại, chúng cũng có những điều yếu kém. Thí dụ, máy vi tính và đồ điện tử càng nhỏ và càng tiên tiến thì càng cần đến ít năng lượng điện tử để phá vỡ chúng. Hơn nữa, các xã hội của Làn sóng Thứ ba thường mở rộng hơn, sức lao động của chúng biến động hơn, hệ thống chính trị xã hội dễ dãi tự do hơn và sự thoải mái cũng lớn hơn so với của các quốc gia hoặc của những nhóm người chỉ mong cho những xã hội kia tụt tệ đi. Vì những lý do này nếu không kể đến những lý do khác nữa, bất kỳ một chiến lược thông tin quân sự đáng giá nào cũng phải đề cập đến những vấn đề an toàn như vậy cùng với những vấn đề về thu thập, xử lý và truyền bá thông tin.

Tóm lại, một chiến lược thông tin quân sự toàn diện cần phải giải quyết tất cả bốn chức năng chủ chốt là thu thập, xử lý, truyền bá và bảo quản. Trên thực tế, bốn chức năng này liên quan chặt chẽ với nhau. Vì thế, cần mở rộng việc bảo quản tất cả các chức

năng thông tin ấy. Các hệ thống xử lý thông tin đều có liên quan đến tất cả các chức năng này. Không thể tách rời việc liên lạc thông tin với máy vi tính. Để bảo vệ hệ thống thông tin quân sự, cần phải có công tác phản gián. Việc làm thế nào để hợp nhất các chức năng ấy sẽ chiếm cả một thời gian dài của các nhà chiến lược thông tin trong tương lai.

Vượt ra khỏi những điều này (và ra khỏi phạm vi quyển sách này) là cả một sự thật cuộc sống to lớn hơn. Mỗi chức năng thông tin quân sự cũng giống hệt như trong dân sự. Sức mạnh tốt cùng của quân sự Làn sóng Thứ ba phụ thuộc vào sức mạnh của trật tự dân sự mà nó phục vụ, và tiếp đó, sức mạnh này lại phụ thuộc ngày càng nhiều vào chiến lược thông tin của xã hội.

Điều này có nghĩa là tốt hay xấu thì xét về mặt thông tin, một người lính và một người dân thường là những người anh em sinh đôi. Hiệu quả của việc thu thập, xử lý, truyền bá và bảo quản tài sản thông tin của thế giới dân sự - bao gồm các hiệp hội kinh doanh, hiệp hội của chính phủ và các hiệp hội phi lợi nhuận - sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến việc thực hiện các nhiệm vụ của giới quân sự.

Việc không ngừng nâng cao và bảo vệ các tài sản nói trên là những điều kiện tiên quyết cho sự sống còn của các xã hội Làn sóng Thứ ba trong hệ thống thế giới chia ba của thế kỷ XXI.

Vì thế, cái mà chúng ta đã nhìn thấy là sự tiến bộ trong tư tưởng quân sự vượt xa hơn quan niệm ban đầu của nó về chiến tranh điện tử, xa hơn cả những định nghĩa hiện hành về "chiến tranh chỉ huy và điều khiển", và thậm chí xa hơn cả quan niệm khái quát hơn về "chiến tranh thông tin".

Do đó, trong những thập kỷ tới, nhiều bộ óc quân sự tài ba sẽ phải nhận nhiệm vụ tiếp tục xác định các bộ phận cấu thành của cuộc chiến tranh thông tin, xác định mối quan hệ phức tạp giữa các bộ phận đó và xây dựng các "mô hình thông tin" để có

thể đề ra các phương án chiến lược. Đây sẽ là cái nôi sinh ra các chiến lược thông tin toàn diện.

Bởi vì, việc vạch ra các chiến lược thông tin là giai đoạn tiếp theo của sự phát triển hơn nữa hình thái chiến tranh Làn sóng Thứ ba - là hình thái mà như chúng ta sẽ thấy, hình thái hoà bình của ngày mai sẽ phải đáp lại.

Tuy nhiên, để đạt được một chiến lược thông tin thích hợp, mỗi nước hoặc mỗi lực lượng quân sự sẽ phải đương đầu với những thử thách của riêng mình. Đối với Mỹ, một nước có quân đội tiên tiến nhất thế giới, điều này có nghĩa là phải cải tạo lại căn bản cơ cấu của một số tổ chức "an ninh quốc gia" quan trọng nhất và cố thủ chắc chắn nhất của nó còn mang tính chất của thời đại Làn sóng Thứ hai.

TƯƠNG LAI CỦA TÌNH BÁO

Từ khách sạn Metropol ở Mátxcova trong vòng 40 phút, chúng tôi đã tới gần một ngôi nhà không có gì đặc biệt. Chúng tôi giữ tuyết khỏi giày và bước vào nhà. Các hòm thư xếp thành hàng ở một bên trong hành lang tối mờ, một số hòm đầy ú giấy tờ. Chúng tôi bước vào thang máy để đi lên, và được chào đón rất nồng nhiệt. Chẳng mấy chốc chúng tôi đã ung dung ngồi trong phòng khách của Oleg Kalugin nói tiếng Anh rất thành thạo. Ông mỉm cười và trao cho bạn tấm danh thiếp trong đó chỉ ghi một cách kín đáo là "chuyên viên". Không có một ám chỉ nào về chuyên môn của ông.

Oleg Kalugin đã từng là điệp viên chủ chốt của Liên Xô ở Washington trong những năm tháng nóng bỏng nhất của cuộc chiến tranh lạnh. Đã cách xa những ngày khi ông "rượt theo" John Anthony Walker, một sĩ quan hải quân Mỹ rao bán những bản mật mã của Mỹ, đã cách xa những ngày khi Kalugin ngồi lì trong sứ quán Liên Xô trên phố Mười Sáu đọc những tài liệu lấy trộm được từ Cơ quan An ninh quốc gia tối mật, hoặc sau đó khi ông có thể chuyện trò thân mật với Kim Philby - một trong những điệp viên bậc thầy của thế kỷ. Hôm nay Kalugin, người một thời từng là vị tướng trẻ nhất của KGB¹, xuất hiện trên đài truyền

1. KGB : Ủy ban An ninh quốc gia của Liên Xô cũ - "N.D."

hình CNN, gặp gỡ các quan chức cao cấp của CIA và FBI và nhớ lại con đường sự nghiệp của mình.

Trong nhiều tiếng đồng hồ, chúng tôi nói về khả năng mà theo Kalugin là không thể xảy ra : đó là việc một số điệp viên và mạng lưới tình báo Xô viết ở nhiều nước có thể đã thay đổi lòng trung thành và làm việc cho các nước khác. Ông đưa ra nhận định cá nhân về âm mưu đảo chính dẫn đến sự sụp đổ của Gorbachev và diễn tả niềm tin của mình về một tương lai hoà bình.

Kalugin là một nhà phê bình thẳng thắn đối với công tác tình báo được tiến hành trong chiến tranh lạnh. Thậm chí ông còn phê phán mạnh mẽ hơn đối với những gì ông nhìn thấy hôm nay - đáng chú ý là quyết định của Chính phủ Nga thành lập " Học viện An ninh quốc gia", ở đó một thế hệ mới sẽ được học những thứ mà ông mô tả là "vẫn là những cách tiếp cận cũ, cùng một thứ kỷ luật cũ" như dưới thời kỳ KGB. Một số đồng nghiệp cũ của ông tỏ ra bất bình trước những lời chỉ trích công khai của ông về cơ quan tình báo mà ông đã từng phục vụ. Nhưng Kalugin là một biểu tượng sống của những thay đổi đặc biệt đang làm biến đổi nghề tình báo thế giới.

Trong tất cả các cơ quan "an ninh quốc gia" không có cơ quan nào có nhu cầu sâu sắc về tái tổ chức và quan niệm lại như các cơ quan phục vụ công tác tình báo đối với nước ngoài. Tình báo, như chúng ta đã thấy, là một bộ phận chủ chốt của bất cứ chiến lược thông tin quân sự nào. Nhưng khi hình thái chiến tranh Làn sóng Thứ ba đang định hình, thì bản thân công tác tình báo hoặc là cũng phải mang một hình thái của Làn sóng Thứ ba, nghĩa là nó phải phản ánh vai trò mới của thông tin, liên lạc và tri thức của xã hội, hoặc là nó trở nên tốn kém, không phù hợp hoặc có những sai lệch nguy hiểm về đường lối.

NHỮNG CHIẾC THUYỀN BUỒM VÀ XE ĐUA

Washington hiện đang kêu gào giảm mạnh, thậm chí cắt bỏ hàng loạt các cơ quan tình báo Mỹ. Tuy nhiên, nhu đối với những chi phí về quốc phòng nói chung, phần lớn những đòi hỏi về cắt giảm phản ánh những áp lực chính trị tầm ngắn chứ không phải là phản ánh bất cứ một chiến lược toàn cầu lớn nào hoặc phản ánh việc quan niệm lại công tác tình báo đúng với cương vị.

Chính vì vậy, tờ *New York Times*, tờ báo một thời có uy thế, đã đề nghị chấm dứt hoạt động đối với những vệ tinh làm nhiệm vụ giám sát các cú điện thoại và các kỹ thuật đo xa bằng tên lửa, khen ngợi việc CIA chỉ có 9 nhà phân tích quan tâm đến lực lượng quân sự của Nga (trước đây lực lượng này là 125 người) ; nó còn cho rằng Iran đang tỏ ra chịu đựng được sự giám sát, nhưng cũng vô ý tuyên bố rằng các nước còn lại trên thế giới đang "bị khống chế khá chặt".

Sự quả quyết chủ quan này dường như được đưa ra không đúng lúc, khi mà quân đội Liên Xô cũ vẫn kiểm soát hàng nghìn vũ khí hạt nhân chiến lược và chiến thuật, khi mà đất nước này vẫn có khả năng bùng nổ chiến tranh, và các phần tử xấu của nền quân sự cũ vẫn có thể đóng một vai trò cách mạng trong việc quyết định tương lai. Tất diếc chủ quan dường như rất khó nhận thấy rằng trên thế giới tên lửa và đầu đạn đang sinh sôi nảy nở với tốc độ cao. Về tiềm năng gây bất ổn định toàn cầu thì Iran không phải là nơi duy nhất "chịu đựng được sự giám sát" và "các nước còn lại trên thế giới" chắc chắn cũng không phải là "bị khống chế khá chặt chẽ" như chính tờ báo *Times* tiết lộ.

Ít nhất là từ những năm 70 người ta đã nhất trí thừa nhận rằng Kim Nhật Thành của Bắc Triều Tiên đang chuẩn bị cho con trai mình là Kim Jong Il kế nghiệp ông ta. Tuy nhiên, gần như không ai biết gì về Kim con, ngoài việc ông ta có thiên hướng say mê ô tô nhập khẩu và những chiếc thuyền buồm Thụy Điển. Tháng 3

-1993 báo *Times* thông báo rằng "CIA hình như rất gần đây mới phát hiện rằng ông ta có hai con - một sự kiện quan trọng trong một chính phủ có truyền thống triều đại vua chúa". Việc báo chí phương Tây phải mất nhiều thời gian mới xác định được một sự kiện quan trọng như vậy hầu như không chứng minh được gì cho "sự khổng chế" chặt chẽ cả.

VẤN ĐỀ CỦA GM (GENERAL MOTORS)

Đối với nước Mỹ, tình báo từng là một doanh nghiệp khổng lồ 30 tỷ đôla một năm. Các tổ chức chính của nó như Cục Tình báo trung ương, Cục Tình báo quốc phòng, Cục An ninh quốc gia và Sở Quân báo quốc gia là những tổ chức của Làn sóng Thứ hai cổ điển. Những cơ quan này có quy mô rất lớn, mang tính quan liêu, tập trung hoá và có tính bí mật cao. Tình báo Xô viết - KGB và cơ quan tương ứng của nó bên quân sự, GRU, thậm chí còn hơn thế.

Ngày nay, những cơ quan như vậy đã lỗi thời trong tình báo cũng như trong kinh tế. Hệt như hãng General Motors và hãng IBM, các hãng tình báo chủ chốt của thế giới đang bước vào cuộc khủng hoảng cơ cấu, họ đang thất vọng tìm xem có gì sai sót và họ thực sự đang phải làm gì. Và cũng giống như đàn khủng long, họ đang buộc phải nghỉ ngơi các nhiệm vụ cơ bản và thị trường của mình.

May mắn thay, giống như những nhà lý luận về quản trị trong thế giới kinh doanh đang biến đổi nhanh chóng, người ta đã quyết định không tiêu diệt ngành tình báo mà chỉ thay đổi khái niệm trong những điều kiện của Làn sóng Thứ ba. Chính khái niệm "an ninh quốc gia" mà các cơ quan này cho là mình phục vụ, đang được mở rộng để bao gồm không chỉ các thành phần quân sự mà còn cả các thành phần kinh tế, ngoại giao và thậm chí cả thành phần sinh thái. Một cựu thành viên cũ của Hội đồng An ninh

quốc gia Mỹ, ông John L. Peterson, lập luận rằng để ngăn chặn tình trạng bạo loạn trước khi nó bùng nổ, Mỹ cần sử dụng cơ quan tình báo và các lực lượng quân sự của mình để giúp thế giới giải quyết các vấn đề như nạn đói, thiên tai, nạn ô nhiễm, những cái có thể lôi kéo các dân tộc đang tuyệt vọng vào cuộc xung đột bạo lực. Để làm được điều đó, phải cần đến tình báo nhiều hơn nữa chứ không phải là ít hơn, nhưng là phải có nhiều dạng tình báo khác nhau. Một lần nữa, sự giống nhau với bên kinh doanh lại tỏ ra rõ ràng. Vì vậy, Peterson nói: "Do thị trường an ninh thay đổi và mở rộng, cần phải có các "sản phẩm" mới để đáp ứng những khâu đoạn mới".

Hệt như một chuyên gia về marketing, Andrew Shepard, nhà phân tích và nhà quản lý chủ chốt của CIA, cố sức thuyết phục các chuyên gia tình báo tiến hành việc phi hàng loạt hoá các đầu ra của họ: "Để phục vụ tình báo thông thường cho quyền lợi của khách hàng riêng biệt, chúng ta cần có khả năng đưa ra những mặt hàng khác nhau cho mỗi khách hàng chủ chốt. Chúng ta phải hình dung ra thành phẩm cuối cùng và trao tin tình báo đã hoàn thành tại "điểm bán hàng". Tương tự như tư duy quản lý kinh tế của Làn sóng Thứ ba, các nhà tư tưởng tình báo tiên tiến đã nói về việc lắng nghe "khách hàng", cắt giảm "khâu quản lý trung gian", thực hiện phân quyền, giảm chi phí và phi quan liêu hoá.

Angelo Codevilla thuộc Học viện Hoover ở Berkeley đã gọi ý rằng "mỗi bộ phận của chính phủ cần phải thu thập và phân tích các bí mật mà nó cần". Vai trò của CIA, ông nói, nên qui giản thành vai trò của một ngân hàng hối đoái. Codevilla thuyết phục Mỹ triệu hồi hàng ngàn điệp viên và đám nhân viên được cấm ở các sứ quán, giả bộ là các nhà ngoại giao nhưng thực chất đang thu thập các tin tức dễ dàng lấy được đối với bất cứ một nhà doanh nghiệp, nhà báo hoặc viên chức ngoại vụ nào. Ông cho

rằng 10 phần trăm số điệp viên đang hoạt động dưới cái vỏ ngoại giao hữu ích phải được chuyển sang các bộ phận khác của chính phủ như quốc phòng và ngân khố chẳng hạn.

Phải tích cực sử dụng hơn nữa hoạt động của những điệp viên không chuyên nằm trong lĩnh vực kinh doanh và nghề nghiệp ở các nước đối tượng. Nếu những chiến dịch bí mật - những chiến dịch nước ngoài trong đó vai trò của người bảo trợ có thể không lộ diện - là cần thiết thì chúng phải do quân đội hoặc những cơ quan khác tiến hành chứ không phải là một phần của công tác tình báo.

Hơn nữa, Codevilla phân nân, các phương tiện kỹ thuật để thu thập tin tức tình báo, kể cả một số vệ tinh nhân tạo, đang hoạt động bừa bãi như các máy hút bụi điện tử thu lượm quá nhiều thông tin vô bổ. Giống như vũ khí của quân đội, những phương tiện này cần phải nhằm vào những mục tiêu chính xác. Sản phẩm tiêu thụ của người sử dụng cũng đang thay đổi, ngay cả trong quân sự. Cụ thể một tài liệu quan trọng lưu hành ở tầng lớp chóp bu của Lầu Năm Góc đưa ra vào tháng 1 - 1993 đã tố cáo rằng các nhà phân tích cao cấp của giới tình báo quân sự vẫn đang nghiên ngẫm về những khái niệm của những cuộc chiến tranh lớn trên mặt đất. Họ quá tập trung vào các yếu tố quân sự, đánh giá thấp tầm quan trọng của chiến lược chính trị. "Các nhà phân tích - tài liệu này viết - dường như rất ít có nhạy cảm hoặc ít có số liệu về các loại chống đối thuộc Thế giới Thứ ba mà chúng ta có thể sẽ phải đối phó" và về việc làm thế nào mà "những lực lượng chống đối rất yếu về mặt quân sự (như lực lượng Xécbia ở Bôxnia) lại có thể gây ra những vấn đề cực kỳ nan giải".

NHỮNG THỊ TRƯỜNG MỚI

Theo Bruce D. Berkowitz, cựu chuyên gia phân tích của CIA, và Allan E. Goodman, trước đây là điều phối viên cố vấn tổng

thống của CIA, thì giới tình báo có thể sẽ phải điều tra và phân tích những chiếc máy bay cũ và nhỏ vận chuyển ma túy hơn là làm cái việc điều tra và phân tích một chiếc máy bay phản lực phát ra tín hiệu đo tầm xa thông thường bằng tia hồng ngoại. Nó có thể sẽ phải xác định vị trí của quân du kích hơn là phát hiện những tiểu đoàn xe tăng đang di động. Và nó có thể sẽ phải đánh giá thái độ của một quốc gia đối với nạn khủng bố hơn là làm cái việc mổ xẻ kế hoạch đề xuất của Liên Xô về kiểm soát vũ khí.

Đặc biệt là cuộc chiến đấu chống khủng bố đòi hỏi phải có thông tin cực kỳ chính xác và những kỹ thuật mới, được điều khiển bằng máy điện toán, để thu thập các thông tin đó. Ông Count de Marenches, cựu giám đốc cơ quan tình báo Pháp, tỏ ra có lý khi ông nói : "Thông tin tình báo chính xác có thể còn nguy hiểm hơn những thứ đạn được được điều khiển chính xác".

Trong một cuộc hội nghị vào tháng 3-1993 của AIPASG (Nhóm Xử lý thông tin Tình báo cao cấp và Định hướng Phân tích của giới tình báo), Christopher Westphal và Robert Beckman thuộc trung tâm phân tích Alta đã mô tả một phần mềm mới để giúp các nhà chức trách xác định các nhóm khủng bố bằng cách tìm ra các mối quan hệ bí mật trong các cơ sở dữ liệu. Ví dụ, bằng công cụ này, một tiểu đội chống khủng bố có thể yêu cầu máy vi tính thông báo các địa điểm mà tại đó có sáu người trở lên trong số đối tượng nghi vấn hay lui tới. Mục đích là cho phép người sử dụng "nhanh chóng phát hiện và vạch trần những tổ chức nguy hiểm mà những phương pháp khác không tìm ra".

Lý do thật rõ ràng. "Khi các phương tiện xe cộ, điện thoại, hoặc các địa điểm gặp nhau được xác định cho một nhóm, thì câu hỏi cần đặt ra là : "Tại sao cái đầu mối này lại nằm ở đây?" và "Ai là kẻ đứng sau hoặc hợp tác với cái đầu mối ấy?" "Người ta cho rằng một chương trình gọi là bản đồ mạng lưới thậm chí có thể xác định được những nhóm "đang xuất hiện".

Có thể, bằng phương pháp kết hợp các số liệu như vậy với các thông tin rút ra từ các tài khoản ngân hàng, từ thẻ tín dụng, từ các danh sách số tiền quyên góp và từ các nguồn khác, một phần mềm như vậy có thể giúp xác định được các nhóm hoặc những cá nhân phù hợp với diện mạo của kẻ khủng bố. (Đó là chưa kể một khả năng ít tốt đẹp hơn là chương trình ấy cũng có thể giúp các chính phủ xác định những kẻ ly khai chính trị phi bạo lực, những tôn giáo dị biệt hoặc những tổ chức hợp pháp đấu tranh cho quyền công dân).

Cũng tại hội nghị này, Marc R. Halley và Dennis Murphy thuộc Công ty Khoa học Phân tích (TASC) đã đề xuất một phần mềm nhằm giúp phát hiện ra các cuộc mua bán vũ khí trên "thế giới". Họ gợi ý rằng phần mềm này có thể thu thập số liệu về người mua, người bán, các điều khoản, ngày mua và số lượng. Tuy nhiên, trong một kỷ nguyên nảy sinh nhiều vấn đề vô hình trong chiến tranh, một việc không kém quan trọng là giám sát các "yếu tố thông tin" như quan điểm tôn giáo của quân đội đối phương, như văn hoá, quan điểm thời gian, trình độ giáo dục và đào tạo, các nguồn thông tin của kẻ địch, các phương tiện truyền thông mà họ xem ngoài giờ làm nhiệm vụ cùng những nhân tố khác liên quan đến năng lực thông tin. Tóm lại, nắm được lĩnh vực thông tin đối với các quân đội của Làn sóng Thứ ba cũng quan trọng như việc nắm vững địa lý và địa hình của trận địa trong những cuộc chiến tranh trước đây.

YẾU TỐ CON NGƯỜI

Nhu cầu về một mạng lưới vệ tinh nhân tạo cùng các phần tử nhảy dầy đặc và tự động hoá cao để giám sát sự phát triển vũ khí hạt nhân và tên lửa của Liên Xô đã dẫn đến việc lơ là công tác "tình báo con người", tức là việc thu thập thông tin qua các nguồn con người. Điều đó có nghĩa là tập trung cao độ vào việc tìm hiểu

những khả năng có thật của đối phương như là một lĩnh vực khác biệt với các dự định của họ.

Sự thực là, đôi khi thông qua sự phát triển và triển khai của "các khả năng" như xe tăng, tên lửa, máy bay, sư đoàn và những yếu tố vật chất khác ta có thể đoán ra những ý đồ của phía bên kia. Nhưng những vệ tinh nhân tạo tốt nhất cũng không thể đọc được ý đồ của một tên khủng bố. Chúng cũng không thể biết được những dự định của một người như Saddam Hussein. Vệ tinh nhân tạo và những công nghệ kỹ thuật giám sát khác đã thông báo cho nước Mỹ rằng Saddam tập trung quân ở gần biên giới Côoét. Nhưng nước Mỹ, vì thiếu các điệp viên trong lòng Bagdad, đã phớt lờ lời cảnh cáo như vậy, coi đó là thông tin của những người hay hoang mang và đã kết luận sai lầm rằng việc di chuyển quân chỉ là sự lừa gạt. Nếu có một điệp viên bằng người thật hoạt động trong hoặc gần thế giới của Saddam thì có thể làm sáng tỏ ý định của ông ta và điều đó có thể làm thay đổi lịch sử.

Một cách ngược đời, việc chuyển đổi sang hệ thống tình báo của Làn sóng Thứ ba có nghĩa là nhấn mạnh hơn đến các điệp viên con người, là hình thức tình báo duy nhất của thế giới Làn sóng Thứ nhất.

Chỉ có điều là bây giờ các điệp viên theo kiểu Làn sóng Thứ nhất lại được trang bị bằng những công nghệ tinh vi của Làn sóng Thứ ba.

CUỘC KHÙNG HOẢNG VỀ CHẤT LƯỢNG

Sự nhấn mạnh theo kiểu Làn sóng Thứ hai đến việc thu thập hàng loạt dữ liệu bằng các phương tiện công nghệ cũng góp phần làm "tê liệt phân tích". Có quá nhiều những điều vô giá trị rút ra từ những phần tử nhạy, từ vệ tinh nhân tạo và thiết bị phát hiện tàu ngầm hiện hành đến nỗi thật khó mà tìm ra được thông tin có giá trị pha lẫn trong đó. Phần mềm cực kỳ tinh vi có thể giúp

giải mã các từ chủ chốt trong các cuộc đàm thoại. Nó giám sát cả kiểu và mức độ của hoạt động điện tử, phát hiện tên lửa, chụp ảnh các thiết bị hạt nhân, và thực hiện vô số nhiệm vụ khác. Nhưng các nhà phân tích đã không thể theo kịp được nó để chuyển nó thành tin tức tình báo kịp thời và hữu ích.

Kết quả cái được nhấn mạnh là số lượng chứ không phải chất lượng, hết nhu vấn đề mà General Motors cùng nhiều công ty khác hiện đang phải đương đầu để tồn tại trong cuộc cạnh tranh toàn cầu. Do sự phân tán thái quá của thông tin, ngay cả "sản phẩm" phân tích có chất lượng cao cũng thường không đến được đúng đối tượng và vào thời điểm thích hợp. Hệ thống cũ đã không thể cung cấp tin tức tình báo "đúng lúc" cho những người cần nó nhất.

Vì tất cả những lý do đó, sản phẩm của tình báo đã bị mất giá trị dưới con mắt của rất nhiều "khách hàng". Không có gì là ngạc nhiên khi nhiều người có lương tri, từ Tổng thống Mỹ trở xuống, dễ dàng phớt lờ các giác thu bí mật được chắt thành đồng trong các thùng thư của họ và những báo cáo chỉ dẫn bí mật mà họ nhận được. Quả là chính bản thân sự bí mật - bao gồm cả những giả thiết đằng sau nó - cũng đang được xem xét lại.

Một viên chức cao cấp thuộc Văn phòng Bộ trưởng Quốc phòng nói : "Đã có sự sùng bái thái quá đối với tính bí mật và chính tính bí mật đã trở thành một thứ thuốc thử để đo giá trị của các quan niệm". Nếu một thông tin không phải là bí mật thì nó không quan trọng hoặc không chính xác.

Năm 1992, Chính phủ Mỹ đã có 6.300.000 tài liệu được coi là "mật". Những tài liệu ít hạn chế nhất - tức là về mặt chuyên môn không phải là mật - được đóng nhãn "chỉ dành cho công dụng" (viết tắt là FOUO). Loại thứ hai hạn chế hơn và được coi là mật và được ghi là "mật", "kin". Trên nữa là các tài liệu "mật",

một số trong đó là "bí mật của NATO", có nghĩa là chúng có thể được tiết lộ với các nước khác thuộc khối NATO. Còn các tài liệu khác thì không. Sau đó đến "tối mật" và "tối mật của NATO". Tuy nhiên, cho đến nay chúng ta mới chỉ biết một phần và còn ở rất xa trong việc tiếp cận với các tài liệu tuyệt mật. Bên trên "tối mật" có một loại khác được gọi là "SCI", có nghĩa là "thông tin tình báo nhạy cảm được giữ kín". Thông tin này chỉ cho một số ít người biết. Đó vẫn chưa phải là tất cả cho đến khi chúng ta trèo lên đỉnh cao nhất và tiếp cận với những thông tin mà chỉ được tiết lộ với những người đặc biệt - những người được trang bị ngôn ngữ giải mã đặc biệt.

Để cho hệ thống khỏi tỏ ra quá đơn giản, còn có những tài liệu mang tên như "NOFORN" nghĩa là không tiết lộ cho người nước ngoài, hoặc "NOCONTRACT", nghĩa là không được trao tay cho các nhà thầu khoán, hoặc "WNINTEL", tức là "các nguồn thông tin tình báo cảnh cáo hoặc các phương pháp liên quan", hay "ORCON", có nghĩa là "người khởi đầu kiểm soát việc phổ biến rộng hơn".

Toàn bộ hệ thống to lớn làm hoa mắt và tốn kém này hiện đang bị công kích liên tiếp. Khi nào thì bí mật làm tăng sức mạnh của quân đội và trên thực tế khi nào nó làm suy yếu nền an ninh? Theo G.A.Keyworth II, cựu cố vấn khoa học của Tổng thống Reagan, "cái giá của việc bảo vệ thông tin cao đến nỗi việc sắp xếp chúng là tài liệu mật cũng trở thành một sự cản trở". Chủ nghĩa hoài nghi mới về bí mật là kết quả trực tiếp của những thay đổi theo kiểu Làn sóng Thứ ba ngày hôm nay và của cuộc cạnh tranh mà những thay đổi đó sản sinh ra.

CỬA HÀNG CẠNH TRANH

Những gì mà Làn sóng Thứ ba đã làm được là gây ra sự bùng nổ thông tin (kể cả những tin tức sai lệch) trên toàn thế giới. Cuộc

cách mạng về máy vi tính, sự gia tăng các vệ tinh nhân tạo, sự phổ biến lan tràn của máy sao chụp, máy quay phim video, các mạng lưới điện tử, cơ sở dữ liệu, fax, truyền hình dây cáp, vệ tinh, truyền tin trực tiếp và hàng loạt các công nghệ xử lý và truyền bá thông tin khác đã tạo ra nhiều dòng sông dữ liệu, dòng sông thông tin và tri thức mà giờ đây chúng đang đổ vào một đại dương mênh mông và không ngừng lớn mạnh của hình ảnh, biểu trưng, số liệu thống kê, từ ngữ và của âm thanh. Nói một cách ẩn dụ, Làn sóng Thứ ba đã gây ra một kiểu "big bang" thông tin, tức là đã tạo ra một vũ trụ thông tin mở rộng ra vô tận.

Điều này chủ yếu đã mở ra một cửa hàng cạnh tranh ngay bên cạnh cửa hàng tình báo - cửa hàng này là một kẻ cạnh tranh của Làn sóng Thứ ba, kẻ đã làm cho thông tin trở nên rẻ hơn và nhanh hơn so với các cơ quan tình báo của Làn sóng Thứ hai. Tất nhiên, kẻ cạnh tranh này không thể cung cấp bất cứ thông tin gì mà một chính phủ hay giới quân sự của nó cần. Tuy nhiên, nó có thể cung cấp một khối lượng thông tin lớn.

Đến lượt mình, sự bùng nổ thông tin của Làn sóng Thứ ba có nghĩa là những người ra quyết định có thể tìm thấy trong các nguồn "công khai" ngày càng nhiều những thông tin mà họ cần. Ngay cả một số lượng lớn tin tức tình báo quân sự cũng có thể thu thập được từ cửa hàng rộng mở ngay bên cạnh. Nếu bỏ qua tất cả những điều đó và chỉ phân tích dựa trên các nguồn đóng kín thì không những rất tốn kém mà còn là một điều ngớ ngẩn.

Có ít người nghĩ được sâu xa hoặc sáng tạo về những vấn đề như vậy như cựu linh thủy đánh bộ và là chuyên gia tình báo Robert D. Steele, một người đàn ông 41 tuổi cực kỳ nhanh trí. Năm 1976 ở Trường Đại học tổng hợp Lehigh, Steele đã viết luận văn cử nhân về "cách mạng dự báo". Ngay sau đó, ông đã có cơ hội trực tiếp tìm hiểu cách mạng là gì. Cao và chắc mạp, với

giọng nói oang oang, Steele công khai làm việc với tư cách là công chức chính trị ở Đại sứ quán Mỹ tại En Xanvađo trong thời gian nội chiến, mặc dù nghề nghiệp sau này của ông gợi cho ta thấy rằng ông đã có những nhiệm vụ hoạt động tình báo ở đất nước này. Sau đó ông trở về Washington, thay đổi nghề nghiệp và trở thành đội trưởng một đội chuyên gia chịu trách nhiệm áp dụng công nghệ thông tin cho các vấn đề thuộc chính sách đối ngoại.

Sau khi tốt nghiệp Học viện võ bị Hải quân và chương trình thừa hành của Harvard trong lĩnh vực quản lý công cộng (chính sách tình báo), ông làm đại diện cho Bộ tư lệnh Linh thủy đánh bộ trong Ủy ban ưu tiên tình báo nước ngoài và trong các cơ quan tình báo quốc phòng khác. Gần đây nhất ông phục vụ như một chuyên viên dân sự cao cấp trong bộ phận tình báo của Bộ tư lệnh Linh thủy đánh bộ, mãi mê với máy vi tính, với tin tình báo giả và những vấn đề rộng lớn hơn về chính sách thông tin.

Steele không đồng ý với tuyên bố đưa ra của ban biên tập thời báo *Times* rằng thế giới đã được tình báo Mỹ "khống chế khá chặt chẽ". Ông lập luận rằng thực tế nước Mỹ thiếu trầm trọng các nhà ngôn ngữ học tài giỏi, các chuyên gia có kinh nghiệm thực tế về lĩnh vực chuyên môn của họ, và thậm chí thiếu cả những điệp viên "bản xứ" ở những khu vực khủng hoảng trên thế giới. Người Mỹ, ông nói, cũng không có đủ kiên nhẫn cần thiết để phát triển những nguồn lực này.

Giống như thế hệ điều hành mới trong giới kinh doanh Hoa Kỳ, ông than phiền về căn bệnh chủ trương ngắn kỳ có tổ chức. Ông cho rằng cơ quan tình báo Mỹ thường chú ý quá nhiều đến các khoản hoàn lại trước mắt chứ không tập trung vào việc triển khai lâu dài những tài sản của mình ở nước ngoài.

Steele rất chú ý đến những mối đe dọa mà thế giới ngày nay đặt ra. Ông tin rằng trong hoàn cảnh mà các chiến binh trên mặt

trận tư tưởng, tôn giáo và văn hoá lẫn quất khắp hành tinh, và "những kẻ đột nhập" dữ liệu vi tính có thể xuất hiện ở các nước như Côlômbia hoặc Iran, dùng tài nghệ của chúng để giúp đỡ bọn tội phạm hình sự và bọn cuồng tín, thì nước Mỹ được trang bị tồi tàn đến thảm hại.

Vì thế Steele không muốn đóng cửa cơ quan tình báo của Mỹ. Ông cũng không muốn cho con khủng long béo húp co lại thành một con khủng long tí xíu. Thay vào đó, cái mà ông tìm đến là một sự kết cấu lại sâu sắc sao cho cái còn lại có thể là nhỏ hoặc nhỏ hơn nhưng sẽ không hề còn giống một con khủng long nữa.

Ông tin rằng sẽ có nhiều cái thuộc giới tình báo Mỹ cuối cùng sẽ biến mất xuống cái hố đen của việc cắt giảm ngân sách. Ông nói rằng một bộ phận thứ yếu sẽ được tư nhân hoá. Ví dụ, Cục Thông tin nước ngoài của Mỹ có nhiệm vụ nghe hàng trăm chương trình phát thanh và truyền hình của nước ngoài và sao chép các chương trình đó lại để phục vụ cho các nhà phân tích thuộc lĩnh vực ngoại giao và quân sự. Ông cho rằng các chức năng như vậy cần phải được ký giao kèo với doanh nghiệp tư nhân. Không nhất thiết phải có các điệp viên của chính phủ làm nhiệm vụ nghe các chương trình phát thanh và truyền hình.

Bộ phận thứ ba của các hoạt động tình báo hiện hành (bộ phận phân tích) sẽ được phân quyền. Thay cho các tổ hợp khổng lồ của các nhà phân tích làm việc trong một cơ quan trung ương là những tổ hợp được chuyển sang làm việc trong các bộ của chính phủ như Bộ Thương mại, Bộ Ngân khố, Bộ Ngoại giao hoặc Bộ Nông nghiệp như Shepaerd, Codevilla và những người khác gợi ý, dựa trên sự phân tích tại chỗ về nhu cầu của người dùng tin.

Nhưng không một điều gì trong những điều trên là trọng tâm đối với chiến dịch của Steele. Có thể là ông đang có một con cá voi lớn hơn để săn đuổi - đó là con thủy quái của căn bệnh bí mật. Thực tế Steele có thể là kẻ thù đơn độc mạnh mẽ nhất của căn bệnh bí mật ở Washington.

Steele cho rằng : "Nếu có một nhóm khủng bố và chúng có một loại chất độc sinh học có thể gây ra hiểm họa và bạn phải cảm một nhân viên nội gián vào nhóm đó, tất nhiên bạn phải giữ bí mật về anh ta. Tất nhiên, một số bí mật là cần thiết. Nhưng cái giá đắt sau của bí mật lớn đến nỗi chúng quá nặng gánh so với lợi nhuận thu được. Ví dụ quân đội muốn giữ bí mật về sự "thiếu sót" của mình để kẻ thù không thể nhằm đúng chỗ yếu của họ. Nhưng chính sự hạn chế làm cho kẻ thù không biết đó cũng thường ngăn chính những người có thể sửa chữa sự thiếu sót đó không nắm được thông tin. Vì vậy mãi về sau những điểm yếu đó mới được khám phá. Vì thông tin được giữ kín vì lợi ích của sự bí mật, cho nên những nhóm khác nhau trong một hãng đã theo đuổi những giải pháp khác nhau cho những vấn đề tương tự, và những thông tin mà họ phát triển được trở nên khó tổng hợp, khó phổ biến và khó sử dụng hơn. Steele còn cho rằng tôi tệ hơn nữa là các nhà phân tích bị tách khỏi thế giới bên ngoài và sống trong cái mà ông gọi "hiện thực ảo có thật".

Một trong những việc mà Bộ tư lệnh Lính thủy đánh bộ đã làm khi Steele còn là chuyên viên dân sự cao cấp của lực lượng tình báo của lính thủy đánh bộ là chuyển các trạm SPARC cho các nhà phân tích. Các máy vi tính ngay lập tức cung cấp cho họ những tài liệu tối mật. Ngoài ra, Bộ tư lệnh Lính thủy đánh bộ còn xây dựng một phòng kính nhỏ biệt lập ở ngay cạnh và đặt một máy vi tính cá nhân loại thông thường vào đó. Sử dụng máy này, một chuyên gia phân tích có thể liên lạc với Mạng lưới quốc tế để tiếp cận với hàng nghìn cơ sở dữ liệu trên khắp thế giới -

tất cả đều chứa đựng những thông tin công khai, có sẵn và không bí mật. Các nhà phân tích đã ngạc nhiên khám phá ra rằng có rất nhiều thứ họ cần biết mà lại không có trong các tài liệu bí mật. Do yêu cầu bí mật, các trạm công tác của họ không được nối với các mạng lưới công khai hoặc công cộng. Kết quả là họ phải chuyển sang sử dụng các máy vi tính cá nhân nhỏ, các máy này được nối mạch với thế giới bên ngoài và họ đã tìm thấy được nhiều những thứ họ cần trong những tài liệu công khai để kiểm.

Steele đã tin nhiều vào giá trị của tin tình báo lấy từ các nguồn thông tin công khai đến mức ông đã đề nghị Bộ tư lệnh Linh thủy đánh bộ cho phép ông sử dụng thời gian và kinh phí của mình để tổ chức cái mà từ đó được coi là Hội nghị chuyên đề đầu tiên về Nguồn tài liệu công khai (OSS), được tổ chức tại Virginia vào tháng 11- 1992. Việc nhại lại tên viết tắt của Cục dịch vụ Chiến lược OSS- tiền thân của CIA, không thể không gây chú ý cho cử tọa và diễn giả, trong số đó có tham mưu trưởng của Cục tình báo Quốc phòng, một cựu cố vấn khoa học của tổng thống, phó giám đốc Cục tình báo Trung ương và một nhóm bất ngờ gồm những người của ngành công nghiệp thông tin cũng như các thành viên, các nhà quan sát của giới "đào mỏ" dữ liệu máy vi tính. Ở đó còn có mặt John Perry Barlow, nhà thơ trữ tình về những người khuất núi thanh thân, và Howard Rheingold, tác giả của *Hiện trường giả* và *Cộng đồng ảo ảnh*.

Chắc là bất cứ người nào ít tin vào khái niệm về nguồn tin công khai, ít bị ràng buộc bởi những quy ước của giới quân sự và tình báo, đều không thể thực hiện được sự kiện này. Nhưng Steele đang bị một viễn cảnh vượt quá hiện tại lôi cuốn.

Ông đã cố vũ hội nghị OSS rằng: "Hãy tưởng tượng một mạng lưới mở rộng gồm các nhà phân tích là dân thường, các nhà phân tích tình báo cạnh tranh trong khu vực tư nhân và các nhà phân

tích tình báo của chính phủ- mọi người đều có thể tiếp cận với nhau, chia sẻ những hồ sơ không được coi là mật, nhanh chóng thiết lập những bảng tin [bằng máy vi tính] về những vấn đề quan tâm chung, và nhanh chóng rút ra các quan điểm chung, các ý kiến phân tích sâu sắc và các số liệu của nhiều phương tiện thông tin đại chúng. Tất cả những cái đó sẽ càng có giá trị hơn vì chúng có thể được phổ biến kịp thời mà không bị hạn chế. Đó là điều mà theo tôi chúng ta cần phải đạt tới". Ông muốn thông tin tình báo phải thu hút tất cả các thông tin "phân tán" có sẵn trong xã hội.

Nhưng ngay cả điều đó cũng không diễn tả hết tầm nhìn rộng lớn trong quan điểm của ông. Steele muốn nhiều hơn nữa. Ông dự định "liên kết tình báo quốc gia với tình cạnh tranh quốc gia..., biến tình báo thành đỉnh cao của cơ sở hạ tầng thông tin". Ông không chỉ tin rằng tình báo phải tiếp cận với các nguồn thông tin công khai, mà còn cho rằng nó phải là loại thông tin có thể sử dụng được đối với công chúng. Ông nói về việc sử dụng tin tức tình báo để cung cấp các thông tin có giá trị cho mọi người "kể từ nhà trường đến Nhà Trắng".

Steele coi "tình báo là một bộ phận của một continuum (thế liên tục) hoặc của một cấu trúc quốc gia lớn hơn. Cấu trúc này phải bao gồm cả "quá trình giáo dục chính quy của nước ta lẫn những giá trị văn hoá không chính thức của nước ta cùng kiến trúc công nghệ thông tin kết cấu của nước ta, những mạng lưới xã hội và chuyên môn không chính thức dùng để trao đổi thông tin, và hệ thống điều hành chính trị của nước ta". Tóm lại, ông coi tình báo không chỉ là một nguồn thông tin bí mật dành cho một nhóm nhà hoạch định chính sách cao cấp, mà còn là một nguồn đóng góp tích cực cho hệ thống thông tin của xã hội nói chung. Quan điểm của Steele sẽ làm nhiều người bàng hoàng và có người lạnh xương sống. Nó có những vết nứt và lỗ hổng mà

các nhà chỉ trích có thể nhanh chóng phát hiện ra. Lối nói thẳng thừng của ông có thể làm mọi người không thích. Và ước mơ của ông, giống như hầu hết các ước mơ khác, không chắc sẽ được thực hiện đầy đủ. Nhưng nó đặt tình báo vào trong một khung cảnh rộng hơn bất cứ khung cảnh nào trước đây người ta đã từng bàn tới. Chiến dịch vận động của ông là một trong những nỗ lực nhằm làm cho tình báo thích nghi với thực tế của Làn sóng Thứ ba.

Lo lắng về chiến tranh và về chống chiến tranh trong tương lai mà không đổi mới tư duy về tình báo và xem nó phù hợp đến mức nào với khái niệm chiến lược thông tin là một việc làm vô ích. Việc kết cấu lại và quan niệm lại về tình báo, mà tình báo quân sự là một bộ phận, là một bước tiến tới việc hình thành các chiến lược thông tin cần thiết cho cả việc tiến hành lẫn việc phòng ngừa chiến tranh của ngày mai.

SỰ TUYÊN TRUYỀN

Những người có suy nghĩ nghiêm khắc nhất về chiến tranh trong tương lai đều biết rằng mai đây, một phần trong trận chiến đấu quan trọng nhất sẽ diễn ra trên chiến trường thông tin.

Chính vì nước Mỹ còn chưa thể phát triển một chiến lược thông tin toàn diện trước khi nó chấn chỉnh được cơ sở tình báo của nó, cho nên nó đang phải đương đầu với một vấn đề lớn hơn liên quan tới các phương tiện truyền thông đại chúng. Vì thế, theo Neil Munro của tờ *Tin tức Quốc phòng*, thì quân đội Mỹ sẽ va phải "bức tường gạch" vì Bộ Quốc phòng đã hạn chế chính quyền dính líu vào các phương tiện truyền thông đại chúng. Hiến pháp Mỹ, cũng như nền chính trị và văn hoá của nó, đã đặt ra những hạn chế về kiểm duyệt, và "tuyên truyền" là một từ xấu xa đối với phần lớn người Mỹ.

Vì vậy, trong khi giới quân sự biết rõ rằng việc tuyên truyền đúng về các tin tức chiến tranh đôi khi quan trọng chẳng kém gì việc phá huỷ xe tăng của kẻ địch, nhưng vẫn không một ai thích những "tiến sĩ tuyên truyền" mặc quần áo kaki. Đặc biệt là giới báo chí Mỹ.

Sau cuộc chiến Vùng Vịnh, một cuộc tranh cãi quyết liệt đã nổ ra giữa hệ thống truyền thông Hoa Kỳ với Lầu Năm Góc về những cố gắng của Lầu Năm Góc nhằm quản lý tin tức và những nỗ lực cố ý của nó trong việc ngăn cản phóng viên tới gần trận địa. Nhưng, cũng căng thẳng như cuộc chạm trán trên, sự tranh

cải gay gắt vẫn có khả năng tiếp tục tăng lên trong những năm tới. Các nhà chiến lược thông tin sẽ phải tính đến điều này.

TẤM HUY CHƯƠNG CỦA NGƯỜI ĐỨC

Nhà sử học Philip Taylor viết : tuyên truyền "đã đến độ tuổi chín mười dưới thời Hy Lạp cổ đại". Nhưng nó đã trưởng thành thêm một bước nữa từ sau khi cuộc cách mạng công nghiệp đã phát triển các phương tiện truyền thông đại chúng. Vì vậy mà kiểu chiến tranh Làn sóng Thứ hai đã được tiến hành kèm theo các tin tức một chiều, các bức ảnh ghép và những thứ mà người Nga gọi là "trò lừa dối", "tin giả", được truyền đi bằng các phương tiện truyền thông đại chúng. Trong tương lai, khi kiểu chiến tranh Làn sóng Thứ ba phát triển, thì việc tuyên truyền và các phương tiện thông tin dùng để truyền đạt nó sẽ được cách mạng hoá.

Muốn biết sự tuyên truyền được áp dụng như thế nào thì chúng ta cần phải nhận biết các cấp độ khác nhau của trò tuyên truyền quân sự. Ví dụ, ở cấp độ chiến lược, việc tuyên truyền khéo léo có thể thực sự giúp cho việc thiết lập hoặc phá vỡ liên minh.

Trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, cả Đức và Anh đều cố tranh thủ sự ủng hộ của Mỹ. Các chiến binh thông tin quân sự của Anh khôn ngoan lão luyện hơn rất nhiều so với người Đức và đã nắm bắt được mọi sự kiện có ý nghĩa tượng trưng để tố về những người Đức thành những kẻ chống Mỹ. Khi một chiếc tàu ngầm của Đức phóng ngư lôi vào tàu *Lusitania* của Mỹ mà bây giờ chúng ta đã biết con tàu này lúc đó có thể đang chở đạn dược tới cho người Anh, thì dư luận Mỹ đã rất phẫn nộ. Nhưng sự phẫn nộ thực sự lại do người Anh đạo diễn một năm sau đó.

Khi khám phá ra rằng một nghệ sĩ Đức đã làm một chiếc mề day vàng để kỷ niệm sự kiện đắm tàu nói trên, người Anh đã in

ra những bản sao của chiếc mề đay này, đóng thùng và gửi hàng trăm ngàn chiếc cho người Mỹ cùng với truyền đơn chống Đức. Rốt cuộc, nước Mỹ dĩ nhiên là đứng về phía Anh để tham chiến và kết án người Đức. Quyết định này không phải chỉ do sự tuyên truyền của Anh, mà còn dựa vào các lợi ích tài chính và những lợi ích khác của Mỹ vào lúc đó. Nhưng sự tuyên truyền chiến lược đã giúp cho quyết định đó trở nên có thể chấp nhận được đối với công chúng Mỹ.

Gần đây hơn trong cuộc chiến Vùng Vịnh, việc huy động có hiệu quả sự ủng hộ của Liên hợp quốc, do Tổng thống Bush tiến hành đã diễn ra cùng với việc tuyên truyền rằng nước Mỹ không hành động vì lợi ích của chính mình mà chỉ đơn thuần thực hiện mệnh lệnh của Liên hợp quốc. Mục đích chiến lược của chiến dịch tuyên truyền này là nhằm cô lập Iraq về mặt ngoại giao, và nó đã thành công.

Tuyên truyền còn được thực hiện ở cấp độ tác chiến hoặc cấp chiến trường. Chế độ của Saddam Hussein là một chế độ hoàn toàn thế tục chứ không phải là chế độ Hồi giáo, nhưng Bộ Thông tin của nó luôn luôn chơi con bài Hồi giáo, tạo nên một hình tượng Iraq như là người bảo vệ tín ngưỡng, còn nước Ả-rập Xêút được Mỹ hỗ trợ thì bị coi là một kẻ bội giáo.

Cuối cùng, ở cấp độ chiến thuật, các chuyên gia về chiến tranh tâm lý của Mỹ đã thả 29 triệu tờ truyền đơn cùng với 33 nội dung khác nhau cho các đội quân Iraq ở Côoét, chỉ dẫn cách đầu hàng, hứa hẹn đối xử nhân đạo với tù binh, khuyến khích họ hạ vũ khí và cảnh cáo họ về những đợt tấn công sắp tới.

Các chuyên gia tuyên truyền thông minh biết rõ mục đích của họ là chiến lược, tác chiến hay chiến thuật cùng với các công việc cần làm.

SÁU CHÌA VẬN ĐỂ LÊN DÂY CỐT TÌNH THẦN

Các chuyên gia tuyên truyền mặc quần áo kaki đã liên tục sử dụng 6 công cụ hết dịp này đến dịp khác. Chúng giống như những chiếc chìa vận đai ốc được dùng để lên dây cốt tinh thần.

Công cụ phổ biến nhất là tố cáo sự tàn bạo. Trong thời gian diễn ra cuộc Chiến tranh Vùng Vịnh, khi một thiếu nữ Côoét 15 tuổi xác nhận trước Quốc hội Mỹ là quân Irắc đang giết các trẻ sinh thiếu tháng và lấy cấp lồng nuôi trẻ mang về Irắc, giọng cô ta ngạt đi vì xúc động. Nhưng thế giới không được biết rằng hoá ra cô ta chỉ là con gái của vị Đại sứ Côoét ở Washington và là một thành viên của hoàng gia, hoặc rằng sự xuất hiện của cô ta đã được hăng phụ trách các mối quan hệ công cộng Hill và Knowlton thay mặt những người Côoét dàn dựng.

Tất nhiên là tuyên truyền không nhất thiết phải sai sự thật. Những báo cáo về hành động tàn bạo của quân Irắc ở Côoét đã được xác nhận khi các phóng viên đến đó sau khi quân Irắc tháo chạy. Nhưng những câu chuyện về sự tàn bạo, cả sự thật và sai sự thật, luôn là chủ đề của việc tuyên truyền chiến tranh. Trong cuốn sách lịch sử tuyệt vời của mình về tuyên truyền chiến tranh: *Dạn được của trí tuệ*, Taylor đã viết rằng trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, các chuyên gia tuyên truyền của đồng minh đã không ngừng dẫn ra "những hình ảnh về con "yêu tinh" nước Phổ béo phì... đang bận rộn đóng đinh câu rút những người lính, hãm hiếp phụ nữ, xẻo thịt trẻ con, báng bổ và cướp phá nhà thờ".

Nửa thế kỷ sau, những câu chuyện về sự tàn bạo đóng vai trò rất quan trọng trong cuộc Chiến tranh Việt Nam, trong đó tin tức về vụ tàn sát ở Mỹ Lai do lính Mỹ gây ra đã làm đông đảo công chúng Mỹ ghê tởm và nuôi dưỡng thái độ hăng hái chống chiến tranh. Những câu chuyện về tàn bạo, cả đúng và sai sự thật, đã xuất hiện đầy rẫy trong cuộc xung đột Xécbia - Bôxnia.

Công cụ phổ biến thứ hai là phóng đại mục đích của chiến tranh. Những người lính và dân thường được thông báo rằng mọi thứ quý giá của họ có nguy cơ gặp rủi ro nguy hiểm. Tổng thống Bush đã tô vẽ cuộc xung đột Vùng Vịnh như là cuộc chiến tranh vì một trật tự thế giới mới và tốt đẹp hơn. Mục đích chiến tranh ở đây không chỉ đơn giản là nền độc lập của Côoét, là bảo vệ nguồn cung cấp dầu mỏ của thế giới hay loại trừ mối đe dọa nguyên tử tiềm ẩn từ phía Saddam, mà nó được coi là vì số phận của chính nền văn minh loài người. Về phía Saddam, cuộc chiến tranh đó không phải vì ông ta không trả được món nợ hàng tỷ đôla vay của Côoét trong cuộc xung đột Iran - Irắc trước đây, mà là, theo lời ông ta biện hộ, vì toàn bộ tương lai của "dân tộc Arập".

Một chìa vịn thứ ba để lên dây cót tinh thần ở trong túi đồ nghề của các chuyên gia tuyên truyền quân đội là gọi kẻ thù là ma quỷ và phi nhân tính hoá nó. Đối với Saddam, cũng như đối với kẻ thù của ông ta là nước Iran láng giềng, thì Mỹ là "một Đại Ma vương", Bush là "Con Quỷ trong Nhà Trắng". Ngược lại, đối với Bush, Saddam là một tên "Hitler". Đài phát thanh Baghdad miêu tả các phi công Mỹ giống như những "con chuột" và "những con thú ăn thịt sống". Một đại tá Mỹ lại miêu tả một trận không kích "gần giống như bạn bật một que diêm trong bếp lúc ban đêm, lữ gián bắt đầu cuống cuồng lẫn trốn còn chúng ta thì giết chúng".

Công cụ thứ tư là sự phân cực. "Kẻ nào không đi cùng chúng ta là chống lại chúng ta".

Công cụ thứ năm là viện tới sự che chở của thần linh. Nếu Saddam che giấu ý định xâm lược của ông ta trong cách ăn mặc của người Hồi giáo, thì Tổng thống Bush cũng khẩn cầu sự giúp đỡ của Chúa. Nhà xã hội học người Maroc tên là Fatima Mernissi đã chỉ ra rằng câu thần chú "Chúa phù hộ nước Mỹ" được dùng xuyên suốt chương trình tuyên truyền của Mỹ và đã có hiệu quả

phụ kỳ quặc không thể đoán trước được khi nó vang lên tại các khu chợ và đường phố của thế giới Đạo Hồi. Đã quen với ý niệm nước Mỹ là tổng đồ của chủ nghĩa vật chất và vô thần, những người dân sống trong các phố của miền Bắc Phi và Trung Đông, theo nhà xã hội học này, đã "bị xúc động" khi nghe Bush cầu khẩn Chúa. Liệu người Mỹ có thực sự tin vào Chúa không? Sự hoang mang còn lớn hơn nhiều khi Chúa được liên hệ với những lời hùng biện về nền dân chủ. Liệu dân chủ có phải là một tôn giáo không?

Cuối cùng, có lẽ chiếc chìa vạn năng cốt tinh thần có quyền năng nhất trong cả 6 chiếc là phản tuyên truyền - tức là sự tuyên truyền để làm mất tin nhiệm của việc tuyên truyền của bên kia. Trong Chiến tranh Vùng Vịnh các phát ngôn viên của khối đồng minh đã nhiều lần và chính xác chỉ ra rằng Saddam Hussein đã nắm toàn quyền kiểm soát báo chí Irắc, rằng nhân dân Irắc không được biết sự thật và trên sóng phát thanh của Irắc tràn ngập sự dối trá. Phản tuyên truyền đặc biệt có hiệu lực vì, thay cho việc đòi hỏi tính xác thực của một câu chuyện riêng lẻ, nó đặt thành vấn đề nghi ngờ đối với mọi thứ xuất phát từ phía kẻ địch. Mục đích của nó là tạo ra sự không tin tưởng hoàn toàn chứ không phải là một phần.

Điều đáng chú ý trong tất cả các kỹ thuật tuyên truyền quân sự này là đặc điểm thời đại Làn sóng Thứ hai của chúng. Mỗi một "chiếc chìa vạn năng tinh thần" ấy được chỉ định để khai thác các phương tiện truyền thông đại chúng nhằm gây ảnh hưởng đến cảm xúc đại chúng trong các xã hội đại chúng.

CÁC ĐẢNG VIÊN QUỐC XÃ MỚI VÀ NHỮNG HIỆU ỨNG ĐẶC BIỆT

Những công cụ "cổ điển" này của các chuyên gia tuyên truyền có thể được tiếp tục sử dụng trong những cuộc xung đột giữa các nước có các phương tiện truyền thông tập trung hoá của Làn sóng

Thứ hai. Cùng một công cụ vẫn có thể được xã hội của Làn sóng Thứ ba khai thác để chống lại xã hội của Làn sóng Thứ hai. Nhưng trong xã hội của Làn sóng Thứ ba, cuộc cách mạng về phương tiện truyền thông đang qui định lại mọi luật lệ.

Để mở đầu, nền kinh tế của Làn sóng Thứ ba đang phát triển vô số kênh mà qua đó cả thông tin lẫn phản thông tin đều phải đi qua. Mạng điện thoại, máy vi tính cá nhân, máy photocopi, máy fax, máy quay video và mạng số, tất cả cho phép trao đổi một dung lượng lớn tiếng nói, dữ liệu, tài liệu đồ thị thông qua vô số các kênh phân quyền mà chính phủ hoặc quân đội không dễ dàng kiểm duyệt nổi.

Hàng ngàn "băng tin" dựa vào máy vi tính cũng đang xuất hiện, liên kết hàng triệu người trên khắp thế giới trong một cuộc mạn đàm liên tục về mọi vấn đề từ tình dục, các mảnh khoé thị trường chứng khoán cho tới chính trị. Những hệ thống như vậy đang mọc lên như nấm với tốc độ cao, vượt qua các biên giới quốc gia, tạo thuận lợi cho việc thiết lập các nhóm chuyên tâm vào mọi lĩnh vực từ chiêm tinh học, âm nhạc, sinh thái tới các chiến dịch và nạn khủng bố bán quân sự của phong trào Quốc xã mới. Những mạng lưới liên kết và chồng chéo mà các hệ thống này phụ thuộc vào hầu như không có thể bị xoá bỏ. Bởi vì các phương tiện truyền thông mới đang được gia tăng cho nên việc tuyên truyền thô bạo tập trung hoá đội từ trên xuống nay có thể càng ngày càng bị chống lại từ phía dưới.

Các phương tiện truyền thông mới này đang có xu hướng làm phân tán quyền lực. Một băng video do một nhà quay phim nghiệp dư chụp được cảnh một người đàn ông da đen đang bị cảnh sát Los Angeles đánh đập dã man đã dẫn tới những cuộc nổi loạn mà số thương vong và thiệt hại do chúng gây ra gần bằng một cuộc chiến tranh nhỏ. Máy quay video đang được tăng cường sử dụng để lấy tư liệu chứng minh sự lạm dụng quyền lực của chính quyền trung ương và địa phương. Và chúng được lưu thông

nếu không phải trên vô tuyến truyền hình thì dưới dạng băng video. Sự quản lý tập trung bị suy yếu đi bởi các phương tiện thông tin mới. Nó sẽ còn bị suy giảm hơn nữa bởi sự tác động tương hỗ cho phép người sử dụng nói chuyện trở lại với chính quyền trung ương. Các cuộc nói chuyện qua radio và việc mua hàng tại nhà thông qua T.V. là những dấu hiệu rõ mồn một trước quá trình này.

Cuối cùng, máy thu hình sẽ được thay thế bằng một tổ hợp máy (có thể là vô tuyến) bao gồm một máy tính điện tử, một bộ phân hình, một máy fax, một máy điện thoại và một công cụ đặt trên bàn giấy để soạn thảo thông điệp, tất cả được đóng lại thành một bộ và liên kết từng cái với nhau. Và cuối cùng, thay vì các băng phim bấm, các loại máy vi tính viễn thông này có thể được điều khiển bằng ngôn ngữ ra lệnh bình thường.

Những gì mà tất cả những điều này hướng tới là một thế giới trong đó hàng triệu người tự mình có khả năng tạo ra những hiệu ứng đặc biệt giống như Hollywood, tạo ra những điều mô phỏng dựa vào hiện trường giả và những thông điệp có hiệu lực khác-khả năng mà trước đây ngay cả các chính phủ và các xưởng phim cũng không thể có được. Thế giới sẽ được chia ra, như nó đã bị phân chia, thành ba khu vực cộng đồng : những cộng đồng tiền điện tử nghèo đến nỗi ngay cả vô tuyến truyền hình cũng hiếm hoi; những cộng đồng trong đó vô tuyến truyền hình thông thường là hiện tượng phổ biến ; và những cộng đồng được trang bị mạng lưới truyền thông mà trong đó, như chúng ta đã biết, vô tuyến truyền hình thông thường đã trở nên lạc hậu.

CÁC PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN "NGÔI SAO"

Khi chúng ta nhìn lại cuộc Chiến tranh Vùng Vịnh, trong đó lần đầu tiên các yếu tố của chiến tranh Làn sóng Thứ ba đã được sử dụng một cách quyết định, thì chúng ta nhận thấy rằng, theo

một nghĩa nào đó, cuộc chiến tranh này có thể không phải là điểm trọng tâm gây chú ý của tất cả các buổi phát sóng thông tin. Mà chính bản thân các phương tiện thông tin đã trở thành "ngôi sao màn bạc" của các buổi phát hình. Cựu trung tướng Perry Smith, bản thân ông cũng là một nhân vật của hãng truyền hình CNN, đã ghi nhận rằng : "Suốt 6 tuần của cuộc chiến tranh này, nhiều người đã xem vô tuyến truyền hình nhiều giờ trong ngày hơn bất cứ giai đoạn nào trong lịch sử".

Cho dù điều nói trên có vẻ gây ấn tượng sâu sắc, thì vẫn có những thay đổi khác thậm chí còn quan trọng hơn. Các phương diện thông tin đang hợp nhất thành một hệ thống tương tác tự điều chỉnh, trong đó thông tin và hình ảnh lan truyền một cách hỗn loạn từ phương tiện này sang phương tiện khác. Ví dụ : những mẫu tin nhanh về chiến sự trên ti vi đã làm xuất hiện các bài phóng sự của các nhà biên tập báo chí, những bộ phim về quân đội như phim *Chỉ có vài người tốt* đã làm nảy sinh những bài bình luận, những buổi phỏng vấn của đài phát thanh và vô tuyến truyền hình ; những cảnh dàn dựng truyền hình miêu tả các nhà báo đang làm việc ; những bức ảnh thời sự được chụp (hoặc được dàn dựng) ở chiến trường cho một tạp chí tin tức đã xuất hiện như một mẫu tin nhanh của vô tuyến truyền hình. Tất cả những cái đó ngày càng dựa vào máy vi tính, vào máy fax, vào vệ tinh, vào mạng lưới viễn thông và liên kết thành một hệ thống thông tin hợp nhất và thống nhất.

Trong hệ thống đang còn phôi thai này, vô tuyến truyền hình (đối với bây giờ và chỉ đối với bây giờ) tự soạn ra chương trình bản tin của mình, đặc biệt là trong việc theo dõi chiến tranh. Trong khi một số người điều khiển chương trình bản tin trên vô tuyến truyền hình Mỹ có thể vẫn còn xem các đề mục trên tờ *Thời báo New York* hoặc tờ *Bưu điện Washington* trước khi quyết định sẽ phải mô tả những câu chuyện về chính trị hoặc ngoại giao nào,

thì trong phần lớn các vấn đề khác, sự ảnh hưởng của những tài liệu in ấn đang giảm xuống.

Ignacio Ramonet đã viết trên tờ báo *Le Monde diplomatique* như sau : "Với cuộc Chiến tranh Vùng Vịnh", vô tuyến truyền hình "đã nắm giữ quyền lực" bằng cách định hướng được cho báo chí và đúng trên tất cả nhịp điệu và tiến độ của báo viết. Ramonet chỉ rõ rằng vô tuyến truyền hình đã thành công trong việc lấn át các phương tiện thông tin khác "không chỉ vì nó đưa ra một cảnh tượng có hình, mà còn vì nó đã trở nên nhanh hơn những phương tiện khác". Rồi chúng ta sẽ trở lại với nhận xét sáng suốt cốt yếu này. Tuy nhiên, trước khi làm điều đó, chúng ta cần biết các nhà tuyên truyền quân sự làm thế nào để có thể thích nghi với sự xuất hiện của thông tin theo kiểu Làn sóng Thứ ba.

BỨC THÔNG điệp CÓ ĐỐI tượng CHÍNH XÁC

Có một số việc đã trở nên rõ ràng. Thông tin nhằm trúng đích có một tầm quan trọng ngang với các vũ khí nhằm trúng đích, và các phương tiện thông tin mới sẽ tạo khả năng cho điều này tiến tới một mức độ chưa từng thấy.

Khi nhằm vào các khán giả trong xã hội Làn sóng Thứ ba, người thao tác phương tiện thông tin, giống như các hãng quảng cáo trong tương lai, sẽ phải tiến hành việc phi hàng loạt hoá các thông điệp, phải có mưu mẹo phân ra các lối diễn tả khác nhau cho từng loại khán giả - một cho người Mỹ La tinh, một cho người châu Á, còn một cho các bác sĩ và một cho những bà mẹ cô đơn, nếu có những trường hợp như vậy. Không còn nghi ngờ gì nữa, một ngày nào đó những câu chuyện giả mạo về sự tàn bạo sẽ được dàn dựng theo cách trên, với "những nạn nhân" được miêu tả khác nhau trong từng lối diễn tả, để tạo ra sự đồng cảm hoặc căm thù cao nhất đối với mỗi loại người xem.

Năm 1815, hai ngàn lính Mỹ và Anh đã bắn giết nhau trong trận New Orleans chỉ vì tin về Hiệp ước hoà bình ký hai tuần trước đó ở Brussels đã không đến với họ kịp thời. Tin tức đã được truyền đi với một tốc độ chậm chạp.

Cùng với việc công nghiệp hoá, việc truyền tin đã được tiến hành nhanh hơn, nhưng vẫn còn ở tốc độ của thời đại tiền điện tử. Đã xuất hiện một nghề mới nhu là một sản phẩm tự nhiên của việc gia tăng các phương tiện thông tin đại chúng, đó là nghề "phóng viên chiến tranh". Nhiều nhà báo chiến tranh như Winston Churchill, người đã cưỡi ngựa rong ruổi cùng đội quân Anh trong cuộc chiến tranh Boer và sau này trở thành Thủ tướng Anh trong thời gian Chiến tranh thế giới thứ hai; Richard Harding Davis trong cuộc Chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha; Ernest Hemingway, người đã viết nên biên niên sử những chiến sĩ trung kiên trong cuộc nội chiến Tây Ban Nha; Ernie Pyle trong Chiến tranh thế giới thứ hai - những người sau đó đã trở thành truyền thuyết ngay trong thời đại của họ. Nhưng đến lúc bài viết của họ được in thì các trận chiến đấu mà họ miêu tả đã kết thúc. Những báo cáo của họ từ chiến trường đã không thể tác động được tới kết quả thực tế của chiến trường.

Ngày nay, các trận chiến đấu và những hiệp ước hoà bình được đưa tin trước cả khi chúng được ký kết. Ngay lúc lực lượng Mỹ tới Xô-mali đã có một đội quân các nhà quay phim truyền hình đợi sẵn trên bờ biển để đón chào họ. Qua vô tuyến truyền hình, tổng thống và thủ tướng biết rõ những điều đang diễn ra trước khi các nhà ngoại giao báo cáo lại với họ. Các nhà lãnh đạo gửi điện tin cho nhau không chỉ qua đại sứ mà còn trực tiếp qua CNN, với niềm tin chắc rằng đối tác và đối địch của mình sẽ xem và sẽ trả lời lại qua camera.

Trong lúc tên lửa Scud của Irắc tấn công vào Tel Aviv các nhà kiểm duyệt quân đội của Ixraen biết rằng CNN đang bị giám sát chặt chẽ tại Baghdad. Họ lo lắng rằng những bức ảnh của CNN

chỉ nói tên lừa rơi xuống sẽ giúp Iraq điều chỉnh chính xác mục tiêu hơn. Việc gia tăng tốc độ đã làm thay đổi tầm quan trọng của tin tức. Khi viết về "thông tin, sự thật và chiến tranh", đại tá Alan Campen đã lưu ý rằng : "Công nghệ vệ tinh đã làm nảy sinh cuộc tranh luận về vấn đề kiểm duyệt". Các vệ tinh do thám thương mại đã làm cho những người tham chiến hầu như không thể tránh được các phương tiện thông tin, và với việc tất cả các phe phái có thể cùng xem trên màn hình video, việc truyền trực tiếp từ khu vực chiến sự đã đe dọa làm thay đổi động thái và chiến lược trong chiến tranh. Nó có thể - Campen nói - "biến đổi người phóng viên từ chỗ là người quan sát khách quan trở thành người tham gia trực tiếp vào chiến tranh dù họ không chủ tâm, thậm chí không mong muốn". Campen lý luận rằng công dân của một nền dân chủ có thể có cả quyền và nhu cầu được biết về những gì đang diễn ra. Nhưng, ông hỏi, liệu họ có cần thiết biết nó vào đúng lúc đang xảy ra không?

TÍNH THỜI SỰ GIÁC TẠO

Các phương tiện thông tin mới có thể làm thay đổi không chỉ thực tế, mà thậm chí quan trọng hơn là chúng làm thay đổi cả nhận thức của chúng ta về thực tế, và vì vậy, chúng làm thay đổi tất cả các bối cảnh trong đó tuyên truyền về chiến tranh và tuyên truyền cho hoà bình cùng tranh giành ảnh hưởng. Trước cách mạng công nghiệp, cư dân nông thôn là những người mù chữ và quê kệch, tin vào những câu chuyện của khách du lịch, tin vào giáo lý nhà thờ, vào những chuyện huyền thoại và truyền thuyết để tưởng tượng ra các sự kiện cách biệt về thời gian hoặc không gian. Các phương tiện thông tin đại chúng của Làn sóng Thứ hai đã kéo các địa điểm và thời gian cách biệt đó rút gần lại và tạo cho bạn cảm giác "đang chứng kiến" những gì được coi là tin tức. Thế giới được mô tả một cách khách quan và "thực tế"

Trái lại, phương tiện thông tin của Làn sóng Thứ ba đang bắt đầu tạo ra cảm giác không có thật về những sự kiện có thật. Những người chỉ trích vô tuyến truyền hình trước đây đã than khóc cho sự đắm chìm của người xem vào một thế giới giả tạo của những vở kịch quảng cáo, của tiếng cười thu hàng và của những cảm xúc giả tạo. Trong tương lai, những nỗi lo lắng này có vẻ sẽ trở nên bình thường vì hệ thống các phương tiện thông tin mới đang tạo ra một thế giới hoàn toàn "hư cấu" mà các chính phủ, quân đội và cư dân đáp lại như thể nó là có thực. Tiếp đến, các hành động của họ được xử lý bằng các phương tiện thông tin và được nối vào một mạng điện tử hư cấu để hướng dẫn hành vi của chúng ta.

Sự hư cấu hoá thực tế đang gia tăng này diễn ra không chỉ ở chỗ của nó trong các vở kịch, vở tuồng, mà còn trong các chương trình tin tức, nơi mà nó có thể dẫn tới hậu quả xấu nhất. Mỗi nguy hiểm này đang được tranh luận trên khắp thế giới.

Tờ báo Maroc *Le Matin* ở Casablanca gần đây đã đăng tải bài tiểu luận thận trọng trích dẫn ý kiến của nhà triết học người Pháp Baudrillard để chứng minh rằng cuộc Chiến tranh Vùng Vịnh đã diễn ra như một sự mô phỏng khổng lồ hơn là một sự kiện thực. Tờ báo này đồng ý rằng : "Sự phổ biến các phương tiện thông tin đã củng cố cho tính chất hư cấu" của sự kiện, làm cho chúng có vẻ phần nào không thật.

VIDEO TRÊN VIDEO

Có thể cho là tính chất không thực này được khuếch đại trong Chiến tranh Vùng Vịnh bằng những thứ được coi là vô tuyến truyền hình của vô tuyến truyền hình - TV². Không biết bao nhiêu lần mọi người đã nhìn thấy những hình ảnh video trên màn hình video đang chỉ ra các mục tiêu và những cú đánh trúng đích. Quân đội đánh giá vai trò của hình ảnh thông tin quan trọng

đến nổi theo một tư lệnh Hải quân Mỹ, các hoa tiêu chiến đấu ngày nay đôi khi đã cho lắp đặt lại màn hình video buồng lái của họ để cho chúng bắt được rõ hơn hình ảnh của đài truyền hình CNN. Cũng vậy, người ta hiểu ra rằng có một số vũ khí tỏ ra tinh nhạy hơn những vũ khí khác. Cụ thể là tên lửa HARM có thể nhằm đúng vào các ổ phòng không của kẻ thù và bắn những viên đạn nhỏ vào chúng. Nhưng sự phá huỷ do chúng gây ra không hiện rõ trên vô tuyến truyền hình. Những gì camera muốn là những hố bom to trên đường băng.

Các công nghệ mô phỏng mới có khả năng dàn dựng các sự kiện tuyên truyền giả mạo để cho các cá nhân dùng nó mà tác động lẫn nhau, đó là những sự kiện rất sinh động và "có thực". Các phương tiện thông tin mới sẽ tạo khả năng miêu tả toàn bộ một trận chiến đấu không hề diễn ra hoặc một cuộc họp thượng đỉnh nêu rõ (một cách dối trá) nhà lãnh đạo của nước đối lập đang từ chối thương thuyết hoà bình. Trong quá khứ, những chính phủ gây hấn đôi khi phải dàn dựng các vụ khiêu khích để biện hộ cho hành động quân sự của mình. Trong tương lai, có thể họ sẽ chỉ phải mô phỏng chúng bằng mạng vi tính. Trong tương lai đang tới gần, không chỉ sự thật mà ngay cả bản thân thực tế cũng là một nạn nhân của chiến tranh.

Một khía cạnh sáng sủa hơn tất cả những điều nói trên là, một công chúng đã quen với việc sử dụng sự mô phỏng cho nhiều mục đích khác, ở nhà, ở nơi làm việc và ở nơi vui chơi, có thể sẽ hiểu rằng "nhìn thấy" hoặc thậm chí "cảm thấy" không có nghĩa là phải tin. Cùng với thời gian, công chúng có thể ngày càng trở nên tỉnh táo trong việc sử dụng các phương tiện thông tin - và hy vọng là họ cũng trở nên đa nghi hơn.

Cuối cùng, chúng ta cần phải tỉnh ngộ đừng tin vào quan niệm thông thường ngày nay cho rằng các phương tiện thông tin mới sẽ làm đồng nhất thế giới, loại bỏ những khác biệt và tạo cho một số ít hăng có được một ảnh hưởng rộng lớn, không bị phản đối -

rằng ví dụ như hệ thống truyền thông CNN đang sắp nhồi vào họng năm tỷ con người những giá trị của phương Tây và sự tuyên truyền của Mỹ.

Sự thống trị hiện tại của CNN trên thị trường tin thế giới chỉ là tạm thời, vì các hệ thống cạnh tranh đã được hình thành. Trong vòng một hoặc hai thập kỷ tới chúng ta có thể chứng kiến một sự gia tăng gấp bội các kênh thông tin toàn cầu, song song với việc đa dạng hoá các phương tiện thông tin đang diễn ra trong các nước thuộc Làn sóng Thứ ba.

Một ngày nào đó những chiếc đĩa vệ tinh nhỏ xíu của mọi gia đình trên khắp thế giới sẽ thu lượm tin buổi tối từ bất cứ nơi nào và từ khắp mọi nơi - Nigêria hoặc Hà Lan, Quần đảo Fiji hoặc Phần Lan. Cuối cùng việc phiên dịch tự động sẽ có nghĩa là một gia đình ở Đức có thể xem một trận đấu thể thao diễn ra ở Thổ Nhĩ Kỳ được tự động dịch sang tiếng Đức. Nhưng tin đồn Thiên chúa giáo chính thống ở Ucraina có thể bị tấn công tới tấp bởi những điện tín từ một vệ tinh của Vanticăng kêu gọi họ từ bỏ nhà thờ của họ để trở thành giáo dân của Đạo Thiên chúa La Mã. Giáo phái Ayatollahs ở Kum (Iran) có thể thuyết giáo cho mọi nhà tù Curoguxtan tới Cônggô hoặc California.

Thay vì một nhóm nhỏ các kênh được kiểm soát tập trung mà tất cả mọi người đang xem, cuối cùng sẽ có rất nhiều người tiếp cận được với vô vàn những thông điệp xuyên biên giới mà các nhà lãnh đạo quân sự và chính trị của họ không muốn họ nghe thấy hoặc nhìn thấy. Chẳng bao lâu nữa người ta có thể cho rằng các chuyên gia tuyên truyền và các chiến binh thông tin của nhiều quốc gia, đó là chưa kể những tên khủng bố và cuồng tín tôn giáo, sẽ bắt đầu suy nghĩ một cách sáng tạo về cách khai thác các phương tiện thông tin mới.

Các chính sách điều chỉnh, kiểm soát hoặc thao tác các phương tiện thông tin - hay để bảo vệ quyền tự do thông tin - sẽ

tạo thành một bộ phận chủ chốt của các chiến lược thông tin trong tương lai. Đến lượt mình, chiến lược thông tin sẽ xác định xem các nước khác nhau, các nhóm phi quốc gia, và quân đội của họ, sẽ ở vào tình trạng như thế nào trong các cuộc xung đột đang có nguy cơ xuất hiện vào thế kỷ XXI.

Trong việc xác định và thực hiện một chiến lược thông tin, quân đội Mỹ không có quyền tự do hành động. Những điều khoản bảo đảm bổ sung đầu tiên về tự do báo chí có nghĩa là các chuyên gia tuyên truyền của Mỹ phải tinh tế và thông thạo hơn so với các chuyên gia tuyên truyền của những nước còn đang duy trì chế độ kiểm soát cực quyền đối với các phương tiện thông tin.

Tuy nhiên, mặc cho có những tâm trạng thất vọng và căng thẳng của Lầu Năm Góc đối với các phương tiện thông tin và ngược lại, thì phần lớn các chiến binh thông tin quân sự mà chúng tôi đã có dịp trao đổi đều nhất trí với các phương tiện thông tin về một điểm cốt yếu. Họ tin rằng việc kiểm soát một cách cực quyền các phương tiện thông tin tự nó là một chiến lược thất bại, và rằng nói chung, truyền thống của Mỹ về thông tin tương đối công khai sẽ trả đũa lại về mặt quân sự.

Nhiều người trong và ngoài quân đội đã lập luận một cách nghiêm túc rằng cho dù một nhà nước cực quyền có thể có lợi thế nhờ kiểm soát các phương tiện thông tin, thì chúng vẫn bị ảnh hưởng một cách quyết định bởi tinh thần đối mới, óc sáng kiến và tri tưởng tượng bắt nguồn từ một xã hội cởi mở. Có một chiến lược thông tin, theo họ, không có nghĩa là phải áp đặt việc kiểm soát chuyên chế. Nó có nghĩa là sử dụng lợi thế cố hữu của tự do thông tin cho mục đích tốt hơn.

Dẫu được, thua, hay hoà, thì các phương tiện thông tin, gồm cả các kênh và những công nghệ mà ngày nay chưa thể tưởng tượng ra được, sẽ là một loại vũ khí quan trọng hàng đầu của những người lính của Làn sóng Thứ ba trong cả chiến tranh lẫn

Phần Năm
MỐI NGUY HIỂM

LUỒI CÀY TRỞ THÀNH THANH KIẾM

Một trong những cái mà hình thái chiến tranh mới đem lại là sự đảo lộn sâu sắc cán cân quân sự hiện hành. Điều đó đúng như đã xảy ra trong quá khứ vào ngày 23-8-1793, khi một nước Pháp đẫm máu bởi cuộc Cách mạng và có nguy cơ bị xâu xé bởi những đội quân xâm lược, bất ngờ áp đặt lệnh tổng động viên. Những lời lẽ của Sắc lệnh tổng động viên đã gây xúc động sâu sắc:

"Từ giờ phút này... mọi công dân Pháp đều phải sẵn sàng chịu sự điều động để phục vụ quân đội. Thanh niên sẽ ra trận, người có gia đình sẽ sản xuất vũ khí và vận chuyển lương thực; phụ nữ phục vụ trong bệnh viện, làm lều bạt và quần áo; trẻ em lấy vải cũ làm băng cứu thương; người già tới những nơi công cộng để khích lệ dũng khí của binh lính..."

Bản hiệu triệu đã giới thiệu kiểu chiến tranh nhân dân trong lịch sử hiện đại, và nó nhanh chóng được kết hợp với những đổi mới về pháo binh, về chiến thuật, về thông tin và tổ chức để tạo ra một cách tiến hành chiến tranh mới đầy hiệu lực. Trong vòng 20 năm, đội quân gồm những lính quân dịch của Pháp, lúc bấy giờ dưới sự chỉ huy của Napoleon, đã tràn qua châu Âu tiến thẳng tới Mátxcova. Ngày 14-9- 1812, Napoleon đã có thể nhìn thấy

những mái vòm màu vàng của thành phố này toả sáng lấp lánh dưới ánh mặt trời.

Khi ấy quân đội của Napoleon vẫn còn phải tranh giành quyền lực trên biển với nước Anh. Nhưng ở trên lục địa châu Âu, đội quân của ông là lực lượng duy nhất có tiếng nói quyết định. Châu Âu chuyển từ cơ cấu quyền lực đa phương sang một cơ cấu quyền lực thống nhất.

Kiểu chiến tranh Làn sóng Thứ hai còn ở dạng phôi thai đã không thể bảo đảm cho chiến thắng khi mà, như ở trường hợp chiến dịch nước Nga, những tuyến đường tiếp tế hậu cần của Napoleon đã bị đàn quá mỏng. Kiểu chiến tranh đó cũng đã không thể áp dụng để đàn áp du kích Tây Ban Nha. Nhưng tính hiệu quả của nó tỏ ra rõ ràng đến nỗi nhiều sáng kiến của người Pháp đã được áp dụng và phát triển hơn nữa bởi ban đầu là người Phổ, sau đó là quân đội các nước châu Âu khác.

Những điều loại suy lịch sử luôn luôn đáng nghi ngờ. Tuy nhiên, một số điểm giống nhau giữa thế giới của Napoleon và thế giới của chúng ta làm ta phải do dự. Nước Mỹ cũng vậy, bằng cách đưa ra một kiểu chiến tranh mới trong lịch sử, nó đã làm đảo lộn cân bản cân cân sức mạnh quân sự hiện hành, lần này không phải chỉ trên một lục địa mà là trên toàn cầu. Đội quân Làn sóng Thứ ba ngày càng gia tăng của Mỹ đã làm nghiêng hẳn cân cân tới mức mà lực lượng Liên Xô ở châu Âu đã mất đi sự ngang hàng của nó so với Mỹ và NATO. Sự kết hợp của lực lượng quân sự có cường độ thông tin cao của phương Tây, được hậu thuẫn bởi những nền kinh tế phát triển nhanh có cường độ thông tin cao, ... nước Mỹ đã nổi lên như một thế lực siêu cường duy nhất trên trái đất. Và kết quả một lần nữa lại là một hệ thống đơn cực.

Sự ứng dụng hiện đại hình thái chiến tranh Làn sóng Thứ ba ở Vùng Vịnh, dù ở dạng cục bộ và đã được sửa đổi, đã chứng

minh được tinh hiệu quả của nó. Và lại một lần nữa, giống như nước Phổ sau những cuộc chiến tranh của Napoleon, tất cả các đội quân trên toàn hành tinh ngày nay đang cố gắng bắt chước nước Mỹ tới mức độ mà khả năng cho phép.

Từ Pháp, Đức, Italia tới Thổ Nhĩ Kỳ, Nga và Trung Quốc, trong các kế hoạch được tuyên bố của họ đều xuất hiện những thuật ngữ giống nhau : triển khai nhanh, chuyên nghiệp hoá, phòng không điện tử tốt hơn, C³I, tính chính xác, ít phụ thuộc hơn vào chế độ quân dịch bắt buộc, hành quân phối thuộc, cắt đường giao thông, những lực lượng nhỏ hơn, những chiến dịch tác chiến đặc biệt, dự án về sức mạnh.

Nhật, Hàn Quốc, Đài Loan và các quốc gia châu Á khác đều dẫn ra cuộc Chiến tranh Vùng Vịnh như một ví dụ để ưu tiên cho công nghệ cao (được đầu tư cao về thông tin) hơn là cho những đội quân lớn. Tổng tham mưu trưởng quân đội Pháp, tướng Amedee Monchal, nói : "Trong vòng mười năm nữa, lực lượng sẽ giảm 17% quân số". Ngược lại, "sự xuất hiện của Chiến tranh Điện tử sẽ làm tăng 70% lực lượng quân đội" làm nhiệm vụ phục vụ cho các hoạt động của cuộc chiến tranh này. Mặc dù chỉ hiểu hạn chế các hậu quả của nó, các quốc gia ở khắp mọi nơi vẫn đang chuẩn bị cố gắng khai thác sức mạnh của thông tin.

Nhưng những hạn chế hiện tại có thể nhận thấy được của chiến tranh Làn sóng Thứ ba cũng không nhất thiết phải là cố định. Sau cuộc xung đột Vùng Vịnh, có một quan niệm thông thường cho rằng lối tiến hành chiến tranh như vậy sẽ không có tác dụng đối với những khu rừng nhiệt đới như ở Việt Nam hay ở vùng rừng núi Bôxnia. "Chúng ta không vào rừng rậm, chúng ta không lên núi cao" trở thành một khẩu hiệu gần như khôi hài lan truyền trong giới sĩ quan cao cấp quân đội Mỹ.

Như một sĩ quan cao cấp của Bộ Quốc phòng Mỹ, khi đề cập đến cuộc xung đột ở bán đảo Bancăng, đã viết thư cho chúng tôi

cho biết rằng : "Hoa tiêu của chúng ta tốt, nhưng không đủ để đánh trúng một khẩu súng cối được đặt trong một làng mạc ; hoả lực pháo của chúng ta tốt nhưng quá lớn để tiêu diệt khẩu súng cối đó mà không gây thiệt hại thêm cho cư dân và làng mạc mà chúng ta cố gắng bảo vệ; và chúng ta không có bất cứ những thông tin gì về mục tiêu để giám sát hàng trăm mục tiêu nhỏ di động trên địa hình gồ ghề của vùng Bancăng".

Tuy nhiên, các hình thái chiến tranh vẫn tiếp tục tiến triển, công nghệ tiếp tục được cải thiện, và cũng giống như những đội quân của thời kỳ Napoleon, người ta cũng đang từng bước khắc phục những hạn chế của hình thái chiến tranh mới. Như đã ghi nhận ở phần trước, sự thay đổi đang hướng tới việc củng cố khả năng chiến đấu cường độ thấp bằng những công nghệ mới đã được cải thiện như các phần tử nhạy, hệ thống liên lạc trên không, vũ khí tự động và vũ khí không gây chết người. Nó gợi ra một ý kiến rằng kiểu chiến tranh mới Làn sóng Thứ ba có thể tỏ ra một cách đúng lúc là có khả năng chống lại du kích quân và những đối thủ nhỏ bé đang tiến hành kiểu chiến tranh Làn sóng Thứ ba cũng như chống lại đội quân thuộc Làn sóng Thứ hai theo kiểu quân đội Irắc.

Sự xuất hiện của hình thái chiến tranh Làn sóng Thứ ba đang buộc tất cả các chính phủ phải đánh giá lại lực lượng quân sự cùng những mối nguy cơ có thể nhận thấy được của mình. Ngày nay Trung Quốc vẫn còn khoảng ba triệu người phục vụ trong quân đội (giảm xuống từ trên bốn triệu người vào năm 1980). Trung Quốc có lực lượng không quân lớn thứ 3 trên thế giới với 4500 máy bay chiến đấu. Thế nhưng các nhà lãnh đạo Trung Quốc biết rằng, ngoài việc bảo đảm an ninh trong nước, đội quân thuộc kiểu Làn sóng Thứ hai khổng lồ và tốn kém ấy chẳng có lợi thế gì. Họ cũng biết rằng những máy bay của họ hầu hết đã lỗi thời - với nghĩa là chúng không đủ "thông minh". Trung Quốc đánh giá các nước láng giềng của họ và giờ đây thấy rõ rằng, nếu

không có vũ khí hạt nhân, đội quân hơn một triệu người theo kiểu Liên Xô của Bắc Triều Tiên yếu đi hơn là người ta tưởng, trong khi đội quân 630.000 người của Hàn Quốc được tổ chức theo kiểu Mỹ, lại mạnh hơn là người ta tưởng. Lực lượng Phòng vệ Nhật Bản gồm 246.000 người, với khả năng kỹ thuật và chuyên môn cao lại càng mạnh hơn so với ấn tượng mà qui mô của nó có thể gợi ra.

Điều làm cho những ai đang quan tâm tới việc bảo vệ hoà bình phải lo âu không phải là sức mạnh quân sự thô thiển thuần túy, mà là những thay đổi bất ngờ trong sức mạnh quân sự có liên quan. Bởi lẽ sẽ chẳng có gì hơn nữa có thể làm tăng được tính chất không thể dự đoán và bệnh hoang tưởng tồi tệ nhất của những nhà lãnh đạo chính trị và các nhà hoạch định quân sự. Tất cả những cái đó cũng được nhân lên bởi sự không chắc chắn về tương lai của quân đội Hoa Kỳ.

Việc loại suy xuất phát từ trường hợp của Napoleon buộc chúng ta phải xem xét đến tính chóng tàn của quyền lực. Vào ngày 18/6/1815, chưa đầy ba năm sau bước tiến xa nhất chinh phục phía Đông, đế chế của Napoleon đã sụp đổ tại trận Waterloo. Giây phút bá chủ "đơn cực" của nước Pháp, tức là địa vị siêu cường của nó, vụt qua đi chỉ trong một khoảnh khắc ngắn ngủi. Điều tương tự ấy liệu có xảy ra đối với nước Mỹ không? Giây phút bá chủ của Mỹ liệu có phải cũng chỉ là một khoảnh khắc nháy mắt trong lịch sử hay không?

NGÂN SÁCH KHÔNG CÓ CHIẾN LƯỢC

Trả lời cho câu hỏi nói trên sẽ phụ thuộc một phần vào những hành động của riêng nước Mỹ. Để giữ ưu thế quân sự, Hoa Kỳ cũng phải giữ ưu thế kinh tế. Mặc dù kinh tế Nhật và các nước châu Á đang tăng nhanh, nhưng Mỹ vẫn còn giữ nhiều ưu thế về khoa học, kỹ thuật và các lĩnh vực khác. Mỹ cần nhanh chóng

thoát ra khỏi nền công nghiệp Làn sóng Thứ hai đang còn rơi rớt lại, đồng thời giảm tới mức tối thiểu sự trực trực và mất ổn định xã hội đi kèm với biến đổi sâu sắc về kinh tế. Nhưng Mỹ cũng phải tính lại các giải pháp chiến lược theo cách mới.

Đáng tiếc là đối với những ai quan tâm, bạn bè cũng như kẻ thù, thì tầng lớp thượng lưu của Mỹ kể cả chính trị lẫn quân sự, đều bị mất phương hướng sâu sắc không chỉ vì sự chấm dứt chiến tranh lạnh, mà còn vì liên minh phương Tây tan rã, vì kinh tế châu Á tăng lên, và trên hết, vì sự xuất hiện nền kinh tế dựa vào thông tin mà những đòi hỏi có tính toàn cầu của nó hoàn toàn chưa được họ biết rõ.

Kết quả là thiếu hẳn đến mức nguy hiểm sự nhận thức rõ ràng về những lợi ích lâu dài của Mỹ. Vì thiếu rõ ràng như vậy, nên ngay cả lực lượng vũ trang tốt nhất thế giới cũng có thể bị đánh bại trong tương lai hoặc, tồi tệ hơn, bị thiệt mạng chỉ vì những mục đích tầm thường và vụn vặt. Hơn nữa, với sự cắt giảm ngân sách của Quốc hội đối với Lầu Năm Góc do ít hiểu biết về hình thái chiến tranh Làn sóng Thứ ba, vai trò lãnh đạo của Mỹ trên thực tế có thể bị tiêu tan.

Về mặt lôgic, không thể nào biết được ngân sách quân sự của một nước lớn đến mức bao nhiêu nếu nước đó không có một chiến lược và không thể đánh giá được những yêu cầu của mình. Nhưng đó không phải là cái cách mà ngân sách quân sự đạt tới. Như cựu Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Dick Cheney có lần nói với chúng tôi, trên thực tế "ngân sách quyết định chiến lược chứ không phải chiến lược quyết định ngân sách".

Nhưng điều tồi tệ là ngân sách ấy lại không hề được xác định một cách hợp lý. Ở tất cả các nước, vũ khí và quân đội là nguồn đặc quyền chính trị cuối cùng có khả năng cung cấp việc làm, lợi nhuận và tiền lương. Theo một cách không lôgic quyền lực chính trị nội bộ và sự cạnh tranh giữa các dịch vụ là những cái quyết

định quá trình thực hiện ngân sách. Vì vậy, những cuộc tranh cãi hiện thời về qui mô ngân sách quốc phòng là lý lẽ chủ yếu cho các nhóm đại diện cử tri khác nhau đòi hỏi tiền của chính phủ, hơn là những cuộc tranh cãi đích thực về chiến lược.

Nhưng sự chỉ trích ngân sách một cách thiếu cặn và sự lúng túng về chiến lược thậm chí không nguy hiểm bằng sự nhận thức sai lệch ngày nay về sự biến đổi trong quan hệ giữa kinh tế và quân sự, tức là giữa của cải và chiến tranh. Và điều này không chỉ nguy hiểm đối với Hoa Kỳ.

NHỮNG LÁI BUÔN THẦN CHẾT

Trong suốt kỷ nguyên Làn sóng Thứ hai, sức mạnh vũ trang của các cường quốc được dựa vào nền công nghiệp quốc phòng qui mô lớn. Các xưởng đóng tàu hải quân khổng lồ phục vụ cho các hải quân của Làn sóng Thứ hai trên thế giới. Các công ty lớn ra đời để sản xuất xe tăng, máy bay, tàu ngầm, đạn dược và tên lửa.

Ngược lại, những người ủng hộ hoà bình qua bao thế hệ đã chỉ trích không mệt mỏi các ngành công nghiệp vũ khí. Bị chỉ trích là "những lái buôn thần chết" hoặc là một "âm mưu bí mật chống lại hoà bình", những người chế tạo đạn dược trên thế giới được mô tả, đôi khi có lý, là đang thổi bùng ngọn lửa chiến tranh, nếu không phải là châm ngòi thực sự.

"Hãy kiếm lợi nhuận từ chiến tranh" đã trở thành khẩu hiệu quen thuộc. Những cuốn sách như *Sự buôn bán đẫm máu* xuất bản năm 1933, và quyển tiếp theo là *Thần chết trả tiền lái cỗ phần* xuất bản năm 1944, đã phơi bày tệ hối lộ và nghề lái buôn chiến tranh của cái mà sau này được biết là "tổ hợp công nghiệp quân sự".

Ngày nay có lẽ khi những lời chỉ trích tổ hợp này trở nên hăng hái hơn thì những nền công nghiệp quốc phòng đang ở trong tình

trạng vô cùng rối loạn. Số công nhân sử dụng trong kỹ nghệ chiến tranh bị giảm mạnh ở các nước công nghệ cao (tuy không ở một số nước nhỏ và nghèo). Ở Mỹ, những bản tin trên báo hằng ngày luôn thông báo việc sa thải các nhà khoa học, kỹ sư, kỹ thuật viên và những công nhân quốc phòng tay nghề thấp. Chẳng hạn như công ty General Dynamics, là công ty sản xuất máy bay chiến đấu và tàu ngầm, đã sa thải 17.000 công nhân trong vòng 20 tháng. Trên toàn nước Mỹ, với tình trạng nhiều nhà máy quân sự đóng cửa đã có khoảng 300.000 người mất việc làm trong ngành quốc phòng trong thời gian không đến hai năm kể từ khi bức tường Berlin sụp đổ, và từ đó còn nhiều người mất việc nữa.

Trong tình trạng giành giật tuyệt vọng để tồn tại, các công ty quốc phòng khổng lồ đang phải cơ cấu lại, sáp nhập và xoay hướng kinh doanh mới. Nhưng ngay cả khi chúng thu xếp để tránh né đòn đánh của ngân sách thì các ngành công nghiệp quân sự vẫn phải chịu đựng một sự ồm yếu lâu dài. Nhiều công ty sẽ tan rã. Tuy nhiên hậu quả sẽ là các cơ hội hoà bình cũng có thể sẽ trở nên tồi tệ hơn. Bởi vì cái mà ngày nay thế giới phải đương đầu là việc dân sự hoá chiến tranh và dân sự hóa ngành vũ khí.

Một trong những điều mỉa mai lớn nhất của lịch sử là những người đang ra sức tác động một cách quên mình để xúc tiến việc giảm bớt công nghiệp quốc phòng, hy vọng chuyển các khoản chi tiêu quân sự sang những mục đích lành mạnh hơn, lại đang thúc đẩy nhanh chóng công cuộc dân sự hoá nói trên. Và giờ đây họ mới biết rằng nó sẽ nhóm lên những mối hiểm nguy mới và tồi tệ cho thế giới.

DÂN SỰ HOÁ CHIẾN TRANH

Dùng từ "dân sự hoá", chúng tôi không có ý nói đến sự cải biến hoặc đục lười kiếm thành lười cây. Mà ngược lại, chúng tôi đề cập đến một sự chuyển những hoạt động thích hợp về quân

sự do những ngành công nghiệp chuyên về quân sự trước đây tiến hành, sang những ngành công nghiệp hướng vào dân sự. Người ta đã chú ý rất nhiều đến một số ví dụ chuyển đổi như liên doanh Lockheed-AT-T để tự động hoá các cổng thu lệ phí xa lộ bằng những "chiếc thẻ thông minh", hay cố gắng của phòng Thí nghiệm quốc gia Lawrence Livermore nhằm xây dựng những mô hình máy vi tính về thay đổi khí hậu có sử dụng công trình nghiên cứu thoát đầu dành để nghiên cứu các vụ nổ hạt nhân. Thomson - CSF, tập đoàn quốc phòng khổng lồ của Pháp, đã ứng dụng một số bí quyết điện tử quân sự vào việc thiết lập mạng cho France Telecom, công ty điện thoại của Pháp.

Nhưng ngay cả khi các chính khách và các phương tiện thông tin ở nhiều nước ca ngợi những ưu điểm của việc chuyển đổi, thì có một quá trình ngược lại mang tính rộng lớn hơn nhiều là chuyển các ngành công nghiệp dân sự thành các năng lực tiềm tàng thời chiến. Đó mới là dân sự hoá. Nó là sự "chuyển đổi" thực sự. Và những gì nó làm là ngược lại với dự định ban đầu : nghĩa là nó đang đúc lưỡi cày để làm thành thanh kiếm.

Dân sự hoá chẳng bao lâu sẽ đưa lại những năng lực tiềm tàng quân sự đáng sợ cho một số nước nhỏ nhất, nghèo nhất, có chính phủ điều hành tồi tệ nhất trên trái đất. Đó là chưa kể đến những phong trào xã hội xấu xa nhất.

NHỮNG "ĐỒ DÙNG" HAI MẶT

Mục đích chính của một tổ hợp công nghiệp quân sự ở bất kỳ nước nào cũng là sản xuất những thứ gọi là "vũ khí" - những sản phẩm đặc biệt dành cho hoặc hỗ trợ cho việc giết người, từ khẩu súng và lựu đạn đến đầu đạn hạt nhân. Dĩ nhiên luôn có những sản phẩm "luồng dụng", thoát tiên vì mục đích dân sự, sau đó dùng trong quân sự. Những chiếc xe tải có khả năng chở các thùng sữa từ trang trại đến thành phố thì cũng có thể chở đạn ra

mặt trận. Nhưng trù thực phẩm và dầu ăn, người ta đã không thể chiến thắng trong chiến tranh Làn sóng Thứ hai chỉ bằng hàng tiêu dùng.

Thế nhưng điều gì sẽ xảy ra nếu như hàng tiêu dùng trên thực tế lại là một máy siêu vi tính có khả năng thiết kế vũ khí hạt nhân? Hoặc còn những chiếc ti vi chạy bằng dây cáp có trong hàng triệu gia đình ở Mỹ thì sao, khi chúng có chứa công nghệ mã hoá rất có khả năng dùng để điều khiển tên lửa? Hoặc những kip nổ cực nhạy và kỹ thuật lade bằng xung lực? Hoặc vô vàn những sản phẩm khác được chế tạo trong kinh tế dân sự?

Trong thế giới Làn sóng Thứ ba, trong đó cả công nghệ và sản phẩm đều được đa dạng hoá để đáp ứng những nhu cầu của thị trường phi hàng loạt, số lượng những mặt hàng lưỡng dụng đang gia tăng. Và nếu chúng ta xem xét đến những thành phần và tiểu công nghệ của các công nghệ và sản phẩm đó thì ta sẽ thấy là số lượng những sự chuyển đổi quân sự tiềm tàng tăng vọt hẳn lên. Vì lý do đó, như một nhà phân tích quốc phòng đã nói, quân đội trong tương lai "sẽ hơi trong biển cả của công nghệ dân sự".

Sau đó, chính sự đa dạng hoá sản phẩm và công nghệ lại chuyển sang một sự đa dạng hoá lớn hơn nhiều của vũ khí. Sự gia tăng của những nền kinh tế có cường độ thông tin và công nghệ cao cũng được đánh dấu bằng sự gia tăng gấp bội các kênh tiếp thị, bằng sự tự do hoá việc luân chuyển tư bản và những sự di chuyển nhanh chóng con người, hàng hoá, dịch vụ và đặc biệt là thông tin qua các biên giới ngày càng dễ thông thương. Tất cả những điều đó có nghĩa là các mặt hàng lưỡng dụng ngày càng dễ lưu thông trong các mạch máu toàn cầu.

Nhưng nếu chỉ tập trung vào những "đồ vật" lưỡng dụng thì sẽ bỏ qua vấn đề rộng lớn hơn. Không chỉ hàng hoá mà cả dịch

vụ cũng nằm trong tình trạng lưỡng dụng. Và cũng không chỉ ở trên mặt đất mà cả ở trên vũ trụ nữa.

NHỮNG DỊCH VỤ TIÊU DÙNG PHỤC VỤ CHIẾN TRANH

Chúng ta hãy nghe cố vấn quốc phòng Daniel Goure, cựu giám đốc về chiến lược cạnh tranh của Văn phòng Bộ Quốc phòng Mỹ. Ông nói, chúng ta đang đứng trước "một cuộc cách mạng toàn cầu về tiếp cận với thông tin, giám sát và giao lưu trong vũ trụ, tất cả các yếu tố này đều là cốt tử đối với tiềm năng quân sự".

Chúng ta hãy xem xét việc giám sát. Goure nói : "Một Saddam Hussein trong tương lai có thể sẽ đặt mua tin từ hàng chục máy cảm biến giám sát đủ mọi loại, đủ phẩm cấp khác nhau của Nga, Pháp, Nhật và thậm chí của cả Mỹ. Tất cả đều là thông tin thương mại".

Giờ đây cả hệ thống Nomad của Nga, trước kia đã từng được gọi là Almaz có khả năng cung cấp những hình ảnh giám sát có sẵn về mặt thương mại với độ phân giải giảm xuống còn khoảng năm mét. Goure nhận xét: "Để nhằm mục tiêu chính xác, ta muốn có độ phân giải một mét. Nhưng phải nói thẳng rằng công nghệ dân sự (có sẵn cho bất cứ ai mua) ngày nay tốt hơn nhiều so với công nghệ quân sự những năm 70 mà hồi đó chúng ta cho là khá tốt".

Cho nên gần như bất cứ chính phủ nào trên thế giới, kể cả những chính phủ cường tín nhất, hung hăng nhất, áp chế nhất, và vô trách nhiệm nhất, đều có thể sớm mua được những con mắt trên bầu trời để cung cấp những hình ảnh tình vi với độ chính xác 15 phút về những nơi đóng quân hay tập kết xe tăng, tên lửa của Mỹ. Các phương pháp tình vi sắp tới trong công nghệ hoa tiêu chẳng bao lâu sẽ cung cấp thông tin định vị với dung sai còn

một mét. Ngày nay dù cho các vệ tinh của Mỹ có cung cấp độ chính xác cao nhất, thì sự thống trị của Mỹ trong vũ trụ cũng có thể bị trung hoà bởi tất cả các mục đích thực tiễn.

Nhưng không phải chỉ có thế. Vũ trụ còn cung cấp cho đồng minh những thông tin cao cấp trong Chiến tranh Vùng Vịnh. Nhưng ngày nay, công ty Motorola đang có kế hoạch đặt một vành đai vệ tinh xung quanh quả đất. Hệ thống thương mại này, gọi là Iridium, có thể cung cấp những thông tin về cơ bản là không thể bị tắc nghẽn cho mọi người dùng tin ở bất kỳ đâu. Hơn nữa, vì các mạng điện tử đang được gia tăng trên khắp mặt đất, cho nên sắp tới chúng ta khó có thể ngăn chặn được một đối phương trong tương lai tiếp cận với tin tình báo dựa vào vệ tinh. Những thông tin quan trọng ở chiến trường có thể được truyền xuống cho các trạm thương mại mặt đất và các cơ sở dữ liệu ở Zurich, Hồng Kông, hay Sao Paulo rồi truyền qua bất cứ mạng trung gian nào đến quân đội ở các nơi chẳng hạn như Ápganixtan, Iran, Bắc Triều Tiên hay Cônggô (Kinsaxa). Thông tin ấy có thể dùng vào nhiều việc, trong đó có việc xác định mục tiêu và điều khiển tên lửa.

QUÂN ĐỘI "THÔNG MINH" CHỐNG LẠI QUÂN ĐỘI "ĐƯỢC TRẠNG BỊ THÔNG MINH"

Rồi sau đó là vấn đề của bản thân các tên lửa. Theo Goure, Saddam Hussein trong tương lai sẽ "có khả năng dùng tên lửa tương đối cũ, như tên lửa Scud, và... bắn chính xác vào mục tiêu. Tất cả những điều cần làm là bổ sung một máy thu tín hiệu hoa tiêu thương mại GPS, giống như máy Slugger đã quen thuộc trong Chiến tranh Vùng Vịnh, cộng thêm một số công việc lắp ráp lại và vài thứ khác, và với khoảng 5.000 đôla trong 5 năm chẳng hạn, thì Saddam hoặc người Iran hoặc bất kỳ ai khác sẽ có thể có một tên lửa Scud thông minh" - thay cho một Scud nổi

tiếng chệch choạc và khó trúng mục tiêu đã được phóng vào Tel Aviv và Riyadh trước đây.

Tôm lại, việc bổ sung những vũ khí "thông minh" của Làn sóng Thứ ba có sẵn về mặt thương mại cho những thứ vũ khí cũ của Làn sóng Thứ hai có thể biến chúng thành những vũ khí thông minh với giá rẻ tới mức ngay cả những quân đội nghèo cũng có thể mua được. Vì vậy, những quân đội thông minh ngày nay sẽ phải đương đầu với những quân đội được trang bị thông minh của ngày mai.

Đúng là Mỹ và các nước tiên tiến về quân sự đang giữ một số ưu thế - như quân đội được đào tạo tốt hơn, có khả năng đầy đủ hơn, sự hợp nhất các hệ thống tốt hơn. Nhưng tình trạng không cân xứng ở Vùng Vịnh khó có thể lặp lại nữa trong tương lai, vì ít nhất đã có một số yếu tố của vũ khí Làn sóng Thứ ba được phổ biến ra khắp thế giới do có sự thúc đẩy của quá trình dân sự hoá.

CUỘC KẾT HÔN GIỮA HOÀ BÌNH VÀ CHIẾN TRANH

Cho mãi tới gần đây các công ty quốc phòng chủ yếu ở Mỹ vẫn tách riêng việc kinh doanh quân sự ra khỏi những hoạt động dân sự của họ. Hank Hayes, chủ tịch tập đoàn quốc phòng và điện tử Texas Instrument nói rằng ngày nay, "nếu chúng ta phải viết về viễn cảnh mà ta muốn có, có lẽ đó là quốc phòng và thương mại phải hợp nhất sao cho trên thực tế có thể chế tạo những sản phẩm quốc phòng và thương mại ngay trên một dây chuyền sản xuất".

Ở một cấp độ khác, bản thân các công nghệ cũng có sự pha trộn. Một biểu hiện của phương hướng thay đổi dài hạn đã xuất hiện ở Washington năm 1990 khi Bộ Thương mại và Bộ Quốc phòng, thông thường vốn cạnh tranh nhau về ảnh hưởng chính

trị, mỗi bộ đã đưa riêng một bản danh sách những công nghệ quan trọng nhất đang xuất hiện. Những công nghệ nào là cần thiết nhất cho việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế? Những cái nào cần thiết cho tiềm năng quân sự? Trừ một vài điểm, hai bản danh sách giống nhau một cách đáng chú ý.

Tương tự như vậy, Chính phủ Pháp, người đang tích cực xúc tiến hoà nhập những nỗ lực trong lĩnh vực vũ trụ thương mại với những nỗ lực vũ trụ quân sự, đã chỉ ra những công nghệ chủ yếu trong đó, theo báo cáo của tờ *Tin tức Quốc phòng*, "sự khác biệt giữa ứng dụng vũ trụ quân sự và dân sự hầu như không còn". Trong khi đó thì quân đội Hoa Kỳ, trong một cuốn sách "trắng" gần đây, gợi ý rằng họ có thể được lợi thêm nhiều đôla bằng cách cố gắng giảm bớt những đặc điểm kỹ thuật quân sự riêng biệt và thay vào đó là dựa vào những tiêu chuẩn thương mại.

GỬI QUA FAX CÁC BỘ PHẬN THAY THẾ

Như vậy, cái mà ta có thể thấy rõ là sự tan rã có thể xảy ra của những công ty công nghệ quân sự chuyên sâu, hoặc là nó phải sáp nhập vào tổ chức thương mại phi quân sự. Tổ hợp quân sự cũ ắt sẽ phải nhập vào một tổ hợp dân sự - quân sự mới.

Sự hoà nhập sắp tới đưa ra một ánh sáng khác hẳn về những nỗ lực chuyển đổi hiện thời. Như C. Michael Armstrong, chủ tịch Công ty máy bay Hughes Aircraft, một trong những công ty sản xuất hàng quốc phòng lớn nhất của Mỹ, tự hào giải thích: "Chúng ta có thể chuyển công tác phòng không quân sự sang kiểm soát không lưu dân sự. Các phần tử nhạy báo động về chiến tranh hoá học có thể dùng để phát hiện những chất ô nhiễm; bộ xử lý tin hiệu có thể chuyển thành hệ thống điện thoại số, ra đa điều khiển tàu tuần tiểu và kính nhìn tia hồng ngoại ban đêm có thể đưa sang hệ thống hướng dẫn an toàn tự động". Ông ta quên không

ghi nhận rằng việc chuyển đổi ngược lại cũng hoàn toàn đúng và không phải chỉ đối với công ty Hughes.

Nhà nghiên cứu Carol D.Campbell, trong khi tìm kiếm thị trường thương mại cho Công ty Hughes, đã kết luận rằng công nghệ dựa trên tin tức tình báo để nhận dạng sơ đồ ném bom, ban đầu thiết kế cho việc hướng dẫn tên lửa, nay cũng có thể dùng để phát hiện tự dạng (chữ viết tay) phần nào giúp ích cho dịch vụ bưu điện Mỹ. Bà Carol giải thích trong tạp chí *Tuần Kinh doanh* : " Nếu hệ thống của chúng ta có thể báo cho biết một mục tiêu B.1 từ một vị trí F.16 cách xa hàng bao dặm, thì nó cũng có thể báo A từ B hay 6 từ 9".

Nhưng Hughes không chỉ là cơ sở thiết kế duy nhất trên thế giới về phần mềm phục vụ nhận dạng sơ đồ ném bom, và nếu chẳng hạn Pakixtan có được công nghệ phát hiện tự dạng trong dịch vụ bưu điện, thì họ cũng có thể vận dụng nó vào việc hướng dẫn tên lửa được chứ?

Ở Nga, Ban giám đốc Cục Dạn được và Hóa học đặc biệt rất tự hào về công trình ứng dụng các phần tử nhảy của vệ tinh ban đầu được thiết kế để xác định địa điểm đặt tên lửa của Mỹ, sang nhiệm vụ xác định vị trí cháy rừng. Liệu điều đó có thể có nghĩa là các phần tử nhảy do Nga hoặc ai khác chế tạo để tìm nơi cháy rừng cũng có thể dễ dàng chuyển sang tìm chỗ đặt tên lửa được không?

Hoặc hãy xem xét công nghệ "sao chép nhanh nguyên mẫu". Baxter Healtceare là một công ty công nghệ y học đã sử dụng kỹ thuật đó để sản xuất theo đơn đặt hàng các mô hình thiết bị mới xử lý tĩnh mạch. Mục đích hoà bình của Baxter là giúp những người tiếp thị của họ và giảm thời gian triển khai chế tạo thiết bị. Nhưng thiết bị tĩnh mạch này không phải là thứ duy nhất có thể chế tạo bằng công nghệ kể trên.

Quân đội Làn sóng Thứ hai phụ thuộc vào những nguồn cung ứng bố trí trước hoặc một đội quân hậu cần khổng lồ để cung cấp các bộ phận thay thế của máy bay lên thẳng chẳng hạn. Quân đội Làn sóng Thứ ba, dựa vào công nghệ vi tính tiên tiến và công nghệ "sao chép nhanh nguyên mẫu", có thể nhanh chóng chế tạo nhiều thứ cần thiết ngay tại chỗ. Công nghệ này có thể chế tạo ra những vật thể với bất cứ hình dạng nào bằng kim loại, giấy, chất dẻo hay gốm sứ, theo chỉ thị truyền đến từ các cơ sở dữ liệu cách xa hàng ngàn dặm. Tờ *New York Times* cho biết: "Quả thực ngày nay ta có thể gửi qua fax các cấu kiện đến những địa điểm ở xa". Công nghệ đó cùng các công nghệ tương tự khác sẽ đẩy mạnh và đơn giản hoá sự triển khai sức mạnh quân sự, giảm bớt nhu cầu đặt các căn cứ thường trực hay kho cung ứng ở nước ngoài.

Với cái giá khoảng 11.000 đôla Mỹ, Công ty máy móc hạng nhẹ ở Manchester, New Hampshire, đã bán một máy cắt để hàn có thể cắt nguyên mẫu trên nhôm, sắt thép, đồng, chất dẻo hay sáp và có thể nhận chỉ thị từ xa.

Tóm lại, những thứ hàng hoá và dịch vụ mới có cường độ thông tin cao cùng các công nghệ về cấu kiện đã thâm nhập vào thị trường thế giới nhanh hơn khả năng theo dõi của bất cứ ai, và chúng làm biến đổi mạnh mẽ các qui tắc của cả hoà bình lẫn chiến tranh. Nó cũng thay đổi sự phân bố vũ khí trên toàn cầu. Nếu những cấu kiện chủ yếu của vũ khí tương lai là do sản xuất dân sự tạo ra thì những nước nào là nơi cung cấp vũ khí quan trọng nhất? Có phải là những nước có những nhà máy ống khói hiện còn sản xuất ra những sản phẩm quân sự chuyên dùng? Hay là những nước có nền kinh tế dân sự tiên tiến nhất và xuất khẩu tốt nhất? Cho đến nay hiến pháp Nhật vẫn còn cấm các công ty Nhật bán vũ khí. Nhưng chuyện gì sẽ xảy ra đối với hàng hoá, phần mềm cùng những dịch vụ dân sự thông thường và vô tội một khi chúng được chuyển sang dùng trong quân sự? Những yếu

tố chủ yếu của kho vũ khí tương lai có thể xuất hiện từ những nguồn đáng kinh ngạc nhất.

Cho nên khi xem xét việc dân sự hoá dựa trên cơ sở của tin tức ngày nay về những phong trào ly khai đòi quyền dân tộc, "những người diệt chủng để thanh trừng sắc tộc", những nghiệp đoàn tội phạm, những lực lượng đánh thuê, những kẻ cuồng tín vác súng đi khắp nơi, những kẻ người hùng vô giá trị và những kẻ bắt chước Saddam, thì hệ thống toàn cầu đang xuất hiện có một vẻ ảm đạm hơn nhiều. Đó là một thế giới đang sôi sục bởi những bạo lực trong đó lợi thế quân sự của bất cứ ai, kể cả của Hoa Kỳ, có thể bị bù trừ hoặc trung hoà bằng những cách không thể ngờ trước. Trong chiến tranh cũng như trong việc tạo ra của cải, cường độ thông tin cao có thể đem lại sức mạnh nhưng cũng có thể nhanh chóng làm suy yếu.

Trong cuốn sách mới đây của chúng tôi nhan đề *Thăng trầm quyền lực*, chúng tôi đã viết "Theo định nghĩa, cả sức mạnh và của cải đều là tài sản của kẻ mạnh và kẻ giàu. Chỉ có đặc tính thực sự cách mạng của thông tin thì kẻ yếu và nghèo mới có thể nắm được. Thông tin là nguồn quyền lực dân chủ nhất".

Nhưng nó cũng là thứ nguy hiểm nhất. Giống như khẩu súng sáu ở miền Viễn Tây hoang dã, nó có thể chứng tỏ là kẻ san bằng vĩ đại. Thế nhưng kết quả có thể không phải là sự bình đẳng hay dân chủ. Mà như chúng ta sẽ thấy ở phần sau, hoá ra nó lại dẫn đến năng lực phóng xạ...

THẦN LINH ĐƯỢC GIẢI THOÁT

Vào một buổi sáng mùa xuân trong trời mới đây, cả tám người chúng tôi họp nhau lại để quyết định xem có ném bom hạt nhân xuống Bắc Triều Tiên hay không.

Xung quanh chiếc bàn bát giác bày bữa bãi những chiếc tách cà phê, giấy tờ và chiếc cặp ngoại giao mở sẵn, chúng tôi vội vã đọc những báo cáo kinh hoàng mới nhất. Một âm mưu đảo chính vừa mới bị đàn áp đẫm máu ở Bình Nhưỡng, thủ đô Bắc Triều Tiên. Quân đội đông trên một triệu người hình như chia thành hai phe. Binh sĩ được điều động trong thành phố. Các đơn vị xe bọc thép cũng đang xếp thành hàng vượt biên giới hướng về Seoul, thủ đô Hàn Quốc. Những quả tên lửa Scud phóng từ phía Bắc nhằm vào các mục tiêu ở phía Nam. Các căn cứ của Mỹ dường như sắp bị các đơn vị biệt kích Bắc Triều Tiên tấn công.

Như chúng ta biết, Bắc Triều Tiên đã chế tạo được tên lửa tầm trung và đã nghiên cứu bom hạt nhân nhiều năm bất chấp sự phản đối của nhiều nước. Bây giờ, khi chính phủ của nó có vẻ như đang bị lung lay, Bắc Triều Tiên thực hiện điều mà thế giới từng lo ngại.

Đúng 9 giờ 26 phút sáng, hai quả bom hạt nhân Bắc Triều Tiên nổ ở vùng có xe bọc thép phòng thủ của Hàn Quốc. Sau ba phút có thêm bốn tiếng nổ hạt nhân nữa. Trong nửa giờ, lực lượng Hàn Quốc bị tấn công bằng các vũ khí hoá học do pháo binh đội

sang. Cuộc Chiến tranh Triều Tiên thứ hai bắt đầu bằng một vụ nổ hạt nhân.

Nhiệm vụ đặt ra cho nhóm chúng tôi - cùng hai người nữa - là đệ trình lên Tổng thống Hoa Kỳ những phương án thực tiễn. Chúng tôi chỉ có 50 phút. Hoa Kỳ đã cam kết có tính chất lịch sử đối với công cuộc phòng thủ của Hàn Quốc. Giờ đây Mỹ đang phải đương đầu với vấn đề mà mọi người đã hy vọng là sẽ tránh được: liệu Mỹ có trả đũa cùng một kiểu đối với việc sử dụng bom nguyên tử của Bắc Triều Tiên không?

Tại bàn làm việc của chúng tôi, một phụ nữ tóc vàng nhanh miệng đề nghị trả đũa tức thời bằng cùng loại vũ khí. Bà ngồi lọt vào giữa một bên là một phụ nữ mảnh khảnh tóc đen luôn im lặng từ đầu đến cuối, bên kia là người đàn ông cũng ít nói như vậy và với bộ ria xám được tia cần thận. Cả ba người đều thuộc Cục tình báo trung ương (CIA). Người thứ tư mặc áo xanh sặc sỡ, thất cả vạt quần đùi, quần flannel màu xám, khuyến cáo phải thận trọng. Ông ta là cựu nhân viên CIA. Một ông người chắc nịch, tóc quăn, thuộc cơ quan Bộ Quốc phòng, gạt bỏ mọi ý kiến gợi ý và chỉ ra những điều hạn chế của các ý kiến đó. Một nhà nghiên cứu hạt nhân có vẻ hiền hậu mặc áo sơ mi kẻ sọc, làm việc ở một viện nghiên cứu hàng đầu, đưa ra phương án không dùng hạt nhân. Ông bị một viện sĩ trẻ ở nhà máy điện nguyên tử Berkeley phản đối, lý do là phải đánh trả nhanh và mạnh ngay từ đầu để cuối cùng cứu được nhiều sinh mạng. Một trong những tác giả của cuốn sách này đã bổ sung cho nhóm tại bàn chúng tôi. Hai bàn khác được vây quanh bởi các sĩ quan quân sự và tình báo, các nhà phân tích chính trị, các nhà ra quyết định và các chuyên gia khác, tất cả lướt qua một cách lo ngại các bản báo cáo tóm tắt, và giống như chúng tôi, họ đưa ra hàng loạt câu hỏi.

Ai thực sự chịu trách nhiệm ở Bắc Triều Tiên? Phe nào? Họ thực sự muốn gì? Ai ra lệnh dùng hạt nhân? Còn có giải pháp ngoại giao nào không? Mỹ có nên trước hết chỉ dùng lực lượng

thông thường rồi đưa ra lời cảnh cáo miền Bắc rằng tiếp theo nó sẽ dùng hạt nhân để trả đũa không? Hay là thời gian cảnh cáo đã qua rồi? Gây nổ ở mặt đất? (Không. Quá nhiều thiệt hại cho người vô tội). Dùng máy bay ném bom? Tên lửa tuần tiễu? Hay ICBM (tên lửa đạn đạo vượt đại châu)? (Không. ICBM sẽ làm người Nga và Trung Quốc hoảng sợ). Sẽ bắn phá tất cả các mục tiêu quân sự hay chỉ một mục tiêu? Có nhằm vào hầm chỉ huy của giới lãnh đạo không? Thời gian cứ trôi qua nhanh chóng. Thời hạn cuối cùng đã hết... Chúng ta có dùng hạt nhân không?

May mắn thay, không ai phải ra quyết định đau đớn ấy. Chiến tranh Triều Tiên thứ hai chỉ là một giả tưởng - một kịch bản. Toàn bộ quá trình diễn tập đó chỉ là một trò chơi cân não - đúng hơn là một giả định - dựng lên để giáo dục chúng ta về cuộc khủng hoảng hạt nhân tiềm tàng. Trước đây nó đã được diễn tập bởi các nhóm khác tại bộ chỉ huy NATO ở Brussels, cũng như bởi các chuyên gia hạt nhân ở Ucraina và Cadăxtan, hai nước cộng hoà Liên Xô cũ có vũ khí hạt nhân.

Vào lúc trò chơi kết thúc, chúng tôi không chỉ xem xét đến điều có thể xảy ra, mà còn cả những bước cần làm trước để ngăn chặn một cuộc khủng hoảng như vậy. Nhưng đương nhiên trò chơi hạt nhân thực sự chưa phải là đã qua. Trên thực tế nó đang ngày càng trở nên đáng nghi ngại. Bởi vì trò chơi ấy, giống như bản thân chiến tranh, đang được biến đổi do sự xuất hiện nền văn minh Làn sóng Thứ ba cùng những công nghệ dựa vào thông tin.

SỰ TƯƠNG PHẢN CHẾT NGƯỜI

Điều đáng ghi nhớ là vũ khí nguyên tử không nảy sinh từ những xã hội nông nghiệp và không phải là một bộ phận của kiểu chiến tranh Làn sóng Thứ nhất. Nó ra đời ở ngay giai đoạn cuối cùng của chế độ công nghiệp đang lên. Nó là kết quả cuối cùng của công cuộc tìm kiếm sự huỷ diệt hàng loạt có hiệu quả diễn

ra song song với công cuộc tìm kiếm sự sản xuất hàng loạt có hiệu quả. Trên thực tế, nó tạo ra cái chết bừa bãi và là sự biểu hiện cuối cùng về mặt quân sự của nền văn minh Làn sóng Thứ hai.

Những vũ khí tối tân nhất ngày nay là đối cực của nó. Như chúng ta đã thấy, chúng được dùng nhằm phi hàng loạt hoá chứ không phải hàng loạt hoá sự huỷ diệt. Nhưng ngay khi quân đội Làn sóng Thứ ba đang khẩn trương triển khai các loại vũ khí chính xác hạn chế tổn thất và vũ khí không giết người, thì những nước nghèo hơn như Bắc Triều Tiên, hiện đang còn trên đường phát triển công nghiệp Làn sóng Thứ hai, lại đua nhau chế tạo, mua sắm, vay mượn hoặc tìm cách chiếm dụng những tác nhân làm chết người hàng loạt và bừa bãi nhất mà loài người từng có, gồm các tác nhân hoá học, sinh học và cả nguyên tử nữa. Một lần nữa chúng ta phải lưu ý rằng sự ra đời của một hình thái chiến tranh mới không hề loại trừ việc sử dụng những hình thái chiến tranh trước đó - kể cả những vũ khí độc hại nhất.

VU CHERNOBYL KẾ TIẾP

Trong suốt thời kỳ chiến tranh lạnh chỉ có một vài nước là thành viên của cái gọi là "câu lạc bộ hạt nhân". Hoa Kỳ và Liên Xô là uỷ viên sáng lập. Anh, Pháp và sau đó Trung Quốc được công nhận có "tư cách thành viên". Sự tan vỡ đột ngột của Liên Xô để lại những nước mới độc lập là Cadăxtan, Belarút và Ucraina với 2.400 đầu đạn hạt nhân và 360 tên lửa vượt đại châu trong tay họ. Những cuộc đàm phán vòng vo dẫn đến thoả thuận là trong thời hạn bảy năm, những nước này sẽ phá huỷ vũ khí chiến lược của họ hoặc chở chúng sang Nga để tháo dỡ. Nhưng chẳng bao lâu, Ucraina làm hỏng kế hoạch này bằng cách đòi tiền cho số uranium hoặc plutonium trong các đầu đạn. Các nước khác do dự. Mỹ chậm chạp trao các khoản tiền đã hứa để đẩy nhanh quá trình. Kết quả là việc chuyển chở và tháo dỡ mới chỉ ở bước đầu.

Theo tờ báo Nga *Izvestia*, các phương tiện bảo quản ở các kho tên lửa ở Ucraina nghèo nàn đến mức một vụ Chernobyl nữa đang có nguy cơ xảy ra. Công nhân phải chịu tác động phóng xạ gấp đôi mức cho phép, và hệ thống bảo hiểm bị phá vỡ ở hai chục địa điểm đặt vũ khí. Trong khi đó Bộ trưởng môi trường Ucraina kết tội nước Nga, vốn được coi là có nhiệm vụ và bảo dưỡng những đầu đạn của Ucraina, là đã từ chối phần việc đó chừng nào Ucraina còn chưa chấp nhận rằng đó là tài sản của Nga - điều mà người Ucraina từ chối không nhận.

Do vậy, những tên lửa vượt đại châu có đầu hạt nhân này vẫn còn nhằm vào Mỹ. Một số tên lửa ở Cadăextan có thể định hướng vào Trung Quốc. Bây giờ thậm chí người ta cũng chẳng biết rõ được là ai đã giải hoặc chưa giải được mật mã điều khiển của các tên lửa này, và do đó nước nào có khả năng phóng chúng mà không có gì ràng buộc.

NHỮNG CHIẾC KHOA MỐC VÀ TÊN LỬA PERSHING

Vấn đề về những vũ khí nguyên tử "nhỏ" hay còn gọi là chiến thuật còn tồi tệ hơn. Trong khi những thứ này không thể làm "nổ tung thế giới", thì cơn dòng máu đá của chúng, về lý thuyết, có thể tàn phá cả chục thành phố hoặc hơn thế nữa trong cùng một lúc. Loại vũ khí chiến thuật cá nhân có thể biến một kilômét vuông đất cùng mọi người có mặt trên đó thành thủy tinh phóng xạ. Chúng có thể chỉ có đường kính vài inch¹ và dài 1,5 - 2 phut. Nhiều cái có dạng đạn pháo. Ít nhất có 25.000 - 30.000 vũ khí này hiện đang tồn tại.

Mỹ đã rút các vũ khí nguyên tử chiến thuật từ Đức và Hàn Quốc về. Vì theo thỏa thuận, các nước cộng hoà Liên Xô cũ đã

1. Inch là đơn vị đo chiều dài của Anh, bằng 2,54 cm - B.T.

chuyển vũ khí nguyên tử của họ về Nga, cho nên ước tính hiện nay ở Nga có chừng 15.000 đầu đạn như vậy. Tuy nhiên, có thể còn nhiều đầu đạn vẫn được cất giữ ở chỗ khác do không được đem giao nộp hoặc không được tính vào sổ kiểm kê chính thức. Một trong những chuyên gia hàng đầu của Lầu Năm Góc nói : "Một số vũ khí này quá cổ và thô sơ, không có bộ phận an toàn đặt ở trong. Chúng chỉ có nắp đậy và khoá móc. Chúng gồm đủ các loại và có mặt khắp đất nước khổng lồ ấy. Liệu tất cả chúng đã được đưa về Nga chưa? Ai biết được con số thống kê này?"

Sự không chắc chắn lớn đến mức sau khi Mỹ phá hủy các tên lửa hạt nhân tầm trung ở châu Âu theo Hiệp ước về lực lượng hạt nhân tầm trung, thì quân đội Mỹ, theo lời một chuyên gia hạt nhân của Lầu Năm Góc, "bị choáng váng khi tìm thấy một hệ phóng tên lửa Pershing... mà họ quên không đếm. Chúng tôi nghĩ là đã thủ tiêu hết cả. Nhưng sau đó, lạ Chúa, chúng tôi lại thấy một hệ phóng khác !" Thế mà tên lửa đầu đạn hạt nhân Pershing lại là loại dễ đếm và dễ xác định hơn nhiều so với vô số các loại vũ khí chiến thuật nhỏ hơn khác.

Trên đất nước Nga được coi là "an toàn" ngày nay, những thứ vũ khí "nhỏ" này được bảo quản ở những chỗ hoàn toàn không đủ điều kiện. Đại biểu quốc hội và là cựu du hành vũ trụ Liên Xô Vitaly Sevastyanov nói : "Các kho vũ khí đều chật cứng đầu đạn, một số còn được cất giữ trong các toa xe lửa". Người Nga thiếu các nhân viên kỹ thuật, thiếu kho chứa và trên hết là thiếu tiền cần cho việc bảo vệ an toàn các thứ vũ khí này. Các chính phủ, các nghiệp đoàn tội phạm, và các nhóm khủng bố trên khắp thế giới đang khát khao nắm được một vài thứ vũ khí này. Còn giới quân sự Nga, bao gồm cả những đơn vị được coi là có nhiệm vụ canh gác các kho vũ khí này, lại được trả lương quá ít, ăn ở nghèo nàn và không thoát được tệ hối lộ. Các sĩ quan Nga đã chào bán các loại vũ khí khác cho những người mua bất hợp pháp qua các cuộc thương lượng lén lút.

Theo một kịch bản đầy ác mộng do một chuyên gia Lầu Năm Góc mô tả với chúng tôi, thì một đại tá Nga bị mua chuộc sẽ bán một đầu đạn hạt nhân cho một nhóm khủng bố cách mạng ở Iran chẳng hạn. Khi Mỹ và Liên hợp quốc yêu cầu cho biết việc gì đã xảy ra, cả Chính phủ Nga và Iran đều phủ nhận tin này. Trong trường hợp ấy có thể cả hai chính phủ đều nói thật. Tuy vậy, một hoặc cả hai chính phủ ấy có thể cũng bị mất tin nhiệm. Không ai biết việc trả đũa do hiểu lầm sẽ xảy ra như thế nào.

Nói cho cùng thì có nhiều lý do để không tin cả hai chính phủ (thực ra là tất cả) trong sự việc này. Người Iran có thể nói dối rất khéo khi họ nhấn mạnh rằng mọi hoạt động hạt nhân của họ đều nhằm mục đích hoà bình. Irắc và Bắc Triều Tiên cũng nói y như vậy. Theo những nguồn tin tình báo, Iran đã xây dựng một mạng lưới trung tâm nghiền cứu hạt nhân bí mật. Giống như Irắc trước đó, Iran đã đánh lừa các thanh tra viên thuộc Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA). Khi tổ chức này yêu cầu thăm khu vực Moallem Kalayah ở gần Teheran, thì họ bị đưa đến một làng khác trùng tên.

Theo nhóm đối lập hàng đầu ở Iran, nhóm Mujahedeen Nhân dân, thì Iran đã thực sự thành công trong việc mua bốn đầu đạn hạt nhân của Cadăxtan. Khi các tác giả gặp Tổng thống Cadăxtan Nursultan Nuzarbayev ở Alma Ata tháng 12-1992 và tập trung hỏi ông ta về điều báo cáo ấy thì ông cho đó chỉ là tin đồn. Sự thực là không có ai, thậm chí có lẽ cả tổng thống và các bộ trưởng trong nội các của họ, biết được toàn bộ sự thật.

Người ta phải tin vào ai? Bộ trưởng Nội vụ Adécbaigian, trong bài nói tại Bacu trong thời gian đỉnh cao của chiến tranh với Ácmênia, đã khoe khoang rằng nước ông đã có được sáu vũ khí nguyên tử. Có thể ông ta đang bịp. Hoặc có thể không. Và thế giới không khỏi chú ý khi Thủ tướng của nước Nam Ôxêtia bé nhỏ, một vùng tự trị ở Grudia đe dọa dùng vũ khí hạt nhân

trước kia thuộc Liên Xô để chống lại lực lượng bán quân sự ở Grudia. Giờ đây không ai còn dám đoán chắc rằng ai là và ai không là thành viên của "câu lạc bộ hạt nhân" đã một thời độc quyền.

CÁC THANH TRA VIÊN BỊ ĐÁNH LỬA

Chừng nào vũ khí nguyên tử còn là tài sản của những cường quốc lớn mạnh và ổn định, thì việc giải quyết theo kiểu Làn sóng Thứ hai đối với các vấn đề phổ biến vũ khí hạt nhân trên thế giới là tương đối đơn giản. Trong nhiều năm, một việc chấp vá các hiệp ước và các cơ quan đã được tạo ra để kiểm soát những nước có khả năng phổ biến vũ khí hạt nhân. Hiệp ước Không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT) và Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA) được coi là có nhiệm vụ ngăn chặn việc phổ biến vũ khí nguyên tử. Chế độ Kiểm soát Công nghệ Tên lửa (MTCR) được đặt ra để chặn đứng việc phổ biến tên lửa. Các thỏa thuận khác được định ra để phòng ngừa việc truyền bá các vũ khí hoá học và sinh học. Nhưng những công cụ này đều tỏ ra yếu ớt trong **những điều kiện tốt nhất.**

Hiệp ước Không phổ biến vũ khí hạt nhân thường được hoan nghênh như là "một hiệp ước kiểm soát vũ khí có đông đảo các nước tham gia nhất trong lịch sử", vì có tới 140 bên ký kết. Nhưng các nước này lại "tham gia" hiệp ước một cách cân xứng trực tiếp với tình trạng yếu kém của họ. Bom hạt nhân được chế tạo từ plutonium hoặc từ uranium đã được làm giàu cao độ. Trong số 3.000 tấn uranium được làm giàu hiện nay đang trôi nổi khắp trái đất, chỉ có khoảng 30 tấn - tức là một phần trăm - thực tế chịu sự kiểm soát của IAEA. Trong số 1.000 tấn plutonium được biết là có tồn tại đến hôm nay, chỉ có dưới một phần ba được đặt dưới sự bảo vệ quốc tế về mặt lý thuyết. Hơn nữa, nhiệm vụ hàng đầu

của IAEA là thu xếp cho các thanh tra viên đến thăm các nhà máy năng lượng hạt nhân dân sự đã kê khai để khẳng định số uranium và plutonium không được chuyển sang sản xuất bom. Nhưng điều đó không còn là vấn đề chính nữa. Như cả hai nước Irắc và Bắc Triều Tiên đều cho thấy rõ, vấn đề lớn hơn là nằm ở những nhà máy "không khai báo" hoặc bí mật. Và ngày nay các nước còn có thể kiếm được những thứ nguyên liệu này bằng nhiều cách khác.

Từ khi kết thúc Chiến tranh Vùng Vịnh, công chúng đã trở nên quen với những hình ảnh trên vô tuyến truyền hình về những đội quân lớn của IAEA dừng cảm bay đến Baghdad. Nhưng IAEA chẳng hơn gì một con muỗi mất trên da một con tê giác phóng xạ.

Tháng 11-1990, ba tháng sau khi Saddam xâm lược Cooét, IAEA đã cử một đội thanh tra đến Baghdad. Vì chỉ được xem cái gì mà ông ta muốn cho họ xem, cho nên khỏi cần nói, đội thanh tra đã cấp cho Irắc một giấy chứng nhận an toàn. Người ta phải đọc bản in chính xác để hiểu ra rằng đội thanh tra bao gồm đúng có hai người có nhiệm vụ kiểm nghiệm ý đồ hoà bình của cái mà sau này hoá ra là một trong những đề án chế tạo bom nhiều kiểu và hiệu chiến nhất thế giới.

Thậm chí ngay cả sau Chiến tranh Vùng Vịnh, khi các đoàn thanh tra IAEA đến Irắc theo sự uỷ nhiệm của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, thì kết quả hoạt động của họ thật đáng kinh hoàng. Tháng 9-1992, thanh tra trưởng Maurizio Zifferero đã gián tiếp thông báo rằng chương trình chế tạo bom của Irắc ở "con số không". Nhưng chỉ đầu năm 1993, các thanh tra viên của ông lại phát hiện ra một loạt thiết bị khác rõ ràng mâu thuẫn với nhận định lạc quan quá sớm và có lẽ tự lừa dối mình của Maurizio.

NHỮNG NGƯỜI KIỂM DỊCH THỊT GÀ

Trước Chiến tranh Vùng Vịnh, IAEA sử dụng một lực lượng chỉ tương đương với 42 thanh tra viên chuyên trách việc kiểm tra 1000 nhà máy năng lượng hạt nhân đã được khai trên thế giới. Ngược lại Mỹ đã đưa ra 7200 thanh tra viên để kiểm tra khuẩn độc salmonella hoặc psittacosis trong thịt gia súc và thịt gia cầm - gấp 171 lần số kiểm soát viên do cộng đồng thế giới cử ra để giám sát sự lây lan của căn bệnh hạt nhân trên toàn thế giới. Quả thực, Mỹ tiêu gấp hai lần ruồi mỗi năm cho việc bảo đảm chất lượng cho thịt gà và thịt bò so với mức chi tiêu của IAEA cho việc bảo đảm an toàn hạt nhân trên trái đất (473 triệu đôla so với 179 triệu).

Ngay cả việc củng cố Hiệp ước NPT sau Chiến tranh Vùng Vịnh, cũng với sự hỗ trợ của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, cũng chỉ là một trò cười đối với những kẻ vi phạm hiệp ước và những bên không tham gia ký kết. Con muỗi mất vẫn chỉ là con muỗi mất.

SÁCH BÁO KHIÊU DÂM VÀ HEROIN

Với vệ tinh, với tình báo và với các phần tử nhảy trên thế giới, người ta có thể nghĩ rằng ngày nay việc tìm ra bom nguyên tử hay các phương tiện hạt nhân sẽ tương đối đơn giản. Nhưng như trường hợp Irắc cho thấy việc dò không phải dễ. Nếu được bọc chì và paraffin ở bên ngoài rồi hạ sâu xuống lòng đất thì đầu đạn hạt nhân có thể hoàn toàn không bị phát hiện. Công nghệ thăm dò không thể nào tìm ra được ngay cả đối với hình thức cất giấu sơ đẳng.

Đồng thời, sự mở rộng các nhà máy năng lượng hạt nhân thời bình đã làm tăng sản lượng chất thải của thế giới, thứ chất thải có thể được dùng để chế tạo đầu đạn hạt nhân. Các kênh buôn bán quốc tế cũng tăng gấp bội- trong đó có các kênh buôn lậu

vật liệu, máy móc và cả đầu đạn hạt nhân. Và theo lời của tờ *Thời báo Mátxcova*, "biên giới của Nga đã trở thành cái sàng qua đó mọi kiểu hàng hoá ở mọi trạng thái - lỏng, rắn, khí - đều tìm được đường lọt qua".

Khi các tác giả gặp Bộ trưởng Năng lượng nguyên tử Nga Victor Mikhaïlov ở Mátxcova, chúng tôi được nghe những lời bảo đảm ngọt như đường. Thế nhưng, khi 3,3 "pao" chất uranium đã được làm giàu bị biến mất khỏi một viện nghiên cứu ở Podolsk gần Mátxcova thì người phụ trách an ninh nội bộ của Bộ năng lượng là Alexander F. Mokhov đã nói: "Các vụ trộm được thực hiện bởi những người có liên quan trực tiếp đến quá trình xử lý kỹ thuật-những người biết rất rõ các quá trình đó. Chúng biết cách lấy cắp từng ít một sao cho để khỏi bị phát hiện". Ít tinh vi hơn là bọn buôn lậu, cùng với nguyên liệu ít được làm giàu, chúng bị cảnh sát bắt giữ ở Áo, Belarút và Đức, nơi cảnh sát báo cáo là có trên một trăm trường hợp vận chuyển bất hợp pháp vật liệu hạt nhân.

Tình hình hoàn toàn mới mẻ trong những năm 90 đã xác nhận lời cảnh cáo của nhà chiến lược hạt nhân Thomas Schelling từ năm 1975 rằng: "Đến năm 1999 chúng ta vẫn sẽ không thể nào điều tiết được vũ khí hạt nhân trên khắp thế giới một cách tốt hơn so với việc chúng ta có thể kiểm soát chương trình đặc biệt đem thứ bầy, heroin hay sách báo khiêu dâm ngày nay".

PHỐ WALL VÀ CÁC ÔNG TRÙM CHIẾN TRANH

Tất cả những điều kể trên khiến một số người bị quan nghi ngờ rằng chúng ta hoàn toàn không thể kiểm soát được vũ khí hạt nhân. Có người tán thành quan điểm âm dạm của Carl Builder, một nhà phân tích chiến lược ở công ty RAND.

Thái độ bi quan của Builder bị nhiều đồng nghiệp cho là thái quá, nhưng với tư cách là người chỉ đạo đầu tiên về bảo vệ hạt nhân của Ủy ban Điều tiết hạt nhân Hoa Kỳ, nên ý kiến của ông khó có thể bị bác bỏ. Một thời Builder chịu trách nhiệm hoàn toàn về an ninh của tất cả nguyên liệu hạt nhân trong khu vực dân sự ở Mỹ, một số nguyên liệu có thể dùng để chế tạo bom.

Builder tin rằng những vấn đề hạt nhân chủ yếu trong tương lai sẽ không hề nảy sinh từ các quốc gia - dân tộc mà từ những người chúng tôi gọi là "dấu sấm toàn cầu" trong cuốn sách *Thăng trầm quyền lực*. Đó là các tổ chức khủng bố, các phong trào tôn giáo, các tổ chức và các lực lượng phi dân tộc khác- nhiều người trong số họ, theo Builder có thể có trong tay vũ khí hạt nhân.

Khi nghe ông nói người ta có thể hình dung ra việc quân đội Cộng hoà Ailen báo tin họ đã có bom hạt nhân riêng. Một cú điện thoại đến đài BBC dọa rằng "nếu quân đội Anh không sơ tán khỏi Bắc Ailen trong vòng 72 giờ, thì vũ khí hạt nhân sẽ...". Những kẻ gây rối tàn phá một phần Trung tâm Thương mại thế giới ở New York cũng có thể phá huỷ Phố Wall nếu như có ai đó lấu cá hơn đã cung cấp cho chúng một quả bom hạt nhân chiến thuật. Builder tin rằng một ngày nào đó, thậm chí những hãng kinh doanh như tổ hợp cocaine Medellin cũng có thể chế tạo vũ khí nguyên tử riêng cho mình.

Theo một báo cáo trong tạp chí *Nhà kinh tế học*, "có tới hơn 50 âm mưu tổng tiền từ Mỹ bằng những lời đe dọa hạt nhân, một số lời đe dọa có vẻ đáng tin một cách đáng sợ". Tồi tệ hơn nữa là ngoài những mối đe dọa hiện thời, còn có một mối đe dọa khác mà người ta đã không chú ý tới. Giờ đây không phải chỉ có các chính phủ, bọn khủng bố, các ông chủ ma túy, mà cả các ông trùm chiến tranh cũng đang săn tìm vũ khí hạt nhân.

Hiện có nhiều quân đội riêng ở nhiều nơi trên thế giới nằm dưới quyền điều khiển của bọn côn đồ kinh doanh và chính trị

địa phương mà cộng đồng kiểm soát vũ khí thường không biết đến. Số lượng tương đương các ông trùm chiến tranh có thể có từ Philippin đến Xômalì và Cápcadơ, ở bất cứ nơi nào mà sự kiểm soát của chính phủ trung ương suy yếu. Ngày càng có nhiều quân đội riêng như vậy được hình thành khi các lực lượng quốc gia của Liên Xô cũ tan rã. Hơn nữa, có nhiều lý do để tin rằng các nhóm kinh doanh kiểu maphia ở Nga ngày nay đang cung cấp thực phẩm, chữa chấp, trang bị quần áo và kiểm soát toàn bộ các đơn vị của Hồng quân trước đây. Nói tóm lại, quân đội riêng, lính đánh thuê và chế độ trùm chiến tranh Làn sóng Thứ nhất, tất cả đều đang quay trở lại. Ý nghĩ về việc vũ khí hạt nhân nằm dưới quyền điều khiển của các thống chế địa phương này có thể làm chúng ta lạnh xương sống.

Tuy nhiên, kịch bản về việc phổ biến hạt nhân của Builder buộc chúng ta phải đối phó với trường hợp cực đoan. Giống như thuốc súng, ông nói "vũ khí hạt nhân đang được truyền bá... Tôi sẽ còn dự đoán xa hơn, nếu không phải trong đời tôi, thì có lẽ trong một tương lai gần, chúng sẽ được phổ biến tới tận cá nhân. Có thể các cá nhân sẽ chế tạo được vũ khí hạt nhân bằng nguyên liệu đang lưu hành trên thị trường thương mại".

Các dòng họ maphia, những kẻ tôn thờ giáo phái David, những nhóm Trotskit cũ, những kẻ Maoít Sendero Luminoso, các ông trùm chiến tranh ở Xômalì hay ở Đông -Nam Á, bọn phát xít Quốc xã ở Xécbia và thậm chí có lẽ cả những kẻ điên khùng cá nhân cũng có thể bắt cả các quốc gia phải nộp tiền chuộc. Tuy nhiên theo Builder, điều tồi tệ hơn là "một đối thủ không thể bị ngăn cản bằng sự đe dọa vũ khí hạt nhân một khi đối thủ ấy không có một xã hội có thể xác định rõ để bị đe dọa". Vì vậy, ông nói, có "một sự bất đối ứng đáng sợ" đang hiện ra ở phía trước.

CON ĐẬP BỊ VỠ

Con đập được coi là để ngăn cản làn sóng vũ khí huỷ diệt hàng loạt phụ thuộc không chỉ vào những hiệp ước và những hệ thống kiểm soát không có hiệu lực, mà còn vào các công việc kiểm soát xuất khẩu. Được chính phủ các nước ban hành, sự kiểm soát xuất khẩu được coi là để ngăn cản sự vận chuyển cấu kiện và nguyên liệu cần thiết cho vũ khí huỷ diệt hàng loạt. Nhưng theo Diana Edensword làm việc cho Dự án Wisconsin về kiểm soát vũ khí hạt nhân, thì chỉ riêng ở Mỹ người ta thấy một tình trạng rối loạn "của các tổ chức xuất khẩu không phối hợp và trùng lặp nhau".

Trên quy mô toàn cầu, việc thiếu phối hợp còn tỏ ra rõ rệt hơn. Mỗi một quốc gia áp dụng những tiêu chuẩn và định nghĩa khác nhau - chúng có những danh mục khác nhau về những sản phẩm và công nghệ nào không được phép xuất khẩu. Các mức độ bắt buộc thi hành cũng liên tục thay đổi. Nếu các chương trình chống bom hạt nhân là một mớ hỗn độn, thì các chương trình nhằm vào tên lửa, vũ khí hoá học hay chất độc chiến tranh sinh học, thậm chí còn có ít liên kết và ít phối hợp hơn. Tóm lại, đơn giản là không có hệ thống có hiệu lực để ngăn chặn vũ khí huỷ diệt hàng loạt theo kiểu Làn sóng Thứ hai.

Khi đặt những sự việc thực tế đó cạnh nhau, chúng ta sẽ phát hiện thấy một tình hình có tính cách mạng mà các cơ quan kiểm soát vũ khí chính thức, các nhóm hoà bình và các chuyên gia về không phổ biến vũ khí hạt nhân không bao giờ lường trước được.

Ngay cả khi chúng ta hoàn toàn không biết mối đe doạ đang tăng lên từ các nhóm phi chính phủ, mà chỉ tập trung vào các quốc gia - dân tộc, thì chúng ta cũng có thể kết luận rằng đã có khoảng hai mươi nước đã ở trong hoặc đang gõ cửa Câu lạc bộ hạt nhân. Thực vậy, theo cựu đại sứ Richard Burt, người giúp

dàm phán những hiệp ước cắt giảm vũ khí hạt nhân giữa Mỹ và Nga, thì có khoảng 50 hay 60 nước có thể có trong tay những thứ vũ khí này. Và nếu, thay vì câu lạc bộ hạt nhân, chúng ta có thể hình dung ra một Câu lạc bộ huỷ diệt hàng loạt với các thành viên rộng lớn bao gồm các nước có năng lực hoặc có tham vọng về vũ khí hoá học và sinh học, thì con số sẽ còn tăng gấp bội. Chúng ta đang chứng kiến một thế giới trong đó một phần ba cho đến một nửa tổng số nước có một số vũ khí giết người hàng loạt không khiếm đang giấu kín trong kho.

CÁC TIỀN ĐỀ BỊ ĐỔ VỠ TAN TÀN

Được hỏi về cái gì đã phạm sai lầm để cho vị thần linh huỷ diệt thoát ra khỏi cái chai, thì hầu hết các chuyên gia đổ lỗi cho việc tan rã của thế giới thời chiến tranh lạnh. Nhưng câu trả lời ấy không xác đáng.

Chính sự xuất hiện của Làn sóng Thứ ba - với những công nghệ có cường độ thông tin cao, với ảnh hưởng xói mòn của nó đến các quốc gia và biên giới, với sự bùng nổ thông tin của nó với công cuộc toàn cầu hoá tài chính và thương mại - là cái đã làm đổ vỡ những tiền đề cho đến ngày nay vẫn được dùng làm cơ sở cho các chương trình kiểm soát vũ khí.

Những nỗ lực thuộc Làn sóng Thứ hai nhằm ngăn cản sự lan truyền vũ khí huỷ diệt hàng loạt dựa trên 10 giả định chủ yếu sau :

1. Những thứ vũ khí mới có thể do một vài nước mạnh nắm độc quyền.
2. Những nước đang tìm kiếm các thứ vũ khí ấy sẽ phải sản xuất vũ khí riêng của mình.
3. Nói chung những nước nhỏ thiếu nguồn lực cần thiết.

4. Chỉ có một vài vũ khí hoặc một vài kiểu vũ khí là đáp ứng định nghĩa về vũ khí hủy diệt hàng loạt.

5. Những vũ khí này phụ thuộc vào một loạt nguyên liệu có thể giám sát và kiểm tra được.

6. Những vũ khí ấy cũng phụ thuộc vào một số công nghệ đặc biệt có thể xác định được và sự lan truyền các công nghệ ấy cũng có thể được giám sát và kiểm tra.

7. Số lượng thực tế các "bí quyết" cần thiết để ngăn chặn sự phổ biến vũ khí cũng là số lượng nhỏ.

8. Các cơ quan điều tiết như IAEA có thể tập hợp và phổ biến thông tin cho công nghiệp hạt nhân thế giới sử dụng mà không tiết lộ những thông tin có thể giúp cho những người phổ biến vũ khí.

9. Các quốc gia hiện hành cần phải ổn định và không bị tan vỡ.

10. Các quốc gia - dân tộc là những người duy nhất có thể phổ biến vũ khí.

Ngày nay mỗi một giả định nêu trên đều có thể chứng minh được là sai. Với sự ra đời của Làn sóng Thứ ba, sự đe dọa hủy diệt hàng loạt theo kiểu Làn sóng Thứ hai đã hoàn toàn biến đổi.

CÁC CÔNG NGHỆ LINH HOẠT

Một trong số tương đối ít người ngày này qua ngày khác lo nghĩ về cuộc cách mạng Làn sóng Thứ ba là một trí thức hải quân có khuôn mặt hồng hào tên là Larry Seaquist. Như các trí thức cho biết thì ông có một sự nghiệp khác thường.

Là con trai của một gia đình nông dân ở miền đông Idaho, Seaquist lớn lên với ý nghĩ phiêu lưu do tác động của tờ tạp chí *Địa lý quốc gia*. Nhờ may mắn và chủ động, ông kiếm được việc

ở một công ty tư nhân xử lý tin khí tượng ở Bắc cực có liên quan đến đường dây báo hiệu sớm từ xa (DEW) - tức là một chuỗi các trạm rada báo hiệu từ xa chạy từ Greenland qua Canada đến Alaska dọc theo vĩ tuyến bảy mươi, cách Vòng Bắc cực 200 dặm về phía bắc. Trong khi đang trú đông ở đây thì ông nghe tin Cục Thời tiết Mỹ tìm người tình nguyện đi Nam cực cùng với đoàn thám hiểm Áchentina.

Sau một thời gian ở trường ngoại ngữ học tiếng Tây Ban Nha, ông bay chuyến bay đầu tiên của hãng không Áchentina đến Nam cực và ở đó 14 tháng trên vùng băng giá của Nam cực. Thế là ở tuổi 23 ông đã sống ở cả hai cực của Trái đất.

Sau đó Seaquist tham gia Hải quân Mỹ, là thuyền trưởng chỉ huy chiếc tàu chiến Mỹ nổi tiếng *Iowa* - chiếc tàu đã bị một vụ nổ tai nạn phá huỷ vài năm sau khi Seaquist ra đi. Sau việc chỉ huy tàu biển, Seaquist trở thành một nhà chiến lược hàng đầu của hải quân, chuyển đến Washington cùng với vợ và là nhà soạn kịch Carla, rồi chuyển sang làm tại Bộ Tổng tham mưu ở Lầu Năm Góc. Cuối cùng ông về cơ quan Bộ Quốc phòng với tư cách điều phối viên đặc biệt, làm việc trong một nhóm nhỏ về chính sách, chịu trách nhiệm suy xét lại những điều không thể suy xét được.

Một kết quả của nhóm là xác định lại một cách căn bản toàn bộ sự đe dọa về việc phổ biến vũ khí. Seaquist xác định đó là "sự truyền bá có tính chất làm mất ổn định, nhất là đối với những nước có liên quan trong những khu vực quan trọng, một loạt tiềm năng quân sự nguy hiểm, các tiềm năng hỗ trợ, các công nghệ liên kết, và/hoặc các bi quyết nhà nghề". Bản thân định nghĩa này biểu thị một sự cắt đứt rõ rệt với quá khứ, nó bao gồm cả việc đào sâu thêm lẫn mở rộng nghĩa của thuật ngữ đó.

Cho đến nay, những chính sách về việc "không phổ biến" chỉ tập trung hạn hẹp vào vũ khí, vào hệ thống chuyển giao và vào một số hệ thống vũ trụ nhất định. Khái niệm mới được gọi là "chống phổ biến" (counter-proliferation) và đề cập tới "các tiềm năng" nói chung, bao gồm cả công nghệ lẫn thông tin. Vì vậy, khi đánh giá chính sách của một nước đối với vũ khí huỷ diệt hàng loạt thì phải xem xét ra ngoài phần cứng của một nước, sang cả học thuyết quân sự, sang việc đào tạo các thứ vô hình khác của nước đó.

Khái niệm mới ấy đặc biệt tập trung sự chú ý vào công nghệ dựa vào thông tin của Làn sóng Thứ ba - đó là những "công nghệ linh hoạt" mới, có khả năng không ngừng thay đổi đầu ra để đáp ứng những nhu cầu khác nhau. Các công nghệ ấy cung cấp cơ sở cho quá trình dân sự hoá đã được mô tả ở chương trước, và làm thay đổi mọi phương trình về phổ biến vũ khí.

Như Seaquist giải thích, "việc phổ biến các máy móc chế tạo tiên tiến trên khắp thế giới là rất quan trọng. Các máy móc điều khiển bằng số hiện nay đang có mặt ở nhiều nước thế giới thứ ba... Một xí nghiệp hoá được... cũng có khả năng chế tạo vũ khí sinh học. Các máy điều khiển bằng số có khả năng chế tạo được ô tô chất lượng tốt ở Thế giới Thứ ba thì cũng có thể sản xuất được những quả tên lửa loại tốt".

Sự lan truyền nhanh chóng các máy móc tinh xảo của Làn sóng Thứ ba sẽ làm thay đổi mạnh mẽ cán cân quân sự - và đe dọa làm mất sự thống trị của Hoa Kỳ. Ông khẳng định rằng trù năng lực cao cấp trong việc hợp nhất công nghệ tiên tiến với lực lượng quân sự, Hoa Kỳ "không còn độc quyền về công nghệ ở bất cứ thứ gì".

Seaquist nói : trên thực tế, "tôi chưa thấy ai trả lời được sự thách đố của tôi trong việc kể ra ba loại công nghệ mà quân sự

Mỹ độc quyền kiểm soát. Chẳng còn lại thứ gì cả. Trước đây, nếu có điều gì quan trọng thì chúng ta thường giữ không cho người Nga biết. Hoặc nếu người Nga triển khai được thì họ cũng giữ không cho chúng ta biết. Chúng ta thường đi song song với họ và để cho phần còn lại của thế giới tụt lại phía sau... Nhưng bây giờ thì không như thế nữa".

Dương nhiên, đằng sau phần cứng có cái vô hình lớn nhất : đó là bí quyết. Chúng ta đang chứng kiến sự phi độc quyền hoá nhanh chóng trên phạm vi toàn thế giới đối với mọi loại thông tin. Ngay cả bác sĩ cũng không còn kiểm soát được các dòng thông tin y học tràn vào xã hội thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và qua các kênh khác. Quá trình phi độc quyền hóa ấy, bị chi phối bởi những yêu cầu về thương mại và về các mặt khác, có những hậu quả dân chủ rộng rãi trong một số hoàn cảnh- và trong một số hoàn cảnh khác nó lại có những hậu quả quân sự làm mất ổn định.

TỰ DO THÔNG TIN (CHO NHỮNG NGƯỜI CHẾ TẠO BOM)

Có nhiều bí quyết chế tạo vũ khí hạt nhân (có thể không phải là loại mạnh nhất, nhưng cũng là loại đủ mạnh) đã được truyền bá cho bất cứ ai cần : kẻ khủng bố, kẻ lập dị điên khùng, hoặc một quốc gia nghèo khổ. Cần chế tạo một quả bom ư? Mua một máy vi tính cá nhân ư? Trước hết hãy ghi tên đăng ký vào ngân hàng dữ liệu thuận tiện của IAEA, đó là Hệ thống Thông tin hạt nhân quốc tế. Hãy đến các thư viện kỹ thuật có sẵn nhiều tài liệu công khai. Hãy mua một cuốn sách hướng dẫn chế tạo hạt nhân ở dưới đất nham đề *Bom hạt nhân ở tầng hầm*, một quyển sách mà chúng tôi cũng đã được đọc qua khi viết công trình này. Cuốn sách nhỏ này được bán công khai nếu ai biết tìm đúng chỗ. Michael Golay, một giáo sư về kỹ thuật hạt nhân tại Viện công

nghe Massachusetts nói : "Ngày nay điều bí mật là làm thế nào để chế tạo được một vũ khí tốt, chứ không phải là chế tạo một vũ khí như thế nào".

Nhưng không phải chính sự lan truyền kỹ thuật linh hoạt hay sự rò rỉ "bí mật" là những cái đã tạo ra thực tế nguy hiểm mới của ngày hôm nay. Carl Builder thuộc công ty RAND đã chỉ ra rằng "các chương trình quân sự sẽ ít có ảnh hưởng hơn đến bản chất của sự ngăn chặn hạt nhân so với những biến đổi chính trị và xã hội mà giờ đây đang được kỷ nguyên thông tin thực hiện".

Chẳng hạn, "nhà nước không còn có thể kiểm soát được một cách hữu hiệu dòng thông tin vào hoặc ra khỏi một quốc gia nữa. Thông tin có ở khắp mọi nơi và đều có thể tiếp cận được. Cùng góp phần vào các lợi nhuận kinh tế đang nảy sinh của thương mại thế giới có nghĩa là vận dụng những thực tiễn làm xói mòn sự kiểm soát của nhà nước..."

"Căn nguyên của sức mạnh quốc gia trong kỷ nguyên công nghiệp được coi là nằm ở nguồn tài nguyên thiên nhiên và đầu tư nhà máy... Trong kỷ nguyên thông tin (tức là kỷ nguyên Làn sóng Thứ ba), những căn nguyên này ngày nay tỏ ra là nằm ở sự tự do tiếp cận thông tin".

Đó là sức mạnh sâu xa làm thay đổi sự đe dọa môi trường và vấn đề phổ biến vũ khí. Bởi vì theo Builder đó là lý do tại sao "thông tin cần thiết cho sự phát triển vũ khí hạt nhân sẽ không tránh khỏi vượt ra ngoài tầm kiểm soát của quốc gia - dân tộc" và vì sao "thương mại sẽ làm cho nguyên liệu hạt nhân hoặc các phương tiện sản xuất ra chúng (hoặc phục hồi chúng) ngày nay càng có sẵn trên khắp thế giới".

Điều xảy ra đối với vũ khí hạt nhân cũng có thể áp dụng cho cả các loại vũ khí khác. Điều đó buộc những ai đang mong muốn

một thế giới hoà bình hơn phải công nhận tình trạng tiến thoái lưỡng nan của thế kỷ XXI.

Hoặc là chúng ta phải làm chậm sự phát triển và sự truyền bá thông tin mới - đó là điều trái đạo đức nếu không phải là không thể làm được - để ngăn cản chiến tranh huỷ diệt hàng loạt. Hoặc là chúng ta phải thúc đẩy việc thu thập, tổ chức và sản sinh ra thông tin mới, đưa nó vào kênh phục vụ hoà bình. Thông tin là cái mà phản chiến tranh trong tương lai sẽ cần.

Tuy nhiên, những hiểm họa mới mà thế giới phải đương đầu do có quá trình dân sự hoá và phổ biến vũ khí, lại được đặt đối lập với một loạt mối đe dọa thậm chí còn to lớn hơn đối với hòa bình - đó là những hiểm họa mới trong một thế giới mới. Để hiểu điều này, chúng ta phải chuyển qua chương sau : Khu vực ảo tưởng.

KHU VỰC AO TUỞNG

Một trong những hậu quả còn rơi rớt của sự hưng phấn tập thể bám chặt lấy thế giới sau khi bức tường Berlin sụp đổ là niềm tin cho rằng nếu chiến tranh xuất hiện trong những năm tới, thì nó khó đụng chạm được đến những nền dân chủ công nghệ cao. Tình trạng bất bình sẽ bị giới hạn trong những xung đột địa phương hay khu vực, chủ yếu ở những dân tộc da màu nghèo đói tại những nơi xa xôi. Ngay cả sự bùng nổ chiến tranh và diệt chủng ở vùng Bancăng cũng không làm sút mẻ tinh tụy mãn của người Tây Âu, những người đang phải chứng kiến cảnh đổ máu ngay trước ngưỡng cửa nhà họ.

Quả thực, tiềm năng của các cuộc chiến tranh "riêng rẽ" nhờ bé ở những khu vực thuộc Làn sóng Thứ nhất và Làn sóng Thứ hai đang tăng lên. Song điều đó không dẫn chúng ta đi đến kết luận rằng những cường quốc chủ yếu vẫn còn được bình yên. Chính bởi vì hiểm họa về sự leo thang trao đổi hạt nhân tổng lực Mỹ - Xô đã giảm đi không có nghĩa là hiểm họa về chính sự leo thang đã biến mất. Sự phổ biến rộng rãi vũ khí hủy diệt hàng loạt, sự áp dụng công nghệ dân dụng ngày càng tăng vào mục đích quân sự, sự yếu kém của các chế độ phản đối và chống lại việc phổ biến vũ khí, tất cả đều chỉ ra khả năng xảy ra những cuộc chiến tranh "nhỏ" đang trở nên lớn hơn và tồi tệ hơn và chúng đang lan qua các biên giới - bao gồm cả biên giới của cái gọi là

khu vực hoà bình, trong đó có các cường quốc công nghệ cao ngự trị, nơi mà chiến tranh được xem là không thể hiểu được.

Ngày càng khó cách ly các bộ phận của hệ thống toàn cầu khỏi sự rối loạn và huỷ diệt đang diễn ra ở các bộ phận khác. Hàng loạt người di tản tràn qua biên giới, đôi khi mang theo nỗi căm thù, các phong trào chính trị và các tổ chức khủng bố. Sự lạm dụng của một tộc người hay của một thiểu số tôn giáo trong một nước có thể gây ra hậu quả vượt biên giới sang một nước khác.

Ô nhiễm và tai hoạ không tôn trọng bất cứ một ranh giới nào và chúng gây ra sự bất ổn chính trị. Mỗi một hay tất cả những thứ đó có thể lôi kéo những nền kinh tế chủ chốt có công nghệ cao vào những cuộc xung đột mà chúng không muốn nhưng không biết cách hạn chế và ngăn ngừa.

Đây không phải là chỗ để liệt kê tất cả những cuộc xung đột đẫm máu hiện đang hoành hành trên khắp hành tinh, nhiều cuộc kèm theo những nguy cơ leo thang và lây lan nghiêm trọng. Tương tự chúng ta cũng có thể bỏ qua những hiểm hoạ do nước Nga được trang bị hạt nhân và mất ổn định gây ra.

Có lẽ thậm chí chúng ta còn không biết tới thực tế là khu vực châu Á Thái Bình Dương, nơi có nền kinh tế sôi động nhất và quan trọng nhất thế giới, lại ngày càng mất ổn định cả về chính trị lẫn quân sự.

Mặc dù có lẽ ít người biết đến, nhưng thực tế là khu vực này, cốt lõi của cả nền kinh tế toàn cầu, lại bị bao vây bởi vũ khí hạt nhân chặt chẽ hơn bất cứ khu vực nào trên thế giới (chu vi của khu vực, từ Cadăctan, Ấn Độ và Pakixtan đến Nga, Trung Quốc và Bắc Triều Tiên, bao gồm những nước có và gần có vũ khí hạt nhân, nhiều nước trong đó không ổn định về chính trị).

Ấn Độ đang bị xâu xé bởi chủ nghĩa cuồng tín tôn giáo và đồng thời phải đương đầu với nhiều cuộc khởi nghĩa vũ trang khác nhau. Tương lai chính trị của Trung Quốc vẫn còn là một câu hỏi, cho dù không lực của họ đã mở rộng được tầm hoạt động với các máy bay chiến đấu Sukhoi có khả năng tiếp dầu trên không do Nga chế tạo cùng với việc hải quân của họ đang khát khao có được một chiếc tàu sân bay.

Đài Loan đáp lại hành động của Trung Quốc bằng việc mua 150 máy bay chiến đấu F.16 của Mỹ và 50 đến 60 chiếc phản lực Mirage của Pháp. Các cuộc chạy đua vũ trang khác đang lan ra khắp khu vực. Quan sát tất cả những cái đó, Nhật Bản - ừng là nước chống hạt nhân kịch liệt nhất thế giới - bất ngờ công bố sẽ không ủng hộ việc kéo dài vô thời hạn Hiệp ước Không phổ biến vũ khí hạt nhân. Đó là một thông điệp rõ ràng rằng Nhật sẽ không loại trừ việc chế tạo vũ khí hạt nhân của riêng mình. Tuy nhiên, đây lại là thời điểm khi những người theo chủ nghĩa biệt lập ở Mỹ, trái với những mong muốn nồng nhiệt của hầu hết các nước châu Á, dự định cắt giảm chi phí bằng cách thu hẹp sự có mặt của quân sự của Mỹ tại Tây Thái Bình Dương - trên thực tế có nghĩa là đe dọa làm mất hoặc làm suy yếu vai trò của Mỹ trong việc giữ gìn sự ổn định cuối cùng ở khu vực này.

Nhưng cho dù chúng ta có gạt sang một bên những vấn đề nói trên cùng những rối loạn khu vực đang hiện ra, thì chúng ta vẫn còn lại một loạt những vấn đề chung đang nảy sinh mà bất cứ vấn đề nào trong số đó cũng có thể bùng nổ trước mặt chúng ta trong một hoặc hai thập kỷ tới. Những vấn đề "chung" có tính toàn cầu này buộc chúng ta phải xem xét lại lý thuyết cho rằng các cường quốc lớn, hoặc thậm chí những nền dân chủ lớn, đang sống trong một khu vực hoà bình trong đó chiến tranh là điều không thể tưởng tượng nổi. Than ôi, khái niệm khu vực hoà bình cần phải được đem chôn vùi cùng với tử thi của địa - kinh tế học.

Chúng ta hãy xem xét các khả năng.

MỘT SỰ PHÁ SẢN TIỀN TỆ

Hãy tưởng tượng một sự phá sản thực sự trên phạm vi thế giới của hệ thống tiền tệ. Cho đến nay, những nền kinh tế lớn mới chỉ gặp cơn suy thoái nhẹ kể từ khi kết thúc cuộc chiến tranh lạnh. Điều gì sẽ xảy ra đối với khả năng khó xảy ra chiến tranh ở cái gọi là khu vực hoà bình nếu thế giới chìm vào một cuộc suy thoái toàn cầu thực sự làm tan nát thị trường? Một cuộc suy thoái phải chăng được gây ra bởi những cuộc chiến tranh bảo hộ thương mại, bởi thương mại có quản lý và bởi các hình thức cạnh tranh "địa - kinh tế" khác?

Hệ thống tài chính ngày nay, trên thực tế, là cực kỳ dễ bị tổn thương, vì nó đang trong quá trình cơ cấu lại bản thân để phục vụ nền kinh tế Làn sóng Thứ ba đang toàn cầu hoá nhanh chóng. Bằng cách để cho vốn tư bản luân chuyển qua các ranh giới quốc gia, các nhà chính khách và lãnh đạo tài chính thiện cận đã tháo gỡ nhiều thiết bị bảo hiểm mà trước đây chúng đã từng hạn chế tác động của một sự suy sụp nghiêm túc đối với một quốc gia riêng lẻ. Nhưng họ đã chẳng làm gì mấy để thay thế cho những thiết bị an toàn này.

Sự suy thoái tương đối nhỏ cuối cùng trong nền kinh tế thế giới đã diễn ra trùng hợp với nạn khủng bố của bọn phát xít mới ở Đức và vụ cháy ở Los Angeles. Ngay cả Nhật Bản, một trong những xã hội trật tự nhất, đã cảm thấy những chấn động đầu tiên của sự bất ổn xã hội khi "nền kinh tế bong bóng" của nó vỡ tung. Điều gì sẽ xảy ra đối với hoà bình và ổn định trong khu vực được coi là miễn trừ chiến tranh nếu hệ thống tài chính thế giới thực sự đổ vỡ - một triển vọng không thể loại trừ?

SỰ PHÁ VỠ BIÊN GIỚI

Các phương tiện thông tin phương Tây ngày nay mô tả sự bùng nổ xung đột sắc tộc ở Bancăng và Cápeadơ như là một biểu hiện của "tình trạng lạc hậu". Tuy nhiên, chúng ta có thể sớm

nhận ra rằng sự phá vỡ biên giới không chỉ là kết quả của "chủ nghĩa bộ tộc" hay "chủ nghĩa sắc tộc nguyên thủy".

Có hai lực lượng khác đang thách thức biên giới quốc gia. Nền kinh tế Làn sóng Thứ ba đang nảy sinh, dựa trên nền công nghiệp và dịch vụ có cường độ thông tin cao ngày càng không để ý đến biên giới quốc gia. Như chúng ta đã biết, các công ty lớn đang lập ra những liên minh xuyên biên giới. Thị trường, luân chuyển vốn, nghiên cứu, chế tạo - tất cả đều vượt ra khỏi giới hạn quốc gia. Nhưng công việc "toàn cầu hoá" công khai này mới chỉ là một mặt của câu chuyện.

Các công nghệ mới đang đồng thời hạ thấp giá thành của một số sản phẩm và dịch vụ tới mức chúng không còn cần thị trường trong nước trợ sức nữa. Không ai còn phải gửi phim chụp cho hãng Kodak ở Rochester hay New York để rửa ảnh nữa. Chúng có thể được làm nhanh hơn và rẻ hơn ngay ở góc phố gần nhất có sử dụng công nghệ qui mô nhỏ, ít tốn kém và phân cấp khỏi trung tâm. Những công nghệ nhỏ, rẻ và thu gọn như vậy đang nhanh chóng được phổ biến rộng rãi.

Chỉ riêng những công nghệ phân cấp đó cũng đủ làm thay đổi toàn bộ cán cân giữa kinh tế quốc gia và kinh tế khu vực. Chúng làm cho kinh tế khu vực có thể phát triển hơn, do vậy, chúng củng cố các phong trào phân lập xuyên biên giới. Đồng thời số lượng ngày càng tăng các kênh ti vi, dù là qua không trung, qua vệ tinh hay qua dây cáp, đều hướng vào việc đặt chương trình cho nhiều địa phương bằng nhiều thứ tiếng, từ tiếng Gael tới tiếng Provence, tạo ra sự hỗ trợ văn hoá cho lực lượng kỹ thuật và kinh tế được mô tả ở đây.

Châu Âu đang tràn đầy những nhóm theo chủ nghĩa ly khai, chủ nghĩa tự trị hoặc chủ nghĩa khu vực, kể từ miền bắc Italia đến Tây Ban Nha và Xcốtlen. Họ tìm cách vẽ lại bản đồ chính trị châu Âu và kéo quyền lực từ quốc gia - dân tộc xuống, ngay

cả khi Brussels và Cộng đồng châu Âu đang rút quyền lực từ các quốc gia để chuyển nó lên mức cao hơn.

Như vậy là có hai sự thay đổi, một từ trên xuống, một từ dưới lên, đang cất đất đai ra khỏi cơ sở lý lẽ của thị trường quốc gia - và của các biên giới mà chúng biện hộ.

Những áp lực gọng kìm này đang đặt những người theo chủ nghĩa dân tộc, theo chủ nghĩa khu vực và chủ nghĩa địa phương đang bị kích động, kể cả một số kẻ muốn "thanh trừng sắc tộc" trên đất của mình, phải đối chọi với những người theo chủ nghĩa châu Âu thế giới - đây khó có thể là bài thuốc cho sự ổn định tiếp tục ở "khu vực hoà bình" này.

Không có biên giới nào có vẻ ổn định hơn biên giới giữa Mỹ và Canada. Thế nhưng nhiều người Quebec đã tin rằng họ có thể phát triển phồn vinh về kinh tế mà không cần có các vùng còn lại của Canada. Nếu sau hàng chục năm đấu tranh mà Quebec ly khai được khỏi Canada, thì hai tỉnh British Columbia và Alberta của Canada sau đó sẽ nhanh chóng tìm cách gia nhập vào Hoa Kỳ. Một kịch bản khác (chắc là không có vẻ hợp lý nhưng không phải là không thể xảy ra) nêu ra sự hình thành một thực thể chính trị mới - cho dù có thể gọi là quốc gia - dân tộc hay không - hợp nhất hai tỉnh miền tây nói trên của Canada với các bang của Mỹ như Washington, Oregon và có thể cả Alaska nữa.

Một liên bang hay hợp bang như vậy có thể bắt đầu cuộc sống với các nguồn lực to lớn, bao gồm dầu mỏ của Alaska; khí đốt tự nhiên và lúa mì của Alberta; công nghiệp hạt nhân, công nghiệp hàng không vũ trụ, và phần mềm của bang Washington; gỗ và các ngành công nghiệp công nghệ cao của Oregon; những hải cảng khổng lồ và các phương tiện vận tải phục vụ thương mại châu Á Thái Bình Dương; cộng với nhân công được đào tạo cao. Ít nhất về mặt lý thuyết, nó có thể nhanh chóng trở thành một

người khổng lồ kinh tế với số dư thương mại đồ sộ - một đầu thủ chủ chốt trong nền kinh tế thế giới.

Một số nhà dự báo nhìn thế giới tương lai không phải với con số 150-200 quốc gia, mà với hàng trăm, thậm chí hàng nghìn các quốc gia mini, các thành quốc, các khu vực, và các thực thể chính trị không tiếp giáp nhau. Những thập kỷ sắp tới sẽ chứng kiến các khả năng còn lạ lẫm hơn này sinh khi những biên giới quốc gia hiện thời mất đi tinh hợp pháp và sự phá vỡ biên giới sẽ diễn ra ngay tại trung tâm của khu vực hoà bình.

SỰ CHI PHỐI CỦA CÁC PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG

Ý kiến cho rằng các nước dân chủ không đánh lẫn nhau cũng giả định trước rằng các nước này vẫn phải duy trì nền dân chủ. Ở Đức chẳng hạn, ngay cả khi chúng tôi đang viết cuốn sách, nhiều người vẫn đặt câu hỏi rằng liệu giả định như thế có chắc chắn không.

Duy trì dân chủ, tiếp đó, dĩ nhiên là đòi hỏi phải có một mức độ ổn định chính trị hoặc mức độ thay đổi có trật tự. Nhưng nhiều nước trong khu vực được coi là hoà bình cũng đang nhanh chóng bước vào thời kỳ hỗn loạn của cải tổ chính trị, hay là cơ cấu lại.

Khi họ chuyển từ nền kinh tế dựa vào cơ bắp sang nền kinh tế dựa vào trí tuệ, thì việc sa thải và đổi chỗ hàng loạt đi kèm với sự nảy sinh lực lượng chính trị mới - tầng lớp trí thức có kỹ năng cao đang thay thế tầng lớp vô sản kỹ năng thấp. Khi thông tin trở thành nguồn lực kinh tế trọng tâm, và mạng lưới điện tử cùng các phương tiện thông tin đại chúng trở thành cơ sở hạ tầng chủ chốt, những ai chế ngự được thông tin và các phương tiện thông tin, người ấy sẽ nắm được quyền lực chính trị cao.

Một biểu hiện của điều đó là sự ảnh hưởng chính trị được nâng cao căn bản của các phương tiện thông tin đại chúng, không

ở đầu rõ rệt hơn trong cuộc bầu cử ở Mỹ năm 1992, khi chỉ riêng mạng lưới ti vi CNN cũng đủ đóng một vai trò quyết định trong việc đánh bại Tổng thống George Bush. Vậy mà chỉ một năm trước đó, cũng vẫn CNN, với việc đưa tin rộng khắp về Chiến tranh Vùng Vịnh, đã giúp cho Bush đạt tới đỉnh cao của sự nổi tiếng.

Bảy tháng sau, đảng viên Cộng hoà Bush mất khả năng tái cử. Đảng viên Dân chủ Bill Clinton thắng cuộc - nhưng đạt được ít phiếu hơn ứng cử viên trước đó của đảng này, Michael Dukakis, người thất bại năm 1988. Clinton thắng với ít phiếu vượt vì ứng cử viên thứ ba là Ross Perot đã thu hút phiếu của cả hai ứng cử viên của hai đảng lớn, và vì có một cuộc đấu nội bộ trong Đảng Cộng hoà do Pat Buchanan dẫn đầu đã làm tổn hại thêm cho Bush.

Perot, một chính khách tỷ phú, đích thực là người của CNN, đã tung chiến dịch của mình ra trước ống kính và sau đó thường xuyên xuất hiện trên các kênh truyền hình của hãng. Buchanan, ngay trước chiến dịch chính trị của mình, thực tế là đồng chủ tạo của chương trình hàng ngày *Tinh hướng gay gắt* của CNN. Không có chiến dịch chính trị nào trước đây ở Mỹ mà các phương tiện thông tin đại chúng, chỉ tính riêng một kênh truyền hình, đã đóng vai trò cốt tử như vậy.

Nhưng các phương tiện thông tin mới còn làm được nhiều việc hơn là thay đổi kết quả bầu cử. Bằng cách tập trung ống kính trước tiên vào cuộc khủng hoảng, sau đó gần như cả đêm vào một cuộc khác, các phương tiện thông tin ngày càng đưa ra các chương trình nghị sự công khai và buộc các chính khách phải không ngừng giải quyết các cuộc khủng hoảng và những vụ tranh cãi. Hôm nay là vấn đề nạo thai. Ngày mai là vấn đề hối lộ. Tiếp theo là thuế. Rồi đến quấy rối tình dục, đến thâm hụt ngân sách của chính phủ, đến bạo lực sắc tộc, cứu trợ thiên tai, tội phạm... Kết quả là đẩy nhanh đời sống chính trị - buộc các chính phủ phải nhanh chóng ra quyết định về những vấn đề ngày càng phức tạp. Có thể nói họ đã trở thành nạn nhân của cú sốc tương lai.

Nhưng cho đến nay, điều gì chúng ta thấy mới chỉ là sự mở đầu của sự chi phối sắp tới của các phương tiện thông tin đại chúng đối với quyền lực chính trị. Phần nhiều chiến dịch của Clinton-Bush-Perot được tiến hành bằng cách mời đến trình diễn, một hình thức ban đầu, vẫn còn sơ đẳng, của sự tương tác bằng thông tin đại chúng. Từ đó, những buổi trao đổi trên đài phát thanh, đáp ứng ngay lập tức những đề nghị, bổ nhiệm của chính phủ và những vụ bê bối, đã bắt đầu biểu thị có hệ thống, thậm chí có tổ chức, những bất đồng quan điểm chính trị. Những thủ đoạn trao đổi có thể làm tràn ngập Washington bằng thư từ, bằng những cú điện thoại dây tức giận, và tất nhiên sẽ sớm đến lượt các đoàn đại biểu.

Nhưng như chúng tôi đã gợi ý từ trước, tất cả những điều đó mới chỉ là màn dạo đầu. Máy thu hình của tương lai sẽ đơn giản hoá và phổ cập mối tương tác, làm giảm quyền lực của thông tin một chiều mà các chính khách và chính phủ đã phải phụ thuộc vào kể từ khi xuất hiện các phương tiện thông tin đại chúng vào thời kỳ đầu của cách mạng công nghiệp.

Các hình thức quốc hội, nghị viện và toà án ngày nay với hoạt động chậm chạp đều là sản phẩm của Làn sóng Thứ nhất. Các bộ không lồ và tẻ quan liêu của chính phủ ngày nay phần lớn là sản phẩm của Làn sóng Thứ hai. Các phương tiện thông tin đại chúng ngày mai - từ ti vi cáp đến vệ tinh truyền trực tiếp tới mạng vi tính cùng các hệ thống khác - là sản phẩm của Làn sóng Thứ ba. Những người điều hành các phương tiện ấy đang chuẩn bị thách thức tầng lớp thượng lưu chính trị tồn tại từ trước - và do vậy họ làm biến đổi cuộc đấu tranh chính trị.

Cho đến nay, trong mọi nền dân chủ hiện đại, cuộc đấu tranh chính trị liên miên đã diễn ra giữa các chính khách và tầng lớp quan chức. Cuộc đấu tranh ngầm ngấm vì quyền lực này thường quan trọng hơn so với cuộc đấu tranh công khai giữa các đảng cánh hữu và tả. Trừ một vài ngoại lệ hiếm hoi, đó chính là bản

chất thực của đấu tranh chính trị, từ Paris và Bonn tới Tokyo và Washington.

Tuy nhiên, khi ảnh hưởng chính trị của các phương tiện thông tin đại chúng tăng lên, thì cuộc đấu tranh hai chiều trước đây sẽ trở thành cuộc đấu tranh ba chiều vì quyền lực, nó đặt các nghị sĩ, các quan chức, và bây giờ là cả những người điều hành các phương tiện thông tin đại chúng, phải đối chọi với nhau trong một tình thế phối hợp không ổn định.

Trong khi đó, những cơn bão kết nạp tôn giáo, sự tuyên truyền chính trị, cùng với văn hoá quần chúng, sẽ dồn dập từ bên ngoài tràn vào mỗi nước thông qua vệ tinh truyền trực tiếp và các hệ thống viễn thông tiên tiến khác, làm suy yếu hơn nữa các chính khách cũng như các quan chức của nước chủ nhà. Các mạng thông tin số xuyên biên giới với những cái tên như GreenNet, GlasNet, PeaceNet và Alternex đã liên kết các nhà hoạt động chính trị của 92 nước từ Tadzania và Thái Lan tới Hoa Kỳ và Uruguay. Bọn phát xít mới cũng có mạng thông tin riêng của chúng. Trong hệ thống chính trị "thông tin hoá" ngày mai, ngày càng khó có sự đồng lòng áp đặt từ trên xuống.

Do có cuộc tranh giành quyền lực diễn ra giữa những chính khách được bầu với những quan chức được bổ nhiệm và những đại diện của phương tiện thông tin đại chúng là những người không được bầu cũng không được bổ nhiệm, các nhà lãnh đạo quân sự của các quốc gia dân chủ thấy mình bị kẹt giữa hai áp lực. Chính cái nguyên tắc dân chủ về kiểm soát dân sự đối với giới quân sự có thể bị đe dọa. Bởi vì những mối đe dọa và khủng hoảng quân sự có thể được cụ thể hoá nhanh hơn so với sự đồng lòng có thể được tổ chức, nên quân đội có thể bị liệt khi cần có hành động. Hoặc ngược lại nó có thể bị sa lầy trong chiến tranh mà không được sự ủng hộ dân chủ.

Trong mọi trường hợp, cải tổ chính trị đang báo hiệu một sự đối lập hoàn toàn với sự ổn định mà khái niệm khu vực hoà bình cho là điều tất nhiên.

TÍNH LỖI THỜI QUỐC TẾ

Điều tồi tệ hơn nữa là những công cụ ngoại giao cũ sẽ tỏ ra lỗi thời - cùng với Liên hợp quốc và nhiều tổ chức quốc tế khác.

Người ta đã viết nhiều điều điên rồ về một Liên hợp quốc mới mạnh hơn. Nhưng nếu nó không được cải tổ sâu sắc theo những cách mà thậm chí cho đến nay vẫn chưa được bàn đến, thì Liên hợp quốc có thể sẽ có một vai trò ít hiệu lực hơn và nhỏ hơn chứ không phải là lớn hơn trong công việc quốc tế những thập kỷ sắp tới.

Đó là vì Liên hợp quốc vẫn là cái mà ban đầu nó đã là như vậy: một câu lạc bộ của các quốc gia - dân tộc. Tuy nhiên, các sự kiện thế giới trong những năm tới sẽ bị ảnh hưởng mạnh bởi những đấu thủ phi dân tộc như giới kinh doanh toàn cầu, các phong trào chính trị xuyên biên giới như phong trào Hoà bình Xanh, các phong trào tôn giáo như Đạo Hồi, và các nhóm mang tư tưởng đại sắc tộc mới nảy sinh mong muốn tổ chức lại thế giới theo đường lối chủng tộc - chẳng hạn như nhóm Đại - Slav hoặc một số người Thổ mơ tưởng một đế chế Ottoman mới hợp nhất người Thổ và những người nói tiếng Thổ từ đảo Síp ở Địa Trung Hải đến Curoguxtan trên biên giới Trung Quốc.

Những tổ chức quốc tế nào mà không có khả năng sáp nhập, lựa chọn, làm suy yếu hoặc phá huỷ các nguồn quyền lực mới phi quốc gia nói trên thì sẽ rơi vào tình trạng không thích hợp.

MỐI ĐE DỌA CỦA SỰ PHỤ THUỘC TƯƠNG HỒ

Một huyền thoại cuối cùng có tính an ủi được gán cho khái niệm khu vực hoà bình đang cân đĩnh chính - đó là huyền thoại về sự phụ thuộc tương hỗ một cách hoà bình.

Các nhà địa - kinh tế học và những người khác có thể lập luận rằng xung đột quân sự có thể giảm bớt khi các quốc gia trở nên phụ thuộc lẫn nhau hơn về thương mại và tài chính. Họ nói hầy

xem Đức và Anh, những đối thủ cũ nay sống hoà bình với nhau. Điều mà họ bỏ sót là khi Đức và Anh đánh nhau năm 1914, thì hai nước đang là bạn hàng thương mại lớn nhất của nhau. Lịch sử cũng cung cấp nhiều ví dụ tương tự.

Điều quan trọng hơn nhưng thậm chí được chú ý hơn là trong khi mỗi phụ thuộc tương hỗ có thể tạo ra sự ràng buộc giữa các quốc gia, thì nó cũng làm cho thế giới trở nên phức tạp hơn rất nhiều. Phụ thuộc tương hỗ có nghĩa là nước A không thể thực hiện một hành động mà không gây hậu quả và phản ứng ở các nước B, C, D và v.v.. Một số quyết định do Nghị viện Nhật ban ra có thể ảnh hưởng tới đời sống công nhân sản xuất ô tô hoặc các nhà đầu tư bất động sản ở Mỹ nhiều hơn là các quyết định do Quốc hội Mỹ thông qua - và ngược lại. Việc đổi sang sợi quang ở Mỹ về nguyên tắc có thể kéo giá đồng ở Chi Lê xuống và gây mất ổn định chính trị ở Dambria, nơi mà nguồn thu của chính phủ dựa vào xuất khẩu đồng. Những qui định về môi trường ở Braxin có thể làm thay đổi giá gỗ và đời sống dân đồn gỗ ở Malaixia mà đến lượt mình nước này có thể thay đổi quan hệ chính trị giữa chính phủ trung ương với các ông vua Hồi giáo trị vì ở các khu vực khác nhau.

Mỗi phụ thuộc tương hỗ càng lớn thì các nước càng bị dính líu nhiều và hậu quả càng phức tạp và càng đa dạng. Tuy nhiên, mỗi quan hệ phụ thuộc tương hỗ giờ đây đã đủ lớn xon và phức tạp đến mức hầu như các chính khách và chuyên gia thông minh nhất cũng không thể nắm bắt được hậu quả bậc một và bậc hai của những quyết định của chính họ.

Nói một cách khác là, ngoài ý nghĩa trực tiếp ra, những người ra quyết định thực sự không còn hiểu họ đang làm gì. Đến lượt mình, sự không hiểu biết của họ trước tính phức tạp to lớn lại làm suy yếu những mối liên kết giữa mục tiêu và hành động, và làm gia tăng mức độ dự đoán. Vận may đóng vai trò lớn hơn.

Những rủi ro của hậu quả không lường trước đang tăng vọt. Những tính toán nhằm lẫn nhân lên gấp bội.

Tóm lại, mỗi phụ thuộc tương hỗ không nhất thiết sẽ làm cho thế giới an toàn hơn. Đôi khi nó còn tác động ngược lại.

Nói vắn tắt, mỗi một trong những giả thiết mà lý thuyết về khu vực hoà bình dựa vào - sự tăng trưởng kinh tế, tính không thể xâm phạm biên giới, sự ổn định chính trị, thời gian cho thương lượng và hội đàm, tính hiệu lực của các tổ chức và thể chế quốc tế - giờ đây trở nên rất đáng ngờ.

Trong khi chúng dường như không liên quan với nhau, mỗi một trong những điều kiện mới và nguy hiểm hơn được mô tả ở đây là một hậu quả trực tiếp hay gián tiếp của sự ra đời của hệ thống tạo ra của cải mới. Những vấn đề chung này đang chỉ ra sự rối loạn tiềm ẩn chết người đang chờ đợi ở phía trước. Kết hợp với việc dân sự hoá và phổ biến vũ khí, chúng báo trước không phải một kỷ nguyên hoà bình địa - kinh tế, không phải một trật tự thế giới mới ổn định, hay một khu vực hoà bình dân chủ, mà là một nguy cơ chiến tranh đang gia tăng, lôi kéo không chỉ những thế lực nhỏ bé và thứ yếu mà còn lôi kéo cả chính các cường quốc lớn.

Những điều nói trên cũng chưa bàn hết đến những hiểm hoạ lâu dài mà chúng ta đang phải đương đầu. Như sẽ thấy ở phần kế tiếp, chúng ta cũng đang phải đương đầu với nhiều thách thức có qui mô và phạm vi lịch sử thậm chí còn lớn hơn - bất cứ một thách thức nào trong số đó cũng có thể tạo ra, nếu không phải một cuộc chiến tranh thế giới, thì cũng là một cái gì đó tương tự như thế làm chúng ta phải kinh hoàng.

Để giảm bớt những nguy cơ ấy, chúng ta cần phải hết sức có óc thực tế đối với sự biến đổi sắp tới của chiến tranh và chống chiến tranh. Chúng ta cần phải ra khỏi khu vực ảo tưởng.

MỘT THẾ GIỚI CHIA BA

Qua hàng bao thế kỷ, tầng lớp thượng lưu của xã hội đã phải lo sợ và tự bảo vệ chống lại những cuộc nổi dậy của người nghèo. Lịch sử của các xã hội nông nghiệp và cả công nghiệp đều đánh dấu bằng những cuộc khởi nghĩa vấy máu người nô lệ, nông nô và công nhân. Nhưng Làn sóng Thứ ba lại kèm theo một sự phát triển mới đáng giật mình - đó là một nguy cơ nổi dậy của người giàu.

Khi Liên bang Xô viết tan vỡ, những nước cộng hoà muốn tách ra nhất là các nước Bantich và Ucraina. Là những nước gần Tây Âu nhất, họ cũng là những nước giàu có nhất và có công nghiệp phát triển nhất.

Trong các nước cộng hoà thuộc Làn sóng Thứ hai này, tầng lớp thượng lưu - chủ yếu là các quan chức cộng sản và giám đốc công nghiệp - cảm thấy bị Mátxcơva chặt vây cánh và đánh thuế quá nặng. Nhìn về phía Tây, họ có thể trông thấy Đức, Pháp và các nước khác đã chuyển khỏi chế độ công nghiệp truyền thống sang kinh tế Làn sóng Thứ ba. Họ hy vọng sẽ móc được nền kinh tế của mình vào quả tên lửa Tây Âu.

Ngược lại, những nước cộng hoà miễn cưỡng phải rời bỏ Liên bang nhất đều là những nước xa châu Âu nhất, nghèo nhất và mang tính nông nghiệp nhiều nhất. Ở những nước cộng hoà nặng về Đạo Hồi của Làn sóng Thứ nhất này, giới thượng lưu tự gọi mình là cộng sản, nhưng họ rất giống những ông chủ phong kiến

ua hối lộ, hành động qua mạng lưới dòng họ và làng xã. Họ trông chờ vào sự bảo vệ và của bố thí của Mátxcơva. Như vậy là những khu vực thuộc Làn sóng Thứ hai và Làn sóng Thứ nhất đã đi theo những hướng trái ngược nhau rõ rệt.

Tất cả các bên đều che giấu lợi ích cá nhân bằng những lời kêu gọi dưới ngọn cờ sắc tộc, ngôn ngữ, thậm chí cả ngọn cờ sinh thái. Nhưng đằng sau những xung đột tổng hợp là những tham vọng kinh tế và chính trị đối lập nhau sâu sắc. Khi sức kéo trái ngược của các nhà lãnh đạo địa phương thuộc Làn sóng Thứ nhất và Thứ hai trở nên quá mạnh tới mức Gorbachev không thể hoà giải nổi, thì sự tan rã vĩ đại của Liên Xô bắt đầu xảy ra.

HỘI CHỨNG TRUNG QUỐC

Một tia X chiếu vào các nước lớn khác cũng phát hiện ra những đường lối sai lầm tương tự dựa trên sự khác nhau của Làn sóng Thứ nhất, Thứ hai, hoặc Thứ ba. Hãy lấy Trung Quốc, một nước đông dân nhất thế giới, làm ví dụ. Ngày nay, trong số 1,2 tỷ người của nó có tới 800 triệu là nông dân thuộc những khu vực nằm sâu trong đất liền, hãy còn phải xới đất y như ông bà họ đã làm trong những điều kiện nghèo nàn khốn khổ. Ở Quý Châu và An Huy, những cái bụng ông của trẻ em đói ăn hãy còn phơi bày quá rõ giữa những túp lều và những dấu hiệu khác của sự khốn cùng. Đó là Trung Quốc thuộc Làn sóng Thứ nhất.

Ngược lại, các tỉnh duyên hải của Trung Quốc lại thuộc trong số những nơi phát triển nhanh nhất trên toàn thế giới. Trong tỉnh Quảng Đông đầy rẫy nhà máy, các toà nhà cao mới đang vươn thẳng lên bầu trời, và cả chủ doanh nghiệp (gồm cả các công chức cộng sản trước đây) đã gia nhập vào nền kinh tế toàn cầu. Nhìn sang bên cạnh, họ có thể thấy Hồng Kông, Đài Loan và Xingapo đang thay đổi nhanh chóng từ nền kinh tế Làn sóng Thứ hai sang kinh tế công nghệ cao của Làn sóng Thứ ba. Các tỉnh ven biển

coi họ, vốn được gọi là những "con hổ", như hình mẫu cho sự phát triển của riêng mình và đang gắn kinh tế của địa phương họ với ba "con hổ" đó.

Tầng lớp thượng lưu mới- một số tham gia vào các xí nghiệp Làn sóng Thứ hai dựa vào nhân công rẻ, một số khác đã lắp đặt công nghệ Làn sóng Thứ ba tiên tiến với tốc độ rất nhanh - đều tỏ ra lạc quan, rất có óc thương mại và tỏ ra độc lập một cách năng nổ. Được trang bị máy fax, điện thoại di động và những chiếc xe hơi sang trọng, nói tiếng Quảng Châu chứ không phải là tiếng phổ thông, họ bị ràng buộc với các cộng đồng người Hoa từ Vancouver và Los Angeles đến Jakarta, Kuala Lumpur và Manila. Họ chia sẻ lối sống và lợi ích bản thân với Hoa kiều ở hải ngoại hơn là với nước Trung Hoa lục địa của Làn sóng Thứ nhất.

Họ đã chế nhạo những sắc lệnh về kinh tế của chính phủ trung ương ở Bắc Kinh. Không biết phải mất bao lâu họ mới đi đến chỗ quyết định không tha thứ cho sự can thiệp chính trị của Bắc Kinh và từ chối đóng góp quỹ cần thiết cho chính phủ trung ương để cải thiện điều kiện nông thôn hoặc dập tắt những bất ổn định về nông nghiệp? Nếu Bắc Kinh không chấp thuận cho họ toàn quyền tự do hoạt động tài chính và chính trị thì người ta có thể hình dung thấy giới thượng lưu mới còn nhấn mạnh đến sự độc lập hoặc một bản sao chép của sự độc lập ấy- một biện pháp có thể xâu xé Trung Quốc và gây ra nội chiến.

Với những khoản đầu tư khổng lồ đang bị đe dọa, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và các nước khác có thể sẽ buộc phải đứng cùng phe - và như vậy họ thấy mình miễn cưỡng phải lao vào một cuộc xung đột lớn có thể xảy ra tiếp theo. Phải thừa nhận rằng kịch bản này chỉ là suy đoán nhưng không phải là không thể xảy

ra. Lịch sử vẫn có những cuộc chiến tranh và nổi dậy có vẻ như rất khó có thể xảy ra.

NGƯỜI GIÀU MUỐN TÁCH RIÊNG RA

Ấn Độ, với dân số 835 triệu, là nước đông dân thứ hai trên thế giới và đang phát triển một sự chia rẽ tương tự trong giới thượng lưu chia ba của họ. Ở đây cũng vậy, đa số nông dân vẫn còn sống như trong những thế kỷ đã qua ; cũng ở đây chúng ta thấy có một khu vực công nghiệp to lớn, thịnh vượng của khoảng 100 đến 150 triệu người ; và cũng ở đây chúng ta thấy có một khu vực nhỏ nhưng phát triển nhanh của Làn sóng Thứ ba mà những thành viên của nó liên kết với mạng quốc tế Internet và với hệ thống liên lạc thế giới, làm việc trên máy vi tính cá nhân tại nhà, xuất khẩu phần mềm và các sản phẩm công nghệ cao, và sống một cuộc sống hàng ngày khác hẳn với phần còn lại của xã hội.

Nếu liếc qua chương trình MTV¹ phát khắp trên ti vi Ấn Độ, hoặc nếu đi thăm chợ Lajpat - Rai ở phía nam Delhi, ta sẽ thấy rõ có sự phân chia giữa các khu vực. Ở đây khách hàng mặc cả với người bán rong về giá cả của đĩa vệ tinh, của đi ốt phát sáng, của máy tách tin hiệu, của máy ghi hình và các thứ khác cần cho việc gia nhập vào dòng thông tin Làn sóng Thứ ba của thế giới.

Ấn Độ hiện đang bị xâu xé bởi những phong trào phân lập đẫm máu dựa trên cái được coi là sự cách biệt về sắc tộc - tôn giáo. Tuy nhiên, nếu nhìn vào đằng sau những cái này, chúng ta có thể thấy, giống như ở Trung Quốc và Nga, có ba giới thượng lưu đối lập nhau, mỗi giới có chương trình nghị sự riêng về kinh tế và chính trị, chia sẻ đất nước dưới chiêu bài tôn giáo hoặc sắc tộc.

1. Một chương trình chuyên ca nhạc - N.D.

Braxin với 155 triệu dân cũng đang sôi sục. Gần 40 phần trăm sức lao động vẫn còn thuộc lĩnh vực nông nghiệp - phần lớn trong số này gần như tồn tại trong những điều kiện tồi tệ nhất. Còn một khu vực công nghiệp rộng lớn và một khu vực Làn sóng Thứ Ba nhỏ nhưng đang gia tăng chiếm phần còn lại của Braxin.

Ngay cả khi số đông nông dân thuộc Làn sóng Thứ nhất ở miền Đông Bắc bị đói, và khi những người di tản không kiểm soát được đang tràn ngập hai thành phố Làn sóng Thứ hai là Sao Paulo và Rio, thì Braxin vẫn đang phải đương đầu với phong trào ly khai có tổ chức ở Rio Grande do Sul, một vùng phì nhiêu ở miền Nam với tỷ lệ 89 phần trăm biết chữ và 4/5 số hộ có máy điện thoại.

Miền Nam sản xuất 76 phần trăm GDP của cả nước, và theo thông lệ, miền Bắc và Đông Bắc lại có đại biểu nhiều hơn trong chính phủ trong khi sự đóng góp kinh tế của họ, tính theo thước đo trên, chỉ có 18 phần trăm. Hơn nữa, miền Nam cho rằng họ đang trợ cấp cho miền Bắc. Nếu nói đùa rằng Braxin sẽ giàu có nếu đất nước này chỉ kéo dài đến đúng phía bắc Rio, thì người miền Nam sẽ không còn cười nữa. Họ tuyên bố rằng họ đóng góp 15 phần trăm GDP của mình cho thủ đô Braxin và chỉ nhận lại có 9 phần trăm. Một lãnh tụ của một đảng bị coi là làm tan rã Braxin nói : "Chủ nghĩa ly khai là cách duy nhất để cho Braxin rũ được tình trạng lạc hậu". Đó cũng sẽ là con đường dẫn tới xung đột nội bộ.

Như vậy là khắp nơi trên thế giới chúng ta đang nghe thấy tiếng gầm gừ háo trước của những người giàu nổi giận trong một môi trường của các nền văn minh đang đụng độ. Những người giàu đang muốn tách riêng ra.

Nhiều người đang nghi thầm, nếu không muốn nói to lên, rằng : "Chúng tôi có thể mua những thứ cần thiết và bán hàng hoá ra nước ngoài. Tại sao chúng tôi lại phải gánh vác một đội quân thất học thiếu ăn, khi mà xí nghiệp và công sở của chúng

tôi thực tế chỉ cần ít công nhân hơn và có kỹ năng cao hơn trong tương lai khi Làn sóng Thứ ba đang tiến tới".

Liệu những sự phân chia nói trên có bùng nổ thành bạo lực hay không và chúng có thể tác động như thế nào đối với những cường quốc lớn, những cái đó sẽ phụ thuộc một phần vào cái cách chúng liên kết với mưu toan chia cắt kinh tế thế giới thành các khối bảo hộ.

SỰ THÁCH THỨC CỦA CHÂU Á

Vào giữa thế kỷ XX, nước Mỹ, với kinh tế Làn sóng Thứ hai duy nhất không bị Chiến tranh thế giới thứ hai tàn phá, đã chiếm độc quyền thực sự đối với nhiều mặt hàng xuất khẩu, từ xe hơi đến đồ gia dụng, máy móc và các công nghệ phẩm khác.

Sau khi Nhật và châu Âu, với sự giúp đỡ của Hoa Kỳ, phục hồi lại sau chiến tranh, thì họ trở nên có khả năng cạnh tranh trong một số mặt hàng. Nhưng chỉ đến những năm 70, khi Nhật Bản bắt đầu áp dụng một cách có hệ thống những phương pháp sản xuất của Làn sóng Thứ ba và chuyển giao nhiều chức năng Làn sóng Thứ hai cho các nước kém phát triển ở châu Á, thì nó mới có thể xâm nhập một cách nghiêm túc vào thị trường nước Mỹ và châu Âu với các hàng công nghiệp có độ chính xác cao và có chất lượng tuyệt hảo.

Sau khi tích lũy được nhiều lợi nhuận rồi, Nhật Bản lại rót tiền đầu tư vào nhiều nước Đông-Nam Á, lần lượt kích thích các nước này phát triển. Chẳng bao lâu, các nước này cũng trở thành những nước xuất khẩu mạnh mẽ, làm cho cạnh tranh toàn cầu thêm gay gắt. Ngày nay, với sự xuất hiện của vùng duyên hải Trung Quốc, cuộc tranh giành thị trường trở nên nóng bỏng. Và nó càng ngày càng cực kỳ căng thẳng vì chính các nước này đang thay thế ngày càng nhiều những nhà máy nhân công rẻ thuộc Làn

sống Thứ hai của họ bằng những nhà máy tinh xảo Làn sống Thứ ba.

Đứng trước trào lưu cạnh tranh mạnh mẽ đó, các lực lượng công ty Hoa Kỳ, có công đoàn hỗ trợ, đã tiến hành chiến dịch tuyên truyền lớn kêu gọi Chú Sam bảo hộ hoặc trợ cấp cho sản xuất nội địa. Một chiến dịch tương tự, thậm chí còn mãnh liệt hơn, nhằm chống lại việc nhập khẩu từ châu Á cũng đang diễn ra ở châu Âu.

NGÒI NỔ ĐANG BỐC CHÁY

Các sử gia cho chúng ta biết rằng khi các nước lần lượt thi nhau thiết lập hàng rào thương mại trong những năm 30 thì chính là họ đã giẫm đạp lên kinh tế của nhau, làm cho nạn thất nghiệp thêm tồi tệ, thổi bùng dục vọng dân tộc, ném các nước vào cơn kịch phát chính trị, tiếp đầu cho chủ nghĩa Quốc xã, châm ngòi nổ làm cho toàn thế giới bốc lửa trong một cuộc chiến tranh huỷ diệt tàn bạo nhất trong lịch sử. Vậy mà ngày nay, ngay cả khi các nhà kinh tế học và chính khách viện dẫn ra những kỷ ức này và nhấn mạnh nguy cơ của các khối thương mại khu vực khép kín, thì họ lại vẫn chuẩn bị cho việc xây dựng những khối đó.

Không ở lĩnh vực nào thói đạo đức giả lại tỏ ra trở trên hơn. Người Nhật là bậc thầy trước đây trong việc hạn chế cạnh tranh từ nước ngoài, bằng cách tuần hàng xuất khẩu của họ vào mọi khe hở của thị trường thế giới, phủ nhận rằng họ bảo hộ thị trường của mình, và đồng thời hứa hẹn nhiều lần là sẽ mở cửa nó.

Ngược lại, Hoa Kỳ, mặc dù hùng hồn tuyên bố về mậu dịch tự do và "cân bằng sân chơi", nó vẫn đặt ra khoảng 3000 loại thuế và hạn ngạch đối với mọi thứ, từ áo thun và giấy dép đến kem ăn và nước cam. Mỹ đàm phán những hiệp định mậu dịch tự do với Canada và Mêhicô, nhằm tạo ra một khu vực để một ngày nào đó có thể đóng cửa ngăn chặn hàng xuất khẩu và tư bản của châu

A. Và Mỹ tham gia vào "chế độ bảo hộ tiền tệ" bằng cách giảm giá đồng đô la, do vậy nâng cao giá nhập khẩu để tạo lợi thế ngăn hạn cho các nhà sản xuất nội địa. Đến lượt châu Âu, trong khi hô hào chống Nhật, nó trợ cấp cho nông dân, cho các ngành công nghiệp hàng không vũ trụ và điện tử của mình, và tham gia vào các âm mưu thương mại sai trái khác. Trong khi đó, một số nước Đông- Nam Á bàn luận ngấm ngầm về việc lập ra khối riêng của họ.

Những điều lập luận kinh tế ngày càng được hỗ trợ bởi sự tấn công trên báo chí, bởi những đòn công kích phân biệt chủng tộc, bởi sự rêu rao về hiểm họa da vàng cùng các hình thức gieo rắc căm thù khác với tiềm năng làm bùng nổ bạo lực. Nếu các thị trường to lớn không nhanh chóng mở cửa cho những sản phẩm không có trước đây, như các công nghệ môi trường tiên tiến, thì sự đầu hàng chế độ bảo hộ nội địa, ngay cả dưới chiêu bài "mậu dịch có quản lý" và các công thức uyển ngữ khác, có thể đẩy mạnh nhiều nước đi đến chỗ tuyệt vọng và gây ra đối đầu tai hại trong một thế giới chứa chất đầy vũ khí trước kia chưa từng có.

Phân chia Thái Bình Dương thành những khối mậu dịch, thực tế là vẽ ra một đường ranh giới chủng tộc ngay trong lòng nó, có thể tạo ra sự chia rẽ nguy hiểm nhất cho tất cả mọi thứ - chủng tộc, tôn giáo và kinh tế- trong một hệ thống toàn cầu đang có nguy cơ rạn vỡ.

TRỞ VỀ TỪ CỎI CHẾT

Tất cả những điều căng thẳng nói trên đang mở rộng thêm những sự chia rẽ toàn cầu khác. Sự xuất hiện của chủ nghĩa cuồng tín tôn giáo (phân biệt với trào lưu chính thống thuần túy) đang kích động bệnh hoang tưởng và sự ghê tởm trên khắp thế giới. Nhóm thiểu số cực đoan Hồi giáo đang gợi lên hình ảnh về một cuộc Thập tự chinh mới, với toàn thể thế giới Đạo Hồi hợp nhất

trong cuộc thánh chiến chống lại Đạo Cơ Đốc - Do Thái. Mặt khác, nhóm phát xít tại Tây Âu tự cho mình là những người bảo vệ cuối cùng của Đạo Cơ Đốc chống lại Đạo Hồi giết người.

Từ Nga, nơi những phần tử phát xít tự khoát cho mình là cơ Cơ Đốc chính thống, sang Ấn Độ, nơi diễn ra những cuộc thảm sát của tín đồ Ấn Độ giáo chống lại người Hồi giáo, tới Trung Đông, nơi Iran khích động khủng bố dưới danh nghĩa Hồi giáo, thế giới kinh hoàng nhìn hàng triệu người đang háo hức quay trở lại thế kỷ XII.

Cuộc hồi sinh tôn giáo bất ngờ và dường như không thể giải thích được nổi chung và trào lưu chính thống nổi riêng trở nên dễ hiểu khi chúng được xem xét trong bối cảnh dục độ của các nền văn minh. Khi Làn sóng Thứ hai bắt đầu phổ biến nền văn minh công nghiệp ra khắp Tây Âu, thì Nhà thờ, với tư cách là một đại địa chủ điển hình liên kết với giới thượng lưu nông nghiệp của Làn sóng Thứ nhất để chống lại các giai cấp thương mại - công nghiệp đang lên cùng với đồng minh tri thức và văn hoá của họ. Đến lượt mình, các giai cấp này lại tấn công vào tôn giáo như là một lực lượng phản động, phản khoa học, phản dân chủ, và làm cho chủ nghĩa thế tục trở thành một dấu ấn xác nhận thực thụ cho nền văn minh công nghiệp.

Cuộc chiến tranh văn hoá vĩ đại kéo dài trên hai thế kỷ này rút cục dẫn đến thắng lợi của chủ nghĩa đổi mới- đó là văn hoá của chế độ công nghiệp. Cùng với nó là sự xuất hiện của trường học thế tục, của thể chế thế tục, và một sự rút lui phổ biến của tôn giáo trong các nước công nghiệp. Tạp chí *Thời báo*, trên trang bìa số ra tháng 4-1966 đã đặt câu hỏi: "Chúa đã chết rồi chăng?"

Nhưng ngày nay, cùng với nền kinh tế Làn sóng Thứ ba đang trên đường tiến bước, và nền văn minh Làn sóng Thứ hai đang trong cơn khủng hoảng cuối cùng, thì chủ nghĩa thế tục bị kẹp vào một cuộc tấn công gọng kìm. Một mặt nó bị nhóm quá khích tôn giáo, những người chưa bao giờ từ bỏ lòng căm thù đối với

cải hiện đại và mong muốn phục hồi trào lưu chính thống tiền-công nghiệp, chủ rùa. Mặt khác, nó bị tấn công bởi các phong trào tinh thần và tôn giáo "Thời đại mới" đang gia tăng, nhiều phong trào trong số đó về cơ bản là tà giáo, nhưng vẫn là tôn giáo.

Cho nên cả ở trong nước lẫn trên thế giới, chủ nghĩa thế tục Làn sóng Thứ hai vì vậy không còn mặc nhiên được xem là triết học tiến bộ và tiên tiến của tương lai nữa.

Trên phạm vi thế giới, sự quay trở lại tôn giáo phản ánh sự tìm kiếm vô vọng một thứ gì để thay thế cho tín ngưỡng Làn sóng Thứ hai đã bị sụp đổ - dù là chủ nghĩa dân tộc, hay trong trường hợp này phải kể cả chủ nghĩa duy khoa học. Trong thế giới Làn sóng Thứ nhất, đức tin được nuôi dưỡng bằng hồi ức về sự khai thác của Làn sóng Thứ hai. Như vậy, chính cái dư vị của chủ nghĩa thực dân đã làm cho dân chúng Hồi giáo Làn sóng Thứ nhất chống lại phương Tây một cách cay đắng. Chính sự đổ vỡ của một số nước xã hội chủ nghĩa là cái khuấy động người Nam Tư và người Nga tiến tới tình trạng rối loạn bạo lực mang tính sô vanh và tôn giáo. Chính sự tha hoá và sự lo sợ những người di tản đã lôi kéo nhiều người Tây Âu vào cơn giận dữ điên cuồng của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc nguy trang dưới danh nghĩa bảo vệ Đạo Cơ Đốc. Chính tệ hối lộ và sự thất bại của hình thức dân chủ Làn sóng Thứ hai đã thúc đẩy những nước cộng hoà Liên Xô cũ trở lại vết cũ của chủ nghĩa độc đoán chính thống hoặc của chủ nghĩa cuồng tín Hồi giáo.

Nhưng dục vọng tôn giáo, cho dù là chân chính hay che giấu những tình cảm khác, đều có thể bị những kẻ mị dân chính trị làm bùng cháy và rất dễ dàng chuyển thành cơn sốt bạo lực. Cơn ác mộng tôn giáo - sắc tộc trong vùng Bancăng chỉ là điềm báo trước điều có thể dễ dàng xảy ra ở những nơi khác.

CUỘC CÁCH MẠNG KHÔNG THỂ KIỂM CHẾ

Những sự chia rẽ đang gia tăng gấp bội và nhanh chóng lan rộng ấy chính là biểu hiện của những mối đe dọa qui mô lớn đối với hoà bình trong những thập kỷ tới. Chúng xuất phát từ cuộc xung đột chủ chốt của thời đại chúng ta, cuộc xung đột nổ ra do có sự xuất hiện của nền văn minh cách mạng mới không thể kiểm chế trong cấu trúc phân đôi của quyền lực thế giới sinh ra sau cuộc cách mạng công nghiệp.

Điều chúng ta sẽ chứng kiến trong những thập kỷ sắp tới là sự chia ba dần dần hệ thống thế giới thành những quốc gia Làn sóng Thứ nhất, Làn sóng Thứ hai và Làn sóng Thứ ba, mỗi một nước có lợi ích sống còn riêng, có giới thượng lưu mang mối hận thù riêng, có các cuộc khủng hoảng riêng và chương trình nghị sự riêng. Đó là bối cảnh lịch sử to lớn trong đó chúng ta quan sát thấy có quá trình dân sự hoá chiến tranh, quá trình phổ biến vũ khí hạt nhân, vũ khí hoá học, sinh học và cả tên lửa, cùng với sự ra đời của hình thái chiến tranh Làn sóng Thứ ba hoàn toàn chưa từng có.

Chúng ta đang chạy đua vào một giai đoạn xa lạ và khác thường của lịch sử tương lai. Những ai muốn ngăn chặn hoặc giới hạn chiến tranh, cần phải tính đến những thực tế mới này, phải xem xét những mối quan hệ ẩn giấu của chúng, và phải công nhận những làn sóng thay đổi đang làm chuyển biến thế giới của chúng ta.

Trong giai đoạn của sự hỗn loạn và nguy hiểm cùng cực sắp tới, sự sống còn của loài người sẽ phụ thuộc vào cái chúng ta sẽ làm mà ít nhất hai thế kỷ trước không ai làm. Chính vì chúng ta đã sáng tạo ra một hình thái chiến tranh mới, thì chúng ta phải sáng tạo ra một hình thái hoà bình mới. Và đó là điều mà những trang còn lại của cuốn sách này sẽ đề cập đến.

Phần Sáu
HOÀ BÌNH

VỀ CÁC HÌNH THÁI HOÀ BÌNH

Một trong những truyện chiến đấu nổi tiếng nhất trong toàn bộ nền văn hoá phương Tây là câu chuyện trong kinh thánh về David, người Israen và Goliath, người Philistine. Trong câu chuyện này, con người nhỏ bé David đã giết chết địch thủ khổng lồ của mình bằng sự trợ giúp của một loại vũ khí công nghệ cao, đó là súng cao su.

Cuộc đọ sức tay đôi của họ minh hoạ cho một trong những phương pháp cứu nguy được người cổ xưa đưa ra để hạn chế tới mức thấp nhất hiệu quả của bạo lực. Thay cho việc toàn bộ bộ tộc hoặc thị tộc xâu xé lẫn nhau cho đến khi tan nát, nhiều bộ tộc nguyên thủy đã giải quyết những tranh chấp của họ bằng cách tiến hành trận đấu đơn lẻ - chọn một người vô địch đại diện cho mỗi bên.

Trong truyện thần thoại của Homer, Menelaus, đại diện cho người Hy Lạp, còn Paris, đại diện cho người Troja, đã tiến hành trận quyết đấu tay đôi tương tự. Các nhà nhân chủng học đã tìm thấy những bằng chứng về các trận chiến đấu đơn lẻ giữa những người thuộc bộ lạc Tlingit ở miền nam Alaska, bộ lạc Maoris ở Niu Dilân, và các cộng đồng người khác từ Braxin tới Ôxtrâyliã.

Trong các bộ lạc sơ khai, có một sáng kiến khác nhằm cứu nguy xã hội là tha bổng - thí dụ, thả phụ nữ và trẻ em, hoặc những người trung lập, hay sử giả do đối phương phải tới. Phương pháp thứ ba không phải là tha bổng người mà là miễn trừ một số khu

vực nhất định (ở New Hebrides, như chúng ta biết, các bộ lạc tham chiến đã dành riêng một "con đường hoà bình" không dùng bạo lực). Phương pháp thứ tư là dành những khoảng thời gian nhất định khi cần phải ngừng chiến - chẳng hạn để tiến hành các nghi lễ tôn giáo.

Khi nền văn minh của Làn sóng Thứ nhất nổi lên, nó mang lại một hình thái hoà bình đặc trưng tương xứng với hình thái chiến tranh của nó - một hệ thống công cụ mới, nhằm ngăn chặn chiến tranh hoặc giảm bớt bạo lực.

Thí dụ, cuộc cách mạng của Làn sóng Thứ nhất đã đẩy cuộc chiến tranh lên trên cấp độ các cuộc đụng độ giữa các bộ lạc, đồng thời cũng làm thay đổi số phận của những tù nhân bị bắt giữ. Trước đó, tù nhân bị bắt sống chẳng có ích gì cho bộ lạc chiến thắng, có lẽ, trừ trường hợp dùng để thay thế cho những chiến binh đã ngã xuống hoặc cho những phụ nữ cần để sinh sản. Tuy nhiên, một khi nền nông nghiệp đã có khả năng tạo ra mức dư thừa về lương thực và tù nhân có thể sản xuất ra nhiều lương thực hơn số lương thực để nuôi sống họ, thì việc bắt giữ họ làm nô lệ trở nên có lợi hơn là ăn thịt hoặc giết họ. Cho dù chế độ nô lệ là một sự thật khủng khiếp, nhưng đó vẫn là một trong nhiều điều đổi mới của Làn sóng Thứ nhất có tác dụng làm giảm bớt số xác chết trên chiến trường. Đó là một phần hình thái hoà bình của nền văn minh Làn sóng Thứ nhất.

Một điều giống như trên đã xảy ra ở thời kỳ cách mạng công nghiệp : nền văn minh của Làn sóng Thứ hai cũng đã tạo ra hình thái chiến tranh của riêng nó cùng với hình thái hoà bình tương ứng.

Thí dụ, hệ thống công nghiệp qui mô lớn lần đầu tiên nổi lên ở Tây Âu đã nhấn mạnh các quan hệ hợp đồng. Hợp đồng đã trở thành một phần của đời sống kinh doanh hàng ngày. Các hệ thống chính trị đã được biện hộ điển hình bằng "hợp đồng xã hội"

giữa những người lãnh đạo và những người bị lãnh đạo. Đó là bước tiến tự nhiên của các dân tộc thuộc Làn sóng Thứ hai để họ ký kết hợp đồng với nhau. Như vậy, các hiệp ước và thoả thuận đã trở thành những yếu tố then chốt trong hình thái hoà bình của Làn sóng Thứ hai. Một số hiệp ước đã đặt ra những giới hạn về đạo đức trong hành vi của binh lính.

Theo một bản báo cáo của Khoa Nghiên cứu Hoà Bình và Xung Đột thuộc trường Đại học Uppsala Thụy Điển, trong khi "những tư tưởng nhân đạo đã tồn tại hàng ngàn năm..." thì "chỉ đến thế kỷ XVII và XVIII các chính phủ châu Âu mới đưa ra được "các điều khoản về chiến tranh" bằng cách đặt ra những tiêu chuẩn qui phạm nhất định cho việc đối xử với các bên tham chiến".

Các bộ luật trên đã đặt cơ sở cho việc dự thảo các hiệp ước, các thông lệ và các quyết định pháp lý. Năm 1864, các quốc gia đã nhất trí coi các bác sĩ và y tá trên chiến trường là những người trung lập, có nhiệm vụ chăm sóc binh lính bị thương và ốm đau không phân biệt quốc tịch. Năm 1868 các quốc gia đã quyết định cấm sử dụng một số loại đạn nhất định.

Năm 1899, Hội nghị hoà bình lần thứ nhất tại Hague đã thảo luận (nhưng không được chấp nhận) việc tạm ngừng sử dụng vũ khí. Nhưng Hội nghị này đã đề ra được những qui định hạn chế về vũ khí và về các phương pháp chiến tranh như việc sử dụng khinh khí cầu để bắn đạn, và nó đã thành lập được một toà án để phân xử những tranh chấp giữa các quốc gia.

Kể từ đó thế giới đã đàm phán được những hiệp ước, hiệp định và các thoả ước khác về ngăn cấm hoặc hạn chế các loại vũ khí hoá học và vi trùng, về đối xử nhân đạo hơn nữa với tù binh chiến tranh, ngăn chặn nạn diệt chủng và hạn chế vũ khí hạt nhân. Nhưng dấu ấn công nghiệp in trên "công trình hoà bình" còn sâu đậm hơn các thoả thuận khế ước.

Các nhà hiện đại hoá xây dựng nên những xã hội của Làn sóng Thứ hai đã tạo ra những thị trường quốc gia và sản sinh ra cái mà ngày nay chúng ta gọi là quốc gia - dân tộc. Chiến tranh phát triển lên từ các cuộc xung đột giữa các thành - quốc hay các hoàng tộc đến bạo lực có tổ chức của các quốc gia đã phát triển đầy đủ với các chính phủ nắm quyền kiểm soát các nền kinh tế thống nhất và có tầm cỡ quốc gia.

Các nhà hiện đại hoá đã hợp lý hoá việc thu thuế (cung cấp cho chính phủ quốc gia nguồn tài chính phục vụ cho những cuộc chiến tranh lớn hơn), đã liên kết dân chúng với các hệ thống giao thông và vận tải quốc gia và nhồi nhét vào đầu dân chúng sự tuyên truyền dân tộc chủ nghĩa thông qua sự tiếp tay của những người cộng tác trí thức và các phương tiện thông tin đại chúng.

Họ cũng tạo ra những tổ chức hoàn toàn mới để gìn giữ hoà bình. Không có gì ngạc nhiên là khi làm việc này họ đã tập trung nỗ lực vào các quốc gia.

Hội quốc liên sau Chiến tranh thế giới thứ nhất và Liên hợp quốc sau Chiến tranh thế giới thứ hai là hai tổ chức khác nhau về nhiều mặt. Nhưng cả hai tổ chức này đều được xây dựng trên cơ sở các quốc gia. Cả Hội quốc liên lẫn Liên hợp quốc đều công nhận chủ quyền quốc gia, quyền bất khả xâm phạm biên giới của mỗi quốc gia, và quyền của các quốc gia độc lập (và chỉ của các quốc gia) được đại diện đầy đủ trong hai tổ chức đó.

Chính khái niệm "an ninh quốc gia" mà nhân danh nó, các lực lượng quân sự hùng mạnh trong nửa thế kỷ qua đã được hình thành, phản ánh sự nhấn mạnh tới hoà bình và an ninh ở cấp độ các quốc gia, khác với hoà bình trong khuôn khổ quốc gia hay hoà bình ở cấp độ của các tôn giáo, của các nhóm sắc tộc hay các nền văn minh.

Hội quốc liên, khi mới ra đời nó được hoành hành như một hy vọng của loài người, đến những năm 30 nó đã mất dần ý nghĩa

của nó và chẳng làm được gì nhiều để ngăn chặn Chiến tranh thế giới thứ hai. Liên hợp quốc, bị tê liệt bởi chiến tranh lạnh trong phần lớn thời gian tồn tại của nó, ngày nay đã bắt đầu thoát ra khỏi tình trạng hôn mê đúng vào thời điểm khi đơn vị nền tảng của nó - quốc gia - dân tộc - đang trở nên ít quan trọng hơn (chứ không phải là quan trọng nhiều hơn) trong trật tự thế giới. Và tất nhiên, loại chiến tranh mà các tổ chức nói trên lúc đầu có ý định ngăn chặn là những cuộc chiến tranh huỷ diệt hàng loạt của Làn sóng Thứ hai.

Như vậy là nền văn minh Làn sóng Thứ hai, giống hệt như nền văn minh Làn sóng Thứ nhất trước đó, đã sáng tạo ra một hình thái hoà bình đi đôi với hình thái chiến tranh đặc trưng của nó.

Đúng như trường hợp của hình thái chiến tranh, việc tạo ra một hình thái hoà bình mới không tách rời hình thái hoà bình cũ. Nhưng hình thái chiến tranh mới thì lại tạo ra những mối đe dọa mới đối với hoà bình, vì vậy, thường là sau một thời gian chậm trễ rất lâu dài, một hình thái hoà bình mới tương ứng với những điều kiện mới và với đặc điểm của nền văn minh tương ứng, mới được tạo ra.

Cuộc khủng hoảng mà thế giới ngày nay đang phải đương đầu là sự vắng bóng một hình thái hoà bình Làn sóng Thứ ba tương ứng với những điều kiện mới trong một hệ thống thế giới, với những thực tế của hình thái chiến tranh Làn sóng Thứ ba.

HÌNH THÁI HOÀ BÌNH TIẾP THEO

Việc tạo ra hoà bình không thể phụ thuộc vào giải pháp ưu tiên cho tất cả những tệ nạn về đạo đức, xã hội và kinh tế của thế giới. Những người nói với chúng ta rằng chiến tranh là kết quả của sự nghèo đói, bất công, tham nhũng, dân số quá đông và sự khốn khổ, có thể là họ đúng, tuy rằng cái công thức đó có vẻ quá đơn giản. Nhưng nếu những tệ nạn bị loại trừ trước khi có hoà bình thì sự ngăn chặn hoặc hạn chế chiến tranh sẽ trở thành một việc làm không tưởng.

Vấn đề không phải là làm thế nào để thiết lập hoà bình trong một thế giới hoàn thiện mà là trong một thế giới mà hiện tại chúng ta đang có và trong một thế giới mới mà chúng ta đang tạo ra. Trong thế giới thực tại ngày nay, chúng ta đang tạo ra một hệ thống toàn cầu mới và một cách tiến hành chiến tranh mới, nhưng cho đến nay mới chỉ có một chút đổi mới tương ứng trong cách thức chúng ta đang cố gắng tạo ra hoà bình.

Năm 1931, một nhà văn Anh là A. C. F. Beales đã mở đầu cuốn sách *Lịch sử hoà bình* của ông bằng lời nhận xét rằng : "Mỗi một trào lưu tư tưởng đơn lẻ ngày nay về hoà bình và chiến tranh đều đã được nhiều tổ chức rao giảng cách đây hơn một thế kỷ". Ông đề cập đến thời kỳ khi mà "những xã hội hoà bình" đầu tiên được hình thành ở Anh vào năm 1815. Những xã hội này ra đời đúng vào thời kỳ hình thái chiến tranh Làn sóng Thứ hai đang được Napoléon phát triển và mở rộng nhanh chóng, và ngược lại.

qua nhiều năm những xã hội ấy lại góp phần phát triển cái mà sau này trở thành hình thái hoà bình Làn sóng Thứ hai. Nhưng những giả thiết cơ bản nhất mà dựa vào đó hình thái hòa bình ấy tạo dựng thì không còn đứng vững được nữa.

Thí dụ, quan niệm của Làn sóng Thứ hai cho rằng các chính phủ quốc gia là những người duy nhất có thể nắm giữ lực lượng quân sự, đến nay đã lỗi thời. Chúng ta ngày càng chứng kiến nhiều đơn vị quân đội đã thoát khỏi sự điều khiển của chính phủ trung ương. Ở nước Nga, trên thực tế một số đơn vị đang gián tiếp chịu sự điều khiển của các quyền lợi kinh doanh địa phương. Một số khác, trong những vùng buôn bán ma tuý, có thể hoạt động cho các tổ chức tội phạm. Một số khác thì đánh thuê cho các phong trào dân tộc và tôn giáo. Còn một số đơn vị khác nữa thì hoạt động không lệ thuộc vào bất kỳ thế lực nào ở ngoài quân đội. Một số đơn vị, như người Xécbiô Bôxnia, đang phải thoả hiệp với cả hai bên. Khi Làn sóng Thứ ba lan rộng, chúng ta còn có thể chứng kiến nhiều biến đổi hơn nữa. Nhưng nếu quốc gia - dân tộc đang bị mất đi "độc quyền bạo lực" của nó, thì ai thật sự là những mối đe dọa mới đối với hoà bình? Loại trật tự toàn cầu nào có thể hoà giải được thứ bạo lực phi độc quyền ấy?

Các nhà hoạt động chống chiến tranh Làn sóng Thứ hai đã phải huy động cả mấy thế hệ để tham gia chiến dịch chống lại tổ hợp công nghiệp quân sự. Nhưng điều gì sẽ xảy ra khi tổ hợp kia, như chúng ta đã chứng kiến chuyển thành tổ hợp dân sự - quân sự? Chẳng lẽ người ta lại mở một chiến dịch chính trị, căng biển ngừ và làm tất cả để chống lại những người sản xuất ra một số sản phẩm dân dụng hoàn toàn vô hại nhưng tình cờ lại có giá trị sử dụng quân sự?

Những người tham gia chiến dịch hoà bình trong thời kỳ Làn sóng Thứ hai đã chủ yếu chống lại việc xuất khẩu vũ khí. Nhưng ngày nay có sự thay đổi là vũ khí của Làn sóng Thứ hai và Thứ

ba rất khác nhau. Liệu những thứ vũ khí được tạo ra để tàn sát bừa bãi có nên được coi là cùng một giuộc với những loại vũ khí được tạo ra để giảm thương vong tới mức thấp nhất hay không? Nếu sự phân biệt đó bị bỏ qua thì liệu chúng ta có bỏ qua những biện pháp quan trọng nhằm giảm đổ máu trong những năm sắp tới hay không?

Bản thân việc chống chiến tranh là điều làm thoả mãn về mặt đạo lý. Nhưng với một thế giới nhanh chóng chia thành các nền văn minh Làn sóng Thứ nhất, Thứ hai và Thứ ba thì ba hình thái tiến hành chiến tranh riêng biệt khác nhau cần phải được ngăn chặn và hạn chế bằng những sự phối hợp khác nhau. Mỗi hình thái chiến tranh có thể đòi hỏi một loạt giải pháp chống trả khác nhau từ phía những người bảo vệ hoà bình hoặc những người hoà giải.

Thế là đến lượt vai trò của Liên hợp quốc, là tổ chức mà biết bao triệu người trên thế giới đã gửi gắm hy vọng chính đáng của họ về hoà bình vào đó. Giả thuyết của nhiều người cho rằng, hoà bình có thể có được nếu Liên hợp quốc có quân đội thường trực và đa năng riêng chứ không phải là đơn vị đặc biệt thích ứng với từng nhiệm vụ, là áp dụng lối tư duy của Làn sóng Thứ hai lỗi thời. Sự đa dạng của chiến tranh đòi hỏi phải có sự đa dạng của các lực lượng chống chiến tranh, chứ không phải là một đơn vị vạn năng duy nhất.

Đáng tiếc là cũng thật khờ khạo khi giả thuyết rằng Liên hợp quốc, với cơ cấu hiện nay, có thể dập tắt được các ngọn lửa chiến tranh giá như nó có đủ hỗ trợ tài chính. Có quá nhiều vấn đề mà Liên hợp quốc đang và sẽ không thể làm được, cho dù nó có đủ số tiền mà nó cần.

Chính việc Liên hợp quốc chỉ bao gồm các quốc gia- dân tộc là một sự bó buộc trong thế giới ngày nay. Việc Liên hợp quốc có thể hoạt động cùng với các cơ quan tư nhân phi lợi nhuận ở

những vùng thiên tai chẳng hạn, hay việc nó mở rộng quy chế "tư vấn" cho các tổ chức phi chính phủ, vẫn che giấu một thực tế lớn hơn : các tổ chức phi chính phủ hay các tác nhân phi quốc gia này may lắm thì vẫn bị Liên hợp quốc coi như một sự phiền toái, còn trong trường hợp xấu nhất thì bị coi là một nguồn lực cạnh tranh. Ở Bôxnia, theo Đài phát thanh công cộng quốc gia, các lực lượng Liên hợp quốc đã từ chối bảo vệ đoàn xe cứu trợ nhân đạo phối hợp chung của các tổ chức cứu tế Thiên Chúa giáo và Hồi giáo. Quân Mũ Nồi Xanh giải thích rằng nhiệm vụ của họ không bao gồm việc bảo vệ những nỗ lực cứu trợ của các tổ chức tư nhân. Nhưng trong một thế giới trong đó các lực lượng phi quốc gia đang thực thi quyền lực ngày càng tăng, thì không thể tạo ra hoặc gìn giữ được hoà bình mà không có họ. Nếu Liên hợp quốc muốn hoạt động có hiệu quả ở những nước như Bôxnia hay Campuchia trong tương lai, thì cần phải chia sẻ quyền lực ở cấp cao nhất với các tổ chức phi chính phủ này, đó là chưa kể đến các tổ chức toàn cầu và các thực thể khác. Các tổ chức này sẽ phải tham gia đầy đủ vào việc đề ra các chiến lược hoà bình của Liên hợp quốc.

Nếu con khổng long Liên hợp quốc không thể chuyển mình từ một tổ chức Làn sóng Thứ hai quan liêu sang một tổ chức Làn sóng Thứ ba mềm dẻo hơn, đại diện cho các nhà hoạt động phi quốc gia, thì các trung tâm quyền lực cạnh tranh toàn cầu sẽ được thành lập - đó là các tổ chức "phó Liên hợp quốc" bao gồm những nhóm bị loại trừ nói trên.

DO DỰ VỀ NGOẠI GIAO

Các giả thuyết và các thể chế của Làn sóng Thứ hai đã góp phần làm tê liệt thế giới khi nó phải đối mặt với bạo lực gần đây ở khu vực Bancăng, cùng với tất cả những hành động tàn bạo, cướp bóc hàng loạt, và "thanh lọc sắc tộc" theo kiểu Quốc xã. Cuộc chiến tranh đó đáng được xem xét ngắn gọn ở đây, vì nó là

một mô hình khả dĩ cho các cuộc chiến tranh khác vẫn có thể xảy ra.

Những điều thế giới chúng kiến ở vùng Bancăng một phần là chiến tranh Làn sóng Thứ nhất, đánh nhau bằng quân không chính quy, vũ trang tồi, huấn luyện kém, tổ chức vội vàng và không có kỷ luật. Một số quân được các yếu tố quân sự Làn sóng Thứ hai của Nam Tư cũ hỗ trợ. Liên hợp quốc gần như không chiến đấu. Người châu Âu và người Mỹ không muốn tiến hành cả chiến tranh Làn sóng Thứ nhất lẫn chiến tranh Làn sóng Thứ hai, lấy cớ rằng Bancăng chỉ là một bãi lầy.

Nhưng không có sự cố gắng nào được đặt ra để khai thác hình thái chiến tranh Làn sóng Thứ ba có khả năng làm giảm bớt sự tàn sát mà đến một lúc nào đó chúng ta sẽ chứng kiến. Thay vào đó, chúng ta đã chứng kiến sự thiển cận chiến lược, thói đạo đức giả, cuộc cãi lộn vô ích về việc sử dụng không lực, và sự do dự không bao giờ chấm dứt của ngoại giao.

Giả sử thế giới bên ngoài thật sự muốn chấm dứt tình trạng khủng khiếp của cuộc chiến tranh đó (điều mà ít ra vẫn còn đáng ngờ), thì kết quả rút ra vẫn là, dù thế nào, không lực cũng không thể góp phần dập tắt được chiến tranh. Vấn đề thực sự không phải là trên không, trên bộ hay trên biển, mà là Làn sóng Thứ nhất, Thứ hai hoặc Thứ ba. Như chúng ta sẽ chứng kiến, trên thực tế có những việc có thể làm để giảm tới mức thấp nhất thảm kịch mà không cần hy sinh lực quân hay phi công.

Chúng ta đã chẳng thấy có một sự tưởng tượng hay một sự tư duy nào vượt ra ngoài khung qui chiếu thông thường của Làn sóng Thứ hai. Cho dù đặt giả thiết là cần có quân trên bộ, thì vẫn còn nhiều giải pháp lựa chọn chưa được xem xét. Nếu, vì những lý do chính trị, những đội quân này không phải là của Liên hợp quốc, của châu Âu hoặc của Mỹ, thì chẳng lẽ không còn có những phương án lựa chọn nào khác hay sao?

CÁC TỔ CHỨC HOÀ BÌNH

Khi các quốc gia đã mất độc quyền về bạo lực thì sao lại không xem xét việc thành lập các lực lượng đánh thuê tình nguyện do các tổ chức tư nhân thành lập để chiến đấu trên cơ sở chế độ hợp đồng cho Liên hợp quốc - tức là quân *condottieri*¹ xưa kia được trang bị một số vũ khí, kể cả các vũ khí không giết người của ngày mai?

Những chính phủ nào không muốn đưa nam nữ thanh niên của họ đi chết trong trận chiến đấu chống lại quân không chính quy người Xécbia, người Crôatia hay người Bôxnia, kể cả những tên cướp và những tên côn đồ diệt chủng - có thể hạn chế cho phép Liên hợp quốc ký kết hợp đồng với các lực lượng chiến đấu chuyên nghiệp phi chính trị bao gồm những người tình nguyện của nhiều nước - đó là quân đánh thuê triển khai nhanh. Hoặc là đội quân theo hợp đồng chỉ dành cho Liên hợp quốc.

Tất nhiên là, để ngăn chặn những đội quân này không trở thành những kẻ man rợ, thì phải đặt ra những qui tắc quốc tế cơ bản chặt chẽ - tức là phải có các ban lãnh đạo liên quốc gia, phải giám sát công khai các quỹ đóng góp của chúng, có thể có những thoả thuận đặc biệt để cho họ thuê trang bị phục vụ những mục đích đặc thù, chứ không phải là cho phép họ xây dựng những kho hàng chiến tranh khổng lồ cho chính mình. Nhưng nếu các chính phủ không thể trực tiếp làm việc này, thì thế giới có thể dựa vào những tổ chức nào có khả năng.

Trái lại, một ngày nào đó người ta cũng có thể hình dung ra được sự thành lập các "Tổ chức hoà bình" có đặc quyền về mặt quốc tế, mỗi tổ chức này được phân công một khu vực nhất định trên thế giới. Thay vì được trả lương để tiến hành chiến tranh,

1. Tiếng Italia trong nguyên bản : lính đánh thuê (thời xưa) - N.H.D.

nguồn lợi duy nhất của các tổ chức này có thể có được do có sự hạn chế chiến tranh ở khu vực của chúng. "Sản phẩm" của chúng có thể là việc giảm những con số thương vong so với một thời kỳ đối chúng nào đó mới đây. Các qui tắc đặc biệt đã được quốc tế phê chuẩn có thể cho phép những tổ chức này mở rộng phạm vi đạo đức và quân sự để thực hiện các hoạt động gìn giữ hoà bình không chính thức - tức là làm những gì cần thiết, bao gồm từ việc hối lộ được hợp pháp hoá đến tuyên truyền cho việc can thiệp bằng quân sự có giới hạn, cho tới việc cung cấp các lực lượng hoà giải trong khu vực. Có thể có các nhà đầu tư tư nhân đầu tư vốn cho các tổ chức như vậy nếu, chẳng hạn như, cộng đồng quốc tế hoặc các nhóm khu vực thoả thuận trả phí cho họ về các dịch vụ cộng thêm với lợi nhuận cao trong những năm ít có thương vong. Và nếu điều này không thành thì có lẽ vẫn còn có những cách khác để gieo mầm cho thế giới những tổ chức có động cơ để duy trì hoà bình. Tại sao lại không bắt hoà bình phải trả công?

Những ý tưởng như vậy nghe có vẻ ngớ ngẩn, và có thể là như vậy. Nhưng tốt hay xấu, chúng vẫn nằm ngoài khung qui chiếu chung, và chúng được sử dụng ở đây chỉ để minh hoạ cho một điều là một khi chúng ta suy nghĩ vượt ra ngoài khuôn khổ thông thường của Làn sóng Thứ hai, thì chúng ta có thể tìm thấy nhiều cách lựa chọn sáng tạo cho tình trạng tê liệt.

BẦU TRỜI MỞ RỘNG CÔNG KHAI VÀ TRÍ TUỆ MỞ RỘNG CÔNG KHAI

Đôi khi hoà bình có thể được xúc tiến bằng các biện pháp kinh tế hoặc được áp đặt bằng vũ lực. Nhưng đó không phải là những biện pháp duy nhất. Hoà bình ở buổi bình minh của thế kỷ XXI đòi hỏi sự ứng dụng có tính chất mở xé thú vị khi vô hình nhưng thường có hiệu lực hơn; đó là thông tin.

Thật vậy, bất kỳ một tu tưởng nào về hoà bình mà bỏ qua cái nguồn lực kinh tế trọng tâm của nền văn minh Làn sóng Thứ ba - và cũng là chìa khoá cho sức mạnh quân sự - đều được coi là không thoả đáng. Nói cho cùng, ngày nay nếu ít nhất người ta có thể giành chiến thắng bằng ưu thế thông tin trong một số cuộc chiến tranh, thì liệu người ta có thể giành chiến thắng cũng theo cách đó trong công cuộc chống chiến tranh được không?

Ngày nay, ngay cả khi quân đội bắt đầu suy nghĩ một cách chiến lược về việc sử dụng thông tin thì cái chúng ta đang thiếu rõ ràng là những chiến lược thông tin chặt chẽ dành cho hoà bình.

Những yếu tố sơ đẳng của một chiến lược như vậy đã tồn tại từ lâu, mặc dù chúng không nhất thiết thể hiện trong mối quan hệ với nhau. Thí dụ như khái niệm về "tính công khai".

Quan niệm về tính công khai cho rằng tính chất công khai của thông tin quân sự có thể làm giảm sự nghi ngờ và cảnh cáo rộng rãi cho tất cả các bên biết về những sự phát triển đang đe doạ hoà bình, quan niệm đó nằm sau lời đề nghị về "Bầu trời mở rộng công khai" của Tổng thống Dwight Eisenhower lần đầu tiên đưa ra cho người đứng đầu nhà nước Liên Xô là ông Khrushchev tại Hội nghị thượng đỉnh ngày 21-7-1955.

Như một bước tiến để giảm bớt những căng thẳng về hạt nhân và nguy cơ tấn công bất ngờ, Tổng thống Mỹ đề nghị rằng Mỹ và Liên Xô "cùng trao đổi cho nhau bản sơ đồ đầy đủ về các căn cứ quân sự của chúng ta từ đầu đến cuối, từ khắp nơi trên lãnh thổ hai nước chúng ta" và nước này cung cấp cho nước kia những điều kiện thuận lợi để kiểm soát trên không, "trên đó anh có thể tự do chụp ảnh và đem về nước để nghiên cứu".

Người Liên Xô nhanh chóng bác bỏ ý kiến ấy. Tuy nhiên, từ đó trở đi - trong cùng những thập kỷ mà chúng ta đã chứng kiến các nền kinh tế tiên tiến ngày càng phát triển về cường độ thông tin - chúng ta cũng đã chứng kiến sự chấp nhận ngày càng tăng

của nhiều quốc gia về việc giám sát và kiểm soát lẫn nhau, và về thu thập dữ liệu, kể cả quyền của một nước được phép tiến hành thanh tra "xâm nhập" vào nước khác để xác minh việc thực hiện các hiệp định hạn chế vũ khí. Thí dụ, Hiệp ước về đáy biển năm 1971 cho phép Liên hợp quốc hoặc một quốc gia ký kết được yêu cầu quyền xác minh. Năm 1986, 35 quốc gia tại Hội nghị giải trừ quân bị Stockholm đã nhất trí mở cửa nước mình cho việc thanh tra tại hiện trường có báo trước ít ngày và không có quyền từ chối. Tất nhiên, trường hợp của Irắc cho thấy những yếu kém và vẫn còn có sự kháng cự đối với các thanh tra viên bên ngoài. Nhưng nguyên tắc cho rằng dữ liệu, thông tin và tri thức là những thứ cần thiết cho việc bảo vệ hoà bình - và điều này bao gồm cả quyền tiếp cận - giờ đã được khắc sâu trong thực tiễn quốc tế.

Năm 1989, Tổng thống Bush đã khôi phục lại lời đề nghị của Eisenhower. Cho đến nay, các vệ tinh và các phần tử nhạy tính vi trên bầu trời có thể bổ sung cho việc trinh sát trên không. Vì vậy phương Tây đã đưa ra một phiên bản bao quát của quan điểm về Bầu trời Mở rộng Công khai cộng thêm với sự kiểm tra hiện trường đối với những phương tiện quân sự để kiểm soát không chỉ nước Mỹ, mà còn cả Canada và châu Âu. Giờ đây, người Nga nói là đã sẵn sàng đàm phán, và họ nhất trí cho phép sử dụng radar có độ quét tổng hợp, có thể "nhìn" qua bất cứ thời tiết nào và cũng có thể hoạt động ban đêm. Nhưng họ muốn hạn chế độ chi tiết mà các phần tử nhạy đặt trong không gian có thể phát hiện. Trong khi phương Tây muốn có thể xác định đối vật trong tầm 10 "phút" hoặc rộng hơn, thì người Nga muốn đặt tầm giới hạn là 40 "phút".

Nhưng toàn bộ cuộc đàm phán này là thiếu cặn. Bầu trời, như chúng ta thấy, có lẽ đến lúc sẽ bị đông đặc do ngày càng có nhiều các vệ tinh giám sát, kể cả các vệ tinh thương mại có khả năng phát hiện được thậm chí cả những vật nhỏ ngay dưới những ổ súng cối cá nhân và các loại vũ khí cầm tay. Vị trí của mỗi tay

súng người Xêchia, người Crôatia hay Bôxnia trong tương lai sẽ trở nên có thể xác định được. Thời tiết xấu và địa thế gập ghềnh sẽ không còn là trở ngại lớn. Bầu trời đang được mở ra cho dù các chính phủ có muốn hay không. Và không chỉ có bầu trời. Dưới biển và mặt đất cũng trở nên rõ ràng hơn.

Thay cho việc than phiền về chi phí phải trả cho các công nghệ giám sát đặt trên vũ trụ và các phần tử nhạy đặt trên mặt đất và dưới đáy biển, chúng ta cần xem những thứ này như là những chi phí xã hội có ý nghĩa sống còn cho việc gìn giữ hoà bình. Cái cần thiết là các hiệp ước về mở rộng sự chia sẻ thông tin mà các thiết bị trên cung cấp cũng như chia sẻ tổn phí của chúng. Và ở nơi nào mà các thị trường thương mại hiện tại chưa đủ sức để khuấy động được sự phát triển các thiết bị nói trên, thì các hình thức xuyên quốc gia sáng tạo, có thể là một hỗn hợp giữa quốc doanh và tư nhân, sẽ được tạo ra để thúc đẩy sự phát triển ấy.

Việc trao đổi dữ liệu, thông tin và tri thức trong một thế giới đã được đánh dấu ngày càng tăng bởi các cuộc chạy đua vũ trang khu vực, rõ ràng là một công cụ hoà bình của Làn sóng Thứ ba.

CÔNG NGHỆ GIÁM SÁT

Không phải mọi cuộc chạy đua vũ trang đều dẫn tới chiến tranh - như cuộc chạy đua lớn nhất trong lịch sử giữa Mỹ và Liên Xô đã chứng minh. Vấn đề quan trọng là ý đồ chứ không phải chỉ là khả năng. Nhưng việc đua nhau bán vũ khí, việc tăng cường xây dựng lực lượng quân sự di động, việc tuồn gắp các loại vũ khí vào khu vực căng thẳng, và những thay đổi bất ngờ trong cán cân quân sự, tất cả những thứ đó đã làm gia tăng tính chất không thể dự đoán trước được và do đó làm tăng những nguy cơ bạo lực. Dưới ánh sáng của vấn đề này, Liên hợp quốc đã đề nghị phải lập một "sổ đăng ký vũ khí" để chính thức theo dõi xuất nhập

khẩu vũ khí của các chính phủ thành viên. Một số người Mỹ ủng hộ việc giám sát vũ khí đã cho rằng Mỹ cần cắt bỏ viện trợ đối với những nước từ chối báo cáo việc chuyển giao vũ khí của mình cho Liên hợp quốc biết.

Ý kiến về việc đăng ký vũ khí nói trên có nhiều lỗ hổng. Những vụ chuyển giao nguy hiểm nhất lại là những vụ ít được báo cáo nhất và ý kiến này một lần nữa lại cho rằng các chính phủ là những đối thủ duy nhất đáng kể. Tuy nhiên, đề nghị trên đã cho thấy sự thừa nhận hơn nữa tầm quan trọng của thông tin có tổ chức đối với việc duy trì hoà bình.

Chúng ta cũng cần nhiều thông tin hơn, chứ không phải là ít hơn, để làm giảm bớt sự phổ biến các loại vũ khí huỷ diệt hàng loạt. Đặc biệt là với sự chuyển đổi từ các công nghệ có một mục đích sang hai (hoặc nhiều) mục đích, thì không chỉ vũ khí là những thứ cần phải được giám sát, mà còn phải giám sát cả việc phổ biến công nghệ, kể cả những công nghệ cũ.

Trong việc cố gắng xác định hiện có phải Irắc đang chế tạo vũ khí hạt nhân không, Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế và các chuyên gia nguyên tử uyên bác khác đã bị lừa dối không chỉ bởi Saddam Hussein và bởi thiếu các dữ liệu theo dõi, mà còn bởi một giả thuyết ngớ ngẩn một cách lúng túng. Họ đã bác bỏ ý kiến cho rằng Irắc có thể sử dụng công nghệ calutron để tách uranium 235 từ uranium 238, bởi vì hiện đang có nhiều cách hữu hiệu hơn để tạo ra các nguyên liệu vũ khí. Nhưng Saddam đã theo đuổi hướng đi của ông ta bằng nhiều cách, và một trong những cách đó là sử dụng chính cái công nghệ mà nhìn chung được coi là đã lỗi thời trong thế giới công nghệ cao.

Glenn T. Seaborg, cựu chủ tịch Cơ quan năng lượng nguyên tử Mỹ, đã nói : "Thật là đáng ngạc nhiên". Còn Leonard S. Spector, một chuyên gia về hạt nhân của Tổ chức Ủng hộ Hoà bình quốc tế Carnegie, thì bảo : "Thật là một đại hoạ". Bài bình

khẩu vũ khí của các chính phủ thành viên. Một số người Mỹ ủng hộ việc giám sát vũ khí đã cho rằng Mỹ cần cắt bỏ viện trợ đối với những nước từ chối báo cáo việc chuyển giao vũ khí của mình cho Liên hợp quốc biết.

Ý kiến về việc đăng ký vũ khí nói trên có nhiều lỗ hổng. Những vụ chuyển giao nguy hiểm nhất lại là những vụ ít được báo cáo nhất và ý kiến này một lần nữa lại cho rằng các chính phủ là những đối thủ duy nhất đáng kể. Tuy nhiên, đề nghị trên đã cho thấy sự thừa nhận hơn nữa tầm quan trọng của thông tin có tổ chức đối với việc duy trì hoà bình.

Chúng ta cũng cần nhiều thông tin hơn, chứ không phải là ít hơn, để làm giảm bớt sự phổ biến các loại vũ khí huỷ diệt hàng loạt. Đặc biệt là với sự chuyển đổi từ các công nghệ có một mục đích sang hai (hoặc nhiều) mục đích, thì không chỉ vũ khí là những thứ cần phải được giám sát, mà còn phải giám sát cả việc phổ biến công nghệ, kể cả những công nghệ cũ.

Trong việc cố gắng xác định hiện có phải Iraq đang chế tạo vũ khí hạt nhân không, Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế và các chuyên gia nguyên tử uyên bác khác đã bị lừa dối không chỉ bởi Saddam Hussein và bởi thiếu các dữ liệu theo dõi, mà còn bởi một giả thuyết ngớ ngẩn một cách lúng túng. Họ đã bác bỏ ý kiến cho rằng Iraq có thể sử dụng công nghệ calutron để tách uranium 235 từ uranium 238, bởi vì hiện đang có nhiều cách hữu hiệu hơn để tạo ra các nguyên liệu vũ khí. Nhưng Saddam đã theo đuổi hướng đi của ông ta bằng nhiều cách, và một trong những cách đó là sử dụng chính cái công nghệ mà nhìn chung được coi là đã lỗi thời trong thế giới công nghệ cao.

Glenn T. Seaborg, cựu chủ tịch Cơ quan năng lượng nguyên tử Mỹ, đã nói : "Thật là đáng ngạc nhiên". Còn Leonard S. Spector, một chuyên gia về hạt nhân của Tổ chức Ủng hộ Hoà bình quốc tế Carnegie, thì bảo : "Thật là một đại họa". Bài bình

luận chưa cay nhất là bài của J.Carson Mark, một cựu quan chức của phòng thí nghiệm Los Alamos, nơi chế tạo ra những quả bom nguyên tử đầu tiên trên thế giới. Ông này muốn biết "tại sao lại dành toàn bộ tiền cho ngành tình báo, khi rõ ràng và hiển nhiên là nó chẳng biết được gì cả?"

Nếu như không có gì thêm nữa, thì kinh nghiệm của Irắc đã chứng minh rằng nguồn thông tin tốt nhất về sự phổ biến các loại vũ khí thường là xuất phát từ bên trong. Một người Irắc phản bội là kẻ đầu tiên đã mách nước gián tiếp cho phương Tây về việc sử dụng calutron của Saddam.

Nếu thông tin ngày càng chiếm vị trí trọng tâm của hoạt động chống chiến tranh, thì tại sao lại không công nhận giá trị to lớn của nó. Tại sao Tổ chức Ủng hộ Hoà bình quốc tế Carnegie hay một tổ chức khác nào đó, hay Liên hợp quốc, hay trong vấn đề này là chính IAEA, lại không thông báo cho toàn thế giới biết rằng nó sẽ thưởng một triệu đôla cho bất cứ ai cung cấp được một bằng chứng tin cậy về việc buôn lậu hạt nhân hay về sự phổ biến vũ khí. Lời mời trở thành "triệu phú ngay lập tức" có thể sẽ đem tới vô số những người mách tin. Giải thưởng trả cho một người mách tin có thể tỏ ra có hiệu quả hơn là một biện pháp giám sát nào đó hiện nay được coi là để bảo vệ thế giới khỏi hiểm hoạ nguyên tử. Nếu IAEA đã không sẵn sàng mua tin tức tình báo kiểu như vậy, thì đó là vì cái gì?

Tuy nhiên, ngoài nỗ lực phát hiện ra sự phổ biến các loại vũ khí đặc biệt, thì hiện nay điều cần thiết là phải tung ra một mạng lưới kiểm tra rộng lớn hơn để thu thập các dữ liệu về việc chuyên chở các nguyên liệu và máy móc đã bị loại cũng như vẫn còn được sử dụng. Mạng lưới này, đến lượt mình nó cũng đặt ra những vấn đề khó khăn, nếu như không phải là không thể giải quyết được, về thông tin. Ví dụ, có lẽ điều quan trọng là phải biết được một kẻ gây chiến tiềm tàng có được những phần mềm gì hơn là biết

anh ta có những phần cứng gì. Sau đó chúng ta sẽ làm gì? Những người chống chiến tranh cần bắt đầu suy nghĩ về logic, về ngôn ngữ, về thông tin giả và thậm chí cả tri thức luận lựa chọn nếu chúng thích ứng với hoà bình.

Trong tương lai, việc buôn bán vũ khí cũng sẽ bị ảnh hưởng bởi một mối quan tâm mới - và sẽ buộc chúng ta phải suy nghĩ lại về những quan điểm tồn đọng khác. Thí dụ, trong tương lai ai sẽ dám tin tưởng vào các loại vũ khí thông minh được mua của người ngoài?

Sẽ đến một ngày, nếu ngày đó còn chưa tới, vũ khí có thể sẽ được bán ra với những bộ phận phụ gắn kèm theo đủ "thông minh" để hạn chế (hoặc ngăn chặn) việc sử dụng chúng trong những trường hợp đã được định trước. Các nhà sản xuất vũ khí của Mỹ, Pháp và Nga, hoặc các nhà sản xuất thuộc các nền kinh tế tiên tiến khác, có thể, ví dụ như gắn các "chip" (thiết bị phá huỷ nhỏ) có khả năng tự phá huỷ và được giấu trong các máy bay xuất khẩu, trong hệ phóng tên lửa, trên xe tăng hoặc tên lửa - chúng chỉ hoạt động trong trường hợp người mua trở thành kẻ thù trong tương lai hoặc bán lại vũ khí cho kẻ thù. Những chỉ dẫn giấu bên trong có thể tắt phôi công ra khỏi máy bay chiến đấu hoặc làm cho máy bay nổ. Các công nghệ tương lai dựa vào các dữ liệu vệ tinh định vị toàn cầu có thể lập chương trình một cách dễ hiểu cho một hệ thống vũ khí để làm vô hiệu hoá chúng, hoặc cho một hệ thống hoa tiêu để làm mất chức năng hoạt động một khi nó bay ra ngoài một số ranh giới địa lý đã được người bán xác định trước.

Những dự đoán như vậy có phải đơn thuần chỉ là viễn tưởng khoa học không? Không, nếu dựa theo lời của một quan chức công nghiệp quốc phòng cấp cao và là người thạo tin. Ông nói với chúng tôi, rằng thực tế "chúng tôi có thể mã hoá tất cả các

máy bay bán ra, có thể gắn một chiếc thẻ hay một dấu hiệu nhận biết ở tất cả các "chip" để tác động đến các máy bay bán cho Trung Đông... Trong trường hợp có hành động thù địch, chúng tôi có thể liên lạc với các "chip" và chiếc máy bay đó sẽ bị trục trặc. Việc này sẽ phải xảy ra dưới hình thức này hay hình thức khác". Quan chức nói trên không phải là người duy nhất nói cho chúng tôi biết chuyện này.

Người mua có thể phát hiện ra bộ phận gắn thêm ấy không? Hãy để cho người mua trả lời. Nhiều quan chức nói : "Rất khó. Quá khó... gần như không thể".

Nếu đúng như vậy, thì đó là một ví dụ về chiến tranh thông tin ở trình độ tinh xảo cao. Nhưng nếu các nhà sản xuất vũ khí có thể phần nào điều khiển được hàng xuất khẩu, thì liệu những người "lấy trộm dữ liệu máy tính" hoặc - giả sử vì lợi ích hoà bình - có thể tiếp cận được quá trình chế tạo và lập lại chương trình cho các hệ thống nào đó khiến chúng hoàn toàn không hoạt động được trong cuộc chiến đấu hay không?

NHỮNG VỤ GIẾT NGƯỜI KHÔNG ĐƯỢC GIẢI QUYẾT CỦA NGÀY MAI

Như chúng ta thấy ở các phần đầu, còn có vấn đề thất thoát chất xám và giò dây nó đang có xu hướng gia tăng. Ở khu vực tư nhân, một bộ luật hoàn toàn mới có liên quan đến sở hữu trí thức đang được đặt ra. Công ty General Motors đã kiện một cựu uỷ viên ban quản trị bị nghi là đã lấy 14 hộp đĩa máy tính và nhiều tài liệu mang cho công ty Volkswagen. Công ty IBM đã kiện một nhân viên cũ để ngăn cản không cho anh ta làm việc cho công ty Seagate, một nhà sản xuất đĩa máy vi tính. Đó là những cố gắng nhằm điều chỉnh dòng chất xám giữa các công ty vì những lý do thuần túy thương mại.

Sự cạnh tranh chỉ là vì tiền. Ở một mức độ nghiêm trọng hơn, chúng ta đã thấy các chính phủ phương Tây đóng góp quỹ để giữ một số chuyên gia đang làm việc ở Nga nhằm mục đích không cho họ di cư sang những nước không ổn định mang theo những gì có trong đầu họ - bí quyết về hạt nhân chẳng hạn.

Tuy nhiên, còn có một hình thức khác để kiểm soát thông tin một cách quyết liệt hơn. Năm 1980 Yahva El Meshad bị phát hiện đã chết trong một căn phòng tại khách sạn Meridien ở Paris. Tháng 3-1990, một người khác, tên là Gerald Bull, bị bắn chết ở Brussels. Cả hai vụ án mạng này đến nay đều vẫn chưa được giải quyết.

Thế nhưng, hoá ra El Meshad, một người Ai Cập, là nhân vật chủ chốt trong nỗ lực của Saddam Hussein nhằm chế tạo bom hạt nhân và Bull, một người gốc Canada, đang cố chế tạo ra loại "súng siêu hạng" cho Saddam. Khi thông tin trở nên ngày càng có giá trị về kinh tế và quân sự, thì rất có thể còn có những vụ án mạng khác không được giải quyết xảy ra khắp nơi trên thế giới.

Trong một thế giới hỗn loạn, người ta có thể hình dung ra các nước hoặc thậm chí cả các tổ chức tư nhân treo giải thưởng lấy đầu những chuyên gia kỹ thuật nào đã bán tài năng chuyên môn của mình để chế tạo các loại vũ khí cấm. Một ngày nào đó những vụ ám sát như vậy có thể sẽ được nhà chức trách khu vực hoặc toàn cầu phê chuẩn với tư cách là vì lợi ích hoà bình - mặc dù rất có thể những vụ như vậy sẽ xảy ra một cách "không chính thức". Bằng cách này hay cách khác, việc quản lý các dòng thông tin sẽ trở thành một vấn đề ngày càng quan trọng đối với hoà bình và với những người hoà giải trong tình trạng hỗn loạn vô chính phủ của ngày mai.

VŨ KHÍ TRAO ĐỔI

Các hình thái chiến tranh và hình thái hoà bình của ngày mai sẽ đặt ra những vấn đề đạo đức nhức nhối và buộc phải có những

quyết định cứng rắn. Thí dụ, ngoài cố gắng của những kẻ gây rối tiềm tàng muốn chiếm giữ một số loại thông tin kỹ thuật, các quốc gia có trình độ công nghệ tiên tiến nhất trên thực tế cũng dễ dàng cung cấp những bí quyết kỹ thuật cho các quốc gia ít thân thiện.

Nếu như một "quốc gia nghèo khổ" nào đó thành công trong việc chế tạo các loại vũ khí huỷ diệt hàng loạt, thì các nước còn lại của thế giới sẽ phải đưa ra được một quyết định quan trọng. Xét thấy quốc gia đó đang có một loại vũ khí, liệu chúng ta có muốn cái chính phủ có khả năng phổ biến vũ khí ấy, cho dù chính phủ ấy có thể tàn bạo đến đâu, phải kiểm soát chặt chẽ vũ khí của mình để nó khỏi rơi vào những bàn tay phi pháp hay không? Nếu vậy, trên thực tế chúng ta có nên tạo ra các công nghệ kiểm soát tinh vi như "mạng lưới hoạt động được phép" có hiệu lực đối với vũ khí đó hay không? Hoặc tốt hơn là để cho chính phủ "xấu" đó không biết gì về công nghệ cho dù điều đó có nguy cơ làm mất quyền kiểm soát các loại vũ khí huỷ diệt hàng loạt của nó? Một lần nữa, chúng ta lại thấy sự kiểm soát thông tin là vấn đề trọng tâm của quá trình gìn giữ hoà bình.

Hơn thế nữa, bởi lẽ các loại vũ khí Làn sóng Thứ ba với trình độ tri thức cao sẽ chính xác hơn và theo lý thuyết, chúng có thể giết và làm bị thương ít binh lính và dân thường hơn so với các loại vũ khí huỷ diệt bừa bãi của Làn sóng Thứ hai, thì liệu thế giới có thể tốt hơn không nếu như các quốc gia công nghệ cao bán vũ khí Làn sóng Thứ ba cho những quân đội kém tiên tiến về quân sự và thu lại các loại vũ khí Làn sóng Thứ hai như là một sự trao đổi để phá huỷ chúng dưới sự giám sát quốc tế? Còn việc trao đổi các loại vũ khí không giết người thì thế nào?

Những ý tưởng trên chỉ là sự gợi ý về các vấn đề khác lạ mà các quân đội và những người ủng hộ hoà bình của ngày mai sẽ phải đối phó.

Khi chúng ta nói về một chiến lược thông tin phục vụ hoà bình, thì vấn đề đào tạo sẽ đóng vai trò gì? Có nên xây dựng các trung tâm đào tạo quốc tế chuyên môn hoá để đào tạo binh lính cho Liên hợp quốc, hay cho các chức năng gìn giữ hoà bình hoặc cứu trợ thiên tai? Còn việc áp dụng phương pháp mô phỏng tình vi bằng máy vi tính để đào tạo công việc hoà giải, việc cứu trợ thiên tai, việc cứu đói khẩn cấp và giải quyết xung đột văn hoá thì sao?

Và trên hết chúng ta nghĩ thế nào về các kiểu lập mô hình, phân tích và thu thập dữ liệu để giúp chuyển toàn bộ trọng tâm của hoạt động chống chiến tranh từ hiện tại sang tương lai - tức là sang tư duy dự báo chứ không phải là sau khi đã có cuộc đổ máu đầu tiên diễn ra mới triển khai nỗ lực. Điều này đòi hỏi sự hiểu biết sâu sắc không chỉ về thế cân bằng quân sự, về các hoạt động chuyển quân, v.v., mà còn cả thông tin về các phe phái chính trị và các áp lực cơ cấu, về những sự thường phạt và cưỡng bức chi phối việc đề ra quyết định ở mỗi quốc gia.

Cuối cùng, và điều này đưa chúng ta trở lại khu vực Bancăng, là không một chiến lược thông tin phục vụ hoà bình nào có thể bỏ qua một trong những nguồn quan trọng nhất của thông tin, thông tin giả, thông tin đánh lạc hướng, đó là các phương tiện thông tin đại chúng.

NGƯỜI TA ĐÃ GÂY RA (CHỦ KHÔNG PHẢI LÀ CHẤM DỨT) MỘT CUỘC CHIẾN TRANH NHƯ THẾ NÀO?

Các chính phủ châu Âu và Mỹ đã đưa ra một loạt lý do giải thích tại sao họ đã không liệu lĩnh cho họ binh hoặc phí công của họ vào bảo vệ những người dân đang gặp nạn ở khu vực Bancăng, gồm cả người Bôxnia, người Crôatia lẫn người Xécbia. Nhưng không một chính phủ nào giải thích được tại sao họ lại thất bại trong việc áp dụng các biện pháp an toàn triệt để và không tốn kém để chấm dứt hay ít nhất là hạn chế cuộc chiến tranh đó.

Cuộc chiến tranh ấy đã nổ ra một cách có tính toán hơn là một sự bột phát không thể hiểu nổi của những mối hận thù ngàn năm giữa những người đã từng sống chung với nhau và thông gia với nhau trong hoà bình qua nhiều thế hệ.

Khi các ông trùm cộng sản ở các vùng khác nhau của Nam Tư trở nên mất tín nhiệm trong thời đại hậu chiến tranh lạnh, thì họ liền tìm cách tiếp tục nắm quyền lực bằng cách chuyển từ hệ tư tưởng mácxít sang chủ nghĩa bộ tộc tôn giáo. Các nhà trí thức vô trách nhiệm, bỏ dỡ quyền lực, đã cung cấp cho họ những học thuyết về ưu thế của sắc tộc hoặc tôn giáo cùng nhiều lý lẽ hùng biện bốc đồng khác có tác dụng như một kho đạn dược. Còn các phương tiện thông tin đại chúng thì cung cấp súng ống để phát hoả số đạn dược đó.

Theo lời của Milos Vasic, biên tập viên của tờ *Vreme* (Thời báo), tờ tạp chí độc lập duy nhất ở Beograd, thì sự bùng nổ của bạo lực thực sự là "một cuộc chiến tranh giả tạo, do vô tuyến truyền hình tạo ra. Tất cả những gì nó làm là mấy năm tuyên truyền dử dội, liều lĩnh, sô vanh, không dung thứ, bành trướng, hiếu chiến, đủ tạo ra lòng hận thù làm bùng nổ cuộc chiến".

Ông đã nói với người Mỹ trong một cuộc đi thăm nước này trong thời gian chiến tranh rằng : Để hiểu được điều gì đã xảy ra "các vị hãy hình dung ra một nước Mỹ với tất cả những trạm vô tuyến truyền hình nhỏ ở khắp nơi phát cùng một đường lối xã luận, một đường lối do David Duke chỉ đạo. Thì cả các vị cũng sẽ có chiến tranh trong vòng 5 năm nữa". Nhà báo Anbani Violeta Orosi cũng nhất trí khi nói rằng "sự tan vỡ của Nam Tư đã bắt đầu như một cuộc chiến tranh bằng các phương tiện thông tin đại chúng".

Ở tất cả các khu vực, những người cuồng tín đã kiểm soát các phương tiện thông tin đại chúng, kiểm duyệt, phá huỷ, hoặc chủ tâm gạt những người ôn hoà ra ngoài. Mặc dù vậy, các tổ chức ủng hộ hoà bình và những tờ báo và tạp chí nhỏ đã liều lĩnh đấu

tranh nhằm dập tắt ngọn lửa hận thù. Vesna Pesic, giám đốc Trung tâm Hoạt động chống chiến tranh ở Beograd đã cầu xin thế giới bên ngoài thừa nhận sự tồn tại của những người không ủng hộ các chính sách hận thù dân tộc và chiến tranh. Đã có những cuộc tuần hành vì hoà bình diễn ra ở Beograd. Ngay tại Banja Luka, một thành trì của người Xécbia ở Bôxnia, đang giữa cuộc chiến mà một nhóm người Bôxnia, Xécbia và Crôatia đã thành lập một tổ chức có tên gọi là Diễn đàn nhân dân để đấu tranh chống lại lòng hận thù dân tộc và hận thù tôn giáo.

Tuy nhiên, không có một cường quốc phương Tây nào- gồm Mỹ, Pháp, Đức, Anh- chưa kể đến phần còn lại của thế giới- giúp đỡ về tài chính hoặc ủng hộ về chính trị cho các lực lượng chống chiến tranh trong nước Nam Tư mà cuộc đổ máu của họ lại bị chính các chính phủ kia lên án hàng ngày. Cả các chính phủ đó cũng như Liên hợp quốc đã không đề ra được gì tương tự như một chiến lược thông tin đại chúng có nhiệm vụ chống lại sự tuyên truyền hận thù để giảm bớt bạo lực.

Các tàu chiến lúc đó đang đậu ở ngoài khơi để giám sát sự cấm vận vũ khí. Nhưng bằng các máy phát trên boong tàu hay từ đất liền của Italia hoặc Hy Lạp gần đó, chính Liên hợp quốc có thể dễ dàng cung cấp một chương trình phát thanh cho những người ôn hoà bị buộc phải im lặng ở mỗi khu vực, đưa sự lạnh mạnh vào các nước cộng hoà thuộc Nam Tư cũ này. Cùng với việc cấm vận vũ khí, ta cũng có thể cấm tuyên truyền hận thù được không? Liên hợp quốc hay các cường quốc có thể làm nhiều chương trình phát thanh địa phương nếu họ muốn. Họ cũng có thể kiểm soát tất cả mọi tuyến thông tin viễn thông và các đường dây thư tin vào ra của các quốc gia tham chiến. Nhưng tất cả những điều đó đã không được thực hiện.

Nếu các chuyên gia tâm lý chiến của Mỹ ở Vùng Vịnh đã có thể thả 29 triệu tờ truyền đơn vào Iraq, thì liệu có thể thả vài nghìn chiếc radio nhỏ, ít tiền, có "tần số Hoà bình" xuống khu

vực chiến sự Bancăng để cho các binh lính có thể nghe thấy một điều gì đó khác hơn là những lời lừa dối của phía họ hay không?

Ở Mỹ, Grace Aaron, đồng chủ tịch Tổ chức Hành động Hoà bình của Los Angeles đã năn nỉ Cơ quan Thông tin Mỹ hãy "bắt đầu phát những tin tức từ ngoài khơi để cho tất cả mọi công dân của các nước cộng hoà thuộc Nam Tư cũ có thể nghe thấy những bản tin thời sự chính xác và công bằng về chiến tranh", không chỉ ở những khu vực chiến sự mà còn ở cả Beograd và Zagreb.

Những người khác đã kêu gọi khẩn cấp Đài Phát thanh châu Âu Tự Do hoặc Đài Phát thanh Tự Do làm nhiệm vụ này. Thế còn Đài BBC đâu? Hoặc Đài CNN? Hay từ nước Nhật yêu hoà bình thì Đài NHK đâu? Những bản dịch đơn giản các buổi phát thanh bình thường của họ cũng có thể đã tiếp thêm sức mạnh cho những người muốn chấm dứt cuộc chiến.

Hai năm sau khi cuộc chiến tranh bùng nổ, cuối cùng Mỹ đã tuyên bố rằng họ sẽ khai trương Đài Phát thanh Xécbia Tự Do - nhưng chỉ trên sóng ngắn, họ giải thích một cách không thoả đáng rằng đài phát thanh sóng trung cần phải có những máy phát lớn hơn ở gần khu vực mục tiêu. Năm 1920, Công ty Marconi ở Anh đã phát buổi hoà nhạc của Dame Nellie Melba mà xa như Hy Lạp vẫn nghe được, nhưng năm 1993, không biết làm sao mà ngay từ Italia, hay từ vùng đại dương gần đó, mà người ta không thể phát sóng tới được Zagreb hoặc Beograd. Cho đến nay, đã có 500.000 đĩa vệ tinh hoàn chỉnh ở Xécbia và Montenegro cùng 40.000 đĩa khác ở Croatia, nhưng không một hãng quốc tế nào tận dụng chúng.

Trong thời đại kỹ thuật số, khi mà chúng ta đang tiến tới những phương tiện thông tin đại chúng tương tác, đa dạng và toàn cầu, và khi mà các tập đoàn truyền thông khổng lồ đang chạy đua nhằm khai thác các công nghệ truyền thông tương lai, thì hệ thống tuyên truyền cho hoà bình vẫn còn ở thời đại của radio sóng ngắn.

Rõ ràng là, điều cần thiết, không chỉ đối với Mỹ mà đối với cả chính Liên hợp quốc, nếu Liên hợp quốc muốn tiếp tục tham vọng gìn giữ hoà bình, là phải có một lực lượng phát sóng đột xuất phản ứng nhanh, có thể đi bất cứ nơi đâu, lập trạm và phát đi tin tức cho những người bị tách rời khỏi nguồn tin đó - không chỉ trên sóng phát thanh mà cả trên vô tuyến truyền hình nữa.

Theo Aaron, người đã sản xuất 5 chương trình truyền hình phát qua dây cáp về chiến tranh và hoà bình để truyền đi ở Mỹ, thì các phái tham chiến ở Bancăng "đã trở nên tỉnh vì không thể tin được về tuyên truyền". Bà đã được trao những cuốn băng video tuyên truyền của cả ba bên tham chiến, trong đó có một số băng rõ ràng là đã được làm giả. Một số băng đã được các nhà tuyên truyền người Mỹ thân Xécbia thu từ các chương trình T.V. của Xécbia qua vệ tinh ở Mỹ để đem phân phát.

Bất chấp sự khủng bố của những kẻ cuồng tin và các chính phủ ở những vùng có chiến sự, các nhà báo, nhà bình luận T.V., đội quân quay phim và những người khác, đã đấu tranh để nói lên tiếng nói của mình. Aaron nói: "Các tổ chức hoà bình và các phương tiện thông tin vì hoà bình ít nhất cũng phải có một số trang thiết bị như máy vi tính nhỏ, máy quay phim Sony Hi 8, máy quay video, máy in lade, máy nối hệ thống máy tính, phần mềm, và tiền đặt mua các dịch vụ thông tin trên thế giới.

Vấn đề mà bà nêu ra là vấn đề rộng lớn hơn khu vực Bancăng. "Chúng ta đang sắp chứng kiến một bệnh dịch về xung đột khu vực. Nó sẽ làm phá sản các quốc gia công nghệ cao nếu họ định chấm dứt tất cả các cuộc xung đột đó bằng sức mạnh quân sự. Tại sao lại không sử dụng các loại "vũ khí thông minh" phục vụ hoà bình?"

Ví dụ, tại sao các chương trình nhỏ nhiều kỳ của T. V., thay cho việc nói về những kẻ buôn bán thuốc phiện, những tên ma cô, những tên trộm cướp hay những cảnh sát tham nhũng, lại không ca ngợi đội quân Mũ Nồi Xanh của Liên hợp quốc - hay

ca ngợi những cá nhân anh hùng, những người đã liều mạng đứng lên chống lại tư tưởng thanh lọc sắc tộc?

Chỉ riêng các vũ khí thông tin, thậm chí kể cả việc sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng, không bao giờ có thể đủ để ngăn chặn hay hạn chế sự lan rộng của chiến tranh. Nhưng sự thất bại trong việc phát triển các chiến lược có hệ thống để sử dụng thông tin là điều không thể tha thứ được. Tính công khai, sự giám sát, sự kiểm tra vũ khí, việc sử dụng công nghệ thông tin, hoạt động tình báo, cấm các dịch vụ truyền thông, tuyên truyền, quá độ từ vũ khí giết người hàng loạt sang các vũ khí ít gây thương vong hay không gây thương vong, đào tạo và giáo dục, đó là tất cả những yếu tố của hình thái hoà bình trong tương lai.

Đôi khi các lợi ích của quân đội và của các phong trào hoà bình trên thực tế trùng hợp nhau, mặc dù họ thường đề cập tới các vấn đề xuất phát từ những quan điểm hoàn toàn đối lập nhau. Giả như có những lý do về đạo đức và chiến lược giải thích tại sao Mỹ lại muốn sự ổn định hơn là chiến tranh ở khu vực Bancăng, thì quân đội, trong khi thực hiện một chiến lược thông tin nhằm theo đuổi mục tiêu đó, đã có thể làm việc với các nhà tuyên truyền hoà bình của Mỹ để hỗ trợ cho các hạn đồng nghiệp của họ đang bị bao vây ở vùng chiến sự. Các nhà tổ chức hoà bình có thể kêu gọi quân đội sử dụng tàu biển để đặt các máy phát sóng hoặc dùng máy bay để chở giúp các thiết bị truyền thông đến cho những người ôn hoà ở Bancăng.

Quả thực còn có một cấp độ sâu hơn mà ở đó hoà bình và việc gìn giữ hoà bình đều phải phụ thuộc vào thông tin. Trong bản báo cáo chuẩn bị cho một hội nghị của các chuyên gia quân sự và tình báo Mỹ, tiến sĩ Elin Whitney - Smith, giám đốc Công ty liên hiệp các hệ thống thông tin vi mô, đã lập luận nhu chúng tôi đã lập luận trong công trình của chúng tôi nhiều năm qua, rằng sự tiếp cận rộng lớn với thông tin và liên lạc là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển kinh tế. Vì nghèo đói không phải là hạn

của hoà bình nên bà đã đề nghị sử dụng "quân đội của chúng ta và sức mạnh của cuộc cách mạng kỹ thuật số để phổ biến thông tin và công nghệ thông tin ra phần còn lại của thế giới càng nhiều càng tốt để dân chúng ở các quốc gia kém phát triển có thể trở thành một bộ phận của cộng đồng thế giới..."

"Vi lợi ích an ninh quốc gia", bà nói tiếp, "chúng ta cần sử dụng tri thức này để đem lại sự thịnh vượng cho phần còn lại của thế giới trước khi dân chúng ở đó trở thành những người di tản, tị nạn hay những người hưởng trợ cấp của phương Tây".

Tất nhiên, những lời nói của bà có vẻ như là không tương đối với một số người nghe. Nhưng chúng ta sẽ phải huy động tất cả những ý tưởng về Làn sóng Thứ ba mà chúng ta có thể có được cùng với những nỗ lực của những người ủng hộ hoà bình cũng như của những chiến sĩ bảo vệ hoà bình, thì chúng ta mới có thể sống qua được các cuộc biến động đang chờ đợi ở phía trước, khi hệ thống toàn cầu chia thành ba.

Trật tự thế giới cũ, được xây dựng trong những thế kỷ công nghiệp, đang tan rã. Chúng tôi đã thường xuyên lập luận rằng sự nổi lên của một hệ thống tạo ra của cải mới và một hình thái chiến tranh mới sẽ đòi hỏi một hình thái hoà bình mới. Tuy nhiên, nếu nó không phản ánh chính xác những thực tiễn của thế kỷ XXI, thì hình thái hoà bình đó có thể không chỉ là không thích hợp mà còn là nguy hiểm nữa.

Tuy vậy, để phác thảo ra một hình thái hoà bình cho tương lai, chúng ta cần có một tấm bản đồ sơ bộ về hệ thống toàn cầu của thế kỷ XXI. Tấm bản đồ ấy sẽ được phác hoạ ở mấy trang còn lại của cuốn sách này.

HỆ THỐNG TOÀN CẦU CỦA THẾ KỶ XXI

Hiện nay ít có từ nào được dùng bừa bãi như từ "toàn cầu". Sinh thái được coi là một vấn đề "toàn cầu". Các phương tiện thông tin đại chúng được coi là đang tạo ra một làng xã "toàn cầu". Các công ty tự hào tuyên bố rằng họ đang "toàn cầu hoá". Các nhà kinh tế học nói về sự phát triển hoặc suy thoái "toàn cầu". Và nhà chính khách, quan chức Liên hợp quốc, hay chuyên gia về thông tin đại chúng, cũng không tồn tại nếu họ không được chuẩn bị để thuyết trình với chúng ta về "hệ thống toàn cầu".

Tất nhiên đúng là có một hệ thống toàn cầu. Nhưng nó không phải là cái mà hầu hết mọi người hình dung.

Mọi cố gắng để ngăn chặn, hạn chế, chấm dứt hay dàn xếp các cuộc chiến tranh, cho dù bằng quân đội hay dựa vào nhà hoạt động hoà bình hoặc bất cứ ai khác nữa, đều đòi hỏi một sự hiểu biết nhất định về một hệ thống trong đó chiến tranh đang diễn ra. Nếu tấm bản đồ của chúng ta về hệ thống này trở nên lỗi thời, phác hoạ nó như ngày hôm qua chứ không phải như nó đang nhanh chóng phát triển, thì thậm chí ngay cả những chiến lược tốt nhất cho hoà bình cũng có thể gây ra sự phản ứng ngược lại. Do vậy, việc suy nghĩ về chiến lược cho thế kỷ XXI cần phải bắt đầu bằng tấm bản đồ về một hệ thống toàn cầu của ngày mai.

ĐỒ LỖI CHO SỰ KẾT THÚC CHIẾN TRANH LẠNH

Phần lớn những nỗ lực để lập ra bản đồ cho hệ thống đều bắt đầu bằng sự kết thúc chiến tranh lạnh, dường như đó là sức mạnh chủ chốt đang làm thay đổi hệ thống này. Sự kết thúc chiến tranh lạnh vẫn còn đang có tác động đối với hệ thống toàn cầu. Song luận điểm của cuốn sách này chính là luận điểm cho rằng những thay đổi này sinh từ sự sụp đổ của Liên bang Xô viết chỉ là thứ yếu, và rằng trên thực tế, hệ thống toàn cầu sẽ bị thu hút vào sự biến động cách mạng hiện nay, ngay cả khi bức tường Berlin không sụp đổ và Liên bang Xô viết vẫn còn tồn tại. Đồ lỗi tất cả những biến động của ngày hôm nay cho sự kết thúc chiến tranh lạnh là một tư duy sai lầm.

Thay vào đó, chúng ta đang chứng kiến sự xuất hiện bất ngờ của một nền văn minh mới trên hành tinh, cùng với nó là một cách thức tạo ra của cải dựa trên cường độ thông tin cao, và nó đang chia ba và làm biến đổi toàn bộ hệ thống toàn cầu ngày nay. Mọi thứ trong hệ thống đó hiện nay đang đột biến, từ những thành tố cơ bản của nó đến cái cách mà chúng quan hệ qua lại với nhau, đến tốc độ tác động lẫn nhau của chúng, đến những lợi ích mà vì chúng các nước đang cạnh tranh nhau, đến những kiểu chiến tranh có thể xảy ra và cần phải được ngăn chặn.

SỰ XUẤT HIỆN CỦA QUỐC GIA CÓ BIÊN GIỚI LỎNG LỎ

Chúng ta hãy bắt đầu bằng những thành tố của hệ thống toàn cầu. Trong ba thế kỷ qua đơn vị cơ bản của hệ thống toàn cầu là quốc gia - dân tộc. Nhưng khối kiến trúc của hệ thống toàn cầu này đang tự thay đổi.

Có một thực tế đáng lưu ý là trong số tất cả các thành viên hiện nay của Liên hợp quốc, khoảng 1/3 hiện đang bị đe dọa bởi

các phong trào nổi loạn, các phân tử ly khai, hay bởi các chính phủ lưu vong. Từ Mianma với những dòng người Hồi giáo chạy trốn và những cuộc bạo loạn của người Karen có vũ trang, qua khắp mọi nơi cho tới Mali, nơi bộ lạc Tuareg đang đòi quyền độc lập, từ Adéchaigian đến Congo (Kinsaxa), các quốc gia hiện tồn đang phải đối phó với chủ nghĩa bộ lạc tiền dân tộc - mặc dù các khẩu hiệu của nó có thể đề cập tới tư cách dân tộc.

Trong lời xác nhận trước Ủy ban Đối ngoại Thượng nghị viện Mỹ trước khi nhậm chức, Ngoại trưởng Mỹ Warren Christopher - chắc chắn không phải là người phao tin giật gân - đã cảnh cáo trước rằng "nếu chúng ta không tìm ra biện pháp nào đó để cho các nhóm sắc tộc khác nhau có thể chung sống trong một đất nước ... thì chúng ta sẽ có 5000 quốc gia so với trên một trăm quốc gia mà chúng ta hiện có".

Ở Xingapo chúng tôi đã nói chuyện với George Yao, Phó thủ tướng, người được đào tạo ở Cambridge và Harvard. Một thiếu tướng 37 tuổi với một trí tuệ nhu lade, Yao đã hình dung ra một Trung Quốc trong tương lai bao gồm hàng trăm thành quốc như Xingapo.

Nhiều quốc gia hiện nay đang chuẩn bị tan vỡ hoặc biến đổi, và kết quả là các đơn vị chính trị mới có thể hoàn toàn không phải là các dân tộc được hợp nhất lại với nhau theo nghĩa hiện đại, mà là nhiều thực thể khác, kể từ hình thức liên bang bộ lạc đến các thành - quốc của Làn sóng Thứ ba. Liên hợp quốc phần nào có thể sẽ chỉ còn là một câu lạc bộ của các quốc gia - dân tộc cũ hoặc giả dân tộc - đó là các kiểu đơn vị chính trị khác chỉ khoắc cái vỏ dân tộc.

Tuy nhiên, đó không phải là sự thay đổi duy nhất đang hiện ra lơ mơ ở phía chân trời. Trong thế giới công nghệ cao, cơ sở kinh tế của quốc gia đang tuột khỏi tầm kiểm soát của nó. Ở đây,

như đã được lưu ý trước, các thị trường quốc gia đang trở nên ít quan trọng hơn so với các thị trường địa phương, khu vực và toàn cầu. Về mặt sản xuất, gần như không thể nói được một chiếc ô tô hay một chiếc máy tính được sản xuất ra từ nước nào, vì các bộ phận và phần mềm của nó là do nhiều nguồn cung cấp khác nhau. Những khu vực năng động nhất của nền kinh tế mới không còn mang tính quốc gia nữa : chúng mang tính chất hoặc là hạ quốc gia, hoặc là siêu quốc gia, hoặc là xuyên quốc gia.

Hơn thế nữa, trong khi các cộng đồng nghèo, kém thế lực, đòi "chủ quyền", thì các quốc gia hùng mạnh và tiên tiến nhất về kinh tế lại đang mất đi chủ quyền của mình. Ngay cả những chính phủ hùng mạnh nhất cùng các ngân hàng trung ương của họ cũng không còn kiểm soát được tỷ giá tiền tệ của họ trong một thế giới ngập trong những cơn sóng thủy triều của đồng tiền điện tử không thể điều chỉnh được. Họ thậm chí không thể kiểm soát được biên giới của mình như đã làm trong quá khứ. Ngay cả khi họ cố đóng chặt cửa đối với hàng nhập khẩu và dòng người nhập cư - cả hai việc này đều rất khó làm - thì các quốc gia công nghệ cao đều thấy mình càng ngày càng bị thâm nhập từ bên ngoài bởi tiền tệ, bởi những tên khủng bố, bởi súng đạn, ma túy, văn hoá, tôn giáo, nhạc pop, tư tưởng, thông tin và nhiều thứ khác nữa. Năm 1950, 25 triệu người đã vượt ra ngoài biên giới quốc gia của họ. Cho tới cuối những năm 80 con số đó đã tăng lên 325 triệu người mỗi năm - cộng thêm những con số còn chưa được biết hoặc chưa thể biết về những kẻ phi pháp. Những đường biên giới cứng rắn xưa kia của các quốc gia - dân tộc đang bị xói mòn.

Vì vậy, những thành tố cơ bản nhất của hệ thống toàn cầu được hiểu như trước đây đang bị phá vỡ. Trong hệ thống này có thêm nhiều quốc gia, và mặc cho họ tự khoa trương, không phải tất cả đều là các dân tộc.

Một số quốc gia, giống như các nước cộng hòa không ổn định thuộc Liên Xô cũ ở vùng Cápea, về cơ bản là những cộng đồng tiền dân tộc, là những xã hội của Làn sóng Thứ nhất bị xâu xé bởi những ông trùm chiến tranh địa phương. Một loại khác bao gồm các quốc gia của Làn sóng Thứ hai. Và một Làn sóng Thứ ba nổi lên bao gồm một loại thực thể chính trị mới - đó là các quốc gia hậu dân tộc có đường biên giới "lông lẻo". Cái đang diễn ra trên thực tế là sự thay đổi từ một hệ thống toàn cầu dựa trên các quốc gia - dân tộc sang một hệ thống ba tầng dựa trên các quốc gia.

QUẦN ĐẢO CÔNG NGHỆ CAO

Những cái nhanh chóng được xếp vào tầng ba mới nhất của hệ thống toàn cầu là những "cực công nghệ" khu vực. Theo lời của Riccardo Petrella, người chỉ đạo việc dự báo khoa học và công nghệ của Cộng đồng châu Âu, thì "Các công ty kinh doanh xuyên quốc gia ... đang tạo ra... những mạng lưới vượt ra khỏi khuôn khổ của quốc gia - dân tộc...".

"Cho đến giữa thế kỷ tới, các quốc gia - dân tộc như Đức, Italia, Mỹ hay Nhật Bản sẽ không còn là những thực thể kinh tế - xã hội phù hợp nhất nữa và không còn là hình thái chính trị cuối cùng nữa. Thay vào đó, các khu vực như Quận Cam của California; Osaka của Nhật Bản; khu vực Lyon của Pháp; hay Ruhrgebiete¹ của Đức sẽ giành được địa vị kinh tế - xã hội thống trị... Các thể lực ra quyết định thực sự trong tương lai... sẽ là những công ty xuyên quốc gia liên minh với các chính phủ khu vực - thành phố". Những đơn vị này, theo ông, có thể làm thành "một quần đảo công nghệ cao... giữa một biển người bị bần cùng hoá".

1. Tiếng Đức trong nguyên bản : các khu vực năng động - N.H.D.

Các đơn vị khu vực này hiện đang đảm đương khả năng đứng vững về kinh tế ở những nơi tiên tiến nhất của Liên sòng Thứ ba. Chúng ít có khả năng đứng vững được trong các nền kinh tế của Liên sòng Thứ hai vẫn còn tiến hành khắp đó đây nền sản xuất hàng loạt phục vụ cho thị trường quốc gia của họ. Chúng phản ánh đặc điểm phân quyền ở mức cao hơn của các xã hội thuộc Liên sòng Thứ nhất, chỉ có điều bây giờ chúng dựa trên cơ sở công nghệ cao.

GIÁM ĐỐC, THẦY TU VÀ THỦ LĨNH ĐẠO HỒI

Hai đối thủ rõ ràng khác tranh giành quyền lực trong hệ thống toàn cầu là các tập đoàn xuyên quốc gia lớn và các tôn giáo, cả hai đều đang gia tăng về tầm cỡ và phạm vi hoạt động. Các tập đoàn như Unilever, với 500 công ty hoạt động ở 75 nước, hay như Exxon, với 75% doanh thu ở ngoài nước Mỹ, hay về mặt này thì IBM, Siemens và British Petroleum, có thể không còn đơn giản chỉ được coi như những công ty "quốc gia".

AT-T, một trong những hãng viễn thông lớn nhất thế giới, ước tính rằng có 2000 - 3000 công ty khổng lồ cần đến các dịch vụ toàn cầu của nó. Liên hợp quốc miêu tả là có 35.000 hãng có tư cách tập đoàn công ty xuyên quốc gia. Các công ty này có tới 150.000 chi nhánh trực thuộc. Mạng lưới đó đã trở nên rộng lớn đến mức ước tính có tới 1/4 hoạt động thương mại trên thế giới hiện nay là các hoạt động buôn bán giữa các công ty phụ thuộc của cùng một công ty lớn. Cơ chế tập thể và không ngừng phát triển ấy không còn gắn chặt với quốc gia - dân tộc nữa và nó đại diện cho một yếu tố chủ chốt trong hệ thống toàn cầu tương lai.

Tương tự, ảnh hưởng ngày càng tăng của các tôn giáo toàn cầu, từ Hồi giáo đến Giáo hội Chính thống ở Nga, đối với sự gia tăng nhanh chóng của các giáo phái Thời đại Mới, hầu như không

cần phải chứng minh. Tất cả sẽ đều là những đối thủ chủ chốt trong hệ thống thế giới của thế kỷ XXI.

TỪ NGƯỜI CHƠI GÓN ĐẾN CÔNG NHÂN LUYỆN KIM

Ngoài các quốc gia, các "cực công nghệ" khu vực, các tập đoàn công ty và các tôn giáo, còn có một loại đơn vị khác cũng đang lớn mạnh về tầm quan trọng : hàng ngàn tổ chức và hiệp hội xuyên quốc gia ngày nay đang mọc lên như nấm sau cơn mưa. Các bác sĩ, thợ gốm, nhà vật lý hạt nhân, người chơi gôn, nghệ sĩ, công nhân luyện kim thuộc các nghiệp đoàn, nhà văn, các tập đoàn công nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau như chất dẻo và ngân hàng, các tổ chức vận động bảo vệ sức khoẻ, các nghiệp đoàn và các tổ chức môi trường, tất cả giờ đây đều có những lợi ích lớn hơn lợi ích quốc gia và có những tổ chức và diễn đàn toàn cầu của họ. Các tổ chức phi chính phủ này đang đóng vai trò ngày càng tích cực trong sự điều hành hệ thống thế giới và, như một tầng lớp đặc biệt, cũng có người đứng đầu của các phong trào chính trị xuyên quốc gia.

Một ví dụ điển hình là tổ chức Hoà bình Xanh, một tổ chức môi trường có quỹ rất lớn. Nhưng đó chỉ là một trong những tác nhân chính trị toàn cầu đang lớn mạnh. Nhiều tổ chức có trình độ tinh xảo, được trang bị máy vi tính và máy fax, được tiếp cận với các mạng lưới vi tính siêu hạng, với máy thu phát vệ tinh và tất cả các phương tiện thông tin tiên tiến khác. Khi những kẻ ngông cuồng thích bạo lực ở Dresden tấn công thô bạo một người nhập cư láng giềng, thì những tin tức về vụ việc này được nhanh chóng truyền đi qua hệ thống ComLink, một mạng lưới điện tử có liên hệ với khoảng 50 mạng lưới vi tính địa phương ở Đức và Áo. Từ đây tin tức trên được truyền sang mạng lưới GreenNet của Anh, rồi lần lượt lan tới các mạng lưới "tiền bộ" từ Bắc và Nam Mỹ đến các nước cộng hoà Liên Xô cũ. Một trận oanh kích

của fax chống lại cuộc tấn công kia từ khắp nơi trên thế giới đã tràn ngập báo chí của Dresden.

Nhưng các mạng lưới điện tử xuyên biên giới không phải là độc quyền của những người ủng hộ hoà bình chống lại bạo lực. Những mạng lưới này liên hệ với tất cả mọi người, từ những kẻ cực đoan về sinh thái đến những người cuồng tín tôn giáo, những **tên phát xít Thiên**, những tổ chức tội phạm và cả những kẻ hãm mộ phi thực tế đối với những tên khủng bố của nhóm Sendero Luminoso ở Peru, tất cả làm thành một phần của một xã hội dân sự xuyên quốc gia đang nảy nở nhanh chóng nhưng không phải lúc nào cũng hành động một cách đúng phép dân sự.

Ở đây cũng vậy, hệ thống toàn cầu đang chia ra làm ba. Các tổ chức xuyên quốc gia chỉ tồn tại ở mức độ yếu hoặc thậm chí không tồn tại ở các xã hội Làn sóng Thứ nhất, chúng phát triển với số lượng lớn hơn trong các xã hội Làn sóng Thứ hai. Và chúng sinh sôi với tốc độ cực nhanh ở các xã hội Làn sóng Thứ ba.

Tôm lại hệ thống toàn cầu cũ xây dựng xung quanh một vài "vi mạch" quốc gia - dân tộc được xác định rõ rệt đang được thay thế bởi một máy vi tính toàn cầu của thế kỷ XXI, có thể gọi là một "bảng mẹ" ("motherboard") có ba cấp, trong đó hàng ngàn và hàng ngàn các vi mạch cực kỳ đa dạng được ghép nối vào.

CÁC MẠNG LIÊN KẾT SIÊU HẠNG

Các thành tố của hệ thống thế giới cũng được liên kết với nhau theo những cách mới. Ngày nay sự hiểu biết thông thường cho chúng ta thấy rằng các quốc gia trên thế giới đang trở nên ngày càng phụ thuộc lẫn nhau nhiều hơn. Song điều đó, trong trường hợp tốt nhất cũng chỉ là một sự đơn giản hoá quá mức một cách sai lầm. Thực ra thì một số nước chỉ có quan hệ thấp với phần còn lại của thế giới, trong khi những nước khác có thể nói là lại có mối liên kết cao.

Các quốc gia của Làn sóng Thứ nhất có thể phụ thuộc nhiều vào một hay một vài nước khác để mua nông sản và nguyên liệu của họ. Dambia bán đồng, Cuba bán đường, Bolivia bán thiếc. Nhưng đặc điểm tiêu biểu của nền kinh tế của họ là thiếu sự đa dạng hoá. Nông nghiệp một vụ, việc tập trung vào một hoặc một nhóm nguồn tài nguyên, khu vực công nghiệp nghèo nàn và các dịch vụ không phát triển, tất cả đã làm giảm nhu cầu liên kết với thế giới bên ngoài. Nét tiêu biểu của những nước như vậy là chúng vẫn còn ở mức độ thấp về quan hệ phụ thuộc lẫn nhau hoặc về quan hệ liên kết với nhau.

Các nước Làn sóng Thứ hai, do cơ cấu kinh tế và xã hội phức tạp hơn nên cần những mối liên kết đa dạng hơn với thế giới bên ngoài. Tuy nhiên, ngay cả trong số các nước công nghiệp, sự phụ thuộc lẫn nhau mang tính toàn cầu cũng vẫn bị hạn chế. Chẳng hạn vào cuối những năm 30, Mỹ chỉ là đối tác của 34 hiệp ước và hiệp định với các nước khác. Năm 1968, ngay sau khi nó bắt đầu chuyển sang nền kinh tế Làn sóng Thứ ba, Mỹ vẫn chỉ tham gia 282 "hợp đồng" như vậy. Do đó, nhìn chung các quốc gia có nền công nghiệp ồng khởi vẫn chỉ phụ thuộc lẫn nhau ở mức vừa phải.

Trái lại, Làn sóng Thứ ba đã đẩy các nước công nghệ cao tới mức độ liên kết siêu hạng. Như chúng ta biết, xét về đối nội thì những nước này đang trải qua một quá trình giải thể và tái thiết kinh tế một cách gian nan. Các tập đoàn khổng lồ và bộ máy quan liêu của chính phủ đang tổ chức lại, giải tán hoặc suy giảm về tầm quan trọng. Các tổ chức mới nổi lên chiếm giữ vị trí. Các đơn vị nhỏ thuộc đủ loại đang gia tăng và thành lập các mối liên minh và các côngxoóxiom tạm thời, đan chéo xã hội bằng những tổ chức linh hoạt có đầu vào, đầu ra. Thị trường đang tan vỡ ra thành những mảnh nhỏ do bản thân xã hội hàng loạt cũng đang thực hiện quá trình phi hàng loạt hoá.

Quá trình diễn biến nội bộ ấy như đã được mô tả rất chi tiết ở chương trước, đến lượt mình, nó lại tác động vào các mối quan

hệ đối ngoại của xã hội. Khi nó mở ra thì các công ty, các nhóm xã hội và sắc tộc, các cơ quan, và các thiết chế sẽ phát triển một khối lượng lớn các mối liên kết đa dạng với thế giới bên ngoài. Các tổ chức này càng đa dạng thì chúng càng tiến hành chuyển tải nhập khẩu, xuất khẩu, giao lưu và trao đổi thông tin với các bộ phận khác của thế giới, và chúng càng lập ra các liên doanh, liên minh chiến lược, côngxoóexiom và các hiệp hội xuyên biên giới. Nói tóm lại, chúng chuyển sang giai đoạn của hình thái liên kết siêu hạng.

Điều này giải thích tại sao từ những năm 70, con số các hiệp định và hiệp ước xuyên quốc gia giữa Mỹ và các nước khác bắt đầu tăng lên theo cấp số nhân. Ngày nay, Mỹ tham gia vào hơn 1000 hiệp ước và thực ra là hàng vạn hiệp định, mỗi một hiệp định, không nghĩ ngò gì, đều được coi là có lợi, nhưng nó cũng áp đặt những hạn chế trong hành vi của Mỹ.

Như vậy là, chúng ta đang chứng kiến một hệ thống toàn cầu phức tạp mới được hình thành từ các khu vực, các tập đoàn, các tôn giáo, các tổ chức phi chính phủ và các phong trào chính trị, tất cả đều đang cạnh tranh, tất cả vì các quyền lợi khác nhau, tất cả đều phản ánh những mức độ khác nhau của sự tương tác.

Hình thức liên kết siêu hạng nói trên đã tạo ra một nghịch lý đáng kinh ngạc và đã bị bỏ qua. Nhật Bản, Mỹ và châu Âu là những nước cần liên kết nhất, cần các mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau nhiều nhất với thế giới bên ngoài để giữ vững nền kinh tế tiên tiến của họ. Như vậy là chúng ta đang tạo ra một thế giới hết sức kỳ lạ, trong đó những nước hùng mạnh nhất cũng là những nước bị ràng buộc nhất bởi những cam kết với bên ngoài. Về khía cạnh đáng ngạc nhiên này, những quốc gia hùng mạnh nhất lại là những quốc gia ít tự do nhất. Còn các quốc gia nhỏ, ít phụ thuộc vào những mối quan hệ bên ngoài hơn, có thể có ít nguồn tài nguyên hơn, nhưng có thể thường xuyên sử dụng chúng một

cách tự do hơn - đó là điều tại sao một số quốc gia nhỏ có thể bao vây nước Mỹ.

NHỮNG "TỐC ĐỘ ĐỒNG HỒ" TOÀN CẦU

Hơn nữa, ngay cả khi đưa thêm nhiều thành tố đa dạng vào "bảng mẹ" toàn cầu và liên kết chúng theo một cách khác, thì tức là chúng ta cũng đang chỉnh lại chiếc đồng hồ bên trong của nó. Như vậy có thể cho rằng hệ thống toàn cầu mới lại hoạt động theo ba "tốc độ đồng hồ" hoàn toàn khác nhau.

Không có gì đánh dấu sự khác biệt của thời điểm lịch sử hôm nay so với những giai đoạn đầu một cách nổi bật hơn là sự tăng tốc của quá trình thay đổi. Cách đây nhiều năm, khi lần đầu tiên chúng tôi nêu ra vấn đề này trong cuốn *Cú sốc tương lai* thì chúng tôi vẫn còn phải thuyết phục thế giới rằng các sự kiện quả thực là đang tăng tốc. Ngày nay ít ai nghi ngờ điều đó. Cảm giác cho rằng các sự kiện đang chuyển động nhanh hơn là cảm giác có thể sờ thấy được.

Sự tăng tốc này, một phần được thúc đẩy bởi tốc độ thông tin nhanh chóng hơn, có nghĩa là chỉ sau một đêm những điểm nóng có thể trở thành hiện thực và chiến tranh có thể nổ ra trong hệ thống toàn cầu. Những sự kiện gây căng đòi hỏi phải có giải đáp trước khi các chính phủ có thời gian hiểu thấu đáo ý nghĩa của chúng. Các chính trị gia buộc phải đưa ra ngày càng nhiều những quyết định với một tốc độ ngày càng nhanh về những vấn đề mà họ biết ngày càng ít.

Nhưng cũng giống như sự liên kết, sự tăng tốc không hoàn toàn giống nhau trong toàn bộ hệ thống toàn cầu. Nhịp độ chung của cuộc sống, bao gồm mọi cái từ tốc độ giao dịch kinh doanh đến nhịp độ thay đổi chính trị, đến bước đổi mới của công nghệ cùng các biến số khác, đã diễn ra chậm chạp nhất trong các xã hội nông nghiệp, nhanh hơn một chút trong các xã hội công

nghiệp, và chạy đua với tốc độ điện tử trong những nước đang quá độ chuyển sang nền kinh tế Làn sóng Thứ ba.

Những khác biệt này tạo ra những thế giới quan khác nhau rõ rệt. Ví dụ, đối với phần lớn người Mỹ, những người có cuộc sống hàng ngày hối hả nhất trên thế giới và có phạm vi thời gian bị cắt xén, thì thật khó mà đồng cảm được với những tình cảm của người Ả-rập và người Ixraen đang chiến đấu để bảo vệ những quan điểm của mình bằng cách đưa ra những yêu sách của 2000 năm trước. Đối với người Mỹ, lịch sử tự nó tiêu tan rất nhanh, chỉ để lại thời hiện tại trước mắt.

Những khác biệt như vậy trong ý thức về thời gian thậm chí có ảnh hưởng đến tư duy chiến lược về chiến tranh. Nhận thức được sự không kiên nhẫn của Mỹ, Saddam Hussein đã tin rằng Mỹ không thể chịu đựng được một cuộc chiến tranh lâu dài. (Có thể ông đã nghĩ đúng. Nhưng cái mà ông ta có được lại là một cuộc chiến tranh ngắn ngủi.) Tương tự, như chúng ta đã thấy, hình thái chiến tranh Làn sóng Thứ ba không chỉ nhấn mạnh những yếu tố về thời gian hơn là các yếu tố không gian, mà nó còn phụ thuộc nhiều vào tốc độ của thông tin liên lạc và vào tốc độ của sự vận động.

Nói cách khác, chúng ta đang xây dựng không chỉ là một hệ thống toàn cầu ba cấp, mà còn là một hệ thống vận hành ở ba loại tốc độ khác nhau.

NHỮNG NHU CẦU SỐNG CÒN

Hệ thống chia ba này cũng đang làm thay đổi cả những điều mà vì chúng nhiều nước sẽ sống hoặc chết trong tương lai. Tất cả các nước đều tìm cách bảo vệ công dân của họ. Họ cần năng lượng, thực phẩm, vốn, đường ra biển và vận tải hàng không. Nhưng ngoài những yếu tố này và một số yếu tố cơ bản khác, nhu cầu của họ lại rất khác nhau.

Đối với các nền kinh tế Làn sóng Thứ nhất thì đất đai, năng lượng, nước cho thủy lợi, đầu ăn, thực phẩm dự trữ, cho những lúc khó khăn, trình độ biết chữ tối thiểu và thị trường cho nông sản hàng hoá hoặc nguyên liệu, nói chung là những nhu yếu sống còn. Vì thiếu nền công nghiệp cũng như các dịch vụ dựa vào tri thức và có thể xuất khẩu được, họ coi các nguồn tài nguyên thiên nhiên của chúng, từ những khu rừng mưa nhiệt đới đến việc cung cấp nước cho đến các lĩnh vực ngư nghiệp, như những tài sản chính có thể bán được.

Các quốc gia Làn sóng Thứ hai vẫn dựa vào nguồn lao động chân tay rẻ mạt và phương thức sản xuất hàng loạt, họ là các quốc gia có nền kinh tế quốc dân thống nhất và tập trung. Do được đô thị hoá ở mức cao hơn, nên họ cần nhiều thực phẩm nhập khẩu, hoặc là từ nông thôn của chính họ hoặc là từ nước ngoài. Họ cần nguồn năng lượng lớn cho mỗi đơn vị sản xuất. Họ cần nhiều nguyên liệu để duy trì cho nhà máy hoạt động như sắt, thép, xi măng, gỗ, nguyên liệu hoá dầu và những thứ đại loại như vậy. Họ là quê hương của một số ít các tập đoàn toàn cầu. Họ là những nhà sản xuất lớn tạo ra ô nhiễm và các vấn đề tiêu cực huỷ hoại sinh thái khác. Trên hết, họ cần thị trường xuất khẩu cho các loại hàng hoá sản xuất hàng loạt.

Các quốc gia "hậu dân tộc" của Làn sóng Thứ ba làm thành tầng lớp mới nhất của hệ thống toàn cầu. Khác với các quốc gia nông nghiệp, họ không có nhu cầu lớn về mở rộng lãnh thổ. Khác với các quốc gia công nghiệp, họ không có nhu cầu phải có nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên cho mình. (Thiếu những thứ này, Nhật Bản của Làn sóng Thứ hai đã chiếm Triều Tiên, Mãn Châu Lý và các khu vực giàu tài nguyên khác. Trái lại, Nhật Bản của Làn sóng Thứ ba đã phát triển giàu có không thể tưởng tượng được mà không cần có thuộc địa hay nguyên liệu của riêng mình).

Tất nhiên các quốc gia "hậu dân tộc" của Làn sóng Thứ ba vẫn cần năng lượng và thực phẩm, nhưng cái mà giờ đây họ cũng cần là thủ thông tin có khả năng đổi thành của cải. Họ cần tiếp cận hoặc kiểm soát được các mạng lưới ngân hàng dữ liệu thế giới và các mạng lưới viễn thông. Họ cần thị trường cho các sản phẩm và dịch vụ mang tính trí tuệ cao, cho các dịch vụ tài chính, tư vấn quản lý, phần mềm, lập chương trình vô tuyến truyền hình, nghiệp vụ ngân hàng, các hệ thống lưu trữ, thông tin tin dụng, bảo hiểm, nghiên cứu được phẩm, quản lý mạng lưới, hòa nhập các hệ thống thông tin, tình báo kinh tế, các hệ thống đào tạo, hoạt động mô phỏng, các dịch vụ tin tức, và tất cả mọi công nghệ thông tin và viễn thông mà những vấn đề trên phụ thuộc vào. Họ cần sự bảo vệ chống lại sự chiếm đoạt các sản phẩm trí tuệ. Và, về mặt sinh thái, họ muốn các nước Làn sóng Thứ nhất "chưa bị ô nhiễm" hãy bảo vệ những khu rừng rậm, bầu trời và màu xanh cho "sự tốt lành của toàn cầu", kể cả đôi khi nếu như phải kiềm chế sự phát triển kinh tế.

Những nhu cầu khác nhau của các nền kinh tế Làn sóng Thứ nhất, Thứ hai và Thứ ba được phản ánh trong những quan niệm khác nhau căn bản về "lợi ích quốc gia" (một thuật ngữ tự nó ngày càng trở nên lỗi thời) và đó là điều có thể gây ra những căng thẳng sâu sắc giữa các nước trong những năm tới.

Ngày nay, khi chúng ta gộp tất cả những thay đổi này lại với nhau - đó là những khác biệt về các loại đơn vị tạo nên hệ thống này : khác biệt về tình liên kết của chúng, về tốc độ của chúng; và về những nhu cầu sống còn của chúng - thì chúng ta sẽ tiến tới một sự cải tạo vượt xa bất cứ vấn đề cần thiết nào do việc kết thúc chiến tranh lạnh gây ra. Tóm lại, chúng ta sẽ tiến tới một hệ thống toàn cầu của thế kỷ XXI, một vũ đài mà trên đó các cuộc chiến tranh và chống chiến tranh của ngày mai sẽ được đem ra đo sức.

KẾT THÚC THỂ CÂN BẰNG (KHÔNG PHẢI LÀ LỊCH SỬ)

Các lý thuyết Làn sóng Thứ hai về hệ thống toàn cầu có xu hướng giả định rằng hệ thống này cân bằng, rằng nó chứa đựng các yếu tố tự điều chỉnh, và rằng những sự bất ổn là ngoại lệ đối với quy luật. Chiến tranh, cách mạng và những biến động là những "xáo trộn" ngẫu nhiên trong một hệ thống có trật tự. Hoà bình là điều kiện tất nhiên.

Quan điểm này về trật tự toàn cầu gần gũi với những khái niệm khoa học của Làn sóng Thứ hai về trật tự vũ trụ. Cụ thể là các quốc gia giống như những viên bi-a của Newton va đập vào nhau. Toàn bộ học thuyết về "cân bằng sức mạnh" giả định trước rằng nếu một quốc gia trở nên quá hùng mạnh, thì các quốc gia khác sẽ lập ra một liên minh để chống lại, nhằm đưa nó trở lại quỹ đạo riêng của nó, và khôi phục lại thể cân bằng.

Một loạt giả thuyết có liên quan vẫn được đưa ra rộng rãi ở phương Tây giàu có. Nó bao gồm ý tưởng tự do cho rằng không ai thực sự muốn chiến tranh, rằng, trên thực tế, kẻ thù là hình bóng phản chiếu của chính chúng ta, rằng các chính phủ vốn không thích mạo hiểm, và rằng tất cả mọi khác biệt có thể được dàn xếp một cách hoà bình, nếu các bên đối phương sẵn sàng đàm phán với nhau. Bởi vì, cuối cùng thì hệ thống toàn cầu cơ bản là hợp lý.

Tuy vậy, không có giả thuyết nào trong số những giả thuyết nói trên áp dụng được cho ngày hôm nay. Đôi khi trên thực tế có những chính phủ lại muốn chiến tranh ngay cả khi không có sự đe dọa từ bên ngoài. (Các tướng lĩnh của Argentina, những người mở đầu cuộc chiến tranh ở quần đảo Falklands, tức Malvinas, năm 1982, đã làm như thế chỉ vì những lý do chính trị bên trong chứ không hề có bất cứ đe dọa nào từ bên ngoài). Nhiều nhà lãnh đạo không phải là không thích mạo hiểm, mà họ còn dựa vào

mạo hiểm để thành đạt về mặt chính trị. Đối với họ, không có gì thành công bằng khủng hoảng.

Càng ngày càng có nhiều dấu thủ trên vô đài thế giới bắt đầu mang những đặc tính của cái mà Yehezkel Dror, một nhà khoa học uyên bác về chính sách của Ixraen, đã từng gọi là "các quốc gia diên rồ". Đây đặc biệt là trường hợp khi hệ thống toàn cầu bị thu hút vào các loại phản ứng.

Điều mà nhiều chuyên gia chính sách đối ngoại vẫn còn chưa đánh giá được là khi các hệ thống ở "cách xa thế cân bằng", thì chúng diễn ra theo những cách kỳ quặc, vi phạm quy luật thông thường. Chúng trở nên không tuân theo tuyến tính có nghĩa là những đầu vào nhỏ cũng có thể gây nên hậu quả rất lớn. Chỉ một số ít phiêu chóng ở đất nước Đan Mạch nhỏ bé cũng đã để tri hoãn hay làm trệch toàn bộ quá trình hoà nhập châu Âu.

Một cuộc chiến tranh "nhỏ" ở một nơi xa xôi, thông qua hàng loạt những sự kiện thường không dự đoán trước được, cũng có thể nhanh chóng biến thành một cuộc xung đột lớn. Tương tự, một cuộc chiến tranh lớn có thể chỉ dẫn đến thay đổi chút ít một cách rõ rệt trong toàn bộ sự phân chia quyền lực. Cuộc chiến tranh Iran - Irắc năm 1980 - 1988 đã làm chết và bị thương hơn 600.000 người- tuy nhiên đã kết thúc bằng tỷ số hoà. Ở đây có một mối tương quan nghịch chiều giữa quy mô của đầu vào với quy mô của đầu ra.

Hệ thống thế giới đang mang những đặc tính theo quan niệm của Prigogine - có nghĩa là nó rất giống các hệ thống vật lý, hoá học và xã hội của Ilya Prigogine, nhà khoa học được giải Nôben, người đầu tiên xác định được cái mà ông gọi là những "cấu trúc tiêu tan". Trong cấu trúc này, tất cả mọi bộ phận của một hệ thống đều nằm trong sự dao động liên tục. Các bộ phận của mỗi hệ thống trở nên cực kỳ dễ bị tổn thương trước những ảnh hưởng

của bên ngoài - ví dụ như một sự thay đổi giá dầu, một sự dấy lên đột ngột của chủ nghĩa cuồng tín tôn giáo, một sự thay đổi trong cân cân vũ khí, v.v..

Những vòng khâu phản hồi tích cực đang tăng lên - có nghĩa là một khi được đưa vào hoạt động, một số quá trình sẽ bắt đầu một cuộc sống của riêng chúng, và, vì chúng vốn không hề ổn định, chúng sẽ đem đến nhiều bất ổn thậm chí còn lớn hơn cho hệ thống. Lòng hận thù dân tộc gây ra những trận giao tranh sắc tộc, dẫn đến những cuộc chiến tranh sắc tộc lớn vượt ra ngoài giới hạn của một khu vực. Sự cộng hưởng của nhiều dao động, bên trong và bên ngoài, có thể dẫn tới sự sụp đổ hoàn toàn của hệ thống hoặc dẫn tới sự tổ chức lại ở cấp độ cao hơn.

Cuối cùng, trong thời điểm nguy kịch này, hệ thống đang tỏ ra là một cái gì khác chứ không phải là hợp lý. Điều này trên thực tế đang dễ xảy ra hơn bao giờ hết, có nghĩa là hành vi của nó trở nên khó có thể, hoặc có lẽ thậm chí không thể, đoán trước được.

Vì vậy, chúng ta cứ bình thản đến với hệ thống toàn cầu của thế kỷ XXI - đó không phải là trật tự thế giới mới ngấn nắp đã từng được Tổng thống Bush chào hàng cũng như không phải sự ổn định của thời kỳ sau chiến tranh lạnh do các chính trị gia khác hứa hẹn. Trong hệ thống này chúng ta có thể chứng kiến quá trình chia ba đang diễn ra mạnh mẽ, phản ánh sự nổi lên của một nền văn minh mới với những nhu cầu sống còn khác biệt của riêng nó, với hình thái chiến tranh đặc thù của riêng nó, và chúng ta hy vọng là chẳng bao lâu sẽ có một hình thái hoà bình tương ứng với hình thái chiến tranh ấy.

Chúng ta đang sống trong một thời điểm kỳ diệu của lịch sử loài người. Đằng sau tất cả cái vẻ ảm đạm hợp thời của ngày hôm nay là những thay đổi rất tích cực và mang tính nhân đạo trên hành tinh này. Sự mở rộng của nền kinh tế Làn sóng Thứ ba đã

kích thích tất cả các nước ở khu vực châu Á Thái Bình Dương gây nên những căng thẳng về thương mại và chiến lược, nhưng đồng thời cũng mở ra khả năng nhanh chóng đưa hàng tỷ người ra khỏi vòng cương toả của sự bần cùng. Dân số toàn cầu đang gia tăng ở ạt từ năm 1968 đến năm 1990, nhưng, bất chấp những dự báo về ngày tận thế, việc cung cấp lương thực tính theo đầu người trên thế giới thực tế đã tăng nhanh hơn theo đánh giá của Tổ chức Lương thực thế giới (WFO), và số lượng những người thiếu ăn thường xuyên đã giảm 16%.

Bằng việc sử dụng các công nghệ Làn sóng Thứ ba ít phải tập trung năng lượng và ít ô nhiễm, ngày nay chúng ta có thể dọn sạch sự tàn phá môi trường sinh thái do những phương pháp công nghiệp Làn sóng Thứ hai ở giai đoạn sản xuất hàng loạt gây nên. Lao động, cho đến nay vẫn còn nặng nhọc và hại tri óc đối với phần lớn những người may mắn có được việc làm, có thể được chuyển thành cái gì đó hoàn toàn đáp ứng và phát huy tri não. Cuộc cách mạng kỹ thuật số đang tiếp nhiên liệu cho Làn sóng Thứ ba có khả năng nâng cao học vấn cho hàng tỷ người.

Và bất chấp những lời cảnh cáo qua những trang viết này về nguy cơ của chiến tranh, của nội chiến, và thậm chí của cả các cuộc tấn công bằng hạt nhân, thì điều tốt đẹp vẫn là không có trái bom nào trong hàng nghìn trái bom kia phải nổ vì giận dữ, mặc dù có khoảng 50.000 - 60.000 đầu đạn hạt nhân đã được sản xuất ra kể từ sau vụ Hiroshima và Nagasaki, và mặc dù đã có các vụ nổ hạt nhân dưới lòng đất và các tai nạn hạt nhân. Có một bản năng sinh tồn của con người đã nhiều lần ngăn chặn được ngón tay bấm nút.

Tuy nhiên, để sống còn vào buổi bình minh của thế kỷ XXI, loài người sẽ cần phải có nhiều cái ngoài bản năng nói trên. Đối với tất cả chúng ta, dân thường cũng như binh lính, cần phải có

sự hiểu biết sâu sắc về mối liên hệ mới mang tính cách mạng giữa tri thức, của cải và chiến tranh. Những trang viết này sẽ đạt được mục đích của mình nếu chúng đã làm sáng tỏ được mối quan hệ ấy. Để thực hiện mục đích trên, chúng tôi đã cố gắng phác họa ra một lý thuyết mới về chiến tranh và chống chiến tranh. Chúng tôi sẽ hài lòng nếu như chúng tôi đã đưa ra được một cách hiểu sâu sắc mới cho sự nhận thức, hoặc góp phần đập tan một quan niệm đã lỗi thời đang đứng chặn trên con đường tiến tới một thế giới hoà bình hơn.

LỜI CẢM ƠN

Hơn nhiều cuốn sách khác, cuốn sách này không thể viết được nếu không có sự giúp đỡ của nhiều người. Với tư cách là những người đứng ngoài quân đội và văn hoá quân sự, chúng tôi rất đổi vui mừng trước thiện chí của nhiều sĩ quan, quan chức quốc phòng, các học giả và nhiều người khác đã cho chúng tôi biết về những điều mà chúng tôi xem như là sự biến động gây ấn tượng mạnh nhất trong bản chất của chiến tranh và hoà bình kể từ sau Cách mạng Pháp. Ở đâu chúng tôi cũng thấy những vấn đề sâu sắc về việc phải làm gì để hạn chế bạo lực tới mức thấp nhất trong những thập kỷ tới.

Trong khi không thể cảm ơn hết được tất cả những người mà chúng tôi đã phỏng vấn và thảo luận về những vấn đề nói trên trong quá trình viết cuốn sách này, thì có nhiều người được coi là đã có ích cho chúng tôi một cách khác thường. Những người này bao gồm nhiều quan chức và sĩ quan cao cấp, nhưng chúng tôi hy vọng sẽ được lượng thứ do mạn phép không kể đến chức vụ và cấp bậc của họ, bởi vì những thứ đó đang thay đổi nhanh hơn cả "khả năng theo dõi của chúng tôi".

Trong số những người đã dành thời gian giúp đỡ chúng tôi hoặc chia sẻ ý kiến của mình với chúng tôi gồm có : Grace Aaron, Duane Andrews, John Arquilla, John Boyd, Carl Builder, Dick Cheney, Ray Cline, John Connally, Klaus Dannenberg, Michael Dewar, William Forster, Lewis Franklin, Pierre Gallois, Newt Gingrich, Dan Goldin, Daniel Goure, Jerome Granrud, Steve Hanser, Jerry Harrison, Ryan Henry, Zalmay Khalilizad, Tom

King, Andy Marshall, Andy Messing, Janet và Chris Morris, Jim Pinkerton, Jonathan Pollock, Jonathan Regan, David Ronfeldt, Tim Rynne, Larry Seaquist, Stuart Slade, Donn Starry, Robert Steele, Bill Stofft, Paul Strassmann, Dean Wilkening, và Henry Yuen. Như đã được lưu ý trong cuốn sách này, Patti Morelli, bà quả phụ của Don Morelli, cũng vô cùng tử tế với chúng tôi.

Với những người thân hơn, chúng tôi muốn cảm ơn con gái của chúng tôi, Karen Toffler, người đã không quản khó khăn, lãnh trách nhiệm kiểm tra việc nghiên cứu của chúng tôi và chuẩn bị phần thư mục và bảng chỉ dẫn. Karen Toffler đã làm việc không biết mệt mỏi để kịp thời hạn theo như tiến độ đã định. Trong những tháng đầu, Deborah Brown cũng giúp đỡ công việc kiểm tra cho tới khi bà phải bắt tay viết cuốn sách của mình về một đề tài khác. Trong thời gian gấp gáp cuối cùng, Robert Basile đã tra cứu các thư mục ở thư viện, và Valerie Vasquez đã giúp chuẩn bị bản thảo. Tất nhiên là các tác giả sẽ phải chịu trách nhiệm về mọi sai sót còn nằm "tàng ẩn" trong cuốn sách này.

Trong suốt quá trình viết sách, Juan Gomey nắm vững việc sắp xếp giấy tờ, việc bố trí ô tô và máy bay khi cần thiết, việc chuẩn bị lịch cho các cuộc phỏng vấn, việc trả lời điện thoại và fax từ mọi nơi trên thế giới một cách thông minh, ân cần và hoà nhã. Ông đã giúp đỡ bằng rất nhiều cách, cho dù ít được nhận thấy nhưng không kém phần quan trọng.

Bản thảo của cuốn sách này, được Jim Silberman, người bạn cũ của chúng tôi và hiện là người biên tập của chúng tôi tại Nhà xuất bản Brown Little, bỏ nhiều công sức để hoàn thiện. Chúng tôi đã nhận được sự ủng hộ liên tục của người đại lý của chúng tôi, Perry Knowlton, và những người trong nhóm của ông tại Công ty hữu hạn Curtis Brown, đặc biệt là Grace Wherry, Dave Barbor, và Tim Knowlton.

CHÚ THÍCH

Những con số trong ngoặc () là chỉ dẫn số tài liệu có trong Thư mục đi kèm. Một số nguồn tin có giá trị **xác đáng** đặc biệt, trong đó có các báo cáo thường xuyên bố ich in trong tuần báo *Tin tức Quốc phòng* cùng những ấn phẩm của Viện Nghiên cứu Chiến lược quốc tế.

CHƯƠNG 1. CUỘC GẶP GỠ BẤT NGỜ

Trang

13. Các số liệu về tiểu sử thiếu tướng Don Morelli là dựa vào tài liệu do vợ góa của ông, bà Patti Morelli, có nhã ý cung cấp, và vào tài liệu của Bộ tư lệnh đào tạo và học thuyết của quân đội Hoa Kỳ, cũng như dựa vào cuộc trao đổi riêng với Morelli và vào các cuộc phỏng vấn những sĩ quan quen biết ông.
13. Làn sóng Thứ ba : Học thuyết của chúng tôi về các Làn sóng biến đổi được giải thích rõ ở (380) và (381)
- 13-17. Kinh tế trí lực (379), đặc biệt là các chương 3-8

CHƯƠNG 2. KẾT THÚC TRANG THÁI SAY SUA

- 19-20. Các con số thiệt hại (2), tr.8 ; xem thêm "Hậu chiến tranh lạnh và hậu quả của nó đối với chi phí quân sự ở các nước đang phát triển" của Robert Mc Namara. Báo cáo ngày 25-1-1991, nhất là Phụ lục 1.
- 20-21. Ba tuần hoà bình : "'Thế kỷ của người di tản" - Một thế kỷ châu Âu?" của Hans Arnold, *Aussenpolitik*, số III, 1991.
- 21-23. Tháo dỡ trang bị của tàu chiến : "Thực hiện Hiệp ước" của H.A. MacMullan, *Scientific American*, 7-1922.

23-24. Mối tương thuộc kinh tế : (183), (317).

23-24. Địa - Kinh tế học : "Hoàng hôn của Mỹ", *New York Times*, 23/9/1991 và "Hiệp ước Nhật - Mỹ có thể xoay chuyển sự việc". *Los Angeles Times*, 24/3/1992, cả hai đều của Edward Luttwak ; xem thêm "Tính ưu việt của Kinh tế học" của C.Fred Bergsten, *Foreign Policy*, Mùa hè 1992 và (376), tr. 23.

25-26. Khu vực hoà bình : "Lầu Năm Góc và Pax Americana" của Sol W.Sanders, *Global Affairs*, Mùa hè 1992, tr. 95.

CHƯƠNG 3. SỰ DỤNG ĐỘ GIỮA CÁC NỀN VĂN MINH

27-28. Văn minh : Được chúng tôi sử dụng suốt từ đầu đến cuối cuốn sách, thuật ngữ này đề cập đến một lối sống gắn liền với một hệ thống đặc biệt trong việc làm ra của cải - đó là những hệ thống dựa vào ruộng đất, vào công nghiệp, và bây giờ là dựa vào thông tin. Năm 1993, Samuel P. Huntington, giám đốc Viện Nghiên cứu Chiến lược Olin ở Harvard đã mở một cuộc tranh luận giữa các chuyên gia chính sách đối ngoại Mỹ bằng cách công bố trong số mùa hè của tờ *Foreign Affairs* và trên *New York Times* số 6/6 về sự suy giảm của xung đột kinh tế và tư tưởng trên thế giới và thay vào đó là sự phục hồi chiến tranh giữa các nền văn minh. Làm như vậy, ông ta thách thức trường phái địa - kinh tế coi xung đột thương mại và cạnh tranh toàn cầu như là nguồn chính của sự ganh đua tương lai.

Trong bài viết của mình, Samuel xác định "bảy hay tám nền văn minh" bao gồm văn minh phương Tây, Khổng Tử, Nhật Bản, Hồi giáo, Hindu, Slavơ Chính thống, Mỹ Latinh và có thể cả văn minh châu Phi. Ông bổ sung thêm rằng những ranh giới sai lầm giữa các nền văn minh sẽ là những chiến tuyến trong tương lai". Tuy nhiên cuộc xung đột chủ chốt sẽ là giữa "Phương Tây và các nước còn lại".

Chúng tôi cũng tin rằng các nền văn minh sẽ dụng độ nhau trong tương lai, nhưng không theo cách thức như Samuel đề ra. Một sự dụng độ tiềm ẩn thậm chí còn lớn hơn đang ở phía

trước - "một cuộc xung đột chủ đạo" trong đó chính sự đụng độ giữa các nền văn minh do ông nêu ra cũng bị gộp vào. Chúng ta có thể coi đó là sự đụng độ của các "siêu văn minh".

Trong khi nhiều nền văn minh và tiểu văn minh nảy sinh và tiêu vong trong lịch sử, thì chỉ có hai "siêu văn minh" lớn mà các nền văn minh khác nằm khớp vào trong đó. Đó là "siêu văn minh" nông nghiệp có tuổi thọ 10.000 năm bắt đầu từ Làn sóng biến đổi Thứ nhất, trong đó có các biến thể Khổng Tử, Hindu, Hồi giáo, hoặc phương Tây. Còn nền văn minh kia là "siêu văn minh" công nghiệp tạo ra Làn sóng biến đổi Thứ hai qua khắp Tây Âu và Bắc Mỹ và hiện còn đang tiếp tục phổ biến ra một số nơi khác trên thế giới. Cuối thế kỷ XIX, hệ thống công nghiệp đã xuất hiện ở Nhật Bản, ở Trung Quốc theo quan niệm Khổng Tử, và ở nước Nga theo quan điểm Slavơ Chính thống. Khi đến thế kỷ XX, trào lưu công nghiệp hoá (thường nhằm là "phương Tây hoá") lan tới Thổ Nhĩ Kỳ Hồi giáo dưới thời Attaturk và Iran thời Shah, Braxin Cơ đốc giáo và Ấn Độ Hindu.

Các xã hội này có thể vẫn giữ các yếu tố tôn giáo, văn hoá, tính dân tộc trong các khu vực nông nghiệp của họ, nhưng ở nơi nào mà lực lượng công nghiệp xuất hiện thì chúng đều làm suy yếu những mối liên kết ấy. Sự lan rộng của hệ thống công nghiệp mang lại công cuộc đô thị hoá, làm nổi lên sự kết dính những qui ước truyền thống tôn giáo và đạo đức, làm tan rã cả nhiều mô hình văn hoá khác. Tóm lại, nền siêu văn minh công nghiệp làm biến mất những nền văn minh địa phương ở nơi nào nó lan tới.

Tương tự như vậy, nền Văn minh Làn sóng Thứ ba ngày nay đã phát triển các phiên bản phương Tây, Nhật Bản và Khổng Tử. Đó là lý do vì sao chúng tôi cho rằng định nghĩa truyền thống về nền văn minh mà Huntington dựa vào là không xác đáng, và nhiều cuộc đụng độ mà ông dự đoán, nếu xảy ra, sẽ xảy ra trong một khuôn khổ lớn hơn nhiều - một thế giới ngày càng phân chia thành ba nền siêu văn minh rõ rệt và có khả năng đụng độ nhau một cách tiềm tàng.

Một khi đã nắm chắc điều đó, chúng ta có thể đơn giản hoá mọi việc trong các trang sắp tới. Chúng ta sẽ tiếp tục sử dụng từ "nền văn minh" để nói đến hệ thống nông nghiệp Làn sóng Thứ nhất hay hệ thống công nghiệp Làn sóng Thứ hai hoặc đến xã hội Làn sóng Thứ ba đang nảy sinh, và giả định rằng tính từ "siêu" đã được hiểu rõ.

28-29. Bàn về cách mạng công nghiệp : xem (42), (59), (61), (82), (83), (113), (151), (152), (158), (189), (238), (277), (395), (398).

33-34. Tách đôi : Được bàn thêm ở thư mục (379), chương 30.

CHƯƠNG 4. TIỀN ĐỀ CÓ TÍNH CÁCH MẠNG

41-42. Alexander (115), tr. 149.

42-43. Iphicrates: (115), tr. 160.

42-43. Đánh giá tầm vũ khí : Xem (99) và (44), các tr. 35-36.

42-43. Giáo hoàng Innocent II : (236), tr.68.

42-43. 6.000 dặm : (92), tr.7.

42-43. Lade : "Lade hoá học của "Chiến tranh các vì sao" đã được tiết lộ" của Thomas H. Maugh, *Los Angeles Times*, 23-6-1991.

43-45. Kennedy : (72), tr.2.

CHƯƠNG 5. CHIẾN TRANH LÀN SÓNG THỨ NHẤT

46-47. Về chiến tranh bộ lạc : (86), tr. 183.

46-47. Chiến tranh khác với cướp bóc : (38), tr. 79.

47-48. Trung Hoa cổ đại : cuốn sách bị nhiều người bỏ qua của Thương Ưởng là một tài liệu đáng chú ý - nó có nhiều nhận xét và qui tắc chi tiết. Logic một cách sắc bén và dữ kiện một cách lạnh lùng, nếu Thương Ưởng hiện thân vào thế kỷ XX, chắc ông sẽ là cố vấn cực kỳ giỏi bên cạnh Mao Trạch Đông (110).

49-50. Người Hy Lạp đánh người Hy Lạp : (371), tr. 25, 26 ; (144) Lời giới thiệu của Keegan và tr.35.

- 49-50. "Quân chủ của nước phong kiến..." : (397), tr.59.
- 50-51. Những nghĩa vụ chư hầu : (148), tr. 64.
- 50-51. "Tài hoa, thương vong, mùa đông khắc nghiệt" - (95), tr. 179.
- 50-51. Frederick Đại đế: (77), tr. 17.

CHƯƠNG 6. CHIẾN TRANH LÀN SÓNG THỨ HAI

- 53-54. Sau 1972 : "Frederick Đại đế, Guibert, Bulow : Từ chiến tranh triều đại đến chiến tranh dân tộc" của R.R. Palmer, trong (278), tr.91.
- 54-55. Chế độ cưỡng bách tòng quân ở Mỹ và Nhật Bản : (154), tr. 432 và (193), tr. 216 ; (145), tr. 22-23.
- 54-55. Súng trường Whitney : (249), tr. 136-38.
- 56-57. Sự tiến triển của quân đội Nhật : (145), tr.47.
- 56-57. Cơ sở công nghiệp Chiến tranh Thế giới Thứ hai của Mỹ : (298), nhất là các tr. 880-81 ; (154), tr. 787; xem thêm "Bộ mặt của chiến thắng" của Gerald Parshall, *U.S News and World Report*, 2-12-1991.
- 57-58. Các cuộc oanh tạc Tokyo : (176), tr. 42.
- 57-58. Ludendorff và chiến tranh tổng lực : "Ludendorff : Quan niệm của Đức về chiến tranh tổng lực" của Hans Speier trong (111), tr. 306-19.

CHƯƠNG 7. TRẬN CHIẾN KHÔNG - LỤC

- 61-62. Tiểu sử của Starry : Phỏng vấn Starry : Xem thêm (71), các tr. 244-45.
- 65-66. Cuộc chiến tranh Yom Kippur : Mô tả cuộc chiến Cao nguyên Golan được trích từ (173), (320), (150), (73) và các cuộc phỏng vấn Starry.
- 70-78. Lịch sử Trận chiến không-lục : Phỏng vấn Starry, bổ sung trong (316) ; xem thêm "Quân đội thực hiện một cuộc quay lui"

của John, M. Broder và Douglas Jehl, *Los Angeles Times*, 20-4-1991, "Những ngôi sao phối hợp trong Báo tập Sa mạc" của Thomas S. Swalm, trong (53) tr. 167-68 ; Xem thêm : (410).

77-78. Bản sửa lại học thuyết 1993 : (411).

CHƯƠNG 8 - CÁCH THỨC TẠO RA CỦA CÁI CỦA CHÚNG TA

81-82. Cường độ tri thức cao trong kinh tế : (379), nhất là các chương 3-8.

82-84. Các sản phẩm mới : "Các sản phẩm mới chất đầy các hiệu tạp hoả" của Eben Shapiro, *New York Times*, 24-5-1990.

85-86. IBM : "GM và IBM đối phó với sự việc ảo tưởng đờ" của James Flanagan, *Los Angeles Times*, 25-10-1992.

87-88. Nabisco : "Công nghệ giúp hãng thực phẩm Nabisco chiếm được thứ bậc trong kinh doanh sôi động", *Insights* (Công ty Khoa học điện toán), Mùa xuân 1991.

88-89. Phó Tổng thống Gore : "Dự án cơ sở hạ tầng thông tin", Chương trình Khoa học, công nghệ và chính sách công khai, Trường phái John F. Kenedy của Chính phủ, Trường Đại học Harvard 26-27/5/1993 ; Tuyên bố của John H. Gilbons, Giám đốc Cơ quan Chính sách Khoa học Kỹ thuật, Nhà Trắng, về "Luật ứng dụng công nghệ vi tính cao và mạng lưới cao tốc năm 1993", 27-4-1993 ; "Mạng vi tính cao tốc thúc đẩy lợi ích của giới kinh doanh, trường học", của Lee May, *Los Angeles Times*, 21-11-1991.

CHƯƠNG 9. CHIẾN TRANH LÀN SÓNG THỨ BA

91-92. Ví dụ về dự báo thiệt hại cao trong Chiến tranh Vùng Vịnh : "Dự kiến thiệt hại chiến tranh : lên tới 30.000 binh sĩ Mỹ trong 20 ngày". của Jack Anderson và Dale Van Atta, *Washington Post*, 1-11-1990.

- 91-92. Ví dụ về sự bị quan đối với kỹ thuật. "Quân sự kỹ thuật cao của chúng ta có phải là ảo tưởng không?" của Harry G. Summers, *New York Times*, 19-10-1990.
- 92-94. Hành trình chiếc xe đi Irac : Phỏng vấn Gallois.
- 94-96. Về vụ 117 : (407), tr. 99, 116, 702-3.
- 97-99. Campen : (53), tr. IX-XI, 32-33 : Phỏng vấn Gallois.
- 99-100. Trình độ chỉ huy cao : "Phổ biến và phân phối nhanh thông tin chiến trường" của Timothy J. Gibsou, trong (53), tr. 109.
- 99-100. J-Stars : "Các vì sao phối hợp trong chiến dịch Bão táp Sa mạc" của Thomas S. Swalm.
- 99-100. Các mục tiêu đầu tiên : (407), tr. 96.
- 100-102. Mernissi : (240), tr. 43.
- 105-106. Chất vấn chính quyền : "Khí thế hệ chống quân sự nắm nhiệm sở", của Steven D. Stark, *Los Angeles Times*, 2-5-1993.
- 105-106. Các tướng lĩnh có giáo dục : "Họ cũng có thể chiến đấu", *Forbes*, 18-3-1991.
- 105-106. Yếu tố con người : "Trận chiến bước vào kỷ nguyên siêu chiến tranh", của trung tá Rosanne Bailey và trung tá Thomas Kearney, *Defense News*, 22-7-1991.
- 107-108. "Không chỉ là con lừa chở súng đạn" : "Không gọi nhập ngũ những chiến binh kỹ năng thấp ngày nay" của đại tá W.C. Gregson, *New York Times*, 19-2-1991.

Những đòi hỏi nâng cao kỹ năng phù hợp với nhu cầu về những quan hệ mới giữa con người - điều mà giới quân sự Mỹ phải chật vật đấu tranh. Ngày này qua ngày khác những phát giác về quấy rối tình dục đối với phụ nữ, sự đối xử không đúng với những binh sĩ đồng tính luyến ái trong các lực lượng vũ trang cho thấy thái độ "đàn ông" hung hăng cổ xưa vẫn còn ăn sâu bám rễ trong văn hoá quân sự. Tuy nhiên, trong xã hội Làn sóng Thứ ba biến đổi nhanh chóng, quân sự giống như lực lượng lao động mới, phải biết cách chuyển tính hỗn tạp thành lợi thế.

Giới quân sự Mỹ đã làm tốt việc tổ chức lại và thay đổi sự phân bố kỹ năng tốt hơn nhiều nhà doanh nghiệp, song đến nay, trong việc thử thách những giá trị cũ, nó làm tồi hơn so với nhiều công ty. Do đạo đức, tính thích ứng, sự đổi mới và kiến thức kỹ thuật trở thành quan trọng để tồn tại, nên giới quân sự tiên tiến sẽ buộc phải xoá bỏ dấu vết của chế độ gia trưởng cùng thái độ không khoan dung dựa trên chủng tộc, tôn giáo hay ý thích tình dục.

- 109-111. Vật đối lập với quản lý vi mô : (349), tr. 149-50.
- 109-112. "Chỉ huy từ hậu phương" của Liên Xô : (346), tr. 43.
- 111-112. Vai trò Pagonis : "Kỳ công ngôi sao của tướng lĩnh : quân đội sa mạc đến rồi đi", của Youssef M. Ibrahim, *New York Times*, 8-11-1991.
- 112-114. 118 trạm di động : "Hỗ trợ thông tin cho chiến trường công nghệ cao" của Larry K. Wentz, trong (53), tr.10.
- 112-114. 700.000 cú điện thoại : "Thông tin liên lạc trong Báo táp Sa mạc" của Joseph S. Toma, trong (53), tr.1.
- 114-115. Tăng tốc : "Những nguyên tắc của Tồn Tử" của Joseph J. Romm, *Forbes*, 9-12-1991.

CHƯƠNG 10. SỰ DÙNG DỘ GIỮA CÁC HÌNH THÁI CHIẾN TRANH

- 116-117. Clausewitz nói về "bức tranh lớn" : (64), tr. 584.
- 117-118. Súng máy : (113), tr. 86-87.
- 118-120. Cuộc nổi loạn ở Satsuma : (145), tr. 30-32, Xem thêm (403).

CHƯƠNG 11. CÁC CUỘC CHIẾN TRANH RIÊNG RẺ

- 128-130. Keyworth dẫn : Biên bản của hội nghị chuyên đề về các giải pháp về nguồn thông tin công khai. Washington, Đặc khu Columbia, 1-3/ 12/1992, quyển 1.
- 130-131. Các chiến dịch đặc biệt trong Chiến tranh vùng Vịnh : (407), tr. 114 - 15, 530, 532 ; xem thêm (330), tr. 414.

- 130-133. Số lượng và các loại hình của lực lượng tác chiến đặc biệt : (197), (302), (11).
- 132-133. Nhà vận động cho chiến dịch đặc biệt : Phỏng vấn Messing.
- 133-134. Công nghệ trong chiến dịch tác chiến đặc biệt đầu tiên trong Chiến tranh Vùng Vịnh (407), tr. 115.
- 133-134. Nhiệm vụ cứu con tin ở Iran : (386), tr.77.
- 134-136. Cuộc trưng bày về chiến dịch đặc biệt : Phỏng vấn Bumback.
- 134-136. Cuộc họp tại khách sạn Old Colony : Hội nghị về chiến dịch đặc biệt, về xung đột cường độ thấp và về ngăn chặn ma túy, 7-8/11/1991.
- 136-138. Simpson và Childress : tại Hội nghị Old Colony.
- 138-139. Đường lối thời gian của công nghệ Shachnow : bài trình bày 7-1992 tại khoá học và Trường Chiến tranh Đặc biệt John F. Kennedy, Pháo đài Bragg, Bắc Carolina.

CHƯƠNG 12. CHIẾN TRANH VŨ TRỤ

Cuộc chiến tranh thông tin thứ nhất, do Alan D. Campen biên soạn (53), là một nguồn thông tin kỹ thuật cần thiết về Chiến tranh Vùng Vịnh Pécxích, nhất là trong lĩnh vực vũ trụ.

- 141-142. Trường hợp đầu tiên : (53), tr. 135.
- 141-142. Anson và Cummings: "Chiến tranh vũ trụ lần thứ nhất" trong (53), tr. 121-34.
- 141-142. Vệ tinh và các chức năng : "Chương trình vũ trụ quân sự đứng trước sự kiểm tra thực tế" của Ralpho Vartabedian, *Los Angeles Times*, 30/12/1992.
- 142-143. Cơ quan Vũ trụ của Liên hợp quốc : "Những lợi ích vũ trụ" - Một khía cạnh mới của chính trị toàn cầu" của Kai- Uwe Schrogl, *Aussenpolitik*, số IV, 1991, tr. 373-82.
- 143-145. Những đợt phóng tên lửa : "SDI và phổ biến tên lửa", của John L. Piotrowski, *Global Affairs*, Mùa xuân 1991, tr.62.

- 143-145. Tên lửa Bắc Triều Tiên : "Bắc Triều Tiên làm Trung Đông hoàng hốt" của Kenneth R. Timmerman, báo *Wall Street Journal Europe*, 29-30/5/1992 ; Xem thêm "Bắc Triều Tiên xem xét đẩy mạnh xuất khẩu tên lửa Scud", của Terrence Kiernan, *Defense News*, 26/4-2/5/1993.
- 143-145. Chế độ kiểm tra công nghệ tên lửa : (283), tr. 131.
- 145-146. Phổ biến vệ tinh : "Mối lo ngại tăng lên khi Các Tiểu Vương quốc Ảrập thống nhất tìm kiếm vệ tinh gián điệp của Mỹ" của William Broad, *New York Times*, 17-11-1992; "Kế hoạch vệ tinh của Các Tiểu Vương quốc Ảrập thống nhất làm Mỹ bối rối" của Vincent Kiernan và Andrew Lawler, *Defense News*, 16-22/11/1992.
- 146-148. Chuyển đổi sang "Phòng thủ tên lửa đạn đạo" : "Sự ra đời và sụp đổ của phòng thủ chiến lược" và "Kỷ nguyên Phòng thủ tên lửa đạn đạo đòi hỏi những sự lựa chọn khó khăn, ảo tưởng" của Barbara Opall, *Defense News*, 17-23/5/1993 ; "Kỷ nguyên "Chiến tranh các vì sao" kết thúc do Aspin thay đổi trọng tâm" của Melissa Healy, *Los Angeles Times*, 14/5/1993.
- 146-148. Cảnh cáo của Horner : "Chỉ huy chiến tranh vũ trụ Mỹ yêu cầu máy bay đánh chặn trên quỹ đạo" của Barbara Opall, *Defense News*, 10-16/5/1993.
- 146-148. Những kế hoạch của nước Anh : "Bộ Quốc phòng xem xét việc vũ trang chống lại nguy cơ tên lửa của Thế giới Thứ ba" của Michael Evans, *The Times* (Luân Đôn), 28-10-1992.
- 146-148. Những kế hoạch của Pháp : "Mỹ, Pháp bàn chương trình phối hợp ATBM" của Giovanni de Briganti, *Defense News*, 2-9-1991.
- 146-148. Liên minh Tây Âu : "Châu Âu chú ý đến phòng thủ tên lửa" của Keith Payne, *Defense News*, 24-30/5/1993.
- 146-148. Nhu cầu về vũ khí chống vệ tinh : "Mc Peak thúc bách lựa chọn ASAT", của Neff Hudson và Andrew Lawler, *Defense News*, 19-25/4/1993.

- 148-150. Tương lai không xa : "Sau trận chiến" của Eliot Cohen, *New Republic*, 1-4-1991.
- 148-150. ASAT Xô viết được công bố : (46), tr. 76, 91.
- 148-150. Thử nghiệm ASAT : "Sự đáp ứng đối với Liên hiệp các nhà khoa học quan tâm" của Robert da Costa, *Defense Science*, 4-1984.
- 153-154. "Vùng trung tâm" của vũ trụ : (72), tr. 1, 23, 47-49.

CHƯƠNG 13. CHIẾN TRANH ROBOT

Nguồn tài liệu đầu tiên về robot học quân sự là cuốn sách *Chiến tranh không cần người*, quyển II, tập : Chiến tranh Tương lai (Washington, Đặc khu Columbia, Bergamon-Brassey, 1988), của Steven M. Shaker và Alan R. Wise.

- 157-158. "Tiêu chuẩn" thiệt hại : Phòng vấn Harrison.
- 159-160. Xe tăng không người lái : Phòng vấn Yuen : Xem thêm : "Những bài học rút ra từ Chiến tranh Trung Đông - sự nhấn mạnh được đề xướng đối với nghiên cứu tương lai". Bản ghi nhớ TRW của Yuen ngày 6-3-1991.
- 159-160. Tốp A : Phòng vấn Harrison.
- 159-160. Báo cáo của Meieran : "Vai trò của robot di động ở Côoét và Chiến tranh Vùng Vịnh: Điều gì có thể, sẽ và phải xảy ra". Biên bản của cuộc trưng bày và hội thảo chuyên đề kỹ thuật hàng năm lần thứ 18, Hiệp hội hệ thống cơ giới không dùng người điều khiển, Washington, 13-15/8/1991.
- 161-163. Máy bay robot Nhật : "Máy bay lên thẳng loại mới có thể bay không cần người lái", của Sumihico Nonoichi, *Japan Economic Journal*, 30-3-1991.
- 163-164. Tài liệu Prowler : (339), tr. 52-54.
- 165-166. Robot-nổ khiếp sợ : (339), tr.169.

165-166. Stone ở TRW : "Từ những quả bom thông minh đến những quả tên lửa thông minh" của Evelyn Richards, *Washington Post National Weekly*, 11-17/3/1991.

166-168. Tư tưởng chống robot : (339), tr. 170-71.

169-170. Đời sống nhân tạo : "Con ác mộng đời sống nhân tạo" của Steven Levy, *Whole Earth Review*, Mùa thu 1992.

CHƯƠNG 14. NHỮNG GIÁC MƠ CỦA DA VINCI

171-172. Những phần tử nhảy và những quả mìn "thông minh": Phỏng vấn Forster.

172-173. Vô giáp "thông minh" : "Bộ Quốc phòng thử nghiệm vô giáp xe tăng thông minh" của Vago Muradian, *Defense News* 1-7/3/1993.

172-173. Chiến trường tất cả đều bằng điện và bộ quần áo bằng xương : Phỏng vấn Harrison và Forster.

173-175. Máy cực nhỏ : "Con kiến robot có thể là công cụ hoặc một gián điệp bé nhỏ", của Edmund L. Andrews, *New York Times*, 28/9/1991.

173-175. Công nghệ siêu nhỏ : (104), (308), tr. 362 ; xem thêm các thư của K. Eric Drexler, Susan G. Hadden, và Jorge Chapa trong *Science*, 17/1/1992.

175-176. Vũ khí hoá học và sinh học : xem giải trừ vũ khí hoá học và an ninh quốc tế, *Adelphi Papers* 267, Viện nghiên cứu chiến lược quốc tế; Hội nghị quốc tế về Phòng thủ và công nghệ NBC, 4/1986; "Những nghiên cứu của Mỹ về phòng thủ chiến tranh sinh học có thể có kết quả tích cực", *Discover*, 6/1986 ; "Liên Xô chọc tức phương Tây về vũ khí lạ", *New York Times*, 11-8-1976; xem thêm (318) về sự biện hộ cho vũ khí hoá học.

176-178. Vũ khí chủng tộc : "Có thể có vũ khí chủng tộc", *Defense News*, 23-3-1992.

178-179. Người La Mã ở Carthago : (138), tr. 144.

- 179-180. 30 năm kể từ nay : Lời chứng của Alvin Toffler, Ủy ban đối ngoại Thượng viện Mỹ, Khoá họp 4, kỳ họp thứ nhất. Buổi thảo luận từ 7/5 đến 4/6/1975, trích trong *International Associations*, 1975, tr. 593.

CHƯƠNG 15. PHẢI CHẰNG CÓ LOẠI CHIẾN TRANH KHÔNG ĐÓ MÁU?

- 182-183. Vai trò của Hội đồng Chiến lược toàn cầu Mỹ (USGSC) trong vấn đề vũ khí không gây chết người : phỏng vấn Cline.
- 182-183. Dự án về vũ khí không gây chết người : Phỏng vấn vợ chồng Morris.
- 182-183. Về mô tả chung dự án USGSC : "Vũ khí không gây chết người : Sự phát triển một chính sách quốc gia và sử dụng phương tiện không giết người trong kỷ nguyên chiến lược mới" ; Báo cáo của Hội đồng Chiến lược toàn cầu Mỹ, không đề ngày.
- 184-185. Những định nghĩa về vũ khí không giết người : Phỏng vấn vợ chồng Morris ; tài liệu về dự án USGSC.
- 184-185. Phản đối những phiên bản sai lầm về vũ khí không giết người : Phỏng vấn vợ chồng Morris.
- 185-187. Chiến tranh không bao giờ có thể là nhân đạo : "Tìm kiếm một chiến lược không giết người" của Janet Morris, một báo cáo về dự án vũ khí không giết người của USGSC, không đề ngày.
- 185-187. Những phản ứng đối với dự án : "Những nhà tương lai học nhìn nhận Lầu Năm Góc tử tế hơn, hiền lành hơn", *San Francisco Examiner*, 16-2-1992.
- 185-187. Bình luận về Perry Smith : (349), tr. 141.
- 185-187. Warden được dẫn : "Lầu Năm Góc soạn thảo Chiến lược chiến tranh không giết người" của Barbara Opall, *Defense News*, 16-2-1992.
- 188-191. Vũ khí lade : "Vũ khí lade của Liên Xô gần đạt độ chín mười chiến thuật" của trung tướng Leonard Peroots, Không lực Mỹ, đã nghỉ hưu, *Signal*, 3/1990.

- 190-191. Danh mục các công nghệ không giết người : "Khả năng không giết người : Sự phát triển của một chính sách quốc gia và sử dụng vũ khí không giết người trong kỷ nguyên chiến lược mới". Báo cáo của Hội đồng chiến lược toàn cầu Mỹ, không đề ngày.
- 191-193. Tư duy học thuyết về khả năng không giết người : "Nghiên cứu quân sự về kho vũ khí khác thường" của Neil Munro và Barbara Opall, *Defense News*, 19-25/10/1992.
- 193-195. Tính bí mật với vũ khí không giết người : Phỏng vấn vợ chồng Morris.
- 195-196. Chính sách ngoại giao với vũ khí không giết người : Phỏng vấn vợ chồng Morris.

CHƯƠNG 16. NHỮNG CHIẾN BINH THÔNG TIN

- 201-202. Strassmann: Các tác giả biết Strassmann đã nhiều năm. Tài liệu này chủ yếu dựa vào các cuộc phỏng vấn ông.
- 202-203. Strassmann bàn về tình trạng thiếu học thuyết thông tin : "Bộ Quốc phòng sáng tạo học thuyết thông tin" của Neil Munro, *Defense News*, 2/12/1992.
- 202-203. Đơn vị đánh giá thực lực : Gặp gỡ Andy Marshall và ban tham mưu.
- 202-203. Thông tin như là một tài sản chiến lược : "Kế hoạch thời chiến của Lầu Năm Góc đòi hỏi việc đánh lạc hướng và ngành điện tử", của Neil Munro, *Defense News*, 10-16/5/1993.
- 203-205. Khái quát về chiến tranh thông tin : "Chiến tranh điều khiển học đang xuất hiện" của John Arquilla và David Ronfeldt, Dự thảo báo cáo thảo luận, Vụ Chính sách quốc tế của RAND, 6/1992.
- 207-208. "Bí mật" của Thung lũng Silic : "Phỏng vấn ASAP/ Tom Peters", *Forbes ASAP*, 29/3/1993.
- 208-210. Bàn về "tính liên kết" : (407), tr. 559.

- 210-211. Mạng toàn cầu hợp nhất : Phỏng vấn Stuart Slade của Viện dự báo quốc tế.
- 211-213. Ý nghĩa quân sự của thông tin quân sự hợp nhất : Phỏng vấn Slade.
- 214-216. Tính ưu việt thông tin với tư cách là yếu tố mong manh : Phỏng vấn Munro.
- 216-218. Máy vi tính và tính dễ hư của viễn thông : "Bệnh nhiễm "vi rút" đang lan tràn trong hệ thống chuyển giao quỹ ở Mỹ" của Steven Mufson và "Cục điều tra liên bang điều tra việc thâm nhập máy vi tính trong hợp đồng nước rút" của John Burgess, cả hai đều đăng trên *International Herald Tribune*, 22-2-1990 ; "Giới kinh doanh New York được báo động về nguy cơ thất bại trong viễn thông", *Financial Times*, 19-6-1990 ; "Mỹ đẩy mạnh sáng kiến tiến hành chiến tranh thông tin" của Neil Munro, *Defense News*, 25-31/1/1993 ; "Sự tiến công lén lút của vi rút" của John Dehaven, *Byte*, 5/1993.

Xem thêm "Sự giết êm" của Peter Black, *Wired* tháng 7/8, 1993, trong đó ông chỉ ra rằng "đội đáp ứng khẩn cấp máy vi tính" đã được thành lập ở Bộ Quốc phòng, Bộ Năng lượng, và Cơ quan An ninh Quốc gia nhằm đối phó với các cuộc tiến công virut và tiến công khác vào hệ thống máy vi tính của họ, nhưng "đó chỉ là những sở cứu hoả mạng số nhỏ bé" và "không có chiến lược lớn nào về phòng thủ hoặc về tiến công" trong lĩnh vực cơ cấu hạ tầng thông tin.

- 219-221. Những con thú ăn mồi vi rút, v.v... (251), tr. 126-33.

CHƯƠNG 17. TƯƠNG LAI CỦA TÌNH BÁO

Xem thêm (379), chương 24. "Một thị trường tình báo".

- 223-224. Quá trình hoạt động của Kalugin (10), tr. 483-84, 525-27.
- 224-225. "Học viện An ninh quốc gia" Nga : Phỏng vấn Kalugin.
- 224-225. Xã luận "Về tình trạng bị khống chế khá chặt" : *New York Times*, 18-3-1993.

- 225-227. "Những sản phẩm" tình báo mới: "Dứng trong hoạt động An ninh quốc gia : những vai trò mới của quân sự Mỹ", của John L. Petersen, Biên bản hội nghị chuyên đề lần thứ nhất về giải pháp nguồn thông tin công khai, Washington, 1-3/12/1992, quyển I.
- 227-228. Tin tức tình báo về "địa điểm bán" : "Tin tức tình báo năm 2002 : Một khái niệm về chiến dịch", của Andrew Shepard, Biên bản Hội nghị chuyên đề lần thứ nhất về giải pháp nguồn thông tin công khai, Washington, 1-3/12/1992, quyển I.
- 227-228. Kế hoạch Codevilla : "Cục Tình báo Trung ương mất đi những phần tử tinh túy" của Angelo Codevilla, *New York Times*, 13-2-1993.
- 227-228. Thóc và trấu : Những vấn đề đánh giá hiệu quả tình báo được bàn trong "Tình báo và chính sách đối ngoại của Mỹ : Làm thế nào để đo sự thành công?" của Glenn Hastedt, *International Journal of Intelligence and Counter Intelligence*, Mùa 'xuân 1991, tr. 49-62.
- 228-230. Thay đổi những yêu cầu đối với tình báo : (26), tr. 190.
- 228-230. Tin tức tình báo cá nhân chính xác : (90), tr. 137.
- 228-230. Tập trung vào bốn khung bố : "Hình dung các hình mẫu và xu hướng trong dữ liệu" của Christopher Westphal và Robert Beckman, Biên bản Hội nghị chuyên đề về nhóm (cộng đồng tình báo) hướng dẫn phân tích và xử lý thông tin tiên tiến, Tyson Corner, Virginia, 2-4/3/1993.
- 228-230. Công ty các Khoa học phân tích (TASC) bàn về việc giám sát vũ khí: như trên.
- 233-235. Cái giá của sự bí mật : Keyworth trong biên bản Hội nghị chuyên đề lần thứ nhất về các giải pháp nguồn thông tin công khai, Washington, 1-3/12/1992, quyển I.
- 233-235. Tài liệu của Steele dựa trên các cuộc phỏng vấn ông cùng các bài viết của ông sau đây : "Ứng dụng "mẫu hình mới" : Để tránh những thất bại chiến lược trong tương lai". *American*

Intelligence Journal, Mùa thu 1991 ; "E3I : Ethics (Đạo đức), Ecology (sinh thái), Evolution (Tiến hoá) và Intelligence (Tình báo)", *Whole Earth Review*, Mùa thu 1992, xem thêm nhiều báo cáo trong "Tình báo - những ý kiến chọn lọc - Quyển 1" của Học viện Chỉ huy và Tham mưu, Bộ tư lệnh Lính thủy đánh bộ Mỹ, Trường Đại học Lính thủy đánh bộ. Xem thêm : "Hoan nghênh các nhận xét" tại Hội nghị chuyên đề lần thứ nhất về các giải pháp nguồn thông tin công khai, Washington, 1-3/12/1992, quyển I.

CHƯƠNG 18. SỰ TUYÊN TRUYỀN

- 242-243. Tuyên truyền của Hy Lạp thời cổ : (371), tr. 31.
- 242-243. Thông tin giả : (345).
- 242-243. Tầm huy chương Đức (371), tr.165.
- 243-245. 29 triệu truyền đơn : (407), tr. 537.
- 243-245. "Con yêu tinh" nước Phổ : (371), tr. 166.
- 245-246. Biến thành quỷ : (372), tr 6-7, 140, 211.
- 245-246. Chúa ủng hộ chúng ta : (240), tr. 102.
- 248-250. Sáu tuần lễ của vô tuyến truyền hình : (349), tr. 123.
- 248-250. T.V. nắm quyền : "Kỷ nguyên hoài nghi", của Ignacio Ramonet, *Le Monde Diplomatique*, 5/1991.
- 252-253. Trận đánh New Orleans : (354), tr. 220-21.
- 253-255. Phương tiện thông tin đại chúng hoá : "Chiến tranh Vùng Vịnh không đúng chỗ!" trong *Le Matin du Sahara*, 24/6/1991.

CHƯƠNG 19. LUỖI CÀY TRỞ THÀNH THANH KIẾM

- 261-262. Chế độ cưỡng bức tổng quân trong Cách mạng Pháp : (289), tr. 10-11.
- 262-263. Nước Phổ bắt chước kiểu chiến tranh Pháp : (136), tr. 25.

- 262-263. Chiến tranh điện tử chuyển dịch... : "Những cái "tai to" chống lại "bộ óc", *Le Monde*, 1/6/1992.
- 263-265. Ông pháo cối : Thông tin cá nhân, 11/5/1993.
- 268-270. Cuộc trao đổi kinh doanh giữa Lockheed và Livermore : "Sự chuyển đổi lớn", của Peter Grier, *World Monitor*, 1/1993.
- 270-271. Dịch vụ tiêu dùng cho chiến tranh: Phỏng vấn Daniel Goure.
- 275-276. Nhân dạng sơ đồ ném bom : "Những tiếng kêu phòng thủ trong dân thường", *Business Week*, 7/9/1992.
- 275-276. Máy tiện để bàn : "Vật thờ", *Wired*, tháng 5-6/1993.
- 275-276. Sao chép nguyên mẫu nhanh ở Baxter : "Cán và đúc bằng máy vi tính", của John Holusha., *New York Times*, 7/4/1993.

CHƯƠNG 20. THẦN LINH ĐƯỢC GIẢI THOÁT

- 278-279. Sự mô phỏng một cuộc khủng hoảng hạt nhân bao gồm Mỹ và Bắc Triều Tiên được phác thảo để kiểm chế và có tính giáo dục. Nó buộc các đầu thủ phải xem xét nhiều vấn đề không rõ ràng về đạo đức, chính trị và kỹ thuật đặt ra cho những người ra quyết định trong trường hợp có khủng hoảng thật.
- 280-282. Số tên lửa và đầu đạn chiến lược của các nước Cộng hoà Xô viết cũ tại thời điểm đang viết sách này, gồm :

Nga:

SS.11.SEGO, khoảng 280 tên lửa, 560 đầu đạn.

SS.13. SAVAGE, 40 tên lửa, 40 đầu đạn.

SS.17. SPANKER, 40 tên lửa, 160 đầu đạn.

SS.18. SATAN, 204 tên lửa, 2040 đầu đạn.

SS.19. STILETTO, 170 tên lửa, 1020 đầu đạn.

SS.24 SCALPEL, 36 tên lửa, 360 đầu đạn, (trên bộ phóng).

SS.24 SCALPEL, 10 tên lửa, 100 đầu đạn.

SS.25. SICKLE, 260 tên lửa, 260 đầu đạn.

Ucraina:

SS.19. STILETTO, 130 tên lửa, 780 đầu đạn.

SS.24. SCALPEL, 46 tên lửa, 460 đầu đạn.

Cadácxtan:

SS.18. SATAN: 104 tên lửa, 1040 đầu đạn.

Belarút:

SS.25. SICKLE, 80 tên lửa, 80 đầu đạn.

Danh mục trên khiến cho những người có đầu óc suy nghĩ phải xem xét điều gì sẽ xảy ra nếu các quốc gia có hạt nhân khác chứng tỏ là có khả năng tách hạt nhân. Điều gì sẽ xảy ra đối với *Lực lượng giáng trả* của Pháp nếu như đến một lúc nào đó những người dân tộc cực đoan nắm được quyền lực ở Paris, hoặc nếu phong trào ly khai có nguy cơ chia rẽ nước Pháp làm nhiều mảnh? Ai sẽ nắm giữ bom nguyên tử của Trung Quốc nếu nội chiến bùng nổ một thập kỷ sau khi Đặng Tiểu Bình chết? Về vấn đề này, Hoa Kỳ, cường quốc hạt nhân lớn nhất, sẽ làm gì? Liệu có thể tưởng tượng được Idaho, cái nơi chứa tên lửa chiến lược và đang nảy nở sự sùng bái phát xít mới, một ngày nào đó có ý đồ tách ra khỏi sự thống trị của Washington? Rất có thể không xảy ra như vậy. Nhưng một thời trước đây, người ta cũng đã rất khó tưởng tượng ra được sự độc lập của Ucraina, Belarút, hay Cadácxtan, những "Idaho" của Liên Xô có trang bị hạt nhân riêng.

283-284. Vũ khí hạt nhân chứa trên các toa xe lửa của Nga : "Nghị viện đồng ý cắt giảm kho vũ khí" của Alexander Stukalin, *Commersant* (Matxcơva), 10/11/1992. Những điều kiện nguy hiểm cũng được nhấn mạnh trong cuộc phỏng vấn Viktor Alksnis, được gọi là "Đại tá đen", nguyên là lãnh đạo nhóm Soyuz (Liên bang) trong Nghị viện Xô viết.

283-284. Về việc buôn lậu nguyên liệu hạt nhân của Nga, xem "Đã đến lúc phải chấm dứt maphia hạt nhân của Nga", của Kenneth R. Timmerman, *Wall Street Journal*, 27-28/11/1992. Xem thêm

"Thiên đường của những kẻ buôn lậu" của Steve Liesman, *Moscow Times*, 5-6/12/1992.

- 283-284. Phái Mujahedeen Nhân dân nói về việc Cadácxtan bán vũ khí hạt nhân cho Iran : "Đã đến lúc phải chấm dứt maphia hạt nhân của Nga", (như trên). Xem thêm "Những chuyện buôn bán hạt nhân giữa Iran và Cadácxtan bị phủ nhận", *San Jose Mercury News*, 16/10/1992. Tổng thống Nazarbayev bác bỏ những "tin đồn" như vậy trong cuộc gặp gỡ kéo dài với chúng tôi ở Alma Ata ngày 3-12-1992.
- 283-284. Bom hạt nhân của Agiécbaidan : "Oxetia đe dọa Grudia bằng một cuộc tấn công hạt nhân", *ABC* (Barcelona), 2/6/1992.
- 285-286. Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT) một hiệp ước được nhiều nước tham gia nhất : "Irắc và tương lai của việc không phổ biến hạt nhân : Vai trò của thanh tra và hiệp ước" của Joseph F. Pilat, *Science*, 6/3/1992.
- 286-288. Chương trình N (hạt nhân) của Irắc "ở mức số không" : "Quả bom của Irắc - một sự kiện mới" của Diana Edensword và Fary Milhollin, *New York Times*, 26/4/1993.
- 286-288. Những thanh tra viên IAEA : Báo cáo năm 1990, Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA), 7/1991 ; xem thêm "Nạn dịch hạt nhân", *U.S. News and World Report*, 16/3/1992.
- 286-288. Các kênh thương mại và buôn lậu : "Thiên đường của những kẻ buôn lậu", của Steve Liesman, *Moscow Times*, 5-6/12/1992.
- 286-288. Phỏng vấn Mikhailov ngày 27/11/1992 ở Matxcova.
- 286-288. Mokhov bàn về ăn cắp nguyên liệu hạt nhân (N) : "Những người Xôviết cũ" thả lỏng vũ khí hạt nhân" gây ra những lo âu về an ninh", của John-Thor Dahlberg, *Los Angeles Times*, 28-12-1992.
- 288-289. Tài liệu của Builder : Phỏng vấn Builder, xem thêm *Tương lai của việc ngăn chặn hạt nhân*, của Carl H. Builder, Báo cáo RAND P. 7702, Công ty RAND, tháng 2-1991.

- 289-291. Kiểm soát xuất khẩu không có sự phối hợp : "Quả bom của Irắc - một sự kiện mới". (Tài liệu đã dẫn). Xem thêm phỏng vấn Edensword.
- 294-296. Quan niệm lại về vấn đề phổ biến hạt nhân : Phỏng vấn Seaquist. Xem thêm bản báo cáo công tác về sáng kiến chống phổ biến hạt nhân của Bộ Quốc phòng Mỹ.
- 296-297. Golay : trích trong "Nạn dịch hạt nhân", *U.S. News and World Report*, 16/3/1992. Về một cuộc công kích dữ dội vào việc thất thoát thông tin hạt nhân, xem thêm : "Phổ biến 101 : Khả năng của tổng thống", của Arnold Kramish, *Global Affairs*, mùa xuân 1993.
- 296-297. Dòng thông tin: *Tương lai của sự ngăn chặn hạt nhân* (tài liệu đã dẫn).

Nếu chúng ta coi mối đe dọa hạt nhân không phải là một hiện tượng ngắn hạn, mà là một vấn đề của 25-30 năm, thì ta sẽ có một yêu cầu công tác dài hạn về công nghệ để trung hoà hay ít nhất giảm bớt sự nguy hiểm. Chúng ta cần các phương tiện tốt hơn để phát hiện phóng xạ - kể cả khi chúng bị chôn sâu hay che chắn. Chúng ta biết rằng xung điện từ (EMP) có thể được tạo nên bằng các phương tiện phi hạt nhân và chủ yếu "nướng chín" các bộ phận điện tử mà vũ khí hạt nhân phụ thuộc vào. Vũ khí EMP sẽ được đề cao trong chương trình nghiên cứu. Chúng ta cần robot tốt hơn giúp bảo vệ cho các phương tiện hạt nhân khỏi bị bọn khủng bố, bọn tội phạm và những kẻ khác tìm cách thâm nhập và phá hoại. Chúng ta cần có sự phối hợp những hành động cho phép một cách tốt hơn và an toàn hơn, cần có nhiều phần tử nhạy cảm hơn, cần sự liên kết tốt hơn giữa hình ảnh và dữ liệu từ vệ tinh, cần sự chính xác nhiều hơn nữa của vũ khí thay thế. Tóm lại, những công nghệ có cường độ thông tin cao có thể giảm bớt mối đe dọa của vũ khí hạt nhân trên thế giới.

Không có sự bảo đảm chắc chắn nào chống lại sự diên rồ nhằm trả thù hay tự tử tập thể, nhưng những công cụ Làn sóng

Thứ ba vẫn là cần thiết để trung hoà vũ khí mới nhất của Làn sóng Thứ hai.

CHƯƠNG 21. KHU VỰC ÁO TUỒNG

303-305. Cơ sở công nghệ cho chủ nghĩa khu vực : Kenichi Ohmae của Nhật đã theo dõi sự ra đời của quốc gia-khu vực và mô tả quốc gia- dân tộc như là một quốc gia "phi chức năng". Trong *Foreign Affairs* số ra Mùa xuân 1993, ông chỉ ra rằng các quốc gia - khu vực có "mối liên kết hàng đầu" với "kinh tế toàn cầu, chứ không phải với các mẫu quốc của chúng". Nhưng Ohmae thừa nhận rằng "những giải pháp truyền thống của chính sách đối ngoại, an ninh và quốc phòng cùng với những chính sách kinh tế vĩ mô và tiền tệ", vẫn là "phạm vi của các quốc gia - dân tộc". Ông thuyết phục các quốc gia - dân tộc đối xử với các thế lực đang trỗi dậy của các quốc gia - khu vực "một cách nhẹ nhàng", và trong bài viết trên *Foreign Affairs*, ông ít nói tới những hậu quả chính trị của hai hay thậm chí ba khu vực dân tộc. Ohmae là một trong những nhà phân tích toàn cầu thông minh nhất, nhưng chúng tôi cho rằng ông đánh giá thấp sự chấn động chính trị do sự ra đời của thế lực khu vực tạo ra.

Các khu vực ra đời không cho phép các quốc gia - dân tộc đặt ra thuế má, quyết định chính sách thương mại, điều hành tiền tệ và có đại diện ngoại giao của họ một cách vô hạn định. (Ngay trong số báo của tờ *Foreign Affairs* đó có đăng một bài kêu gọi California vận dụng một chính sách đối ngoại riêng). Các khu vực không thể tránh khỏi phải thách thức quyền lực quốc gia, và như vậy, không có lý do gì yêu cầu chính quyền trung ương phải đối xử "nhẹ nhàng" với họ. Hơn nữa, sự ra đời của khu vực không phải chỉ là vấn đề hợp lý về kinh tế - mà nó bao gồm cả văn hoá, tôn giáo, đạo đức, và các xung đột nguy hiểm khác sâu sắc về tình cảm và do vậy cả về chính trị nữa.

306-308. Tham khảo Mạng lưới điện tử-chính trị : "Nền dân chủ điện tử", của Howard H. Frederick, (Toronto), tháng 7-9/1992.

CHƯƠNG 22. MỘT THẾ GIỚI CHIA BA

- 313-314. Những cái bụng ỏng của Trung Quốc : "Khi Trung Quốc nhảy vọt về phía trước, thì người nghèo tụt lại phía sau", của Sheryl WuDunn, *New York Times*, 23/5/1993,.
- 314-316. Chợ Lajpat-Rai của Ấn Độ : "Đĩa Wallah" của Jeff Greenwald, *Wired*, tháng 5-6/1993.
- 314-316. Những kẻ ly khai ở Braxin : "Cố gắng ngăn chặn sự tan rã của Braxin" của Christina Lamb, *Finacial Times*, 3-11-1992.

CHƯƠNG 23. VỀ CÁC HÌNH THÁI HOÀ BÌNH

- 325-326. Những ý đồ ban đầu nhằm giảm bớt vũ lực : (86), tr. 176-79.
- 326-327. Những chuẩn mực để đối xử với binh sĩ : (2), tr. 27-30.

CHƯƠNG 24. HÌNH THÁI HOÀ BÌNH TIẾP THEO

- 330-331. Những quan niệm về hoà bình không thay đổi từ 1815 : (23), tr.V.
- 336-337. Bầu trời mở rộng công khai: (46), tr. 26-27.
- 337-339. Chấp thuận thanh tra : "Tương lai của sự giám sát và kiểm định", của Hendrik Wagenmakers, báo cáo trình Hội nghị Liên hợp quốc về "Hệ thống quốc tế hậu - chiến tranh lạnh và những thách thức đối với những nỗ lực giải trừ quân bị đa phương", Kyoto, Nhật, 27-30/5/1991.
- 339-341. Những thất bại của IAEA : "Nỗ lực nguyên tử của Irac cho thấy điểm yếu của sự kiểm soát quốc tế", của William J. Broad, *New York Times*, 15/7/1991.
- 342-344. Vụ ám sát Meshad và Bull : (1), tr. XIII, 18.
- 344-345. Những mối liên kết hành động cho phép : "Chiến tranh giữa các vì sao trong khu vực tranh tối tranh sáng". *New York Times*, 14/6/1992.
- 346-347. Vasic : "Những tiếng nói căm lạng từ Bancăng, *The New Yorker*, 3/3/1993.

- 347-349. Orosi : "Giới báo chí Anbani : nạn nhân đầu tiên của chiến tranh truyền thông đại chúng", của Violeta Orosi, trong *Pristina*, in lại trong *War Report* (Luân Đôn) tháng 4-5/1993.
- 347-349. Hoạt động hoà bình : Phòng văn Aaron.
- 349-350. Radio Hoa Kỳ : "Mỹ định lập đài phát thanh tự do Xecbia ở Bid nhằm làm suy yếu Milosevic", của Doyle McManus, *Los Angeles Times*, 21-6-1993.
- 349-350. Bà Melba hát : (409), tr. 176.
- 350-352. Cuộc cách mạng số : "Các cuộc cách mạng thông tin và sự kết thúc của lịch sử", của Elin Whitney-Smith, báo cáo trình bày tại Hội nghị chuyên đề những giải pháp về nguồn thông tin công khai, Washington, 1- 3/12/1992.

CHƯƠNG 25. HỆ THỐNG TOÀN CẦU CỦA THẾ KỶ XXI

- 354-356. 5.000 nước : "Vi các cuộc chiến tranh sắc tộc gia tăng nên Mỹ cố gắng để đạt được một chính sách", của David Binder và Barbara Crossette, *New York Times*, 7/2/1993.
- 354-356. Thành quốc Xingapo : Phòng văn Yao.
- 356-357. Cục công nghệ : "Chủ nghĩa apartheid công nghệ (phân biệt công nghệ) đối với tầng lớp dưới trên toàn cầu", của Riccardo Petrella, *Los Angeles Times*, 6/8/1992.
- 357-359. 500 tiểu công ty : "Bên trong Unilever : Công ty đa quốc gia đang tiến hóa", của Floris A. Maljers, *Business Review*, tháng 9-10/1992.
- 357-359. Số liệu của AT-T và Liên hợp quốc : "Mối liên kết toàn cầu ở phía nam đường xích đạo", của Andrew Adonis, *Financial Times*, 5/6/1993.
- 359-360. Bọn đầu trọc Dresden : "Nền dân chủ điện tử", của Howard H. Frederick, *Edges* (Toronto), tháng 7-9/1992.
- 367-369. Prigogine bàn về thế bất cân bằng : (300).

THƯ MỤC

- (1) Adams, James, *Bull's Eye*. (New York : Times Books, 1992).
- (2) Ahlstrom Christer và Kjell-Ake Nordquist, *Casualties of Conflict*. (Sweden : Uppsala University, 1991).
- (3) Al-Khalil, Samir, *Republic of Fear : The Politics of Modern Iraq*. (Berkeley, CA : University of California Press, 1989).
- (4) Aldridge, Robert C. *The Counterforce Syndrome*. (Washington, D.C.: Institute for Policy Studies, 1981).
- (5) Alexander, Yonah, Y. Ne'eman, và E. Tavin. *Terrorism*. (Washington, D.C.: Global Affairs, 1991).
- (6) Alpher, Joseph, chủ biên. *War in the Gulf : Implications for Israel*. (Jerusalem : Jaffee Center Study Group, 1992).
- (7) Amalrik, Andrei. *Will the Soviet Union Survive Until 1984?* (New York : Perennial Library, 1970).
- (8) Andrew, Christopher. *Secret Service*. (London : William Heinemann, 1985.)
- (9) Andrew, Christopher, và David Dilks, chủ biên. *The Missing Dimension*. (Urbana : University of Illinois Press, 1985).
- (10). Andrew, Christopher, và Oleg Gordievsky, *KGB : The Inside Story*. (New York : Harper Perennial, 1990).
- (11). Arkin, William M., J.M. Handler, J.A. Morrissey, và J.M. Walsh. *Encyclopedia of the U.S. Military*. (New York : Harper & Row, 1990).
- (12) Aron, Raymond. *On War*. (New York : W. W. Norton, 1968).

- (13) Arquilla, John.. *Dubious Battles*. (Washington, D.C.: Crane Russak, 1992).
- (14) Asprey, Robert B. *War in the Shadows : Vol. I and II*. (Garden City, NY : Doubleday, 1975).
- (15) Bailey, Kathleen C. *Doomsday Weapons in the Hands of Many*. (Chicago : University of Illinois Press, 1991).
- (16) Baker, David. *The Shape of Wars to Come*. (Cambridge, England : Patrick Stephens, 1981).
- (17) Bamford, James. *The Puzzle Palace*. (Boston : Houghton Mifflin, 1982).
- (18) Barcelona, Eduardo, và Julio Villalonga, *Relaciones Carnales*. (Buenos Aires : Planeta, 1992).
- (19) Barnett, Richard J. *Roots of War*. (Baltimore: Penguin, 1973).
- (20) Barringer, Richard E. *War: Patterns of Conflict*. (Cambridge, MA : The MIT Press, 1972).
- (21) Baxter, William P. *Soviet Airland Battle Tactics*. (Novato, CA : Presidio Press, 1986).
- (22) Baynes, J.C.M. *The Soldier and Modern Society*. (London : Eyre Methuen, 1972).
- (23) Beales, A.C.F. *The History of Peace*. (London : G. Bell và Sons, 1931).
- (24) Beaumont, Roger A. *Military Elites*. (New York : Bobbs-Merrill, 1974).
- (25) Beckwithz, Charlie A., và Donald Knox. *Delta Force*. (New York: Harcourt Brace Jovanovich, 1983).
- (26) Berkowitz, Bruce D., và Allan E. Goodman. *Strategic Intelligence*. (Princeton, NJ : Princeton University Press, 1991).
- (27) Best, Geoffrey, *War and Society in Revolutionary Europe : 1770-1870*. (Leicester, England : Fontana, 1982).
- (28) Bibo, Istvan. *The Paralysis of International Institutions and the Remedies* (New York : John Wiley & Sons, 1976).

- (29) Bidwell, Shelford, chủ biên. *World War 3* .(Feltham, England : Hamlyn Paperbacks, 1979).
- (30) Bienen, Henry. *Violence and Social Change* (Chicago : The University of Chicago Press, 1970).
- (31) Bienen, chủ biên, *The Military Intervenes* (Hartford, CT : Russell Sage Foundation, 1968).
- (32) Blackwell, James, *Thunder in the Desert*. (New York : Bantam, 1991).
- (33) Blechman, Barry M., và nhiều người khác. *Force Without War* (Washington, D.C.: The Brookings Institution, 1978).
- (34) Bloomfield, Lincoln P., và Amelia C. Leiss. *Controlling Small Wars* (New York : Knopf, 1969).
- (35) Booth, Ken. *Strategy and Ethnocentrism* (London: Croon Helm, 1979).
- (36) Booth, chủ biên. *New Thinking About Strategy and International Security* (London : Harper-Collins Academic, 1991).
- (37) Boscrup, Anders, và Andrew Mack. *War Without Weapons* (London: Frances Pinter, 1974).
- (38) Boulding, Kenneth. *The Meaning of the Twentieth Century*. (New York : Harper, 1964).
- (39) Braddon, Russell. *Japan Against the World : 1941-2041* (New York : Stein và Day, 1983).
- (40) Brandon, David H., và Michael A. Harrison. *The Technology War*. (New York : John Wiley & Sons, 1987).
- (41) Braudel, Fernand. *The Mediterranean* (New York : Harper & Row, 1973).
- (42) Braudel. *The Structures of Everyday Life* (New York : Harper & Row, 1979).
- (43) Brockway, Fenner, và Frederic Mullally, *Death Pays a Dividend* (London : Victor Gollancz, 1944).
- (44) Brodie, Bernard, và Fawn M. Brodie. *From Crossbow to H-Bomb*. (Bloomington : Indiana University Press, 1973).

- (45) Bruce-Briggs, B. *The Shield of Faith* (New York: Simon and Schuster, 1988).
- (46) Brugioni, Dino A. *Eyeball to Eyeball* (New York : Random House, 1991).
- (47) Brzezinski, Zbigniew. *Out of Control* (New York : Charles Scribner's Sons, 1993).
- (48) Buchanan, Allen, *Secession* (Boulder, CO : Westview Press, 1991).
- (49) Builder, Carl H. *The Future of Nuclear Deterrence, P-7702*. (Santa Monica, CA : The RAND Corporation, 1990).
- (50) Burr, John G. *The Framework of Battle* (New York : J. B. Lippincott, 1943).
- (51) Burrows, William E. *Deep Black*. (New York: Random House, 1986)
- (52) Burton, Anthony. *Revolutionary Violence* (New York : Crane, Russak, 1978).
- (53) Campen, Alan D., chủ biên. *The First Information War*. (Fairfax, VA: AFCEA International Press, 1992).
- (54) Carlton, David, và Carlo Schaerf, chủ biên. *International Terrorism and World Security*. (London : Croom Helm, 1975).
- (55) Carr, Harry, *Riding the Tiger*. (Cambridge, MA : Riverside Press, 1934).
- (56) Chace, James. *The Consequences of the Peace*. (New York : Oxford University Press, 1992).
- (57) Chakotin, Serge. *The Rape of the Masses*. (New York : Alliance, 1940).
- (58) Chatfield, Charles, chủ biên. *Peace Movements in America*. (New York : Schocken, 1973).
- (59) Cipolla, Carlo M. *Before the Industrial Revolution*. (New York : W. W. Norton, 1976).
- (60) Clark, Doug. *The Coming Oil War*. (Irvine, CA : Harvest House, 1980).
- (61) Clark, George, *Early Modern Europe*. (New York : Galaxy, 1960).
- (62) Clarke, I.F. *Voices Prophesying War: 1763-1984*. (New York : Oxford University Press, 1966).
- (63) Clausewitz, Carl von. *On War*. (New York : Viking Penguin, 1988).

- (64) Clausewitz. *On War*. (Washington, D.C: Infantry Journal Press, 1950).
- (65) Clausewitz. *Principles of War*. (Harrisburg, PA : Stackpole, 1960).
- (66) Clayton, James L. *Does Defense Beggar Welfare?* (New York : National strategy Information Center, 1979).
- (67) Clutterbuck, Richard. *Kidnap and Ransom : The Response*. (Boston : Faber and Faber, 1978).
- (68) Cohen, Eliot A., và John Gooch. *Military Misfortunes : The Anatomy of Failure in War*. (New York : Vintage, 1991).
- (69) Cohen, Sam. *The Truth About the Neutron Bomb*. (New York : William Morrow, 1983).
- (70) Colby, Charles C., chủ biên. *Geographic Aspects of International Relations*. (Port Washington, NY : Kennikat Press, 1970).
- (71) Coleman, J.D. *Incursion*. (New York : St. Martin's, 1991).
- (72) Collins, John M. *Military Space Forces : The Next 50 Years*. (Washington, D.C.: Pergamon - Brassey's, 1989).
- (73) Cordesman, Anthony, và Abraham Wagner. *Lessons of Modern War : The Arab-Israeli Conflicts, 1973-1988, Vol.I*. (Boulder, CO : Westview Press, 1990).
- (74) Corvisier, Andre. *Armies and Societies in Europe : 1494-1789* (Bloomington : Indiana University Press, 1979).
- (75) Crankshaw, Edward. *The Fall of the House of Hapsburg*. (New York : Penguin, 1983).
- (76) Crenshaw, Martha, chủ biên. *Terrorism, Legitimacy, and Power*. (Middletown, CT : Wesleyan University Press, 1983).
- (77) Crèveld, Martin Van. *Command in War*. (Cambridge, MA : Harvard University Press, 1985).
- (78) Crèveld, *Supplying War* (New York : Cambridge University Press, 1977).
- (79) Croix, Horst De La. *Military Considerations in City Planning : Fortifications*. (New York : George Braziller, 1972).

- (80) Cross, James Eliot. *Conflict in the Shadows : The Nature and Politics of Guerilla War*. (Garden City, NY : Doubleday, 1963).
- (81) Crozier, Brian. *A Theory of Conflict*. (London : Hamish Hamilton, 1974).
- (82) Cunliffe, Marcus. *The Age of Expansion : 1847-1917*. (Springfield, MA : G. & C. Merriman, 1974).
- (83) Curtin, Philip D., chủ biên. *Imperialism*. (New York : Walker, 1971).
- (84) D'Albion, Jean. *Une France sans Défense*. (Lonrai, France : Calmann-Levy, 1991).
- (85) Davidow, William H., và Michael S. Malone. *The Virtual Corporation*. (New York : Harper Business, 1992).
- (86) Davie, Maurice R. *The Evolution of War*. (New Haven, CT : Yale University Press, 1929).
- (87) de Gaulle, Charles. *The Edge of the Sword*. (Westport, CT : Greenwood Press, 1960).
- (88) de Jouvenal, Bertrand. *On Power*. (Boston : Beacon Press, 1969).
- (89) de Lupos, Ingrid Dettler. *The Law of War*. (New York : Cambridge University Press, 1987).
- (90) de Marenches, Count, và David A. Andelman. *The Fourth World War*. (New York : William Morrow, 1992).
- (91) de Marenches, Count, và Christine Ockrent. *The Evil Empire*. (London : Sidwick & Jackson, 1988).
- (92) de Seversky, Maj. Alexander P. *Victory Through Airpower*. (New York : Simon và Schuster, 1942).
- (93) Deacon, Richard. *A History of the Russian Secret Service*. (London : Frederick Muller, 1972).
- (94) Deacon, *The French Secret Service*. (London : Grafton, 1990).
- (95) Delbruck, Hans. *The Barbarian Invasions : History of the Art of War, Vol. II*. (Lincoln : University of Nebraska Press, 1990).

- (96) Delbruck. *Medieval Warfare : History of the Art of War, Vol. III.* (Lincoln : University of Nebraska Press, 1990).
- (97) Delbruck. *Warfare in Antiquity : History of the Art of War, Vol. I.* (Lincoln : University of Nebraska Press, 1990).
- (98) Derr, Douglas S. *We Are All the Target.* (Annapolis, MD : Naval Institute Press, 1992).
- (99) Diagram Group, chủ biên. *Weapons.* (New York : St. Martin's, 1990).
- (100) Dolgoplov, Yevgeny. *The Army and the Revolutionary Transformation of Society.* (Moscow : Progress, 1981).
- (101) Donovan, James A. *U.S. Military Force - 1980 : An Evaluation.* (Washington, D.C.: Center for Defense Information, 1980).
- (102) Douhet, Giulio. *The Command of the Air.* (New York : Coward-McCann, 1942).
- (103) Dower, John W. *War Without Mercy.* (New York : Pantheon, 1986).
- (104) Drexler, Eric, và Chris Peterson với Gayle Pergamit. *Unbounding the Future.* (New York : William Morrow, 1991).
- (105) Drucker, Peter F. *Post-Capitalist Society.* (New York : Harper Business, 1993).
- (106) Dunn, Richard S. *The Age of Religious Wars : 1559-1715.* (New York : W. W. Norton, 1979).
- (107) Dupuy, Col. T.N. *The Evolution of Weapons and Warfare.* (London : Jane's, 1980).
- (108) Dupuy. *Numbers, Predictions & War.* (New York : Bobbs - Merrill, 1979).
- (109) Dupuy. *Understanding War.* (New York : Paragon House, 1987).
- (110) Duyvendak, J.J.L., dịch. *The Book of Lord Shang.* (London : Arthur Probsthain, 1963).
- (111) Earle, Edward Meade, chủ biên. *Makers of Modern Strategy.* (Princeton, NJ : Princeton University Press, 1973).

- (112) Edgerton, Robert B. *Sick Societies*. (New York : The Free Press, 1992).
- (113) Ellis, John. *The Social History of the Machine Gun*. (New York : Pantheon, 1975).
- (114) Fawcett, J.E.S. *The Law of Nations*. (New York : Basic Books, 1968).
- (115) Ferrill, Arthur. *The Origins of War*. (London : Thames & Hudson, 1988).
- (116) Finer, S.E. *The Man on Horseback : The Role of the Military in Politics*. (London : Pall Mall Press, 1969).
- (117) Fletcher, Raymond. *60 Pounds a Second on Defence*. (London : MacGibbon & Kee, 1963).
- (118) Ford, Daniel. *The Button*. (New York : Simon và Schuster, 1985).
- (119) Franck, Thomas M., và Edward Weisband. *Secrecy and Foreign Policy*. (New York : Oxford University Press, 1974).
- (120) Fromkin, David. *A Peace to End All Peace*. (New York : Avon, 1990).
- (121) Fukuyama, Francis. *The End of History and the Last Man*. (New York : Avon, 1992).
- (122) Galbraith, John Kenneth. *How to Control the Military*. (Garden City, NY : Doubleday, 1969).
- (123) Gallagher, James J. *Low-Intensity Conflict*. (Harrisburg, PA : Stackpole Books, 1992).
- (124) Gallois, Pierre M. *Géopolitique les Voies de la Puissance*. (Paris : Fondation des Etudes de Défense Nationale, 1990).
- (125) Gasparini Alves, Pericles. *The Interest of Nonpossessor Nations in the Draft Chemical Weapons Convention*. (New York : Vantage, 1990).
- (126) Geary, Conor. *Terror*. (London : Faber và Faber, 1991).
- (127) Geraghty, Tony. *Inside the S.A.S.* (New York : Ballantine, 1982).
- (128) Gerard, Francis. *Vers l'Unité Fédérale du Monde*. (Paris : Denoel, 1971).
- (129) Gervasi, Tom. *Arsenal of Democracy*. (New York : Grove, 1977).

- (130) Geyer, Alan. *The Idea of Disarmament !* (Elgin, IL : The Brethren Press, 1982).
- (131) Giap, Vo Nguyen. *Banner of the People's War, the Party's Military Line.* (New York : Praeger, 1970).
- (132) Gilpin, Robert. *War and Change in World Politics.* (New York : Cambridge University Press, 1985).
- (133) Ginsberg, Robert, chủ biên. *The Critique of War.* (Chicago : Henry Regnery, 1970).
- (134) Godson, Roy. *Intelligence Requirements for the 1980's : Domestic Intelligence.* (Lexington, MA : Lexington, 1986).
- (135) Goerlitz, Walter. *History of the German General Staff : 1657-1945.* (New York : Praeger, 1956).
- (136) Gooch, John. *Armies in Europe.* (London : Routledge & Kegan Paul, 1980).
- (137) Goodenough, Simon. *Tactical Genius in Battle.* (New York : E.P. Dutton, 1979).
- (138) Grant, Michael. *A History of Rome.* (New York : Scribner, 1978).
- (139) Gray, Colin S. *House of Cards.* (Ithaca, NY : Cornell University Press, 1992).
- (140) Hackett, John. *The Third World War : The Untold Story.* (New York : Bantam, 1983).
- (141) Halamka, John D. *Espionage in Silicon Valley.* (Berkeley, CA : Sybex, 1984).
- (142) Hale, J.R. *Renaissance Europe, 1480-1520.* (London : Collins, 1971).
- (143) Halperin, Morton H. *Contemporary Military Strategy.* (Boston : Little, Brown, 1967).
- (144) Hanson, Victor Davis. *The Western Way of War.* (New York : Oxford University Press, 1989).

- (145) Harries, Meirion, và Susie Harries. *Soldiers of the Sun*. (New York : Random House, 1991).
- (146) Hart, B.H.Liddell. *Europe in Arms*. (London : Faber và Faber, 1937).
- (147) Hart, B.H. Liddell. *Strategy*. (New York : Meridian, 1991).
- (148) Hartigan, Richard Shelly. *The Forgotten Victim : A History of the Civilian*. (Chicago : Precedent, 1982).
- (149) Hartogs. Renatus, và Eric Artzt. *Violence : Causes & Solutions*. (New York : Dell, 1970).
- (150) Herzog, Chaim. *The Arab-Israeli Wars*. (New York : Random House, 1982).
- (151) Hill, Christopher. *Reformation to Industrial Revolution : 1530-1780*. (Baltimore : Penguin Books, 1969).
- (152) Hobsbawm, E.J. *Industry and Empire*. (Baltimore, MD : Penguin, 1969).
- (153) Hoe, Alan. *David Stirling*. (London : Little, Brown, 1992).
- (154) Hofstadter, Richard, William Miller, và Daniel Aaron. *The United States*. (Englewood Cliffs, NJ : Prentice-Hall, 1967).
- (155) Hohne, Heinze, và Hermann Zolling. *The General Was a Spy*. (New York : Coward, McCann & Geoghegan, 1972).
- (156) Holsti, Kalevi J. *Peace and War : Armed Conflicts and International Order, 1648-1989*. (Cambridge, England : Cambridge University Press, 1991).
- (157) Honan, William H. *Bywater : The Man Who Invented the Pacific War*. (London : Macdonald, 1990).
- (158) Hoselitz, Bert F., và Wilbert E. Moore. *Industrialization*. (n.p., UNESCO-Mouton, 1968).
- (159) Howard, Michael. *The Causes of Wars*. (London : Unwin Paperbacks, 1983).
- (160) Howard, Michael. *War and the Liberal Conscience*. (New Brunswick, NJ : Rutgers University Press, 1986).

- (161) Howard, Michael. *War in European History*. (New York : Oxford University Press, 1989).
- (162) Hoyt, Edwin P. *Japan's War*. (New York : McGraw-Hill, 1986).
- (163) Hughes, Wayne P. *Fleet Tactics*. (Annapolis, MD : Naval Institute Press, 1986).
- (164) Huie, William Bradford. *The Case Against the Admirals*. (New York : E.P. Dutton, 1946).
- (165) Huntington, Samuel P. *The Soldier and the State*. (Cambridge, MA : The Belknap Press, 1957).
- (166) Janowitz, Morris. *The Military in the Political Development of New Nations*. (Chicago : The University of Chicago Press, 1971).
- (167) Janowitz, chủ biên. *The New Military : Changing Patterns of Organization*. (New York : Russell Sage Foundation, 1964).
- (168) Johnson, James Turner, và George Weigel. *Just War and the Gulf War*. (Washington, D.C : Ethics and Public Policy Center, 1991).
- (169) Jones, Ellen. *Red Army and Society*. (Boston : Allen và Unwin, 1985).
- (170) Jones, J. *Stealth Technology*. (Blue Ridge Summit, PA ; Aero, 1989).
- (171) Joyce, James Avery. *The War Machine : The Case Against the Arms Race*. (New York : Discus, 1982).
- (172) Juergensmeyer, Mark. *The New Cold War*. (Berkeley, CA : University of California Press, 1993).
- (173) Kahalani, Avigdor. *The Heights of Courage*. (New York : Praeger, 1992).
- (174) Kahan, Jerome H. *Security in the Nuclear Age*. (Washington, D.C : The Brookings Institution, 1975).
- (175) Kaldor, Mary. *The Baroque Arsenal*. (New York : Hill và Wang, 1981).
- (176) Kaplan, Fred. *The Wizards of Armageddon*. (New York : Simon và Schuster, 1983).
- (177) Katz, Howard S. *The Warmongers*. (New York : Books in Focus, 1981).

- (178) Kaufmann, William W. *A Thoroughly Efficient Navy*. (Washington, D. C : The Brookings Institution, 1987).
- (179) Keith, Arthur Berriedale. *The Causes of War*. (New York : Thomas Nelson và Sons, 1940).
- (180) Kellner, Douglas. *The Persian Gulf TV War*. (Boulder, CO : Westview Press, 1992).
- (181) Kennedy, Gavin. *The Military in the Third World*. (London : Duckworth, 1974).
- (182) Kennedy, Malcolm J., và Michael J.O'Connor. *Safely by Sea*. (Lanham, MD : University Press of America, 1990).
- (183) Kennedy, Paul. *The Rise and Fall of Great Powers*. (New York : Random House, 1987).
- (184) Kennedy, chủ biên. *Grand Strategies in War and Peace*. (New Haven, CT : Yale University Press, 1991).
- (185) Keohane, Robert O., và Joseph S. Nye. *Power and Interdependence*. (Boston : Little, Brown, 1977).
- (186) Kernan, W.F. *Defense Will Not Win the War*. (Boston : Little, Brown, 1942).
- (187) Kissin, S.F. *War and the Marxists*. (Boulder, CO : Westview Press, 1989).
- (188) Knightly, Phillip. *The Second Oldest Profession*. (New York : W.W. Norton, 1986).
- (189) Knowles, L.C.A. *The Industrial and Commercial Revolutions in Great Britain during the Nineteenth Century*. (London : George Routledge, 1922).
- (190) Kohn, Hans. *The Idea of Nationalism*. (Toronto : Collier, 1944).
- (191) Krader, Lawrence. *Formation of the State*. (Englewood Cliffs, NJ : Prentice - Hall, 1968).

- (192) Kriesel, Melvin E. *Psychological Operations : A Strategic View - Essays on Strategy*. (Washington, D.C : National Defense University Press, 1985).
- (193) Kull, Irving S., và Nell M. Kull. *The Encyclopedia of American History*. (New York : Popular Library, 1952).
- (194) Kupperman, Robert H., và Darrell M. Trent. *Terrorism : Threat, Reality, Response*. (Stanford, CA : Hoover Institution Press, 1980).
- (195) Laffin, John. *Links of Leadership*. (New York : Abelard - Schuman, 1970).
- (196) Lamont, Lansing. *Day of Trinity*. (New York : Signet, 1966.).
- (197) Lang, Walter N. *The World's Elite Forces*. (London : Salamander, 1987).
- (198) Langford, David. *War in 2080. The Future of Military Technology*. (New York : William Morrow, 1979).
- (199) Lansdale, Edward Geary. *In the Midst of Wars : An American's Mission to Southeast Asia*. (New York : Harper & Row ; 1972).
- (200) Laqueur, Walter. *Guerrilla*. (London : Weidenfeld & Nicolson, 1977).
- (201) Laqueur. *Terrorism*. (London : Weidenfeld & Nicolson, 1978).
- (202) Laqueur. *A World of Secrets*. (New York : Basic, 1985).
- (203) Latey, Maurice, *Patterns of Tyranny*. (New York : Atheneum, 1969).
- (204) Laulan, Yves Marie. *La Planete Bulkanisee*. (Paris : Economica, 1991).
- (205) Laurie, Peter. *Beneath the City Streets*. (London : Granada, 1983).
- (206) Lea, Homer. *The Valor of Ignorance*. (New York : Harper & Brothers, 1909).
- (207) Lederer, Emil. *State of the Masses*. (New York : Howard Fertig, 1967).
- (208) Lenin, V.I. *Lenin on War and Peace*. (Peking: Foreign Language Press, 1966).
- (209) Lentz, Theodore F. *Towards a Science of Peace*. (New York : Bookman Associates, 1961).

- (210) Levite, Ariel. *Intelligence and Strategic Surprises*. (New York : Columbia University Press, 1987).
- (211) Levy, Jack S. *War in the Modern Great Power System : 1495-1975*. (Lexington : University of Kentucky Press, 1983).
- (212) Lewin, Ronald, *Hitler's Mistakes*. (New York : William Morrow, 1984).
- (213) Liebknecht, Karl. *Militarism and Anti-Militarism*. (Cambridge, England : Rivers Press, 1973).
- (214) Lifton, Robert Jay, và Richard Falk. *Indefensible Weapons*. (New York : Basic, 1982).
- (215) Lloyd, Peter C. *Classes, Crises and Coups*. (New York : Praeger, 1972).
- (216) London, Perry. *Behavior Control* (New York : Harper & Row, 1969).
- (217) Lovell, John P., và Philip S. Kronenberg. *New Civil-Military Relations*. (New Brunswick, NJ : Transaction, 1974).
- (218) Lupinski, Igor. *In the General's House*. (Santa Barbara, CA : Res Gestae Press, 1993).
- (219) Luttwak, Edward. *On the Meaning of Victory*. (New York : Simon và Schuster, 1986).
- (220) Luttwak. *The Pentagon and the Art of War*. (New York : Simon và Schuster, 1984).
- (221) Luttwak, Edward, và Stuart Kochl. *The Dictionary of Modern War*. (New York : Harper Collins, 1991).
- (222) Luvaas, Jay, chủ biên và dịch. *Frederick the Great on the Art of War*. (New York : The Free Press, 1966).
- (223) Machiavelli, Niccolo. *The Art of War*. (New York : Da Capo, 1990).
- (224) Macksey, Kenneth, và William Woodhouse. *The Penguin Encyclopedia of Modern Warfare*. (New York : Viking, 1991).
- (225) Mahan, Alfred T. *Lessons of the War with Spain*. (Freeport, NY : Books for Libraries Press. 1970).

- (226) Mandelbaum, Michael. *The Nuclear Revolution*. (New York : Cambridge University Press, 1981).
- (227) Mansfield, Sue. *The Gestalts of War*. (New York : The Dial Press, 1982).
- (228) Markham, Felix. *Napoleon*. (New York : Mentor, 1963).
- (229) Markov, Walter, chủ biên. *Battles of World History*. (New York : Hippocrene, 1979).
- (230) Maswood, S. Javed. *Japanese Defense*. (Singapore : Institute of Southeast Asian Studies, 1990).
- (231) Maxim, Hudson. *Defenseless America*. (New York : Heart's International Library Co., 1915).
- (232) Mayer, Arno J. *The Persistence of the Old Regime*. (New York : Pantheon, 1981).
- (233) Mazarr, Michael J. *Missile Defences and Asian-Pacific Security*. (London : Macmillan, 1989).
- (234) McGwire Michael, K. Booth, và J. McDonnell, ch. b. *Soviet Naval Policy*. (New York : Praeger, 1975).
- (235) McMaster, R.E., Jr. *Cycles of War*. (KalisPELL, MT : Timberline Trust, 1978).
- (236) McNeil, William. *The Pursuit of Power*. (Chicago : The University of Chicago Press, 1982).
- (237) Melvern, Linda, D. Hebditch, và N. Anning. *Techno-Bandits*. (Boston : Houghton Mifflin, 1984).
- (238) Mendelssohn, Kurt. *The Secret of Western Domination*. (New York : Praeger, 1976).
- (239) Merleau-Ponty, Maurice. *Humanism and Terror*. (Boston : Beacon Press, 1969).
- (240) Mernissi, Fatima. *Islam and Democracy*. (Reading, MA : Addison-Wesley, 1992).

- (241) Merton, Thomas, chủ biên. *Gandhi on Non-Violence*. (New York : New Directions, 1965).
- (242) Meyer, Cord. *Facing Reality : From World Federalism to the CIA*. (New York : Harper & Row, 1980)
- (243) Miller, Abraham H. *Terrorism and Hostage Negotiations*. (Boulder, CO : Westview Press, 1980).
- (244) Miller, Judith, và Laurie Mylroie. *Saddam Hussein and the Crisis in the Gulf*. (New York : Times Books, 1990).
- (245) Millis, Walter. *Arms and Men*. (New York : Mentor, 1958).
- (246) Millis. *The Martial Spirit*. (Cambridge, MA : The Riverside Press, 1931).
- (247) Millis, C. Wright. *The Causes of World War Three*. (London : Camelot Press, 1959).
- (248) Minc Alain. *La Vengeance des Nations*. (Paris : Bernard Grasset, 1990).
- (249) Mirsky, Jeannette, Allan Nevins. *The World of Eli Whitney* (New York : Macmillan, 1952).
- (250) Mische, Gerald, và Patricia Mische. *Toward a Human World Order*. (New York : Paulist Press, 1977).
- (251) Moravec, Hans. *Mind Children*. (Cambridge, MA : Harvard University Press, 1988).
- (252) Morison, Samuel Eliot. *American Contributions to the Strategy of World War II*. (London : Oxford University Press, 1958).
- (253) Moro, D. Ruben. *Historia del Conflicto del Atlantico Sur*. (Buenos Aires : Fuerza Aerea Argentina, 1985).
- (254) Moss, Robert. *The War for the Cities*. (New York : Coward, McCann & Geoghegan, 1972).
- (255) Motley, James Berry. *Beyond the Soviet Threat*. (Lexington, MA : Lexington, 1991).
- (256) Mueller, John. *Retreat from Doomsday : The Obsolescence of Major War*. (New York : Basic, 1990)

- (257) Munro, Neil. *The Quick and the Dead : Electronic Combat and Modern Warfare*. (New York : St. Martin's, 1991).
- (258) Murphy, Thomas Patrick, chủ biên. *The Holy War*. (Columbus : Ohio State University Press, 1976).
- (259) Nakdimon, Shlomo. *First Strike* (New York : Summit, 1987).
- (260) Naude, Gabriel. *Considerations politiques sur les Coup d'Etat*. (Paris : Editions de Paris, 1988).
- (261) Nazarbayev, Nursultan. *No Rightists Nor Leftists*. (New York : Noy Publications, 1992).
- (262) Nelson, Joan M. *Access to Power*. (Princeton, NJ : Princeton University Press, 1979).
- (263) Nelson, Keith L., và Spencer C. Olin, Jr. *Why War?* (Berkeley, CA : University of California Press, 1980).
- (264) Netanyahu, Benjamin, chủ biên. *Terrorism*. (New York : Farrar, Straus và Giroux, 1986).
- (265) Nicholson, Michael. *Conflict Analysis*. (London : The English Universities Press, 1970).
- (266) Nolan, Keith William, *Into Cambodia*. (New York : Dell, 1991).
- (267) Nye, Joseph S., Jr. *Bound to Lead*. (New York : Basic, 1990).
- (268) Nystrom, Anton. *Before, During and After 1914*. (London : William Heinemann, 1915).
- (269) O'Brien, Conor Cruise. *The Siege : The Saga of Israel and Zionism*. (New York : Simon và Schuster, 1986).
- (270) Odom, William E. *On Internal War*. (Durham, NC : Duke University Press, 1992).
- (271) Ohmae, Kenichi. *The Borderless World*. (New York : Harper Collins, 1990).
- (272) Oppenheimer, Franz. *The State*. (New York : Free Life Editions, 1942).

- (273) Oren, Nissan, chủ biên. *Termination of Wars*. (Jerusalem : The Magnes Press, 1982).
- (274) Organski, A.F.K., và Jacek Kluger. *The War Ledger*. (Chicago : The University of Chicago Press, 1980).
- (275) Osgood, Robert E., và Robert E. Tucker. *Force, Order and Justice*. (Baltimore : Johns Hopkins Press, 1967).
- (276) Ostrovsky, Victor, và Claire Hoy. *By Way of Deception*. (New York : St. Martin's, 1990).
- (277) Owen, David Edward. *Imperialism and Nationalism in the Far East*. (New York : Henry Holt, 1929).
- (278) Paret, Peter. *Makers of Modern Strategy*. (Princeton, NJ : Princeton University Press, 1986).
- (279) Parkinson, Roger. *Clausewitz*. (New York : Stein và Day, 1979).
- (280) Parrish, Robert, và N.A. Andreacchio. *Schwarzkopf*. (New York: Bantam, 1991).
- (281) Patai, Raphael. *The Arab Mind*. (New York : Scribner, 1983).
- (282) Pauling, Linus, E.Laszlo, và J.Y.Yoo. *World Encyclopedia of Peace*. (Oxford, England : Pergamon Press, 1986).
- (283) Payne, Keith B. *Missile Defense in the 21st Century*. (Boulder, CO : Westview Press, 1991).
- (284) Payne, Samuel B., Jr. *The Conduct of War*. (New York : Basil Blackwell, 1989).
- (285) Peeters, Peter. *Can We Avoid a Third World War Around 2010?* (London : the Macmillan Press, 1979).
- (286) Pepper, David, và Alan Jenkins, chủ biên. *The Geography of War*. (New York : Basil Blackwell, 1985).
- (287) Perlmutter, Amos. *The Military and Politics in Modern Times*. (New Haven, CT : Yale University Press, 1977).
- (288) Peters, Cynthia. *Collateral Damage*. (Boston : South End Press, 1992).

- (289) Petre, F.Lorraine. *Napoleon at War*. (New York : Hippocrene, 1984).
- (290) Pierre, Andrew J., chủ biên. *The Conventional Defense of Europe*. (New York : Council on Foreign Relations, 1986).
- (291) Pipes, Daniel. *In the Path of God: Islam and Political Power*. (New York: Basic, 1983).
- (292) Pisani, Edgard. *La Région... pourquoi faire?* (Paris : Calmann-Levy, 1969).
- (293) Poggi, Gianfranco. *The Development of the Modern State*. (Stanford, CA : Stanford University Press, 1978).
- (294) Polanyi, Karl. *The Great Transformation*. (Boston : Beacon Press, 1957).
- (295) Polenberg, Richard. *War and Society : The United States, 1941-1945*. (New York : J.B.Lippincott, 1972).
- (296) Polk, William R. *The Arab World Today*. (Cambridge, MA : Harvard University Press, 1991).
- (297) Polmar, Norman, chủ biên. *Soviet Naval Developments*. (Annapolis, MD : The Nautical và Aviation Publishing, Company of America, 1979).
- (298) Polmar, Norman, và Thomas B.Allen. *World War II : America at War, 1941-1945*. (New York : Random House, 1991).
- (299) Price, Alfred. *Air Battle Central Europe*. (New York : The Free Press, 1987).
- (300) Prigogine, Ilya. *Order Out of Chaos*. (New York : Bantam, 1984).
- (301) Pujol-Davila, Jose. *Sistema y Poder Geopolítico*. (Buenos Aires, 1985).
- (302) Quarrie, Bruce. *Special Forces*. (London : Apple Press, 1990).
- (303) Read, James Morgan. *Atrocity Propaganda, 1914-1919*. (New Haven, CT : Yale University Press, 1941).
- (304) Reese, Mary Ellen. *General Reinhard Gehlen : The C.I.A. Connection*. (Fairfax, VA : George Mason University Press, 1990).

- (305) Renner, Michael. *Critical Juncture : The Future of Peacekeeping*. (Washington, D.C.: Worldwatch Paper, 1993).
- (306) Renner. *Swords Into Plowshares : Converting to a Peace Economy*. (Washington, D.C. : Worldwatch Paper, 1990).
- (307) Renninger, John P. *The Future Role of the United Nations in an Interdependent World*. (Boston : Martinus Nijhoff, 1984).
- (308) Rheingold, Howard. *Virtual Reality*. (New York : Summit, 1991).
- (309) Rice, Edward E. *Wars of the Third Kind*. (Berkeley ; CA : University of California Press, 1988).
- (310) Richelson, Jeffrey T. *Foreign Intelligence Organizations*. (Cambridge, MA : Ballinger, 1988).
- (311) Richelson. *The U.S Intelligence Community*. (Cambridge, MA : Ballinger, 1985).
- (312) Rinaldi, Angela, chủ biên. *Witness to War : Images from the Persian Gulf War*. (Los Angeles: Los Angeles Times, 1991).
- (313) Rivers, Gayle. *The Specialist*. (New York : Stein và Day, 1985).
- (314) Robertson, Eric. *The Japanese File*. (Singapore : Heinemann Asia, 1979).
- (315) Rogers, Barbara, và Zdenek Cervenka. *The Nuclear Axis*. (New York : Times Books, 1978).
- (316) Romjue, John L. *From Active Defense to Airland Battle : The Deployment of Army Doctrine, 1973-1982*. (Fort Monroe, VA: Historical Office - U.S. Army Training and Doctrine Command, 1984).
- (317) Rosecrance, Richard. *The Rise of the Trading State*. (New York : Basic, 1986).
- (318) Rothschild, J.H. *Tomorrow's Weapons*. (New York : McGraw-Hill, 1964).
- (319) Rustow, Alexander. *Freedom and Domination*. (Princeton, NJ : Princeton University Press, 1980).

- (320) Safran, Nadav. *Israel : The Embattled Ally*. (Cambridge, MA : The Belknap Press, 1978).
- (321) Sakaiya, Taichi. *The Knowledge - Value Revolution*. (New York : Kodansha International, 1991).
- (322) Sallagar, Frederick M. *The Road to Total War*. (New York : Van Nostrand Rheinhold, 1969).
- (323) Sampson, Anthony. *The Arms Bazaar*. (London : Coronet, 1983).
- (324) Sanford, Barbara, chủ biên. *Peacemaking*. (New York : Bantam, 1976).
- (325) Sardar, Zauddin, S.Z.Abedin, và M.A.Anees. *Christian-Muslim Relations : Yesterday, Today and Tomorrow*. (London : Grey Seal, 1991).
- (326) Schevill, Ferdinand. *A History of Europe*. (New York : Harcourt, Brace, 1938).
- (327) Schlosstein, Steven. *Asia's New Little Dragons*. (Chicago : Contemporary, 1991).
- (328) Schoenbrun, David. *Soldiers of the Night*. (New York : E.P.Dutton, 1980).
- (329) Schreiber, Jan. *The Ultimate Weapon : Terrorists and World Order*. (New York : William Morrow, 1978).
- (330) Schwarzkopf, H. Norman, và Peter Petre. *It Doesn't Take a Hero*. (New York : Bantam, 1992).
- (331) Schweizer, Peter. *Friendly Spies*. (New York : Atlantic Monthly Press, 1993).
- (332) Scowcroft, Brent, chủ biên. *Military Service in the United States*. (Englewood Cliffs, NJ : Prentice-Hall, 1982).
- (333) Seaton, Albert. *The German Army : 1933-1945*. (New York : Meridian, 1985).
- (334) Seaton, Albert, và Joan Seaton. *The Soviet Army : 1918 to the Present*. (New York : New American Library, 1987).
- (335) Seth, Ronald. *Secret Servants*. (New York : Farrar, Straus và Cudahy, 1957).

- (336) Seward, Desmond. *Metternich, The First European*. (New York : Viking, 1991).
- (337) Seward. *Napoleon and Hitler* (New York : Viking, 1989).
- (338) Shafer, Boyd C. *Faces of Nationalism*. (New York : Harvest, 1972).
- (339) Shafer, Steven M., và Alan R. Wisc. *War Without Men : Vol.II, Future Warfare Series*. (Washington, D.C. : Pergamon - Brassey's, 1988).
- (340) Sharp, Gene. *Civilian - Based Defense*. (Princeton, NJ: Princeton University Press, 1990).
- (341) Sharp. *The Politics of Nonviolent Action : Part I-III*. (Boston : Porter Sargent, 1984-85).
- (342) Shaw, Martin. *Post - Military Society*. (Philadelphia : Temple University Press, 1991).
- (343) Shawcross, William. *The Quality of Mercy* (New York : Simon và Schuster, 1984).
- (344) Sherwood, Robert M. *Intellectual Property and Economic Development*. (Boulder, CO : Westview Press, 1990).
- (345) Shultz, Richard H., và Roy Godson. *The Strategy of Soviet Information*. (New York : Berkley, 1986).
- (346) Simpkin, Richard. *Race to the Swift*. (New York : Brassey's Defence Publishers, 1985).
- (347) Singer, J.David. *Explaining War*. (Beverly Hills, CA : Sage Publications, 1979).
- (348) Singlaub, John, và Malcolm McConnell. *Hazardous Duty*. (New York : Summit, 1991).
- (349) Smith, Perry. *How CNN Fought the War*. (New York : Birch Lane Press, 1991).
- (350) Speiser, Stuart M. *How to End the Nuclear Nightmare*. (Croton - on - Hudson, NY : North River Press, 1984).

- (351) Stableford, Brian, và David Langford. *The Third Millenium : A History of the World AD 2000-3000*. (New York : Knopf, 1985).
- (352) Stanford, Barbara, chủ biên. *Peacemaking*. (New York : Bantam, 1976).
- (353) Starr, Chester G. *The Influence of Sea Power on Ancient History*. (New York : Oxford University Press, 1989).
- (354) Stephens, Mitchell. *A History of News*. (New York : Viking, 1988).
- (355) Sterling, Claire. *The Terror Network* (New York, 1982).
- (356) Stine, G. Harry : *Confrontation in Space*. (Englewood Cliffs, NJ : Prentice - Hall, 1981).
- (357) Stoessinger, John G. *Why Nations Go to War*. (New York : St. Martin's, 1974).
- (358) Strachey, John. *The End of Empire*. (New York : Random House, 1960).
- (359) Strachey, *On the Prevention of War*. (New York : St. Martin's, 1963).
- (360) Strassmann, Paul. *The Business Value of Computers*. (New Canaan, CT : The Information Economics Press, 1990).
- (361) Strauss, Barry S., và Josiah Ober. *The Anatomy of Error*. (New York : St. Martin's, 1990).
- (362) Strausz-Hupe, Robert. *The Balance of Tomorrow*. (New York : G. P. Putnam's Sons, 1945).
- (363) Sulzberger, C.L. *World War II*. (New York : American Heritage Press, 1970).
- (364) Summers, Col. Harry G., Jr. *On Strategy : A Critical Analysis of the Vietnam War*. (New York : Dell, 1982).
- (365) Suter, Keith D. *A New International Order* (Australia : World Association of World Federalists, 1981).
- (366) Suter. *Reshaping the Global Agenda : The U.N. at 40* (Sydney : U.N. Association of Australia, 1986).
- (367) Suvorov, Viktor. *Inside the Aquarium*. (New York : Berkley, 1986).

- (368) Suvorov. *Inside the Soviet Army*. (London : Hamish Hamilton Ltd, 1982).
- (369) Suvorov. *Inside Soviet Military Intelligence*. (New York : Berkley, 1984).
- (370) Taber, Robert. *The War of the Flea : Guerilla Warfare Theory and Practice*. (London : Paladin, 1970).
- (371) Taylor, Philip M. *Munitions of the Mind* (Wellingborough, England : Patrick Stephens, 1990).
- (372) Taylor. *War and the Media*. (Manchester : Manchester University Press, 1992).
- (373) Taylor, William J., Jr., và Steven A. Maaranen, eds. *The Future of Conflict in the 1980's*. (Lexington, MA : Lexington, 1984).
- (374) Tefft, Stanton K. *Secrecy*. (New York : Human Sciences Press, 1980).
- (375) Thayer, George. *The War Business*. (New York : Discus, 1970).
- (376) Thurow, Lester. *Head to Head*. (New York : William Morrow, 1992).
- (377) Timasheff, Nicholas S. *War and Revolution*. (New York : Sheed và Ward, 1965).
- (378) Toffler, Alvin, và Heidi Toffler. *Future Shock*. (New York : Bantam, 1970).
- (379) Toffler. *Powershift*. (New York : Bantam, 1990).
- (380) Toffler. *Previews & Premises*. (New York : William Morrow, 1983).
- (381) Toffler. *The Third Wave*. (New York : Bantam, 1980).
- (382) Trotter, W. *Instincts of the Herd in Peace and War*. (London : T. Fisher Unwin, 1917).
- (383) Tuchman, Barbara W. *A Distant Mirror*. (New York : Knopf, 1978).
- (384) Tuck, Jay. *High-Tech Espionage*. (London : Sidgwick và Jackson, 1986).
- (385) Turner, Stansfield. *Secrecy and Democracy*. (Boston: Houghton Mifflin, 1985).
- (386) Turner. *Terrorism and Democracy*. (Boston : Houghton Mifflin, 1991).
- (387) Tzu, Sun (Griffith, Samuel B., dịch). *The Art of War*. (New York : Oxford University Press, 1963).

- (388) Ury, William L. *Beyond the Hotline*. (Boston : Houghton Mifflin, 1985).
- (389) Vagts, Alfred. *A History of Militarism : Civilian and Military*. (New York : Meridian, 1959).
- (390) Walzer, Michael. *Just and Unjust Wars* (New York : Basic, 1992).
- (391) Warden, John A., III. *The Air Campaign : Planning for Combat*. (Washington, D.C., Pergamon-Brassey's, 1989).
- (392) Watson, Peter. *War on the Mind*. (New York : Basic, 1978).
- (393) Weizsacker, Carl Friedrich von. *The Politics of Peril : Economics and the Prevention of War*. (New York : the Seabury Press, 1978).
- (394) Wells, H.G. *War and the Future*. (New York : Cassell, 1917).
- (395) Williams, Glyndwr. *The Expansion of Europe in the Eighteenth Century*. (New York : Walker, 1967).
- (396) Wilson, Andrew. *The Bomb and the Computer*. (New York : Delacorte Press, 1968).
- (397) Wittfogel, Karl A. *Oriental Despotism : A Comparative Study of Total Power*. (New Haven, CT : Yale University Press, 1964).
- (398) Woodruff, William. *The Struggle for World Power : 1500-1980*. (New York : St. Martin's, 1981).
- (399) Woodward, David. *Armies of the World : 1854-1914*. (New York : Putnam, 1978).
- (400) Worrall, R.L. *Footsteps of Warfare*. (London : Peter Davies, 1936).
- (401) Yarmolinsky, Adam. *The Military Establishment*. (New York : Harper & Row, 1971).
- (402) Yeselson, Abraham, và Anthony Gaglione. *A Dangerous Place : The United Nations as a Weapon in World Politics*. (New York : Viking, 1974).
- (403) Zhukov, Y.M. *The Rise and Fall of the Gumbatsu*. (Moscow : Progress Press, 1975).

- (404) *The Airland Battle and Corps 86 : Tradoc Pamphlet 525-5* .(Fort Monroe, VA : U.S. Army Operational Concepts, March 21, 1981).
- (405) *The Annual Report for 1990*. (Austria : International Atomic Energy Agency, 1991).
- (406) *Common Security : A Blueprint for Survival*. (New York : Simon và Schuster, 1982).
- (407) *Conduct of the Persian Gulf War : D.O.D. Final Report to Congress*. (Washington, D.C.: U.S. Government Printing Office, 1992).
- (408) *Essays on Strategy - 1984 Joint Chiefs of Staff Essay Competition Selections* (Washington, D.C.National Defense University Press, 1985).
- (409) *From Semaphore to Satellite*. (Geneva : International Telecommunications Union, 1965).
- (410) *U.S. Army Field Manual (FM) 100-5, Operations, August 20, 1982*.
- (411) *U.S. Army Field Manual (FM) 100-5, Operations, June 14, 1993*.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời Nhà xuất bản	5
Lời nói đầu	7
Phần Một : XUNG ĐỘT	11
1. Cuộc gặp gỡ bất ngờ	13
2. Kết thúc trạng thái say sưa	19
3. Sự đụng độ giữa các nền văn minh	27
Phần Hai : QUỶ ĐẠO	39
4. Tiền đề có tính cách mạng	41
5. Chiến tranh Làn sóng Thứ nhất	46
6. Chiến tranh Làn sóng Thứ hai	53
7. Trận chiến không - lực	61
8. Cách thức tạo ra của cải của chúng ta ...	80
9. Chiến tranh Làn sóng Thứ ba	90
10. Sự đụng độ giữa các hình thái chiến tranh	116
Phần Ba : THĂM DÒ	125
11. Các cuộc chiến tranh riêng rẽ	127
12. Chiến tranh vũ trụ	141
13. Chiến tranh robot	156

14. Những giấc mơ của Da Vinci	171
15. Phải chăng có loại chiến tranh không đổ máu?	181
Phần Bốn : THÔNG TIN	199
16. Những chiến binh thông tin	201
17. Tương lai của tình báo	223
18. Sự tuyên truyền	241
Phần Năm : MỐI NGUY HIỂM	259
19. Lưỡi cày trở thành thanh kiếm	261
20. Thần linh được giải thoát	278
21. Khu vực ảo tưởng	299
22. Một thế giới chia ba	312
Phần Sáu : HOÀ BÌNH	323
23. Về các hình thái hoà bình	325
24. Hình thái hoà bình tiếp theo	330
25. Hệ thống toàn cầu của thế kỷ XXI	353
LỜI CẢM ƠN	372
CHÚ THÍCH	375
THƯ MỤC	399

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Gs. TRẦN NHÂM

PGS. LẠI VĂN TOÀN

Biên tập : NGUYỄN KHÁNH HOÀ
NGUYỄN CUÔNG DŨNG
NGUYỄN VĂN DÂN

Trình bày bìa : NGUYỄN NGỌC DŨNG

Sửa bản in : LÊ NGỌC

In tại Xưởng in Viện Thông tin khoa học xã hội

Số bản : 1500

Khổ in : 14,5 x 20,5

Giấy phép xuất bản số : 734/CXB ngày 30/12/1994

In xong : 10/1995

Nộp lưu chiếu : 10/1995

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

24 QUANG TRUNG - HÀ NỘI

Điện thoại: 252008

Fax: 84 - 4 - 251881

TÌM ĐỌC

(Sách tham khảo)

*** R. Mc Namara :**

- Nhìn lại quá khứ

Tấn thăm kịch và những bài học về Việt Nam

*** Viện nghiên cứu bảo vệ hòa bình và an ninh Nhật Bản :**

- Về vấn đề an ninh ở khu vực Đông - Nam Á